



Viện Cao Học Thực Hành



Viện Nghiên Cứu Hán Nôm



Viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp

I

THƯ MỤC THÁC BẢN VĂN KHẮC HÁN NÔM VIỆT NAM

CATALOGUE DES INSCRIPTIONS
DU VIỆT-NAM

CATALOGUE OF
VIETNAMESE INSCRIPTIONS

Viện Nghiên Cứu Hán Nôm
École française d'Extrême-Orient
École pratique des Hautes Études

THƯ MỤC THÁC BẢN VĂN KHẮC HÁN NÔM VIỆT NAM

Catalogue des inscriptions du Việt-Nam

Catalogue of Vietnamese Inscriptions

Ban chỉ đạo công trình – Comité directeur – Scientific Committee

Trịnh Khắc Mạnh, Nguyễn Văn Nguyên, Philippe Papin

Chủ biên – Éditeur – Editor

Trịnh Khắc Mạnh

Ban hiệu duyệt – Comité de contrôle – Technical Committee

Trịnh Khắc Mạnh, Nguyễn Văn Nguyên

Ban thư ký – Secrétariat – Secretariat

Phạm Thị Vinh, Nguyễn Hữu Mùi, Vũ Thị Mai Anh

Ban biên soạn – Comité de rédaction – Authors

Vũ Lan Anh, Trịnh Khắc Mạnh, Nguyễn Hữu Mùi,
Nguyễn Thúy Nga, Nguyễn Thị Ngân, Nguyễn Văn Nguyên,
Đinh Khắc Thuần, Đào Thái Tôn, Phạm Thị Vinh

LỜI GIỚI THIỆU

Trải hàng ngàn năm lịch sử, người Việt Nam đã sử dụng chữ Hán và chữ Nôm để sáng tác trước thuật, để ghi chép các công văn, tài liệu và khắc trên bia đá, chuông đồng, biển gỗ, v.v... và cùng nhiều loại tư liệu thành văn khác, ngày nay chúng ta gọi chung là di sản Hán Nôm.

Văn khắc là một bộ phận quan trọng trong nền văn hóa thành văn nói chung và di sản Hán Nôm nói riêng, là hiện tượng văn hoá được nảy sinh từ đời sống xã hội, là nét đặc thù và là một trong những hình thức thông tin thời kỳ cổ đại và trung cổ. Văn khắc xuất hiện từ khá sớm, truyền thống sáng tạo văn khắc ở các nước sử dụng chữ tượng hình (chữ khối vuông) bắt đầu từ Trung Quốc, sau đó được lan truyền sang các nước như Hàn Quốc, Triều Tiên, Nhật Bản và Việt Nam.

Văn bản văn khắc Hán Nôm có niên đại sớm nhất hiện nay tìm thấy ở Việt Nam là tấm bia *Đại Tuỳ Cửu Chân quận Bảo An đạo tràng chi bi văn* 大隨九真郡寶安道場碑文, nguyên ở làng Trường Xuân xã Đông Minh huyện Đông Sơn (nay thuộc tỉnh Thanh Hoá), trên có ghi rõ niên đại dựng bia là ngày 8 tháng 4 năm Mậu Dần, niên hiệu Đại Nghiệp thứ 14 (tức ngày 7 tháng 5 năm 618 dương lịch). Các thời kỳ tiếp sau có bài minh trên chuông xã Thanh Mai là *Thanh Mai xã chung minh* 青梅社鍾銘, khắc năm 789 và các cột đá khắc kinh *Phật đỉnh tôn thắng gia cú linh nghiệm đà la ni* 佛頂尊勝加句靈驗陀羅尼 ở Hoa Lư (nay thuộc tỉnh Ninh Bình), khắc thời Đinh (968-979).

Các thế kỷ sau, văn khắc Hán Nôm ngày càng được phát triển, đa dạng về hình thức và phong phú về nội dung. Từ thời nhà Lý (1010-1225), bắt đầu một thời kỳ nhà nước phong kiến Việt Nam phát triển cường thịnh, chúng ta đã tìm thấy 27 văn khắc (theo *Văn khắc Hán Nôm Việt Nam*, tập 1 (từ Bắc thuộc đến thời Lý), Paris, 1999). Thời Trần (1225-1400), chúng ta đã tìm thấy 44 văn khắc (theo *Văn khắc Hán Nôm Việt Nam*, tập 2, Đài Loan, 2002). Thời Lê sơ (1428-1527), chúng ta tìm thấy 70 văn khắc (theo điều tra

của Nhóm công trình *Văn khắc Hán Nôm Việt Nam*). Thời Mạc (từ 1527 đến 1533, thực tế còn kéo dài đến 1677 nhưng coi là nguy triều), chúng ta tìm thấy 165 văn khắc (Đình Khắc Thuân: *Văn bia thời Mạc*, Nxb.KHXH. Hà Nội, 1996). Thời Lê Trung hưng (1533-1788) khoảng vài ngàn văn khắc. Thời Tây Sơn (1788-1802) khoảng hơn 200 văn khắc. Và thời Nguyễn (1802-1945) cũng khoảng vài ngàn văn khắc.

Như vậy, chúng ta thấy một khối lượng văn khắc Hán Nôm mà người xưa để lại là khá lớn. Về số lượng phát triển của văn khắc qua các thời kỳ lịch sử rất đáng được quan tâm, nhưng điều quan trọng hơn mà giới khoa học dành nhiều công sức nghiên cứu là giá trị tiềm ẩn của loại văn bản này đối với việc nghiên cứu văn hóa truyền thống của người Việt Nam. Văn khắc Hán Nôm được dựng ở hầu hết các thôn, xóm, xã, phường và gắn liền với các di tích lịch sử văn hóa lâu đời của người Việt Nam. Văn khắc Hán Nôm thường được những nhà văn, nhà thơ nổi tiếng một thời sáng tác với những nội dung phản ánh về con người, thiên nhiên, cuộc sống mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc. Hơn nữa, trên mỗi văn khắc đều có những họa tiết hoa văn trang trí nghệ thuật, đây có thể coi là những tư liệu quý khi tìm hiểu về lịch sử điêu khắc và thư pháp qua các thời kỳ. Chính vì thế, việc nghiên cứu tư liệu văn khắc Hán Nôm Việt Nam đã được nhiều thế hệ nghiên cứu, các tổ chức khoa học trong và ngoài nước quan tâm.

Từ thế kỷ thứ XV, các nhà nghiên cứu Việt Nam đã chú ý đến các loại hình văn khắc: Ngô Sĩ Liên (thế kỉ XV) sưu tập 2 bài văn bia của Trương Hán Siêu (? - 1354) và Lê Quát (thế kỉ XIV) trong bộ *Đại Việt sử kí toàn thư* 大越史記全書. Lê Quý Đôn (1726 - 1781) đã sử dụng văn khắc vào bia, vào đình như một nguồn tư liệu chính thức để viết bộ *Đại Việt thông sử* 大越通史 nổi tiếng. Trong tác phẩm *Kiến văn tiểu lục* 見聞小錄 Lê Quý Đôn đã nêu một danh mục gồm 17 bài minh, bài ký khắc trên bia đá chuông đồng thời Lý - Trần. Tiếp đó Bùi Huy Bích (1744 - 1818) đã công bố nhiều bài văn khắc trên bia chuông trong tác phẩm *Hoàng Việt văn tuyển* 黃越文選, bên cạnh những áng văn chương nổi tiếng khác. Lê Cao Lãng (thế kỷ XX) đã sao chép 82 bài văn bia ở Văn Miếu (Hà Nội) để biên soạn cuốn *Lê triều lịch khoa tiến sĩ đề danh bì ký* 黎朝歷科進士題名碑記.

Tiếp nối truyền thống nghiên cứu của các bậc tiền bối, đến thế kỷ XX, văn khắc Hán Nôm được giới nghiên cứu khoa học quan tâm toàn diện hơn ở cả hai lĩnh vực sưu tầm và nghiên cứu khai thác.

Về công tác sưu tầm:

Văn khắc luôn gắn liền với một vật thể nhất định như bia đá, chuông đồng, biển gỗ v.v... nên việc sưu tầm đối với loại hình văn bản này được tiến hành thông qua biện pháp in rập thành thác bản để sử dụng cho công tác lưu trữ và nghiên cứu.

– Những năm đầu của thế kỷ XX, Viện Viễn đông Bác cổ Pháp tại Hà Nội (viết tắt là EFEO) đã tổ chức một đợt sưu tập thác bản văn khắc Hán Nôm ở hơn 40 tỉnh trong phạm vi cả nước đương thời. Sau nhiều năm triển khai, kết quả EFEO đã thu thập được 11.651 đơn vị văn khắc với 20.980 mặt thác bản.

– Từ những năm cuối của thế kỷ XX và những năm đầu của thế kỷ XXI), Viện Nghiên cứu Hán Nôm đã và đang tổ chức tiến hành điều tra cơ bản và thu thập các văn khắc Hán Nôm hiện có ở các địa phương trong cả nước. Đến năm 2005, Viện đã hoàn thành cơ bản việc sưu tầm văn khắc Hán Nôm ở các địa phương: Lạng Sơn, Bắc Giang, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc, Hưng Yên, Hải Dương, Hà Tây, Hà Nội, Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình, Phú Thọ, Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình; đang tiếp tục thực hiện ở một số địa phương như: Thanh Hoá, Nghệ An. Kết quả khối lượng tư liệu văn khắc Hán Nôm đã được thu thập khoảng hơn 30.000 mặt thác bản, trong đó đã bổ sung mới vào kho sách Hán Nôm của Viện Nghiên cứu Hán Nôm được nhiều đơn vị văn khắc Hán Nôm có giá trị mà lần sưu tầm trước đây chưa kịp thu thập, như hơn 30 văn khắc thời Lý-Trần, hơn 80 văn khắc khu vực phố Hiến (Hưng Yên), nhiều văn khắc Hán Nôm vùng núi phía Bắc và vùng đồng bằng sông Hồng, v.v...

Về công tác nghiên cứu văn khắc:

Việc sử dụng các tài liệu văn khắc Hán Nôm để tìm hiểu lịch sử quá khứ đã được giới nghiên cứu ngày càng chú ý, triển khai bao gồm trên 3 lĩnh vực: biên mục, công bố giới thiệu và nghiên cứu khai thác.

– Trước hết phải kể đến các công trình thư mục: Từ những năm 70-75 của thế kỷ XX, Ban Hán Nôm thuộc Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam đã biên soạn bộ *Thư mục văn bia* (tài liệu đánh máy) đầu tiên gồm 29 tập (trong đó *Thư mục văn bia* 21 tập, sách dẫn tên bia theo địa phương 2 tập, sách dẫn tên bia 4 tập, sách dẫn tên bia theo niên đại 1 tập, sách dẫn theo tác giả 1 tập), giới thiệu 11.651 tấm bia với 20.980 mặt thác bản thuộc kho bản dập văn khắc của EFEO chuyển giao cho Thư viện Trung ương của Việt Nam vào năm 1958. Đến năm 1984-1986, Viện Nghiên cứu Hán Nôm thuộc Viện Khoa học xã hội Việt Nam đã tiến hành biên soạn bộ *Thư mục bia giản lược* (Hoàng Lê chủ biên, tài liệu đánh máy) gồm 30 tập cũng dựa theo kho bản dập văn khắc của EFEO đang lưu giữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm. Sau đó, vào những năm 1988-1990 các chuyên gia của Viện Nghiên cứu Hán Nôm đã triển khai một chương trình Văn khắc Hán Nôm với hai sản phẩm chính: một là *Danh mục thác bản văn khắc Hán Nôm Việt Nam* (tài liệu in nội bộ, 1991), hai là *Văn khắc Hán Nôm Việt Nam*⁽¹⁾ giới thiệu 1919 văn khắc dựa theo kho thác bản văn khắc đang lưu giữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm và những văn khắc do Nhóm chương trình sưu tập được.

– Các công trình giới thiệu văn khắc ngày càng nhiều và thu hút đông đảo giới nghiên cứu quan tâm, như: *Thơ văn Lý Trần*² (tập 1, tập 2 quyền thượng và tập 3), tác giả phần *Khảo luận văn bản* đã nhắc tới 41 bài văn khắc trên bia đá chuông đồng và tuyển chọn công bố 18 bài văn bia. *Tuyển tập văn bia Hà Nội*³ phiên dịch 63 bài văn bia thời Lê, Nguyễn. *Văn bia Xứ Lạng*⁴ đã dịch gần 40 bài văn bia. *Văn bia thời Mạc*⁵ đã phiên dịch 147 bài văn bia của thời kỳ này. *Văn bia Hà Tây*⁶ đã dịch hơn 40 bài văn bia. *Văn khắc thời Lý*⁷ đã giới thiệu 27 văn bản từ thời Bắc thuộc đến hết thời Lý. *Văn*

1. Nguyễn Quang Hồng (chủ biên): Nxb. KHXH, H. 1992.

2. Viện Văn học, Nxb. KHXH, H. 1977-1978-1989.

3. Ban Hán Nôm, Nxb. KHXH, H. 1978.

4. Sờ Văn hoá-Thông tin-Thể thao Lạng Sơn, 1993.

5. Đinh Khắc Thuân: Nxb. KHXH, H. 1996.

6. Sờ Văn hoá-Thông tin-Thể thao Hà Tây, 1993.

7. Viện Nghiên cứu Hán Nôm (Việt Nam) và EFEO, Pari, 1999.

khắc thời Trần⁸ đã giới thiệu 44 văn bản của thời kỳ này. Văn bia Quốc tử giám Hà Nội⁹ dịch 82 văn bia Tiến sĩ Hà Nội. Văn miếu Quốc tử giám và 82 bia Tiến sĩ¹⁰ khảo về Văn miếu Quốc tử giám Hà Nội và dịch 82 bia Tiến sĩ. Văn bia đề danh Tiến sĩ Việt Nam¹¹ dịch 137 văn bia đề danh Tiến sĩ của 4 văn miếu lớn ở Việt Nam là: Văn miếu Quốc tử giám - Hà Nội, Văn miếu Huế (tỉnh Thừa Thiên-Huế), Văn miếu Bắc Ninh và Văn miếu Hưng Yên. Đặc biệt công trình *Tổng tập thác bản văn khắc Hán Nôm*¹² (dự kiến gần 40 tập) sẽ công bố ảnh toàn bộ các thác bản văn khắc hiện lưu giữ tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm (đến năm 2007 đã công bố được 10 tập ứng với 10.000 đơn vị kí hiệu thác bản văn khắc).

Các công trình đi sâu nghiên cứu nội dung văn khắc Hán Nôm cũng được giới nghiên cứu trong và ngoài nước quan tâm ở nhiều hình thức khác nhau, như: Hoàng Xuân Hãn đã coi 6 bài văn bia là những tài liệu cơ bản (về số tài liệu trong nước) để giúp ông biên soạn thành công cuốn *Lý Thường Kiệt* (13). Trong cuốn *Cơ sở văn bản học Hán Nôm*⁽¹⁴⁾ có một chương viết về văn bản bi ký Việt Nam. Nhiều năm gần đây có một số luận án Tiến sĩ và Thạc sĩ chuyên ngành Hán Nôm đã đi sâu nghiên cứu khai thác giá trị của văn bia: về văn học, như: *Văn bia Việt Nam và giá trị của nó khi nghiên cứu văn học Việt Nam thời trung đại* (Trịnh Khắc Mạnh, luận án PTS, Moskva, 1990, tiếng Nga); về văn hoá, như *Văn bia thời Lê xứ Kinh Bắc và sự phản ánh sinh hoạt làng xã* (Phạm Thị Vinh, luận án PTS, 1997), *Văn bia khuyến học Việt Nam* (Nguyễn Hữu Mùi, luận án TS, 2006); về tư liệu lịch sử, như *Văn bia thời Mạc và đóng góp của nó trong nghiên cứu lịch sử Việt Nam thế kỉ XVI* (Đinh Khắc Thuần, luận án PTS, 1997), *Nghiên cứu văn bia chợ* (Đỗ Bích Tuyền, luận văn Th.S, 2003); về ngôn ngữ văn tự, như: *Nghiên cứu văn*

8. Viện Nghiên cứu Hán Nôm (Việt Nam) và Đại học Trung Chính (Đài Loan), Đài Bắc 2002

9. Đỗ Văn Ninh: Nxb. VHTT, H. 2000.

10. Ngô Đức Thọ (chủ biên): H. 2002

11. Trịnh Khắc Mạnh: Nxb. Giáo dục, H. 2006

12. Trịnh Khắc Mạnh - Nguyễn Văn Nguyên - Phillippe Papin (Ban chỉ đạo công trình), Nxb. VHTT, H. 2005-2007.

13. Hoàng Xuân Hãn: Nxb. Sông Nhị, H. 1948.

14. Ngô Đức Thọ - Trịnh Khắc Mạnh, Nxb. KHXH, H. 2007.

bia chữ Nôm (Nguyễn Thị Hương, luận văn Th.S, 2005) hoặc như luận án PTS. Sử học của một học giả người Nga đã đi sâu khai thác giá trị sử liệu của văn bia Việt Nam, như *Văn bia Việt Nam nguồn sử liệu thời kì trung và cận đại* (Phêđôrin A.L, Mockba, 1993, tiếng Nga).

Ngoài ra, trên các tạp chí như: *Hán Nôm, Nghiên cứu Lịch sử, Khảo cổ học, Văn học, Văn hóa nghệ thuật, Việt Nam truyền thống* (nguyên bản tiếng Nga); *Thông báo Hán Nôm học* hàng năm, v.v... đã công bố nhiều bài văn khắc vừa mới phát hiện và đăng tải nhiều bài viết nghiên cứu về văn khắc Hán Nôm Việt Nam.

Chúng tôi nêu những thành quả về sưu tầm và nghiên cứu văn khắc Hán Nôm ở trên, là để thấy được những giá trị phong phú của loại hình tư liệu này. Ở nhiều góc độ nghiên cứu khác nhau về khoa học xã hội và nhân văn, văn khắc Hán Nôm là nguồn tư liệu rất có giá trị để tìm hiểu quá khứ dân tộc thuộc ở nhiều lĩnh vực khác nhau như: tư tưởng chính trị xã hội, lịch sử, văn hóa, kinh tế, dân tộc, tôn giáo và ngôn ngữ văn tự, v.v... Chúng tôi tin chắc rằng sẽ còn rất nhiều các công trình khoa học giới thiệu và nghiên cứu khai thác tư liệu văn khắc Hán Nôm Việt Nam trong tương lai.

Kể từ khi bộ *Thư mục văn bia* đầu tiên được biên soạn cho đến nay đã trải qua hơn ba chục năm. Trong thời gian đó, những công trình biên mục trước đây đã phát huy được tác dụng rất quan trọng trong công tác nghiên cứu văn khắc Hán Nôm nói riêng và khoa học xã hội nói chung. Nhưng cùng với sự phát triển của khoa học và của ngành Hán Nôm, đã xuất hiện những nhu cầu mới về cải tiến chất lượng nội dung biên mục, cũng như việc cập nhật những thành quả sưu tầm và nghiên cứu mới trong những năm vừa qua. Bộ *Thư mục thác bản văn khắc Hán Nôm Việt Nam* lần này của chúng tôi được biên soạn chính là để đáp ứng những đòi hỏi khách quan đó.

Thư mục thác bản văn khắc Hán Nôm Việt Nam là một bộ phận thuộc chương trình hợp tác nghiên cứu và xây dựng cơ sở dữ liệu văn khắc Hán Nôm Việt Nam được triển khai bởi Viện Nghiên cứu Hán Nôm với sự phối hợp của Viện Viễn Đông Bác Cổ và Trường Cao học thực hành (Cộng hòa Pháp), bao gồm ba hạng mục lớn: *Tổng tập thác bản, Thư mục thác bản* và *Cơ sở dữ liệu tin học* về văn khắc Hán Nôm. Trong bộ *Thư mục* này, công trình chủ trương giới thiệu mục lục đầy đủ đối với toàn bộ thác bản văn khắc Hán

Nôm hiện đang lưu giữ tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm, bao gồm hai bộ phận thạc bản do EFEO sưu tầm trước đây và thạc bản của Viện Nghiên cứu Hán Nôm sưu tầm trong những năm vừa qua. Với tổng số thạc bản được xử lý lên đến trên 5 vạn bản, nên *Thư mục* sẽ được cơ cấu thành nhiều tập (ước khoảng hơn 20 tập, kể cả các tập Sách dẫn). Do tính chất của một công trình hợp tác, qui mô đồ sộ của bộ *Thư mục* và vai trò đóng góp của những thành viên tham gia, công trình được hình thành với cơ cấu tổ chức như sau:

1. Ban chỉ đạo công trình: Trịnh Khắc Mạnh, Nguyễn Văn Nguyên, Philippe Papin.
2. Chủ biên: Trịnh Khắc Mạnh.
3. Ban hiệu duyệt: Trịnh Khắc Mạnh, Nguyễn Văn Nguyên.
4. Ban thư ký: Phạm Thị Vinh, Nguyễn Hữu Mùi, Vũ Thị Mai Anh.
5. Ban biên soạn: Vũ Lan Anh, Trịnh Khắc Mạnh, Nguyễn Hữu Mùi, Nguyễn Thủy Nga, Nguyễn Thị Ngân, Nguyễn Văn Nguyên, Đinh Khắc Thuân, Đào Thái Tôn, Phạm Thị Vinh.

Trong quá trình biên soạn *Thư mục thạc bản văn khắc Hán Nôm Việt Nam*, chúng tôi đã tham khảo các công trình thư mục văn khắc trước đây. Đầu tiên phải kể đến *Thư mục văn bia Việt Nam* với sự tham gia của các vị Thái Văn Liễn, Nguyễn Thúc Linh, Trần Duy Vôn, Nguyễn Thị An Tâm, Đỗ Thị Hào, Nguyễn Kim Hưng, Cao Hữu Lạng, Ngô Thế Long, Dương Thái Minh, Nguyễn Cẩm Thúy và Nguyễn Thị Thanh Xuân, v.v... do cụ Bùi Thanh Ba chỉ đạo. Tiếp đó là *Thư mục văn bia giản lược* với sự tham gia của các vị Hoàng Giáp, Ngô Thế Long, Lê Việt Nga, Nguyễn Thúy Nga, Nguyễn Thị Ngân, Dương Thị The, Phạm Thị Thoa, Nguyễn Huy Thúc, Nguyễn Hữu Tường, Nguyễn Công Việt và Phạm Thị Vinh, v.v... do Hoàng Lê chủ biên. Nhóm công trình xin được bày tỏ sự biết ơn sâu sắc tới các học giả và đồng nghiệp đã làm nên những bộ thư mục nêu trên.

Trên tinh thần tiếp thu và kế thừa có chọn lọc thành quả của những người đi trước, đồng thời phát triển và cập nhật những thông tin tri thức mới của khoa học, *Thư mục thạc bản văn khắc Hán Nôm Việt Nam* giới thiệu lần này được biên soạn theo thể thức hoàn toàn mới cả về hình thức và nội dung.

Trước hết, đúng như tên gọi của nó, bộ *Thư mục* này lấy thác bản làm đối tượng nghiên cứu miêu tả. Loại hình văn bản đặc biệt này tuy vẫn thường được coi như tương đương với nguyên bản văn khắc, nhưng từ nhiều khía cạnh, giữa chúng vẫn có sự không trùng khớp hoàn toàn với nhau. Xuất phát từ quan điểm đó, chúng tôi đã chú trọng thông tin đầy đủ hơn những yếu tố văn bản học của thác bản như địa điểm sưu tầm, hình thức thác bản, vấn đề niên đại trên thác bản, thác bản trùng bản... Đặc biệt là về mặt nội dung văn khắc, bộ *Thư mục* này đã cố gắng cung cấp cho người đọc tối đa những thông tin liên quan của văn khắc, trong đó có nhiều chi tiết mới hoặc được bổ sung cụ thể hơn mà các bộ thư mục trước đây còn bỏ ngỏ, như những thông tin về địa danh xuất xứ văn khắc, lai lịch của tác giả và những người tham gia hình thành văn bản, vấn đề chữ hủy trên văn bản, phân loại chủ đề văn khắc v.v... Những cải tiến và bổ sung này của bộ *Thư mục thác bản văn khắc Hán nôm*, bạn đọc có thể tìm hiểu rõ thêm trong phần Phàm lệ dưới đây, hoặc thử nghiệm ngay trong nội dung biên mục của bộ sách.

Trong quá trình biên soạn *Thư mục thác bản văn khắc Hán Nôm Việt Nam* chúng tôi đã nhận được sự giúp đỡ của các đồng nghiệp ở Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Ban Điều hành Dự án Tổng thể của Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Lãnh đạo Viện Nghiên cứu Hán Nôm (Việt Nam), Lãnh đạo Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Viễn đông Bác cổ (Cộng hoà Pháp), Trường Cao học thực hành Paris (Cộng hòa Pháp), Tổ chức Hợp tác Đại học Cộng đồng Pháp ngữ (AUF) ; nhân đây, chúng tôi xin bày tỏ lòng cảm ơn chân thành.

Thư mục thác bản văn khắc Hán Nôm Việt Nam là một bộ sách công cụ có qui mô đồ sộ, phải xử lý một khối lượng văn bản tài liệu rất lớn và phức tạp, nên trong quá trình biên soạn thực sự gặp nhiều khó khăn. Nhóm biên soạn chúng tôi đã cố gắng ở mức cao nhất, nhưng chắc chắn không thể tránh khỏi những thiếu sót. Mong được độc giả chỉ giáo và lượng thứ. Xin chân thành cảm ơn.

Trịnh Khắc Mạnh

PHÀM LỆ

Thác bản văn khắc được biên thành *từ mục* theo từng đơn vị văn khắc (gọi tắt là "bia"), có nghĩa là mỗi *từ mục* sẽ bao gồm từ 1 đến nhiều thác bản liên quan với nhau của 1 tấm bia. Điều này căn cứ vào ghi chú của người sưu tầm trên thác bản và trong một số trường hợp cá biệt có điều chỉnh lại cho hợp lý.

Các *từ mục* sắp xếp theo thứ tự tăng dần của kí hiệu thư viện. Vì coi đây là một bộ phận của hệ thống cơ sở dữ liệu văn khắc nên các *từ mục* đều được trình bày thống nhất theo qui cách gồm các yếu tố sau đây:

1. *Tên mục*: Ghi bằng chữ phiên âm Hán Việt và chữ Hán, chữ Nôm, lấy theo đoạn câu chữ tiêu đề trên trán bia ở từng mặt thác bản (những câu chữ này nói chung cũng không hẳn mang tính chất tiêu đề), hoặc nhan đề ở dòng đầu văn khắc, kèm theo kí hiệu thư viện của chúng. Tiêu đề và kí hiệu thư viện của các thác bản được tách biệt nhau bằng dấu gạch chéo (/). Vì trên văn bản văn khắc vốn không có qui định về thứ tự của các mặt khác nhau nên khi trình bày tiêu đề này chúng tôi cố gắng sắp xếp theo ý nghĩa tương đối của nội dung chứ không căn cứ theo thứ tự kí hiệu thư viện. Trường hợp thác bản không có tiêu đề thì ghi [Vô đề].

2. *Địa điểm xuất xứ*: Phân biệt rõ địa danh dựng bia và địa danh sưu tầm thác bản. Địa danh của bia nhằm cung cấp một hệ thống địa danh cổ vào thời gian hình thành văn khắc được ghi trong nội dung văn bản, nên được ghi bằng phiên âm Hán Việt kèm theo chữ Hán Nôm tương ứng. Địa danh sưu tầm là tên địa điểm sưu tầm thác bản được người sưu tầm căn cứ vào tên gọi địa phương ở thời điểm sưu tầm mà ghi chú ở bên lề thác bản.

3. *Thông tin về hình thức* của thác bản: bao gồm kích thước thác bản (chiều ngang x chiều cao, đơn vị tính là cm), loại văn tự (chữ Hán, chữ Nôm), số dòng, số chữ ước lượng, trang trí hoa văn và sự xuất hiện chữ kiêng húy (kèm hình chữ nếu có).

4. *Niên đại văn khắc*: Ghi tên niên hiệu, năm thứ (hoặc năm can chi) đề trên văn bản kèm năm dương lịch qui đổi. Trường hợp trong văn khắc không

có niên đại thì ghi rõ là “không ghi”; hoặc trong trường hợp niên đại không rõ ràng hoặc có nghi vấn thì có thể căn cứ vào thông tin trong nội dung văn khắc mà đưa ra một niên đại ước đoán.

5. *Thông tin về người tham gia xây dựng văn bản*: Chủ yếu là người soạn, người nhuận sắc, người viết chữ và người khắc. Chú trọng thể hiện những thông tin liên quan về họ và tên (có kèm chữ Hán), tên tự, tên hiệu, quê quán, học vị, chức vị, tước hiệu. Trường hợp tên người không ghi rõ trên văn bản nhưng nếu có thể tra cứu ra được thì ghi trong ngoặc vuông ([...]).

6. *Phân loại chủ đề*: Phân loại theo 10 loại chủ đề chính do công trình tạm thời đặt ra, nhằm cung cấp những từ khóa chủ yếu về nội dung văn khắc để trợ giúp độc giả nhanh chóng nắm bắt và tìm kiếm thông tin nội dung, đồng thời nhằm chuẩn bị cho việc truy cập tra cứu vào hệ thống cơ sở dữ liệu văn khắc sẽ được xây dựng sau này.

7. *Nội dung văn khắc*: Trình bày tóm lược nội dung của văn bản, cố gắng nêu bật được sự kiện chủ yếu, kèm theo những thông tin về thời gian, địa điểm cụ thể, hoặc ý nghĩa chính yếu của văn khắc.

8. *Ghi chú cần thiết về thác bản* như: những đặc điểm đặc biệt, nghi vấn về niên đại ngụy tạo, kí hiệu của thác bản trùng bản hoặc thác bản liên quan.

Vì số lượng thác bản đã và đang sưu tầm rất lớn, nên bộ *Thư mục thác bản văn khắc Hán nô* sẽ chia thành nhiều tập, mỗi tập bao gồm số lượng thác bản đều nhau là 2000 kí hiệu nhằm thuận tiện cho độc giả tìm chọn tra cứu. Để nhanh chóng đưa công trình tới tay bạn đọc, chúng tôi sẽ lần lượt xuất bản từng tập sau khi biên soạn xong, và như vậy phần sách dẫn tra cứu thông tin của toàn bộ kho thác bản sẽ chỉ được tổng hợp và công bố sau khi đã xuất bản tập *Thư mục* cuối cùng.

Ban biên soạn

PRÉSENTATION

Les inscriptions occupent une place essentielle dans l'ensemble du patrimoine en *hán-nôm* du Viêt-Nam. Elles sont extrêmement abondantes, en quantité, et délivrent des informations qualitatives qu'il est souvent difficile, voire impossible, de trouver dans le reste de la documentation disponible.

La plus ancienne inscription connue, qui date de 618 et s'intitule *Inscription du temple de la Paix Précieuse de la commanderie de Jiuzhen* [Cửu-Chân] *des grands Sui* [Tùy] (大隨九真郡寶安道場碑文), est gravée sur une stèle érigée dans le village de Đông-Minh de la province de Thanh-Hoá. On trouve ensuite, chronologiquement, l'inscription de la cloche du village de Thanh-Mai (789) et les colonnettes gravées de Hoa-Lư (968-979). Après le X^e siècle, les inscriptions deviennent plus fréquentes et leur contenu se diversifie. Nous en possédons aujourd'hui 27 datant de la dynastie des Lý (1010-1225), qui correspond à l'époque où se met en place l'État monarchique, 44 de la dynastie des Trần (1225-1400), 70 de la dynastie des Lê postérieurs (1428-1527), 165 de la dynastie des Mạc (1527 à 1593, avec des prolongements jusqu'en 1677). Ensuite, à partir de la fin du XVI^e siècle, c'est l'explosion : plusieurs milliers d'inscriptions sous les dynasties Lê restaurés (1593-1788) et Nguyễn (1802-1954), avec, entre elles, plus de 200 pièces d'époque Tây-Son (1788-1802).

À l'avantage d'un volume considérable, qui autorise des recherches portant sur la plupart des villages et des sites historiques du pays, le corpus des inscriptions ajoute celui d'offrir une très grande diversité de contenu. Depuis les grandes stèles ayant trait à l'histoire nationale jusqu'aux petites donations pieuses des campagnes, c'est l'ensemble du spectre social et des préoccupations de l'époque qui apparaissent à travers la lecture de ces milliers d'inscriptions. On pourra aussi s'intéresser, de manière systématique,

aux éléments artistiques qui n'ont guère été étudiés jusqu'à présent, c'est-à-dire à la fois à la calligraphie des textes et au décor qui les met en valeur.

L'intérêt porté à cette source documentaire n'est pas nouveau. Dès le XV^e siècle, Ngô Sĩ Liên a inséré deux inscriptions de Trương Hán Siêu et Lê Quát dans son *Đại Việt sử ký toàn thư* 大越史記全書. Au XVIII^e siècle, Lê Quý Đôn (1726-1781) s'est servi d'inscriptions sur stèles et sur urnes pour rédiger son fameux *Đại Việt thông sử* 大越通史 et, dans son *Kiến văn tiểu lục* 見聞小錄, il cite encore 17 poèmes et textes d'époque Lý-Trần qui étaient gravés sur des stèles et des cloches. D'autres inscriptions ont été publiées par Bùi Huy Bích (1744-1818) dans son *Hoàng Việt văn tuyển* 黃越文選, à côté des pièces littéraires classiques. Et, au XX^e siècle, Lê Cao Lãng a utilisé les 82 inscriptions du temple de la Littérature de Hà-Nội pour écrire son *Lê triều lịch khoa tiến sĩ đề danh bi ký* 黎朝歷科進士題名碑記. Les chercheurs contemporains ont emboîté le pas à ces illustres prédécesseurs. Leurs efforts se sont tournés vers la collecte des inscriptions, le catalogage des estampages et la présentation d'un certain nombre de textes remarquables.

La collecte des inscriptions, entreprise d'abord par l'École française d'Extrême-Orient (EFEO), dès le début du XX^e siècle, a consisté à faire estamper sur de grandes feuilles de papier les stèles qui étaient – et sont encore – situées dans les villages du Việt-Nam. L'EFEO est ainsi parvenue à réunir un fonds comprenant 20 980 estampages, qui correspondent à 11 651 stèles ou cloches. Ce travail de collecte par estampage a été poursuivi, à la fin du siècle, par l'Institut de Recherches Hán-Nôm qui, aujourd'hui, a achevé le traitement des inscriptions situées dans les provinces de Lạng-Son, Bắc-Giang, Bắc-Ninh, Vĩnh-Phúc, Hưng-Yên, Hải-Dương, Hà-Tây, Hà-Nội, Hà-Nam, Nam-Định, Ninh-Bình, Phú-Thọ, Quảng-Ninh, Hải-Phòng, Thái-Bình, et poursuit le travail dans les provinces de Thanh-Hoá et Nghệ-An. Ce sont plus de 30 000 pièces qui ont ainsi été estampées par l'Institut de Recherches Hán-Nôm. Il faut noter que, parmi ces inscriptions récemment traitées, beaucoup correspondent à des stèles qui, parce qu'elles étaient situées dans des régions éloignées, ou parce qu'elles étaient postérieures au XVIII^e siècle, n'avaient pas été estampées par l'EFEO (par exemple dans le nord du pays, dans certains districts du delta du fleuve Rouge, sans compter les quatre-vingts inscriptions de Phố-Hiến). Ainsi, s'il y a des doublons entre

les deux fonds, inévitables dans une telle entreprise, il y a aussi de très nombreuses complémentarités.

L'exploitation scientifique des inscriptions supposait d'abord un travail de catalogage. Celui-ci a sans doute commencé du temps de l'EFEO, car on conçoit mal que la masse immense des estampages de sa bibliothèque soit restée en désordre. Mais nous n'avons jamais retrouvé ni inventaire, ni document, permettant de le prouver et, accessoirement, de nous aider à en établir au moins une liste exhaustive. C'est pourquoi, en 1970-1975, le Comité Hán-Nôm, organe dépendant du Comité des Sciences Sociales du Việt-Nam, s'est d'abord attelé à la tâche de répertorier les estampages laissés par l'EFEO et conservés, depuis 1958, à la Bibliothèque Centrale du Việt-Nam. Ce travail a donné naissance à un *Répertoire des inscriptions*, tapé à la machine à écrire, qui comprend 29 fascicules : 21 fascicules d'inventaire proprement dit, deux fascicules d'index géographique, quatre fascicules d'index par titres, un fascicule d'index par dates et un fascicule d'index par auteurs. Par la suite, lorsque la collection est passée de la Bibliothèque Centrale à l'Institut de Recherches Hán-Nôm, en 1984-1986, cet institut a rédigé, sous la direction de M. Hoàng Lê, un *Répertoire sommaire des inscriptions*, en 30 fascicules, eux aussi tapés à la machine. Enfin, en 1988-1990, les spécialistes de l'Institut de Recherches Hán-Nôm ont conduit un premier programme de traitement de ces estampages qui a abouti d'une part à la mise au point du *Répertoire des estampages d'inscriptions Hán-Nôm du Việt-Nam* (*Danh mục thác bản văn khắc Hán Nôm Việt Nam*, 1991, ouvrage à diffusion interne) et, d'autre part, à la publication de l'ouvrage intitulé *Les inscriptions en Hán-Nôm du Việt-Nam* (*Văn khắc Hán Nôm Việt Nam*, 1992) qui consiste en la présentation détaillée d'un échantillon de 1919 inscriptions, tirées du fonds EFEO mais aussi des nouveaux estampages réalisés dans les villages.

Depuis vingt ou trente ans, de nombreux travaux ont aussi consisté à publier un certain nombre d'inscriptions. Il faut d'abord citer deux ouvrages précurseurs. Ce sont, d'une part, les trois volumes de *Prose et poésie des dynasties Lý et Trần* (*Thơ văn Lý Trần*, 1977, 1878 et 1989), dont les auteurs ont utilisé dans la préface 41 inscriptions sur stèles et sur cloches et, dans le corps du texte, publié 18 inscriptions sur stèles ; et, d'autre part, le *Recueil d'inscriptions choisies de la ville de Hà-Nội* (*Tuyển tập văn bia Hà Nội*,

1978) qui présentait 63 inscriptions d'époque Lê et Nguyễn. Plus tard, à partir du début des années 1990, on trouve 40 inscriptions traduites en vietnamien dans *Les stèles de la région de Lạng-Son* (Văn bia Xứ Lạng, 1993), 40 dans *Les stèles de la province de Hà-Tây* (Văn bia Hà Tây, 1993), 147 dans *Les stèles de la dynastie des Mạc* (Văn bia thời Mạc, 1996), 27 dans *Les inscriptions de la dynastie des Lý* (Văn khắc thời Lý, 1999) et 44 dans *Les inscriptions de la dynastie des Trần* (Văn khắc thời Trần, 2002). Parallèlement, les 82 inscriptions du temple de la Littérature ont été traduites dans *Les stèles du Collège des Fils de la nation à Hà-Nội* (Văn bia Quốc tử giám Hà Nội, 2000) et *Le temple de la littérature, le Collège des Fils de la nation et leurs 82 stèles doctorales* (Văn miếu Quốc tử giám và 82 bia Tiến sĩ, 2002). L'ouvrage intitulé *Les stèles doctorales du Việt-Nam* (Văn bia đề danh Tiến sĩ Việt Nam, 2006) présente la traduction de 137 stèles érigées à la mémoire des lauréats aux concours mandarinaux dans les quatre temple de la Littérature de Hà-Nội, Huế, Bắc-Ninh et Hưng-Yên. Enfin, le programme *Corpus des inscriptions anciennes du Việt-Nam*, dont relève le présent catalogue, s'est fixé pour objectif la publication intégrale des collections : dix volumes d'images numérisées, soit 10 000 inscriptions, ont d'ores et déjà été publiés (en 2005-2007).

Parallèlement à ces publications de documents originaux, des travaux de recherche se sont penchés plus précisément sur le contenu des inscriptions. Dans sa biographie de Lý Thường Kiệt, M. Hoàng Xuân Hãn a utilisé six stèles anciennes (*Lý Thường Kiệt*, 1948). Un chapitre de l'ouvrage *Les bases philologiques du Hán-Nôm* porte sur les inscriptions gravées sur stèles (*Cơ sở văn bản học Hán Nôm*, 2007). En outre, depuis peu, un certain nombre de diplômés universitaires et de thèses de doctorat se sont intéressés à cette source documentaire, par exemple *Les stèles du Việt-Nam et leur valeur dans l'étude de la littérature médiévale* (Văn bia Việt Nam và giá trị của nó khi nghiên cứu văn học Việt Nam thời trung đại, 1990), *Les stèles du Việt-Nam, une source documentaire sur l'histoire médiévale et moderne* (Văn bia Việt Nam nguồn tư liệu thời kì trung và cận đại, 1993), *Les inscriptions d'époque Lê de la région du Kinh-Bắc, reflets de la vie villageoise des XVII^e et XVIII^e siècles* (Văn bia thời Lê xứ Kinh Bắc và sự phản ánh sinh hoạt làng xã, 1997), *La contribution des stèles de la dynastie des Mạc à l'étude de*

l'histoire vietnamienne du XVI^e siècle (Văn bia thời Mạc và đóng góp của nó trong nghiên cứu lịch sử Việt Nam thế kỉ XVI, 1997). Sur des sujets plus précis, on trouve encore Étude sur les stèles relatives aux marchés villageois (Nghiên cứu văn bia chợ, 2003), Étude sur les stèles en caractères démocratiques (Nghiên cứu văn bia chữ Nôm, 2005), Les stèles d'encouragement à l'éducation (Văn bia khuyến học Việt Nam, 2006). À tout cela, il convient enfin d'ajouter de nombreux articles parus dans les revues Hán Nôm, Nghiên Cứu Lịch Sử, Khảo Cổ Học, Văn Học, Văn Hóa Nghệ Thuật, Le Việt-Nam traditionnel (en russe), ainsi que dans la livraison annuelle Thông Báo Hán Nôm Học.

Si nous avons cité tous ces travaux d'inventaire, de publication et de recherche, c'est aussi pour faire comprendre à quel point les inscriptions ont intéressé, et intéressent encore, le monde des historiens et des érudits. Tous ont reconnu la haute valeur scientifique de ces textes qui nous renseignent sur des sujets aussi divers que la société ancienne, l'histoire et l'ethnologie, la culture et la pensée politique, l'économie, la religion, la linguistique, etc. Comme le corpus est immense et que seule une infime partie en a été exploitée, on est fondé à penser que l'avenir nous réserve des travaux de recherche à la fois nombreux, originaux et très diversifiés.

Depuis le premier inventaire des inscriptions, provisoire et jamais publié, trente ans se sont écoulés. Certes, pendant ce laps de temps, des instruments de travail l'ont peu à peu complété, et c'est peu dire qu'ils ont rendu service. Mais force est de constater qu'avec le développement des techniques et de la discipline *hán nôm* le temps était venu de répondre de manière plus exhaustive et plus systématique à des besoins scientifiques devenus plus exigeants. En d'autres termes, il fallait désormais proposer aux chercheurs un instrument de travail permettant à la fois de prendre la mesure globale du fonds et d'entrer dans le contenu des textes. Tel est le but du présent catalogue qui, rappelons-le, n'est pas une production isolée mais, à l'inverse, s'insère dans un projet scientifique où s'articulent trois volets complémentaires : établissement du corpus complet, catalogage détaillé des pièces, construction d'une base de données informatique. Dans le catalogue, dont les tomes successifs paraîtront peu à peu, jusqu'à englober la totalité du fonds, soit une vingtaine de volumes au total, le lecteur trouvera la description

précise de chacune des inscriptions, à la fois du point de vue de la forme et du contenu.

Ce travail est mené par l'Institut de Recherches Hán-Nôm, en coopération avec l'École française d'Extrême-Orient et l'École pratique des hautes Études. Son ampleur, sa durée, sa complexité aussi, ont exigé de mettre sur pied un groupe de travail très structuré :

1. Comité directeur : Trịnh Khắc Mạnh, Nguyễn Văn Nguyên et Philippe Papin.
2. Éditeur : Trịnh Khắc Mạnh.
3. Comité de contrôle : Trịnh Khắc Mạnh et Nguyễn Văn Nguyên.
4. Secrétariat : Phạm Thị Vinh, Nguyễn Hữu Mùi et Vũ Thị Mai Anh.
5. Comité de rédaction : Vũ Lan Anh, Trịnh Khắc Mạnh, Nguyễn Hữu Mùi, Nguyễn Thúy Nga, Nguyễn Thị Ngân, Nguyễn Văn Nguyên, Đinh Khắc Thuân, Đào Thái Tôn, Phạm Thị Vinh.

La mise au point du catalogue a bénéficié des efforts jadis accomplis par nos prédécesseurs, à qui nous tenons à rendre un hommage appuyé. Parmi les auteurs du premier *Répertoire des inscriptions*, placé sous la direction de M. Bùi Thanh Ba, il faut citer mesdames et messieurs Thái Văn Liễn, Nguyễn Thúc Linh, Trần Duy Vôn, Nguyễn Thị An Tâm, Đỗ Thị Hào, Nguyễn Kim Hưng, Cao Hữu Lạng, Ngô Thế Long, Dương Thái Minh, Nguyễn Cẩm Thúy et Nguyễn Thị Thanh Xuân, etc. Ensuite, pour ce qui concerne le *Répertoire sommaire des inscriptions*, placé sous la direction de M. Hoàng Lê, il faut rappeler la participation de mesdames et messieurs Hoàng Giáp, Ngô Thế Long, Lê Việt Nga, Nguyễn Thúy Nga, Nguyễn Thị Ngân, Dương Thị The, Phạm Thị Thoa, Nguyễn Huy Thúc, Nguyễn Hữu Tường, Nguyễn Công Việt et Phạm Thị Vinh, etc. Nous leur exprimons ici toute notre reconnaissance.

Le présent catalogue, pour se reconnaître héritier et bénéficiaire des travaux antérieurs, n'en repose pas moins sur une architecture formelle et des logiques scientifiques tout à fait distinctes. D'abord, il se fonde résolument sur les estampages des inscriptions, c'est-à-dire sur des documents en papier qui, copies fidèles de l'original, à quelques exceptions près, apportent

aussi des informations supplémentaires que nous n'avons pas cru devoir négliger. Par exemple, il mentionne de manière systématique le lieu où l'estampage a été réalisé, ce qui est particulièrement utile lorsque le texte original, gravé sur la stèle, n'en fait pas mention ou bien ne porte que des toponymes qui ont aujourd'hui disparu. Les estampages présentent aussi l'avantage de nous laisser voir les motifs décoratifs qui sont sculptés autour de l'inscription proprement dite et qui sont d'un très grand intérêt.

D'autre part, du point de vue du contenu, ce catalogue tâche de fournir le maximum d'informations à l'utilisateur, avec des détails nouveaux et des renseignements concrets qui lui permettent d'aborder le texte original avec une connaissance déjà assez précise de ce qu'il va y trouver. Outre le lieu où la stèle a été estampée, on connaîtra ainsi, d'emblée, s'ils existent, les noms du rédacteur, du calligraphe et du graveur, les caractères taboués, la date, le sujet, etc. (voir, plus loin, dans les *Conventions*, le détail de ces informations). Ce catalogue, loin d'être un simple inventaire, a pour ambition de décrire, de la manière la plus exacte possible, la forme physique et philologique de chacune des quelque 45 000 inscriptions du corpus, ainsi que le détail de ce qu'elles nous apprennent. C'est en raison de ce parti-pris « maximaliste » que nous y avons fait figurer, après moult hésitations car le travail de dépouillement en est singulièrement ralenti, un résumé assez précis du contenu : il fournit un premier aperçu et, partant, permet d'utiliser le catalogue comme une base solide pour défricher tel ou tel sujet, telle ou telle époque, l'histoire de telle ou telle région.

Ce travail n'aurait pas vu le jour sans l'aide de tous nos collègues de l'Institut de Recherches Hán-Nôm, notamment du Comité de gestion des projets collectifs, ni sans celle des dirigeants de l'Institut et de l'Académie des Sciences Sociales du Viêt-Nam, de l'École française d'Extrême-Orient, de l'École pratique des hautes Études et de l'Agence universitaire de la Francophonie : qu'ils en soient ici infiniment remerciés.

Enfin, il n'est pas inutile de terminer en rappelant au lecteur que la mise au point de ce catalogue a exigé de traiter un volume considérable d'inscriptions et d'établir, pour chacune d'elles, une fiche descriptive particulièrement complexe. En dépit de multiples lectures croisées, contrôles

et vérifications, des erreurs et des lacunes peuvent avoir échappé à notre vigilance. Elles restent de notre responsabilité, indiscutablement, mais nous n'en sollicitons pas moins cette part coutumière d'indulgence que la communauté des chercheurs réserve habituellement aux instruments de travail qui sont placés à son service.

Trịnh Khắc Mạnh

CONVENTIONS

Ce catalogue, tout comme le corpus des inscriptions originales que nous avons déjà commencé de publier, est fondé sur la collection des estampages conservés à l'Institut de Recherches Hán-Nôm, où chaque estampage possède sa propre cote numérique. Une cote renvoie donc à une feuille estampée, et à une seule. Quand la stèle ne possède qu'une face, son estampage correspond à la totalité de l'inscription. Mais, quand elle en possède plusieurs, y compris ses tranches, alors l'inscription complète comporte évidemment autant d'estampages que de faces. Ce catalogue, qui s'intéresse au contenu plus qu'à la forme, repose dès lors sur le principe qu'à une entrée correspond l'intégralité de l'inscription, c'est-à-dire un ou plusieurs estampages du monument entier (stèle ou cloche). C'est la raison pour laquelle les entrées – classées dans l'ordre numérique qui est celui de leurs cotes à la bibliothèque de l'Institut – comprennent tantôt une cote, tantôt plusieurs.

Le contenu des entrées du catalogue, qui servira à l'établissement de la base de données informatisée des inscriptions du Viêt-Nam, repose sur quelques principes de présentation qui sont systématiques et unifiés.

1 – *Le titre*. Le titre de l'inscription apparaît d'abord dans sa transcription en vietnamien moderne, ensuite dans sa forme originale en caractères *hán* ou *nôm*. Si l'inscription compte plusieurs estampages, donc la stèle plusieurs faces, alors nous indiquons aussi le titre de chacun d'eux (ils sont séparé par le signe “ / ”). Les cotes des estampages se trouvent en face des titres. Bien qu'elle ne corresponde pas exactement à un “titre” au sens où nous l'entendons aujourd'hui, c'est la première ligne, gravée au fronton de la stèle, généralement en gros caractères, qui est utilisée dans cette rubrique, ou, en son absence, la première colonne du texte lui-même. Lorsque les différentes faces d'une même stèle porte chacune un titre individuel, ces titres n'étant liés entre eux par aucune logique de lecture qui puisse permettre de les classer, alors nous les citons dans l'ordre qui est celui du contenu du texte

lui-même, et non dans l'ordre numérique des estampages. Enfin, en l'absence de titre au fronton et si la première colonne du texte n'indique rien, alors l'entrée du catalogue apparaît sous la forme *Sans titre (Vô đề)*.

2 – *La localisation*. Cette rubrique utilise deux systèmes de noms de lieux, l'un et l'autre essentiels à la localisation du monument, mais qu'il importe de distinguer soigneusement : d'abord le lieu qui figure dans l'inscription originale, ensuite celui où elle a été estampée. La première indication, que nous donnons en vietnamien et en caractères, est tirée du texte original et correspond au nom ancien de l'endroit où a été érigée la stèle. La seconde, quant à elle, provient directement de la note que les estampeurs ont inscrite en marge de l'estampage. Par conséquent, pour ce qui concerne le fonds des estampages de l'EFEO, ce sont les toponymes d'époque coloniale qui sont utilisés. La combinaison des deux systèmes est indispensable pour localiser l'inscription dans le Viêt-Nam d'aujourd'hui.

3 – *Les informations sur la forme*. Elles comprennent les dimensions de la stèle (largeur x hauteur), la nature des caractères utilisés (*hán, nôm*), le nombre de colonnes du texte, une approximation du nombre total de caractères, la présence ou non de motifs décoratifs, la présence ou non de caractères taboués (avec, s'ils existent, leur reproduction).

4 – *La datation de l'inscription*. Nous donnons d'abord les informations qui figurent dans le texte original, à savoir, selon les cas, tout ou partie des dates exprimées selon le triple système du nom de l'ère de règne impérial, de son numéro d'ordre et de son année sexagésimale. Vient ensuite, entre parenthèse, sa conversion dans le calendrier actuel. Dans le cas où l'inscription n'est pas datée, nous le signalons par une mention explicite (*không ghi*) et fournissons, quand la chose est possible, une date approximative qui est tirée de l'étude philologique du texte lui-même.

5 – *Les auteurs de l'inscription*. Il s'agit, selon les cas, du rédacteur, du correcteur, du calligraphe ou du graveur de l'inscription. Nous indiquons, en vietnamien et en caractères, leurs noms d'usage, pseudonymes, noms de plume, village d'origine, diplômes, titres et fonctions. Si ces précisions sont tirées de notre enquête, et non du texte original, alors nous les écrivons entre crochets ([...]).

6 – *Le sujet général de l'inscription.* Il est indiqué par une ou plusieurs des dix nomenclatures, équivalentes à des mots-clés, que nous avons retenues pour l'ensemble du catalogue. Cette indication, qui a pour but de permettre au lecteur une sélection rapide des inscriptions, est un élément essentiel de la future base de données informatique qui viendra clore ce programme.

7 – *Le contenu de l'inscription.* Il s'agit d'un résumé qui tâche de faire saisir, en quelques lignes qui reprennent et développent les informations principales du texte, ce que le lecteur peut s'attendre à trouver dans l'inscription.

8 – *La note finale (ghi chú).* Le cas échéant, cette note apporte des précisions supplémentaires sur certaines caractéristiques notables de l'inscription, sur la date réelle de sa composition, sur les estampages qui en sont des doublons, ou encore sur les autres inscriptions qui ont partie liée avec elle.

Le volume considérable des estampages du Viêt-Nam impose un catalogue en plusieurs tomes. Cette première livraison en compte quatre, étant entendu que les suivants verront le jour peu à peu, à mesure de l'avancée du travail de dépouillement. Pour faciliter la recherche d'une référence, il est d'ores et déjà convenu que chaque tome contient exactement 2000 inscriptions, dont les cotes extrêmes sont indiquées sur la tranche du livre. Les index n'ont pas été oubliés. Ils viendront naturellement faciliter la sélection d'inscriptions par lieux, dates, personnages, thèmes, etc, mais ils ne pourront paraître, sous forme de tomes complémentaires, qu'une fois achevée le catalogue de la totalité des inscriptions.

Le comité de rédaction

INTRODUCTION

Inscriptions hold a key position in Vietnam's Hán-Nôm heritage. In terms of quantity they are of great abundance, and they contain qualitative information which is often difficult, even impossible to find in other existing documentary sources.

The oldest known inscription dates from the year 618 and bears the title *Inscription of the Temple of Precious Peace of the Commandery of Jiuzhen* [Cửu-Chân] of the Great Sui [Tùy] (大隨九真郡寶安道場碑文): it is engraved on a stele erected in the village of Đông-Minh, in the province of Thanh-Hoá. Subsequent inscriptions, in chronological order, include one inscribed on the bell at the village of Thanh-Mai (789), and the engraved columns of Hoa-Lư (968-979). They become more closely spaced in time and more diverse in content after the tenth century. We today possess twenty-seven inscriptions dating from the Lý dynasty (1010-1225) – the era during which the monarchical state was established –, forty-four from Trần dynasty (1225-1400), seventy from the later Lê dynasty (1428-1527) and 165 from the Mạc dynasty (1527 to 1593, with later appearances up to 1677). Then, from the late sixteenth century, there was an explosion of stele production: several thousand inscriptions date from the dynasties of the restored Lê (1593-1788) and Nguyễn (1802-1954); between these two periods, 200 date from the Tây-Son era (1788-1802).

The corpus of inscriptions thus contains a voluminous quantity of documentation, allowing research on the majority of the country's villages and historical sites. It also offers great diversity of content. From the great steles of national historical significance down to the countryside records of modest pious donations, the entire social spectrum and multiple preoccupations of the contemporary population emerge from our reading of

these thousands of inscriptions. The systematic study of their artistic elements – never before attempted – is also perfectly conceivable, both of the calligraphy with which the texts were written and the decoration within which they were displayed.

Interest in this documentary source is far from new. As early as the fifteenth century, Ngô Sĩ Liên included two inscriptions by Trương Hán Siêu et Lê Quát in his *Đại Việt sử ký toàn thư* 大越史記全書. In the eighteenth century, Lê Quý Đôn (1726-1781) used inscriptions on steles and urns to write his famous *Đại Việt thông sử* 大越通史; in his *Kiến văn tiểu lục* 見聞小錄, he cited a further seventeen Lý-Trần period poems and texts which were engraved on steles and bells. Other inscriptions were published by Bùi Huy Bích (1744-1818) in his *Hoàng Việt văn tuyển* 黃越文選, alongside pieces of classical literature. And in the twentieth century, Lê Cao Lãng used the eighty-two inscriptions of the Temple of Literature to write his *Lê triều lịch khoa tiến sĩ đề danh bi ký* 黎朝歷科進士題名碑記. Present-day researchers have followed in the footsteps of these illustrious predecessors. Their efforts have focused on the collection of inscriptions, the cataloguing of rubbings and the presentation of a number of remarkable texts.

Collection of the inscriptions, first undertaken by the École française d'Extrême-Orient (EFEO), involved making rubbings of the steles which were found – and still remain – in the villages of Vietnam. The EFEO thus assembled a collection consisting of 20,980 rubbings on large sheets of paper, corresponding to 11,651 steles and bells. At the end of the twentieth century, collection resumed thanks to the work of Vietnam's Institute of Hán-Nôm Studies, which has today completed the treatment of the inscriptions located in the provinces of Lạng-Son, Bắc-Giang, Bắc-Ninh, Vĩnh-Phúc, Hưng-Yên, Hải-Dương, Hà-Tây, Hà-Nội, Hà-Nam, Nam-Dịnh, Ninh-Bình, Phú-Tho, Quảng-Ninh, Hải-Phòng and Thái-Bình; work continues in the provinces of Thanh-Hoá et Nghệ-An. A total of more than 30,000 pieces have been rubbed by this institute's specialists. It should be noted that many of the recently treated inscriptions correspond to steles which – being of remote provenance or late date (post eighteenth century) – were not rubbed by the EFEO (for example, in the north, those found in certain districts of the Red River Delta region, not to mention the eighty

inscriptions at Phố-Hiến). Thus, while the two collections certainly contain doubles – inevitable in such an enterprise – they are also complementary in many respects.

Scientific exploitation of the inscriptions requires, first and foremost, the availability of a catalogue. Work on the creation of this research tool undoubtedly started during the EFEO period, as we may well imagine that the immense quantity of rubbings accumulated in the EFEO library was left there in disorder. We have nonetheless unearthed no inventory or other document that allows us to prove this or helps us to establish, at the very least, an exhaustive list. For this reason, in 1970-1975, the Hán-Nôm Committee, an agency of the Vietnamese Committee of Social Sciences, got down to the task of listing the 20,980 rubbings left by the EFEO and kept, from 1958, at the Vietnamese Central Library. This work resulted in the production of a *Catalogue of the Inscriptions*, in the form of a typewritten manuscript of twenty-nine fascicules: twenty-one fascicules of actual catalogue, two of geographical index, four of index by title and one of index by author. After the collection was transferred from the Central Library to the Institute of Hán-Nôm Studies, in 1984-1986, this institute produced – under the direction of Hoàng Lê – a *Summary Catalogue of the Inscriptions*, in thirty fascicules, also typewritten. Finally, in 1988-1990, the specialists of the Institute of Hán-Nôm Studies launched the first programme for the treatment of the rubbings, which resulted in the production of the *Catalogue of Rubbings of Vietnamese Inscription (Danh mục thác bản văn khắc Hán Nôm Việt Nam*, 1991, publication for internal distribution) and the publication of a book entitled *Vietnamese Hán-Nôm Inscriptions (Văn khắc Hán Nôm Việt Nam*, 1992) which offers a detailed introduction to a sample of 1,919 inscriptions, mainly drawn from the original EFEO collection but also including a number of recent rubbings made in the villages.

Over the past twenty or thirty years, numerous books have published a number of the inscriptions. Firstly, we should mention two precursor works. These include *Prose and Poems of the Lý and Trần Dynasties (Thơ văn Lý Trần*, 1977, 1878 and 1989), the authors of which used forty-one inscriptions on steles and bells in their preface, and a further 18 inscriptions on steles in the body of the text; and *Selected Hanoi Inscriptions (Tuyển tập văn bia Hà*

Nội, 1978), which contains sixty-three Lê and Nguyễn era inscriptions. Later on, from the early 1980s, forty inscriptions translated into modern Vietnamese appear in *The Steles of the Lạng-Son Region* (Văn bia Xứ Lạng, 1993); forty appear in *The Steles of Hà-Tây* (Văn bia Hà Tây, 1993); 147 in *The Steles of the Mạc Dynasty* (Văn bia thời Mạc, 1996); twenty-seven in *The Inscriptions of the Lý Dynasty* (Văn khắc thời Lý, 1999); and forty-four in *The Inscriptions of the Trần Dynasty* (Văn khắc thời Trần, 2002). At the same time, the eighty-two inscriptions of the Temple of Literature were translated in *The Steles of the College of the Sons of the Nation in Hanoi* (Văn bia Quốc tử giám Hà Nội, 2000) and *The Temple of Literature, the College of the Sons of the Nation and Their 82 Doctoral Steles* (Văn miếu Quốc tử giám và 82 bia Tiến sĩ, 2002). A book entitled *The Doctoral Steles of Vietnam* (Văn bia đề danh Tiến sĩ Việt Nam, 2006) contains translations of the 137 steles erected in the memory of the graduates of the mandarin examinations held at the four temples of literature in Hanoi, Huế, Bắc-Ninh and Hung-Yên. Finally, the programme *Corpus of Ancient Vietnamese Inscriptions*, of which the present catalogue is a part, set itself the goal of publishing the entire collection: ten volumes of digitally reproduced images – a total of 10,000 inscriptions – have appeared so far (2005-2007).

Alongside these publications of the original documents, research has been conducted on the contents of the inscriptions. In his biography of Lý Thường Kiệt, Hoàng Xuân Hãn used six ancient steles (Lý Thường Kiệt, 1948). A chapter of the work *The Philological Basis of Hán-Nôm* is devoted to inscriptions engraved on steles (Cơ sở văn bản học Hán Nôm, 2007). In addition, a number of recent university dissertations and doctoral theses have dealt with this documentary source. They include, for example, *Vietnamese Steles and their Value for the Study of Medieval Literature* (Văn bia Việt Nam và giá trị của nó khi nghiên cứu văn học Việt Nam thời trung đại, 1990); *Vietnamese Steles, A Source of Documents on Medieval and Modern History* (Văn bia Việt Nam nguồn sử liệu thời kì trung và cận đại, 1993); *The Stelae of the Kinh-Bắc Region During the Lê Period: Reflections of Village Life* (Văn bia thời Lê xứ Kinh Bắc và sự phản ánh sinh hoạt làng xã, 1997); and *The Contribution of Mạc Dynasty Steles to the Study of Sixteenth-Century Vietnamese History* (Văn bia thời Mạc và đóng góp của nó trong

ngiên cứu lịch sử Việt Nam thế kỉ XVI, 1997). On more focused subjects, we may also find *A Study of Steles Relating to Village Markets* (*Nghiên cứu văn bia chợ*, 2003); *A Study of Steles in Demotic Characters* (*Nghiên cứu văn bia chữ Nôm*, 2005); and *Steles Promoting Education* (*Văn bia khuyến học Việt Nam*, 2006). To this list, finally we should add numerous articles published in the journals *Hán Nôm*, *Nghiên Cứu Lịch Sử*, *Khảo Cổ Học*, *Văn Học*, *Văn Hóa Nghệ Thuật*, *Traditional Vietnam* (in Russian), and the annual *Thông Báo Hán Nôm Học*.

We have listed these works of indexing, publication and research to illustrate the extent to which the inscriptions have interested – and continue to interest – the world of scholars and historians. They have all recognised the great scientific value of these texts which inform us of such diverse subjects as ancient society, history and ethnology, culture and political thought, economics, religion, linguistics, etc. The corpus is immense and only a minute proportion of it has been exploited: we fully anticipate that the future holds in store the publication of numerous, original and highly diverse works of scholarship.

Thirty years have passed since the production of the first – provisional and unpublished – index of the inscriptions. Certainly, during the intervening period, technology has gradually improved the index and, to say the least, has rendered many services. But we must also recognise that technological change and the development of Hán-Nôm studies as a discipline mean that it is high time to respond to ever increasing scientific requirements in a more exhaustive and systematic way. In other words, we must now offer scholars a research tool which will allow them to assess the entire extent of the collection and to access the contents of the texts. This is the purpose of the present catalogue, which is not an isolated publication but – quite the contrary – comes as an integral part of a scientific project consisting of three complementary components: establishment of the complete corpus, detailed cataloguing of its elements, creation of a computer database. In the catalogue, of which the successive volumes will be published gradually until the entire collection – around twenty volumes – is made available, the reader will find a precise description of each inscription, both in terms of form and content.

This work is being conducted by the Institute of Hán-Nôm Studies, in cooperation with the École française d'Extrême-Orient and the École pratique des hautes Études. Its scale, duration and complexity have required the creation of a highly-structured working group, as follows:

1. Scientific Committee: Trịnh Khắc Mạnh, Nguyễn Văn Nguyên and Philippe Papin.
2. Editor: Trịnh Khắc Mạnh.
3. Technical Committee: Trịnh Khắc Mạnh and Nguyễn Văn Nguyên.
4. Secretariat: Phạm Thị Vinh, Nguyễn Hữu Mùi and Vũ Thị Mai Anh.
5. Authors: Vũ Lan Anh, Trịnh Khắc Mạnh, Nguyễn Hữu Mùi, Nguyễn Thúy Nga, Nguyễn Thị Ngân, Nguyễn Văn Nguyên, Đinh Khắc Thuân, Đào Thái Tôn and Phạm Thị Vinh.

The creation of this catalogue has benefited from the efforts of our predecessors, to whom we offer our most emphatic homage. Among the authors of the first *Catalogue of the Inscriptions*, a project led by Bùi Thanh Ba, we should mention Thái Văn Liễn, Nguyễn Thúc Linh, Trần Duy Vôn, Nguyễn Thị An Tâm, Đỗ Thị Hào, Nguyễn Kim Hưng, Cao Hữu Lạng, Ngô Thế Long, Dương Thái Minh, Nguyễn Cẩm Thúy and Nguyễn Thị Thanh Xuân, etc. Then, regarding the *Summary Catalogue of the Inscriptions*, a project led by Hoàng Lê, we would like to record the contributions of Hoàng Giáp, Ngô Thế Long, Lê Việt Nga, Nguyễn Thúy Nga, Nguyễn Thị Ngân, Dương Thị The, Phạm Thị Thoa, Nguyễn Huy Thức, Nguyễn Hữu Tương, Nguyễn Công Việt and Phạm Thị Vinh, etc. We take this opportunity to express our gratitude to all of them.

While the present catalogue recognises the extent to which it has inherited and benefited from earlier work, it is nonetheless founded on very different scientific logic and architectural principles. Firstly it is founded on the rubbings of the inscriptions, on the paper documents which – faithful to the original – also offer, with few exceptions, complementary information which we did not wish to overlook. For example, this catalogue systematically records the location at which the rubbing was made, information which is particularly useful when the original text, engraved on a stele, mentions no place name or records a toponym which has since disappeared. The rubbings

also have the advantage of showing the decorative motifs sculpted around the actual inscription and which are of great interest.

Furthermore, as far as the contents are concerned, the catalogue aims to provide a maximum of information to the user, with new details which have been neglected up to now, as well as particulars that allow the reader to approach the original text equipped with precise knowledge of what it contains. The place where the stele was rubbed is included, as well as (when these are known) the names of the author, the calligrapher and the inscriber, the characters placed under taboo, the date, the subject, etc (for details, see *Conventions*, below). This catalogue is thus not a simple list or index, but aims to describe in the most accurate way possible, the physical and philological shape of each of the 45,000 inscriptions in the corpus, and the detail we may anticipate finding within it. This ‘maximalist’ ambition has led us – not without considerable hesitation, as it greatly slowed down the processing work – to include a relatively precise summary of each inscription’s contents: this offers an initial glimpse into the text, and allows the catalogue to be used as the solid foundation from which to approach this or that subject of study, this or that historical era, this or that geographical region’s history.

This work would not have seen the light of day without the help of our colleagues at the Institute of Hán-Nôm Studies, notably the Management Committee of Collaborative Projects, and the directors of this Institute, the Vietnamese Academy of Social Sciences, the École française d’Extrême-Orient, the École pratique des hautes Études and the Agence universitaire de la Francophonie: we offer them our warmest thanks.

Finally, we would like to remind the reader that the creation of this catalogue required the treatment of a very considerable volume of inscriptions and the production, for each of them, of a highly complex descriptive notice. Despite our repeated cross-checks and verifications, errors and mistakes may have escaped our vigilance. Without any doubt, these remain the responsibility of ourselves alone, but we nonetheless beg the customary indulgence that the scientific community offers to its creators when making use of such research tools.

Trịnh Khắc Mạnh

CONVENTIONS

This catalogue, like the corpus of original inscriptions of which publication is under way, is based on the collection of rubbings kept at the Institute of Hán-Nôm Studies, where each rubbing bears its own numerical reference number. Each number refers to one rubbed sheet, and no more than one. When a stele has only one side, one rubbing corresponds to the entire inscription. But when the stele is inscribed on several sides, including its edges, the inscription may be read on as many rubbings as there are sides. This catalogue, which pays as much attention to the document's form as its content, works from the principle that a single entry corresponds to the entire inscription, which may be represented on one or several rubbings of the entire monument (stele or bell). That is why the entries, which are listed in the numerical order of the index in the Institute's library, sometimes includes a single reference number, sometimes several.

The content of the catalogue entries, which will serve for the establishment of a computer database of Vietnamese inscriptions, is based on several systematic and internally consistent principles of presentation.

1 – *The Title*. The inscription's title appears first in transcription into modern Vietnamese, then in its original form in Han or Nom characters. If the inscription covers more than one rubbing – more than one side of a stele – we indicate the number of each (separated by the sign ' / '). The rubbing reference numbers appear opposite the titles. Although it does not correspond exactly to the idea of a 'title' in the sense we understand today, the first line of the inscription, generally in large characters engraved on the pediment of the stele, is used for this rubric; alternatively, in the absence of this line, the first column of characters in the text itself is used. When the different sides of the same stele each bear their own title and these titles are not linked by any discernible logic allowing us to classify them, we cite them in the order of the text's content, and not in the order of the rubbing's reference numbers. Finally, in the absence of a pediment title and if nothing

is indicated in the first column of the text, the catalogue entry bears the record *No title (Vô đề)*.

2 – *Localisation*. This rubric uses two place name systems. Both are essential to the geographic localisation of the monument but they should be carefully distinguished. They are the place mentioned in the original inscription, and the place where the rubbing was made. The first name, given in Vietnamese and characters, is taken from the original text and corresponds to the ancient name of the place where the stele was erected. The second comes directly from the note made by the rubbing team in the margin of the rubbing. As a result, for the EFEO collection of rubbings, colonial toponyms are used. The combination of both systems is indispensable for the localisation of the inscription in today's Vietnam.

3 – *The inscription's form*. This is drawn from observations made on the rubbing and includes its dimensions (width x height), the nature of the characters used (hán, nôm), the number of columns in the text, an estimate of the total number of characters, the presence or otherwise of decorative motifs, the presence or otherwise of taboo characters (and their reproduction, if they exist).

4 – *The inscription's date*. We first provide the information figuring in the original text, which may include all or part of the date expressed in the ancient triple dating system: imperial reign era name, year order number within that era and sexagesimal year name. There follows, in brackets, the date's conversion into today's calendar. When the inscription is not dated, this is mentioned in an explicit note (*không ghi*) and we provide – where possible – an approximate date based on a philological reading of the text itself.

5 – *The inscription's authors*. These may include the writer, the corrector, the calligrapher and the engraver of the inscription. We indicate, in Vietnamese and characters, their common names, pseudonyms, *noms de plume*, village of origin, diplomas, titles and offices. If these details are drawn from our own research, and not from the original text, they are placed between square brackets ([...]).

6 – *The inscription's general subject*. This is indicated under one or several headings, equivalent to key words, used throughout the catalogue.

This note, allowing the reader to make a rapid selection of the inscriptions, is an essential element of the future computer database which will form the final stage of the programme.

7 – *The inscription's content*. This aims to offer, in a few lines summarising the most important information in the text, a clear idea of what the reader may expect to find in the inscription.

8 – *The final note (ghi chú)*. This note may contain further details of noteworthy characteristics of the inscription, on the real date of its composition, on rubbings which are doubles, or on other inscriptions which may bear a relation with this one.

The great volume of Vietnamese rubbings requires a catalogue consisting of several volumes. The first stage of publication Four volumes will be published in the first instance; others will follow gradually, as the work proceeds. To facilitate the search for references, each volume will contain exactly 2,000 inscriptions, of which the first and last reference numbers are indicated on the spine of the book. The indexes have not been forgotten. They will naturally facilitate the selection of inscriptions by place name, date, person, theme, etc, but will be published in further volumes only after completion of the entire catalogue of inscriptions.

The Authors

Hậu phật bi kí

后佛碑記

Kí hiệu: 1

Thác bản bia xã Lâm Du huyện Gia Lâm phủ Thuận An 順安府嘉林縣臨游社, sưu tầm tại chùa Nguyệt Quang xã Lâm Du huyện Gia Lâm tỉnh Bắc Ninh.

Thác bản 1 mặt, khổ 35 x 62 cm, gồm 8 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 180 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Cảnh Hưng, năm Bính Thân (1776).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biếu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Bài vị của hai vị Hậu phật là ông họ Nguyễn, tự Đôn Phác và bà họ Phạm hiệu Diệu Trị. Ông bà đã cúng 40 quan tiền xanh cùng 5 sào ruộng, được dân tôn bàu làm Hậu phật và định lệ cúng giỗ.

Chính Chiêu tháp

正照塔

Kí hiệu: 2/3

Thác bản bia xã Lâm Du 臨游社, sưu tầm tại chùa Nguyệt Quang xã Lâm Du huyện Gia Lâm tỉnh Bắc Ninh.

Thác bản 2 mặt, khổ 43 x 68 cm và 18 x 50 cm, gồm 14 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 250 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: năm Mậu Ngọ.

Niên đại ước đoán: thuộc thời Lê.

Người soạn: tên hiệu: Thanh Như Sa môn 清如沙門; chức vị: Tăng thống.

Người viết chữ: chức vị: Lễ bộ; tước An Đức tử; quê quán: thôn Phú Viên xã Lâm Hạ.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.

- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Bia mộ tháp của nhà sư họ Phạm được sắc phong là Tăng thống Từ Nhã thiền sư Tâm Địa Bồ Tát, người xã Dị Sử huyện Thượng Nguyên phủ Thiên Trường xứ Sơn Nam. Thiền sư xuất gia đầu Phật từ nhỏ, sau tu ở chùa Nguyệt Quang, đứng ra xây dựng lại nhà tiền đường, thượng điện, thiêu hương chùa này. Bán chùa và dân làng tôn kính xây tháp mộ và dành 6 sào ruộng cúng giỗ Thiền sư cùng cha mẹ.

Nhất trụ cúng

一柱供

Kí hiệu: 4

Thác bản bia xã Nội Duệ huyện Tiên Du phủ Từ Sơn đạo Kinh Bắc 京北道慈山府仙遊縣內裔社, sưu tầm tại chùa Hồng Ân núi Hồng Vân huyện Tiên Du tỉnh Bắc Ninh.

Thác bản 1 mặt, khổ 24 x 102 cm, gồm 12 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 500 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: năm Chính Hòa thời Lê.

Người soạn: Lê Viết Tuấn 黎曰俊; quê quán: xã Nội Duệ; chức vị: Tri huyện, Thượng trùm Hội Tư văn.

Người viết chữ: Nguyễn Quang Chấn 阮光振; nho sĩ.

Chủ đề: - Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Ghi tên những người có công đóng góp xây dựng thiên đài để thờ phụng Thượng đế cầu mong cho dân yên, vật thịnh. Tham gia dựng thiên đài có các vị Thượng sĩ Nguyễn Học, Câu đương kiêm Tri Kì an Thượng sĩ Nguyễn Đăng Vinh...

Hồng Vân sơn/Hồng Ân tự

紅云山/洪恩寺

Kí hiệu: 5/6

Thác bản bia xã Nội Duệ tổng Nội Duệ huyện Tiên Du phủ Từ Sơn 慈山府仙遊縣內裔總內裔社, suru tầm tại chùa Hồng Ân tổng Nội Duệ huyện Tiên Du tỉnh Bắc Ninh.

Thác bản 2 mặt, khổ 40 x 100 cm và 20 x 80 cm, gồm 20 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 400 chữ, không có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Chính Hòa thứ 16 (1695).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Vợ chồng ông Ngô Phúc Tâm và bà Nguyễn Thị Dương ở xã Hồi Lan huyện Yên Phong hưng công xây dựng cây hương đá chùa Hồng Ân. Bia ghi những người cùng tham gia đóng góp, trong đó có Hội chủ là Tri huyện Lê Viết Tuấn tự Trung Ý, Ngục thừa ty Ngục thừa Trần Hữu Nhậm tự Phúc Tích, kiêm Tri Kì anh Nguyễn Thế Chân tự Phúc Thiện và Hội chủ kiêm Tri phủ sĩ Nguyễn Hữu Dương.

Hồng Vân sơn Hồng Ân tự/Hưng công hội chủ bi

紅雲山洪恩寺/興功會主碑

Kí hiệu: 7/8

Thác bản bia xã Nội Duệ tổng Nội Duệ huyện Tiên Du phủ Từ Sơn 慈山府仙遊縣內裔總內裔社, suru tầm tại chùa Hồng Ân núi Hồng Vân tổng Nội Duệ huyện Tiên Du tỉnh Bắc Ninh.

Thác bản 2 mặt, khổ 39 x 57 cm, gồm 26 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 350 chữ, có hoa văn, có chữ hý: Trần 巖.

Niên đại: Chính Hòa thứ 18 (1697).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.

- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Ông Thập kí hầu Ngô Phúc Tâm người xã Hôi Lan huyện Yên Phong và vợ là Nguyễn Thị Dương xuất tiền của mua đá xanh xây cột hương và xây 1 dãy nhà tiền đường chùa Hồng Ân. Bìa ghi tên những người công đức đóng góp vào công việc.

Hồng Ân tự bi/Tín thí hưng tạo

洪恩寺碑/信施興造

Kí hiệu: 9/10

Thác bản bia xã Nội Duệ tổng Nội Duệ huyện Tiên Du phủ Từ Sơn
慈山府仙遊縣內裔總內裔社, suru tâm tại chùa Hồng Ân xã Nội
Duệ huyện Tiên Du tỉnh Bắc Ninh.

Thác bản 2 mặt, khổ 55 x 75 cm, gồm 53 dòng chữ Hán, toàn văn ước
khoảng 1500 chữ, có hoa văn, không có chữ huy.

Niên đại: Hoảng Định thứ 12 (1611).

Người soạn và viết chữ: Nguyễn Bảo 阮保; quê quán: xã Dục Tú
huyện Đông Ngàn; chức vị: Đề lại.

Người khắc: Nguyễn Công Đình 阮公廷; quê quán: xã Gia Đức huyện
Thủy Đường.

Chủ đề: - Sinh hoạt làng xã.
- Lịch sử di tích.
- Xây dựng, trùng tu di tích.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Năm Ất Tị (1605) các vị Hội chủ ở xã Duệ Lũng và Xuân Ổ huyện
Tiên Du khởi xướng tu sửa tòa thượng điện, nhà thiêu hương, tiền
đường và tạo mới 23 pho tượng Phật chùa Hồng Ân trên núi Mẫu Ấ.
Năm Tân Hợi (1611) hoàn thành, dựng bia ghi tên những Hội chủ
tham gia đóng góp công đức. Trong đó có Phó đô tướng Thái úy
Phụng Quốc công Trịnh Đồ, Binh bộ Thanh lại ty Lang trung Nguyễn
Công Đạo và phu nhân, cùng các tín thí trong xã như bản xã Cục chánh
họ Nguyễn. Có bài thơ 8 câu 7 chữ ca ngợi cảnh chùa Hồng Ân.

**Hồng Vân từ kí/Óc ưu huệ trạch/Vạn đại lưu truyền/
Thọ phúc điều chương**

紅雲祠記/渥優惠澤/萬代流傳/壽福條章

Kí hiệu: 11/12/13/14

Thác bản bia xã Nội Duệ tổng Nội Duệ huyện Tiên Du phủ Từ Sơn
慈山府仙遊縣內裔總內裔社, suru tầm tại đền Hồng Vân tổng Nội
Duệ huyện Tiên Du tỉnh Bắc Ninh.

Thác bản 4 mặt, khổ 20 x 60 cm, gồm 55 dòng chữ Hán, toàn văn ước
khoảng 1000 chữ, không có hoa văn, có chữ huy: Trừ 辭.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 30 (1769).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Hành trạng, công tích nhân vật.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Ca ngợi vị Đại tướng quân, Thiếu bảo, phong tằng Thiếu phó Hạo
Trung hầu Nguyễn Diên cùng Chánh phu nhân, có nhiều ân đức đối
với dân làng. Ông bà đã cúng 1000 quan tiền cỗ và 54 mẫu ruộng
cho 5 xã trong tổng Nội Duệ, được tôn bàu làm Hậu phật, thờ cúng
mãi mãi. Bia ghi các thửa ruộng, tiền cung tiến và các điều lệ cúng tế.

Đức Lâm Linh Am tự/Hậu phật bi

德林靈庵寺/後佛碑

Kí hiệu: 15/16/17/18

Thác bản bia xã Tả Thanh Oai huyện Thanh Oai phủ Ứng Thiên 應天
府青威縣青威總左青威社, suru tầm tại chùa Linh Am xã Tả Thanh
Oai tổng Thanh Oai huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 4 mặt, khổ 50 x 70 cm và 20 x 60 cm, gồm 16 dòng chữ Hán
và Nôm, toàn văn ước khoảng 400 chữ, có hoa văn, có chữ huy: Tân 麟.

Niên đại: Chính Hòa thứ 15 (1694).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biếu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Bà Trương Thị Chợ, hiệu Từ Uy trước đây đã cúng 75 quan tiền cổ và 3 mẫu 2 sào ruộng cho thôn Đức Lâm để thôn tu sửa chùa Linh Am, được bản thôn tôn bầu làm Hậu phật và cam kết cúng giỗ bà cùng thân phụ. Nay gia đình của bà lại cúng vào chùa Linh Am số ruộng mới tậu là 11 mẫu cùng số tiền là 22 quan để thờ Phật và gửi giỗ cho tổ tiên nội ngoại của bà. Bia ghi các thửa ruộng cúng và cam kết về việc sử dụng số ruộng vào tế tự.

Tả Thanh Oai xã/Hậu phật phụng sự

左青威社/ 後佛奉事

Kí hiệu: 19/20/21

Thác bản bia xã Tả Thanh Oai huyện Thanh Oai phủ Ứng Thiên 應天府青威縣左青威社, sưu tầm tại chùa Linh Am xã Thanh Oai tổng Thanh Oai huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 3 mặt, khổ 30 x 60 cm, gồm 44 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 600 chữ, không có hoa văn, có chữ húy: Cửu 𡗗.

Niên đại: Chính Hòa thứ 19 (1698).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biếu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Bà Trương Thị Chợ từng nhiều lần được bầu làm Hậu thần, Hậu phật. Lần này bà mua 6 mẫu ruộng thuộc địa phận các xã Hưng Giáo, Đại Định và Lễ Dương, cúng làm ruộng tam bảo chùa Linh Am, giao cho 5 giáp xã Hưng Giáo canh tác. Bia ghi những nghi thức và lễ vật quy định vào những ngày cúng giỗ và vị trí diện tích các thửa ruộng.

Nguyễn Thị kí lập chi bi

阮氏寄臘之碑

Kí hiệu: 22

Thác bản bia suru tằm tại chùa Linh Am xã Tả Thanh Oai tổng Thanh Oai huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 50 x 76 cm, gồm 21 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 400 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Vĩnh Trị thứ 4.

Niên đại ước đoán: Duy Tân thứ 4 (1910).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hâu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Hành trạng, công tích nhân vật.

Tóm lược nội dung:

Bà họ Nguyễn cúng vào chùa Linh Am 3 sào ruộng để gửi giỗ tổ tiên cha mẹ nội ngoại. Cả thầy là 10 vị, trong đó có cụ ngoại họ Nguyễn tự Trung Trí, từng được phong chức Đặc tiến Kim tử Vinh lộc đại phu.

Ghi chú: Niên đại trên thác bản là ngụy tạo.

Tiên Linh tự

仙靈寺

Kí hiệu: 23

Thác bản bia thôn Hoa Xá xã Tả Thanh Oai huyện Thanh Oai phủ Ứng Hòa 應和府青威縣左青威社, suru tằm tại chùa Tiên Linh xã Tả Thanh Oai tổng Thanh Oai huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 35 x 67 cm, gồm 12 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 300 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Chính Hòa thứ 2.

Niên đại ước đoán: Tự Đức thứ 2 (1849).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bầu Hâu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà Nguyễn Thị Lựu, hiệu Diệu Đức gửi 70 quan thanh tiền và 4 sào ruộng vào chùa Tiên Linh để gửi giỗ cho ông bà và cha mẹ (4 giỗ).

Ghi chú: Niên đại trên thác bản là ngụy tạo.

Tu Búi tự

修裴寺

Kí hiệu: 24

Thác bản bia xã Phúc Lâm huyện Thanh Oai 青威縣福林社, sưu tầm tại chùa Búi xã Tả Thanh Oai tổng Thanh Oai huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 43 x 58 cm, gồm 17 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 240 chữ, có hoa văn, có chữ hý: Trần 巖.

Niên đại: Hoảng Định thứ 14 (1613).

Người soạn: Đào Trọng 陶仲; nhà sư.

Chủ đề: Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Vì loạn lạc nên những thửa ruộng của chùa xã Phúc Lâm bị thất lạc bị người khác xâm chiếm. Nay tộc trưởng các dòng họ trong thôn căn cứ vào sổ ruộng ngày trước đã bán cho chùa để trả lại toàn bộ cho chùa.

Cổ tích từ bi

古跡祠碑

Kí hiệu: 25

Thác bản bia xã Yên Sở huyện Đan Phượng phủ Quốc Oai trấn Sơn Tây 山西鎮國威府丹鳳縣安所社, sưu tầm tại đền Yên Sở xã Yên Sở tổng Dương Liễu huyện Đan Phượng tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 68 x 107 cm, gồm 28 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 850 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Vĩnh Tộ thứ 2 (1620).

Người soạn: Bùi Duy Thời 裴惟時; quê quán: phường Bích Câu; chức vị: Vương tử Giảng dụ.

Người viết chữ: Nguyễn Tự Phụ 阮自輔; quê quán: xã Yên Sở; học vị: Sinh đồ.

Chủ đề: - Công văn triều đình (sắc, lệnh, chỉ dụ).
- Lịch sử di tích.
- Sự tích, thần phả, gia phả.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Đền xã Yên Sở thờ vị Thượng đẳng thần là Thịnh Minh Đại vương Lí Phục Man, Hoàng tử nhà Lí rất linh ứng. Vào thời Trần, vua Trần Thái Tông qua đây, mộng gặp Đại vương, tự xưng là trung thần của Lý Nam đế, được giao trấn thủ vùng Đỗ Động và Đường Lâm. Sau khi mất được Thượng đế giao cai quản vùng đất này. Thái Tông tỉnh giấc, bèn sai lập đền thờ ngài. Năm Hoằng Định 14 (1613), vua Lê ban lệnh chỉ cho dân xã này làm tạo lệ, miễn phu phen tạp dịch để lo phụng thờ Đại vương. Trên bia còn khắc bài thơ 4 câu của Thoát Hiên tiên sinh (Đặng Minh Khiêm, Hoàng Giáp năm 1488) và bài minh 30 câu 4 chữ.

Tương đại hợp tự chi bi/Đức hậu giả kì lưu quang

蔣大合祀之碑/德厚者其流光

Kí hiệu: 26/27

Thác bản bia sưu tầm tại xã Tả Thanh Oai tổng Thanh Oai huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 78 x 135 cm và 69 x 129 cm, gồm 36 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 1200 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Chính Hòa thứ 1.

Niên đại ước đoán: Minh Mệnh thứ 1 (1820).

Người soạn: Tương Đức Gia 蔣德嘉.

Chủ đề: - Gia phả, lai lịch dòng họ.

- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Dòng họ Tường bắt nguồn từ cụ thủy tổ tự Đức Tiên sống vào niên hiệu Thái Hòa triều Lê, tính đến nay đã phát triển qua 13 thế hệ. Bia ghi danh sách huy hiệu, ngày giỗ các vị tổ tiên dòng họ, từ cụ thủy tổ trở xuống. Trước đây việc tế lễ tổ tiên đều được các chi phái tiến hành riêng rẽ tại phần mộ. Nay họ tộc lập nhà thờ làm đàn hợp tự tổ tiên và quy định rõ về nghi lễ cúng giỗ và số ruộng tế dùng cho cúng tế.

Ghi chú: Niên hiệu “Chính Hòa” trên thác bản là ngụy tạo.

Lê triều tiết nghĩa từ bi kí

黎朝節義祠碑記

Kí hiệu: 28/29

Thác bản bia phường Thụy Chương huyện Quảng Đức phủ Phụng Thiên 奉天府廣德縣瑞璋坊, sưu tầm tại đền phường Thụy Khuê Hà Nội.

Thác bản 2 mặt, khổ 85 x 135 cm, gồm 41 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng chữ, có hoa văn, không có chữ huy.

Niên đại: Tự Đức thứ 14 (1861).

Người soạn: Hoàng Thu 黃收; chức vị: Tổng đốc Hà Ninh.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Theo nghị bản của Bộ Lễ và Bộ Công, triều đình đã lệnh cho các quan tỉnh Hà Nội xây dựng ngôi đền thờ các vị tiết nghĩa thời Lê, khởi công từ năm 1680 đến 1681 thì hoàn thành. Đền ở sát hồ, cảnh trí kì vĩ. Bia ghi tên họ, chức vị 23 vị bề tôi tiết nghĩa của vua Lê Chiêu Tông, trong đó có Đồng Bình chương sự Lê Quýnh, Tứ thành Phó Đề lãnh Nguyễn Viêt Triệu, Binh bộ Thượng thư Nguyễn Đình Giản, Kinh Bắc Trấn thủ Trần Quang Châu v.v...

Nghĩa điền bi kí

義田碑記

Kí hiệu: 30/33

Thác bản bia phường Thụy Chương huyện Quảng Đức phủ Phụng Thiên 奉天府廣德縣瑞璋坊, sưu tầm tại miếu Thụy Chương.

Thác bản 2 mặt, khổ 64 x 100 cm, gồm 60 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 840 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Chính Hòa thứ 8 (1687).

Người soạn: Nguyễn Đăng Tuân 阮登遵; quê quán: xã Hoài Bảo huyện Tiên Du phủ Từ Sơn xứ Kinh Bắc; chức vị: Phủ doãn phủ Phụng Thiên.

Người viết chữ: Trần Anh 陳瑛; quê quán: xã Nhật Cảo huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai xứ Sơn Tây; tước hiệu: Đông Lĩnh nam.

Người khắc: Nguyễn Duy Minh 阮維明; quê quán: xã An Hoạch huyện Đông Sơn phủ Thiệu Thiên.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Hành trạng, công tích nhân vật.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Bà họ Dương hiệu Từ Hiếu là phu nhân của vị Trung quân Đô đốc phủ Tả Đô đốc, Thiếu úy Phó tướng Tông Quận công, là người nhân hậu. Bà đã cấp cho giáp Đông phường Thụy Chương 3 mẫu, 1 sào, 2 khẩu ruộng và 1 cái ao để giáp cày cấy. Bà giáp nhớ ơn bà, định lệ cúng giỗ sau ngày bà trăm tuổi. Lễ vật gồm 1 con bò, 4 mâm xôi, rượu và cau trầu đủ dùng.

Hậu thần bi kí

後神碑記

Kí hiệu: 31

Thác bản bia phường Thụy Chương huyện Quảng Đức phủ Phụng Thiên 奉天府廣德縣瑞璋坊, sưu tầm tại miếu Thụy Chương.

Thác bản 1 mặt, khổ 45 x 76 cm, gồm 15 dòng chữ Hán, toàn văn ước

khoảng 350 chữ, có hoa văn, có chữ húy: Cửu 纘.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 3 (1742).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Hành trạng, công tích nhân vật.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Giáp Đông phường Thụy Chương tôn bàu Hậu thần cho vợ chồng ông Vũ Hữu Thường và bà Phùng Thị Châu là người lương thiện. Ông bà cúng cho làng 200 quan tiền, 1 mẫu ruộng để chi dùng vào việc chung. Dân giáp định lệ biểu cổ mỗi kì lễ nhập tịch, cầu phúc và quy định cúng giỗ sau này. Có các vị chức sắc trong phường như Phường tư, Phường sử cùng kí.

Hậu thần bi kí

後神碑記

Kí hiệu: 32

Thác bản bia giáp Đông phường Thụy Chương huyện Quảng Đức phủ Phụng Thiên 奉天府廣德縣瑞璋坊東甲, sưu tâm tại miếu Thụy Chương.

Thác bản 1 mặt, khổ 45 x 65 cm, gồm 19 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 360 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Vĩnh Hựu thứ 1 (1735).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Giáp Đông phường Thụy Chương hội họp ở đình chọn bàu Hậu thần cho vợ chồng ông Lê Xuân Vượng và bà Bùi Thị Nêm. Ông bà cúng cho giáp 600 quan tiền và 2 mẫu ruộng. Dân trong giáp định lệ biểu cổ mỗi kỳ lễ nhập tịch, cầu phúc và quy định cúng giỗ sau này.

Kí kị chi bi

寄忌之碑

Kí hiệu: 34

Thác bản bia phường Thụy Khuê tổng Trung huyện Hoàn Long 環龍縣中總瑞珪坊, sưu tầm tại miếu Thụy Chương.

Thác bản 1 mặt, khổ 42 x 65 cm, gồm 14 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 250 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Thành Thái thứ 15 (1903).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Giáp Đông sửa đình, chi phí nhiều, nên đặt lệ gửi giỗ để lấy tiền chi phí. Có bà Nguyễn Thị Châu cúng cho giáp 60 đồng, xin gửi giỗ cho ông bà nội cùng tứ thân phụ mẫu, cộng gồm 6 giỗ. Kê họ tên, húy hiệu, ngày giỗ.

Kị hậu bi

忌后碑

Kí hiệu: 35

Thác bản bia phường Thụy Khuê tổng Trung huyện Hoàn Long 環龍縣中總瑞珪坊, sưu tầm tại miếu Thụy Chương.

Thác bản 1 mặt, khổ 42 x 68 cm, gồm 13 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 260 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Thành Thái thứ 14 (1902).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Giáp Đông sửa đình, chi phí tốn kém, nên đặt lệ gửi giỗ để lấy tiền chi

dụng. Có bà Hà Thị Ngắm cúng cho giáp 360 quan tiền kẽm, xin gửi giỗ cho ông bà, cha mẹ, em gái và bản thân, cộng gồm 6 giỗ. Bản giáp dựng bia ghi huy hiệu, ngày giỗ và quy định về lễ vật cúng giỗ.

Lập Hậu kị bi

立后忌碑

Kí hiệu: 36

Thác bản bia phường Thụy Khuê tổng Trung huyện Hoàn Long, Hà Thành 河城環龍縣中總瑞珪坊, sưu tầm tại miếu Thụy Chương.

Thác bản 1 mặt, khổ 22 x 47 cm, gồm 8 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 40 chữ, có hoa văn, không có chữ huy.

Niên đại: Thành Thái thứ 14 (1902).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Giáp Đông sửa đình, chi phí còn thiếu nhiều nên đặt lệ gửi giỗ để lấy tiền chi dùng. Có bà Phan Thị Linh cúng cho giáp 120 quan tiền xanh, xin gửi giỗ cho hai mẹ con. Định lệ mỗi giỗ cúng 1 con gà, 1 đĩa xôi, trầu rượu đủ dùng.

Hậu kị bi kí

后忌碑記

Kí hiệu: 37

Thác bản bia phường Thụy Chương tổng Trung huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức tỉnh Hà Nội 河內省懷德府永順縣中總瑞璋坊, sưu tầm tại miếu Thụy Chương.

Thác bản 1 mặt, khổ 44 x 54 cm, gồm 16 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 330 chữ, có hoa văn, không có chữ huy.

Niên đại: Tự Đức thứ 11 (1858).

Người soạn: không ghi.

- Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biếu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Do vỡ đê mà chùa quán trong giáp Đông bị nước lụt làm hư hại, thất tán đồ vật. Nay giáp bàn nhau tu bổ lại. Có bà Hà Thị Hậu cúng cho giáp 200 quan tiền cô để giáp chi dùng và xin gửi giỗ cho vợ chồng bà vào đình. Dân chấp thuận nhận tiền và định lệ cúng giỗ vợ chồng bà sau ngày trăm tuổi.

Kí kị bi kí

寄忌碑記

Kí hiệu: 38

Thác bản bia phường Thụy Khuê tổng Trung huyện Hoàn Long, Hà Thành 河城環龍縣中總瑞珪坊, sưu tầm tại miếu Thụy Chương.

Thác bản 1 mặt, khổ 44 x 54 cm, gồm 16 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 330 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Thành Thái thứ 14 (1902).

Người soạn: không ghi.

- Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biếu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Nhân khi giáp sửa chữa đình miếu, bà Bùi Thị Đồng cúng cho giáp 300 quan tiền kèm để xin gửi giỗ cho vợ chồng và 3 người con của họ, cộng gồm 5 giỗ. Định lệ mỗi giỗ cúng 1 con gà, 1 đĩa xôi, trầu rượu đủ dùng.

Kí kị bi kí

寄忌碑記

Kí hiệu: 39

Thác bản bia phường Thụy Chương tổng Trung huyện Vĩnh Thuận

phủ Hoài Đức tỉnh Hà Nội 河南省懷德府永順縣中總瑞璋坊, sưu tầm tại miếu Thụy Chương.

Thác bản 1 mặt, khổ 40 x 50 cm, gồm 19 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 300 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Tự Đức thứ 3 (1850).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Nhân khi giáp sửa chữa một gian nhà để cất giữ đồ vật thờ cúng, bà Nguyễn Thị Xuyên cúng cho giáp 300 quan tiền để xin gửi giỗ cho cha mẹ bà. Các vị chức sắc trong giáp chấp thuận, dựng bia quy định nghi thức cúng giỗ.

Hậu kị bi kí

後忌碑記

Kí hiệu: 40

Thác bản bia phường Thụy Chương tổng Trung huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức, nước Đại Nam 大南國懷德府永順縣中總瑞璋坊, sưu tầm tại miếu Thụy Chương.

Thác bản 1 mặt, khổ 40 x 50 cm, gồm 19 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 300 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Thiệu Trị thứ 4 (1844).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Ngôi miếu của giáp Đông lâu ngày hư hỏng, bản giáp bàn nhau tu sửa. Bà Dương Thị Hỷ cúng cho giáp 300 quan tiền cổ để góp chi phí

sửa chữa miếu, đồng thời xin gửi giỗ cho vợ chồng bà tại đình. Các vị chức sắc trong giáp kí nhận tiền và cam kết giỗ về sau.

Kí kị bi kị

寄忌碑記

Kí hiệu: 41

Thác bản bia phường Thụy Khuê tổng Trung huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức tỉnh Hà Nội 河內省懷德府永順縣中總瑞珪坊, sưu tầm tại miếu Thụy Chương.

Thác bản 1 mặt, khổ 33 x 53 cm, gồm 16 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 320 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Thành Thái thứ 3 (1891).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biếu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Bà Nguyễn Thị Lắm người trong giáp đã cúng cho giáp 110 quan tiền để xin gửi giỗ cho cha mẹ. Có các vị chức sắc trong giáp kí nhận và cam kết lo cúng giỗ hàng năm.

Kí kị bi kị

寄忌碑記

Kí hiệu: 42

Thác bản bia phường Thụy Chương tổng Trung huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức 懷德府永順縣中總瑞璋坊, sưu tầm tại miếu Thụy Chương.

Thác bản 1 mặt, khổ 48 x 75 cm, gồm 19 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 400 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Hàm Nghi thứ 1 (1885).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biếu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Bà Hà Thị Tiết cúng 320 quan tiền kèm đồ giáp Đông tu sửa đình, đồng thời xin gửi giỗ cho cha mẹ chồng cùng vợ chồng bà tại đình của bản giáp. Dân trong giáp họp bàn, thuận tình lập bản cam kết về các nghi thức cúng giỗ.

Hậu thần bi kí

後神碑記

Kí hiệu: 43

Thác bản bia phường Thụy Chương tổng Trung huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức tỉnh Hà Nội 河南省懷德府永順縣中總瑞璋坊, sưu tầm tại miếu Thụy Chương.

Thác bản 1 mặt, khổ 45 x 67 cm, gồm 15 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 340 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Minh Mệnh thứ 16 (1835).

Người soạn: Không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Bà Phạm Thị Lũ vì không có con trai, nên cúng 300 quan tiền cho giáp chi dùng. Dân trong giáp họp bàn tôn bàu vợ chồng bà làm Hậu thần, cam kết cúng giỗ hàng năm tại đền.

Hậu kị bi kí

後忌碑記

Kí hiệu: 44

Thác bản bia phường Thụy Chương tổng Trung huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức tỉnh Hà Nội 河南省懷德府永順縣中總瑞璋坊, sưu tầm tại miếu Thụy Chương.

Thác bản 1 mặt, khổ 46 x 65 cm, gồm 15 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 300 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Tự Đức thứ 3 (1850).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Nhân khi giáp dự định tu sửa tòa giải vũ nhưng thiếu tiền chi phí, bà Nguyễn Thị Liếc cúng 300 quan tiền cho giáp chí dùng. Công việc hoàn thành, dân trong giáp họp bàn, thuận tình cho bà và người chồng quá cố của bà được gửi giỗ tại đền.

Kí kị bi kí

寄忌碑記

Kí hiệu: 45

Thác bản bia phường Thụy Chương tổng Trung huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức tỉnh Hà Nội 河南省懷德府永順縣中總瑞璋坊, sưu tầm tại miếu Thụy Chương.

Thác bản 1 mặt, khổ 54 x 60 cm, gồm 20 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 320 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Tự Đức thứ 18 (1865).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Ông Lê Văn Hải và vợ là Bùi Thị Sâm cúng 160 quan tiền để bản giáp nộp tiền nuôi binh lính, được dân giáp chấp thuận cho được gửi giỗ tại đình. Bia qui định lệ cúng giỗ hàng năm, mỗi kì giỗ, lễ vật gồm 1 con lợn, 1 mâm xôi, cau rượu đủ dùng.

Hậu kị bi kí

後忌碑記

Kí hiệu: 46

Thác bản bia giáp Đông phường Thụy Chương tổng Trung huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức 懷德府永順縣中總瑞璋坊東甲, sưu tâm tại miếu Thụy Chương.

Thác bản 1 mặt, khổ 39 x 55 cm, gồm 12 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 300 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Tự Đức thứ 9 (1856).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Bà Dương Thị Nghĩa cúng 200 quan tiền cho giáp đề tu sửa miếu. Bản giáp thuận tình cho vợ chồng bà được gửi giỗ tại đình và lập bia quy định nghi thức cúng giỗ.

Kí kị bi

寄忌碑

Kí hiệu: 47

Thác bản bia phường Thụy Khuê tổng Trung huyện Hoàn Long 環龍縣中總瑞珪坊, sưu tâm tại miếu Thụy Chương.

Thác bản 1 mặt, khổ 34 x 64 cm, gồm 14 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 280 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Thành Thái thứ 16 (1904).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Ông Bùi Văn Doãn cúng 60 đồng ngân tiền cho giáp chỉ dùng vào việc tu sửa đình đồng thời xin gửi giỗ cho ông bà cha mẹ, chú ruột

và anh ruột. Quan viên, chức sắc và toàn dân trong giáp hợp bàn, chấp thuận cho gửi 6 giỗ và quy định lễ nghi cúng giỗ.

Kí kị bi

寄忌碑

Kí hiệu: 48

Thác bản bia phường Thụy Khuê tổng Trung huyện Hoàn Long, Hà Thành 河城環龍縣中總瑞珪坊, sưu tầm tại miếu Thụy Chương.

Thác bản 1 mặt, khổ 32 x 57 cm, gồm 8 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 150 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Thành Thái thứ 17 (1905).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Bà Bùi Thị Tụ cúng 100 quan tiền kèm cho giáp Đông chi dùng vào việc tu sửa đình và xin gửi giỗ cho cha mẹ bà. Quan viên, chức sắc và toàn dân trong giáp hợp bàn chấp thuận và định lệ cúng giỗ.

Hậu kị bi kí

後忌碑記

Kí hiệu: 49

Thác bản bia giáp Đoài phường Thụy Chương tổng Trung huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức 懷德府永順縣中總瑞璋坊兌甲, sưu tầm tại đền Thụy Chương.

Thác bản 1 mặt, khổ 52 x 75 cm, gồm 14 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 250 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Tự Đức thứ 21 (1868).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Ông Lý trưởng giáp Đoài là Bùi Văn Hòa cúng 120 quan tiền cho giáp dựng cổng tam quan ở đình và xin gửi giỗ cho cha mẹ. Quan viên, chức sắc và toàn dân trong giáp cùng chấp thuận cho dựng bia, định lệ cúng giỗ. Có bài minh.

Kí kỵ hậu bi kí

寄忌後碑記

Kí hiệu: 50

Thác bản bia giáp Đoài phường Thụy Chương tổng Trung huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức tỉnh Hà Nội 河內省懷德府永順縣中總瑞璋坊兌甲, suru tầm tại đền Thụy Chương.

Thác bản 1 mặt, khổ 39 x 60 cm, gồm 14 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 250 chữ, có hoa văn, không có chữ huy.

Niên đại: Tự Đức thứ 32 (1879).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Các bà Phan Thị Vị, Phan Thị Kiểm và Phan Thị Họa cúng 120 quan tiền cho giáp Đoài chi dùng vào việc xây dựng tòa điện thờ, để xin gửi giỗ cho cha mẹ. Quan viên, chức sắc và toàn dân trong giáp họp bàn chấp thuận và cho dựng bia cam kết cúng giỗ tại đình.

Hậu thần bi kí

後神碑記

Kí hiệu: 51

Thác bản bia giáp Thọ phường Thụy Chương huyện Quảng Đức phủ Phụng Thiên 奉天府廣德縣瑞璋坊壽甲, suru tầm tại miếu Thụy Chương.

Thác bản 1 mặt, khổ 45 x 60 cm, gồm 14 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 330 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 9 (1748).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Bà Cao Thị Nhị ở giáp Thọ phường Thụy Chương cúng cho giáp 80 quan tiền đồng và 1 mảnh đất để dùng vào việc sửa chữa, thờ phụng tại đền. Toàn dân, chức sắc trong giáp họp bàn bầu bà và phu quân họ Bùi làm Hậu thần. Định lệ cúng Hậu thần 1 con bò, 3 mâm xôi, cau trầu, rượu đủ dùng.

Kí kị bi kí

寄忌碑記

Kí hiệu: 52

Thác bản bia giáp Đoài phường Thụy Chương tổng Trung huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức 懷德府永順縣中總瑞璋坊兌甲, sưu tầm tại đền Thụy Chương.

Thác bản 1 mặt, khổ 30 x 40 cm, gồm 13 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 230 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Tự Đức thứ 11 (1858).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Giáp Đoài lo tu sửa nghi môn, chi phí nhiều, phải nên họp chọn người gửi giỗ để giảm sự đóng góp của dân. Có ông Hà Văn Duyệt người trong giáp, cúng 60 quan tiền cỗ để gửi giỗ cho mẹ kế là bà Nguyễn Thị Năm. Bản giáp chấp thuận, dựng bia cam kết về nghi lễ cúng giỗ.

Hậu kị

後忌

Kí hiệu: 53

Thác bản bia giáp Đoài phường Thụy Chương huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức 懷德府永順縣中總瑞璋坊兌甲, suru tâm tại đền Thụy Chương.

Thác bản 1 mặt, khổ 45 x 70 cm, gồm 13 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 300, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Minh Mệnh thứ 15 (1834).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Giáp Đoài sửa đình, chi phí còn thiếu nhiều. Có bà Tống Thị Ba cúng giúp giáp 150 quan tiền. Toàn giáp họp bàn, tôn bầu bà làm Hậu thân, định lệ biểu mỗi kì nhập tịch cầu phúc, thường tân và cúng giỗ sau khi bà trăm tuổi.

Hậu thần bi kí

後神碑記

Kí hiệu: 54

Thác bản bia giáp Đoài phường Thụy Chương huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức 懷德府永順縣中總瑞璋坊兌甲, suru tâm tại đền Thụy Chương.

Thác bản 1 mặt, khổ 45 x 70 cm, gồm 14 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 320 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Minh Mệnh thứ 15 (1834).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Vợ chồng bà Vũ Thị Vị cúng 200 quan tiền cổ cho giáp để chi dùng vào việc sửa đình. Toàn giáp họp bàn, tôn bầu bà và chồng bà làm Hậu thân, định lệ biểu lễ vào các dịp lễ nhập tịch, thường tân và cúng giỗ sau khi ông bà trăm tuổi.

Kí hậu bì kí

寄后碑記

Kí hiệu: 55

Thác bản bia giáp Đoàn phường Thụy Chương tổng Trung huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức 懷德府永順縣中總瑞璋坊兌甲, sưu tầm tại đền Thụy Chương.

Thác bản 1 mặt, khổ 30 x 50 cm, gồm 14 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 300 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Tự Đức thứ 13 (1861).

Người soạn: Không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Giáp Đoàn sửa chữa, đổi hướng ngôi đình, cần nhiều tiền để chi phí nên họp bàn theo lệ cũ cho gửi giỗ lấy tiền để đỡ dần đóng góp của dân. Nay có vợ chồng bà Bùi Thị Sâm cúng 120 quan tiền cổ để gửi giỗ cho cha mẹ. Dân giáp nhận tiền và cam kết thực hiện lệ cúng giỗ.

Kí hậu bì kí

寄后碑記

Kí hiệu: 56

Thác bản bia giáp Đoàn 兌甲, sưu tầm tại đền Thụy Chương.

Thác bản 1 mặt, khổ 50 x 80 cm, gồm 13 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 280 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Thành Thái thứ 15 (1903).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Hành trạng, công tích nhân vật.

Tóm lược nội dung:

Thiền tăng Phạm Đình Xuyên ở chùa Trấn Bắc vốn là người giáp Đoài phường Thụy Khuê, ngộ thiền theo đạo Phật đã lâu, vẫn tương nhớ đến công lao của tổ tiên, phụ mẫu. Năm trước ông đã làm lễ siêu thoát cho họ tại chùa. Nay lại muốn hương hồn gia tiên được nương nhờ hương hỏa ở đền thờ Thần, bèn cùng với chú ruột và con rể cùng gia đình cúng cho bản giáp 70 đồng tiền để gửi giỗ cho 6 vị tại đền Thụy Chương.

Kí kị bi

寄忌碑

Kí hiệu: 57

Thác bản bia phường Hồ Khẩu tổng Trung huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức 懷德府永順縣湖口坊, sưu tầm tại đình Hồ Khẩu.

Thác bản 1 mặt, khổ 50 x 90 cm, gồm 14 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 320 có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Tự Đức thứ 2 (1849).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Phường Hồ Khẩu được triều đình giảm cho ngạch mức thuế giấy, nhưng để lo việc này cần gấp khoản chi phí mà chưa kịp đi thu của dân. Nay có ông hương lão kiêm Trùm nhiều Lí Văn Thảo ứng ra cho phường 210 quan tiền để chi tiêu việc công, lại cúng 1 ao cá để thay cho ruộng gửi giỗ. Toàn dân trong giáp họp bàn thuận tình chấp nhận cho ông và 2 bà vợ được gửi giỗ tại đình và dựng bia quy định nghi thức cáo lễ vào các tiết trong năm và lễ vật cúng giỗ.

Phúc Châu tự bi

福珠寺碑

Kí hiệu: 58/59

Thác bản bia giáp Đoài phường Thụy Khuê tổng Trung huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức tỉnh Hà Nội 河南省懷德府永順縣中總瑞珪坊兌甲, sưu tầm tại chùa Phúc Châu phường Thụy Khuê.

Thác bản 2 mặt, khổ 63 x 100 cm, gồm 43 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 750 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Thành Thái thứ 5 (1893).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Sinh hoạt làng xã.
- Lịch sử di tích.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Bản phường có hai chùa Phúc Lâm và Châu Lâm vốn được xây dựng từ thời Lê, nằm cách nhau 1 dặm, không tiện cho việc lễ bái. Nay hai chùa lâu ngày hư hỏng, hơn nữa chùa cũ ở gần sát liền với trại làm giấy, rất không hợp với chốn thờ phụng trang nghiêm. Do vậy, toàn phường cùng dồn 2 chùa làm một và dời về chỗ ngõ Hoàng Lũng gần làng. Công việc hoàn thành, đặt lại tên chùa mới là Phúc Châu tự. Kê họ tên các vị tín thí đóng góp vào việc di dời xây mới.

Châu Lâm tự tập phúc bi/Tân tạo công đức lập kí

珠林寺集福碑/新造功德立記

Kí hiệu: 60/63

Thác bản bia phường Thụy Chương huyện Quảng Đức phủ Phụng Thiên - Trung Đô 中都奉天府廣德縣瑞璋坊, sưu tầm tại chùa Châu Lâm phường Thụy Khuê.

Thác bản 2 mặt, khổ 84 x 120 cm, gồm 60 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 2500 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Chính Hòa thứ 20 (1699).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Lịch sử di tích.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Năm Kì Tị (1689) nhà sư trụ trì chùa Châu Lâm là Nguyễn Hữu Nho đạo hiệu Huyền Sĩ người phường Trích Sài cùng các đạo hữu tiến hành tu sửa chùa Châu Lâm (tục gọi là chùa Bà Đanh), xây mới tòa thượng điện, nhà thiêu hương, tiền đường, cổng tam quan, gác chuông và đúc chuông, tô tượng Phật. Đến năm Kì Mão (1699) dựng bia ghi lại sự việc và ghi tên các vị thiện tín đã đóng góp công đức vào công việc.

Ngọc Sơn Đế quân từ kí/Hợp tư tính Thị bi kí

玉山帝君祠記/合贊姓氏碑記

Kí hiệu: 61/62

Thác bản bia sưu tầm tại đền Ngọc Sơn hồ Hoàn Kiếm - Hà Nội.

Thác bản 2 mặt, khổ 80 x 136 cm, gồm 74 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1800 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Thiệu Trị thứ 3 (1843).

Người soạn: Vũ [Tông Phan] 武宗潘, tên hiệu: Lỗ Am 魯庵; quê quán: Hồng Châu; học vị: Tiến sĩ khoa Bính Thìn (1827); chức vị: Bắc Ninh Học chính.

Người viết chữ: Tô Cương 蘇岡; quê quán: xã Nhân Mục Cự huyện Thanh Trì.

Người khắc: Nguyễn Văn Hàn 阮文韓; quê quán: thôn Tân Khai.

Chủ đề: - Lịch sử di tích.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Đền Ngọc Sơn dựng trên một gò đất rộng chừng 3-4 sào nổi lên ở phía bắc hồ Tả Vọng (xưa gọi là hồ Hoàn Kiếm), tương truyền là đài cầu cá vào cuối triều Lê. Hồi trước ông Tín Trai người làng Nhị Khê nhân có ngôi đền thờ Quan Đế ở đây tu sửa lại thành chùa, gọi là chùa Ngọc Sơn. Trãi mưa gió, chùa bị hư hỏng. Bấy giờ có Hội

Hương Thiện vốn thờ Văn Xương Đế quân nhưng chưa có đền, được các con của ông Tín Trai nhượng lại cho chùa này. Nhờ thế vào năm Tân Sửu (1841), Hội khởi công cải tạo xây dựng chùa cũ thành đền thờ Văn Xương Đế quân, dỡ bỏ gác chuông, xây nhà giải vũ, tạo tượng. Bia kê danh sách những người có công đóng góp vào công việc.

Nam vô thập phương tam bảo chứng minh

南無十方三寶證明

Kí hiệu: 64

Thác bản bia phường Hồ Khẩu tổng Trung huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức tỉnh Hà Nội 河南省懷德府永順縣中總湖口坊, sưu tầm tại chùa Tịnh Lâu phường Hồ Khẩu.

Thác bản 1 mặt, khổ 75 x 114 cm, gồm 20 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 800 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Thành Thái thứ 11 (1899).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hàu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

- Lịch sử di tích.

- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Vào hai năm Giáp Ngọ, Ất Mùi (1893-1894), nhà sư Tỳ Khưu Thanh Cảnh khởi xướng tu sửa chùa Tịnh Lâu, công trình rất lớn, may được các vị thiện tín tình nguyện đóng góp mỗi vị 15 đồng nên công trình đã hoàn thành viên mãn. Nay nhà chùa ghi nhớ sự gửi gắm của các thiện tín trước đây khi họ đóng góp công đức, bèn dựng bia ghi tên hiệu các vị gia tiên của họ để cùng được phối hưởng vào tiết Hạ hàng năm tại chùa.

Hậu thần bi kí

後神碑記

Kí hiệu: 65

Thác bản bia phường Hồ Khẩu huyện Quảng Đức phủ Phụng Thiên

奉天府廣德縣湖口坊, suru tâm tại đình phường Hồ Khẩu.

Thác bản 1 mặt, khổ 50 x 90 cm, gồm 18 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 650 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 6 (1745).

Người soạn: họ Nguyễn 阮, tên hiệu: Thận Trai 慎齋.

Người viết chữ: Chu Đăng Luân 周登倫; chức vị: Phó Cai hợp, Huyện thừa huyện Vĩnh Khang.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biếu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Từ năm Giáp Thìn (1724) phường Hồ Khẩu khởi công xây dựng ngôi đình 5 gian và một tòa điện thờ, nhưng không đủ tiền lợp ngói. Bấy giờ bà Lí Thị Kiên người phường Thái Cực huyện Thọ Xương đã cúng cho phường 145 quan tiền để mua ngói. Sau khi hoàn thành, bà lại cúng một chiếc chiêng giá 20 quan tiền cổ. Đến nay, bà lại cúng trướng gấm, áo the làm đồ thờ thần, đồng thời mua 2 mẫu ruộng đặt làm ruộng kị điền. Dân phường cảm nhận công đức của bà, đồng lòng tôn bầu vợ chồng bà làm Hậu thần, dựng bia ghi công và quy định các nghi thức cúng giỗ.

Chúc Thánh Thanh Lâu đẳng tự hương hỏa điền bi

祝聖青樓等寺香火田碑

Kí hiệu: 66

Thác bản bia phường Hồ Khẩu huyện Quảng Đức phủ Phụng Thiên 奉天府廣德縣湖口坊, suru tâm tại đình phường Hồ Khẩu.

Thác bản 1 mặt, khổ 55 x 87 cm, gồm 26 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 600 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Vĩnh Tộ thứ 4 (1622).

Người soạn: Đỗ Trực 杜直; quê quán: xã Lạp Hạ huyện Yên Sơn; học vị: Giám sinh.

Chủ đề: - Công văn triều đình.

- Sinh hoạt làng xã.
- Lịch sử di tích.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Phường Hồ Khẩu có hai ngôi chùa là Chúc Thánh và Thanh Lâu đều là danh thắng có từ rất lâu, nổi tiếng là linh thiêng. Năm Mậu Ngọ (1618) gặp kỳ lũ lớn phủ Chúa sai quan tới chùa cầu đảo được thần phật phù hộ nên thoát khỏi tai nạn. Vì thế, đến năm Canh Thân (1620) quan Phủ doãn phủ Phụng Thiên Nguyễn Tự Cường đã xuống khám đặc, dâng khải xin đòi lại số ruộng Tam bảo của hai chùa bị người chiếm đoạt. Bia khắc nguyên văn lệnh chỉ của chúa Trịnh Bình An vương hoàn trả ruộng Tam bảo cho hai chùa, trong đó 4 mẫu 3 sào của chùa Chúc Thánh và 6 mẫu của chùa Thanh Lâu. Có bài minh 36 câu tóm lược sự việc.

Thành Thái Nhân Dân tu tập quyền ngân phương danh bi kí

成泰壬寅修葺捐銀芳名碑記

Kí hiệu: 67

Thác bản bia sưu tầm tại chùa Ngọc Sơn.

Thác bản 1 mặt, khổ 38 x 68 cm, gồm 58 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1300 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Thành Thái thứ 15 (1903).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Ghi họ tên người đã quyên góp tiền để tu tạo đền Ngọc Sơn vào năm Nhân Dân (1902), trong đó có các vị quan lại như Đông các Đại học sĩ Trần Lưu Tuệ, Tri phủ phủ Mỹ Đức Lê Nguyên Thực, các tổ chức như Phổ Tế đàn, Tập Phúc đường và nhiều tín sĩ thập phương.

Trùng tu quyền tư quan danh tả bi kí

重修捐貲官名左碑記

Kí hiệu: 68

Thác bản bia sưu tầm tại miếu Văn Xương đền Ngọc Sơn.

Thác bản 1 mặt, khổ 72 x 94 cm, gồm 21 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 250 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: không ghi.

Niên đại ước đoán: bia đời Tự Đức - Thành Thái triều Nguyễn.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Ghi họ tên những quan chức đã cúng tiền của để tu bổ đền Ngọc Sơn, trong số đó có Tổng đốc Nguyễn Đình Tân cúng 100 lạng bạc, Tri huyện Thọ Xương Nguyễn Văn Truy 30 đồng, Bó chánh sứ Hà Nội Lê Hữu Thanh 10 lạng bạc v.v...

Hậu thần bi kí

後神碑記

Kí hiệu: 69

Thác bản bia phùng Thụy Chương tổng Trung huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức 懷德府永順縣中總瑞璋坊, sưu tầm tại đền Thụy Chương.

Thác bản 1 mặt, khổ 45 x 69 cm, gồm 11 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 240 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Tự Đức thứ 29 (1876).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bâu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Bà Nguyễn Thị Đan ở giáp Đoài phường Thụy Chương cúng 60 quan tiền cho bản giáp tu tạo đình và xin gửi giỗ cho bản thân. Dân giáp chấp thuận và dựng bia ghi cam kết về lễ vật cúng giỗ. Có bài minh 8 câu ca ngợi công đức của bà.

Hậu thần bi kí

後神碑記

Kí hiệu: 70

Thác bản bia giáp Đoài phường Thụy Chương tổng Trung huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức tỉnh Hà Nội nước Đại Nam 大南國河內省懷德府永順縣中總瑞璋坊兌甲, suru tằm tại đền Thụy Chương.

Thác bản 1 mặt, khổ 52 x 77 cm, gồm 13 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 230 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Tự Đức thứ 4 (1851).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Giáp Đoài phải nộp tiền nuôi binh lính nên theo lệ cũ họp bàn chọn người gửi giỗ để thu tiền. Có gia đình nhà họ Hà gồm con gái, con dâu và cháu xin cúng 100 quan tiền để gửi giỗ cho cha mẹ. Bản giáp kí nhận tiền và cam kết cùng giỗ.

Hậu đình bi kí

後亭碑記

Kí hiệu: 71

Thác bản bia phường Thụy Chương tổng Trung huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức tỉnh Hà Nội 河內省懷德府永順縣中總瑞璋坊, suru tằm tại đền Thụy Chương.

Thác bản 1 mặt, khổ 40 x 70 cm, gồm 16 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 450 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Minh Mệnh thứ 15 (1834).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Bà Bùi Thị Thị cúng 300 quan tiền cổ giúp phường để sửa đình lớn. Phường biết ơn, tôn bàu bà và chồng làm Hậu thần. Đình lệ cúng giỗ hàng năm, gồm 1 thủ lợn, xôi 1 mâm, rượu 1 vò và cau trầu 100 miếng. Có bài minh ca tụng công đức.

Tòng kị bi kí

從忌碑記

Kí hiệu: 72

Thác bản bia giáp Đông phường Hồ Khâu huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức 懷德府永順縣湖口坊東甲, sưu tầm tại đền Vệ Quốc phường Hồ Khâu.

Thác bản 1 mặt, khổ 50 x 54 cm, gồm 14 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 300 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Gia Long thứ 13 (1814).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Bản giáp tu sửa miếu, rất tốn kém, nên nhận gửi giỗ để lấy tiền chi phí. Có đại diện gia đình họ Đinh là Đinh Bá Khải, Đinh Bá Triết và Đinh Văn Loát cúng 100 quan tiền cổ để gửi giỗ cho cha mẹ, lại có các học trò của trường Chính Nghị góp được 30 quan tiền cổ xin gửi giỗ cho thầy là Phúc Thuận tiên sinh họ Nguyễn. Bản giáp nhận tiền và quy định về lễ nghi cúng giỗ.

Hậu phật bi kí

後佛碑記

Kí hiệu: 73

Thác bản bia phường Hồ Khẩu huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức 懷德府永順縣湖口坊, sưu tầm tại chùa Chúc Thánh phường Hồ Khẩu.

Thác bản 1 mặt, khổ 41 x 55 cm, gồm 18 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 240 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Minh Mệnh thứ 18 (1837).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Bản giáp tu sửa đình, tốn kém nhiều, nên nhận đặt giỗ Hậu để lấy tiền chi phí. Có người trong phường là Bùi Thị Chấn chỉ 60 quan tiền cỗ và 20 quan để thay thế cho khoản ruộng giỗ, cộng là 80 quan để giáp chi dùng việc chung đồng thời xin gửi giỗ cho cha mẹ. Bản giáp nhận và định lệ cúng giỗ, mỗi kỳ cúng giỗ chỉ 6 mạch tiền cỗ giao cho nhà chùa làm lễ chay.

Tạo Hậu thần bi kí toàn

造後神碑記全

Kí hiệu: 74

Thác bản bia phường Hồ Khẩu huyện Quảng Đức phủ Phụng Thiên 奉天府廣德縣湖口坊, sưu tầm tại đình phường Hồ Khẩu.

Thác bản 1 mặt, khổ 40 x 55 cm, gồm 17 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 550 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: không ghi.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Vào năm Giáp Thìn, bản phường có trát đòi nộp thuế. Ông Lý Huy Cẩn, người trong phường, vốn là người Bắc quốc, cùng vợ là bà Nguyễn Thị Tuyên cúng 200 quan để phường nộp thuế. Sau đó ông lại cúng 100 quan tiền cổ để mua 2 mẫu ruộng làm ruộng hương hỏa. Toàn dân trong phường tôn bầu ông bà làm Hậu thần và định lệ cúng giỗ hàng năm. Lệ giỗ gồm 1 con lợn, 4 mâm xôi, 500 tiền vàng mã.

Ghi chú: Còn thiếu thác bản mặt sau.

Kí kị bí kị

寄忌碑記

Kí hiệu: 75

Thác bản bia phường Hồ Khẩu tổng Trung huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức 懷德府永順縣中總湖口坊, suru tâm tại đình phường Hồ Khẩu.

Thác bản 1 mặt, khổ 40 x 50 cm, gồm 15 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 280 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Tự Đức thứ 29 (1876).

Người viết chữ: Nguyễn Văn Xuân 阮文春; chức vị: Lý trưởng.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Bản phường mua sắm đồ thờ, tế lễ, chi phí nhiều, nên đặt lệ Hậu kị để lấy tiền trang trải công nợ. Có con gái vị hương lão họ Đinh là Đinh Thị Thụ cúng 80 quan tiền giúp phường chi dùng và xin gửi giỗ cho cha mẹ. Toàn dân trong phường định lệ cúng giỗ.

Kí kị bí kị

寄忌碑記

Kí hiệu: 76

Thác bản bia giáp Đoài phường Thụy Khuê tổng Trung huyện Hoàn Long, Hà Thành 河城環龍縣中總瑞珪坊兌甲, suru tâm tại đền

Thụy Chương.

Thác bản 1 mặt, khổ 40 x 60 cm, gồm 10 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 200 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Thành Thái thứ 13 (1901).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Giáp Đoàn phường Thụy Khuê từ xưa vốn có lệ cho gửi giỗ. Nay có bà Nguyễn Thị Hòa, người xã An Quang trong huyện, quê gốc tổ tiên ở bản phường xin nộp đủ tiền theo lệ để xin gửi giỗ cho cha mẹ và bản thân.

Kí kị bi kí

寄忌碑記

Kí hiệu: 77

Thác bản bia phường Thụy Chương tổng Trung huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức 懷德府永順縣中總瑞璋坊, sưu tầm tại chùa Phúc Châu phường Thụy Khuê.

Thác bản 1 mặt, khổ 40 x 65 cm, gồm 13 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 300 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Tự Đức thứ 30 (1877).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Bản phường sửa chùa Châu Lâm, chi phí nhiều. Ông Hà Văn La và vợ là Vũ Thị Nỉ cúng 100 quan tiền kẽm và 1 mảnh đất vườn. Bản phường nhớ ơn, cho cha mẹ của họ được gửi giỗ tại chùa.

Kí kị bí kị

寄忌碑記

Kí hiệu: 78

Thác bản bia phường Thụy Chương tổng Trung huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức tỉnh Hà Nội 河南省懷德府永順縣中總瑞璋坊, sưu tầm tại chùa Phúc Châu phường Thụy Khuê.

Thác bản 1 mặt, khổ 47 x 62 cm, gồm 16 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 370 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Tự Đức thứ 20 (1867).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Chùa Châu Lâm bị gió bão làm hư hỏng phải sửa lại, tốn kém nhiều. Có bà Nguyễn Thị Yến cúng 100 quan tiền cổ để phường tu sửa chùa và 4 sào ruộng để xin gửi giỗ cho vợ chồng bà. Bản phường chấp thuận định lệ cúng giỗ về sau.

Kí kị bí kị

寄忌碑記

Kí hiệu: 79

Thác bản bia phường Thụy Chương tổng Trung huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức 懷德府永順縣中總瑞璋坊, sưu tầm tại chùa Phúc Châu phường Thụy Khuê.

Thác bản 1 mặt, khổ 44 x 63 cm, gồm 15 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 360 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Tự Đức thứ 33 (1880).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Nhân dịp bản phường tu sửa miếu, bà Hà Thị Khôi cúng 180 quan tiền kẽm, 1 cái ao và 5 sào ruộng. Bản phường ghi nhận công đức, thuận tình cho bà được gửi giỗ mẹ đẻ và vợ chồng bà tại chùa Châu Lâm, dựng bia định lệ cúng giỗ.

Kí kị bí kị

寄忌碑記

Kí hiệu: 80

Thác bản bia phường Thụy Chương tổng Trung huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức 懷德府永順縣中總瑞璋坊, sưu tầm tại chùa Phúc Châu phường Thụy Khuê.

Thác bản 1 mặt, khổ 46 x 62 cm, gồm 15 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 250 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Tự Đức thứ 30 (1877).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
 - Sinh hoạt làng xã.
 - Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Nhân dịp bản phường sửa chùa Phúc Lâm, chi phí lớn, bà Hà Thị Tiết cúng 100 quan tiền kẽm và 4 sào ruộng để xin gửi giỗ cho cha mẹ. Bản phường chấp thuận và định lệ cúng giỗ theo thường lệ.

Kí kị bí kị

寄忌碑記

Kí hiệu: 81

Thác bản bia phường Thụy Chương tổng Trung huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức 懷德府永順縣中總瑞璋坊, sưu tầm tại chùa Phúc Châu phường Thụy Khuê.

Thác bản 1 mặt, khổ 42 x 60 cm, gồm 19 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 350 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Hàm Nghi thứ 1 (1885).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bâu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Nhân lúc hai giáp của phường Thụy Chương dự định sửa chữa tòa giải vũ của đình, bà Phan Thị Vê là vợ ông họ Phạm người bản phường, chồng chết không có con trai, nên đã cúng cho phường 100 quan tiền cổ để xin gửi giỗ cho hai vợ chồng bà. Toàn dân trong phường chấp thuận và định lệ cúng giỗ về sau.

Kí kị bí kị

寄忌碑記

Kí hiệu: 82

Thác bản bia phường Thụy Khuê tổng Trung huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức tỉnh Hà Nội 河南省懷德府永順縣中總瑞珪坊, suru tầm tại chùa Phúc Châu phường Thụy Khuê.

Thác bản 1 mặt, khổ 50 x 68 cm, gồm 17 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 340 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Thành Thái thứ 14 (1892).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bâu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Lịch sử di tích.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Vào ngày 12 tháng 10 năm Thành Thái 4 (1892), bản phường di chuyển hai ngôi chùa Châu Lâm và Phúc Lâm về ngõ Hoàng Lũng và gộp lại làm một gọi là chùa Phúc Châu, công việc tốn kém. Nay có ông

Nguyễn Văn Yển cúng 160 quan tiền cổ để xin gửi giỗ cho nhạc phụ, nhạc mẫu. Bản phường ghi nhận và dựng bia định lệ cúng giỗ.

Kí kị bì kí

寄忌碑記

Kí hiệu: 83

Thác bản bia phường Thụy Khuê tổng Trung huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức 懷德府永順縣中總瑞珪坊, suru tầm tại chùa Phúc Châu phường Thụy Khuê.

Thác bản 1 mặt, khổ 46 x 70 cm, gồm 12 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 260 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Thành Thái thứ 8 (1896).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Bà Lê Thị Trà, người trong phường nhưng lấy chồng xa, nhân khi bản phường tu sửa chùa Phúc Châu, bà đã cúng số tiền theo định lệ để gửi giỗ cho cha mẹ.

Kí kị bì kí

寄忌碑記

Kí hiệu: 84

Thác bản bia phường Thụy Khuê tổng Trung huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức tỉnh Hà Nội 河南省懷德府永順縣中總瑞珪坊, suru tầm tại chùa Phúc Châu phường Thụy Khuê.

Thác bản 1 mặt, khổ 47 x 62 cm, gồm 12 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 240 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Thành Thái thứ 4 (1892).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Nhân khi bản phường di chuyển hai ngôi chùa Châu Lâm và Phúc Lâm về ngõ Hoàng Lũng và gộp lại làm một gọi là chùa Phúc Châu, phải chi phí nhiều, bà Vũ Thị Hậu cúng 160 quan tiền cổ để giúp dân và xin gửi giỗ cho vợ chồng bà. Bản phường dựng bia quy định nghi thức cúng giỗ.

Hậu bi kí kị

后碑記忌

Kí hiệu: 85

Thác bản bia phường Thụy Khuê tổng Trung huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức 懷德府永順縣中總瑞珪坊, sưu tầm tại chùa Phúc Châu phường Thụy Khuê.

Thác bản 1 mặt, khổ 45 x 65 cm, gồm 17 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 360 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Thành Thái thứ 5 (1893).

Người soạn: không ghi.

- Chủ đề:
- Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
 - Sinh hoạt làng xã.
 - Lịch sử di tích.
 - Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Nhân khi bản phường chuyển hai ngôi chùa Châu Lâm và Phúc Lâm về ngõ Hoàng Lũng và gộp lại làm một gọi là chùa Phúc Châu, phải chi phí nhiều, bà Trương Thị Thảo là vợ thứ của ông Vũ Văn Nhu đã quá cố đã cúng cho phường 1 tòa nhà 4 gian, cùng 1 khu đất và 1 cái ao sát chùa để làm nhà tổ của chùa đồng thời xin gửi giỗ cho 7 vị họ hàng nhà chồng. Toàn phường nhớ ơn và định lệ cúng giỗ.

Kí kị Hậu bi

寄忌后碑

Kí hiệu: 86

Thác bản bia phường Thụy Khuê tổng Trung huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức 懷德府永順縣中總瑞珪坊, sưu tầm tại chùa Phúc Châu phường Thụy Khuê tỉnh Hà Nội.

Thác bản 1 mặt, khổ 45 x 65 cm, gồm 17 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 360 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Thành Thái thứ 4 (1892).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Nhân khi bán phường chuyển hai ngôi chùa Châu Lâm và Phúc Lâm về gộp lại làm một gọi là chùa Phúc Châu, chi phí rất nhiều. Bà Hà Thị Nãi đã cúng tiền theo định lệ và một mảnh đất, trên đó có 4 cây dừa để xin gửi giỗ cho vợ chồng và cha mẹ chồng bà, tất cả 4 giỗ.

Kí kị hậu bi

寄忌后碑

Kí hiệu: 87

Thác bản bia phường Thụy Khuê tổng Trung huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức tỉnh Hà Nội 河南省懷德府永順縣中總瑞珪坊, sưu tầm tại chùa Phúc Châu phường Thụy Khuê.

Thác bản 1 mặt, khổ 48 x 65 cm, gồm 13 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 290 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Thành Thái thứ 4 (1892).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Nhân khi bản phường chuyển hai ngôi chùa Châu Lâm và Phúc Lâm về gộp lại làm một gọi là chùa Phúc Châu, rất tốn kém, ông Hà Văn Tiếp và bà Bùi Thị Bát cúng 160 quan tiền cổ để xin gửi giỗ cho vợ chồng ông bà. Bản phường chấp thuận và định lệ cúng giỗ.

Kí kị bí kị

寄忌碑記

Kí hiệu: 88

Thác bản bia phường Thụy Khuê tổng Trung huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức tỉnh Hà Nội 河南省懷德府永順縣中總瑞珪坊, sưu tầm tại chùa Phúc Châu phường Thụy Khuê.

Thác bản 1 mặt, khổ 47 x 60 cm, gồm 12 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 240 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Thành Thái thứ 4 (1892).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Nhân khi bản phường chuyển hai ngôi chùa Châu Lâm và Phúc Lâm về gộp lại làm một gọi là chùa Phúc Châu, rất tốn kém, bà Hoàng Thị Trại cúng 160 quan tiền cổ để xin gửi giỗ cho vợ chồng bà. Bản phường chấp nhận và định lệ cúng giỗ.

Kí kị bí kị

寄忌碑記

Kí hiệu: 89

Thác bản bia phường Thụy Khuê tổng Trung huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức 懷德府永順縣中總瑞珪坊, sưu tầm tại chùa Phúc Châu phường Thụy Khuê.

Thác bản 1 mặt, khổ 47 x 60 cm, gồm 12 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 240 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Thành Thái thứ 4 (1892).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Nhân khi bản phường chuyển hai ngôi chùa Châu Lâm và Phúc Lâm về gộp lại làm một gọi là chùa Phúc Châu, rất tốn kém bà Nguyễn Thị Ôi cúng 160 quan tiền cổ để xin gửi giỗ cho cha mẹ. Bản phường chấp nhận và định lệ cúng giỗ.

Kí kị bi kí

寄忌碑記

Kí hiệu: 90

Thác bản bia phường Thụy Khuê tổng Trung huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức tỉnh Hà Nội 河南省懷德府永順縣中總瑞珪坊, sưu tầm tại chùa Phúc Châu phường Thụy Khuê.

Thác bản 1 mặt, khổ 45 x 65cm, gồm 13 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 260 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Thành Thái thứ 4 (1892).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Nhân khi bản phường chuyển hai ngôi chùa Châu Lâm và Phúc Lâm để gộp làm một chùa Phúc Châu, phải chi phí nhiều. Bà Bùi Thị Tiêu cúng tiền theo lệ định để xin gửi giỗ cho cha mẹ bà. Nhân đó, người con thứ là Bùi Thị Lợi cúng thêm tiền, tổng cộng là 215 quan

tiền cô để được gửi thêm một giỗ cho bản thân. Bản phường chấp nhận và định lệ cúng giỗ 3 vị: Hiền khảo Bùi Đình Thắng, Hiền tĩ Hà Thị Am và con gái Bùi Thị Lợi.

Kí kị hậu bi

寄忌後碑

Kí hiệu: 91

Thác bản bia phường Thụy Khuê tổng Trung huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức tỉnh Hà Nội 河內省懷德府永順縣中總瑞珪坊, suru tầm tại chùa Phúc Châu phường Thụy Khuê.

Thác bản 1 mặt, khổ 45 x 80 cm, gồm 10 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 220 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Thành Thái thứ 4 (1892).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Nhân khi bản phường chuyển hai ngôi chùa Châu Lâm và Phúc Lâm về gộp lại làm một gọi là chùa Phúc Châu, rất tốn kém bà Vũ Thị Đẳng cúng 160 quan tiền cô để xin gửi giỗ cho vợ chồng ông bà. Bản phường chấp nhận và định lệ cúng giỗ.

Hậu kị bi kí

後忌碑記

Kí hiệu: 92

Thác bản bia phường Thụy Chương tổng Trung huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức 懷德府永順縣中總瑞璋坊, suru tầm tại đền Thụy Chương.

Thác bản 1 mặt, khổ 39 x 56 cm, gồm 14 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 280 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Thiệu Trị thứ 4 (1844).

Người soạn: không ghi.

- Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Giáp Đoài phường Thụy Chương vốn có ngôi miếu bị hư hỏng. Toàn giáp hội họp ở đình để chọn bầu Hậu kị, lấy tiền tu sửa. Có bà Bùi Thị Thìn cúng 100 quan tiền, xin gửi giỗ cho cha mẹ. Toàn dân trong giáp ghi ơn, tôn bầu Hậu kị cho cha mẹ bà. Định lệ cúng giỗ.

Kí kị bi kí

寄忌碑記

Kí hiệu: 93

Thác bản bia phường Thụy Chương tổng Trung huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức tỉnh Hà Nội 河南省懷德府永順縣中總瑞璋坊, sưu tầm tại điểm Thụy Chương.

Thác bản 1 mặt, khổ 39 x 56 cm, gồm 14 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 280 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Thiệu Trị thứ 4 (1844).

Người soạn: không ghi.

- Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Vợ chồng ông Nguyễn Duy Thận ở xóm Dĩ cúng cho xóm Bến Dẽ 50 quan tiền để sửa chữa điểm xóm và 1 thước đất để gửi giỗ. Cả xóm ưng thuận, nhận cúng giỗ vợ chồng ông bà Thận mãi mãi.

Kí kị bi kí

寄忌碑記

Kí hiệu: 94

Thác bản bia phường Thụy Chương tổng Trung huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức tỉnh Hà Nội 河南省懷德府永順縣中總瑞璋坊, sưu tầm tại điểm Thụy Chương.

Thác bản 1 mặt, khổ 40 x 52 cm, gồm 15 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 200 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Tự Đức thứ 23 (1870).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Xóm Bến Dẽ xây dựng một ngôi điểm lợp ngói, phải chi phí nhiều. Bà Nguyễn Thị Lô cúng cho xóm 150 quan tiền kẽm để mua ngói lợp điểm của xóm. Bà được xóm thuận tình cho gửi giỗ tổ mẫu và cha mẹ bà. Định lệ: mỗi giỗ gồm 1 thủ lợn, 1 mâm xôi và cau trầu đủ dùng. Đoạn cuối văn bia phụ chép việc ông họ Hà tự Phúc Hòa và vợ là bà họ Nguyễn hiệu Diệu Yên cúng cho xóm mảnh đất dài 24 thước, rộng 28 thước làm đất công để xây dựng điểm. Vợ chồng chủ đất được dân xóm cho phôi hưởng vào các dịp cúng lễ trong năm.

Kí kị bi kí

寄忌碑記

Kí hiệu: 95

Thác bản bia giáp Đoài phường Thụy Chương tổng Trung huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức tỉnh Hà Nội 河南省懷德府永順縣中總瑞璋坊兌甲, sưu tầm tại đền Thụy Chương.

Thác bản 1 mặt, khổ 37 x 62 cm, gồm 15 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 280 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Tự Đức thứ 13 (1860).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Xóm Đoài tu sửa xoay lại hướng miếu, cần nhiều kinh phí, theo tục lệ

cho gửi giỗ để lấy tiền chi dùng. Có bà Trịnh Thị An cúng 60 quan tiền cho giáp, được dân làng thuận tình cho vợ chồng bà được gửi giỗ tại đình. Định lệ cúng giỗ về sau, gồm 1 thủ lợn, 1 mâm xôi, cau trầu 100 miếng.

Kí kị bi kí

寄忌碑記

Kí hiệu: 96

Thác bản bia phường Thụy Khuê tổng Trung huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức tỉnh Hà Nội 河南省懷德府永順縣中總瑞璋坊, sưu tầm tại diêm Thụy Chương.

Thác bản 1 mặt, khổ 31 x 45 cm, gồm 9 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 320 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Đồng Khánh thứ 3 (1888).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Xóm Bến Dẽ tu sửa diêm, tốn kém nhiều. Có bà Hà Thị Sáu cúng 100 quan tiền để xin gửi giỗ cho cha mẹ. Dân làng chấp thuận, định lệ cúng giỗ.

Hậu thần bi kí

後神碑記

Kí hiệu: 97

Thác bản bia giáp Thọ phường Thụy Chương huyện Quảng Đức phủ Phụng Thiên 奉天府廣德縣瑞璋坊壽甲, sưu tầm tại đền Thụy Chương.

Thác bản 1 mặt, khổ 40 x 55 cm, gồm 16 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 360 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 8 (1748).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Bà Hà Thị Nhiễm hiến 70 quan tiền cô và 1 cái ao gần đình để giúp Thọ dùng vào việc công. Bản giáp hội họp tại đình trung, tôn bầu bà và chồng bà làm Hậu thần. Bia ghi quy định nghi thức biểu lễ khi còn sống và cúng giỗ sau khi mất.

Hậu thần bi kí

後神碑記

Kí hiệu: 98

Thác bản bia phường Hồ Khẩu huyện Quảng Đức phủ Phụng Thiên 奉天府廣德縣湖口坊, suru tầm tại đình Hồ Khẩu.

Thác bản 1 mặt, khổ 31 x 55 cm, gồm 12 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 270 chữ, không có hoa văn, không có chữ huy.

Niên đại: không ghi.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Vào các năm Bính Ngọ, Đình Mùi, phường phải lo tiền quan dịch, sau đó năm Nhâm Tý lại lo bồi đắp đê, thiếu tiền chi phí. Có vị Huyện thừa, Tiến công thứ lang Đình Thọ Bách cùng vợ cả Bùi Thị Trị và vợ lẽ Bùi Thị Thiện đã hai lần cúng tiền trợ giúp dân phường. Bản phường ghi ơn, dựng bia tôn bầu ba vị làm Hậu thần, cúng lễ như nghi thức.

Kí kị bi kí

寄忌碑記

Kí hiệu: 99

Thác bản bia phường Hồ Khẩu tổng Trung huyện Vĩnh Thuận phủ

Hoài Đức 懷德府永順縣中總湖口坊, sưu tầm tại đình Hồ Khẩu.

Thác bản 1 mặt, khổ 36 x 55 cm, gồm 14 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 320 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Tự Đức thứ 29 (1876).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biếu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Bà Nguyễn Thị Hiến vợ ông Bùi Văn Nhân đã quá cố, cúng 80 quan tiền để bản phường mua sắm đồ tế khí cúng thần. Dân làng ghi ơn, nhận cúng giỗ vợ chồng bà theo nghi thức cam kết.

Kí kị bí kị

寄忌碑記

Kí hiệu: 100

Thác bản bia phường Hồ Khẩu tổng Trung huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức 懷德府永順縣中總湖口坊, sưu tầm tại đình Hồ Khẩu.

Thác bản 1 mặt, khổ 36 x 55 cm, gồm 12 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 200 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Tự Đức thứ 9 (1876).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biếu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Bà quả phụ Nguyễn Thị Hợp cúng 80 quan tiền để bản giáp mua sắm đồ tế khí cúng Thần. Dân làng ghi ơn, nhận cúng giỗ vợ chồng bà theo nghi thức quy định trên bia.

Dự hưởng bi kí

預享碑記

Kí hiệu: 101

Thác bản bia phường Hồ Khẩu tổng Trung huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức 懷德府永順縣中總湖口坊, sưu tầm tại đình Hồ Khẩu.

Thác bản 1 mặt, khổ 28 x 37 cm, gồm 14 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 240 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Tự Đức thứ 7 (1854).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Công văn triều đình (sắc, lệnh, chỉ dụ).
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Phường Hồ Khẩu đón nhận sắc dụ của triều đình, phải chi phí nhiều tiền vào việc chung. Bà Đinh Thị Văn người trong phường cúng 40 quan tiền. Toàn dân trong phường ghi ơn, dựng bia khắc tên người cha quá cố của bà là Đinh Văn Sài tại đình để thờ, giao ước mỗi khi có tế lễ đều cúng một mâm cỗ.

Kí kị bi kí

寄忌碑記

Kí hiệu: 102

Thác bản bia phường Hồ Khẩu tổng Trung huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức 懷德府永順縣中總湖口坊, sưu tầm tại đình Hồ Khẩu.

Thác bản 1 mặt, khổ 28 x 37 cm, gồm 14 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 240 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Thành Thái thứ 8 (1896).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Trong lúc phường sửa đình đền tôn kém, bà Lý Thị Cảnh cúng 100 quan tiền kém. Toàn phường ghi ơn, cam kết thực hiện lệ biểu vợ chồng bà vào các dịp phường tổ chức cỗ bàn và cúng giỗ sau khi hai người trăm tuổi.

Kí kị bi kí

寄忌碑記

Kí hiệu: 103

Thác bản bia phường Hồ Khẩu tổng Trung huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức 懷德府永順縣中總湖口坊, suru tằm tại đình Hồ Khẩu.

Thác bản 1 mặt, khổ 28 x 44 cm, gồm 11 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 150 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Đồng Khánh thứ 2 (1887).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bà Huyện, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Trong lúc phường cần một số tiền để chi phí cho việc phu phen, tạp dịch, ông Khán thủ là Đinh Văn Tuấn nhờ thừa hưởng vườn đất của ông bà ngoại bên vợ để lại đã xuất ra 100 quan cho phường để xin gửi giỗ cho hai vị là Lý Văn Trường và Lý Thị Ba. Dân phường dựng bia định lệ cúng giỗ.

Kí kị bi

寄忌碑

Kí hiệu: 104

Thác bản bia phường Hồ Khẩu tổng Trung huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức 懷德府永順縣中總湖口坊, suru tằm tại đình Hồ Khẩu.

Thác bản 1 mặt, khổ 31 x 42 cm, gồm 18 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 400 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Tự Đức thứ 18 (1865).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Phường Hồ Khẩu được triều đình miễn trừ khoản thuế thân, nay cần có tiền để lên tỉnh lễ tạ. Ông Hương lão Lý Đức Văn tình nguyện cúng cho phường 100 quan trợ giúp chi phí, đồng thời đặt 1 thửa ao tại xóm Gò thay cho ruộng kị điền để gửi giỗ cho cha mẹ. Dân phường chấp thuận, dựng bia tại đình, quy định nghi thức cúng lễ vào 2 tiết xuân thu và ngày giỗ.

Kí kị bi kí

寄忌碑記

Kí hiệu: 105

Thác bản bia phường Hồ Khẩu tổng Trung huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức 懷德府永順縣中總湖口坊, sưu tầm tại đình Hồ Khẩu.

Thác bản 1 mặt, khổ 32 x 43 cm, gồm 13 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 280 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Tự Đức thứ 26 (1873).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Ông Lý Đức Văn cúng 120 quan tiền cho phường chi tiêu trong dịp sửa đình, được dân trong phường ghi ơn, lập bia cam kết cúng giỗ ông và hai bà vợ.

Kí kị bi kí

寄忌碑記

Kí hiệu: 106

Thác bản bia phường Hồ Khẩu tổng Trung huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức 懷德府永順縣中總湖口坊, sưu tầm tại đình Hồ Khẩu.

Thác bản 1 mặt, khổ 32 x 48 cm, gồm 13 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 210 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Thành Thái thứ 12 (1890).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Con rể là Nguyễn Văn Vĩnh và con gái là Nguyễn Thị Ba, Nguyễn Thị Trại cúng cho phường 17 đồng ngân tiền tương đương 114 quan xin gửi giỗ cho cha mẹ. Bản phường chấp thuận cam kết cúng giỗ 3 vị là cha mẹ và con gái là Nguyễn Thị Trại.

Hậu phát bi kí

後佛碑記

Kí hiệu: 107

Thác bản bia phường Hồ Khẩu tổng Trung huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức tỉnh Hà Nội 河南省懷德府永順縣中總湖口坊, sưu tầm tại chùa Tịnh Lâu phường Hồ Khẩu.

Thác bản 1 mặt, khổ 32 x 50 cm, gồm 12 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 240 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Thiệu Trị thứ 6 (1846).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Bản phường dựng thêm nhà giải vũ cho chùa, thiếu tiền chi phí. Có bà họ Nguyễn hiệu Diệu Tuyền cúng 50 quan tiền cổ và 2 sào ruộng để xin gửi giỗ cho cha mẹ. Dân trong phường chấp thuận, định lệ cúng giỗ ở chùa Thanh Lâu.

Hậu phật bi kí

後佛碑記

Kí hiệu: 108

Thác bản bia phường Hồ Khẩu tổng Trung huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức 懷德府永順縣中總湖口坊, sưu tầm tại chùa Tịnh Lâu phường Hồ Khẩu.

Thác bản 1 mặt, khổ 33 x 45 cm, gồm 12 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 220 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Thiệu Trị thứ 6 (1846).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Nhân khi phường Hồ Khẩu xây dựng nhà giải vũ, ông Bùi Năng Dũng cúng cho phường 50 quan tiền cổ và 1 sào ruộng, 2 cái ao để xin gửi giỗ cho cha mẹ vợ tại chùa Thanh Lâu. Bản phường chấp thuận, dựng bia quy định nghi thức cúng giỗ.

Tòng kị bi kí

從忌碑記

Kí hiệu: 109

Thác bản bia phường Hồ Khẩu tổng Trung huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức 懷德府永順縣中總湖口坊, sưu tầm tại đền Vệ Quốc phường Hồ Khẩu.

Thác bản 1 mặt, khổ 32 x 52 cm, gồm 12 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 200 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Thiệu Trị thứ 2 (1842).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Nhân dịp phùng Hồ Khẩu tu sửa miếu, bà Nguyễn Thị Uyển ở giáp Đông cúng cho phùng 70 quan tiền (trong đó có 30 quan là tiền lễ) đề xin gửi giỗ cho chồng bà đã quá cố. Dân phùng chấp thuận, dựng bia quy định nghi thức cúng giỗ.

Đông giáp kí kị bi

東甲寄忌碑

Kí hiệu: 110

Thác bản bia phùng Hồ Khẩu tổng Trung huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức 懷德府永順縣中總湖口坊, sưu tầm tại đền Vệ Quốc phùng Hồ Khẩu.

Thác bản 1 mặt, khổ 54 x 57 cm, gồm 16 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 220 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Tự Đức thứ 10 (1857).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hàu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Hai bà Nguyễn Thị Giao và Nguyễn Thị Bích cúng 130 quan tiền cho giáp Đông phùng Hồ Khẩu đề tu sửa miếu. Bản giáp theo lệ dựng bia gửi giỗ cho cha mẹ của họ ở miếu và quy định nghi thức cúng giỗ.

Tòng kị bi kí

從忌碑記

Kí hiệu: 111

Thác bản bia phùng Hồ Khẩu tổng Trung huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức 懷德府永順縣中總湖口坊, sưu tầm tại đền Vệ Quốc phùng Hồ Khẩu.

Thác bản 1 mặt, khổ 32 x 51 cm, gồm 14 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 230 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Thiệu Trị thứ 2 (1842).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Vợ chồng ông Nguyễn Thuần Công và bà Nguyễn Từ Huệ khi mất đi đã để lại một khu nhà đất. Nay nhân dịp giáp Đông phượng Hồ Khẩu tu sửa tòa miếu, họ hàng nội ngoại của ông bà đem bán khu đất đó được 80 quan cúng cho phượng, lại thêm tiền lễ 45 quan, tổng cộng là 125 quan để gửi giỗ cho ông bà. Dân trong giáp chấp thuận, dựng bia, định lệ cúng giỗ hai vợ chồng bà mãi mãi.

Kí kị bi

寄忌碑

Kí hiệu: 112

Thác bản bia phượng Hồ Khẩu tổng Trung huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức 懷德府永順縣中總湖口坊, suru tằm tại chùa Chúc Thánh phượng Hồ Khẩu.

Thác bản 1 mặt, khổ 30 x 50cm, gồm 10 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 160 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Tự Đức thứ 11 (1858).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Khúc đê ở phượng Quảng Bô bị vỡ, nước lũ tràn vào phượng Hồ Khẩu, dân phượng phải lo đắp đê, chi phí rất nhiều, do vậy cần nhờ lòng hảo tâm quyền góp của tín thí. Có bà Nguyễn Thị Vạn hiến cho phượng 30 quan tiền và xin gửi giỗ ở chùa Chúc Thánh. Dân phượng lập bia, định lệ cúng giỗ bà về sau.

Hậu phật bi kí

後佛碑記

Kí hiệu: 113

Thác bản bia phường Hồ Khẩu tổng Trung huyện Quảng Đức phủ Phụng Thiên 奉天府府永順縣中總湖口坊, suru tầm tại chùa Chúc Thánh phường Hồ Khẩu.

Thác bản 1 mặt, khổ 39 x 58 cm, gồm 14 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 360 chữ, có hoa văn, không có chữ huy.

Niên đại: không ghi.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Lịch sử di tích.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Ghi công đức của vị Sa di hiệu Tính Chân người xã Liên Châu huyện Hoảng Hóa phủ Hà Trung, xứ Thanh Hóa, sư trụ trì chùa Chúc Thánh phường Hồ Khẩu. Năm Đinh Mão, bà đã đứng ra làm 23 pho tượng Phật. Năm Mậu Thìn bà lại cho tu sửa 2 gian tiền đường chùa Chúc Thánh. Nay khi thấy phường di chuyển đình, nhà sư lại cúng 40 quan tiền cô và 1 mẫu ruộng trị giá 60 quan.

Ghi chú: Văn bia còn thiếu phần tiếp theo ở mặt sau.

Hậu phật bi kí

後佛碑記

Kí hiệu: 114

Thác bản bia phường Hồ Khẩu tổng Trung huyện Quảng Đức phủ Phụng Thiên 奉天府府永順縣中總湖口坊, suru tầm tại chùa Chúc Thánh phường Hồ Khẩu.

Thác bản 1 mặt, khổ 39 x 55 cm, gồm 13 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 270 chữ, có hoa văn, không có chữ huy.

Niên đại: Cảnh Thịnh Mậu Ngọ (1798).

Người soạn: không ghi.

- Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Năm Mậu Ngọ phường Hồ Khẩu tu sửa chùa, chi phí nhiều. Trong phường có một số người hảo tâm đã quyên góp được 150 quan cúng cho phường để giúp việc sửa chùa đồng thời xin cho gia tiên của họ được nương nhờ bóng Phật. Dân trong phường hội họp tại đình trung, tôn bầu các vị gia tiên (gồm 7 vị) làm Hậu phật, dựng bia ghi húy hiệu để sư chùa Chúc Thánh cúng lễ vào các tiết trong năm.

Kí kị tại Vũ tộc

寄忌在武族

· Kí hiệu: 115

Thác bản bia phường Thụy Chương tổng Trung huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức 懷德府永順縣中總瑞璋坊, sưu tầm tại chùa Phúc Châu phường Thụy Khuê.

Thác bản 1 mặt, khổ 33 x 54 cm, gồm 12 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 200 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Tự Đức thứ 17 (1864).

Người soạn: không ghi.

- Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Gia phả, lai lịch dòng họ.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Dòng họ Vũ vốn không có từ đường. Nay bà Hà Thị Ngũ làm dâu nhà họ Vũ xin cúng cho họ tộc 1 khu đất, 4 gian nhà lá và 30 quan tiền để dựng nhà thờ tổ cho họ tộc, đồng thời xin gửi giỗ cho vợ chồng bà. Cả dòng họ Vũ chấp thuận, dựng bia cam kết.

Kí kị bí kị

寄忌碑記

Kí hiệu: 116

Thác bản bia phường Thụy Chương tổng Trung huyện Vĩnh Thuậ
phủ Hoài Đức 懷德府永順縣中總瑞璋坊, sưu tầm tại chùa Phúc
Châu phường Thụy Khuê.

Thác bản 1 mặt, khổ 38 x 63 cm, gồm 19 dòng chữ Hán và Nôm, toàn
văn ước khoảng 340 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Tự Đức thứ 21 (1868).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biêu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Phường Thụy Chương có ngôi miếu Trần Vũ, đã có chỉ dụ của Triều
đình chuẩn cho dân phường phụng tự, nhưng về sau có thời gian đã
nhường lại việc thờ phụng cho thôn Yên Quang. Nay bản phường
hợp lại, quyết định cử người đệ đơn đến Kinh đô kêu xin ban sắc
chỉ đề rõ bản phường thờ cúng miếu Trần Vũ như cũ. Nhưng đường
xa xa xôi, chi phí rất tốn kém. Do vậy phường hứa ai góp tiền cho
phường thì được gửi giỗ tại chùa Phúc Lâm. Có bà Trần Thị Phú
ứng ra 100 quan tiền để phường lo việc chung và 3 sào ruộng để xin
gửi giỗ cho cha mẹ. Phường dựng bia, định lệ cúng giỗ.

Tu bổ Ngọc Sơn từ bí kị

修補玉山祠碑記

Kí hiệu: 117

Thác bản bia sưu tầm tại đền Ngọc Sơn hồ Hoàn Kiếm.

Thác bản 1 mặt, khổ 60 x 99 cm, gồm 27 dòng chữ Hán, toàn văn ước
khoảng 700 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Thành Thái thứ 5 (1903).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Sinh hoạt làng xã.

- Hành trạng, công tích nhân vật.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Ghi tên người công đức đóng góp tiền của trong đợt sửa chữa điện Quế và đền Kinh ở đền Ngọc Sơn do hội An Lạc Phả tiến hành. Trong số người công đức, có Hoàng Cao Khải, Đông các Đại học sĩ họ Trần, Kinh Bắc Bố chánh sứ Trịnh Khắc Sính, Sơn Tây Án sát sứ Nguyễn Duy Loan, Ninh Bình Đốc học Nguyễn Thượng Hiền.

Tu bổ Ngọc Sơn từ bi kí

修補玉山祠碑記

Kí hiệu: 118

Thác bản bia sưu tầm tại đền Ngọc Sơn hồ Hoàn Kiếm.

Thác bản 1 mặt, khổ 62 x 103 cm, gồm 29 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 800 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Thành Thái thứ 16 (1904).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Ghi tên người công đức đóng góp tiền của để sửa chữa đền Ngọc Sơn. Phần lớn trong số người công đức này là các chủ cửa hiệu ở Hà Nội, Nam Định, như Quảng Hòa Xương, Trần Hưng hiệu, Vạn Thuận hiệu ở Nam Định v.v...

[Vô đề]

Kí hiệu: 119

Thác bản bia thôn Hà Thanh huyện Thọ Xương Hà Thành河成壽昌縣河清村, sưu tầm tại đền Ngọc Sơn hồ Hoàn Kiếm.

Thác bản 1 mặt, khổ 102 x 132 cm, gồm 20 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 500 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: không ghi.

Niên đại ước đoán: thuộc đời Nguyễn.

Người soạn: họ Đặng, tên hiệu: Lương Hiên; chức vị: Án sát sứ Hà Nội.

Người viết chữ: Vũ Tá Trứ 武佐著; quê quán: thôn Tự Tháp; học vị: Tú tài.

Chủ đề: - Lịch sử di tích.

- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Hồ Hoàn Kiếm ngày xưa vốn rất rộng. Đến thời Lê Trung hưng mới đắp đất thành con đường ở giữa hồ để ngựa xe có thể thông thẳng ra Long Lâu ở bờ sông Nhị. Hồ bị chia làm đôi, nửa bên phải gọi là hồ Hữu Vọng, nửa bên trái là hồ Tả Vọng. Trong hồ Tả Vọng có đảo đất gọi là Ngọc Sơn, tức đài cầu cá ngày xưa. Vào đầu triều Gia Long mới có đền thờ Quan Vũ Đế ở đây. Đến đời Thiệu Trị lập riêng thành miếu thờ Văn Xương Đế quân là vị thần chủ quản về văn minh trong thiên hạ. Gần đây, quan Niết ty Nguyễn Như Cát thấy miếu quy mô nhỏ hẹp, sơ sài, bèn bàn tính quyên góp xây dựng lại, nhưng chưa kịp làm đã phải điều đi cai quản miền Đông. Ông Phương Đình thay thế đứng ra chủ trì công việc, làm lại miếu mới, phía trước chỗ sát mép nước dựng đình Trần Ba, mé trái ở đầu đông cầu Thê Húc xây đài nghien, lại phía đông Đài nghien nơi có hòn Độc Tôn Sơn dựng tòa Bút tháp để tượng trưng cho nền văn vật. Công việc tiến hành sau 3- 4 năm mới hoàn thành.

Trùng tu quyên tư tính Thị hữu bi kí

重修捐貲姓氏右碑記

Kí hiệu: 120

Thác bản bia sưu tầm tại đền Ngọc Sơn hồ Hoàn Kiếm.

Thác bản 1 mặt, khổ 62 x 110 cm, gồm 20 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 660 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: không ghi.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Khắc họ tên, cửa hiệu, địa chỉ của những người đóng góp tiền của để sửa chữa đền Ngọc Sơn. Trong đó có Phan Bội Hòa tiền 200 quan, gỗ tốt 4 cây, Trần Vũ Kí 250 quan, Lục Trung Hòa 20 quan, Trần Trâm Bảo 120 quan, Thanh Hà hiệu và Mĩ Lợi hiệu 10 quan v.v...

[Vô đề]

Kí hiệu: 121

Thác bản bia sưu tầm tại đình phố Hàng Trống, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 94 x 138 cm, gồm 26 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 450 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Thành Thái thứ 6 (1894).

Người soạn: Hoàng Cao Khải 黃高啓, tên hiệu: Thái Xuyên; chức vị: Phụ chính đại thần, Thái tử Thiếu bảo, Bắc kì Kinh lược Đại sứ; tước Diên Mậu tử.

Chủ đề: - Lịch sử di tích.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Hồ Hoàn Kiếm ở phía nam thành Thăng Long, vốn gắn liền với sự tích vua Lê Thái Tổ được trời cho mượn kiếm để khởi nghĩa, đánh giặc thành công xong, kiếm lại trở về dưới nước hồ này. Trên hồ có ngôi đền, vốn xưa là Ly cung, dân chúng từ lâu vẫn hương khói thờ phụng. Sau khi triều Nguyễn bình được thiên hạ, cảnh vật nơi đây không còn được như xưa, chợ búa bên sông hỗn tạp, cỏ dại um tùm, đền xưa đổ nát. Từ khi nước Đại Pháp sang bảo hộ, các quan Pháp cho sửa sang chỉnh đốn lại, cảnh quan trở nên phong quang, trồng cây cối quanh hồ khiến nơi đây trở thành một chốn thắng địa. Ngôi đền cổ trở nên không tương xứng với cảnh quan. Vì thế tiến hành tu sửa lại, xây tường gạch bao quanh, dựng tháp đá, đúc tượng vua Lê vốn là chân nhân đất Việt đứng đối xứng với tượng ngài Pôn Be cũng là một danh nhân nước Đại Pháp dựng ở bên phải của Hồ Gươm.

Thiên Quang thiền tự bi kí

天光禪寺碑記

Kí hiệu: 122/123

Thác bản bia thôn Đồi Mã tổng Tả Nghiêm huyện Thọ Xương phủ Hoài Đức 懷德府壽昌縣左嚴總樹禡村, sưu tầm tại chùa Hòa Mã đường Huế, Đệ bát hộ, Hà Thành.

Thác bản 2 mặt, khổ 85 x 135 cm, gồm 35 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1100 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Gia Long thứ 13 (1814).

Người soạn: họ Trần, tên tự: Tịch Khanh; nhà sư.

Người viết chữ: Đào Nguyễn Viên 陶阮垣; chức vị: Cầu kê.

Chủ đề: - Lịch sử di tích.
- Xây dựng, trùng tu di tích.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Chùa Thiên Quang được dựng từ lâu, vào thời Lê nhà vua mỗi khi đi tế Giao đều vào chùa này thắp hương rồi thay áo ngự. Chùa lâu ngày hư hỏng. Nay nhà sư họ Trần tự Tịch Khanh đứng ra dựng lại tòa thượng điện, thiêu hương, tiền đường, cùng đúc chuông, tạo tượng. Bia ghi danh sách các vị hưng công và công đức như: Thủy quân cai quan Trần Văn Phong, Trung quân cai đội Trần Văn Nhất. Có bài minh.

Hậu kí bi kí

後忌碑記

Kí hiệu: 124

Thác bản bia sưu tầm tại chùa Hòa Mã đường Huế, Đệ bát hộ, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 63 x 105 cm, gồm 12 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 250 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Duy Tân thứ 3 (1909).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Bà Đào Thị Trập, cùng bà Phạm Thị Lớn, người trong thôn, tự nguyện hiến 110 đồng và 4 sào ruộng trị giá 40 đồng cho thôn lát gạch sân chùa, để gửi giỗ cho gia tiên. Bản thôn dựng bia khắc húy hiệu, ngày giỗ các vị gia tiên để cúng giỗ hàng năm.

Chữ linh bi kí

諸靈碑記

Kí hiệu: 125

Thác bản bia thôn Hòa Mã 和馬村, sưu tầm tại chùa Hòa Mã đường Huế, Đệ bát hộ - Hà Nội.

Thác bản 1 mặt, khổ 50 x 80 cm, gồm 19 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 360 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Thành Thái thứ 4 (1892).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Chùa Thiên Quang ở thôn Hòa Mã là một danh lam, xưa nay từng được nhiều người sùng bái, xuất tiền của để gửi giỗ cho gia tiên. Nhưng qua nhiều năm, những tấm bia gửi giỗ đặt phân tán trong chùa bị gió mưa rêu phong làm mờ mòn nét chữ. Nay nhân dịp nhà chùa cùng dân thôn xây dựng nhà tổ của chùa, sư trụ trì cho dựng tấm bia mới, tập hợp nội dung tất cả các bia gửi giỗ trong chùa để khắc lại tên họ người xuất tiền gửi giỗ cùng húy hiệu các vị gia tiên của họ để lưu truyền lâu dài.

Hậu kị bi kí

后忌碑記

Kí hiệu: 126

Thác bản bia thôn Hòa Mã, Đệ bát hộ, Hà Thành 河城第八戸和馬村, suu tầm tại chùa Hòa Mã đường Huế, Đệ bát hộ, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 45 x 76 cm, gồm 9 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 180 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Thành Thái thứ 14 (1902).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Tín chủ Lưu Thị Trung, người thôn Đào Xá xã Vũ Lăng huyện Thượng Phúc cúng cho chùa Thiên Quang 30 đồng nhân dịp chùa Thiên Quang trùng tu tòa tam bảo, đề xin gửi giỗ cho người chồng quá cố là Tạ Văn Luận.

[Vô đề]

Kí hiệu: 127

Thác bản bia thôn Hòa Mã tổng Kim Liên huyện Thọ Xương 壽昌縣金蓮總和馬村, suu tầm tại chùa Hòa Mã đường Huế, Đệ bát hộ, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 40 x 56 cm, gồm 15 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 280 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Tự Đức thứ 27 (1902).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Bà Nguyễn Thị Diệu, người thôn Xuân xã Gia Thụy huyện Gia Lâm

xuất 120 quan tiền và 4 sào ruộng giúp vào việc trùng tu chùa Thiên Quang, để xin gửi giỗ cho vợ chồng bà tại chùa.

Kí kị bi

寄忌碑

Kí hiệu: 128

Thác bản bia huyện Thọ Xương phủ Hoài Đức 懷德府壽昌縣, sưu tầm tại chùa Hòa Mã đường Huế, Đệ bát hộ, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 52 x 65 cm, gồm 19 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 300 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Tự Đức thứ 9 (1856).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biếu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Bà Hoàng Thị Chung, người phủ Thuận An tỉnh Bắc Ninh, trú quán tại thôn Đức Môn tổng Đồng Xuân, Hà Thành; cúng cho chùa Thiên Quang 310 quan tiền, 1 mẫu 1 sào 8 thước ruộng để giúp việc tu sửa chùa và xin gửi giỗ cho vợ chồng bà cùng gia tiên.

Kí kị bi kí

寄忌碑記

Kí hiệu: 129

Thác bản bia thôn Hòa Mã tổng Tả Nghiêm huyện Thọ Xương phủ Hoài Đức tỉnh Hà Nội 河南省懷德府壽昌縣左嚴總和馬村, sưu tầm tại chùa Hòa Mã đường Huế, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 40 x 60 cm, gồm 18 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 390 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Minh Mệnh thứ 18 (1837).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biếu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà Lê Diệu Hòa, người tỉnh Hưng Yên, trú quán tại thôn Đông Hoa Môn huyện Thọ Xương đã hai lần cúng cho chùa Thiên Quang tổng cộng 63 quan tiền. Sau đó, bà lại cúng cho chùa 4 sào, 8 thước đất và ao để xin gửi giỗ cho chồng cùng cô con gái đã mất. Nhà chùa dựng bia quy định lễ phả và ghi lại ranh giới số đất, ao cúng tiến.

Kí kị bi

寄忌碑

Kí hiệu: 130

Thác bản bia thôn Hòa Mã 和馬村, sưu tầm tại chùa Hòa Mã đường Huế, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 43 x 57 cm, gồm 15 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 260 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Thành Thái thứ 4 (1892).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bâu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Nhân dịp sửa chữa chùa Thiên Quang, phí tổn trên hai nghìn quan tiền, có gia đình bà Lê Thị Hai, người thôn Nga Thượng tổng Trần Xá huyện Nam Xương tỉnh Hà Nội cúng 250 quan tiền và 2 sào ruộng để xin gửi giỗ cho gia tiên. Nhà chùa dựng bia, kê họ tên, húy hiệu người được gửi giỗ, cùng ranh giới ruộng đất cúng tiến.

Hậu kị bi kí

后忌碑記

Kí hiệu: 131

Thác bản bia thôn Hòa Mã tổng Kim Liên huyện Thọ Xương phủ Hoài Đức tỉnh Hà Nội 河南省懷德府壽昌縣金蓮總和馬村, sưu tầm tại chùa Hòa Mã, đường Huế, Đệ bát hộ, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 42 x 68 cm, gồm 12 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 200 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Thành Thái thứ 4 (1892).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Nhân dịp trùng tu chùa Thiên Quang, bà Lê Thị Em người thôn Hòa Mã cúng cho chùa 150 quan tiền và 2 sào ruộng để xin gửi giỗ cho gia tiên. Nhà chùa dựng bia kê họ tên, húy hiệu người được gửi giỗ cùng ranh giới ruộng đất cúng.

Hậu ký bi kí

後忌碑記

Kí hiệu: 132

Thác bản bia thôn Hòa Mã tổng Kim Liên huyện Thọ Xương phủ Hoài Đức tỉnh Hà Nội 河南省懷德府壽昌縣金蓮總和馬村, sưu tầm tại chùa Hòa Mã đường Huế, Đệ bát hộ, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 48 x 78 cm, gồm 11 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 340 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Thành Thái thứ 4 (1892).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Nhân dịp chùa Thiên Quang tu sửa 11 gian chùa, có bà Mai Thị Thịnh cúng 250 quan tiền và 3 sào ruộng để xin gửi giỗ cho ông bà nội và người con trai thứ ba đã mất sớm của bà. Nhà chùa dựng bia kê họ tên, húy hiệu người giỗ, cùng ranh giới ruộng đất cúng.

Kí tự điền bi kí

寄祀田碑記

Kí hiệu: 133

Thác bản bia Hà Thành 河城, sưu tầm tại chùa Hòa Mã đường Huế, Đệ bát hộ, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 35 x 55 cm, gồm 10 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 160 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Minh Mệnh thứ 18 (1837).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Thương xót cho những hài cốt vô chủ, những âm hồn vất vưởng, dân thôn góp của mua quan quách đưa đi chôn cất họ và đặt ruộng nghĩa điền gồm 1 mẫu 4 thước 5 tấc giao cho chùa Hòa Mã cày cấy, lấy hoa lợi cúng lễ các vong hồn.

[Vô đề]

Kí hiệu: 134

Thác bản bia sưu tầm tại chùa Hòa Mã đường Huế, Đệ bát hộ, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 25 x 35 cm, gồm 3 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 50 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: không ghi.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Hành trạng, công tích nhân vật.

Tóm lược nội dung:

Bia mộ tháp Cương Nghị của nhà sư Tì khưu Thanh Cần pháp danh Phổ Tịnh, sinh ngày 29 tháng 12 năm Ất Dậu, mất ngày 13 tháng 8 năm Nhâm Tuất.

[Vô đề]

Kí hiệu: 135

Thác bản bia thôn Hòa Mã tổng Kim Liên huyện Thọ Xương 壽昌縣金蓮
總和馬村, sưu tầm tại chùa Hòa Mã đường Huế, Đệ bát hộ, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 32 x 40 cm, gồm 8 dòng chữ Hán, toàn văn ước
khoảng 140 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Tự Đức thứ 19 (1866).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Năm Tự Đức thứ 17 (1864), nhà sư Diệu Minh đứng ra xây dựng tháp
ở chùa Thiên Quang. Kê tên tuổi những người cúng tiền xây tháp.

[Vô đề]

Kí hiệu: 136

Thác bản bia sưu tầm tại chùa Hòa Mã đường Huế, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 11 x 33 cm, gồm 5 dòng chữ Hán, toàn văn ước
khoảng 120 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: không ghi.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.

Tóm lược nội dung:

Bài vị của nhà sư là Tịch Cứu Hạo Hạo thiền sư, người thôn Huyền
Thiên. Có húy hiệu của cha mẹ nhà sư. Ghi tên người cúng tiền làm
bia mộ.

Niệm nam vô Đại Phương Quảng phật Hoa Nghiêm kinh

念南無大方廣佛華嚴經

Kí hiệu: 137

Thác bản bia thôn Hòa Mã tổng Tả Nghiêm huyện Thọ Xương phủ Hoài Đức 懷德府壽昌縣左嚴總和馬村, sưu tầm tại chùa Hòa Mã đường Huế, Đệ bát hộ, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 51 x 53 cm, gồm 23 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 600 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Minh Mệnh thứ 7 (1826).

Người soạn: họ Nguyễn 阮; quê quán: xã Xuân Lũng huyện Từ Liêm; học vị: Tiến sĩ triều Lê.

Người viết chữ: Nguyễn Quang Điện 阮光殿; chức vị: Ty thư tả Bắc Thành.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Lịch sử di tích.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Bia mộ của nhà sư họ Vũ, tự Tịch Khanh, người huyện Thư Trì phủ Kiến Xương tỉnh Nam Định, trụ trì chùa Thiên Quang. Bia ghi tiểu sử, công lao của nhà sư. Ông từ nhỏ đã xuất gia đi tu, về trụ trì chùa này. Suốt thời gian ở chùa, ông không tiếc công sức tu bổ. Năm Ất Mùi tu sửa thượng điện, năm Canh Thân đúc chuông, năm Tân Dậu tu sửa tiền đường, năm Giáp Tý dựng nhà thiêu hương, năm Quý Dậu tô tượng Phật. Năm Tân Tị nhà sư mất. Đồ đệ của ông là Đồ Chiếu Tính tưởng nhớ ân đức của thầy, hợp sức cùng các thiện tín vẽ hình của ông để thờ, đồng thời dựng một tòa tháp phía sau chùa tàng lưu hải cốt của ông.

[Vô đề]

Kí hiệu: 138

Thác bản bia sưu tầm tại chùa Hòa Mã đường Huế, Đệ bát hộ, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 48 x 50 cm, gồm 15 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 200 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: không ghi.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Hành trạng, công tích nhân vật.

Tóm lược nội dung:

Sa di Phổ Tịnh cùng sa di chùa Quán sứ là Hoàng Văn Lộc tổ chức in kinh Phật. Bia ghi tên họ các vị sư sãi cùng thiện tín tham gia đóng góp vào việc in kinh.

[Vô đề]

Kí hiệu: 139

Thác bản bia sưu tầm tại chùa Hòa Mã đường Huế, Đệ bát hộ, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 36 x 40 cm, gồm 6 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 100 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: không ghi.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Hành trạng, công tích nhân vật.

Tóm lược nội dung:

Bài vị của 4 vị thần sư là Như Liên, Tính Tụê, Hải Dương và Tịch Nhu.

[Vô đề]

Kí hiệu: 140

Thác bản bia sưu tầm tại chùa Hòa Mã đường Huế, Đệ bát hộ, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 28 x 38 cm, gồm 9 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 140 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: không ghi.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Ghi tên các vị thiện tín công đức làm tháp Hòa Mã, trong đó có Hoàng Thị Chung, người thôn Đức Môn; vị họ Nguyễn, người thôn Thị, Đông Thành; vị họ Nguyễn, người phường Phúc Tô xã Đông Kết.

[Vô đề]

Kí hiệu: 141

Thác bản bia thôn Hòa Mã huyện Thọ Xương 壽昌縣和馬村, sưu tầm tại chùa Hòa Mã đường Huế, Đệ bát hộ, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 43 x 47 cm, gồm 17 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 600 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Minh Mệnh thứ 18 (1837).

Người soạn: tên hiệu: Vân Du cư sĩ 雲遊居士; quê quán: xã Đông Ngạc huyện Từ Liêm.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.

Tóm lược nội dung:

Nhà sư Chiêu Tính trụ trì chùa Thiên Quang, đã kế thừa được đạo pháp của các tiên sư, sau khi hoàn thành tu sửa chùa, ông dựng bia ca tụng công đức của 4 vị sư tổ là Chiêu Yên, Chiêu Khâm, Chiêu Thanh và Chiêu Thành.

Từ Ân tự sám bi

慈恩寺懺碑

Kí hiệu: 142

Thác bản bia thôn Giáo Phường tổng Kim Liên huyện Thọ Xương phủ Hoài Đức tỉnh Hà Nội 河南省懷德府壽昌縣金蓮總教坊村, sưu tầm tại chùa Từ Ân đường Huế, Đệ bát hộ Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 42 x 57 cm, gồm 9 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 270 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Đồng Khánh thứ 1 (1886).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Nhân dịp nhà sư trụ trì chùa Từ Ân tu sửa Phật đường, bà Phạm Thị Khang ở thôn Nhân Nội tổng Thuận Mỹ cúng 100 quan tiền để xin gửi giỗ cho vợ chồng bà và gia tiên nội ngoại.

Từ Ân tự Hậu bi

慈恩寺后碑

Kí hiệu: 143

Thác bản bia thôn Giáo Phường tổng Kim Kiên huyện Thọ Xương 壽昌縣金蓮總教坊村, sưu tầm tại chùa Từ Ân đường Huế, Đệ bát hộ Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 47 x 60 cm, gồm 14 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 360 chữ, không có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Đồng Khánh thứ 1 (1886).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Nhân dịp sư chùa Từ Ân tu sửa Phật đường, bà Vũ Thị Hiền cúng 100 quan tiền để xin gửi giỗ cho các vị gia tiên nội ngoại.

Phan môn Lưu Thị hậu bi

潘門劉氏后碑

Kí hiệu: 144

Thác bản bia sưu tầm tại chùa Từ Ân đường Huế, Đệ bát hộ Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 60 x 93 cm, gồm 10 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 120 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Đồng Khánh Bính Tuất (1886).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hàu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Lịch sử di tích.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Chùa Từ Ân vốn do ông Lưu Yến Hoa Đường người tỉnh Quảng Đông xây dựng vào năm Quý Mão đời Thiệu Trị (1843), đến nay bị mối mọt. Cháu gái đời thứ 18 dòng họ Lưu này cúng 400 quan tiền kèm đề sửa chùa, cầu nguyện cho người trong tộc họ được sống lâu và cung tiến tới cụ tổ đời thứ 23 dòng họ Phan.

Trần môn Lưu Thị Bành môn Lưu Thị hậu bi

陳門劉氏彭門劉氏后碑

Kí hiệu: 145

Thác bản bia sưu tầm tại chùa Từ Ân đường Huế, Đệ bát hộ, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 58 x 90 cm, gồm 11 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 300 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Đồng Khánh thứ 1 (1886).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hàu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Lịch sử di tích.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Chùa Từ Ân vốn do một vị người Quảng Đông là Lưu Yến Hoa Đường xây dựng. Trải nhiều năm, chùa hư hại. Nay cháu gái 18 đời là Lưu Thị Hai bỏ ra 200 quan tiền để sửa chữa nguyện cầu cho những người trong họ tộc được hưởng trường thọ và cung tiến lên cụ tổ họ Phan đời thứ 22.

Lưu môn đường thượng lịch đại tổ tiên các chư linh vị chi bi kí

劉門堂上歷代祖先各諸靈位之碑記 Kí hiệu: 146

Thác bản bia sưu tầm tại chùa Từ Ân đường Huế, Đệ bát hộ, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 78 x 113 cm, gồm 22 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 800 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Quang Tự thứ 13 (1887).

Niên đại ước đoán: tương đương năm Đồng Khánh thứ 2.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Gia phả, lai lịch dòng họ.
- Lịch sử di tích.

Tóm lược nội dung:

Chùa Từ Ân do người Bắc Quốc Lưu Yên Hoa Đường quê ở Quảng Châu tỉnh Quảng Đông xây dựng vào năm Quý Mão niên hiệu Đạo Quang để con cháu trong dòng họ đời đời thờ phụng tổ tiên các đời nhà họ Lưu. Bia khắc phả hệ dòng họ, từ cụ thủy tổ đến đời thứ 19.

[Vô đề]

Kí hiệu: 147

Thác bản bia sưu tầm tại chùa Từ Ân đường Huế, Đệ bát hộ, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 53 x 80 cm, gồm 17 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 500 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: không ghi.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Hành trạng, công tích nhân vật.

Tóm lược nội dung:

Bài vị của các vị tiên tổ dòng họ Lưu nguồn gốc ở Quảng Châu và các vị dòng họ Lê (thông gia với họ Lưu) nguồn gốc ở thôn Lễ xã Đặng Xá huyện Gia Lâm phủ Thuận An, Bắc Giang.

Quan môn Lưu Thị hậu bi

關門劉氏後碑

Kí hiệu: 148

Thác bản bia sưu tầm tại chùa Từ Ân đường Huế, Đệ bát hộ, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 48 x 74 cm, gồm 14 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 360 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Đồng Khánh thứ 1(1886).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Năm Bình Tuất niên hiệu Đồng Khánh (1886), nhà sư trụ trì chùa Từ Ân tiến hành trùng tu chùa. Ông Quan Ngô Đăng là con thừa tự của bà Lưu Toàn, cháu gái đời thứ 18 nhà họ Lưu, thiết nghĩ chùa này vốn do cụ tổ bên ngoại là Lưu Yên Hoa Đường sáng lập ra nên xuất tiền kềm 400 quan cúng vào việc tu sửa chùa, với niềm cầu mong cho bá phụ, bá mẫu họ Quan được hưởng phúc quả nơi cửa Phật và cả họ tộc được bình an phúc khánh.

Hậu phật kí kị sự chí

後佛寄忌事志

Kí hiệu: 149

Thác bản bia huyện Thọ Xương phủ Hoài Đức 懷德府壽昌縣, sưu tầm tại chùa Từ Ân, Đệ bát hộ, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 58 x 81 cm, gồm 14 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 350 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Tự Đức thứ 25 (1872).

Người soạn: nhà sư trụ trì chùa Từ Ân.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Ông Hà Khải Ân nguyên là người tỉnh Quảng Đông nước Thanh, sang

nước Nam lập nghiệp, cư trú tại phường Diên Hưng huyện Thọ Xương. Ông có bà thím Chu Thị Chú, làm dâu họ Hà, tuổi cao mà không có con, được ông rước về nhà nuôi dưỡng. Năm Tân Mùi bà qua đời, ông Ân để tang bà sau 3 năm, đến nay xuất tiền kềm 300 quan gửi vào chùa Từ Ân để cầu mong hương hồn thím được siêu thoát và gia quyến được bình an, mạnh khỏe.

Chu Đại Trạch hậu bi

朱大宅后碑

Kí hiệu: 150

Thác bản bia phường Phục Cổ tổng Kim Liên 金蓮總復古坊, sưu tầm tại chùa Trường Khánh đường Huế phường Phục Cổ, Độ bát hộ.

Thác bản 1 mặt, khổ 62 x 95 cm, gồm 15 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 800 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Thành Thái thứ 6 (1894).

Người soạn: Nguyễn Nhuận 阮潤; chức vị: Tri phủ phủ Ninh Giang.

Người viết chữ: Chu Thu Thanh 朱秋青.

Chủ đề: - Lịch sử di tích.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Cụ ngoại của ông Chu Đại Trạch người Quảng Đông, ngụ ở phố Hàng Buồm, trước đây nhân có khu đất vườn ở địa phận phường Phục Cổ tổng Kim Liên huyện Thọ Xương, cụ đã dựng nên ngôi chùa Trường Khánh để lại cho cháu thờ phụng. Nay ông Chu Đại Trạch tiến hành trùng tu chùa, tạo một pho tượng Phật Quan Âm nghìn tay nghìn mắt, cho trồng cây quanh chùa và dựng hơn chục gian nhà lợp lá ở phía trước chùa để cho thuê lấy tiền tu sửa chùa và hương đăng cúng giỗ.

Trường Khánh tự bi kí/Kí kị tiên linh bi kí

長慶寺碑記/寄忌先靈碑記

Kí hiệu: 151/152

Thác bản bia phường Phục Cổ tổng Kim Liên 金蓮總復古坊, sưu tầm tại chùa Trường Khánh đường Huế phường Phục Cổ Đệ bát hộ Hà Thành.

Thác bản 2 mặt, khổ 53 x 85 cm, gồm 48 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 850 chữ, có hoa văn, có chữ huy Hoa 荃.

Niên đại: Tự Đức thứ 23 (1870).

Người soạn 1: Lương Văn Bách 梁文柏; học vị: Cử nhân.

Người soạn 2: Trần Văn Nghi 陳文儀; học vị: Tú tài.

Người viết chữ: Trần Đức Hình 陳德馨.

Người nhuận sắc: Nguyễn [Chính] 阮正; học vị: Tiến sĩ khoa Nhâm Tuất (1862); chức vị: Hàn lâm viện Thị độc, Nội các Tham biện, Phó chủ khảo trường thi Hà Nội.

Chủ đề: - Bàu Hàu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Năm Kỉ Tị (1869) hai bà Nguyễn Thị Sứ và Nguyễn Thị Sò quê ở Bạch Hạc Sơn Tây, ngụ ở phố Hà Thanh, tự nguyện bỏ tiền tu sửa 3 gian chính điện, 5 gian tiền đường, tô 11 pho tượng Phật chùa Trường Khánh. Dân phường dựng bia ghi công đức và chấp thuận cho gửi giỗ gia tiên của hai bà. Có liệt kê chi tiết các khoản chi tiêu cho việc tu sửa chùa, tổng cộng số tiền là 6025 quan.

Quốc Chúa Nguyễn Phúc Chu [...] Đỉnh kiến Thuận Hóa Thiên Mụ tự bi kí

國主阮福週[...]鼎建順化天姥寺碑記

Kí hiệu: 153

Thác bản bia sưu tầm tại chùa Thiên Mụ xã An Ninh tổng An Ninh huyện Hương Trà phủ Thừa Thiên.

Ghi chú: Thác bản rập thô, không dùng mực nên khó đọc. Xem trùng bản kí hiệu số 2585.

Ngự chế thi

御製詩

Kí hiệu: 154

Thác bản bia sưu tầm tại chùa Thiên Mục xã An Ninh tổng An Ninh huyện Hương Trà phủ Thừa Thiên.

Ghi chú: Thác bản rập thô, không dùng mực nên khó đọc. Xem trùng bản kí hiệu số 2586.

Ngự chế Thiên Mục tự Phúc Duyên bảo tháp bi

御製天姥寺福緣寶塔碑

Kí hiệu: 155

Thác bản bia sưu tầm tại chùa Thiên Mục xã An Ninh tổng An Ninh huyện Hương Trà phủ Thừa Thiên.

Ghi chú: Thác bản rập thô, không dùng mực nên khó đọc. Xem trùng bản kí hiệu số 2587.

Hàm Long tự bi kí

含龍寺碑記

Kí hiệu: 156/157/158/159

Thác bản bia Kinh Sư 京師, sưu tầm tại chùa Hàm Châu, Hà Thành.

Thác bản 4 mặt, khổ 40 x 110 cm và 48 x 97 cm, gồm 75 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1500 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Vĩnh Thịnh thứ 10 (1714).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Vương Thái phi họ Trương đứng ra quyên góp trùng tu chùa Hàm Long, một thắng cảnh của Long Biên. Được chúa Trịnh ban cho tiền bạc và sự đóng góp của đông đảo thiện tín, trong đó gồm cả nhiều vị trong Vương phủ như các quận chúa Trịnh Thị Ngọc Yên, Ngọc Kì, Ngọc Quý, Ngọc Dung, công việc trùng tu đã hoàn thành tốt đẹp.

Hàm Long tự bi kí

含龍寺碑記

Kí hiệu: 160

Thác bản bia phường Phục Cổ 復古坊, sưu tầm tại chùa Hàm Long, phố Hàm Khánh, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 164 x 172 cm, gồm 29 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 700 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Vĩnh Thịnh thứ 10 (1714).

Người soạn: Nguyễn Quý Đức 阮貴德; học vị: Tiến sĩ khoa Bính Thìn (1676); chức vị: Tham tụng, Hộ bộ Thượng thư, Thiếu phó; tước Liêm Đường hầu.

Người viết chữ: Nguyễn Đình Hoàn 阮廷桓; chức vị: Thị nội Thư tả Hộ phiên.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Lịch sử di tích.
- Xây dựng, trùng tu di tích.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Chùa Hàm Long ở phường Phục Cổ là một danh thắng lớn ở Kinh Sư. Do thế đất ở đây giống hình miệng rồng thần, lại có một gò đất nổi như hình viên ngọc nên đặt tên chùa là Hàm Long. Nay bà Thái phi họ Trương ở Vương phủ khởi xướng việc trùng tu. Chúa Trịnh Sư Thượng An Vương đã xuất tiền kho chu cấp cho công việc. Có bài minh tóm tắt sự việc.

Nam Giao điện bi kí

南郊殿碑記

Kí hiệu: 161a/161b/161c/161d

Thác bản bia sưu tầm tại điện Nam Giao, Hà Thành.

Thác bản 4 mặt, khổ 144 x 207 cm, gồm 23 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 600 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Vĩnh Trị thứ 4 (1679).

Người soạn: Nguyễn Tiến Triều 阮進朝; quê quán: xã Nam Nguyễn huyện Phúc Lộc; học vị: Tiến sĩ khoa Bính Thìn (1676); chức vị: Đông các Hiệu thư; tước Xuân Trạch nam.

Người nhuận sắc: Hồ Sĩ Dương 胡士揚; quê quán: xã Hoàn Hậu huyện Quỳnh Lưu; chức vị: Tham tụng, Công bộ Thượng thư; tước hiệu: Duệ Quận công.

Người viết chữ: Lê Công Chính 黎公正; quê quán: Gia Lâm; chức vị: Binh bộ Lang trung; tước Hương Thọ nam.

Chủ đề: Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Điện Chiêu Sự ở đàn Nam Giao nằm ở mé nam kinh thành, là nơi tiến hành lễ tế trời vào ngày đầu năm của các triều đại. Năm Canh Trĩ thứ nhất (1663), chúa Trịnh Định Nam Vương khởi công trùng tu, đến năm Giáp Thìn (1664) thì hoàn thành.

Ghi chú: Hai mặt thác bản số 161c và 161d trùng nhau.

Hàm Long tự bi kí

含龍寺碑記

Kí hiệu: 162/163

Thác bản bia sưu tầm tại chùa Hàm Long, Hà Thành.

Thác bản 2 mặt, khổ 152 x 163 cm, gồm 41 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 720 chữ, có hoa văn, có chữ húy: Tân 麟.

Niên đại: Vĩnh Thịnh thứ 10 (1714).

Người soạn: Đặng Đình Tướng 鄧廷相; chức vị: Tả Đô đốc, Thiếu phó; tước Ứng Quận công.

Người viết chữ: Ngô Bảo 吳寶; chức vị: Tướng sĩ lang Thị nội Thư tả.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Lịch sử di tích.
- Xây dựng, trùng tu di tích.
- Thơ văn

Tóm lược nội dung:

Chùa Hàm Long là một danh thắng ở phía đông kinh thành Thăng Long. Từ xưa, đây đã là nơi cầu cúng rất linh thiêng. Nhưng trải lâu năm chùa bị mưa gió làm hư hỏng, di chỉ xưa bị người xâm chiếm. Năm Tân Tị (1701) bà Thái phi họ Trương, người huyện Gia Lâm xứ Kinh Bắc động tâm trước cảnh đó, đã xin chúa Trịnh ra lệnh chỉ cho trùng tu lại chùa, đồng thời tự xuất tiền của và quyên góp các thiện tín để tiến hành công việc. Chùa hoàn thành trùng tu vào năm Quý Tị (1713). Có bài minh tóm tắt sự việc. Mặt sau bia khắc bổ sung vào năm Vĩnh Hựu 1 (1735) chép việc Thái phi cấp cho nhà chùa 30 mẫu ruộng ở phường Hồ Khẩu huyện Quảng Đức để cày cấy đền nhang cúng lễ.

Đông Tân bi kí

東新碑記

Kí hiệu: 164

Thác bản bia giáp Đông Hạ thôn Đông Tân tổng Kim Liên huyện Thọ Xương phủ Hoài Đức 懷德府壽昌縣金蓮總東新村東下甲, suru tầm tại đình Đông Hạ đường Huế.

Thác bản 1 mặt, khổ 23 x 42 cm, gồm 8 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 150 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Thành Thái thứ 6 (1894).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hệu, gửi giỗ, biêu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà Nguyễn Thị Tề cúng cho giáp Đông Hạ 25 đồng để gửi giỗ cho chồng là Nguyễn Quý công đã mất. Bản giáp dùng tiền đó để mua ngôi sửa đình, chùa, và nhận cúng giỗ cho chồng bà theo lệ.

Hậu thần bi kí

後神碑記

Kí hiệu: 165

Thác bản bia thôn Đông Hạ phường Phục Cổ huyện Thọ Xương phủ Hoài Đức 懷德府壽昌縣復古坊東下甲, suru tầm tại đình Đông Hạ đường Huế.

Thác bản 1 mặt, khổ 47 x 74 cm, gồm 12 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 270 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Gia Long thứ 10 (1811).

Người viết chữ: Nguyễn Duy Vượng 阮惟旺; quê quán: thôn Đông Hạ.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Từ năm Mậu Thìn (1808) hai chị em bà Nguyễn Thị Thìn và Nguyễn Thị Ôn cúng cho thôn 55 quan tiền và 18 thước 5 tấc đất ở phố đề xin cho cha mẹ được làm Hậu thần. Bản thôn nhận tiền, trích ra 20 quan chia nhau, để lại 35 quan cho vay lấy lãi cúng giỗ. Nay bà Nguyễn Thị Ôn lại cúng thêm 50 quan tiền nữa để gửi giỗ cho bản thân. Bản thôn dựng bia ghi ngày giỗ và quy định lễ vật cúng giỗ.

Hậu thần bi kí

後神碑記

Kí hiệu: 166

Thác bản bia giáp Đông Hạ thôn Đông Tân tổng Kim Liên huyện Thọ Xương phủ Hoài Đức 懷德府壽昌縣金蓮總東新村東下甲, suru tầm tại đình Đông Hạ đường Huế.

Thác bản 1 mặt, khổ 47 x 77 cm, gồm 8 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 100 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Thành Thái thứ 7 (1895).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà Phạm Thị Huệ cúng 40 đồng cho giáp để mua ngôi lợp lại miếu và xin gửi giỗ cho cha. Dân giáp dựng bia ghi ngày giỗ của thân phụ bà là ông Phạm Châm để cúng giỗ mãi mãi.

Trùng kiến Quan thánh miếu thêm đề lục

重建關聖廟簽題錄

Kí hiệu: 167

Thác bản bia sưu tầm tại miếu Quan Thánh phố Hàng Buồm, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 70 x 86 cm, gồm 24 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 360 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Gia Long thứ 14 (1815).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Kê danh sách người đóng góp xây dựng lại miếu Quan Thánh. Toàn bộ đều là người Hoa nguyên quán ở tỉnh Quảng Đông và Phúc Kiến, như Trần Hiển Chu người Quảng Đông cúng 70 lượng (bạc), Ngô Tân Sĩ cúng 16 lượng...

Hậu thần bi kí

後神碑記

Kí hiệu: 168/169/170/171

Thác bản bia giáp Đông Hạ phường Phục Cổ huyện Thọ Xương phủ Phụng Thiên 奉天府壽昌縣復古坊東下甲, sưu tầm tại đình Đông Hạ đường Huế.

Thác bản 4 mặt, khổ 70 x 86 cm, gồm 24 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 360 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Vĩnh Thịnh thứ 12 (1816).

Người soạn: Bùi Xương Tự 裴昌嗣; chức vị: Tham nghị.

Người viết chữ: Bùi Đình Kiên 裴廷堅; học vị: Trung thư giám Hoa văn học sinh.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà Cao Thị Đương người huyện Gia Lâm cúng cho giáp Đông Hạ 150 quan tiền cô và thừa đất mặt phố 20 thước để giáp xây dựng đền thờ. Sau đó bà lại cúng 100 quan tiền cô để xin gửi Hậu cho chồng và bản thân. Giáp nhận số tiền 100 quan, một nửa đem biếu xén và chia nhau, một nửa cho vay lãi để lo việc cúng giỗ. Có quy định lễ vật và nghi thức cúng giỗ.

Trùng kiến Quan Thánh miếu bi kí

重建關聖廟碑記

Kí hiệu: 172/173/174

Thác bản bia phường Hà Khẩu 河口坊, suru tầm tại miếu Quan Thánh phố Hàng Buồm, Hà Thành.

Thác bản 3 mặt, khổ 70 x 106 cm và 23 x 90 cm, gồm 27 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 800 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Gia Long thứ 14 (1815).

Người soạn: Phạm Quý Thích 范貴適; học vị: Tiến sĩ khoa Kỳ hội (1799); chức vị: Thị trung học sĩ; tước Thích An hầu.

Chủ đề: - Lịch sử di tích.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Miếu Quan Thánh được dựng từ đời Lê, kể từ khi ông Bình Trung đứng ra quyên góp xây dựng, miếu trở thành quy mô 3 gian, có thần điện, tiền điện và cổng, xung quanh xây tường gạch. Ông lại cúng 1 gian nhà đất giao cho thủ từ lo việc phụng sự. Đến năm Giáp Tuất (1814) 12 vị trong phường đứng ra tu sửa lại miếu, di dời tiền điện ra đằng trước, ở giữa mở một gian đình vuông, đắp pho tượng thần. Bia biên chép các tiết làm lễ thờ phụng trong năm và quy định các hạng lễ vật do phường và các giáp phải sắm sửa để cúng lễ.

Trùng kiến Quan Thánh miếu thêm đề lục

重建關聖廟簽題錄

Kí hiệu: 175

Thác bản bia phường Hà Khẩu 河口坊, sưu tầm tại miếu Quan Thánh phố Hàng Buồm, Hà Nội.

Thác bản 1 mặt, khổ 115 x 187 cm, gồm 50 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 2000 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Gia Long thứ 14 (1815).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Kê danh sách những vị đóng góp tiền thuộc các giáp phường Hà Khẩu cúng tiền tu sửa miếu Quan Thánh, như toàn phường cúng 225 quan, trong đó có Hoàng Đình Thành cúng 5 quan, giáp Nam Hạ có Phan Thiệu Viễn cúng 20 quan v.v...

Quan Thánh miếu chu tất bi kí

關聖廟朱漆碑記

Kí hiệu: 176

Thác bản bia phường Hà Khẩu 河口坊, sưu tầm tại miếu Quan Thánh phố Hàng Buồm, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 72 x 128 cm, gồm 24 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1000 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Minh Mệnh thứ 7(1826).

Người soạn: Phan Thiệu Viễn 潘紹遠, tên tự: Hiến Đình.

Chủ đề: - Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Từ năm Giáp Tuất (1814) phường Hà Khẩu tiến hành tu sửa miếu Quan Thánh. Sau đó vào năm Ất Dậu (1825) tiếp tục sửa chữa

máng nước và sơn son lại toàn bộ miếu. Bia ghi danh sách các cá nhân và cửa hiệu phường đã quyên góp công đức trong việc tu sửa quán Quan Thánh.

Trình thạch thủy danh

貞石垂名

Kí hiệu: 177

Thác bản bia phường Hà Khẩu 河口坊, sưu tầm tại miếu Quan Thánh phố Hàng Buồm, Hà Nội.

Thác bản 1 mặt, khổ 83 x 127 cm, gồm 45 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1200 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Tự Đức thứ 28 (1875).

Người soạn: Lê [Đình Diên] 黎廷延, tên hiệu: Cúc Hiên; quê quán: xã Nhân Mục huyện Thanh Trì; học vị: Tiến sĩ khoa Kì Dậu (1849); chức vị: Thị độc.

Người viết chữ 1: Nguyễn Thành Y 阮成依; chức vị: Quan huyện Chân Ninh.

Người viết chữ 2: Nguyễn Ngọc Chấn 阮玉振; chức vị: Cai tổng.

Chủ đề: - Bầu Hâu, gửi giỗ, biếu dương việc thiện.
- Hành trạng, công tích nhân vật.

Tóm lược nội dung:

Ông Vũ Xuân Phiên vốn quê gốc ở Bắc Giang, đến lập nghiệp tại phường đã mấy đời. Hồi trước triều đình vận động lạc quyên, ông và phụ thân đã hảo tâm cúng tiền, đều được triều đình tặng phong làm Chánh và Tổng bát phẩm Bá hộ. Năm Ất Hợi (1875), dân phường sắm sửa đồ thờ ở miếu, ông đã cúng cho phường 1000 quan tiền và một khu đất, 1 ngôi nhà ở phố Hàng Buồm để dùng vào việc thờ phụng ở miếu. Dân trong phường ghi ơn, định lệ cúng giỗ ông mãi mãi. Có các chức sắc, quan viên trong phường kí kết.

Đông Thọ tổng bi kí

東壽總碑記

Kí hiệu: 178/179

Thác bản bia tổng Đông Thọ huyện Thọ Xương phủ Hoài Đức tỉnh Hà Nội 河南省懷德府壽昌縣東壽總, sưu tầm tại đền tổng Đông Thọ, Hà Thành.

Thác bản 2 mặt, khổ 81 x 123 cm, gồm 21 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 500 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Tự Đức thứ 9 (1856).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Tổng Đông Thọ xây mới ngôi đền, quy định chức dịch trong tổng mỗi người đóng góp 5 quan, ngoài ra mọi người tùy tâm đóng góp thêm. Bia ghi tên và số tiền đóng góp của dân tổng, trong đó riêng phần góp theo định mức tổng cộng thu được 1150 quan.

Đông Thọ tổng bi kí

東壽總碑記

Kí hiệu: 180/181

Thác bản bia huyện Thọ Xương phủ Hoài Đức tỉnh Hà Nội 河南省懷德府壽昌縣, sưu tầm tại đền tổng Đông Thọ, Hà Thành.

Thác bản 2 mặt, khổ 79 x 123 cm, gồm 26 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 600 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Tự Đức thứ 9 (1856).

Người soạn: Bùi [Huy Chương] 裴輝璋, tên hiệu: Thiềm Trai; học vị: Cử nhân khoa Quý Mão; chức vị: Lại bộ Hành tầu.

Người viết chữ: Lê Huy Lâm 黎輝琳; quê quán: thôn Đông Yên; chức vị: Hương trưởng.

Chủ đề: - Sinh hoạt làng xã.

- Lịch sử di tích.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Tổng Đông Thọ hàng năm có lệ cúng tế vào mùa xuân và mùa thu. Trước nay không có nơi cố định, nên mỗi lần cúng lễ thì dựng tạm một gian nhà tranh để lễ bái. Nay Cai tổng Bùi Bá Kiến hợp cùng toàn tổng xây một ngôi đền ở thôn Hà Thanh gần Hồ Gươm để tế lễ hàng năm. Đền xây dựng từ năm Nhâm Tý (1852) đến năm Giáp Dần (1854) thì hoàn thành. Mặt sau bia kê danh sách những người tham gia đóng góp.

Kiến tạo phương đình bi

建造方亭碑

Kí hiệu: 182

Thác bản bia phường Hà Khẩu huyện Thọ Xương 壽昌縣河口坊, lưu tại đền Bạch Mã phố Hàng Buồm, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 66 x 114 cm, gồm 26 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 500 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Minh Mệnh thứ 20 (1839).

Người soạn: Vũ Đức Khuê 武德奎; học vị: Tiến sĩ khoa Nhâm Ngọ (1822); chức vị: Hữu Tham tri.

Người viết chữ: Trần An Lạc 陳安樂; chức vị: Thư tả.

Chủ đề: - Sinh hoạt làng xã.
 - Lịch sử di tích.
 - Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Đền Bạch Mã xây dựng từ thời Lí, sau đó nhiều lần được tu bổ lại. Năm Kỉ Hợi (1839), nhân dân 3 giáp Mật Thái, Bắc Thượng và Bắc Hạ thuộc phường Hà Khẩu hợp sức xây dựng một nhà phương đình để làm nơi chiêm bái. Kê tên người cung tiến tiền của, như Cao Quán Quốc cúng 30 quan tiền.

Điêu Tắt phương đình bí kí

雕漆方亭碑記

Kí hiệu: 183

Thác bản bia phường Hà Khẩu huyện Thọ Xương 壽昌縣河口坊, sưu tầm tại đền Bạch Mã phố Hàng Buồm, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 64 x 102 cm, gồm 26 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 550 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Minh Mệnh thứ 21 (1840).

Người soạn: Vũ Đình Cơ 武廷基; học vị: Cử nhân khoa Ất Dậu; chức vị: Giáo thụ phủ Nam Sách.

Chủ đề: - Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Năm Kì Hợi 3 giáp phường Hà Khẩu xây dựng tòa đình vuông ở sân đền Bạch Mã. Sau đó lại tổ chức quyên góp để trang hoàng sơn son, thiếp vàng ngôi đình làm nơi cúng tế thần. Tham gia quyên góp đợt này, ngoài dân 3 giáp Mật Thái, Bắc Thượng và Bắc Hạ thuộc phường Hà Khẩu ra, còn có các cửu hiệu thuộc Hội Kinh thường người Thanh.

Tạo lệ bí kí

皂隸碑記

Kí hiệu: 184/191

Thác bản bia phường Hà Khẩu huyện Thọ Xương phủ Phụng Thiên 奉天府壽昌縣河口坊, sưu tầm tại đền Bạch Mã phố Hàng Buồm, Hà Thành.

Thác bản 2 mặt, khổ 62 x 100 cm, gồm 24 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 700 chữ, có hoa văn, có chữ hý: Trừ 辭, Cửu 爰.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 42 (1781).

Người soạn: Vũ Đình Trác 武廷琢; quê quán: phường Đồng Xuân huyện Thọ Xương; chức vị: Thị nội Thư tả, Binh phiên.

Chủ đề: - Công văn triều đình (sắc, lệnh, chỉ dụ).

- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Năm Cảnh Hưng thứ 39 (1778), dân 3 giáp Mật Thái, Bắc Thượng và Bắc Hạ phường Hà Khẩu đệ đơn xin làm dân tạo lệ, miễn trừ các khoản sưu sai để thờ phụng đền thần Bạch Mã. Sau khi các quan phủ liêu Ngũ phủ Trịnh Kiều, Phan Trọng Phiên tra khám xác thực đã đệ tờ khai lên chúa Trịnh, đồng thời với sự giúp đỡ của Quận phu nhân Lê Thị Huyền người xã Phượng Lâu huyện Kim Động, cuối cùng vào tháng 7 năm Cảnh Hưng thứ 42 (1781) quan phủ liêu Sử Trung hầu đã truyền tờ lệnh chỉ của chúa Trịnh chấp thuận đơn của địa phương. Bia trích nội dung tờ lệnh chỉ của chúa Trịnh Tĩnh vương và nguyên văn tờ khai của dân phường.

Trùng tu bi kí

重修碑記

Kí hiệu: 185

Thác bản bia phường Hà Khẩu huyện Thọ Xương 壽昌縣河口坊, sưu tầm tại đền Bạch Mã phố Hàng Buồm, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 71 x 122 cm, gồm 24 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 520 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Tự Đức thứ 1(1848).

Người soạn: Nguyễn Văn Thắng 阮文勝; quê quán: xã Yên Thái; học vị: Tiến sĩ khoa Bính Tuất (1826).

Chủ đề: - Sinh hoạt làng xã.
- Lịch sử di tích.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Pường Hồ Khẩu có đền Bạch Mã, tương truyền do Cao Biền đời Đường dựng. Năm Đinh Mùi (1847) dân 3 giáp trong phường tu bổ 4 cột trụ ngôi đình của phường, mua sắm đồ thờ và di dời xây lại tòa miếu thờ Tiên hiền về phía sau ngôi đình. Toàn bộ chi phí cho công việc lên đến khoảng 3000 quan, đều do dân 3 giáp đóng góp và sự trợ giúp của những người hảo tâm.

Văn chỉ bi kí

文址碑記

Kí hiệu: 186

Thác bản bia phường Hà Khẩu 河口坊, suru tầm tại đền Bạch Mã phố Hàng Buồm, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 38 x 67 cm, gồm 12 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 200 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 35 (1774).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Phường Hà Khẩu trước nay vốn chưa có nơi cố định để thờ phụng các bậc Tiên hiền. Nay có người trong phường là Tiến sĩ Nhữ Công Chân, người làng Hoạch Trạch, Hải Dương cúng một khu đất tư rộng 16 thước, dài 108 thước cho dân 3 giáp trong phường để dựng văn chỉ. Dân 3 giáp bèn đóng góp tiền của khởi công xây dựng tòa văn chỉ ở bên trái đền Bạch Mã.

Hương hỏa ốc bi

香火屋碑

Kí hiệu: 187

Thác bản bia phường Hà Khẩu tổng Đông Thọ huyện Thọ Xương phủ Hoài Đức tỉnh Hà Nội 河南省懷德府壽昌縣東壽總河口坊, suru tầm tại đền Bạch Mã phố Hàng Buồm, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 58 x 85 cm, gồm 12 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 300 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Tự Đức thứ 1(1848).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Dân 3 giáp phường Hà Khẩu di dời văn chỉ từ bên trái sang phía sau đền Bạch Mã, để cho rộng rãi, thoáng đãng hơn. Lại nhân vị trí cũ làm thêm 3 gian nhà ngói để cho thuê lấy tiền thờ cúng.

Từ chỉ yến lão bi kí

祠址宴老碑記

Kí hiệu: 188

Thác bản bia phường Hà Khẩu tổng Đông Thọ huyện Thọ Xương phủ Hoài Đức tỉnh Hà Nội 河內省懷德府壽昌縣東壽總河口坊, sưu tầm tại đền Bạch Mã phố Hàng Buồm, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 62 x 102 cm, gồm 21 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 600 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Minh Mệnh thứ 21(1840).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Ba giáp phường Hà Khẩu nhân dịp dựng tòa văn chỉ mới ở bên trái đền Bạch Mã, cùng hội họp đặt ra lệ sinh hoạt tế lễ, yến ẩm của hội hương lão, bao gồm 6 điều quy định về độ tuổi, số tiền nộp để lên hội lão, lễ nghi các kì lễ hội, lệ biếu và yến tiệc v.v...

Trùng tu Bạch Mã miếu thiêm đề lục

重修白碼廟簽題錄

Kí hiệu: 189

Thác bản bia sưu tầm tại đền Bạch Mã phố Hàng Buồm, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 100 x 160 cm, gồm 20 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1000 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Minh Mệnh thứ 1(1820).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Khắc tên các hiệu buôn ở ba phố người Hoa quê gốc ở Quảng Đông, Phúc Kiến và Triều Châu góp tiền của để tu sửa đền Bạch Mã.

Trùng tu Bạch Mã miếu bi

重修白碼廟碑

Kí hiệu: 190

Thác bản bia phường Hà Khẩu tổng Đông Thọ huyện Thọ Xương phủ Hoài Đức 懷德府壽昌縣東壽總河口坊, sưu tầm tại đền Bạch Mã phố Hàng Buồm, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 97 x 158 cm, gồm 25 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1000 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Minh Mệnh thứ 1 (1820).

Người soạn: Phạm Quý Thích 范貴適; học vị: Tiến sĩ khoa Kỉ Hợi (1799); chức vị: Thị trung học sĩ; tước hiệu: Thích An hầu.

Chủ đề: - Lịch sử di tích.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Đền Bạch Mã ở phường Hà Khẩu là nơi thờ phụng rất linh thiêng. Đền xây dựng từ rất lâu, đời Chính Hòa đã trùng tu. Đến nay ba giáp đứng ra quyên góp công đức của dân và các cửa hiệu người Hoa được hơn 3000 lạng bạc, bèn tiến hành sửa sang mở rộng đền. Công việc bắt đầu từ năm Kỉ Mão (1819) đến nay hoàn thành, dựng bia ghi tên những người đã đóng góp công đức.

Trùng tu Hán Phục Ba tướng quân từ bi kí

重修漢伏波將軍祠碑記

Kí hiệu: 192

Thác bản bia phường Hà Khẩu huyện Thọ Xương 壽昌縣河口坊, sưu tầm tại đền Bạch Mã phố Hàng Buồm, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 81 x 130 cm, gồm 26 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 550 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Chính Hòa thứ 8 (1687).

Người viết chữ: Phan Đình Giang 潘廷江; chức vị: Thị nội Thư tả.

Người khắc: Xuân Lộc 春祿; chức vị: Quế Lâm thạch tượng cục.

Chủ đề: - Sinh hoạt làng xã.
- Lịch sử di tích.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Lược ghi về Mã Viện, người tương truyền lập ra đền Bạch Mã. Năm Bính Dần (1686) đền Bạch Mã trùng tu. Bia ghi tên những người tham gia quyên góp, trong đó có gia đình họ Giang và các hiệu buôn người Hoa nguyên quán ở các xứ Giang Tây, Quảng Đông, Phúc Kiến, Hồ Quảng, Giang Nam và Vân Nam.

Bạch Mã thần từ bi kí

白馬神祠碑記

Kí hiệu: 193

Thác bản bia phùng Hà Khâu huyện Thọ Xương phủ Phụng Thiên 奉天府壽昌縣河口坊, sưu tầm tại đền Bạch Mã phố Hàng Buồm, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 80 x 130 cm, gồm 35 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1100 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Chính Hòa thứ 8 (1687).

Người soạn: Nhữ Tiến Dụng 汝進用; quê quán: làng Hoạch Trạch huyện Đường An, học vị: Tiến sĩ khoa Giáp Thìn (1664); chức vị: Lễ khoa Đô Cấp sự trung.

Người viết chữ: Nhữ Hiên Trung 汝顯忠; học vị: Nho sinh.

Chủ đề: - Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Năm Bình Dân (1686) dân 3 giáp Mật Thái, Bắc Thượng và Bắc Hạ phường Hà Khẩu đóng góp tiền của tu sửa đền Bạch Mã. Quan Lễ khoa Nhữ Tiến Dụng chọn hướng khởi công trùng tu tiền đình, lợp mái chống dột. Bia ghi tên những người tham gia đóng góp.

Trùng tu quyên báo lục

重修捐報錄

Kí hiệu: 194

Thác bản bia sưu tầm tại quán Việt Đông phố Hàng Buồm, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 116 x 204 cm, gồm 24 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1600 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Minh Mệnh thứ 1 (1820).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Ghi tên các chủ hiệu buôn và người Hoa ở Hà Nội và một số nơi khác như Thanh Hóa, Hải Phòng, đóng góp tiền của trùng tu Hội quán.

Đỉnh kiến hội quán thiêm đề lục

鼎建會館簽題錄

Kí hiệu: 195

Thác bản bia sưu tầm tại quán Việt Đông phố Hàng Buồm, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 112 x 156 cm, gồm 32 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1200 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Gia Long thứ 2 (1803).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Danh sách những người Hoa đã đóng góp tiền của xây dựng quán Việt Đông. Đối với mỗi người đều ghi rõ tên họ, quê quán gốc ở Trung Quốc và số tiền bạc cung tiến như Trần Bích Huy quê ở Thuận Đức đóng 60 lượng, cửa hiệu Phú Phong quê ở Thuận Đức đóng 55 lượng bạc v.v...

Việt Đông hội quán bi kí

粵東會館碑記

Kí hiệu: 196

Thác bản bia phường Hà Khẩu 河口坊, sưu tầm tại quán Việt Đông phố Hàng Buồm, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 97 x 156 cm, gồm 24 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 700 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Gia Long thứ 2 (1803).

Người soạn: Phan Thiệu Viễn 潘紹遠; quê quán: Hương Lâm huyện Nam Hải (Trung Quốc).

Người viết chữ: Lương Đình Kí 梁廷記; quê quán: Bào Châu huyện Thuận Đức (Trung Quốc).

Người khắc: Nguyễn Thịnh Viên 阮盛垣; quê quán: xã Du Lâm huyện Đông Ngàn.

Chủ đề: - Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Thăng Long là nơi đô hội của nước Nam. Những người khách Hoa tìm đến đây cư trú, làm ăn đã từ lâu đời, quây quần thành phường hội, ơn nhờ thần linh nước Nam phù trợ buôn bán phát triển ngày càng thịnh vượng. Nhưng vì chưa có một địa điểm chung nên việc tế lễ thờ phụng thần linh và hội họp đồng hương trước nay vẫn phải tiến hành ở các tư gia chật hẹp. Vì vậy các vị cao tuổi trong phường khởi xướng xây dựng quán của người Hoa, lập sổ sách quyên góp tiền của đóng góp của các cửa hiệu. Năm Canh Thân (1800) mua

được khu đất ở địa giới giáp Nam Trung và Hương Bài khởi công xây dựng hội quán to đẹp, kinh phí lên đến 7000 quan thanh tiền.

Trùng tu thiêm đề lục

重修簽題錄

Kí hiệu: 197

Thác bản bia suu tầm tại quán Việt Đông phố Hàng Buồm, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 115 x 203 cm, gồm 36 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1500 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Minh Mệnh thứ 1 (1820).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Danh sách những người chủ trì và hội viên Hội người buôn Hoa Kiều đã đóng góp tiền của tu bổ Hội quán.

Trùng tu Hội quán bi kí

重修會館碑記

Kí hiệu: 198

Thác bản bia suu tầm tại quán Việt Đông phố Hàng Buồm, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 134 x 204 cm, gồm 23 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 720 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Minh Mệnh thứ 1 (1820).

Người soạn: Phan Hiến Tổ 潘憲祖; quê quán: huyện Nam Hải (Trung Quốc); học vị: Tường sinh.

Người viết chữ: Dương Phôn Khai 楊蕃開; quê quán: Lũy Khê huyện Nam Hải (Trung Quốc).

Người khắc: Nguyễn Thịnh Viên 阮盛垣; xã Lâm Du huyện Đông Ngàn.

Chủ đề: - Lịch sử di tích.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Quán Việt Đông của người Hoa được xây dựng từ năm Quý Hợi (1803). Hội đó dựng quán cốt làm nơi thờ phụng tế lễ, nên quy mô còn nhỏ hẹp. Đến nay trải đã hơn chục năm. Ông Hội trưởng Quan Thiên Trì khởi xướng việc trùng tu mở rộng. Năm Ất Hợi (1815) khởi công tu sửa quán, sau 4 năm mới hoàn thành. Sau đó chọn ngày lành năm Kỉ Mão (1819) bắt đầu phối thờ 4 vị thần là Quan Thánh đại đế, Tán thuận Thiên Hậu nguyên quân, Tam Nguyên Tam Quan đại đế và Phục Ba Mã Đại nguyên Soái.

Trùng tu hội quán hậu tòa bi kí

重修會館後座碑記

Kí hiệu: 199

Thác bản bia sưu tầm tại quán Việt Đông phố Hàng Buồm, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 114 x 172 cm, gồm 23 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 600 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Thiệu Trị thứ 4 (1844).

Người soạn và viết: Tạ Nguyên 謝元, tên hiệu: Phúc Trai.

Người hiệu đính: Quan Mĩ Tài 關美材; chức vị: Hàng trưởng.

Chủ đề: - Lịch sử di tích.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Hội quán Việt Đông xây dựng từ thời Gia Long đã qua trùng tu vào năm Minh Mệnh. Từ đó việc buôn bán của các hiệu buôn người Hoa ngày càng thịnh vượng. Năm Quý Mão (1843), Hội lại quyên góp trùng tu mở rộng tòa hậu đường thờ tượng Thiên Hậu nguyên quân, cải tạo phân chân lầu Tài bạch tinh quân thành sảnh đường làm nơi tụ họp. Bia khắc tên các vị chủ trì công việc trùng tu.

Trùng tu hậu tòa thêm đề lục

重修後座簽題錄

Kí hiệu: 200

Thác bản bia sưu tầm tại quán Việt Đông phố Hàng Buồm, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 112 x 170 cm, gồm 36 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 800 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Thiệu Trị thứ 4 (1844).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Danh sách tên người và cửa hiệu người Hoa đã đóng góp tiền tu bổ Hội quán Việt Đông nhà Hội đồng để hội họp và hậu cung để thờ cúng Thiên Hậu, ở trong số người đóng góp tiền đó, có Phan Thành Xương đóng 100 lượng, Vạn Nguyên Thịnh 100 lượng...

Ngự chế thi Thiết cang

御制詩鐵巷

Kí hiệu: 201

Thác bản bia sưu tầm tại Thiết Càng (cang Thiên Uy).

Thác bản 1 mặt, khổ 47 x 92 cm, gồm 10 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 100 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Thiệu Trị thứ 3 (1843).

Người soạn: vua Thiệu Trị.

Chủ đề: Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Khắc bài thơ của vua Thiệu Trị đề vịnh Thiết Càng (Thiên Uy cang). Trong câu thơ có nói đến Cao Biền.

Ghi chú: Thác bản rập thô không có mực hầu như không thể đọc được. Xem trùng bản số 2386. Sách *Đồng Khánh địa dư chí* (tỉnh Nghệ An) chép cang Thiên Uy ở xã La Vân tổng La Vân huyện Thanh Chương phủ Anh Sơn tỉnh Nghệ An.

Trùng hưng Liên Phái tự Li Trần viện kí

重興聯派寺離塵院記

Kí hiệu: 202/203

Thác bản bia phường Bạch Mai huyện Thọ Xương 壽昌縣白梅坊, suu tầm tại chùa Liên Phái phường Bạch Mai.

Thác bản 2 mặt, khổ 95 x 142 cm, gồm 50 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 2000 chữ, không có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Tự Đức thứ 12 (1831).

Người soạn: pháp danh: Thanh Minh 清明; nhà sư.

Người viết chữ: pháp danh: Văn Đường 文堂; nhà sư.

Chủ đề: - Lịch sử di tích.

- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Chùa Liên Phái có lịch sử lâu đời, từ năm Bính Ngọ (1726) đời vua Bảo Thái vị tổ sư đời thứ nhất là Cứu Sinh tổ sư nhân ngôi chùa cổ tiến hành tu sửa lại, tạc tượng Như Lai, đúc chuông khánh, vì thấy điềm hoa sen mọc nên đặt tên chùa là Liên Tôn, gọi nhà tăng là Viện Li Trần. Từ đó trải nhiều đời, đã có 8 vị thiền sư tới trụ trì chùa, nối tiếp nhau tu bổ mở mang. Đến năm Giáp Dần (1854) chùa trải sau cơn loạn lạc lại bị hư hỏng, nhà sư trụ trì là Phổ Hình vì bị ốm nên đem toàn bộ ruộng đất, đồ thờ và sổ sách của chùa cúng giáng vào chùa Liên Trì. Nhà sư chùa này là Phúc Điền Hòa thượng bèn cùng với đệ tử là Thanh Minh quy hoạch trùng tu lại chùa, sau 6 năm mới hoàn thành. Bia ghi công hai vị đóng góp hưng công là Tổng đốc Nguyễn Đăng Giai và Tham tán đại thần Lê Thuận Chiêu và nhiều vị đóng góp công đức khác.

Trùng hưng Liên Phái tự Li Trần viện

重興蓮派寺離塵院

Kí hiệu: 204

Thác bản bia suu tầm tại chùa Liên Phái phường Bạch Mai, Hà Nội.

Thác bản 1 mặt, khổ 76 x 112 cm, gồm 22 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 700 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Tự Đức thứ 25 (1872).

Người soạn: pháp danh: Thanh Trang 淸莊; nhà sư.

Người viết chữ: pháp danh: Văn Đường 文堂; nhà sư.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Ông Trần Nhật Chương tự Thanh Minh được nhà sư Phúc Điền ủy thác cho 1000 quan tiền và khu đất, ao 2 mẫu 6 sào do sư tổ đời thứ 2 là Thượng sĩ Cao Thiên Hòa thượng để lại kèm lời di chúc của Hòa thượng dẫn sử dụng đất ấy vào tu sửa chùa và đặt tháp chứa hài cốt các nhà sư. Năm Ất Mão (1855), sư Thanh Minh đã đứng ra quyên tiền sửa chữa chùa, xây nhà tổ, tô lại tượng Phật. Bia khắc tiểu sử tóm tắt của 8 vị sư tổ của chùa.

[Vô đề]

Kí hiệu: 205

Thác bản sưu tầm tại chùa Liên Phái phường Bạch Mai.

Thác bản 1 mặt, khổ 38 x 49 cm, gồm 5 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 34 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: không ghi.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Bài minh 8 câu 4 chữ, nói về người con gái họ Tạ chết sớm, lại không có con cái, cha mẹ cũng đã mất nên các chị em thương xót dựng bia để tưởng nhớ lâu dài.

Hậu phật bi kí

後佛碑記

Kí hiệu: 206

Thác bản bia phường Bạch Mai huyện Thọ Xương 壽昌縣白梅坊, sưu tầm tại chùa Liên Phái phường Bạch Mai.

Thác bản 1 mặt, khổ 30 x 48 cm, gồm 13 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 300 chữ, không có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Tự Đức thứ 8 (1855).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Sáu chị em họ Nguyễn phường Bạch Mai huyện Thọ Xương cúng 5 sào 6 thước ruộng và 100 quan cho chùa Liên Phái để gửi giỗ cho cha mẹ.

Hậu phật bi kí

後佛碑記

Kí hiệu: 207

Thác bản bia giáp Đông thôn Chiền Cầu xã Hồng Mai 紅梅社塵株村東甲, sưu tầm tại chùa Liên Phái phường Bạch Mai.

Thác bản 1 mặt, khổ 36 x 66 cm, gồm 11 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 300 chữ, không có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: không ghi.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Vợ chồng Nguyễn Viết Ninh và Hà Thị Hạo cúng cho giáp 3 sào ruộng để xin được làm Hậu ở chùa. Ông bà được bản giáp chấp

nhận và cúng thêm 10 quan tiền để cho giáp làm cỗ ăn uống. Bia ghi quy định về lễ nghi cúng giỗ tại chùa.

Hậu phật bi kí

后佛碑記

Kí hiệu: 208

Thác bản bia phường Bạch Mai 白梅坊, sưu tầm tại chùa Liên Phái phường Bạch Mai - Hà Nội.

Thác bản 1 mặt, khổ 32 x 52 cm, gồm 18 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 480 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Tự Đức thứ 30 (1877).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Tín chủ Lư Diệu Lộc ở giáp Mật Thái phường Hà Khẩu cúng 7 sào ruộng và 200 quan tiền để xin gửi giỗ cho cha mẹ. Bản giáp ghi nhận, định lệ cúng giỗ về sau.

Hậu phật bi kí

后佛碑記

Kí hiệu: 209

Thác bản bia phường Bạch Mai huyện Thọ Xương phủ Hoài Đức tỉnh Hà Nội 河南省懷德府壽昌縣白梅坊, sưu tầm tại chùa Liên Phái phường Bạch Mai.

Thác bản 1 mặt, khổ 30 x 53 cm, gồm 13 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 310 chữ phường Bạch Mai có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Thành Thái thứ 6 (1894).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà Lý Thị Nhẫn ở thôn Xuân Yên tổng Thuận Mỹ trong huyện cùng cho nhà chùa 40 đồng để làm phúc và mua 5 sào ruộng để gửi giỗ cho ông bà cha mẹ.

Hậu phật bi kí

後佛碑記

Kí hiệu: 210

Thác bản bia phường Bạch Mai huyện Thọ Xương 壽昌縣白梅坊, sưu tầm tại chùa Liên Phái phường Bạch Mai.

Thác bản 1 mặt, khổ 37 x 57 cm, gồm 19 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 310 chữ, không có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Tự Đức thứ 30 (1877).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Tín chủ Phùng Châu Lan ở phường Diên Hưng nhân khi sư Tường Vân chùa Liên Phái tu sửa chùa và tượng Phật, cúng cho chùa 200 quan tiền và một thửa ruộng để xin gửi giỗ cho tổ tiên và người thân. Có bài minh 8 câu. Kê họ tên thụy hiệu người được gửi giỗ.

[Vô đề]

Kí hiệu: 211

Thác bản bia phường Bạch Mai 白梅坊, sưu tầm tại chùa Liên Phái phường Bạch Mai, Hà Nội.

Thác bản 1 mặt, khổ 34 x 35 cm, gồm 16 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 320 chữ, không có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Tự Đức thứ 28 (1875).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

- Sinh hoạt làng xã.

- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Nhân khi chùa Liên Phái tiến hành trùng tu, năm Mậu Ngọ (1858) bà Nguyễn Thị Ngoạn đã cúng 60 quan tiền, một đôi câu đối giá 20 quan và 6 quan tiền, 3 sào 6 thước ruộng để gửi giỗ. Bia ghi giao ước về nghi thức cúng giỗ và bài minh 12 câu ca tụng công đức.

Kí kị Liên Phái tự bi

寄忌蓮派寺碑

Kí hiệu: 212

Thác bản bia sưu tầm tại chùa Liên Phái phường Bạch Mai 白梅坊.

Thác bản 1 mặt, khổ 37 x 50 cm, gồm 10 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 150 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: không ghi.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà Thái Thị Điều là vợ ông Nguyễn Phúc Chung ở giáp Bát thôn Đông Thành Thị huyện Thọ Xương cúng 90 quan tiền để làm tượng Phật và mua 5 sào ruộng để gửi giỗ cho chồng và bản thân. Nhà chùa ghi nhận và định lệ cúng giỗ.

Liên Phái hậu kị bi

蓮派后忌碑

Kí hiệu: 213

Thác bản bia phường Bạch Mai 白梅坊, sưu tầm tại chùa Liên Phái phường Bạch Mai.

Thác bản 1 mặt, khổ 41 x 56 cm, gồm 18 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 500 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Thành Thái thứ 2 (1890).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà Phạm Thị Khang làm dâu nhà họ Hứa người Quảng Đông, trú ở giáp Đông Trung thôn Nhân Nội tổng Thuận Mỹ cúng vào chùa Liên Phái 400 quan tiền và 6 sào ruộng để gửi giỗ cho chồng, cha mẹ chồng và cha mẹ mình.

[Vô đề]

Kí hiệu: 214

Thác bản bia sưu tầm tại chùa Liên Phái phường Bạch Mai.

Thác bản 1 mặt, khổ 16 x 39 cm, gồm 1 dòng chữ Hán, toàn văn 10 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: không ghi.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Hành trạng, công tích nhân vật.

Tóm lược nội dung:

Bài vị của Hậu phật Phạm Doãn Ấn tự Thuần Khánh.

Kí hậu bi minh

寄后碑銘

Kí hiệu: 215

Thác bản bia huyện Thọ Xương tỉnh Hà Nội 河内省壽昌縣, sưu tầm tại chùa Liên Phái phường Bạch Mai.

Thác bản 1 mặt, khổ 31 x 51 cm, gồm 9 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 200 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Thành Thái thứ 3 (1891).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Nguyễn Duy Quang ở phường Đồng Lạc huyện Thọ Xương cúng 20 đồng cho chùa Liên Phái để gửi giỗ cho bản thân và phôi thờ cho người thân.

[Vô đề]

Kí hiệu: 216

Thác bản bia huyện Thọ Xương phủ Hoài Đức tỉnh Hà Nội 河內省懷德府壽昌縣, sưu tầm tại chùa Liên Phái phường Bạch Mai.

Thác bản 1 mặt, khổ 32 x 51 cm, gồm 9 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 210 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Thành Thái thứ 2 (1890).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Vũ Thị Hiền ở giáp Nhiễm Hạ thôn Dũng Thọ tổng Đông Thọ huyện Thọ Xương cúng 150 quan tiền kẽm và 3 sào ruộng cho chùa Liên Phái để xin gửi giỗ cho cha mẹ và chồng của bà.

Hậu phật bi kí

后佛碑記

Kí hiệu: 217

Thác bản bia phường Bạch Mai huyện Thọ Xương 壽昌縣白梅坊, sưu tầm tại chùa Liên Phái phường Bạch Mai.

Thác bản 1 mặt, khổ 36 x 48 cm, gồm 18 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 400 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Đồng Khánh thứ 1 (1886).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Vợ chồng ông Nguyễn Đình Trần ở thôn Cự Đà tổng Tả Thanh Oai huyện Thanh Oai, cúng 100 quan tiền để tu bổ chùa Liên Phái, sau đó lại hiến 3 sào 5 thước ruộng, 3 sào vườn để gửi giỗ cho cha mẹ, anh em ở chùa.

Kí kị Liên Phái bi

寄忌蓮派碑

Kí hiệu: 218

Thác bản bia phường Bạch Mai huyện Thọ Xương 壽昌縣白梅坊, sưu tầm tại chùa Liên Phái phường Bạch Mai.

Thác bản 1 mặt, khổ 42 x 54 cm, gồm 20 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 390 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Tự Đức thứ 18 (1865).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà Đỗ Thị Căn cùng con gái và hai cháu ngoại, ở thôn Trung An tổng Đông Thọ huyện Thọ Xương gửi giỗ ở chùa Liên Phái cho tổ tiên, cha mẹ, ông bà, anh em, tất cả là 9 giỗ. Mỗi giỗ đóng 30 quan tiền và 3 sào ruộng, tổng cộng là 270 quan và 2 mẫu 7 sào.

Kị Hậu bi kí

忌後碑記

Kí hiệu: 219

Thác bản bia phường Bạch Mai, Hà Thành 河城白梅坊, sưu tầm tại chùa Liên Phái phường Bạch Mai.

Thác bản 1 mặt, khổ 41 x 54 cm, gồm 13 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 300 chữ phường Bạch Mai có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Thành Thái thứ 12 (1900).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà Phan Thị Bắc, người huyện Tiên Phong phủ Quảng Oai tỉnh Sơn Tây ngụ tại phường Đại Lợi, cúng 100 đồng vào chùa Liên Phái để gửi giỗ cho ông nội là Lưu Trang, từng là Án sát sứ Sơn Tây, cùng bà nội, cha mẹ chồng và người thân.

Phối hưởng bi kí

配享碑記

Kí hiệu: 220

Thác bản bia phường Bạch Mai tổng Kim Liên huyện Thọ Xương phủ Hoài Đức tỉnh Hà Nội 河南省懷德府壽昌縣金蓮總白梅坊, sưu tầm tại chùa Liên Phái phường Bạch Mai.

Thác bản 1 mặt, khổ 29 x 43 cm, gồm 11 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 400 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Kì Sửu.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Vợ chồng ông Nguyễn Đình Nguyên và bà Nguyễn Thị Tín cúng vào chùa Liên Phái 100 quan tiền kẽm để tô tượng Phật và xin gửi giỗ cho tổ tiên ông bà và người thân trong gia đình.

Hậu phật bi kí

後佛碑記

Kí hiệu: 221/248

Thác bản bia phường Hồng Mai huyện Thọ Xương 壽昌縣紅梅坊,

sưu tầm tại chùa Liên Phái phường Bạch Mai.

Thác bản 2 mặt, khổ 40 x 83 cm và 39 x 72 cm, gồm 21 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 460 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 3 (1742).

Người soạn: họ Bùi 裴; chức vị: Hộ phiên câu kê Viên ngoại lang ty Thanh Lại.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Ông Nguyễn Quốc Trường và con cháu trong gia đình ở xã Đông Lao huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai cúng một khu đất có một cái ao ở phường Hồng Mai, vốn là đất hương hòa của bố đẻ là Thơm Quận công, đề xin cho cha được làm Hậu phật ở chùa. Có bài minh 24 câu.

Hậu phật bi kí

後佛碑記

Kí hiệu: 222/256

Thác bản bia phường Bạch Mai huyện Thọ Xương 壽昌縣白梅坊, sưu tầm tại chùa Liên Phái phường Bạch Mai.

Thác bản 2 mặt, khổ 40 x 72 cm và 39 x 64 cm, gồm 19 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 560 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Gia Long thứ 17 (1818).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Hành trạng, công tích nhân vật.

Tóm lược nội dung:

Nhà sư trụ trì chùa Liên Phái dựng bia ghi danh sách các tín đồ nhà Phật như Diệu Bích, Diệu An, Diệu Hợp, Nguyễn Phúc Đảm, Vũ Thị Tập... ở xã Thượng Cát huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai, xã Hòa Xá huyện Thanh Trì phủ Thường Tín v.v... đã mua ruộng ở xã Thịnh Liệt để gửi Hậu ở chùa Liên Phái.

Hậu phật bi

後佛碑

Kí hiệu: 223

Thác bản bia phường Bạch Mai huyện Thọ Xương 壽昌縣白梅坊, suru tâm tại chùa Liên Phái phường Bạch Mai.

Thác bản 1 mặt, khổ 42 x 64 cm, gồm 15 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 370 chữ, không có hoa văn, không có chữ huy.

Niên đại: Tự Đức thứ 4 (1851).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Các bà Nguyễn Thị Hào, Nguyễn Thị Hi ở phường Bạch Mai, thấy tuổi đã già, muốn đền đáp công ơn cha mẹ, nên đã bỏ ra 80 quan tiền để sửa chữa chùa và cúng 2 sào ruộng để gửi giỗ cho cha mẹ. Bà Hào còn cúng thêm 1 sào ruộng để gửi giỗ cho bản thân.

Hậu phật bi kí

后佛碑記

Kí hiệu: 224

Thác bản bia huyện Thọ Xương phủ Hoài Đức tỉnh Hà Nội 河南省懷德府壽昌縣, suru tâm tại chùa Liên Phái phường Bạch Mai, Hà Nội.

Thác bản 1 mặt, khổ 44 x 68 cm, gồm 13 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 300 chữ, có hoa văn, có chữ huy: Thìn 辰.

Niên đại: Thành Thái thứ 6 (1894).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà Hoàng Thị Thảo ở giáp Nam Thượng phường Hà Khẩu tổng Đông Thọ huyện Thọ Xương, lấy chồng là người Hoa quê gốc ở tỉnh Quảng Đông, cúng 40 đồng bạc và 5 sào ruộng cho chùa để xin gửi giỗ cho cha mẹ chồng và vợ chồng bà.

Hậu phật bi kí

後佛碑記

Kí hiệu: 225

Thác bản bia suru tằm tại chùa Liên Phái phường Bạch Mai.

Thác bản 1 mặt, khổ 42 x 68 cm, gồm 14 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 320 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 17 (1756).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Thị nội cung tần Trương cung Dung Hoa họ Nguyễn, hiệu Diệu Lăng và Quận phu nhân Lê Thị Cẩm cúng tiền và ruộng vào chùa Liên Phái để xin làm Hậu phật. Bia ghi số tiền và ruộng cung tiến cùng những nghi thức cúng giỗ.

Hậu phật bi kí

后佛碑記

Kí hiệu: 226

Thác bản bia phường Bạch Mai huyện Thọ Xương, suru tằm tại chùa Liên Phái phường Bạch Mai, Hà Nội.

Thác bản 1 mặt, khổ 46 x 66 cm, gồm 20 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 320 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Thành Thái thứ 2 (1890).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Chùa Liên Phái nguyên là nơi sinh của vị Tổ sư thời Lê là Lân Giác thượng sĩ thiền sư Từ Vinh. Thiền sư đã lấy nhà mình để xây dựng thành chùa. Nay có bà La Thị Hà, quê gốc ở tỉnh Quảng Đông, trú

quán tại xã Đông Ngạc tỉnh Hà Nội, cúng 500 đồng và 6 sào ruộng vào chùa Liên Phái để tu bổ chùa và gửi giỗ gia tiên và bản thân. Có bài minh 12 câu, ngợi ca công đức.

Tự điền bi kí

祀田碑記

Kí hiệu: 227

Thác bản bia phường Thụy Chương tổng Trung huyện Vĩnh Thuận 永順縣中總瑞璋坊, sưu tầm tại quán Chân Vũ, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 28 x 89 cm, gồm 8 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 260 chữ, không có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Tự Đức thứ 12 (1859).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Đồng Tri phủ kiêm Huyện quan Phan Huy Kiêm, người bản tổng, bỏ ra 250 quan tiền để phưởng mua 1 mẫu ruộng của bà Nguyễn Thị Chuyết người phưởng Bái Ân rồi cúng vào quán làm ruộng hương hỏa. Quan viên hương lão toàn tổng dựng bia ghi vị trí diện tích các thửa ruộng để truyền dài lâu.

Trùng tu Trấn Vũ quán bi kí

重修鎮武觀碑記

Kí hiệu: 228

Thác bản bia quán Trấn Vũ phường Thụy Chương tổng Trung huyện Vĩnh Thuận 永順縣中總瑞璋坊, sưu tầm tại quán Chân Vũ, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 57 x 102 cm, gồm 19 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 900 chữ, có hoa văn, có chữ hý: Hoa 荃.

Niên đại: Tự Đức thứ 10 (1857).

Người soạn: Lê Hy Vĩnh 黎熙永; học vị: Tiến sĩ; chức vị: Học chính tỉnh Thanh Hóa.

Chủ đề: - Lịch sử di tích.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Quán Trấn Vũ ở phía bắc thành Thăng Long. Quán được dựng từ lâu đời, đến niên hiệu Vĩnh Trị thời Lê thì được đúc tượng đồng thờ. Năm Tự Đức thứ 9 (1856) có một số vị chức sắc như Sơn Tây Bố chánh sứ, Hà Nội Bố chánh sứ, huyện lệnh Thọ Xương và Vĩnh Thuận đứng ra trùng tu chính điện, tháp hương, gác chuông, đắp lại tượng Tứ Đại nguyên soái, tượng Văn Xương để quân, tượng thần Hành khiển, di dờn tám biển vàng được ban vào đầu đời Thiệu Trị treo vào giữa bái đường. Xây hòn non bộ ở sau miếu, xây bể giả, dựng chùa nhỏ gọi là Vũ Đường Sơn tự và nhiều hạng mục xây mới tu bổ trang hoàng khác.

Chân Vũ quán thạch bi

真武觀石碑

Kí hiệu: 229

Thác bản bia phường Thụy Chương tổng Trung huyện Vĩnh Thuận 永順縣中總瑞璋坊, sưu tầm tại quán Chân Vũ, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 114 x 182 cm, gồm 16 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 400 chữ, có hoa văn, không có chữ huy.

Niên đại: Thành Thái thứ 5 (1893).

Người soạn: Hoàng Cao Khải 黃高啓, tên hiệu: Thái Xuyên; chức vị: Phụ chính đại thần Thiệu bảo, Bắc kỳ kinh lược Đại sứ; tước Diên Mậu tử.

Người viết chữ: Mai Trung Quất 枚中桔; chức vị: Chủ sự.

Chủ đề: - Lịch sử di tích.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Quán Chân Vũ có từ thời Lí, thờ Huyền Thiên đại đế, có tượng đồng

đúc từ thời Lê. Qua chiến tranh, quán hư hỏng. Tác giả bài văn bia là bậc đại thần cai quản Bắc kì, cùng đồng僚 đứng ra sửa chữa quán. Việc làm này được Thống sứ toàn quyền người Pháp hoan nghênh, giúp đỡ, nên sửa chữa trong vòng 10 tháng, quán trở nên khang trang, to đẹp hơn xưa.

Diệu cảm tu tâm kiến văn lạc đạo bi

妙感修心見聞樂道碑

Kí hiệu: 230

Thác bản bia suu tầm tại quán Chân Vũ, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 46 x 67 cm, gồm 13 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 300 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Đức Long thứ 5 (1633).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Hành trạng, công tích nhân vật.

Tóm lược nội dung:

Bia khắc bài vị thờ Phổ Huệ Quang Không Chân Nhân đạo hiệu Viên Thông và tiểu sử của ông viết theo thể thơ 6 chữ, gồm 47 câu. Ông là con nhà gia thế họ Trần ở huyện Lương Tài phủ Thuận Thành, cha là người trung hậu chính trực, mẹ là người đức hạnh, sinh thành 5 người con. Ông sinh năm Kỉ Tị, là người có tư chất khác thường, năm Ất Mùi đi tu và đến năm Đinh Dậu đã thông kinh điển đạo giáo. Năm Mậu Ngọ khai sáng ra ngôi quán này, hàng ngày hương đăng, cầu cho ông bà cha mẹ được đăng lên tòa báu lưu ly.

San thánh kinh kí tiên nhân khuyến thiện bi

刊聖經寄先人勸善碑

Kí hiệu: 231

Thác bản bia suu tầm tại quán Chân Vũ, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 42 x 66 cm, gồm 15 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 280 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Đức Long thứ 5 (1633).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Hành trạng, công tích nhân vật.

Tóm lược nội dung:

Vợ chồng ông bà Vũ Cẩm và Lê Thị Vinh người xã Hà Thượng huyện Thuần Hựu phủ Hà Trung, nhân thấy các bản khắc gỗ các quyển kinh do quán in trước đây bị mục nát, bèn cùng một số thiện tín khác góp tiền của khắc lại, gồm “Phả hệ Từ Chàng Đế quân” và “Thái Thượng thuyết cảm ứng Vũ Dương sơn thủy huân”. Đó là kinh Thái thượng thuyết cảm ứng để phát cho các tín đồ. Bằng việc đó gửi công đức cho cha mẹ họ được đội ơn Thánh và hưởng sự thờ phụng của nhân gian.

[Vô đề]

Kí hiệu: 232

Thác bản bia sưu tầm tại quán Chân Vũ, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 25 x 52 cm, gồm 4 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 60 chữ, không có hoa văn, không có chữ huy.

Niên đại: Tự Đức Mậu Ngọ (1858).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Hành trạng, công tích nhân vật.

Tóm lược nội dung:

Lược ghi tiểu sử ông Phan Huy Kiêm, sinh năm Gia Long Nhâm Ngọ (1812) ở thôn Năng Cải xã Hải Châu tổng Liên Trì huyện Ngọc Sơn phủ Tĩnh Gia tỉnh Thanh Hóa từng giữ chức Đồng Tri phủ, làm Tri huyện huyện Thọ Xương, kiêm huyện Vĩnh Thuận.

Kí kị bí kí

寄忌碑記

Kí hiệu: 233

Thác bản bia phường Yên Phụ tổng Thượng huyện Vĩnh Thuận phủ

Hoài Đức tỉnh Hà Nội 河南省懷德府永順縣上總安阜坊, sưu tầm tại chùa Trấn Bắc phường Yên Phụ, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 25 x 39 cm, gồm 14 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 180 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Thiệu Trị thứ 1 (1841).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Nhân dịp chùa Trấn Bắc tạo tượng Phật, bà Nguyễn Thị Chợ người phường Yên Phụ cúng 20 quan tiền để giúp chùa chi phí và xin gửi giỗ cho bản thân. Nhà chùa chấp thuận, dựng bia thờ cúng về sau. Có các vị Lí trưởng, Phó lý của phường kí nhận.

Kí kị bi kí

寄忌碑記

Kí hiệu: 234

Thác bản bia phường Yên Phụ tổng Thượng huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức 懷德府永順縣上總安阜坊, sưu tầm tại chùa Trấn Bắc phường Yên Phụ, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 28 x 45 cm, gồm 14 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Tự Đức thứ 9 (1856).

Người soạn và viết chữ: Hoàng Thế Mỹ 黃世美.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Vợ chồng ông Bùi Đình Cửu ở phường Yên Phụ không có con cái. Ông bà có một ngôi nhà riêng hứa sau khi hai người mất đi sẽ để lại cho bản phường sửa chữa để làm nhà trú chân cho khách đi về. Toàn phường chấp thuận cho vợ chồng ông được gửi giỗ ở chùa

Trần Bắc. Có quan viên, hương lão trong phường kí nhận.

Ghi chú: Dòng chữ trên trán bia bị dán lộn ngược.

Kí kị bi kí

寄忌碑記

Kí hiệu: 235

Thác bản bia phường Yên Phụ huyện Vĩnh Thuận 永順縣安阜坊, sưu tầm tại chùa Trần Bắc phường Yên Phụ, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 25 x 42 cm, gồm 14 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 220 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Thiệu Trị thứ 2 (1842).

Người soạn: Mai Thanh Hải 枚淸海; nhà sư.

Chủ đề: - Sinh hoạt làng xã.
- Hành trạng, công tích nhân vật.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Năm Tân Sửu, chùa Trần Bắc có một pho tượng bị hư hỏng cần được tu bổ. Bà Đoàn Thị Thường người phường Yên Phụ là vãi chùa, đã cúng 20 quan giao cho sư trụ trì Mai Thanh Hải để chi phí việc sửa chữa tượng. Cả phường nhớ ơn bà, cùng lập khoán ước cam kết cúng giỗ mãi mãi.

Kí kị bi kí

寄忌碑記

Kí hiệu: 236

Thác bản bia phường Yên Phụ huyện Vĩnh Thuận 永順縣安阜坊, sưu tầm tại chùa Trần Bắc phường Yên Phụ Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 30 x 43 cm, gồm 16 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 240 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Thiệu Trị thứ 2 (1842).

Người viết chữ: Mai Thanh Hải 枚淸海; nhà sư.

- Chủ đề: - Sinh hoạt làng xã.
- Hành trạng, công tích nhân vật.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Năm Tân Sửu, nhà hậu đường và tăng phòng chùa Trấn Bắc (xưa gọi là chùa Trấn Quốc) bị đốt. Có bà Tiết Thị Thành cúng 20 quan tiền để nhà sư Thanh Hải sửa chữa. Bà được toàn phường lập đoan ước cúng giỗ mãi mãi tại chùa.

Kí kị bi kí

寄忌碑記

Kí hiệu: 237

Thác bản bia phường Yên Phụ tổng Thượng huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức tỉnh Hà Nội 河內省懷德府永順縣上總安阜坊, suru tâm tại chùa Trấn Bắc phường Yên Phụ, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 27 x 48 cm, gồm 16 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 170 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Tự Đức thứ 22 (1849).

Người soạn: không ghi.

- Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Chùa Trấn Bắc tu sửa tòa hậu đường, chi phí rất tốn kém. Ông Nguyễn Đình Phú cùng tộc họ Nguyễn ở phường Diên Hưng tổng Đông Thọ huyện Thọ Xương, cúng 50 quan tiền vào chùa Trấn Bắc để gửi giỗ cho ông bác vốn là quan Tú lâm cục đời Lê.

Hậu phật bi kí

后佛碑記

Kí hiệu: 238

Thác bản bia phường Yên Đức huyện Quảng Đức phủ Phụng Thiên 奉天府廣德縣安德坊, suru tâm tại chùa Trấn Bắc phường Yên Phụ, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 29 x 49 cm, gồm 13 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 310 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 40 (1779).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biếu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Trong lúc phường Yên Đức huyện Quảng Đức thiếu tiền lo việc quan, bà Nguyễn Thị Bính người bản phường đã bỏ ra 30 quan tiền cô giúp phường chi phí. Bà được tôn bàu làm Hậu phật, phụ hưởng cúng giỗ tại chùa Trấn Quốc.

Phối hưởng bi kí

配享碑記

Kí hiệu: 239

Thác bản bia phường Yên Phụ tổng Thượng huyện Vĩnh Thuận 永順縣上總安阜坊, sưu tầm tại chùa Trấn Bắc phường Yên Phụ, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 45 x 72 cm, gồm 20 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 310 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Thiệu Trị thứ 2 (1842).

Người soạn: Mai Thanh Hải 枚淸海; nhà sư.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biếu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Thơ văn.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Bà Nguyễn Thị Ngoạn, người xã Từ Nê huyện Tiên Du là người nhân đức. Trước đây bà đã từng cúng vào chùa các bộ Kinh Thủy tạng, Địa tạng, Pháp Hoa, Dược sư v.v... Năm Bình Thân cúng 100 quan tiền để đúc tượng Phật, năm Mậu Tuất cúng 50 quan tiền và 2 lượng bạc để sửa chùa Trấn Bắc. Có bài tán ca ngợi ân đức của bà, cùng các chức sắc trong phường cam kết để bà được phối hưởng ở chùa.

Trần Bắc tự bi kí

鎮北寺碑記

Kí hiệu: 240

Thác bản bia phường Yên Phụ tổng Thượng huyện Vĩnh Thuận 永順縣上總安阜坊, sưu tầm tại chùa Trần Bắc phường Yên Phụ, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 59 x 100 cm, gồm 20 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 320 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Tự Đức Canh Tuất (1850).

Người soạn: Mai Thanh Hải 枚淸海; nhà sư.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gởi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Hành trạng, công tích nhân vật.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Chùa làm lại nhà tổ, chi phí nhiều. Nhà chùa tổ chức quyên góp dân trong phường và tín đồ thập phương mỗi người 10 quan tiền. Những ai nộp đủ tiền, thì được gửi giỗ cho tiên tổ ở chùa. Kê 16 người đã nộp đủ tiền và có tổ tiên được thờ cúng ở chùa Trần Bắc.

Tự phối bi kí

寺配碑記

Kí hiệu: 241

Thác bản bia phường Yên Phụ tổng Thượng huyện Vĩnh Thuận 永順縣上總安阜坊, sưu tầm tại chùa Trần Bắc phường Yên Phụ, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 59 x 98 cm, gồm 15 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 200 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Thiệu Trị thứ 2 (1842).

Người soạn: Mai Thanh Hải 枚淸海; nhà sư.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gởi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Bà họ Tân, quê xã Dã Lê Thượng huyện Hương Thủy phủ Thừa Thiên là vợ vị họ Nguyễn, chức Vệ úy. Bà cúng 100 quan tiền cho chùa Trấn Bắc để tô tượng, lợp ngôi chùa. Nhân đó dựng bia ghi lại sự việc.

[Vô đề]

Kí hiệu: 242

Thác bản bia phường Yên Phụ huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức 懷德府永順縣安阜坊, sưu tầm tại chùa Trấn Bắc phường Yên Phụ, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 58 x 72 cm, gồm 20 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 450 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Thiệu Trị thứ 2 (1842).

Người soạn: Mai Thanh Hải 枚淸海; nhà sư.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biếu dương việc thiện.
- Lịch sử di tích.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Chùa Trấn Bắc xưa gọi là chùa Trấn Quốc, ở địa phận phường Yên Phụ, được di dời từ nơi khác đến đây vào năm Hoằng Định 16 (1615) đời vua Lê Kính Tông. Trải nhiều năm, chùa luôn được sửa sang, cảnh quan trở nên đẹp đẽ. Năm Nhâm Tuất Gia Long thứ 1, vua đến thăm và ngợi khen cảnh đẹp của chùa. Năm Tân Tị (1821) vua Minh Mệnh đến thăm ban cho chùa 50 lượng bạc. Năm Nhâm Dần (1842) vua Thiệu Trị bắc tuần đến thăm ban biếu vàng và một đồng tiền vàng “Phi Long” cùng chu cấp 200 quan tiền để lo việc phụng thờ. Cuối văn bia có đoạn văn ghi về việc Nguyễn Văn Định người xã Đồng Xá huyện Siêu Loại cúng vào chùa 200 quan để xin được chôn cất người vợ là Nguyễn Thị Liên vào đất chùa.

Tái tạo Trấn Bắc tự bi/Tập phúc bản phường thập phương công đức

再造鎮北寺碑/集福本坊十方功德 Kí hiệu: 243/244

Thác bản bia phường Yên Phụ huyện Vĩnh Thuận 永順縣安阜坊, suru tâm tại chùa Trấn Bắc phường Yên Phụ, Hà Thành.

Thác bản 2 mặt, khổ 68 x 90 cm, gồm 44 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 800 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Gia Long thứ 14 (1815).

Người soạn: Phạm Quý Thích 范貴適, tên hiệu: Lập Trai 立齋, tên tự: Đạo Phủ 道甫; học vị: Tiến sĩ khoa Kỉ Hợi (1799); chức vị: Thị trung học sĩ; tước Thích An hầu.

Người viết chữ: tên tự: Khoan Nhân; quê quán: Thụy Anh, Thái Ninh, Sơn Nam; nhà sư.

Chủ đề: - Lịch sử di tích.
- Thơ văn.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Chùa Trấn Quốc là ngôi chùa cổ ở Hồ Tây. Ngày xưa chùa vốn ở ngoài bãi sông, vào đời Hoàng Định mới di dời vào chỗ ngày nay. Trong thời Tây Sơn, chùa bị hoang phế. Năm Quý Hợi (1803) quan viên, hương lão, xã thôn trưởng đứng ra hưng công sửa chữa. Nguồn kinh phí được trích từ quỹ của phường và thập phương công đức, giao cho nhà sư Khoan Nhân trông nom xây dựng. Chùa được tái tạo nhà tiền đường, hậu đường, gác chuông, sau đó tô tượng Phật và đúc chuông đồng. Năm Ất Hợi (1815) công việc hoàn thành, dựng bia kê tên những người đóng góp công đức. Có bài minh 18 câu.

Trấn Quốc tự bi kí/Đại công đức trường thuyền

鎮國寺碑記/大功德長鐫 Kí hiệu: 245/246

Thác bản bia phường Yên Hoa huyện Quảng Đức phủ Phụng Thiên 奉天府廣德縣安華坊, suru tâm tại chùa Trấn Bắc phường Yên Phụ, Hà Thành.

Thác bản 2 mặt, khổ 86 x 140 cm, gồm 55 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1300 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Dương Hòa thứ 5 (1639).

Người soạn: Nguyễn Xuân Chính 阮春正; học vị: Trạng nguyên khoa Đinh Sửu; chức vị: Phụng trực đại phu; tước Khuông Mỹ nam.

Người viết chữ: Lê Thế Khiêm 黎世謙.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Lịch sử di tích.
- Xây dựng, trùng tu di tích.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Chùa Trấn Quốc lúc đầu dựng ở bãi sông, đến năm Hoảng Định 16 (1615) thì được dời vào trong đê, lấy hồ làm cảnh quan. Năm Vĩnh Tộ 6 (1624) dựng tòa thượng điện, tháp hương, tiền đường, hậu điện. Năm Dương Hòa 5 (1637) hai giáp Đông, Tây lại quyên tiền tu bổ. Chùa trở nên nguy nga, lộng lẫy, là thắng cảnh nơi đô thành. Có bài minh và kê ruộng hương hỏa, cùng người công đức xây dựng.

Liên hậu kị bi

蓮後忌碑

Kí hiệu: 247

Thác bản bia sưu tầm tại chùa Liên Phái phường Bạch Mai.

Thác bản 1 mặt, khổ 34 x 50 cm, gồm 10 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 300 chữ, không có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Thành Thái thứ 9 (1897).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà Đặng Thị Sâm người xã Khúc Thủy huyện Thanh Oai phủ Ứng Hòa cúng vào chùa Liên Phái 36 đồng và 2 sào ruộng để gửi giỗ cho bản thân và người con gái đã qua đời của bà.

Hậu phật bi kí

後佛碑記

Kí hiệu: 249

Thác bản bia phường Bạch Mai 白梅坊, sưu tầm tại chùa Liên Phái phường Bạch Mai.

Thác bản 1 mặt, khổ 36 x 59 cm, gồm 17 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 420 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Minh Mệnh thứ 5 (1824).

Người soạn: tên hiệu: Thanh Cẩm 靑錦; nhà sư.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biêu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Chùa Liên [Phái] vốn là do Lâm Giác Thượng sĩ tổ sư lấy nhà mình dựng thành chùa. Trải qua binh hỏa năm Bính Ngọ, nhà cửa đổ nát, chỉ còn lại tấm bia đá. Sau đó phải trùng tu mất 20 năm. Trong thời gian trùng tu, có ông La Nguyễn Quý, người Bắc quốc, trú quán tại thôn Hàng Chài huyện Thọ Xương cùng vợ là Vũ Thị Mão, người thôn Ngọc Long xã Gia Quất, cúng 300 quan tiền và 5 sào ruộng vào chùa. Nhà chùa cảm phục lòng tốt của hai vị, nên đã tôn bàu họ làm Hậu phật, phụ thờ ở chùa. Có bài minh và kê họ tên Hậu phật.

Ghi chú: tên chùa trên bia bị đục một chữ thứ hai.

Kí kị bi

寄忌碑

Kí hiệu: 250

Thác bản bia phường Bạch Mai huyện Thọ Xương phủ Hoài Đức 懷德府壽昌縣白梅坊, sưu tầm tại chùa Liên Phái phường Bạch Mai.

Thác bản 1 mặt, khổ 26 x 48 cm, gồm 17 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 270 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Tự Đức thứ 9 (1850).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bào Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Nhân dịp chùa Liên Phái tiến hành sửa chữa thì có bà thứ thất của ông cựu quan huyện huyện Thọ Xương và 2 cô con dâu là vợ của quan Tả vệ tỉnh Bắc Ninh cúng 30 quan tiền và 8 sào ruộng giúp nhà chi phí, đề xin gửi giỗ cho bà chính thất của ông quan huyện là bà họ Nguyễn, hiệu Mĩ Lộc, cùng ông Tả vệ họ Nguyễn, tự Trung Trực.

Thọ Xương Tiên hiền từ vũ bi kí/Lưu phụng từ vũ điền tri bi kí
壽昌先賢祠宇碑記/留奉祠宇田池碑記

Kí hiệu: 251/252/253/254

Thác bản bia phường Hồng Mai tổng Tả Nghiêm huyện Thọ Xương phủ Hoài Đức 懷德府壽昌縣左嚴總紅梅坊, suru tâm tại văn chỉ phường Bạch Mai.

Thác bản 4 mặt, khổ 34 x 105 cm và 61,5 x 110 cm, gồm 57 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Minh Mệnh thứ 19 (1838).

Người soạn: Nguyễn Văn Lý 阮文理; quê quán: phường Đông Tác huyện Thọ Xương; học vị: Tiến sĩ khoa Nhâm Thìn; chức vị: Lại bộ Lang trung.

Người nhuận sắc: Hà Tông Quyền 何宗權, tên hiệu: Tôn Phủ; học vị: Tiến sĩ khoa Nhâm Ngọ; chức vị: Lại bộ Hữu Tham tri.

Chủ đề: - Sinh hoạt làng xã.
- Lịch sử di tích.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Huyện Thọ Xương là đất văn vật của chốn đô thành. Từ xưa đã có nơi thờ Tiên hiền. Nhưng sau hồi loạn Tây Sơn, đền đã bị tiêu hủy.

Năm Bính Thân (1836) các vị thân hào trong huyện bàn bạc cùng với Tiến sĩ khoa Mậu Tuất thôn Tự Tháp là Vũ Tông Phan chọn khu đất ở làng Hồng Mai ở phía nam huyện dựng nên ngôi đền 5 gian lợp ngói, có 2 dãy giải vũ, tường bao bằng gạch, đồng thời đặt ruộng tự điền gồm 8 mẫu 7 sào 10 thước, trong đó 1 mẫu xây từ đường. Bia ghi tên hai vị thân hào đã quyên góp ruộng đất và ao để xây dựng văn chỉ và lập tự điền, trong đó ông Tri bạ Bùi Huy Tùng tự Tú Lĩnh người giáp Phúc Lộc phường Hà Khẩu cung tiến 10 mẫu 2 sào 7 thước ruộng ao ở trong làng Hồng Mai và ông Bùi Huy Đoàn cúng 3 mẫu 1 sào 2 thước. Mặt bên bia ghi tờ đơn của chức sắc phường Hồng Mai ghi nhận việc quyên góp ruộng ao của ông Bùi Huy Tùng và quy định từ nay giáp Độ nhị của phường sẽ nhận gánh vác thay cho ông Tùng về khoản thuế của số ruộng trên. Bia còn có đoạn khắc bổ sung thêm vào năm Tự Đức thứ 4 (1851) chép việc ông Tú Lĩnh họ Bùi xin đem 2 sào 13 thước ruộng tư ở giữa làng Hồng Mai đổi lấy khoảng đất hơn 1 sào ở bên ngoài hàng rào văn chỉ để dành làm nơi đặt mộ cho bản thân.

Hậu phật bi kí

後佛碑記

Kí hiệu: 255

Thác bản bia phường Hồng Mai 紅梅坊, suru tầm tại chùa Liên Phái phường Bạch Mai.

Thác bản 1 mặt, khổ 45 x 72 cm, gồm 18 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 700 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Gia Long thứ 17 (1818).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Ba chị em con một vị tướng công họ Tạ, quê xã Bội Đầu huyện Phong Lộc, trú quán thôn Tiên Thị huyện Thọ Xương. Cô ba tên là Hiên, mồ côi mẹ từ nhỏ, được hai chị nuôi nấng. Khi trưởng thành, cô ba lấy chồng họ Phạm, người xã Liêu Xuyên huyện Đường Hào, mất lúc 37 tuổi, không có con cái. Thương em lặn lội, hai chị cúng 20

quan tiền và 1 mẫu ruộng vào chùa Liên Phái để đưa hài cốt và gửi giỗ cho em vào chùa. Nhà chùa chấp thuận, tôn làm Hậu phật thờ cúng mãi mãi.

Ngự chế đề Dục Thúy sơn tịnh dẫn

御制題欲翠山并引

Kí hiệu: 257a/257b

Thác bản bia sưu tầm tại núi Dục Thúy tỉnh Ninh Bình.

Thác bản 1 mặt, khổ 70 x 126 cm, gồm 15 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 100 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Cảnh Thống thứ 4 (1501).

Người soạn: Hoàng đế Lê Hiến Tông, hiệu Thượng Dương Động chủ 上陽洞主.

Người viết chữ: Ngô Ninh 吳寧; chức vị: Trung thư giám Chính tự.

Chủ đề: Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Bài thơ 8 câu 7 chữ, có lời tựa của tác giả cho biết vào tháng 2 năm Cảnh Thống 4 (1501) nhà vua trên đường bái yết sơn lăng ở Lam Kinh, có ghé qua núi Dục Thúy. Vua dừng chân, trèo lên ngọn núi, thấy cả một trời bao la, mới thấy thiên hạ nhỏ bé, cảm hứng làm bài thơ này.

Ghi chú: Thác bản rập thô không mực, chia thành hai bản, một bản rập bài thơ, một bản rập dòng niên đại. Xem trùng bản số 02814.

Gia Viễn huyện Cam Giá xã Hậu thần bí kí

嘉遠縣甘蕉社后神碑記

Kí hiệu: 258/260

Thác bản bia xã Cam Giá huyện Gia Viễn phủ Trường An 長安府嘉遠縣甘蕉社. Không ghi nơi sưu tầm.

Thác bản 2 mặt, khổ 68 x 130 cm, gồm 37 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1000 chữ, không có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 46 (1785).

Người soạn: Nguyễn Quý Dực 阮貴昱, tên tự: Đông Hi 東晞; quê quán: thôn Hoàng Cương xã Đông Biện huyện Vĩnh Phúc; chức vị: Thị nội Thư tả, Công phiên.

Người nhuận sắc: [Phan Huy Áng] 潘輝映; học vị: Tiến sĩ khoa Giáp Tuất (1754); chức vị: Binh bộ Hữu thị lang, Thừa chính sứ Thái Nguyên.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Xem mô tả ở phiếu thác bản trùng bản số 5758/5759.

Ghi chú: Bản rập thô không tô mực.

Trùng tu lai viễn kiều bi kí

重修來遠橋碑記

Kí hiệu: 259

Thác bản bia phố Hội An 會安街, [sưu tầm tại thị xã Hội An, Quảng Nam].

Thác bản 1 mặt, khổ 58 x 118 cm, gồm 13 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 470 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Gia Long Đinh Sửu (1817).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Phố Minh Hương tiếp giáp với phố Cẩm, có một con sông trước ngày đã có cầu do người Nhật Bản làm để dâng vua, nên ban cho tên gọi là Thái Viễn cầu, một thắng cảnh ở Quảng Nam. Trên cầu có mái, dưới lát gỗ vững vàng. Đây là nơi nghỉ ngơi và hóng mát của mọi người.

Ghi chú: Bản rập thô không tô mực.

Trùng tu Huyền Thiên quán bi kí

重修玄天觀碑記

Kí hiệu: 261

Thác bản bia thôn Huyền Thiên tổng Đồng Xuân huyện Thọ Xương
壽昌縣同春總玄天村, sưu tầm tại quán Huyền Thiên phố Hàng
Khoai, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 65 x 90 cm, gồm 14 dòng chữ Hán, toàn văn ước
khoảng 300 chữ, không có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Tự Đức thứ 21 (1868).

Người soạn: Lê Khắc Cẩn 黎克謹, tên tự: Khắc Phủ 恪甫; quê quán:
xã Uu Đàm huyện Phong Điền; học vị: Cử nhân khoa Quý Mão;
chức vị: Hà Nội Bố chính sứ.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Lịch sử di tích.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Quán Huyền Thiên thờ Huyền Thiên Chân Vũ Nguyên quân. Quán
gồm có 13 gian, vốn được xây dựng từ đời Lê Thiệu Bình (1434-
1439), thời Vĩnh Tộ tạc tượng thần. Năm Đinh Mão, quan Bố chánh
sứ Hà Nội quyền góp lương bổng tổ chức trùng tu, với sự tham gia
của nhiều vị thân hào quan lại như Nguyễn Hữu Xúc, Lê Hữu Lộc,
Nguyễn Đình Độ, Mai Xuân Bách cùng các hiệu buôn và dân trong
thôn, tín thí thập phương.

Trùng tu Huyền Thiên quán bi minh

重修玄天觀碑銘

Kí hiệu: 262

Thác bản bia phường Đồng Xuân huyện Thọ Xương phủ Phụng Thiên
奉天府壽昌縣同春坊, sưu tầm tại quán Huyền Thiên phố Hàng
Khoai, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 97 x 153 cm, gồm 29 dòng chữ Hán, toàn văn
ước khoảng 800 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Cảnh Trị thứ 6 (1668).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Hai vị trụ trì quán Huyền Thiên là Bùi Hữu Lễ và Bùi Hữu Dinh hưng công trùng tu quán, gồm gác chuông, tam quan, thiêu hương, tiền đường, hậu đường cùng hành lang. Bìa ghi danh sách những người đóng góp công đức.

Tiền tài hậu công đồng đắc phúc

前財後功同得福

Kí hiệu: 263

Thác bản bìa suu tầm tại quán Huyền Thiên phố Hàng Khoai, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 42 x 88 cm, gồm 23 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1000 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Cảnh Thịnh thứ 5 (1797).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Bìa liệt kê danh sách các tín thí đóng góp trùng tu quán Huyền Thiên.

Trùng thủy Huyền Thiên quán bi minh

重鑄玄天觀碑銘

Kí hiệu: 264

Thác bản bìa phường Đồng Xuân huyện Thọ Xương phủ Phụng Thiên 奉天府壽昌縣同春坊, suu tầm tại quán Huyền Thiên phố Hàng Khoai, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 105 x 195 cm, gồm 27 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 700 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Vĩnh Tộ (1619-1628).

Người soạn: không ghi.

- Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Lịch sử di tích.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Quán Huyền Thiên có từ cổ xưa, hiện ở quán còn lưu tấm bia khắc từ năm Thiệu Bình thứ 7 (1440). Quán rất linh ứng. Nhưng trải năm tháng, quán hư hại nhiều. Năm Tân Dậu (1621) bà Thái phi của Bình An vương Trịnh Tùng là Lại Thị Ngọc Nho, xuất tiền trong kho ra chủ trì việc trùng tu lại.

Trùng tu Huyền Thiên quán bí kí

重修玄天觀碑記

Kí hiệu: 265

Thác bản bia thôn Huyền Thiên tổng Đồng Xuân huyện Thọ Xương phủ Hoài Đức 懷德府壽昌縣同春總玄天村, suru tấm tại quán Huyền Thiên phố Hàng Khoai, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 48 x 68 cm, gồm 11 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 200 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Đồng Khánh thứ 1 (1886).

Người soạn: không ghi.

- Chủ đề: - Sinh hoạt làng xã.
- Hành trạng, công tích nhân vật.
- Lịch sử di tích.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Quán Huyền Thiên thờ Huyền Thiên Chân Vũ nguyên quân Thượng đẳng thần, rất linh ứng. Quán được dựng từ niên hiệu Thiệu Bình, trùng tu đời Vĩnh Tộ. Năm Tự Đức Bính Dần (1866), quan Bố chính sứ Hà Nội là Lê Khắc Cần vâng theo lời dạy của thầy học là Dương Danh Thành đã cùng các đồng môn quyền góp lương bổng trùng tu toàn bộ 13 gian nhà của quán. Công việc hoàn thành giao cho dân thôn phụng thờ và quy định cho những người đã đóng góp tiền của, công sức trong đợt trùng tu này được tòng tự tại quán.

Trùng tu chung các bi kí

重修鍾閣碑記

Kí hiệu: 266

Thác bản bia thôn Yên Ninh Hạ huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức Bắc Thành 北城懷德府永順縣安寧下村, sưu tầm tại chùa Linh Sơn thôn Yên Ninh Hạ, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 58 x 180 cm, gồm 54 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1200 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Minh Mệnh thứ 11 (1830).

Người soạn: Nguyễn Quý Viêm 阮貴炎, tên tự: Chân Không; nhà sư.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Ghi họ tên người công đức tham gia xây dựng gác chuông và trùng tu chùa Linh Sơn. Trong số người công đức này, có nhiều vị quan chức như Khâm sai Bắc Thành Tổng trấn, Chương cơ, lãnh Hải Dương trấn Phủ Trạch hầu cúng 100 quan tiền.

Cải kiến Linh Sơn cổ tự bi kí

改建靈山古寺碑記

Kí hiệu: 267

Thác bản bia thôn Yên Ninh Hạ huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức 懷德府永順縣安寧下村, sưu tầm tại chùa Linh Sơn thôn Yên Ninh Hạ, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 58 x 156 cm, gồm 28 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 500 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Minh Mệnh thứ 9 (1828).

Người soạn: Hà Tông Quyền 何宗權; chức vị: Lễ bộ Hữu thị lang; tước hiệu: Phương Trạch hầu.

Người nhuận: Nguyễn Hựu Nghi 阮祐儀, chức vị: Hình bộ Tả thị lang, Bắc Thành Hình tào; tước hiệu: Thanh Xuyên hầu.

Người viết chữ: Nguyễn Đăng Vinh 阮登榮; chức vị: Bắc Thành Tả thông phán; tước Vinh Quang tử.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Lịch sử di tích.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Chùa Linh Sơn ở Bắc Thành thờ giáo phái Thanh Tịnh. Giáo phái này nguyên từ nước Thanh, từng được vua Khang Hi ban thánh dụ và 4 chữ đại tự “Gia hương huyền đường”. Vào thời Vĩnh Hựu triều Lê, chương giáo Đại Bồ tát họ Nguyễn sang tu đạo tại chùa Linh Sơn, gặp đạo sĩ người Thanh là Sĩ Anh truyền giáo. Năm Cảnh Hưng thứ 2 về nước xây dựng chùa Linh Sơn ở thành Thăng Long vào năm thứ 6 (1745). Chùa bấy giờ ở con đường bên phải cổng Chu Tước, có rất nhiều vương công khanh sĩ đến tham thiền. Năm Gia Long thứ 3 (1804) Giám đốc cục Bảo truyền Lê Duy Đạt cho di dời chùa ra bên ngoài thành, đặt tại thôn Yên Ninh Hạ huyện Vĩnh Thuận. Năm nay, nhà sư trụ trì là Nguyễn Quý Viêm quyên góp trùng tu lại chùa.

Trùng tu Linh Sơn cổ tự bi kí

重修靈山古寺碑記

Kí hiệu: 268

Thác bản bia thôn Yên Ninh Hạ huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức 懷德府永順縣安寧下村, sưu tầm tại chùa Linh Sơn thôn Yên Ninh Hạ, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 70 x 88 cm, gồm 20 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 600 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Tự Đức thứ 17 (1864).

Người soạn: Trần Quang Luyện 陳光練; quê quán: thôn Yên Ninh Hạ; học vị: Tú tài.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Chùa Linh Sơn được xây dựng vào thời Cảnh Hưng. Năm Gia Long

thứ 3 quan Giám đốc cục Bảo tuyền Lê Duy Đạt cho đi dời chùa đến chỗ hiện nay. Năm Minh Mệnh được trùng tu, có văn bia ghi lại đầy đủ. Năm Tự Đức Quý Hợi (1863) ông Đặng Lương Hiên, chức Hình bộ Tả thị lang, lãnh Bắc Thành An sát cùng với lương y Trần Thanh Trai góp lương bổng tiến hành tu sửa lại chùa.

[Vô đề]

Kí hiệu: 269

Thác bản bia thôn Yên Ninh Hạ huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức 懷德府永順縣安寧下村, sưu tầm tại chùa Linh Sơn thôn Yên Ninh Hạ, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 72 x 95 cm, gồm 3 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 40 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Minh Mệnh thứ 10 (1829).

Người soạn: Nguyễn Hựu Nghi 阮祐儀, tên hiệu: Vũ Khanh 羽卿; chức vị: Hình bộ Hữu Tham tri; tước Thanh Xuyên hầu.

Chủ đề: Văn thơ.

Tóm lược nội dung:

Bốn chữ đại tự “Nhất chân tự như” do Nguyễn Hựu Nghi đề. Có khắc ấn triện của tác giả.

Hậu phật thần bi kí

后佛神碑記

Kí hiệu: 270

Thác bản bia thôn Huyền Thiên tổng Hậu Túc huyện Thọ Xương phủ Hoài Đức 懷德府壽昌縣後肅總玄天村, sưu tầm tại quán Huyền Thiên phố Hàng Khoai, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 26 x 53 cm, gồm 12 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 300 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Minh Mệnh thứ 10 (1829).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biếu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Vợ chồng ông Dương Hữu Doãn ở thôn Huyền Thiên trong huyện vì không có con nên đã cúng 50 quan tiền để xin được gửi giỗ tại bản thôn. Dân thôn cảm kích tấm lòng của ông bà, lại biết ơn ông hàng ngày vẫn tụng niệm kinh Phật cầu chúc cho dân thôn được bình yên, nên tôn bàu ông bà là Hậu phật thần.

Phụ hưởng bi kí

附享碑記

Kí hiệu: 271

Thác bản bia tổng Đồng Xuân huyện Thọ Xương phủ Hoài Đức tỉnh Hà Nội 河南省懷德府壽昌縣同春總, sưu tầm tại quán Huyền Thiên phố Hàng Khoai, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 35 x 52 cm, gồm 11 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 170 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Minh Mệnh thứ 21(1840).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biếu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Năm Kì Hội dân thôn tu sửa quán Huyền Thiên. Bà Bùi Thị Tâm, người trong tổng Đồng Xuân, cúng 1 bức hoành phi, cùng một số tiền bạc để giúp nhà quán chi tiêu. Bản quán chấp thuận để bà và chồng bà được phụ thờ tại quán Huyền Thiên.

Nam Vô A Di Đà Phật

南無阿彌陀佛

Kí hiệu: 272

Thác bản bia sưu tầm tại chùa Hồng Phúc phố Hàng Than, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 32 x 50 cm, gồm 14 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 450 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Tự Đức thứ 3 (1850).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Nhà sư Thanh Như Chiếu tiến hành sửa chữa chùa Hồng Phúc. Bà Nguyễn Thị Hải ở giáp Nhiễm Hạ phường Dũng Thợ xã Vĩnh Trung huyện Thanh Trì phủ Thường Tín tỉnh Hà Nội, cúng 50 quan tiền kèm giúp nhà chùa chi dùng để xin gửi giỗ cho chồng và cha mẹ. Nhà chùa chấp thuận lập bia cúng giỗ mãi mãi.

[Vô đề]

Kí hiệu: 273

Thác bản bia phường Hộc Nhai 槐街坊, suru tầm tại chùa Hồng Phúc phố Hàng Than, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 32 x 58 cm, gồm 10 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 150 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Duy Tân thứ 4 (1910).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Lịch sử di tích.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Chùa Hồng Phúc được khởi tạo từ những năm thuộc niên hiệu Chính Hòa. Năm Quý Mão (1903) gặp trận bão chùa bị hư hỏng, nhà sư trụ trì chùa tổ chức quyên góp để tu sửa. Bà Nguyễn Thị Sâm người thôn Phương Bài cúng 50 đồng để tu sửa chùa và xin gửi giỗ cho hai vợ chồng cùng cho hai người cháu chết sớm được phối hưởng.

Hồng Phúc đại thiên tự phối hưởng bi kí

鴻福大禪寺配享碑記

Kí hiệu: 274

Thác bản bia sưu tầm tại chùa Hồng Phúc phố Hàng Than Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 40 x 70 cm, gồm 14 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 270 chữ, không có hoa văn, không có chữ huy.

Niên đại: Tự Đức thứ 16 (1863).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Vợ chồng ông Chu Trần Chiêu quyên góp tiền của cúng vào chùa Hồng Phúc để xin gửi giỗ cho cha mẹ, ông bà nội ngoại. Hàng năm cúng giỗ cho gia tiên ông bà vào hai ngày 8 tháng 4 và 17 tháng 11 ở tòa tam bảo chùa Hồng Phúc.

Hồng Phúc tự cổ văn bi kí

洪福寺古文碑記

Kí hiệu: 275/276/289/290

Thác bản bia phường Hòe Nhai, Đông Bộ Đầu, Thăng Long 昇龍東步頭槐街坊, sưu tầm tại chùa Hồng Phúc phố Hàng Than, Hà Thành.

Thác bản 4 mặt, khổ 66 x 120 cm và 16 x 90 cm, gồm 47 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1200 chữ, không có hoa văn, không có chữ huy.

Niên đại: Chính Hòa thứ 19 (1698).

Người soạn: Hà Tông Mục 何宗穆; quê quán: huyện Thiên Lộc tỉnh Nghệ An; học vị: Tiến sĩ khoa Mậu Thìn (1688); chức vị: Bồi tụng.

Người viết chữ: Tưởng Hữu Kiên 蔣有堅; quê quán: xã Hương Ngải huyện Chân Định phủ Kiến Xương xứ Sơn Nam.

Chủ đề: - Công văn triều đình (sắc, lệnh, chỉ dụ).
- Hành trạng, công tích nhân vật.
- Thơ văn.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Bà Thị nội bảo mẫu Nguyễn Thị Phán người phường Hòe Nhai thấy cảnh chùa hư hỏng tiêu điều, đã tâu bẩm lên quan trên, được nhận lãnh một số tiền từ kho nhà nước đem mua gỗ, sau đó cùng với sư chùa là Chân Dung quyên góp tu sửa lại chùa Hòe Nhai. Bia khắc bài minh dài 160 câu 4 chữ ca tụng công đức. Một mặt bên của bia khắc đạo sắc đề năm Chính Hòa thứ 24 (1703) cho nhà sư Chân Dung tên thật là Trương Đình Khoa, người xã Hương Ngải huyện Chân Định trụ trì chùa này, phong cho là “Tuệ Dung Hòa thượng Đại tuệ thiền sư bảo thiên phụ quốc”. Một mặt bên của bia ghi công đức của ông Cẩn sự lang Câu kê Vũ Trọng Hưng có công vào việc tu sửa chùa.

Phúc Kiến hội quán hưng sáng lục

福建會館興創錄

Kí hiệu: 277

Thác bản bia Hội quán Phúc Kiến phố Phúc Kiến 福建埔福建會館, sưu tầm tại quán Phúc Kiến phố Phúc Kiến, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 104 x 163 cm, gồm 29 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 800 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Gia Long thứ 16 (1817).

Người soạn: tên tự: Khiêm Thụ phủ, tên hiệu: Dụ Am, Sài Sơn Di Lão; học vị: Tiến sĩ; chức vị: Đại phu.

Chủ đề: - Sự tích, Thần phả.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Sự tích vị thần Thiên Hậu. Thần giáng sinh ở đất Thục vào đời nhà Tống, hiển hiện linh thiêng, từng được vua Khang Hi đời nhà Thanh gia phong. Năm Ất Hợi (1815) các thương khách người Phúc Kiến cư trú tại Thăng Long tổ chức quyên góp tiền của mua một khu đất ở cổng Đông Hoa cũ xây dựng thành hội quán và rước tượng Thiên Hậu về thờ phụng. Bia kê tên người đóng góp tiền của xây dựng.

Kí kị bi

寄忌碑

Kí hiệu: 278

Thác bản bia xã Nhân Mục Môn tổng Khương Đình huyện Thanh Trì phủ Thường Tín 常信府青池縣姜亭總仁睦門社, suru tầm tại đình Quan Nhân xã Nhân Mục Môn tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 46 x 65 cm, gồm 8 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 100 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Chính Hòa thứ 16.

Niên đại ước đoán: Thành Thái thứ 16 (1904).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Gia đình nhà chồng bà Ngô Thị Thuận cúng 3 sào ruộng để gửi giỗ cho bà và cô con gái đã mất. Bia khắc ngày giỗ và vị trí thửa ruộng.

Ghi chú: Hai chữ niên hiệu “Chính Hòa” trên thác bản là ngụy tạo.

Quang Ân thị xứ

光恩市處

Kí hiệu: 279

Thác bản bia xã Thanh Oai huyện Thanh Oai 青威縣青威社, suru tầm tại chợ xã Tả Thanh Oai tổng Thanh Oai huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 40 x 71cm, gồm 11 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 380 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Chính Hòa thứ 11(1690).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Ghi tên các hội chủ hưng công tham gia đóng góp công đức xây dựng chợ. Trong đó có cựu Xã trưởng Nguyễn Công Khuê cùng 1 quan, Bản xã Phó sở Nguyễn Hữu Duệ cùng 1 quan, Sinh đồ Nguyễn Tông Nghi cùng 1 quan.

Ghi chú: Dòng chữ ghi niên hiệu trên thạc bản có dấu hiệu ngụy tạo.

Xuân thu phối tự

春秋配祀

Kí hiệu: 280

Thác bản bia xã Tả Thanh Oai huyện Thanh Oai 青威縣左青威社, sưu tầm tại xã Tả Thanh Oai tổng Thanh Oai huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 35 x 50 cm, gồm 10 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 160 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: năm Quý Mão.

Niên đại ước đoán: Thành Thái thứ 15 (1903).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà Đào Thị Châu cúng cho họ tộc 1 mẫu 1 sào ruộng để hàng năm cúng giỗ ông bà và cha mẹ tại từ đường dòng họ. Ghi ngày giỗ và vị trí, xú đồng để lưu truyền về sau.

Kí kị bi chí

寄忌碑誌

Kí hiệu: 281

Thác bản bia xã Thanh Oai huyện Thanh Oai 青威縣青威社, sưu tầm tại chùa Linh Am xã Tả Thanh Oai huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 46 x 81 cm, gồm 16 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 400 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: năm Nhâm Dần.

Niên đại ước đoán: Thành Thái năm thứ 14 (1902).

Người soạn:.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Bà Nguyễn Thị Thanh cúng ruộng cho giáp Tây Tiền thôn Đức Lâm để gửi giỗ cho cha mẹ. Con gái và con rể của bà cũng cúng ruộng cho giáp Vực thôn Đức Lâm để gửi giỗ cho bà và chồng bà. Các giỗ đều tiến hành cúng lễ ở chùa Linh Am theo nghi thức quy định.

Trần tộc hợp tự bi đàn/Hiếu nghĩa khả gia

陳族合寺碑壇/孝義可嘉

Kí hiệu: 282/283

Thác bản bia sưu tầm tại nhà thờ họ Trần xã Tả Thanh Oai tổng Thanh Oai huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 70 x 130 cm, gồm 37 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 800 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Long Đức Giáp Tuất.

Niên đại ước đoán: Tự Đức 27 (1874).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Gia phả, lai lịch dòng họ.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Cháu gái 14 đời họ Trần là Trần Thị Đĩnh góp 750 quan tiền cùng dòng họ mua đất lập đàn dựng bia thờ phụng tổ tiên. Bia ghi húy hiệu từ cụ tổ đời thứ 14 đến đời thứ 11 thì chia thành 2 chi trưởng và thứ, tiếp đến là danh sách các vị đỗ đạt và làm quan (hầu hết đều thuộc triều Lê) và các vị được tòng tự phối hưởng tại nhà thờ dòng họ.

Ghi chú: Niên hiệu “Long Đức” trên thác bản là ngụy tạo.

Đào tộc hợp tự đàn bi

陶族合寺檀碑

Kí hiệu: 284

Thác bản bia xã Tả Thanh Oai 左青威社, sưu tầm tại đàn họ Đào xã Tả Thanh Oai tổng Thanh Oai huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 76 x 145 cm, gồm 14 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 400 chữ, không có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: không ghi.

Niên đại ước đoán: thuộc đời Nguyễn.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Sinh hoạt làng xã.
- Hành trạng, công tích nhân vật.

Tóm lược nội dung:

Tổ tiên họ Đào vào triều Lê có vị quan thuộc vũ ban, được phong tước Quận công, do loạn lạc, có một con trai di cư về quê mẹ mà lập thành dòng họ Đào ở xã Tả Thanh Oai. Nay tộc họ lập đàn dựng bia để thờ chung 4 vị tổ đầu tiên của dòng họ và ghi tên các vị được tòng tự tại nhà thờ họ.

Tô tộc bi kí

蘇族碑記

Kí hiệu: 285

Thác bản bia huyện Thanh Trì phủ Thường Tín 常信府青池縣, sưu tầm tại đình thôn Quan Nhân xã Nhân Mục Môn tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 40 x 60 cm, gồm 15 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 400 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Vĩnh Trị thứ 4.

Niên đại ước đoán: thuộc thời Nguyễn.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bâu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Ông tộc trưởng dòng họ Tô là Tô Văn Dĩnh cúng cho chùa làng 1 bức hoành phi, 1 đôi câu đối, 9 thước ruộng ở xứ Chùa Mới. Sau đó ông lại cúng thêm 1 sào ruộng để xin gửi giỗ cho gia tiên.

Ghi chú: Niên hiệu “Vĩnh Trị” trên thạc bản là ngụy tạo.

Đoàn Thị bi kí

段氏碑記

Kí hiệu: 286

Thạc bản bia huyện Thanh Trì 青池縣, sưu tầm tại đình thôn Quan Nhân xã Nhân Mục Môn tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thạc bản 1 mặt, khổ 30 x 63 cm, gồm 13 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 350 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 12.

Niên đại ước đoán: thời Nguyễn.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Bản thôn có 1 mẫu ruộng kị điền, trước đây vì lo cấp lương cho binh lính nên đã mang cầm cố, vẫn chưa có tiền chuộc lại. Nay trong thôn có vị lão niên là Đoàn Đăng Lương bỏ ra 100 quan tiền để thôn chuộc lại ruộng. Sau đó con trai ông là Đoàn Đăng Mĩ lại cúng thêm 2 sào ruộng nữa để xin gửi giỗ cho cha. Dân thôn dựng bia ghi ngày giỗ và các thửa ruộng.

Ghi chú: Niên hiệu “Cảnh Hưng” trên thạc bản là ngụy tạo.

Nam Vô A Di Đà Phật

南無阿彌陀佛

Kí hiệu: 287/288/291/292

Thác bản bia phố Thuận Cảnh, Đệ nhất hộ tỉnh thành Hà Nội 河內省城第一戶順境埔, sưu tầm tại chùa Hồng Phúc phố Hàng Than, Hà Thành.

Thác bản 4 mặt, khổ 74 x 120 cm và 12 x 100 cm, gồm 64 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 2400 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Thành Thái thứ 11(1899).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Quá trình tu bổ chùa Hồng Phúc. Vào năm Tự Đức, nhà sư Quang Hư về trụ trì, thấy chùa nhỏ hẹp bèn quyên góp thập phương mua một khu đất bên trái chùa, xây mở rộng thêm tòa pháp đường 7 gian, 3 tòa nhà dưỡng tăng, tổng cộng 20 gian. Những tín chủ đóng góp xây dựng đợt này đã khắc biển ở trước chùa. Đến năm Tân Mão (1891) nhà sư Chính Bình được dân phường bầu làm giám tự, lần lượt vào các năm Giáp Ngọ, Kỉ Hợi, ông lại đứng ra quyên góp tu bổ, xây thêm nhà bái đường gồm 5 gian. Bia ghi danh sách các tín chủ đã đóng góp tiền để tu bổ chùa lần này.

Ghi chú: Mặt 292 được khắc vào thời Lê Trung hưng, liệt kê danh sách tên họ các vị Hậu phật đã tiến cúng vào chùa.

Sùng tu Hồng Phúc tự bi kí

宗修洪福寺碑記

Kí hiệu: 293

Thác bản bia phường Hòe Nhai 槐街坊, sưu tầm tại chùa Hồng Phúc phố Hàng Than, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 55 x 92 cm, gồm 14 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 400 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Gia Long thứ 10 (1811).

Người soạn: tên hiệu: Thanh Lăng Tì khưu 清朗比丘, tên tự: Khoan Dực 寬昱; chức vị: Đạo nguyên Tăng thống.

Chủ đề: Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Trải qua chiến tranh, chùa Hồng Phúc bị hư hỏng nhiều, nay nhà sư chùa là Khoan Nhân đứng ra hưng công tu tạo lại. Có các tín thí chủ yếu là các tăng thống, tăng ni Phật tử tham gia công đức.

Nam Mô A Di Đà Phật

南無阿彌陀佛

Kí hiệu: 294

Thác bản bia phường Hòe Nhại tổng Thượng huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức tỉnh Hà Nội 河內省懷德府永順縣上總槐街坊, suru tâm tại chùa Hồng Phúc phố Hàng Than, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 53 x 85 cm, gồm 25 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 800 chữ, không có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Thiệu Trị thứ 6 (1846).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Chùa Hồng Phúc trong thời gian qua được tu bổ trở nên khang trang. Đó là nhờ các vị thiện tín thập phương có lòng đóng góp tiền của cho nhà chùa lấy tiền chi phí. Nay nhà sư trụ trì là Khoan Lâm dựng tâm bia khắc tên các thí chủ để lưu truyền, đồng thời lấy ngày Phật đản là ngày mùng 8 tháng 4 và 17 tháng 11 làm ngày cúng giỗ chung cho các vị.

Hậu Phật bi kí

后佛碑記

Kí hiệu: 295

Thác bản bia sưu tầm tại chùa Hồng Phúc phố Hàng Than, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 32 x 45 cm, gồm 15 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 350 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Minh Mệnh thứ 9 (1828).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Tín lão Đặng Thị Tuyên, hiệu Diệu Thời, người xã Hòe Lâm huyện Đường Hào trú quán tại xóm Trùng Thanh tổng Tả Túc huyện Thọ Xương, cúng vào chùa 50 quan tiền để chi phí việc tu sửa chùa. Bà xin cho người chồng đã mất là Thập Lí hầu kiêm Lão nhiều Ngô quý công được làm Hậu Phật. Nhà chùa chấp thuận, dựng bia thờ cúng về sau.

Ngự chế đề Long Quang động nhị thủ

御制題龍光洞二首

Kí hiệu: 296

Thác bản bia sưu tầm tại động Long Quang đình Vọng Châu huyện Đông Sơn tỉnh Thanh Hóa.

Thác bản 1 mặt, khổ 95 x 125 cm, gồm 14 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 120 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Cảnh Thống thứ 4 (1501).

Người soạn: tên hiệu: Thượng Dương Động Chủ 上陽洞主, tức vua Lê Hiến Tông.

Người viết chữ: Ngô Ninh 吳寧; chức vị: Trung thư giám Xá nhân.

Chủ đề: Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Khắc hai bài thơ thất ngôn của vua Lê Hiến Tông đề vịnh, khi đi bái yết sơn lăng ở Tây Kinh, ghé tới động Long Quang.

Đề Long Quang động tịnh dẫn

題龍光洞并引

Kí hiệu: 297

Thác bản bia sưu tầm tại động Long Quang đình Võng Châu.

Thác bản 1 mặt, khổ 79 x 130 cm, gồm 15 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 140 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Hồng Đức thứ 9 (1479).

Người soạn: tên hiệu: Thiên Nam Động Chủ 天南洞主, tức vua Lê Thánh Tông.

Chủ đề: Văn thơ.

Tóm lược nội dung:

Khắc bài thơ thất ngôn của vua Lê Thánh Tông đề vịnh động Long Quang kèm lời dẫn cho biết nhà vua nhân khi đi bái yết Sơn Lăng ở Thanh Hóa, ghé tới chùa động Long Quang, tức cảnh đề thơ.

Ngọc Long kiều bi kí

玉龍橋碑記

Kí hiệu: 298

Thác bản bia thôn Kiều Đại hương Bồ Vệ huyện Đông Sơn phủ Thiệu Thiên 紹天府東山縣布衛鄉橋代村, sưu tầm tại cầu Ngọc Long thôn Kiều Đại huyện Đông Sơn tỉnh Thanh Hóa.

Thác bản 1 mặt, khổ 68 x 100 cm, gồm 20 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 400 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Cảnh Thịnh thứ 7 (1798).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Quan Khâm sai Trấn thủ Đại tư vũ Miên Quận công từ ngày về nhậm chức ở bản hạt đã làm được nhiều việc tốt cho dân. Năm Bính Thìn (1796) ông đã cho trùng tu văn miếu của hai phủ Tĩnh Gia và Thiệu Thiên. Đến năm nay ông lại tu sửa 3 chiếc cầu ở Dương Xá, Đông Khối và Bồ Vệ, đều bằng gỗ lim. Riêng cầu của thôn Kiều Đại bên trên làm thành mái lợp ngói, được ông đặt tên là cầu Ngọc Long.

Hậu thân bi kí

後神碑記

Kí hiệu: 299/300

Thác bản bia xã An Hoạch huyện Đông Sơn phủ Thiệu Thiên 紹天府東山縣安穫社, sưu tầm tại đền Lê Quận công thôn Nhuệ xã An Hoạch huyện Đông Sơn tỉnh Thanh Hóa.

Thác bản 2 mặt, khổ 120 x 153 cm, gồm 48 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1200 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 43 (1782).

Người soạn: Lê Quý Thuần 黎貴醇; quê quán: Diên Hà; chức vị: Cai cơ, Phó Thủ hiệu; tước Thuần Trung hầu.

Người viết chữ: Nguyễn Công Khuyển 阮功勸, tên hiệu: Lang Trung 琅忠; chức vị: Thị nội Thư tả, Huyện thừa.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

- Sinh hoạt làng xã.

- Hành trạng, công tích nhân vật.

- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Tà Đô đốc Mãn Trung hầu Lê Trung Nghĩa, người xã An Hoạch huyện Đông Sơn phủ Thiệu Thiên là vị đại thần có danh vọng và có nhiều ơn nghĩa với địa phương. Cảm kích ân tình của ông, dân ba thôn Thượng, Đông và Quảng Nạp xã An Hoạch tôn bầu ông làm Hậu thân. Đáp lại thịnh tình của dân, ông Lê Trung Nghĩa đã cúng cho thôn Thượng (là nơi ông sinh ra) 200 quan tiền cổ và 6 mẫu ruộng; cúng cho thôn Đông và thôn Quảng Nạp mỗi thôn 300 quan

tiền sử và 6 mẫu ruộng. Dân 3 thôn cùng với thôn Nhuệ xây dựng ngôi đền, dựng bia ghi lại số ruộng thờ và cam kết thờ cúng.

Hậu thần bi kí

后神碑記

Kí hiệu: 301/308

Thác bản bia xã An Hoạch huyện Đông Sơn phủ Thiệu Thiên 紹天府東山縣安穫社, sưu tầm tại đền Lê Quận công thôn Nhuệ xã An Hoạch huyện Đông Sơn tỉnh Thanh Hóa.

Thác bản 2 mặt, khổ 118 x 162 cm, gồm 54 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1200 chữ, không có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 43 (1782).

Người soạn: Lê Quý Thuần 黎貴醇; quê quán: Diên Hà; chức vị: Cai cơ Phó Thủ hiệu; tước Thuần Trung hầu.

Người nhuận chính: Trần Nguyễn Nhung 陳阮堡, tên hiệu: Ôn Như; chức vị: Nam cung Thiêm tri Thị nội Thư tả; tước Mại Đình tử.

Người viết chữ: Nguyễn Bình 阮坪; chức vị: Huyện thừa.

Chủ đề: - Sinh hoạt làng xã.

- Hành trạng, công tích nhân vật.

Tóm lược nội dung:

Dân 5 thôn Kiều Đại, Vệ An, Thọ Vực, Đồng Dặc và thôn Văn tôn bầu Đặc tiến Phụ quốc Thượng tướng quân, phụng sai Kinh Bắc xứ Trấn thủ Chánh Thủ Hiệu Hậu dục cơ, kiêm quản Trung quân Đô đốc phủ Tả Đô đốc Lê Trung Nghĩa làm Hậu thần. Ông là vị đại thần, có danh vọng lớn, lại có nhiều ơn nghĩa với địa phương. Các thôn đều được Tả Đô đốc cấp cho tiền và ruộng để thờ phụng và cùng với thôn Nhuệ (nơi ông cư trú), lập đền thờ, dựng bia quy định các nghi thức cúng tế cùng vị trí các thửa ruộng.

Hậu thần bi kí

后神碑記

Kí hiệu: 302/305/306/307

Thác bản bia thôn Nhuệ xã An Hoạch huyện Đông Sơn phủ Thiệu Thiên 紹天府東山縣安穫社銳村, suru tầm tại đền Lê Quận công thôn Nhuệ xã An Hoạch huyện Đông Sơn tỉnh Thanh Hóa.

Thác bản 4 mặt, khổ 120 x 150 cm và 41 x 150 cm, gồm 62 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1000 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 43 (1782).

Người soạn: Lê Quý Thuần 黎貴醇; quê quán: Diên Hà; chức vị: Cai cơ; tước Thuần Trung hầu.

Người nhuận chính: Trần Nguyễn Nhung 陳阮堡; chức vị: Thị nội Thư tả.

Người viết chữ: Nguyễn Công Khuyển 阮功勸; chức vị: Huyện thừa.

Chủ đề: - Bâu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Hành trạng, công tích nhân vật.

Tóm lược nội dung:

Thôn An Hoạch là nơi ở của Đô đốc Mãn Trung hầu Lê Trung Nghĩa. Cảm kích ân đức của ông, dân thôn xin tôn bâu ông là Hậu thần, lập sinh từ thờ phụng. Ông bèn cấp cho thôn 400 quan tiền cổ và 16 mẫu ruộng dùng vào việc tế lễ. Quy định nghi thức tế tự, rước lễ, hát xướng và lễ vật trong các ngày giỗ.

Sinh từ bi kí

生祠碑記

Kí hiệu: 303/304

Thác bản bia xã An Hoạch huyện Đông Sơn phủ Thiệu Thiên 紹天府東山縣安穫社, suru tầm tại đền Lê Quận công thôn Nhuệ xã An Hoạch huyện Đông Sơn tỉnh Thanh Hóa.

Thác bản 2 mặt, khổ 121 x 166 cm, gồm 37 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1200 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 43 (1782).

Người soạn: Lê Quý Thuần 黎貴醇; quê quán: Diên Hà; chức vị: Cai cơ Phó Thủ hiệu; tước Thuần Trung hầu.

Người nhuận chính: Trần Nguyễn Nhưng 陳阮望, tên hiệu: Ôn Như; chức vị: Nam cung Thiêm tri Thị nội Thư tả.

Người viết chữ: Nguyễn Công Khuyển 阮功勸; chức vị: Huyện thừa.

Chủ đề: Hành trạng, công tích nhân vật.

Tóm lược nội dung:

Ghi tiểu sử của Tả Đô đốc Mãn Trung hầu Lê Trung Nghĩa. Ông là vị đại thần, có nhiều công lao với triều đình, từng giữ chức Hữu Đề điểm tuần phòng cửa biển hộ giá vua nam chinh, thăng chức Tổng thái giám sau được tặng Thiếu bảo, Trấn thủ trấn Kinh Bắc, Tả Đô đốc. Dân thôn Nhuệ lập sinh từ thờ ông. Trên một mặt của bia này được khắc thêm một đoạn tiểu sử tiếp sau của ông, cho biết ông được phong tước Quận công. Năm Bính Ngọ (1786) phụng sai trấn thủ Thanh Hóa, đến tháng 10 năm ấy đánh nhau với quân Tây Sơn bị chết. Năm Chiêu Thống thứ 1 (1787) được truy phong Đại vương.

Hậu phật bi kí

后佛碑記

Kí hiệu: 309

Thác bản bia sưu tầm tại chùa Hồng Phúc phố Hàng Than, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 33 x 53 cm, gồm 12 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 160 chữ, không có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Thiệu Trị thứ 3 (1843).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Ba người con trai bà Bùi Thị Viên quê ở Sơn Tây, cư trú tại Hà Nội, bỏ ra 60 quan tiền để gửi giỗ cho cha mẹ mình ở chùa Hồng Phúc. Bia khắc họ tên, ngày giỗ cha mẹ.

Hồng Phúc tự kí kị bí kí

洪福寺寄忌碑記

Kí hiệu: 310

Thác bản bia suru tằm tại chùa Hồng Phúc phố Hàng Than, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 28 x 51 cm, gồm 11 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 160 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Thiệu Trị thứ 3 (1843).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Lí Ngọc Lang quê xã Cự Lạc huyện Phong Doanh phủ Nghĩa Hưng tỉnh Nam Định, trú quán tại thôn Sài Thúc tổng Phúc Lâm huyện Thọ Xương, cùng vợ là Đỗ Thị Phương cúng 100 quan tiền vào chùa Hồng Phúc để xin gửi giỗ cho cha mẹ và thân quyến.

Kí kị nhật bí

寄忌日碑

Kí hiệu: 311

Thác bản bia phường Hòe Nhai tổng Thượng huyện Thọ Xương 壽昌縣上總槐街坊, suru tằm tại chùa Hồng Phúc phố Hàng Than, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 32 x 46 cm, gồm 14 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 200 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Thiệu Trị thứ 3 (1843).

Người soạn: tên hiệu Giác Lâm, nhà sư trụ trì.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà Cao Thị Niêm ở phường Hòe Nhai cùng con gái đặt tiền gửi giỗ cho tổ tiên, gồm 8 người, mỗi năm cúng vào ngày 15 tháng giêng, 15 tháng 7 và 15 tháng 10. Ngoài ra còn ghi bà Phạm Thị Kỉ ở thôn Dũng Thọ tổng Đông Thọ huyện Thọ Xương gửi giỗ cho con đẻ đã chết. Tiếp đó là bài cầu nguyện cho linh hồn người chết.

Hậu phật bi kí

後佛碑記

Kí hiệu: 312

Thác bản bia sưu tầm tại chùa Hồng Phúc phố Hàng Than, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 26 x 54 cm, gồm 14 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 350 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Thiệu Trị thứ 1 (1841).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà Trần Thị Nghị quê ở huyện Phúc Thọ phủ Quảng Oai tỉnh Sơn Tây, cúng 20 quan tiền vào chùa Hồng Phúc để gửi giỗ cho cha mẹ, tổ tiên.

Hồng Phúc tự Hậu phật bi kí

洪福寺後佛碑記

Kí hiệu: 313

Thác bản bia sưu tầm tại chùa Hồng Phúc phố Hàng Than, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 30 x 46 cm, gồm 16 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 350 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Minh Mệnh thứ 10 (1829).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà Trần Thị Đoài quê ở xã Đan Loan huyện Đường An phủ Ninh Giang trấn Hải Dương, cư trú tại phủ Yên Bình trấn Tuyên Quang, cúng 100 quan tiền cổ vào chùa Hồng Phúc để gửi giỗ hậu cho chồng con và tổ tiên. Nhà chùa chấp thuận, cho khắc họ tên, ngày giỗ người gửi hậu để cúng lễ về sau.

Hậu phật bi kí

後神碑記

Kí hiệu: 314

Thác bản bia suu tầm tại chùa Hồng Phúc phố Hàng Than, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 27 x 43 cm, gồm 13 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 360 chữ, không có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Minh Mệnh thứ 14 (1833).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Vợ chồng ông bà Trần Văn Tuất, người giáp Hạ thôn Trùng Thanh Thượng tổng Tả Túc huyện Thọ Xương phủ Hoài Đức, cúng 60 quan tiền cô vào chùa Hồng Phúc để gửi giỗ cho chồng con và tổ tiên nội ngoại. Nhà chùa chấp thuận cho khắc họ tên, ngày giỗ người gửi hậu để cúng lễ về sau.

Hồng Phúc tự Hậu phật bi kí

洪福寺後佛碑記

Kí hiệu: 315

Thác bản bia suu tầm tại chùa Hồng Phúc phố Hàng Than, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 26 x 39 cm, gồm 12 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 200 chữ, không có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Minh Mệnh thứ 18 (1837).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà Trần Thị Phó hiệu Diệu Chuẩn, người xã Xích Đằng huyện Kim Động phủ Khoái Châu tỉnh Hưng Yên, trú quán tại thôn Yên Thuận tổng Yên Thành huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức tỉnh Hà Nội, cúng 20 quan tiền vào chùa Hồng Phúc để gửi giỗ cho vợ chồng bà và cha mẹ.

Hồng Phúc tự Hậu phật bi kí

洪福寺後佛碑記

Kí hiệu: 316

Thác bản bia sưu tầm tại chùa Hồng Phúc phố Hàng Than, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 30 x 47 cm, gồm 17 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 450 chữ, không có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Minh Mệnh thứ 10 (1829).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Hội Đàn Tín chùa Hồng Phúc chọn bầu bà Sa di Trần Thị Thu ở thôn Nghĩa Lập tổng Hậu Túc huyện Thọ Xương làm Hậu phật. Bà Thu bèn cúng 100 quan tiền để gửi giỗ cho bản thân và thân quyến.

Đông Môn tự kí

東門寺記

Kí hiệu: 317

Thác bản bia sưu tầm tại chùa Đông Môn phố Hàng Đường, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 60 x 70 cm, gồm 15 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 400 chữ, không có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Vĩnh Tộ thứ 6 (1624).

Người soạn: Nguyễn Văn Hiệp 阮文協; nhà sư.

Chủ đề: - Lịch sử di tích.
- Gia phả, lai lịch dòng họ.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Chùa Đông Môn do nhà sư Nguyễn Văn Hiệp tự Đạo Ân người xã Văn Trảng huyện Ngọc Sơn phủ Tĩnh Gia trụ trì. Chùa là một danh thắng ở kinh đô, nhưng quy mô còn hẹp. Nhà sư bèn cùng vợ là Diệu Bi mua một khu đất của Tăng thống Phạm Đức người xã Dịch Vọng huyện Từ Liêm với giá 300 quan tiền cổ, đem đất ấy cúng vào

tam bảo để mở rộng chùa. Chúa Thanh Đô vương đã ban cho làm chùa tư nhân, được phép lưu truyền cho con cháu. Đoạn cuối bia có thể được khắc thêm vào đời sau, ghi chép phả hệ dòng họ của nhà sư, từ cụ Đạo Ân lấy làm thủy tổ, liên tiếp kê ra các vị tổ đời thứ 2, thứ 3 cho đến các con cháu đời thứ 9.

Đông Môn tự

東門寺

Kí hiệu: 318

Thác bản bia suu tầm tại chùa Đông Môn phố Hàng Đường, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 65 x 88 cm, gồm 26 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 410 chữ, không có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Dương Hòa thứ 5 (1639).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậ, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Chùa Đông Môn tiến hành tu sửa thượng điện, thiêu hương, tiền đường, hậu đường, hành lang, tăng phòng. Ghi tên người đóng góp công đức vào việc sửa chữa chùa, trong đó có nhiều vị quan chức, như vị họ Trần chức Phụ quốc Thuần tín dương uy dũng công thần, Cẩm y vệ Tổng tri tước Dũng Sơn hầu, cùng thập phương công đức ở các thừa tuyên thuộc Kinh Bắc, Hải Dương, Sơn Tây, Thuận Hóa, Trung đô, Sơn Nam, Thanh Hoa và Nghệ An.

Trùng tu Đông Môn tự chi bi

重修東門寺之碑

Kí hiệu: 319

Thác bản bia phường Hà Khẩu 河口坊, suu tầm tại chùa Đông Môn phố Hàng Đường, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 89 x 135 cm, gồm 26 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 800 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Gia Long thứ 15 (1816).

Người soạn: họ Nguyễn 阮, tên hiệu: Dưỡng Hiên 養軒; quê quán: huyện Từ Liêm, Sơn Tây.

Chủ đề: - Lịch sử di tích.
- Xây dựng, trùng tu di tích.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Chùa Đông Môn ở ngoại thành Thăng Long là một danh lam cổ tích. Không biết chùa có từ khi nào, nhưng chỉ biết là vào thời Lê đã có 2 lần trùng tu. Đến nay chùa bị hư hỏng. Năm Quý Dậu (1813), gia đình cha con ông họ Vương tự Thời Nghĩa, nguyên là người Hoa quê gốc huyện Tuyên Châu tỉnh Phúc Kiến trú quán ở phường Hà Khẩu, cùng với thiện tín thập phương tu sửa lại nhà tam quan, tòa hậu cung và tả hữu hành lang v.v... Có bài minh và danh sách những người đóng góp công đức.

Vô đề

Kí hiệu: 320

Thác bản bia sưu tầm tại chùa Hồng Phúc phố Hàng Than, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 10 x 20 cm, gồm 5 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 59 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: không ghi.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Bà mẹ Vũ Thị Huyền cùng các con gái, con rể, cháu ngoại thuộc gia đình họ Phạm khắc bia gửi công đức tới cha và ông bà.

Hồng Phúc thiền tự Hậu Phật tạo bi kí

洪福禪寺後佛造碑記

Kí hiệu: 321

Thác bản bia sưu tầm tại chùa Hồng Phúc phố Hàng Than, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 11 x 17 cm, gồm 4 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 46 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Chính Hòa thứ 19 (1698).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Ghi tên vợ chồng Hội chủ là Lê Trị An, tự Phúc Lương và vợ là Nguyễn Thị Luyện, hiệu Diệu Kính, người xã Gia Thượng huyện Gia Lâm phủ Thuận An.

Hồng Phúc thiền tự Hậu Phật tạo bi kí

洪福禪寺後佛造碑記

Kí hiệu: 322

Thác bản bia huyện Thọ Xương phủ Phụng Thiên 奉天府壽昌縣, sưu tầm tại chùa Hồng Phúc phố Hàng Than, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 10 x 21 cm, gồm 4 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 44 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Chính Hòa thứ 19 (1698).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Ghi về vị Hội chủ (không rõ tên) quê ở thôn Cự Lộc xã Nhân Mục Môn huyện Thanh Trì phủ Thường Tín, sống tại huyện Thọ Xương phủ Phụng Thiên.

[Vô đề]

Kí hiệu: 323

Thác bản bia suu tầm tại chùa Hồng Phúc phố Hàng Than, Hà Thành.

Thác bản mặt, khổ 10 x 21 cm, gồm 4 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 42 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Chính Hòa thứ 19 (1698).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Hành trạng, công tích nhân vật.

Tóm lược nội dung:

Ghi tên Hội chủ Đoàn Thị Ngọc, Khúc Quý công, Nguyễn nhị nương hiệu Từ Thông, Mai nhị nương hiệu Từ Nhân, Khúc Thị Diều, Khúc nhất lang tự Phổ Chiếu, Nguyễn nhị nương hiệu Diệu An, Đoàn nhất lang tự Phúc Quảng.

Hồng Phúc thiên tự Hậu phật bi kí

洪福禪寺後佛碑記

Kí hiệu: 324

Thác bản bia suu tầm tại chùa Hồng Phúc phố Hàng Than, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 13 x 19 cm, gồm 7 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 60 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Chính Hòa thứ 19 (1698).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Ghi tên gia đình Hội chủ Phạm Thế Thịnh và vợ là Vũ Thị Tiến, con là Phạm Thế Sự, quê ở xã Lương Phú huyện Chân Định phủ Kiến Xương.

Hồng Phúc thiền tự Hậu phật tạo bi kí

洪福禪寺後佛造碑記

Kí hiệu: 325

Thác bản bia suru tằm tại chùa Hồng Phúc phố Hàng Than, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 11 x 12 cm, gồm 6 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 90 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Chính Hòa thứ 19 (1698).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Sinh hoạt làng xã.
- Hành trạng, công tích nhân vật.

Tóm lược nội dung:

Ghi tên gia đình Hội chủ gồm tín vãi Nguyễn Thị Ruộng, cùng cháu nuôi là Tô Văn Cúc quê ở xã Thạch Nội huyện Ngọc Sơn phủ Tĩnh Gia. Một Hội chủ khác là bà vãi Nguyễn Thị Trọng, cùng con trai là Đỗ Văn Hoàn và Đỗ Văn Đăng, quê ở xã Kính Chủ huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai.

Hồng Phúc thiền tự Hậu phật tạo bi kí

洪福禪寺後佛造碑記

Kí hiệu: 326

Thác bản bia suru tằm tại chùa Hồng Phúc phố Hàng Than, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 11 x 19 cm, gồm 4 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 39 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Chính Hòa thứ 19 (1698).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Ghi tên Hội chủ là Nguyễn Thị Diễm, người phường Tây Hồ huyện Quảng Đức phủ Phụng Thiên.

Hồng Phúc thiền tự Hậu Phật tạo bi kí

洪福禪寺後佛造碑記

Kí hiệu: 327

Thác bản bia sưu tầm tại chùa Hồng Phúc phố Hàng Than, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 11 x 121 cm, gồm 5 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 46 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Chính Hòa thứ 19 (1698).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Ghi tên Hội chủ là Trung đô Vương phủ nội cung tần Nguyễn Thị Ngọc Hân, hiệu Diệu Huy, người quê ở xã Xích Đằng huyện Kim Động phủ Khoái Châu.

Hồng Phúc thiền tự Hậu Phật tạo bi kí

洪福禪寺後佛造碑記

Kí hiệu: 328

Thác bản bia sưu tầm tại chùa Hồng Phúc phố Hàng Than, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 11 x 19 cm, gồm 5 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 38 chữ, không có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Chính Hòa thứ 19 (1698).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Ghi tên Hội chủ là Nguyễn Bách Phúc, người xã Hạ Miêu huyện Giao Thủy phủ Thiên Trường.

Hồng Phúc thiền tự Hậu Phật tạo bi kí

洪福禪寺後佛造碑記

Kí hiệu: 329

Thác bản bia sưu tầm tại chùa Hồng Phúc phố Hàng Than, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 10 x 20 cm, gồm 5 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 58 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Chính Hòa thứ 19 (1698).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Ghi tên Hội chủ là Đỗ Thị Niên, hiệu Diệu Vĩnh, quê xã Liêu Xuyên huyện Đường Hào phủ Thượng Hồng, trú quán tại phường Báo Thiên huyện Thọ Xương phủ Phụng Thiên.

Hồng Phúc thiền tự Hậu Phật tạo bi kí

洪福禪寺後佛造碑記

Kí hiệu: 330

Thác bản bia sưu tầm tại chùa Hồng Phúc phố Hàng Than, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 10 x 20 cm, gồm 4 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 36 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Chính Hòa thứ 19 (1698).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Ghi tên Hội chủ là Hà Thị Dậu, hiệu Từ Nghiêm, người phường Tây Hồ huyện Quảng Đức phủ Phụng Thiên.

Hồng Phúc thiền tự Hậu phật tạo bi kí

洪福禪寺後佛造碑記

Kí hiệu: 331

Thác bản bia sưu tầm tại chùa Hồng Phúc phố Hàng Than, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 11 x 24 cm, gồm 4 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 41 chữ, không có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Chính Hòa thứ 19 (1698).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Ghi tên Hội chủ là người xã Trâu Khê huyện Đường An phủ Thượng Hồng, trú quán tại huyện Thọ Xương phủ Phụng Thiên.

Hồng Phúc thiền tự Hậu phật tạo bi kí

洪福禪寺後佛造碑記

Kí hiệu: 332

Thác bản bia sưu tầm tại chùa Hồng Phúc phố Hàng Than, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 13 x 24 cm, gồm 4 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 110 chữ, không có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Chính Hòa thứ 19 (1698).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà Quận phu nhân Trương Thị Thái (sau đổi là Đào Thị Thái) quê ở giáp Gia Lộc xã Bút Cương huyện Hoảng Hóa phủ Hà Trung, gửi công đức cho ông nội là Đô đốc đồng tri, Thái bảo, Thuần Lương hầu Trương Phúc Quang, quê tại thôn Nghĩa Lí xã Hoàn Nguyễn huyện Quỳnh Lưu phủ Diễn Châu.

Vô đề

Kí hiệu: 333

Thác bản bia sưu tầm tại chùa Hồng Phúc phố Hàng Than, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 58 x 60 cm, gồm 5 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 80 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Thiệu Trị thứ 6 (1846).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Hành trạng, công tích nhân vật.

Tóm lược nội dung:

Ghi tên, húy hiệu của ba vị tổ sư thờ ở chùa là Viên Thông tháp Giác Lâm Minh Liễu thiền sư, Nhu Hòa thiền sư, Hoảng Uẩn tháp Quang Lịch Minh Đạt thiền sư.

[Vô đề]

Kí hiệu: 334

Thác bản bia sưu tầm tại chùa Hồng Phúc phố Hàng Than, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 57 x 58 cm, gồm 16 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 420 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Gia Long thứ 13 (1814).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Hành trạng, công tích nhân vật.

Tóm lược nội dung:

Bia ghi ngày giỗ của 14 vị sư tổ thuộc dòng thiền Tào Động nước Đại Nam như: Tây Thiên đông độ Bồ đề Đạt Ma, Trần triều đệ nhất tổ Trúc Lâm Điều Ngự Thánh tổ, Chân Xác Hòa thượng... Dưới tên mỗi vị đều ghi ngày tháng giỗ.

Hồng Phúc tự Hậu phật bi kí

洪福寺後佛碑記

Kí hiệu: 335

Thác bản bia huyện Thọ Xương phủ Hoài Đức 懷德府壽昌縣, sưu tầm tại chùa Hồng Phúc phố Hàng Than, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 37 x 68 cm, gồm 16 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 500 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Minh Mệnh thứ 10 (1829).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà Nguyễn Thị Xuân quê ở thôn Bồ Đề xã Thọ Trì huyện Nam Đường phủ Tuy Đô xứ Nghệ An, cư trú tại giáp Đồng Hạ phường Hà Khẩu huyện Thọ Xương phủ Hoài Đức, cúng 100 quan tiền cổ để gửi giỗ cho tổ tiên. Ghi tên người cúng giỗ, trong đó có cụ ông là quan Thị hậu thời Lê, âm phong là Bá hộ, Phó Thiên hộ Thiêm đồng Tổng tri.

Hậu phật bi kí

后佛碑記

Kí hiệu: 336

Thác bản bia huyện Thọ Xương phủ Hoài Đức 懷德府壽昌縣, sưu tầm tại chùa Hồng Phúc phố Hàng Than, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 32 x 50 cm, gồm 13 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 300 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Minh Mệnh thứ 9 (1828).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Trí Tuệ đạo nhân ở chùa Hồng Phúc sửa chữa và quy hoạch lại chùa,

cần kinh phí, bèn họp bàn ai có tiền của cúng vào chùa sẽ được tôn bàu làm Hậu phật. Bà Nguyễn Thị Kiền, người xã Đông Ngạc huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai cúng 60 quan tiền để nhà chùa chi dùng và xin gửi giỗ cho bản thân. Nhà chùa tôn bà làm Hậu phật, khắc bia thờ cúng về sau.

Kí tổ tiên bi

寄祖先碑

Kí hiệu: 337

Thác bản bia huyện Thọ Xương phủ Hoài Đức 懷德府壽昌縣, sưu tầm tại chùa Hồng Phúc phố Hàng Than, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 34 x 55 cm, gồm 17 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 350 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Thiệu Trị thứ 3 (1843).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Vợ chồng ông Đặng Văn Anh, quê ở phường Tự Nhiên huyện Đông An phủ Khoái Châu tỉnh Hưng Yên, cúng tiền vào chùa Hồng Phúc để gửi giỗ cho tổ tiên.

[Vô đề]

Kí hiệu: 338/339/340/344

Thác bản bia sưu tầm tại chùa Hồng Phúc phố Hàng Than, Hà Thành.

Thác bản 4 mặt, khổ 9 x 98 cm, gồm 9 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 200 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Chính Hòa thứ 23 (1702).

Người soạn: tên tự: Chân Dung; nhà sư.

Chủ đề: Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Khắc bài văn cầu nguyện của nhà sư tự Chân Dung trụ trì chùa Hồng Phúc cùng các môn đệ ở đạo tràng, cầu cho quốc gia trường tồn, thiên hạ thái bình, đạo Phật bền lâu, vạn vật được giải thoát nhờ giác ngộ Phật. Bài văn làm theo vần 4 chữ, gồm 22 câu.

Hậu phật bi kí

後佛碑記

Kí hiệu: 341

Thác bản bia phường Hòe Nhai huyện Vĩnh Thuận 永順縣槐街坊, suu tầm tại chùa Hồng Phúc phố Hàng Than, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 31 x 52 cm, gồm 15 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 320 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Minh Mệnh thứ 8 (1827).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Ông Nguyễn Chính, người xã Hương Duệ huyện Kỳ Hoa phủ Hà Hoa Hoan Châu, cúng vào chùa Hồng Phúc 20 quan tiền cổ để gửi giỗ cho chị họ là Nguyễn Thị Như. Nhà chùa chấp thuận, tôn bà Nguyễn Thị Như làm Hậu phật, thờ cúng mãi mãi.

Hồng Phúc tự bi kí

洪福寺碑寄

Kí hiệu: 342

Thác bản bia suu tầm tại chùa Hồng Phúc phố Hàng Than, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 33 x 55 cm, gồm 14 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 300 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Thiệu Trị thứ 4 (1843).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà Nguyễn Thị Phượng, ở thôn Yên Thành tổng Yên Thành phủ Hoài Đức và bà Bùi Diệu Minh ở thôn Tân xã Trang Việt huyện Yên Lãng phủ Vĩnh Tường, cư trú tại phố Thanh Hà tổng Đồng Xuân huyện Thọ Xương tỉnh Hà Nội. Mỗi bà cúng vào chùa Hồng Phúc 20 quan tiền để gửi giỗ cho tổ tiên và người thân.

Hồng Phúc tự Hậu phật bi kí

洪福寺後佛碑記

Kí hiệu: 343

Thác bản bia suru tằm tại chùa Hồng Phúc phố Hàng Than, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 42 x 62 cm, gồm 14 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 270 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Minh Mệnh thứ 21 (1840).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Hai bà Vũ Thị Ve và Trần Thị Viễn, người xã Định Công huyện Thanh Trì phủ Thường Tín tỉnh Hà Nội, cúng vào chùa Hồng Phúc 60 quan tiền để gửi giỗ cho cha mẹ, tổ tiên. Ghi tên người được cúng giỗ.

Trùng tu Nhất Trụ tự chí

重修一柱寺志

Kí hiệu: 345

Thác bản bia suru tằm tại chùa Một Cột thôn Thanh Bào phố Ngọc Thanh Đệ lục hộ, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 48 x 57 cm, gồm 13 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 230 chữ, có hoa văn, có chữ hủy: Thìn 辰.

Niên đại: Giáp Tí.

Niên đại ước đoán: Tự Đức thứ 17, Giáp Tí (1864).

Người soạn: Đặng [Văn Hòa] 鄧文和; chức vị: Án sát sứ tỉnh Hà Nội.

Người nhuận sắc: Tôn Thất [Bật] 尊室弼; chức vị: Tổng đốc Hà Ninh.

Người viết chữ: Trần Quang Luyện 陳光練; quê quán: thôn Yên Ninh huyện Vĩnh Thuận; học vị: Tú tài.

Chú đề: - Lịch sử di tích.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Chùa Nhất Trụ là danh lam cổ tự, được dựng từ thời Lí ở phía tây thành Long Đỗ, lâu ngày bị đốt nát. Nay có hai vị Đặng Văn Hòa, chức Hàn lâm viện Thị giảng học sĩ, lãnh Hà Nội Án sát sứ và Tôn Thất Bật, chức Hậu quân Đô thống, lãnh Hà Ninh tổng đốc cùng cúng góp lương bổng đứng ra trùng tu chùa.

Phụng sự bi

奉事碑

Kí hiệu: 346

Thác bản bia sưu tầm tại chùa Một Cột thôn Thanh Bảo phố Ngọc Thanh Đệ lục hộ, Hà Nội.

Thác bản mặt, khổ 40 x 59 cm, gồm 8 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 150 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Bính Tí.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hàu, gửi giỗ, biếu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Ghi về một thí chủ cúng vào chùa 6 quan tiền và 5 sào ruộng để xin gửi giỗ cho bản thân. Nhà chùa chấp nhận, chiếu theo số tiền và số ruộng ghi trên bia mà làm lễ giỗ hàng năm, gồm cỗ chay 1 mâm hoa quả.

Ghi chú: Có thể thiếu thác bản một mặt bia nữa, nên không rõ họ tên thí chủ.

Kí tổ tiên bi

寄祖先碑

Kí hiệu: 347

Thác bản bia suu tầm tại chùa Hồng Phúc phố Hàng Than, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 36 x 56 cm, gồm 17 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 270 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Thiệu Trị thứ 3 (1843).

Người soạn: tên hiệu: Giác Lâm; nhà sư trụ trì.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biếu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Ông Vũ Thành Đức và vợ là bà Đặng Thị Nhâm, quê ở thôn Thiên Trì huyện Yên Mô phủ Yên Khánh tỉnh Ninh Bình, sống ở xã Tam Kỳ huyện Hàm Yên phủ Yên Bình, cúng 60 quan tiền vào chùa Hồng Phúc để gửi giỗ cho tổ tiên.

Kí kỵ bi

寄忌碑

Kí hiệu: 348

Thác bản bia suu tầm tại chùa Một Cột thôn Thanh Bảo phố Ngọc Thanh Đệ lục hộ, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 30 x 60 cm, gồm 15 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 300 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Tự Đức thứ 13 (1860).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biếu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Vợ chồng ông Lê Văn Khoa ở thôn Đông Thành tổng Thuận Mỹ huyện Thọ Xương vốn có mộ của cha mẹ nuôi táng tại khu vườn phía tây chùa Diên Hựu. Nay thấy nhà chùa tu bổ các gian và tượng Phật bèn xuất của nhà 200 quan tiền để mua 3 sào ruộng ở xứ Vườn

Tây, một nửa cúng làm của tam bảo thờ Phật, một nửa dùng làm ruộng kị điền gửi nhà chùa cúng giỗ cho cha mẹ nuôi và các gia tiên được phối hưởng.

Thập phương công đức

十方功德

Kí hiệu: 349

Thác bản bia phường Hòe Nhai huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức 懷德府永順縣槐街坊, sưu tầm tại chùa Hồng Phúc phố Hàng Than, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 45 x 102 cm, gồm 19 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 800 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Gia Long thứ 7 (1808).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Sau thời gian loạn lạc, chùa Hồng Phúc bị đổ nát tiêu điều, nhà sư trụ trì chùa là Sa môn Giác Lâm đứng ra tổ chức quyên góp trùng tu chùa. Bia ghi danh sách các vị đóng góp công đức.

Nhất trụ tự bi

一柱寺碑

Kí hiệu: 350

Thác bản bia huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức tỉnh Hà Nội 河南省懷德府永順縣, sưu tầm tại chùa Một Cột thôn Thanh Bảo, phố Ngọc Thanh Đệ lục hộ, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 68 x 115 cm, gồm 21 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 600 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Thiệu Trị thứ 7 (1847).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biếu dương việc thiện.

- Hành trạng, công tích nhân vật.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Chùa Một Cột là một thắng cảnh linh thiêng ở phía Tây thành. Xưa Cao Vương dựng cột đá, trên đặt tượng Phật mẫu, dưới khơi thừa giếng vuông. Năm Mậu Tuất (1838) quan Đốc bộ đường Đặng Văn Hòa đến thăm chùa, thấy cảnh tiêu điều bèn cúng góp lương bổng, hợp cùng các thiện tín trùng tu điện đường, tả hữu hành lang tam quan, gác chuông. Kê tên người công đức, cúng tiền và cấp ruộng cho chùa, trong đó có Tổng đốc Hà Ninh là Đặng Văn Hòa, Bình bộ Thượng thư Đề đốc Nguyễn Đăng Giai, Đô ngự sử Đề đốc Tôn Thất Bật v.v...

Hậu thần bi kí

后神碑記

Kí hiệu: 351

Thác bản bia sưu tầm tại đình làng Hạ Đình xã Nhân Mục Cựu huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 48 x 78 cm, gồm 18 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 18 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Minh Mệnh thứ 3 (1822).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà Tô Thị Hựu là vợ ông Câu Kê Chiêm Ân từ họ Nguyễn đã quá cố, cúng cho thôn 160 quan tiền dùng vào việc chung và số ruộng kị điền là 2 mẫu 3 sào. Dân làng nhớ ơn, tôn bàu ông bà làm Hậu thần, định lệ cúng giỗ hàng năm. Số ruộng trên giao cho dân cày cấy, hàng năm thu lợi tức là 9 quan 2 mạch tiền để mua sắm lễ vật cúng giỗ.

Thượng thư Tể tướng công/Từ đường bi kí

尚書宰相公/祠堂碑記

Kí hiệu: 352/355

Thác bản bia suu tầm tại nhà thờ họ Nguyễn xã Kim Lũ huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 46 x 75 cm, gồm 27 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 900 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Chiêu Thống thứ 3 (1789).

Người soạn: Nguyễn Huy Túc 阮輝宿; chức vị: Lại bộ Tả thị lang; tước Tô Phái hầu.

Chủ đề: Hành trạng, công tích nhân vật.

Tóm lược nội dung:

Tiểu sử quan Thượng thư, Tể tướng Nguyễn Công Thái. Ông sinh năm Giáp Tý (1864), 19 tuổi trúng Giải nguyên, 32 tuổi đỗ Tiến sĩ khoa Ất Mùi (1715), trải qua nhiều chức vị quan trọng như Công bộ Hữu thị lang, Lại bộ Tả thị lang rồi Tham tụng, Lại bộ Thượng thư, tước Kiêu Quận công. Ông có nhiều công lao với triều đình, đất nước; từng đấu tranh ngoại giao để lấy lại được mỏ đồng ở Tuyên Quang giáp với Trung Quốc; hoặc dẹp được nội biến do Thực Bào làm phản. Ông mất năm Mậu Dần (1758), được tặng Thái tử Thái bảo. Ông sinh được 9 người con trai và 11 người con gái.

Ngoại tổ tự hiệu

外祖字號

Kí hiệu: 353

Thác bản bia suu tầm tại từ đường họ Nguyễn xã Kim Lũ huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 41x 60 cm, gồm 13 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 180 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 8 (1747).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Gia phả, lai lịch dòng họ.

Tóm lược nội dung:

Ghi tên tự, hiệu và ngày giỗ của ông bà tổ nuôi, ông bà tổ ngoại của họ Nguyễn, như dưỡng tổ là ông Phúc Độ và bà Từ Nhân, ông Phúc Quảng và bà Từ Đức; ngoại tổ là ông Phúc Nhân và bà Từ Lan, Phúc An và bà Từ Hậu.

Hậu thần bi kí

後神碑記

Kí hiệu: 354

Thác bản bia thôn Hạ Đình xã Nhân Mục Cựu huyện Thanh Trì 青池縣仁睦舊社下亭村, sưu tầm tại đền Hạ Đình xã Nhân Mục huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 46 x 66 cm, gồm 14 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 280 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: không ghi.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Bia khắc các điều cam kết về việc ông Trương Thư, người trong làng cúng cho giáp Dịch Ngọ thôn Hạ Đình 60 quan tiền cổ và 1 mẫu 1 sào 2 thước ruộng. Giáp tôn bàu ông, cùng cha mẹ ông làm Hậu thần và quy định nghi lễ cúng giỗ hàng năm.

Hậu kị bi kí

後忌碑記

Kí hiệu: 356

Thác bản bia thôn Hạ Đình xã Nhân Mục Cựu huyện Thanh Trì 青池縣仁睦舊社下亭村, sưu tầm tại đền Hạ Đình xã Nhân Mục Cựu huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 37x 50 cm, gồm 12 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 180 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: không ghi.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Ông Ngô Nguyễn Trần và vợ là bà Lê Thị Bi cúng 46 quan thanh tiền cho bản giáp để tu sửa đình. Dân trong giáp tôn bàu ông bà làm Hậu thân, định lệ cúng giỗ hàng năm. Có bài minh.

Hậu thân bi kí

后神碑記

Kí hiệu: 357

Thác bản bia thôn Hạ Đình xã Nhân Mục Cựu huyện Thanh Trì phủ Thường Tín 常信府青池縣仁睦舊社下亭村, sưu tầm tại đền Hạ Đình xã Nhân Mục Cựu huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 69 x 113 cm, gồm 20 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 260 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Gia Long thứ 10 (1811).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà Trương Thị Diễm vợ của vị Tú tài họ Đặng, người trong thôn, cúng 100 quan tiền và 10 sào ruộng cho thôn để chi dùng việc chung. Dân thôn tôn bàu vợ chồng bà làm Hậu thân, cúng giỗ theo nghi thức.

Bi kí

碑記

Kí hiệu: 358

Thác bản bia thôn Hạ Đình xã Nhân Mục Cựu huyện Thanh Trì phủ Thường Tín 常信府青池縣仁睦舊社下亭村, sưu tầm tại đền Hạ

Đình xã Nhân Mục Cựu huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 31 x 46 cm, gồm 13 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 200 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: không ghi.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà Hoàng Thị Lê cúng cho giáp Dịch Ngộ thôn Hạ Đình xã Nhân Mục Cựu 50 quan tiền và 10 sào ruộng. Dân trong giáp tôn bàu cha mẹ bà làm Hậu thân. Định lệ cúng giỗ theo nghi thức.

Nội tổ tự hiệu

內祖字號

Kí hiệu: 359

Thác bản bia sưu tầm tại từ đường họ Nguyễn xã Kim Lũ huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 41x 60 cm, gồm 11 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 210 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 8 (1747).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Gia phả, lai lịch dòng họ.

Tóm lược nội dung:

Ghi tên tự, hiệu của các vị tổ tiên họ Nguyễn, như ông Phúc Chân và bà Từ Tại, ông Phúc Tâm và bà Từ Thục, ông Phúc Nghiêm và bà Thục Mĩ.

Nghĩa Phê tạo đình bi kí/Đệ nhất Đông Các giáp bi

義批造亭碑記/第一東閣甲碑

Kí hiệu: 360/361

Thác bản bia giáp Đông Các phường Thịnh Quang huyện Quảng Đức phủ Phụng Thiên 奉天府廣德縣盛光坊東閣甲, sưu tầm tại đình

Đông Các phường Thịnh Hào tổng Yên Hạ huyện Hoàn Long.

Thác bản 2 mặt, khổ 60 x 105 cm, gồm 27 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 450 chữ, có hoa văn, có chữ húy: Tân 麟.

Niên đại: Chính Hòa thứ 13 (1692).

Người soạn: Nguyễn [Danh Nho] 阮名儒; quê quán: xã Nghĩa Phú huyện Cẩm Giàng; học vị: Tiến sĩ khoa Canh Tuất (1670); chức vị: Bồi tụng, Binh bộ Tả thị lang; tước Thạch Giang tử.

Người viết chữ: Nguyễn Năng Nhậm 阮能任; học vị: Thụ toán khoa Ất Mão; chức vị: Lại khoa nha môn Đô lại.

Chủ đề: - Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Năm Nhâm Thân, quan viên hương lão giáp Đông Các cùng các chức sắc trong phường bỏ tiền của, mua sắm gỗ lạt sửa chữa, lợp ngói 5 gian đình cũ cho đẹp đẽ, khang trang hơn. Bia ca tụng phong tục tốt đẹp và ý nghĩa của ngôi đình đối với đời sống dân làng. Mặt sau kê tên người cung tiến tiền của vào việc xây dựng.

Đông Các đệ nhất giáp/Mĩ Phê tạo đình bi/Cao Sơn Tây Hưng miếu/Hưng công viên danh đẳng

東閣第一甲/美批造亭碑/高山西興廟/興功員名等

Kí hiệu: 362/363/364/365

Thác bản bia giáp Đông Các phường Thịnh Quang huyện Quảng Đức phủ Phụng Thiên 奉天府廣德縣盛光坊東閣甲, suu tâm tại đình Đông Các phường Thịnh Hào huyện Hoàn Long tỉnh Hà Nội.

Thác bản 4 mặt, khổ 49 x 125 cm, gồm 55 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1500 chữ, có hoa văn, có chữ húy: Tân 麟.

Niên đại: Chính Hòa Kì Tị (1689).

Người soạn: Đỗ [Công Quỳnh] 杜公瓊; quê quán: xã Hoa Lâm huyện Đông Ngàn phủ Từ Sơn; học vị: Tiến sĩ khoa Ất Sửu (1685); chức

vị: Cần sự lang, Giám sát Ngự sử đạo Thanh Hoa.

Người viết chữ: Trương Bá Công 張伯功; chức vị: Thị nội Thư tả Bình phiên; tước Quế Đường nam.

Chủ đề: - Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Đình Đông Các là nơi phụng thờ bốn vị thần là Cao Sơn Đại vương, Bạch Mã Phương dung Hoàng Thái hậu, Tây Hưng Đại vương và Bào Hoa công chúa. Đình nguyên là ngôi nhà tranh ở xứ Cầu Dừa. Năm Kỉ Tị (1689), quan viên Hội Mĩ Phê hợp sức cùng Hội Nghĩa Khê tiến hành trùng tu lại đình thành ngôi đình 5 gian lợp ngói, quy mô khang trang. Bia ca ngợi sinh hoạt làng xã xung quanh ngôi đình và ghi tên những người đóng góp vào việc trùng tu.

Phụng sự Hậu phật bi kí

奉事後佛碑記

Kí hiệu: 366/370

Thác bản bia huyện Thọ Xương 壽昌縣, sưu tầm tại chùa Kim Yên phường Xã Đàn tổng Yên Hạ huyện Hoàn Long.

Thác bản 2 mặt, khổ 58 x 104 cm, gồm 34 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 800 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Chính Hòa thứ 20 (1699).

Người soạn: Vũ [Thạnh] 武晟; quê quán: xã Đan Luân huyện Đường An phủ Thượng Hồng, Hải Dương; học vị: Tiến sĩ cập đệ khoa Ất Sửu; chức vị: Bồi tụng Hồng Lô tự khanh.

Người viết chữ: họ Ngô; quê quán: xã Động Bàng huyện Yên Định phủ Thiệu Thiên.

Người khắc: họ Hoàng, quê quán: xã Kính Chủ; thợ đá.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Hành trạng, công tích nhân vật.

Tóm lược nội dung:

Bà Vũ Thị Quyền người phủ Thượng Hồng xứ Hải Dương, là người nhân từ, luôn làm điều thiện, từng bỏ tiền đào giếng, xây cầu, trồng cây, đúc chuông chùa và chu cấp giúp đỡ người nghèo khó. Nay bà lại cúng cho chùa Kim Yên 50 quan tiền sử để sửa chùa và 10 quan tiền sử để chuộc lại 3 mẫu ruộng tam bảo bị cầm cố. Dân trong phường tôn bà làm Hậu phật, lập điều ước cam kết nghi thức cúng giỗ.

Kí kị bi kí

寄忌碑記

Kí hiệu: 367

Thác bản bia phường Xã Đàn tổng Yên Hạ huyện Thọ Xương phủ Hoài Đức 懷德府壽昌縣安下總社壇坊, suru tằm tại chùa Kim Yên phường Xã Đàn huyện Hoàn Long.

Thác bản 1 mặt, khổ 54 x 68 cm, gồm 17 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 420 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Tự Đức thứ 30 (1877).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Phường Xã Đàn cần nhiều kinh phí để sửa chữa ngôi đình nên tổ chức quyên góp tiền và ruộng để cho gửi giỗ vào chùa Kim Yên. Bà Trần Thị Quy lấy chồng người nước Thanh, chưa có con thì chồng chết, nhưng vẫn ở vậy nuôi dưỡng cha mẹ chồng. Nhân dịp này, bà đã cúng 5 sào ruộng để xin gửi giỗ cho cha mẹ mình và chồng, cùng một số người khác trong gia đình. Bia khắc tên 12 người được gửi giỗ.

Kí kị bí kị

寄忌碑記

Kí hiệu: 368

Thác bản bia phường Xã Đàn tổng Yên Hòa tỉnh Hà Nội 河內省安和總社壇坊, sưu tầm tại chùa Kim Yên phường Xã Đàn huyện Hoàn Long.

Thác bản 2 mặt, khổ 78 x 88 cm, gồm 24 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 600 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Quang Tự thứ 15 nhà Thanh (1889).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bấu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Hành trạng, công tích nhân vật.

Tóm lược nội dung:

Bà Đinh Tuấn Nhã, vợ của vị họ Bành, quê ở huyện Nam Hải phủ Quảng Châu, Trung Quốc, bỏ tiền mua 8 sào 10 thước ruộng ở phường Xã Đàn để đặt phần mộ cho người thân và dành riêng 7 sào cúng vào chùa Kim Yên để xin gửi giỗ cho họ hàng, chú bác, cô dì, nội ngoại. Ghi tên húy hiệu, ngày giỗ của người gửi giỗ.

Kim Yên tự Hậu phát bi

金鞍寺後佛碑

Kí hiệu: 369/372

Thác bản bia phường Xã Đàn huyện Thọ Xương phủ Phụng Thiên 奉天府壽昌縣社壇坊, sưu tầm tại chùa Kim Yên phường Xã Đàn huyện Hoàn Long.

Thác bản 2 mặt, khổ 57 x 87 cm, gồm 29 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 550 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Vĩnh Trị thứ 1 (1676).

Người soạn: Phạm Nhật Huy 范日輝; quê quán: xã Đào Xá huyện Đường An phủ Thượng Hồng; chức vị: Hàn lâm viện Hiệu lí.

Người viết chữ: Phạm Nhật Minh 范日明; quê quán: phường Công Bộ huyện Quảng Đức; chức vị: Thị thư Tả tướng thần.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Ông Phạm Công Phùng cùng các con cúng 1 thửa ao 5 sào cho phường Xã Đàn để bản phường sửa gác chuông và xin lập gửi Hậu cho vợ là bà họ Nguyễn hiệu Diệu Hương, tôn bầu bà làm Hậu phật lập cam kết cúng giỗ bà tại chùa Kim Yên. Có bài minh 14 câu.

Kí kị bí kị

寄忌碑記

Kí hiệu: 371

Thác bản bia sưu tầm tại chùa Kim Yên phường Xã Đàn tổng Yên Hạ huyện Hoàn Long.

Thác bản 1 mặt, khổ 58 x 80 cm, gồm 12 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 500 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Thành Thái thứ 11 (1899).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Người nhà họ Nguyễn ở bản phường cúng 100 quan thanh tiền và 3 sào ruộng để phường sửa chùa Kim Yên, đồng thời xin gửi giỗ cho bà họ Nguyễn hiệu Diệu Thuận cùng cha mẹ. Nhà chùa chấp thuận, dựng bia ghi tên người cúng giỗ và định lệ nghỉ thức cúng giỗ.

Trùng tu Xã Đàn phường Kim Yên tự bí kị

重修社壇坊金鞍寺碑記

Kí hiệu: 373/374/375/376

Thác bản bia phường Xã Đàn huyện Thọ Xương phủ Hoài Đức nước Đại Việt 大越國懷德府壽昌縣社壇坊, sưu tầm tại chùa Kim Yên phường Xã Đàn huyện Hoàn Long, Hà Nội.

Thác bản 4 mặt, khổ 20 x 34 cm, gồm 32 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 650 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: không ghi rõ.

Niên đại ước đoán: đời Nguyễn.

Người viết chữ: tên hiệu: Thanh Chiếu thiền sư 淸照禪師.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Chùa Kim Yên là danh lam cổ tích. Trải năm tháng, chùa hư hỏng nhiều. Nay nhà sư trụ trì chùa, tự Giác Lâm đứng ra tu sửa. Công việc hoàn thành, dựng bia ghi tên những vị hưng công, hội chủ tham gia đóng góp vào việc trùng tu.

[Vô đề]

Kí hiệu: 377

Văn bản sưu tầm tại đình Đông Các phường Thịnh Hào tổng Yên Hạ huyện Hoàn Long, Hà Nội.

Văn bản 1 mặt, khổ 27 x 31 cm, gồm 5 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 40 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: không rõ.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Chép lại dòng lạc khoản khắc trên thượng lương đình Đông Các là “Chính Hòa Kỉ Tị hạ lục nhật tân tạo; Hàm Nghi Ất Dậu thu thất nguyệt trùng tu”, nghĩa là: Đình được làm mới vào năm Chính Hòa Kỉ Tị (1689), trùng tu vào năm Hàm Nghi Ất Dậu (1885).

Ghi chú: Chữ viết trên giấy, không phải thác bản.

Kí kị bi

寄忌碑

Kí hiệu: 378

Thác bản bia thôn Trung trại Yên Lăng 安朗砦中村, sưu tầm tại đình Nam Đồng trại Nam Đồng tổng Yên Hạ huyện Hoàn Long, Hà Nội.

Thác bản 1 mặt, khổ 30 x 50 cm, gồm 12 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 300 chữ, không có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Thành Thái thứ 13 (1901).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Bà Hoàng Thị Cỏ cúng 50 quan tiền cho trại Nam Đồng để chi dùng vào việc xây dựng điện Nam Công của đình Nam Đồng. Toàn dân trong trại thuận tình trích ra 1 sào ruộng của trại cho luân phiên canh tác thu thuế để cúng giỗ bà hàng năm và cho cha mẹ bà cùng được phối hưởng.

Hậu thần bi

后神碑

Kí hiệu: 379

Thác bản bia trại Nam Đồng huyện Quảng Đức phủ Phụng Thiên 奉天府廣德縣南同砦, sưu tầm tại đình Nam Đồng tổng Yên Hạ huyện Hoàn Long.

Thác bản 1 mặt, khổ 32 x 49 cm, gồm 12 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 280 chữ, không có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: năm Bính Thìn.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Tháng giêng năm Đinh Mùi, Trại trưởng Nguyễn Đình Khanh cùng chức sắc trong trại tôn bầu bà họ Nguyễn, hiệu Diệu Mẫn làm Hậu thần. Bà đã cúng cho trại 35 quan tiền và 1 cái ao để chi dùng vào việc chung. Định lệ cúng giỗ hàng năm lễ vật trị giá 2 quan 5 mạch tiền.

[Vô đề]

Kí hiệu: 380

Thác bản bia trại Nam Đồng huyện Quảng Đức phủ Phụng Thiên 奉天府廣德縣南同砦, sưu tầm tại đình Nam Đồng trại Nam Đồng tổng Yên Hạ huyện Hoàn Long.

Thác bản 1 mặt, khổ 30 x 45 cm, gồm 13 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 250 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 17 (1756).

Người soạn và viết: Trần Hữu Tồ 陳有榛; chức vị: Quản giám.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Bà Trần Thị Cối cúng cho trại 15 quan tiền, cùng 2 cái ao và 1 mảnh vườn, trồng nhiều cây cau để ban trại chi dùng vào việc chung. Toàn trại ghi ơn, tôn bầu bà làm Hậu thần. Định lệ cúng giỗ hàng năm, gồm 1 thủ lợn, 1 mâm xôi, 1 vò rượu, vàng mã, cau trầu đủ dùng.

[Vô đề]

Kí hiệu: 381

Thác bản bia sưu tầm tại đình Nam Đồng tổng Yên Hạ huyện Hoàn Long.

Thác bản 1 mặt, khổ 40 x 57 cm, gồm 12 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 220 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Tự Đức thứ 22 (1869).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Bà họ Trần người trại Nam Đồng, rất đảm đang trong gia đình, lại thường tu niệm kinh Phật, hay làm điều thiện. Bà cúng cho trại một số tiền để tu sửa đền miếu và 4 sào ruộng để xin gửi giỗ ở Hội Tư văn. Toàn dân trong trại chấp thuận, định lệ cúng lễ 2 giỗ mỗi năm, mỗi giỗ gồm 1 thủ lợn, 1 mâm xôi.

[Vô đề]

Kí hiệu: 382

Thác bản bia trại Nam Đồng tổng Hạ huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức tỉnh Hà Nội 河南省懷德府永順縣下總南同寨, sưu tầm tại đình trại Nam Đồng tổng Yên Hạ huyện Hoàn Long.

Thác bản 1 mặt, khổ 45 x 80 cm, gồm 20 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 580 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Minh Mệnh thứ 17 (1836).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Bà Nguyễn Thị Đích quê ở xã Hoạch Trạch huyện Đông An phủ Bình Giang tỉnh Hải Dương, trú quán tại giáp Nam phường Đồng Xuân, lấy chồng làm quan đến chức Tham tri. Năm Bính Thân trại sửa đình, bà cúng 300 quan tiền, 3 sào ruộng, 1 thửa ao 3 sào và 5 sào đất cho trại sử dụng và gửi giỗ. Toàn dân trong trại ghi ơn, nhận cúng cha mẹ và bản thân bà. Định lệ cúng giỗ hàng năm.

Hậu thần bi kí

后神碑記

Kí hiệu: 383/384

Thác bản bia trại Nam Đồng huyện Quảng Đức phủ Thuận Thiên 順天府廣德縣南同砦, sưu tầm tại đình trại Nam Đồng tổng Yên Hạ huyện Hoàn Long.

Thác bản 2 mặt, khổ 60 x 93 cm, gồm 29 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 600 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 32 (1771).

Người soạn: Nguyễn Đình Giản 阮廷簡; chức vị: Giám sát Ngự sử đạo Sơn Tây.

Người viết chữ: tên tự: Đạo Tuy; đạo sĩ.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gùi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Ông Đỗ Danh Ngân, người huyện Thanh Chương phủ Đức Quang châu Hoan Diễn, làm quan đến chức Chánh đội trưởng, đóng ở Kinh kì. Vì hâm mộ đất Nam Đồng, nên cho cất nhà ở đây để ở và coi như quê hương mình. Ông bỏ ra 200 quan tiền, trong đó 100 quan tiền để xây một ngôi đình, còn 100 quan để mua 2 mẫu ruộng cho làng. Dân làng vô cùng quý trọng, tôn bàu vợ chồng ông làm Hậu thần. Định lệ cúng giỗ hàng năm.

[Vô đề]

Kí hiệu: 385/393

Thác bản bia sưu tầm tại đền Hạ Đình xã Nhân Mục tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 21 x 32 cm, gồm 13 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 230 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Gia Long thứ 15 (1816).

Người soạn: chức vị: Cự Hộ bộ tư vụ; tước hiệu: Sán Đức nam.

Chủ đề: Hành trạng, công tích nhân vật.

Tóm lược nội dung:

Ghi bài vị của ba vị Hậu thần là ông Nguyễn Quý công, hiệu Phúc Hiên cùng hai người vợ là Phạm quý thị, hiệu Từ Thuận và Lê quý thị, hiệu Diệu Nghi. Có chữ kí tên của chức sắc trong giáp.

Hậu thần bi kí

后神碑記

Kí hiệu: 386

Thác bản bia thôn Hạ Đình xã Nhân Mục Cự huyện Thanh Trì 青池縣仁睦舊社下亭村, sưu tầm tại đền Hạ Đình xã Nhân Mục Cự tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 27 x 45 cm, gồm 16 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 120 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Gia Long thứ 8 (1809).

Người soạn: Nguyễn Đình Cẩn 阮廷瑾; quê quán: thôn Hạ Đình.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Bà Nguyễn Thị Nhạ, người giáp Đông Trung đã ngoài 50 tuổi, vì lo việc hậu sự, nên đã xuất 20 quan tiền giao cho giáp chỉ dùng vào việc chung và 10 sào ruộng để xin làm Hậu thần. Dân trong giáp chấp thuận, tôn bàu bà làm Hậu thần lập điều ước cam kết cúng giỗ hàng năm.

Dịch Ngọ giáp bi kí

奕午甲碑記

Kí hiệu: 387

Thác bản bia thôn Hạ Đình xã Nhân Mục Cự huyện Thanh Trì 青池縣仁睦舊社下亭村, sưu tầm tại đền Hạ Đình xã Nhân Mục Cự tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 20 x 47 cm, gồm 15 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 240 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Tự Đức thứ 18 (1865).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Bà họ Tô hiệu Thục Ý có chồng là ông Nguyễn Duy Phiên mất sớm, ở vậy nuôi con gái. Năm Minh Mệnh thứ 3 (1822) nhân khi giáp Dịch Ngọ có việc cần chi tiêu, bà đã cúng cho giáp 30 quan tiền. Cảm ân đức gia đình bà, giáp đồng lòng tôn bàu chồng bà làm Hậu thần. Bà nhân đó đặt 1 mẫu ruộng làm ruộng kị điền. Sau đó bà qua đời. Đến năm Ất Sửu (1865) con gái của bà là Nguyễn Thị Hai đã cúng cho giáp 40 quan tiền để cứu đói, đồng thời đặt 5 sào ruộng cho giáp làm ruộng kị điền cúng giỗ bà. Dân giáp lập văn tự cam kết các nghi lễ cúng giỗ.

Kí kị bì kí

寄忌碑記

Kí hiệu: 388

Thác bản bia sưu tầm tại xã Nhân Mục Cựu tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 45 x 60 cm, gồm 14 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 250 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Tự Đức thứ 31 (1878).

Người soạn: Lê Đình Diên 黎廷延, tên tự: Cúc Hiên; học vị: Tiến sĩ khoa Canh Tuất (1850); chức vị: Hàn lâm Thị độc.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Bà họ Đỗ vợ ông Tú tài họ Bùi hiệu Mậu Phủ cùng các con cúng 19.200 tiền để dùng vào việc thờ phụng tôn thần và đặt 3 mẫu 6 sào

ruộng xin gửi giỗ cha mẹ chồng và vợ chồng bà. Định lệ cúng giỗ mỗi giỗ 1 con lợn, 1 mâm xôi, cau trầu đủ dùng.

Hậu thần bi kí

后神碑記

Kí hiệu: 389

Thác bản bia thôn Hạ Đình xã Nhân Mục Cựu huyện Thanh Trì phủ Thường Tín 常信府青池縣仁睦舊社下亭村, sưu tầm tại đền thôn Hạ Đình xã Nhân Mục Cựu tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 30x 45 cm, gồm 12 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 190 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Cảnh Thịnh Tân Dậu (1801).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Bà Trương Thị Quỳnh, người trong thôn tuổi đã 70, để lo việc hậu sự đã hiến 10 sào ruộng tốt và 50 quan tiền xin làm Hậu thần. Bốn giáp trong làng ghi ơn bà, nhận tôn bàu bà làm Hậu thần, định lệ cúng giỗ về sau.

Kí kỵ bi kí

寄忌碑記

Kí hiệu: 390

Thác bản bia thôn Hạ Đình xã Nhân Mục Cựu huyện Thanh Trì 青池縣仁睦舊社下亭村, sưu tầm tại đền thôn Hạ Đình xã Nhân Mục Cựu tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 30 x 42 cm, gồm 14 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 220 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Tự Đức thứ 31 (1878).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Từ năm Kỷ Sửu (1829) nhân khi giáp Đông Trung tu sửa đình bị thiếu tiền, bà họ Nguyễn hiệu Từ Khiêm, người trong giáp cúng 40 quan tiền để giáp chi dùng. Sau đó bà lại cúng hơn 5 sào ruộng tốt để gửi giỗ. Ban giáp nhận cúng giỗ bà theo nghi thức.

[Vô đề]

Kí hiệu: 391

Thác bản bia giáp Đông Trung thôn Hạ Đình xã Nhân Mục Cựu huyện Thanh Trì phủ Thường Tín 常信府青池縣仁睦舊社下亭村東中甲, sưu tầm tại đền thôn Hạ Đình xã Nhân Mục Cựu tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 39 x 58 cm, gồm 15 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 290 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: không ghi.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Bà Hoàng Thị Chút hiến 30 quan tiền và 7 sào ruộng tốt cho giáp Đông Trung sửa chữa đình. Toàn dân trong giáp tôn bầu bà và chồng bà là ông Lê Đình Dã làm Hậu thần. Bia ghi ngày giỗ và các xứ ruộng.

Kí kị bi kí

寄忌碑記

Kí hiệu: 392

Thác bản bia thôn Hạ Đình xã Nhân Mục Cựu tổng Khương Đình

huyện Thanh Trì tỉnh Hà Nội 河南省青池縣姜亭總仁睦舊社下亭村, sưu tầm tại đền thôn Hạ Đình xã Nhân Mục Cự tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 32 x 43 cm, gồm 14 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 260 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Tự Đức thứ 33 (1880).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Bản thôn sửa chữa cột đình, chi phí còn thiếu nhiều. Ông Trương Văn Dật hiến 220 quan tiền và 1 mẫu 4 thước 6 tấc ruộng để làng chi dùng. Bản thôn giao ước sẽ cúng giỗ ông. Có quy định lễ vật cúng giỗ và ghi lại các xứ ruộng.

Hậu thần bi kí

後神碑記

Kí hiệu: 394

Thác bản bia thôn Hạ Đình xã Nhân Mục Cự huyện Thanh Trì phủ Thường Tín 常信府青池縣仁睦舊社下亭村, sưu tầm tại đền thôn Hạ Đình xã Nhân Mục Cự tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 58 x 74 cm, gồm 21 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 600 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: không ghi.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà Phạm Thị Tư là vợ của vị Huyện thừa huyện Hoàn Bô họ Đoàn đã quá cố, nhân khi được quan viên hương lão bản thôn đến nhà tôn bàu bà làm Hậu thần, bà đã bỏ ra 100 quan tiền và 20 sào ruộng cho thôn chi dùng việc công. Bản thôn lập điều ước định lệ cúng giỗ.

Phương Đình chí đạo tiên sinh thần đạo bi

方亭志道先生神道碑

Kí hiệu: 395/396

Thác bản bia xã Kim Lũ huyện Thanh Trì 青池縣金縷社, sưu tầm tại đền Phương Đình xã Kim Lũ tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 70 x 130 cm, gồm 40 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1800 chữ, không có hoa văn, không có chữ huy.

Niên đại: Thành Thái thứ 6 (1894).

Người soạn: Nguyễn Trọng Hợp 阮仲合; học vị: Tiến sĩ khoa Ất Sửu; chức vị: Văn minh Đại học sĩ, Cơ mật viện đại thần, Quốc sử quán Tổng tài; tước Vĩnh Trung tử.

Người viết chữ: Đào Vĩnh Ngôn 陶永言; chức vị: Thư tả.

Người khắc: Nguyễn Văn Hướng 阮文向; quê quán: xã Xuân Lôi; thợ đá.

Chủ đề: Hành trạng, công tích nhân vật.

Tóm lược nội dung:

Bia Thần đạo của Nguyễn Văn Siêu do các học trò của ông dựng bia. Ông tự Tồn Ban, hiệu Phương Đình, thụy Chí Đạo. Ông là con trưởng, lúc mới sinh đã rất khác thường. Lớn lên thông minh xuất chúng, theo học thầy Phạm Quý Thích, thi đỗ Phó bảng năm Minh Mệnh 19 (1838), làm quan đến chức Án sát sứ, đi sứ nhà Thanh. Ông nổi tiếng về tài văn chương, có nhiều học trò thành đạt. Kê tên các học trò trường Giang Nguyên đứng ra dựng bia, như Nguyễn Trọng Hợp, Trần Lưu Tuệ, Vũ Cẩn, Nguyễn Chất v.v...

Dịch Ngọ bi kí

奕午碑記

Kí hiệu: 397

Thác bản bia thôn Hạ Đình xã Nhân Mục Cựu huyện Thanh Trì 青池縣仁睦舊社下亭村, sưu tầm tại đền Hạ Đình xã Nhân Mục Cựu tổng Khương Đình tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 34 x 59 cm, gồm 10 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 220 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Tự Đức thứ 25 (1872).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Bà họ Phương là vợ của ông Nguyễn Hữu Ngọc cùng với con rể cúng cho giáp Dịch Ngọ 30 quan tiền, 5 sào ruộng để xin gửi giỗ cho ông. Bản giáp chấp thuận, khắc bia ghi húy hiệu, ngày giỗ và định lệ cúng giỗ hàng năm.

Kí kị Lê giáp

寄忌黎甲

Kí hiệu: 398

Thác bản bia thôn Hạ Đình xã Nhân Mục Cựu huyện Thanh Trì phủ Thường Tín 常信府青池縣仁睦舊社下亭村, sưu tầm tại đền Hạ Đình xã Nhân Mục Cựu tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 34 x 57 cm, gồm 7 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 130 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Đồng Khánh thứ 2 (1887).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Bà họ Nguyễn hiệu Từ Thiện, người giáp Lê, cúng 36 quan tiền và 7 sào ruộng cho giáp để xin gửi giỗ cho chồng và bản thân. Bản giáp ghi nhận cho khắc lên bia họ tên, ngày giỗ để cúng giỗ hàng năm.

Hậu thần bi kí

后神碑記

Kí hiệu: 399/400

Thác bản bia sưu tầm tại đền Hạ Đình xã Nhân Mục Cự tổng
Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 28 x 51 cm, gồm 9 dòng chữ Hán, toàn văn ước
khoảng 100 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Gia Long thứ 16 (1817).

Người viết chữ: Nguyễn Huy Phái 阮輝派; chức vị: Thị nội Thư tả,
Binh phiên.

Chủ đề: Hành trạng, công tích nhân vật.

Tóm lược nội dung:

Bài vị của hai Hậu thần làng là ông Nguyễn Phúc Hậu và vợ là
Nguyễn Từ Thuần. Có quan viên, hương lão, chức sắc trong xã kí nhận.

Trung nhất giáp bi kí

中壹甲碑記

Kí hiệu: 401

Thác bản bia giáp Trung Nhất thôn Hạ Đình xã Nhân Mục Cự tổng
Khương Đình huyện Thanh Trì phủ Thường Tín 常信府青池縣姜
亭總仁睦舊社下亭村中壹甲, sưu tầm tại đình xã Nhân Mục Cự
tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 40 x 62 cm, gồm 18 dòng chữ Hán, toàn văn ước
khoảng 360 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Tự Đức thứ 9 (1856).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Ông Tô nhị lang, tự Thọ Bằng chồng bà Nguyễn Thị Ước là người

hiền hậu chẳng may bị mất sớm, lại không có con cái. Bà Ước tuy còn trẻ, nhưng vẫn thủ tiết thờ chồng. Năm Giáp Dần (1854) nhân khi bản giáp cần tiền tu sửa đình, bà liền hiến tiền và 1 mẫu ruộng tốt. Bản giáp nhớ ơn bà cam kết cúng giỗ chồng bà theo lệ.

Kí kị bi kị

寄忌碑記

Kí hiệu: 402

Thác bản bia thôn Hạ Đình xã Nhân Mục Cựu huyện Thanh Trì 青池縣仁睦舊社下亭村, sưu tầm tại đền Hạ Đình xã Nhân Mục Cựu tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 32 x 50 cm, gồm 17 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 230 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Tự Đức thứ 31 (1878).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậ, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Hai bà vợ của ông Trương Công Dật là bà chính thất Nguyễn Thị Tín và bà thứ thất Nguyễn Thị Sáu, cúng cho giáp Lê 36 quan tiền và 1 mẫu ruộng tốt để xin gửi giỗ cho bản thân hai bà. Bản giáp chấp thuận và quy định lệ cúng giỗ.

[Vô đề]

Kí hiệu: 403

Thác bản bia sưu tầm tại đền Hạ Đình xã Nhân Mục Cựu tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 26 x 56 cm, gồm 6 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 41 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: không ghi.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Mặt sau của 1 tấm bia 2 mặt, chỉ ghi niên đại “Hoàng triều vạn vạn niên, long tập Giáp Ngọ trọng xuân cát nhật lập bi” và kí nhận của các vị Lão bản Trương Bá Nhậm, Tồi bản Trương Bá Ấn...

Trung Nhất giáp bi kí

中壹甲碑記

Kí hiệu: 404

Thác bản bia thôn Hạ Đình xã Nhân Mục Cựu tổng Khương Đình huyện Thanh Trì phủ Thường Tín tỉnh Hà Nội 河南省常信府青池縣姜亭總仁睦舊社下亭村, sưu tầm tại đình xã Nhân Mục Cựu tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 35 x 54 cm, gồm 14 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 300 chữ, không có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Đinh Tị.

Niên đại ước đoán: thời Nguyễn.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Bà Nguyễn Thị Hoàn, người trong giáp nhân khi bản giáp tu bổ miếu, bà cúng 60 quan tiền để giáp chi dùng và 6 sào ruộng kị điền (trong đó gồm 1 sào ruộng 5 sào nộp thay bằng tiền 90 quan) để xin gửi giỗ. Bản giáp định lệ cúng giỗ.

Hậu thần bi kí

後神碑記

Kí hiệu: 405

Thác bản bia thôn Hạ Đình xã Nhân Mục Cựu huyện Thanh Trì phủ Thường Tín 常信府青池縣仁睦舊社下亭村, sưu tầm tại đền Hạ Đình xã Nhân Mục Cựu tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh

Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 40 x 63 cm, gồm 15 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 400 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: không ghi.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Dân giáp Nhất thôn Hạ Đình bầu ông Đặng Tự Thừa vợ kế là Trương Thị Sau là Hậu thân (không nói rõ nguyên nhân). Bia ghi 5 điều lệ liên quan đến việc cúng giỗ Hậu thân.

Hậu thân bi kí

後神碑記

Kí hiệu: 406

Thác bản bia sưu tầm tại đền Hạ Đình xã Nhân Mục Cựu tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 28 x 48 cm, gồm 14 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 200 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: không ghi.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Giáp Đại Đông Trung xã Nhân Mục Cựu tu sửa đình làng, bà Nguyễn Thị Lựu người bản giáp, vì tuổi già không có con, đã cung tiến cho giáp 60 quan sử tiền và hơn 7 sào ruộng gửi giỗ cho bản thân. Bia ghi các điều qui định cúng tế hàng năm và vị trí diện tích các thửa ruộng.

Nhâm Thìn bi kí

壬辰碑記

Kí hiệu: 407

Thác bản bia thôn Hạ Đình xã Nhân Mục Cựu huyện Thanh Trì phủ Thường Tín 常信府青池縣仁睦舊社下亭村, suru tằm tại đền Hạ Đình xã Nhân Mục Cựu tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 36 x 60 cm, gồm 15 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 550 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: năm Nhâm Thìn.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Bà họ Nguyễn vợ ông Trương Công Lỗ là người giáp Lê đã cúng cho bản giáp 30 quan thanh tiền và 1 mẫu ruộng để dùng vào việc công. Bản giáp lập điều ước cam kết cúng giỗ vợ chồng bà theo như thể thức qui định. Ghi vị trí, diện tích các thửa ruộng. Có bài minh.

[Vô đề]

Kí hiệu: 408

Thác bản bia suru tằm tại đền Hạ Đình xã Nhân Mục Cựu tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 58 x 90 cm, gồm 20 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 350 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Tự Đức thứ 32 (1879).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Năm Mậu Dần (1878) bản thôn có việc công phải chi phí rất nhiều, bà Doãn Thị Xuyên ở giáp Lê thôn Hạ Đình đã cúng 300 quan tiền và 1 mẫu 5 sào ruộng cho bản thôn chi phí. Toàn thôn nhớ ơn đã cho bà được lập bia gửi giỗ bên phải đình làng và quy định sửa lễ cúng gia tiên vào ngày sinh nhật của bà và cúng giỗ sau khi bà mất. Ghi vị trí diện tích số ruộng.

Hậu thần bi kí

后神碑記

Kí hiệu: 409

Thác bản bia giáp Dịch Ngộ xã Nhân Mục Cựu huyện Thanh Trì phủ Thường Tín 常信府青池縣仁睦舊社奕午甲, suru tâm tại đền Hạ Đình xã Nhân Mục Cựu tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 45 x 74 cm, gồm 16 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 450 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Minh Mệnh thứ 2 (1821).

Người soạn: họ Nguyễn 阮; chức vị: Đốc học trấn Sơn Tây, Cựu Lê triều Hương tiến; tước Chung Tú bá.

Người viết chữ: Nguyễn Hi Thuyết 阮希說, tên hiệu: Thê Nghi, Thanh Nham chủ nhân.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Đề lại, tước Lãng Đức nam Bùi Đình Ngộ hiệu Nhân Hòa và vợ là Trương Thị Đức hiệu Trang Thục người giáp Dịch Ngộ xã Nhân Mục xin đặt ruộng hậu là 2 mẫu và 100 quan cổ tiền để bản giáp dùng làm việc công. Bản giáp bầu 2 vợ chồng ông là Hậu thần, lập khoán ước thờ cúng vào những ngày giỗ chạp. Có bài minh.

Quang Bình kiều bi kí

光平橋碑記

Kí hiệu: 410/411/412/413

Thác bản bia sưu tầm tại cầu Quang Bình xã Thanh Liệt tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 4 mặt, khổ 38 x 100 cm, gồm 26 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 600 chữ, có hoa văn, có chữ huy: Trần 陳, Tân 陳.

Niên đại: Long Đức thứ 3 (1734).

Người soạn: không ghi.

Người khắc: không ghi.

Người viết chữ: Trịnh Thế Khoa 鄭世科; quê quán: xã Hạ Thanh Oai huyện Thanh Oai; chức vị: Thị nội Thư tả, Thủy binh phiên.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Cầu Quang Bình bắc qua con sông bắt nguồn từ Hồ Tây, nối thông với sông Tô Lịch, trải qua bao năm tháng nên bị mưa nắng làm cho hư hỏng. Nay Vương hậu chúa Trịnh phát tâm bồ đề xuất tiền kho 200 quan cổ tiền để mua gỗ lim, thuê thợ làm lại cầu. Có ghi tên chúa Trịnh Doanh công đức 5 quan cổ tiền. Có bài minh.

Kí kị bi kí

寄忌碑記

Kí hiệu: 414

Thác bản bia sưu tầm tại tiền đường chùa Càn An trại Nam Đồng tổng Yên Hạ huyện Hoàn Long.

Thác bản 1 mặt, khổ 31 x 44 cm, gồm 9 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 120 chữ, không có hoa văn, không có chữ huy.

Niên đại: Tự Đức thứ 22 (1869).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà họ Trần hiệu Diệu Năng người bán trại, là người rất sùng đạo Phật. Năm Kỷ Tị bà tạo một tòa tượng Phật Di Lặc, công việc xong lại mua 1 sào ruộng để gửi giỗ tại chùa.

Hậu phật bi kí

後佛碑記

Kí hiệu: 415

Thác bản bia trại Nam Đồng 南同寨, sưu tầm tại chùa Càn An trại Nam Đồng tổng Yên Hạ huyện Hoàn Long.

Thác bản 1 mặt, khổ 31 x 44 cm, gồm 12 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 200 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Duy Tân. thứ 2 (1908).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà Nguyễn Thị Lự người trại Nam Đồng và bà Nguyễn Thị Mẫn người thôn Quan Thổ tổng Yên Hòa huyện Hoàn Long đã cúng vào chùa Càn An mỗi người 38 đồng và 1 sào ruộng để sửa chùa. Dân trại bầu hai bà là Hậu phật, hàng năm được cúng giỗ tại chùa. Ghi ngày giỗ, vị trí các thửa ruộng.

[Vô đề]

Kí hiệu: 416

Thác bản bia sưu tầm tại tháp thứ nhất chùa Càn An trại Nam Đồng tổng Yên Hạ huyện Hoàn Long.

Thác bản 1 mặt, khổ 20 x 36 cm, gồm 3 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 50 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Minh Mệnh thứ 14.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Hành trạng, công tích nhân vật.

Tóm lược nội dung:

Bài vị nhà sư Ma Ha Tỳ Khưu Ny hiệu Diệu Nhuận người xã Dục Tú huyện Đông Ngàn phủ Từ Sơn trấn Bắc Ninh.

[Vô đề]

Kí hiệu: 417

Thác bản bia sưu tầm tại tháp thứ hai chùa Càn An trại Nam Đồng tổng Yên Hạ huyện Hoàn Long.

Thác bản 1 mặt, khổ 30 x 33 cm, gồm 12 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 160 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Gia Long thứ 11 (1812).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Hành trạng, công tích nhân vật.

Tóm lược nội dung:

Ghi về quá trình tu luyện của nhà sư Bùi Công người ở phủ Thường Tín trấn Sơn Nam, tu hành ở Viện Từ Vân được đắc đạo và siêu thoát nơi cực lạc.

[Vô đề]

Kí hiệu: 418

Thác bản bia trại Nam Đồng tổng Yên Hạ huyện Hoàn Long, Hà thành 河城環龍縣安下總南同寨, sưu tầm tại chùa Càn An trại Nam Đồng tổng Yên Hạ huyện Hoàn Long.

Thác bản 1 mặt, khổ 19 x 33 cm, gồm 10 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 200 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: năm Quý Mão.

Niên đại ước đoán: năm Quý Mão, Thành Thái thứ 15 (1903).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà Đặng Thị Gia hiệu Diệu Phú, đem 1 sào ruộng và 15 đồng cúng vào chùa để gửi giỗ cho cha mẹ cùng người cháu ngoại. Ghi ngày giỗ và vị trí diện tích số ruộng.

[Vô đề].

Kí hiệu: 419

Thác bản bia sưu tầm tại chùa Càn An trại Nam Đồng tổng Yên Hạ huyện Hoàn Long.

Thác bản 1 mặt, khổ 28 x 45 cm, gồm 13 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 250 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Tự Đức thứ 13 (1860).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà Đoàn Thị Lã người ở phường Yên Phụ huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức đem 100 quan tiền và 1 sào ruộng cúng vào chùa Càn An để gửi giỗ cho cha, hai bà mẹ, chồng và em ruột. Ghi tên hiệu, ngày giỗ của từng người.

[Vô đề]

Kí hiệu: 420

Thác bản bia sưu tầm tại chùa Càn An trại Nam Đồng tổng Yên Hạ huyện Hoàn Long.

Thác bản 1 mặt, khổ 12 x 40 cm, gồm 7 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 250 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Tự Đức thứ 14 (1861).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Ông Nguyễn Đình Pháp người trại Nam Đồng và vợ, đem 2 sào ruộng cúng vào chùa Càn An để gửi giỗ cho hai vợ chồng. Ghi ngày giỗ, vị trí ruộng.

Tam bảo chứng minh

三寶證明

Kí hiệu: 421

Thác bản bia trại Nam Đồng tổng Yên Hạ huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức tỉnh Hà Nội 河南省懷德府永順縣安下總南同寨, sưu tầm tại chùa Càn An trại Nam Đồng tổng Yên Hạ huyện Hoàn Long.

Thác bản 1 mặt, khổ 22 x 38 cm, gồm 7 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 150 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: năm Đinh Mùi.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Ưu Bà Di Thị Vạn hiệu Diệu Duyên, người trại Nam Đồng đã cúng vào chùa Càn An 30 quan tiền và 1 sào ruộng để gửi giỗ cho chồng bà ở chùa. Hàng năm đến ngày giỗ nhà chùa biện lễ cúng giỗ.

Viên Quang tháp bi kí

圓光塔碑記

Kí hiệu: 422

Thác bản bia sưu tầm tại tháp thứ ba chùa Càn An trại Nam Đồng tổng Yên Hạ huyện Hoàn Long tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 30 x 33 cm, gồm 12 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 200 chữ, có không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Gia Long thứ 13 (1815).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Hành trạng, công tích nhân vật.

Tóm lược nội dung:

Bài kí trên tháp Viên Quang chùa Càn An về nhà sư họ Bùi, tự Tịch Nghiêm, hiệu An Tâm quê ở xã Quất Động huyện Thượng Phúc phủ Thường Tín.

[Vô đề]

Kí hiệu: 423

Thác bản bia sưu tầm tại chùa Càn An trại Nam Đồng tổng Yên Hạ huyện Hoàn Long tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 48 x 62 cm, gồm 17 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 350 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: năm Bính Thìn.

Niên đại ước đoán: năm Bính Thìn, Cảnh Thịnh 4 (1796).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Hành trạng, công tích nhân vật.

- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Các nhà sư Tịch Nghiêm, Tịch Thông, Tịch Tĩnh... ghi lại tiểu sử của thầy mình là sư Hải Bật Thích Ngân Ngân, người xã Bách Tính huyện Thượng Nguyên phủ Thiên Trường trấn Sơn Nam. Sư là người sớm giác ngộ đạo Phật, sau về trụ trì chùa Càn An. Ông là người tinh thông Phật pháp, có công tu bổ chùa khiến cho dân yên vật thịnh. Năm nay là năm Bính Thìn ông mất, được học trò và thiện tín bản xã hòa táng, thu cốt, xây đặt tại tháp phía tây trong chùa. Có bài minh.

Doanh tạo công đức

營造功德

Kí hiệu: 424

Thác bản bia sưu tầm tại chùa Càn An trại Nam Đồng tổng Yên Hạ huyện Hoàn Long tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 54 x 82 cm, gồm 22 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 400 chữ, có hoa văn, không có chữ huy.

Niên đại: năm Mậu Thân.

Người soạn: không ghi.

Người viết chữ: tước hiệu: Văn Nhuệ nam 文銳男.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Danh sách các quan viên hương lão, lệnh trưởng ở hai giáp Đông và Tây sở Dịch Vọng huyện Quảng Đức phủ Phụng Thiên cùng thiện tín thập phương đóng góp công đức vào chùa Càn An. Trong đó có công tử Phương Quận công Trịnh Tài.

Càn An tự bi/Đông giáp hưng công tạo

乾安寺碑/東甲興功造

Kí hiệu: 425/429

Thác bản bia giáp Đông thôn Nam Đồng sở Dịch Vọng huyện Quảng Đức phủ Phụng Thiên 奉天府廣德縣驛望所南同村東甲, sưu tầm tại chùa Càn An trại Nam Đồng tổng Yên Hạ huyện Hoàn Long tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 140 x 71 cm và 127 x 55 cm, gồm 47 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 2000 chữ, có hoa văn, có chữ huy: Thành巖, Cửu 巖.

Niên đại: Chính Hòa thứ 18 (1697).

Người soạn: Nguyễn Duy Cẩn 阮惟勤; quê quán: huyện Thanh Lâm phủ Nam Sách, Hải Dương; học vị: Giám sinh Quốc tử giám.

Người viết chữ: Hà Đăng Đệ 何登第, tên tự: Pháp Tường; chức vị: Sở trưởng, Thập Lý hầu; tước Phan Long Nam 攀龍男.

- Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Thôn Nam Đồng sở Dịch Vọng có chùa Càn An là danh lam cổ tích, trải qua bao năm tháng mưa nắng nên bị hư hại. Nay dân giáp Đông bản sở cùng hưng công trùng tu thượng điện, tiền đường, gác chuông, tam quan, hành lang, đúc tượng... Bản sở lại mua ruộng cộng là 200 quan cổ tiền. Nay những người trong giáp Đông, tự nguyện đem gia tài cộng là 450 quan cổ tiền và 2050 bát gạo chia làm 900 mâm để mừng công khi hoàn thành. Nhân dịp này một số vị đóng góp công đức được tôn bầu làm Hậu phật ở chùa. Có bài minh.

Hội chủ hưng công tạo Càn An tự bi

會主興功造乾安寺碑

Kí hiệu: 426/427

Thác bản bia giáp Nam thôn Nam Đồng sở Dịch Vọng huyện Quảng Đức phủ Phụng Thiên 奉天府廣德縣驛望所南同寨南甲, sưu tầm tại chùa Càn An trại Nam Đồng tổng Yên Hạ huyện Hoàn Long tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 71 x 60 cm, gồm 80 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 1600 chữ, có hoa văn, không có chữ huy.

Niên đại: năm Đinh Sửu .

Niên đại ước đoán: Chính Hòa thứ 18 (1697).

Người soạn: Lê Hiền Bỏ 黎軒捕; học vị: Quốc tử giám Nho sinh trúng thức.

Người viết chữ: họ Hoàng 黃; chức vị: Huyện thừa huyện La Sơn, Duệ Khuê nam.

- Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Hành trạng, công tích nhân vật.
- Xây dựng, trùng tu di tích.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Chùa Càn An là một danh thắng ở sở Dịch Vọng, nay tiến hành trùng tu. Bia liệt kê danh sách những người thuộc giáp Nam đóng góp công đức để tu sửa lại chùa, trong đó có vị được tôn bâu Hậu phật. Có bài minh.

Ghi chú: Tham khảo thác bản bia số 425/429.

Càn An tự bi kí

乾安寺碑記

Kí hiệu: 428

Thác bản bia sưu tầm tại chùa Càn An trại Nam Đồng tổng Yên Hạ huyện Hoàn Long tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 68 x 105 cm, gồm 25 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 700 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Vĩnh Tộ thứ 3 (1621).

Người soạn: Doãn Quýnh Văn 尹畱文; chức vị: Văn chức chính phủ.

Chủ đề: - Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Chùa Càn An ở thôn Nam Đồng là chốn danh lam cổ tích, trải qua cơn binh hỏa đổ nát, hoang phế. Sau khi Bình An Vương Trịnh Tùng khôi phục lại đất nước, Tạng thống ty Tăng lục viện Nguyễn Nhân, tự Pháp Tạng ở thôn Thượng xã Yên Lãng huyện Thanh Trì đã đứng ra quyên góp tiền của để xây dựng lại chùa đẹp hơn trước. Vào năm Nhâm Tí bản sở hưng công mở rộng di chỉ cũ, đúc tượng bằng đồng, chạm trổ cột kèo... Ghi tên người đóng góp công đức. Có bài minh.

Kim Lũ Trung thôn văn từ kí

金縷中村文祠記

Kí hiệu: 430

Thác bản bia sưu tầm tại thôn Trung xã Kim Lũ tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 58 x 105 cm, gồm 12 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 250 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Đồng Khánh thứ 2 (1887).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Xây dựng, trùng tu di tích.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Quê Bình công (Nguyễn Trọng Hợp) người làng Kim Lũ tỉnh Hà Đông, đỗ Tiến sĩ, làm quan đến chức Kinh lược sứ Bắc kỳ. Ông đã về làng bàn bạc với các kỳ lão trong Hội Tư văn cùng góp sức tiến hành tu sửa văn từ trên nền văn chỉ cũ mà cha ông đã khai sáng trước đây. Công việc khởi công vào mùa đông năm Bính Tuất đến mùa thu năm sau thì hoàn thành.

Phúc điền bi

福田碑

Kí hiệu: 431

Thác bản bia xã Yên Lãng huyện Thanh Trì 青池縣安朗社, sưu tầm tại chùa Chiêu Thiên xã Yên Lãng huyện Hoàn Long.

Thác bản 1 mặt, khổ 50 x 90 cm, gồm 17 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 400 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: năm Canh Dần.

Niên đại ước đoán: thời Lê Trung hưng.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Điện Quận công Trịnh Kiêm người huyện Vĩnh Phúc phủ Thiệu Thiên thừa tuyên Thanh Hoa, ngụ tại hương Biện Thượng và vợ là Thái trưởng Công Chúa họ Lê đã cúng cho xã Yên Lãng huyện Thanh Trì một mẫu ruộng phúc điền.

Chiêu Thiên tự tạo lệ bi

昭禪寺皂隸碑

Kí hiệu: 432/433

Thác bản bia xã Yên Lãng 安朗社, sưu tầm tại chùa Chiêu Thiên xã Yên Lãng tổng Yên Hạ huyện Hoàn Long.

Thác bản 2 mặt, khổ 46 x 124 cm, gồm 45 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1500 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Thịnh Đức thứ 4 (1656).

Người soạn: Nguyễn Văn Trạc 阮文濯, quê quán: xã Mai Dịch huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai; học vị: Tiến sĩ khoa Tân Mùi; chức vị: Bồi tụng, Binh bộ Tả thị lang.

Dương Trí Trạch 楊致澤; học vị: Tiến sĩ khoa Kỷ Mùi; chức vị: Tham tụng Lễ bộ Thượng thư, Bạt Quận công.

Người khắc: Đỗ Tâm Tuyết 杜心雪; nhà sư.

Chủ đề: Lịch sử di tích.

Tóm lược nội dung:

Sự tích và phong cảnh chùa Chiêu Thiên, một danh lam thắng tích hạng nhất và là nơi sinh ra thiền sư Từ Đạo Hạnh. Chùa được người đời ngưỡng mộ, xây dựng khang trang, nhiều lần trùng tu, trở thành nơi cầu chúc cho quốc thái dân an. Ngày 15 tháng 5 năm Thịnh Đức thứ 4 (1656), Hoàng thượng ban lệnh dụ cho phép dân xã Yên Lãng được làm tạo lệ phụng sự bản chùa, được miễn phu phen, dùng phúc lợi ruộng công và thuê dùng vào việc tu bổ chùa và sắm đồ tế lễ.

Chiêu Thiên tự

昭禪寺

Kí hiệu: 434

Thác bản khánh đồng trại Yên Lăng huyện Quảng Đức phủ Phụng Thiên 奉天府廣德縣安朗砦, sưu tầm tại chùa Chiêu Thiên xã Yên Lăng tổng Yên Hạ huyện Hoàn Long.

Thác bản 1 mặt, khổ 32 x 60 cm, gồm 20 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 300 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: năm Mậu Ngọ.

Người soạn: Đỗ Văn Hiến 杜文獻; quê quán: Thượng Yên Quyết.

Người viết chữ: Nguyễn Kim Chi 阮金芝; quê quán: Hạ Yên Quyết.

Người khắc: Trịnh Phó Nhữ 鄭副汝; quê quán: phường Xã Đàn.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Chiếc khánh cũ ở chùa bị thất lạc trong chiến tranh. Nay bản xã đứng ra quyên góp của cải để đúc khánh mới bằng đồng. Ghi tên họ và những người đóng góp, không ghi số tiền cụ thể.

Hàn Lâm sở

寒林所

Kí hiệu: 435

Thác bản bia thôn Thượng, trại Yên Lăng tổng Hạ huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức 懷德府永順縣下總安朗砦上村, sưu tầm tại chùa Chiêu Thiên xã Yên Lăng tổng Yên Hạ huyện Hoàn Long.

Thác bản 1 mặt, khổ 60 x 32 cm, gồm 11 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 250 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Thành Thái thứ 3 (1891).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Hội thiện ở bản thôn thu gom những mồ mả vô chủ về táng ở xứ Gò Bông, sau đó mua 3 sào ruộng và khai khẩn 3 sào ruộng khác gửi vào chùa Chiêu Thiện để hàng năm vào ngày mồng 10 tháng 7 mua sắm đồ tế lễ cúng các vong hồn.

Phạm tộc bi kí

范族碑記

Kí hiệu: 00436

Thác bản bia trại Yên Lãng tổng Yên Hạ huyện Hoàn Long, Hà thành 河城環龍縣安下總安朗砦, suru tằm tại chùa Chiêu Thiện xã Yên Lãng tổng Yên Hạ huyện Hoàn Long.

Thác bản 1 mặt, khổ 68 x 140 cm, gồm 15 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 600 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Thành Thái thứ 13 (1901).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Dân trại Yên Lãng đã tu bổ hơn 100 gian chùa Chiêu Thiện, chỉ còn 9 gian hậu phòng vẫn bị đốt nát, chưa có tiền sửa chữa. Dân trại đã đến thưa với quan Tuần phủ Hưng Yên họ Phạm, người bản trại, được ông thuận tình quyên góp 200 đồng để tu sửa 9 gian hậu phòng chùa Chiêu Thiện và mua 1 mẫu 8 sào ruộng để gửi giỗ cho ông bà cùng cha mẹ tại chùa. Ghi tên, ngày giỗ của tổ tiên họ Phạm.

Kí kị hậu bi

寄忌后碑

Kí hiệu: 437

Thác bản bia trại Yên Lãng tổng Yên Hạ huyện Hoàn Long 環龍縣安下總安朗砦, suru tằm tại chùa Chiêu Thiện xã Yên Lãng tổng Yên

Hạ huyện Hoàn Long.

Thác bản 1 mặt, khổ 33 x 68 cm, gồm 12 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 350 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Thành Thái thứ 15 (1903).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Bốn năm nay gạch sân chùa Chiêu Thiện bị hư hỏng nặng, nhưng bản trại không có tiền để sửa chữa. Nay ông Nguyễn Đình An ở giáp Nam phường Vĩnh Hành tổng Đông Xuân quyên góp 70 đồng và 1 sào ruộng trị giá 30 đồng để sửa chùa và xin gửi giỗ cho cha mẹ nuôi. Bản trại thuận tình nhận tiền để mua gạch Bát Tràng, cùng vôi, mật, dùng cho xây dựng, còn ruộng giao cho sư chùa canh tác, hàng năm biện lễ cúng giỗ.

Yên Lăng tự kí kị bị kí

安朗寺寄忌碑記

Kí hiệu: 438

Thác bản bia trại Yên Lăng huyện Vĩnh Thuận 永順縣安朗砦, suru tâm tại chùa Chiêu Thiện xã Yên Lăng tổng Yên Hạ huyện Hoàn Long.

Thác bản 1 mặt, khổ 40 x 66 cm, gồm 15 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 300 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Tự Đức thứ 22 (1869).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Tam quan chùa trại Yên Lăng bị bão đổ đã mấy năm. Nay bà Nguyễn Thị Tư người thôn chợ Đông Thành quyên góp 150 quan tiền, 2 sào

ruộng để sửa chữa tam quan chùa và xin gửi giỗ cho ông bà ngoại cùng mẹ tại bản chùa. Ghi tên người, vị trí ruộng và quy định cúng giỗ hàng năm.

[Vô đề]

Kí hiệu: 439

Thác bản bia xã Yên Lãng tổng Hạ huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức tỉnh Hà Nội 河南省懷德府永順縣下總安朗社, sưu tầm tại chùa Chiêu Thiên xã Yên Lãng tổng Yên Hạ huyện Hoàn Long.

Thác bản 1 mặt, khổ 40 x 66 cm, gồm 15 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 300 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Tự Đức thứ 12 (1859).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biêu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Ông Nguyễn Viết Chùy quê ở ấp Kế Đăng tổng Kế Mỹ huyện Phú Vang tỉnh Thừa Thiên, lấy vợ người thôn Trung xã Yên Lãng, sinh được 5 người con gái, nhưng không may 3 người đã mất sớm. Nay ông thu hài cốt cha mẹ vợ cùng vợ con đã mất của ông tổng cộng 6 ngôi mộ về an táng tại bên ngoài chùa thôn Thượng xã Yên Lãng, đồng thời mua 2 sào ruộng gửi vào chùa để xin gửi giỗ cho người thân. Ghi ngày giỗ và các thửa ruộng.

Huy Văn bi kí

徽文碑記

Kí hiệu: 440

Thác bản bia thôn Văn Chương tổng Vĩnh Yên huyện Hoàn Long Hà Thành 河城環龍縣永安總文章村, sưu tầm tại chùa Huy Văn thôn Văn Chương tổng Vĩnh Yên huyện Hoàn Long.

Thác bản 1 mặt, khổ 32 x 52 cm, gồm 12 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 250 chữ, có hoa văn, có chữ húy: Thìn 辰.

Niên đại: không ghi.

Niên đại ước đoán: năm Duy Tân thứ 3 (1909).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề văn khắc: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Năm Kỉ Dậu, nhà sư trụ trì tiến hành trùng tu chùa Huy Văn. Bà Lê Thị Lựu ở thôn Văn Chương tưởng nhớ công ơn của ông bà cha mẹ, bèn đóng góp công đức 50 đồng bạc để gửi giỗ cho ông bà nội và cha mẹ của bà. Bia ghi ngày giỗ và các lễ vật cúng giỗ.

Huy Văn bi kí

徽文碑記

Kí hiệu: 441

Thác bản bia sưu tầm tại chùa Huy Văn thôn Văn Chương tổng Vĩnh An huyện Hoàn Long.

Thác bản 1 mặt, khổ 26 x 39 cm, gồm 12 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 300 chữ, không có hoa văn, không có chữ huy.

Niên đại: Duy Tân thứ 4 (1910).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Năm Kỉ Dậu (1909) chùa Huy Văn tiến hành trùng tu. Ông Mai Văn Trị và vợ là Ngô Thị Tiết ở phường Thịnh Hào tổng Yên Hạ huyện Hoàn Long, bà Nguyễn Thị Nài ở phố Hậu Thái huyện Tùng Thiện tỉnh Sơn Tây mỗi người cúng vào chùa 12 đồng để tu bổ chùa và xin gửi giỗ cho gia tiên và người thân tại chùa.

Huy Văn tự bi kí

徽文寺碑記

Kí hiệu: 442

Thác bản bia sưu tầm tại chùa Huy Văn thôn Văn Chương tổng Vĩnh An huyện Hoàn Long.

Thác bản 1 mặt, khổ 36 x 52 cm, gồm 14 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 200 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Duy Tân thứ 4 (1910).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Chùa Huy Văn tạo một tòa cửu long. Bà Nguyễn Thị Hoa ở phố Hàng Buồm thuộc Đệ tam hộ, Hà Thành đã cúng cho chùa 50 đồng, 1 quả chuông nhỏ trị giá 5 đồng và 1 cây phướn để xin gửi giỗ cho cha mẹ đẻ, cha mẹ chồng và hai vợ chồng bà. Ghi họ tên những người được gửi giỗ.

[Vô đề]

Kí hiệu: 443

Thác bản bia sưu tầm tại chùa Huy Văn thôn Văn Chương tổng Vĩnh An huyện Hoàn Long.

Thác bản mặt, khổ 33 x 46 cm, gồm 12 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 200 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Duy Tân thứ 3 (1909).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Chủ cửa hiệu số nhà 52 phố Hàng Mây thuộc giáp Hương Tượng sinh

sống xa quê, có 7 ngôi mộ người thân kí táng tha phương đã lâu năm. Nay nhân khi dân thôn cùng với nhà sư tiến hành tu sửa Phật điện bên cùng số tiền là 50 đồng góp phần kinh phí sửa chùa, đồng thời xin với dân thôn lập ước cho các hương hồn người thân được quy y phối hưởng hương hòa tại chùa.

Tạ môn Phan Thị hậu bi

謝門潘氏后碑

Kí hiệu: 444

Thác bản bia thôn Văn Chương tổng Vĩnh Thuận huyện Hoàn Long, Hà Thành 河城環龍縣永順總文章村, sưu tầm tại chùa Huy Văn thôn Văn Chương tổng Vĩnh An huyện Hoàn Long.

Thác bản 1 mặt, khổ 43 x 59 cm, gồm 14 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 200 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Duy Tân thứ 3 (1909).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Thấy chùa Huy Văn lâu ngày bị đổ nát, bà Phan Thị Thiêm ở phố Hàng Buồm tỉnh Hà Nội đã cúng 50 đồng để góp chi phí tu sửa chùa, giao cho sư trụ trì chùa nhận. Bản thôn thuận tình lập bản giao ước gồm 2 khoản: cho lập bia ghi lại tên hiệu của gia tiên nhà bà gồm 4 người và hàng năm vào các ngày giỗ nhà chùa biếu cỗ chay, vàng mã làm lễ trước bia. Sau khi bà mất đi sẽ được an táng trong vườn chùa.

Trùng tu Huy Văn điện bi kí/Nam vô thập phương công đức

重修徽文殿碑記/南無十方功德

Kí hiệu: 445/446

Thác bản bia sưu tầm tại chùa Huy Văn thôn Văn Chương tổng Vĩnh An huyện Hoàn Long.

Thác bản 2 mặt, khổ 53 x 90 cm và 38 x 67 cm, gồm 50 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1600 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Minh Mệnh thứ 4 (1823).

Người soạn: tên hiệu: Nhân Khê cư sĩ 仁溪居士, tên tự: Hạo Phủ 浩甫; học vị: Tiến sĩ triều Lê; chức vị: Hàn lâm viện Hiệu thảo.

Người khắc: Trịnh Hồ 鄭琥.

Chủ đề: - Sinh hoạt làng xã.
- Lịch sử di tích.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Chùa Huy Văn còn được gọi là điện Huy Văn, xưa là nơi sinh ra vua Lê Thánh Tông, con thứ tư của vua Thái Tông. Mẹ của ngài là Ngô Thị Ngọc Dao người Động Bàng huyện An Định. Khi còn là Tiệp dư, bà đi cầu tự, mộng được Thượng đế trao cho tiên đồng rồi sinh ra vua. Đó là căn cứ theo phả họ Lê và quốc sử. Còn như lời đồn rằng vì bà đến ở chùa này rồi mới sinh ra vua thì chỉ là ngoa truyền không đáng tin cậy. Khi vua Lê Thánh Tông lên ngôi, Thánh mẫu được phong là Quang Thục Hoàng Thái hậu, khi đó chùa Huy Văn được đổi tên là điện Huy Văn, bên trong có thờ tượng Thánh mẫu và một quả chuông. Sau do loạn lạc cả tượng và chuông đều bị thất lạc. Đến năm Mậu Tuất, Ki Mũi nhà sư Doãn Đình Thuần đã quyên góp đúc lại tượng thánh mẫu và chuông. Đến nay, trải nhiều năm tháng, điện xưa đã bị đổ nát. Nên đến năm Nhâm Ngọ (1822), các quan viên thuộc dòng họ Lê hợp sức trùng tu. Ghi tên những người đóng góp.

Huy Văn điện Dục Khánh tự bi kí

徽文殿毓慶寺碑記

Kí hiệu: 447/448

Thác bản bia sưu tầm tại chùa Huy Văn thôn Văn Chương tổng Vĩnh An huyện Hoàn Long.

Thác bản 2 mặt, khổ 64 x 106 cm, gồm 51 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1700 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Vĩnh Trị thứ 4 (1679).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Sinh hoạt làng xã.

- Lịch sử di tích.

Tóm lược nội dung:

Chùa Huy Văn là di tích cổ, nơi Thánh mẫu Ngô Thị Ngọc Dao đến ở khi bà mang thai vua Lê Thánh Tông. Sau khi vua Lê Thánh Tông lên ngôi, Thánh mẫu được phong là Quang Thục Hoàng Thái hậu, chùa Huy Văn được đổi thành điện Huy Văn và thêm tên hiệu là Dục Khánh tự. Bấy giờ vua sai tạc tượng Thánh mẫu và đúc chuông lớn để thờ ở điện, nhưng sau đó bị kẻ gian lấy mất tượng bà Ngọc Dao, năm Canh Dần lại bị mất chuông. Vào năm Mậu Ngọ nhà sư trụ trì là Doãn Đình Thuần tập hợp thiện nhân tiến hành quyên góp để đúc lại tượng bà Ngọc Dao và đúc lại chuông để đời sau chiêm vọng. Ghi tên những người đã có công đức với chùa như Quốc Thái mẫu Trịnh Thị Ngọc Long, Hoàng Nham hầu Hồ Bá Liên, Thái giám Chu Đình Dự...

Trùng tu Huy Văn điện Dục Khánh tự bi kí

重修徽文殿毓慶寺碑記

Kí hiệu: 449

Thác bản bia sưu tầm tại chùa Huy Văn thôn Văn Chương tổng Vĩnh An huyện Hoàn Long.

Thác bản 1 mặt, khổ 73 x 120 cm, gồm 21 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 700 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Tự Đức thứ 17 (1864).

Người soạn: Dương Bá Cung 楊伯恭, tên hiệu: Cẩn Đình; chức vị: Đốc học tỉnh Biên Hòa.

Người viết chữ: Trần Quang Luyện 陳光練; quê quán: người thôn Yên Ninh huyện Vĩnh Thuận; học vị: Tú tài.

Chủ đề: - Lịch sử di tích.

- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Vào niên hiệu Thiệu Bình triều Lê, Quang Thục Thái hậu mới được tuyển làm Tiệp dư, bị Huệ Phi vu oan, đưa đi an trí tại ngôi chùa cổ ở phía nam cấm thành. Tại đây Thái hậu mộng được Thượng đế trao tiên đồng, về sau sinh ra Thuần Hoàng đế. Vì vậy nơi bà ở được lập làm điện Huy Văn và ngôi chùa cổ được mang tên Dục Khánh. Sau khi bà mất được tạc tượng và đúc chuông thờ phụng ở chùa. Còn pho tượng vua Thánh Tông Thuần Hoàng đế nguyên được tạo vào năm Dương Đức, vốn đặt ở nơi thao diễn võ nghệ ở Ngọc Hà, gặp hồi loạn lạc thời Tây Sơn mới chuyển về chùa này. Nay các quan Hiến đài mới đến nhậm chức, nhân lên Khán Sơn hỏi ra sự tích kì lạ của ngôi chùa, bèn vận động quyền góp lương bổng tiến hành lợp lại 3 gian thánh điện và tu bổ 5 gian hành lang. Bìa ghi tên 3 vị quan lại tham gia đóng góp là Hà Ninh Tông đốc Tôn Thất Hàn, Hà Nội Bố chính sứ, Tiến sĩ Lê Hữu Thanh và Hà Nội Án sát sứ Đặng Tá.

Tư tài bi kí/Hậu thần phụng tự bi

資財碑記/後神奉祀碑

Kí hiệu: 450/451

Thác bản bìa xã Hồng Mai huyện Thanh Trì phủ Thường Tín 常信府青池縣紅梅社, suru tầm tại miếu phường Bạch Mai tổng Kim Liên huyện Hoàn Long.

Thác bản 2 mặt, khổ 61 x 96 cm, gồm 45 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1000 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Cảnh Trị thứ 7 (1669).

Người soạn: họ Lê 黎; quê quán: xã Cổ Định huyện Nông Cống; chức vị: Huyện úy huyện Quảng Đức phủ Phụng Thiên.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biếu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Hương lão Thành Mậu Cường và vợ là Hoàng Thị Liên người xã Hồng Mai đã cúng cho hai giáp Đàn và giáp Chàng thuộc xã Hồng Mai 4 khẩu ao, một khu đất 4 sào, 88 quan cổ tiền và 20 lạng bạc. Dân xã bầu là Hậu thần và lập bia ghi công đức.

Cầu tác thạch kiều bi kí

構作石橋碑記

Kí hiệu: 452/453/454/455

Thác bản bia suu tầm tại Miếu phường Bạch Mai tổng Kim Liên huyện Hoàn Long tỉnh Hà Nội.

Thác bản 4 mặt, khổ 54 x 90 cm, gồm 28 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 1500 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Vĩnh Thịnh thứ 14 (1718).

Người soạn: không ghi.

Người viết chữ: Vũ Đình Dung 武廷容; chức vị: Thị nội Thư tả Hình phiên.

Chủ đề: - Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Phía trước chùa có chiếc cầu lợp ngói bắc qua ao, nhưng lâu ngày nên bị hư hỏng. Bản thôn đã quyên góp tiền của để xây cầu bằng đá cho vững chắc và rộng rãi hơn để thuận tiện cho việc đi lại. Ghi họ tên người và số tiền đóng góp trong đó có nhiều phu nhân của các quan lại trong triều và phủ chúa như: Quận chúa Trịnh Thị Ngọc Cờ, Đề đốc Trương Nhiêu v.v...

Đông giáp thạch bi kí

東甲石碑記

Kí hiệu: 456

Thác bản bia phường Đông Hà huyện Thọ Xương phủ Phụng Thiên 奉天府壽昌縣東河坊, suu tầm tại đình Đông Hà phố Hàng Gai, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 35 x 50 cm, gồm 21 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 600 chữ, không có hoa văn, có chữ húy: Trừ 辭.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 11 (1750).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Sinh hoạt làng xã.

- Lịch sử di tích.

Tóm lược nội dung:

Các giáp của phường Đông Hà từ xưa đã có khu đất rộng 30 thước, ở đó dựng một ngôi miếu thờ 2 vị Thượng đẳng thần rất linh thiêng. Tuy chỉ là miếu tranh, nhưng hàng năm vẫn được nhận ban lộc hương, xuân thu tế lễ, lại được miễn trừ các khoản binh lính phu dịch. Nhưng từ năm Bính Dần, miếu gặp hỏa hoạn, các đạo sắc phong bị cháy hết nên phường lại phải chịu đốc thúc các khoản binh dịch và tế lễ đầu năm. Cho đến năm Canh Thân, nhờ có cha con ngài Thiếu khanh Nguyễn Quý Kính và Thủ hợp Nguyễn Bá Viêm làm tờ khai bẩm lên, rồi bỏ ra rất nhiều tiền của và công sức, đến năm nay mới được bề trên ban sắc cho Thượng đẳng thần, bản phường lại được miễn trừ các khoản như cũ. Bia khắc tên những vị quan viên đóng góp tiền để lo việc xin ban sắc nói trên, đồng thời qui định các điều khoản về tế lễ hàng năm của phường.

Nhật Chiêu điện kí

日昭殿記

Kí hiệu: 457/458

Thác bản bia phường Yên Hoa huyện Quảng Đức phủ Phụng Thiên 奉天府廣德縣安華坊, sưu tầm tại điện Nhật Chiêu phường Nhật Tân huyện Hoàn Long.

Thác bản 2 mặt, khổ 58 x 75 cm, gồm 43 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1600 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Minh Mệnh thứ 16 (1835).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Sự tích, thần phả, gia phả.

Tóm lược nội dung:

Sự tích thần Uy Linh lang, có ghi chú là căn cứ theo sách *Việt điện u linh tập*. Thần là một trong 100 con trai của Lạc Long Quân, thuộc loài giao long xích giáp, cùng với 6 người em cai quản vùng này, phù hộ dân chúng rất linh thiêng. Đến đời Trần Thái Tông, thần thác sinh làm con Hoàng hậu Minh Đức, được đặt tên là Uy Đô,

theo học Phật Pháp, tinh thông thiên văn địa lý. Đến triều Trần Nhân Tông, giặc Toa Đô nhà Nguyên sang xâm lược, ngài dâng biểu xin dẫn quân đi đánh giặc. Ngài chỉ huy Thiệu tử quân đánh tan giặc ở Bàn Than, hội cùng Trần Nhật Duật và Hưng Đạo vương phá giặc ở Vạn Kiếp, Mạn Trù và Đông Kết. Giặc Nguyên phải rút chạy. Ngài được gia phong là Dâm Đàm đại vương. Năm ấy ngài 36 tuổi, không bệnh tật mà hóa. Vua Trần thương tiếc, lập miếu thờ ngài, gọi là điện Nhật Chiêu, hay còn gọi là điện Thánh Linh Lang. Thời Trần Nghệ Tông ngài hiển linh giúp nước, được vua ban mi tự Dực chính Hiên ứng Phu hựu đại vương. Sáu người em của ngài cũng được ban trật. Đền thờ của ngài nay ở phường Yên Hoa huyện Quảng Đức phủ Phụng Thiên. Trại Thủ Lệ ở liền kề cũng có đền thờ ngài. Mặt sau bia khắc bài tựa của Lý Tế Xuyên và bài tựa của Gia Cát Thị.

Hưng tạo từ miếu dung đường ngật bi/Phụng lục sao tả nhập bi kí

興造祠廟容堂屹碑/奉錄抄寫入碑記 Kí hiệu: 459/460

Thác bản bia phường Nhật Chiêu huyện Quảng Đức phủ Phụng Thiên
奉天府廣德縣日昭坊, sưu tầm tại Điện Nhật Chiêu phường Nhật Tân tổng Thượng huyện Hoàn Long.

Thác bản 2 mặt, khổ 58 x 75 cm, gồm 37 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1200 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Cảnh Trị thứ 1 (1663).

Người nhuận: Nguyễn [Đình Trụ] 阮廷柱; quê quán: xã Nguyệt Áng huyện Thanh Trì; học vị: Tiến sĩ khoa Bính Thân; chức vị: Giám sát Ngự sử Đê Đường nam.

Chủ đề: - Công văn triều đình (sắc, lệnh, chỉ dụ).
 - Lịch sử di tích.
 - Xây dựng, trùng tu di tích.
 - Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Năm Nhâm Tý, phường Nhật Chiêu nhân được vua và chúa Trịnh ban sắc chỉ cho được làm dân tạo lệ thờ phụng vị thần Thượng đẳng Uy Linh Lang đại vương và 6 vị đại vương khác, cùng góp sức dựng đền miếu, lập bia phụng sự. Bia có bài minh ca ngợi sự kiện này và phụ khắc bản lệnh chỉ của Đô nguyên soái Tổng quốc chính Thượng phụ Bình An vương, ban hành năm Hồng Định thứ 13 (1613) về việc miễn thuế ao và đất công để dùng tế lễ thần.

Quang Bình kiều bi kí tịnh minh

光平橋碑記並銘

Kí hiệu: 461/462/463/464

Thác bản bia xã Quang Liệt huyện Thanh Trì 靑池縣光烈社, sưu tầm tại cầu Quang Bình xã Thanh Liệt tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 4 mặt, khổ 49 x 98 cm và 13 x 91 cm, gồm 57 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1500 chữ, không có hoa văn, có chữ húy: Đề 題, Tân 巖.

Niên đại: Long Đức thứ 3 (1734).

Người viết chữ: Lưu Khuê Hộ 劉銓護; chức vị: Đề lại.

Chủ đề: - Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Cầu Quang Bình bắc ngang qua sông Tô Lịch giữa hai xã Quang Liệt và Bình Liệt, từ lâu đã bị hư hại. Sự trụ trì chùa của hai xã đứng ra xuất tiền của cùng thập phương công đức (từ công hầu, bá quan đến thứ dân). Sau đó, mời thợ, mua gỗ để tu sửa lại cầu. Ghi tên người quyên góp tiền để tu sửa cầu.

[Vô đề]

Kí hiệu: 465/480

Thác bản bia sưu tầm tại chùa Sùng Phúc xã Thượng Đình tổng
Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 37 x 79 cm và 23 x 84 cm, gồm 2 dòng chữ Hán,
toàn văn ước khoảng 24 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 22 (1761).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Gồm 7 chữ ở mặt trước là *Lương duyên phúc chi phối thiên tông*, mặt
sau ghi niên đại tạo bia.

Hậu phát bi kí

后佛碑記

Kí hiệu: 466

Thác bản bia sưu tầm tại chùa Sùng Phúc xã Thượng Đình tổng
Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 37 x 60 cm, gồm 5 dòng chữ Hán, toàn văn ước
khoảng 90 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: không ghi.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Hành trạng, công tích nhân vật.

Tóm lược nội dung:

Hủy hiệu và ngày giỗ ông họ Nguyễn, hiệu Pháp Trinh, thi trúng Thụ
toán khoa Mậu Dần, giữ chức Cai hợp, Thị nội Thụ tả, Hộ phiên,
Mậu lâm tá lang, Thông chính sứ ty Thông thừa, Toàn Thộ nam và
Sa di ni họ Bùi.

Phụng sự bi kí

奉事碑記

Kí hiệu: 467/468

Thác bản bia sưu tầm tại chùa Sùng Phúc xã Thượng Đình tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 38 x 60 cm và 15 x 60 cm, gồm 19 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 400 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: không ghi.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Cao tướng công, tự Hải Bình được phong tặng Hữu Đô đốc Thiếu bảo Lự Đình hầu, đã giúp xin miễn các khoản tô thuế phu dịch và nhiều lần đóng góp tiền của cho thôn. Vì vậy dân thôn dựng tấm bia tại chùa Sùng Phúc để ghi lại công đức của ông và qui định việc cúng tế ông.

Trùng tu Sùng Phúc tự miếu am bi kí

重修崇福寺廟庵碑記

Kí hiệu: 469/475

Thác bản bia thôn Thượng Đình 上亭村, sưu tầm tại chùa Sùng Phúc xã Thượng Đình tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 65 x 98 cm, gồm 53 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 2400 chữ, có hoa văn, có chữ hủy: Tân 巖.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 41 (1780).

Người soạn: Đỗ Lệnh Thuyên 杜令銓; chức vị: Thị nội Văn chức Thái bộc tự thừa.

Người nhuận sắc: Cao Quốc Lý 高國理; chức vị: Lại bộ Viên ngoại lang.

Người viết chữ 1: Cao Đắc Trù 高得疇; chức vị: Câu kê Binh phiên Thừa Chính sứ Đồng Tri phủ.

Người viết chữ 2: Cao Lê 高黎; chức vị: Câu kê Bình phiên Thừa
Chính sứ; tước Liên Trung tử.

Chủ đề: - Sinh hoạt làng xã.
- Lịch sử di tích.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Chùa Sùng Phúc ở xã Nhân Mục Cựu có từ xưa. Vào đời Hoảng Định, ông Nguyễn Phúc Hùng đã khởi xướng trùng tu. Năm Đinh Mão (1747) Trạng Trạng Thiên sư cùng hai ông Đô chỉ huy Đồng tri tự Hảo Triều và Thị nội Thư tá Nguyễn Hảo Ngoạn vận động thiện tín quyên góp xây lại điện thờ, hành lang, tạc tượng khắc kinh Phật, xây am, miếu, bắc cầu đá. Năm Tân Tị (1761) xây tháp Phổ Thông, năm Tân Mão (1771) xây điện Tăng Huy, năm Quý Tị xây điện Hòa Đức, năm Kì Hợi (1779) sơn son nội tự. Bia ghi tên những người đã đóng góp công đức trong các lần tu sửa chùa.

Sùng Phúc tự bi kí

崇福寺碑記

Kí hiệu: 470

Thác bản bia thôn Hạ Đình 下亭村, sưu tầm tại chùa Tam Huyền xã
Thượng Đình tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 35 x 62 cm, gồm 13 dòng chữ Hán, toàn văn ước
khoảng 260 chữ, không có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Thành Thái Đình Mùi (1907).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hàu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Nhân dịp chùa Sùng Phúc tu sửa, bà Ngô Thị Thục ở thôn Hạ Đình
cùng với gia đình đã cúng vào chùa 60 đồng và 2 sào 10 thước
ruộng để gửi giỗ cho ông bà, cha mẹ tại chùa. Ghi vị trí diện tích
các thửa ruộng và họ tên những người được gửi giỗ.

Gia Long thập bát niên tam nguyệt phụng tạo

嘉隆十八年三月奉造

Kí hiệu: 471

Thác bản bia suu tầm tại chùa Sùng Phúc xã Thượng Đình tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 53 x 85 cm, gồm 16 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 560 chữ, có hoa văn, không có chữ huy.

Niên đại: Gia Long thứ 18 (1819).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Ông Cai hợp họ Bùi tự Phúc Thụy người thôn Thượng Đình xã Nhân Mục Cự và vợ là bà họ Đỗ từ năm Tân Mùi (1811) đã cúng cho thôn 90 quan tiền và một sổ ruộng, từng hai lần được dân thôn tôn bàu là Hậu thần. Nay nhân dịp dân 2 thôn tiến hành tu sửa chùa, người cháu của ông bà đang giữ chức Thủ hợp đã xuất tiền 6 quan và 2 sào ruộng cúng vào chùa để xin dựng tấm bia tại hành lang nhà chùa, lấy đó làm nơi dân thôn tiến hành nghi thức lễ giỗ cho hai bác.

Trùng tu Sùng Phúc tự bi kí

重修崇福寺碑記

Kí hiệu: 472

Thác bản bia suu tầm tại chùa Sùng Phúc xã Thượng Đình tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 54 x 85 cm, gồm 18 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 360 chữ, có hoa văn, không có chữ huy.

Niên đại: Thành Thái thứ 19 (1907).

Người soạn: Nguyễn Toàn 阮纘; quê quán: thôn Hạ xã Nhân Mục Cự; chức vị: Hàn lâm Đãi chiếu.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.

- Lịch sử di tích.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Sau khi chùa Sùng Phúc được trùng tu, dân 2 thôn dựng bia ghi lại tiểu sử và công lao của nhà sư Đàm Quang trụ trì tại chùa Sùng Phúc. Sư họ Nguyễn, người xã Hạ Trì phủ Hoài Đức, 14 tuổi xuất gia đi tu ở chùa Sùng Khang xã Đại Cát, năm 20 tuổi thụ giới Tỳ khưu Bồ Tá, lấy pháp hiệu là Đàm Quang. Từ năm Quý Mùi (1883) được dân xã mời về trụ trì chùa Sùng Phúc. Từ đó đến nay, sư đã nhiều lần bỏ công sức tu sửa mở mang cho chùa: năm Ất Dậu (1885) trùng tu thượng điện, năm Kỷ Sửu (1889) trùng tu nhà tổ và điện Thánh mẫu, năm Kỷ Hợi (1899) trùng tu hành lang và tam quan, năm Canh Tý (1900) tô tượng, năm Ất Tị (1905) tu sửa lớn thượng điện, tiền đường, tượng Phật, các tòa điện, hai bên hành lang, am, tháp...

Sùng Phúc tự bi kí

崇福寺碑記

Kí hiệu: 473

Thác bản bia thôn Thượng Đình 上亭村, sưu tầm tại chùa Sùng Phúc xã Thượng Đình tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 38 x 65 cm, gồm 14 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 200 chữ, không có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Thành Thái thứ 19 (1907).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biếu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Họ tộc Nguyễn ở xã Hạ Trì đã cúng 100 đồng và 3 khoảnh ruộng vào chùa Sùng Phúc để gửi 3 ngày giỗ và phối hưởng cho gia tiên.

Trùng tu Sùng Phúc tự Phật tổ am bi/Hưng công tín thí

重修崇福寺佛祖庵碑/興功信施

Kí hiệu: 476/477

Thác bản bia xã Nhân Mục Cựu huyện Thanh Trì phủ Thường Tín xứ Sơn Nam 山南處常信府清池縣仁睦舊社, sưu tầm tại chùa Sùng Phúc xã Thượng Đình tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 70 x 89 cm, gồm 42 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 900 chữ, không có hoa văn, có chữ húy: Ninh 寧.

Niên đại: Hoảng Định thứ 15 (1614).

Người soạn: Nguyễn Tuấn 阮俊; quê quán: xã Nhân Mục Môn huyện Thanh Trì phủ Thường Tín; học vị: Tiến sĩ khoa Quý Sửu; chức vị: Hàn lâm viện Hiệu thảo.

Người viết chữ: Nguyễn Như Mai 阮如枚; chức vị: Trung thư giám Điện thư.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Chùa Sùng Phúc là chốn danh lam cổ tích, từ xa xưa bên cạnh chùa đã có am, có miếu, có cầu cho dân qua lại, xe ngựa dập diu. Trái bao năm tháng mưa gió nên chùa đã bị hư hại nhiều. Thiện sĩ bản xã kiêm trụ trì chùa Sùng Phúc là Nguyễn Ninh cùng hai vị thiện sĩ ở xã khác là Đoàn Nhân Tu và Nguyễn Tiên Dụng đã đồng lòng cúng tiền để trùng tu chùa Sùng Phúc. Công việc tiến hành từ năm Quý Sửu đến năm Giáp Dần thì xong. Có bài minh dài 36 câu.

Hậu thần bi kí

后神碑記

Kí hiệu: 478

Thác bản bia thôn Thượng Đình xã Nhân Mục Cựu huyện Thanh Trì phủ Thường Tín 常信府青池縣仁睦舊社上亭村, sưu tầm tại chùa

Tam Huyền xã Thượng Đình tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 49 x 65 cm, gồm 20 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 500 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Gia Long thứ 12 (1813).

Người soạn: tên hiệu: Nhân Trai Phủ 仁齋甫.

Người viết chữ: tên hiệu: Lệnh Đức Đường.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Bản thôn phải tham gia đắp đường cái mới, công việc rất nặng nề, lại bị đốc thúc tiền thuế rất cấp bách. Bà Vũ Thị Tự, vợ lẽ viên Cựu Tri phủ Trường Khánh họ Nguyễn quê ở Từ Sơn có quan hệ họ hàng với bản thôn, đã cúng 300 quan tiền cho bản thôn chi phí đắp đường và 4 mẫu 8 sào ruộng để bản thôn trang trải làm đường thiên lý. Tám giáp trong thôn bàu bà và vợ chồng ông Tăng Trung bá họ Vũ là Hậu thân. Ghi ngày giỗ và quy định cúng tế.

Sùng Phúc tự bi kí

崇福寺碑記

Kí hiệu: 479

Thác bản bia sru tâm tại chùa Tam Huyền xã Thượng Đình tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 40 x 73 cm, gồm 15 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 300 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Thành Thái thứ 19 (1907).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Danh sách các tín chủ ở thôn Thượng Đình và Hạ Đình, đã cúng tiền

và ruộng nhân dịp trùng tu chùa Sùng Phúc, để thông qua nhà chùa cung tiến cho gia tiên và người thân đã khuất của họ.

Thượng Đình thôn công điền bi kí

上亭村公田碑記

Kí hiệu: 481

Thác bản bia thôn Thượng Đình 上亭村, sưu tầm tại Miếu xã Thượng Đình tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 62 x 110 cm, gồm 16 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 700 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Duy Tân thứ 4 (1910).

Người soạn: Đỗ Mạnh Hanh 杜孟亨.

Người khắc: cửa hiệu Nam Sơn, Hà Thành.

Chủ đề: Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Bản xã có 8 mẫu ruộng đất công nhưng một số chức sắc đã đem đi cầm hơn 20 năm chưa chuộc lại được. Nay nhân khi Thị lang Vương đại nhân hiện là Tuần phủ Thái Bình rước linh cữu của Đại Từ phu nhân về an táng và xây lăng tại địa phận bản xã, dân chúng mới đem sự việc bẩm cho ngài rõ. Vương đại nhân động lòng nhân từ, chuyển bẩm lên ngài Văn minh điện Đại học sĩ Diên Mậu Quận công họ Hoàng (Cao Khải), để ngài bàn bạc với các quan Đốc bộ bản tỉnh can thiệp. Tiếp đó Hoàng tướng công tự bỏ tiền 200 đồng để chuộc về số ruộng giao cho xã canh tác, sử dụng vào việc tế lễ và trợ cấp tiền sưu thuế hàng năm. Dân xã biết ơn, dựng bia ghi công đức 2 vị đại nhân, xin được thờ phụng và thề nguyện giữ gìn sử dụng số ruộng đúng như nguyện vọng của Hoàng tướng công. Bia ghi các điều quy định về sử dụng và vị trí của các thửa ruộng.

Đình vũ tông hưởng bi kí

亭宇從饗碑記

Kí hiệu: 482

Thác bản bia thôn Văn 文村, sưu tầm tại đình thôn Văn xã Kim Lũ tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 55 x 90 cm, gồm 15 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 350 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Thành Thái thứ 12 (1900).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Mùa hạ năm Canh Tý thôn Văn tu sửa đình vũ chi phí rất tốn kém. Bà Nguyễn Thị Tần người thôn Trung bản xã đã cúng 120 quan tiền để bản thôn tu sửa đình và 50 sào ruộng để gửi giỗ cho ông bà và cha mẹ. Dân xã lập bia ghi ngày giỗ các vị và quy định lễ giỗ.

Kí kị bi kí

寄忌碑記

Kí hiệu: 483

Thác bản bia thôn Văn xã Kim Lũ 金縷社文村, sưu tầm tại đình thôn Văn xã Kim Lũ tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 42 x 57 cm, gồm 14 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 200 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Tự Đức thứ 9 (1856).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Năm trước, bản thôn tu tạo miếu vũ, vợ chồng ông Nguyễn Văn Trì là người không có con đã cúng cho bản thôn 50 quan tiền và 2 sào ruộng để xin gửi giỗ cho 2 người. Sau khi ông Trì mất, thôn đã cúng

giỗ đúng theo lệ. Nay thôn lại tiến hành tu sửa miếu, vợ ông lại cúng thêm 30 quan tiền và một sào ruộng nữa, để xin được dựng tấm bia ở miếu ghi lại các ngày giỗ và các điều quy định về lễ biếu, lễ giỗ và làm nơi tiến hành nghi thức thờ cúng.

Kí kị bi kí

寄忌碑記

Kí hiệu: 484

Thác bản bia thôn Văn xã Kim Lũ tổng Khương Đình huyện Thanh Trì phủ Thường Tín 常信府青池縣姜亭總金縷社文村, suru tầm tại đình thôn Văn xã Kim Lũ tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 25 x 45 cm, gồm 10 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 160 chữ, không có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Tự Đức thứ 9 (1856).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hàu, gửi giỗ, biếu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Hồi trước bà Nguyễn Thị Thân người thôn Văn đã gửi giỗ ở bản thôn, có văn bản ghi chép rõ ràng: nay nhân khi dân thôn tu sửa miếu, bà lại cúng cho bản thôn 15 quan tiền và 7 thước 5 tấc ruộng để dân sửa chữa chùa, miếu. Đồng thời xin được dựng tấm bia đặt ở miếu để lưu truyền việc cúng giỗ lâu dài.

Kí kị bi kí

寄忌碑記

Kí hiệu: 485

Thác bản bia thôn Văn xã Kim Lũ huyện Thanh Trì phủ Thường Tín 常信府青池縣金縷社文村, suru tầm tại đình thôn Văn xã Kim Lũ tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 35 x 58 cm, gồm 13 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 200 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Tự Đức thứ 9 (1856).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Bản thôn tu tạo miếu, có thông báo rằng: những người trước đây đã gửi giỗ thì nay nên đóng cho mỗi người 15 quan tiền và 7 thước 5 tấc ruộng để bản thôn cho khắc vào bia đá. Vì thế bà Nguyễn Thị Bèo cùng với chồng đã bỏ ra 45 quan và 1 sào 7 thước 5 tấc ruộng để được làng khắc bi gửi giỗ cho ông ngoại và cha mẹ hai người.

Tư văn bi kí

斯文碑記

Kí hiệu: 486

Thác bản bia thôn Văn xã Kim Lũ huyện Thanh Trì phủ Thường Tín
常信府青池縣金縷社文村, sưu tầm tại từ chỉ thôn Văn xã Kim Lũ
tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 40 x 60 cm, gồm 15 dòng chữ Hán, toàn văn ước
khoảng 200 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Tự Đức thứ 9 (1856).

Người viết chữ: Nguyễn Hương 阮香.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Thôn Văn tiến hành tu sửa văn chỉ. Vợ chồng bà họ Nguyễn, hiệu Từ
Trung đã cúng cho Hội Tư văn thôn 50 quan tiền và 2 sào ruộng để
xin gửi giỗ cho hai người.

Văn thôn đình tiền thổ chủ tòng hưởng bi kí

文村亭前土主從饗碑記

Kí hiệu: 487

Thác bản bia thôn Văn xã Kim Lũ 金縷社文村, sưu tầm tại đình thôn Văn xã Kim Lũ tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 39 x 53 cm, gồm 12 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 200 chữ, không có hoa văn, có chữ húy: Cửu 𡗗.

Niên đại: Thành Thái Canh Tí (1900).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biêu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Từ năm Canh Hưng thứ 39 (1778), ông Nguyễn Huy Tái và vợ đã cúng cho thôn Văn 1 mẫu ruộng nên được bầu làm Hậu thân, đã lập khoán ước quy định việc cúng giỗ hàng năm. Nay dân thôn tiến hành xây lại đình làng, chọn địa điểm mới đúng vào thửa đất mà ông bà tiền cúng làm ruộng Hậu trước đây. Con cháu của ông bà đã bằng lòng cúng cho làng thửa ruộng Hậu ấy để làm đình. Nay đình mới xây xong, dân thôn tưởng nhớ công ơn, cho dựng tấm bia ở bên trái đình để lưu truyền lại sự việc.

Đông Nhất giáp bi kí

東一甲碑記

Kí hiệu: 488

Thác bản bia giáp Đông Nhất thôn Văn xã Kim Lũ 金縷社文村東一甲, sưu tầm tại quán Hậu giáp Đông Nhất xã Kim Lũ tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 60 x 90 cm, gồm 12 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 400 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Thành Thái Ất Tị (1895).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Giáp Đông Nhật lập ra đền thờ Hậu gọi là Hậu từ để thờ cúng những người đã có công với giáp được giáp bàu Hậu, đồng thời tiếp nhận những người cúng tiền cúng ruộng xin gửi giỗ vào đền để được cúng giỗ hàng năm. Ghi họ tên, ngày giỗ.

Phụng sắc tỉnh biểu bi kí

奉敕旌表碑記

Kí hiệu: 489

Thác bản bia thôn Trung xã Kim Lũ 金縷社中村, sưu tầm tại đình xã Kim Lũ tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 60 x 105 cm, gồm 15 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 250 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Thành Thái thứ 11 (1899).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Bà Nguyễn Thị Tần là người bản thôn, ngụ tại phố Đồng Lạc tỉnh Nam Định. Thấy thôn tu sửa đình, bà đã tự nguyện bỏ ra 320 đồng để giúp đỡ cho công trình và 300 đồng để mua ruộng gửi giỗ cho cha mẹ. Sau đó vì thấy công trình sửa đình quá to lớn, bà lại cúng thêm 150 đồng. Nhớ công ơn bà, dân làng dựng bia cam kết cúng giỗ cha mẹ và vợ chồng bà, đồng thời đem sự việc tâu lên vua và được ban sắc chỉ biểu dương.

Hậu kị bi kí

後忌碑記

Kí hiệu: 490

Thác bản bia thôn Trung xã Kim Lũ huyện Thanh Trì phủ Thường Tín
常信府青池縣金縷社中村, sru tằm tại đình xã Kim Lũ tổng
Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản mặt, khổ 56 x 81cm, gồm 18 dòng chữ Hán, toàn văn ước
khoảng 250 chữ, có hoa văn, không có chữ huy.

Niên đại: Minh Mệnh thứ 1 (1820).

Người soạn: Phạm Đình Hồ 范廷琥; chức vị: Tế tửu.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà Hồng Thị Vọng là vợ cả của ông Nguyễn Trọng, tự Trục Lương
làm ở Tú Lâm cục. Bà đã cùng với vợ lẽ của chồng là Phạm Thị
Tường và con cháu đến cúng cho bản thôn 100 quan tiền và 2 mẫu
ruộng tốt giao cho thôn luân lưu canh tác. Hàng năm, đến ngày giỗ
của bà và của chồng bà, dân làng sẽ cúng giỗ theo đúng quy định.

Đông Nhị giáp bi

東二甲碑

Kí hiệu: 491

Thác bản bia giáp Đông Nhị thôn Văn xã Kim Lũ 金縷社文村東二甲,
sru tằm tại quán Hậu thần giáp Đông Nhị xã Kim Lũ tổng Khương
Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 57 x 92 cm, gồm 10 dòng chữ Hán và Nôm, toàn
văn ước khoảng 350 chữ, có hoa văn, không có chữ huy.

Niên đại: Thành Thái thứ 16 (1904).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Bản thân từ trước đã có nhà thờ Hậu để xuân thu tế tự ghi nhớ công đức. Nay có bà Viên Thị Văn tình nguyện xuất tiền gửi giỗ ở bản giáp, giáp lập bia ghi huy hiệu và ngày giỗ.

Kim Giang Tướng quốc Nguyễn công thần đạo bi

金江相國阮公神道碑

Kí hiệu: 492/493

Thác bản bia sưu tầm tại xã Kim Lũ tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 78 x 150 cm, gồm 46 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 2000 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Thành Thái thứ 15 (1903).

Người soạn: Vũ Phạm Hàm 武范誠, tên tự: Mộng Hải; học vị: Tiến sĩ khoa Nhâm Thìn (1892); chức vị: Đốc học tỉnh Hà Nội.

Người viết chữ: Hoàng Tăng Bí 黃曾賁; quê quán: xã Đông Ngạc.

Chủ đề: Hành trạng, công tích nhân vật.

Tóm lược nội dung:

Bia mộ Tướng quốc Văn minh Đại học sĩ Nguyễn Trọng Hợp, ông húy Tuyên, tự Trọng Hợp, người làng Kim Lũ huyện Thanh Trì. Văn bia ca tụng Nguyễn Trọng Hợp là người tài giỏi, đỗ đạt cao, gánh vác các chức vụ trọng yếu của triều đình. Ông suốt đời tận trung với vua, tận tụy đảm đương chức phận trong triều cũng như ngoài biên cương. Ông mất năm Thành Thái thứ 14 (1902).

[Vô đề]

Kí hiệu: 494

Thác bản bia làng Kim Lũ, sưu tầm tại chùa xã Kim Lũ tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 39 x 68 cm, gồm 13 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 250 chữ, không có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Thành Thái thứ 10 (1898).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Xã Kim Lũ trùng tu chùa Phúc Diên. Thái tử Thái bảo Văn minh điện học sĩ họ Nguyễn (Trọng Hợp) đã đóng góp công của giúp dân sửa chùa, đồng thời cúng 9 sào ruộng để gửi giỗ cho 5 người thân, trong đó có người thứ thiếp của ông là Thành Thị Mai Viên. Cũng trong dịp này, người cháu họ Nguyễn ở thôn Trung cũng cúng cho xã 50 đồng và đặt số ruộng trị giá 100 đồng để gửi giỗ cho 6 vị.

Kim Lũ Định Công thạch kiều bi kí

金縷定功石橋碑記

Kí hiệu: 495

Thác bản bia xã Kim Lũ 金縷社, sưu tầm tại cầu đá xã Kim Lũ tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 63 x 98 cm, gồm 24 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 750 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: năm Quý Mùi.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Hai xã Định Công và Kim Lũ có chung một chiếc cầu bằng gỗ bắc qua sông Tô Lịch. Nhưng do lâu năm cầu đã bị mục, hư hỏng, nên việc đi lại rất khó khăn. Nhà sư trụ trì chùa của hai xã đã đứng ra hưng công, Hội chủ cùng các thiện nam tín nữ đã bỏ tiền của ra làm lại cầu bằng đá cho vững chắc và đẹp hơn. Bia ghi tên những người công đức.

Hậu phật bi kí

後佛碑記

Kí hiệu: 496/505

Thác bản bia giáp Đông Vực xã Quang Liệt huyện Thanh Trì phủ Thường Tín 常信府青池縣光烈社東域甲, sưu tầm tại chùa Long Quang xã Thanh Liệt tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 45 x 62 cm và 15 x 33 cm, gồm 11 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 150 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Long Đức thứ 4 (1735).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Ông Hồ Công Trương và bà Hồ Thị Sáng cúng cho bản giáp 30 quan tiền cô và một số ruộng, được giáp chấp thuận tôn bàu cho cha mẹ và em gái của họ là Hậu phật. Bia ghi quy định nghi thức cúng giỗ hàng năm.

Hậu phật bi kí

後佛碑記

Kí hiệu: 497/504/518

Thác bản bia thôn Đông Vực xã Quang Liệt huyện Thanh Trì phủ Thường Tín 常信府青池縣光烈社東域甲, sưu tầm tại chùa Long Quang xã Thanh Liệt tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 3 mặt, khổ 46 x 70 cm và 19 x 44 cm, gồm 24 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 350 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Vĩnh Hựu thứ 3 (1737).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Do có công đóng góp làm chùa, trước đây bà Đặng Thị Thụy ở thôn Đông Vực đã được dân tôn bàu là Hậu phật. Đến năm Canh Tí, bà

lại cúng cho làng 40 quan tiền cổ và một mẫu ruộng để chi cho cha mẹ và bà ngoại. Nay bà lại cúng thêm cho chùa 1 sào 5 thước ruộng. Dân thôn lập bia ghi lại sự việc và quy định cúng tế hàng năm.

[Vô đề]

Kí hiệu: 498/499/508

Thác bản bia thôn Đông Vực xã Quang Liệt huyện Thanh Trì phủ Thường Tín 常信府青池縣光烈社東域村, suru tầm tại chùa Long Quang xã Thanh Liệt tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 3 mặt, khổ 46 x 77 cm và 28 x 62 cm, gồm 27 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 650 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 2 (1741).

Người soạn và viết chữ: Trần Đăng Nhuận 陳登潤.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Quan viên hương lão thôn Đông Vực đồng lòng bàu bà Ngô Thị Tý là Hậu phật, vì bà đã cúng cho chùa 10 quan tiền và 1 mẫu 3 thước ruộng. Hàng năm đến ngày giỗ của bà, làng sẽ cúng giỗ theo quy định, cha mẹ và tổ tiên của bà cũng được phối hưởng.

Hậu phật bi kí

後佛碑記

Kí hiệu: 500/526/531

Thác bản bia giáp Đông Vực thôn Hạ xã Quang Liệt huyện Thanh Trì phủ Thường Tín 常信府青池縣光烈社東域甲, suru tầm tại chùa Long Quang xã Thanh Liệt tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 3 mặt, khổ 52 x 85 cm và 30 x 76 cm, gồm 26 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 600 chữ, không có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Đinh Mão.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà Nguyễn Thị Bình là vợ ông họ Vũ ở giáp Đông Vực, chồng chết sớm nhưng bà không tái giá. Nay bốn người anh em của bà đã xuất tiền 30 quan và 1 mẫu 6 sào ruộng xin với giáp bầu bà làm Hậu phật để được hưởng cúng giỗ hàng năm. Bia ghi quy định về cách thức sử dụng các thửa ruộng cho các kỳ cúng lễ trong năm.

Long Quang tự bi kí

龍光寺碑記

Kí hiệu: 501

Thác bản bia giáp Đoài xã Quang Liệt huyện Thanh Trì phủ Thường Tín 常信府青池縣光烈社兌甲, sưu tầm tại chùa Long Quang xã Thanh Liệt tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 39 x 70 cm, gồm 14 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 250 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Gia Long thứ 16 (1817).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà họ Nguyễn, hiệu Diệu Nghĩa có lời xin hiến 8 quan thanh tiền và 1 mẫu 2 thước 2 tấc đất ruộng để xin làm Hậu. Bản giáp thuận tình sẽ cúng giỗ bà sau khi bà mất. Ghi vị trí, diện tích các thửa ruộng và lệ cúng giỗ.

Lập kí kị bi

立寄忌碑

Kí hiệu: 502

Thác bản bia thôn Đông Vực xã Thanh Liệt huyện Thanh Trì phủ Thường Tín 常信府青池縣清烈社東域村, sưu tầm tại chùa Long Quang xã Thanh Liệt tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 34 x 68 cm, gồm 9 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 240 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Thành Thái thứ 10 (1890).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà Bùi Thị Nghĩa là người bản thôn, chồng chết sớm chỉ sinh được một người con gái. Vì lo sau này việc cúng giỗ không được chu đáo nên bà đã cúng cho bản thôn 1 mẫu 8 sào 3 thước 7 tấc đất ruộng và cây cối gồm 14 cây vừa nhãn vừa vải để xin gửi giỗ cho mình, cho chồng và cho vợ lẽ của chồng. Qui định cúng giỗ hàng năm.

Hậu phật bi kí

後佛碑記

Kí hiệu: 503

Thác bản bia thôn Đông Vực xã Quang Liệt huyện Thanh Trì phủ Thường Tín 常信府青池縣清烈社東域村, sưu tầm tại chùa Long Quang xã Thanh Liệt tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 26 x 59 cm, gồm 10 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 150 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: không ghi.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà Trịnh Thị Bảo hiệu Diệu Viên ở thôn Biện Thượng xã Sóc Sơn phủ Thiệu Thiên cúng cho thôn 20 quan tiền và 1 mẫu ruộng, được dân thôn thuận tình tôn bầu mẹ là bà họ Trần, hiệu Thục Diễm là Hậu phật. Bà lại cúng cho thôn 1 mẫu ruộng để gửi giỗ cho bà nội là Vũ Thục Hạnh. Ghi lệ cúng giỗ.

Thụ bi kí kị

樹碑寄忌

Kí hiệu: 506

Thác bản bia giáp Đông Vực thôn Hạ xã Thanh Liệt huyện Thanh Trì phủ Thường Tín 常信府青池縣清烈社下村東域甲, sưu tầm tại chùa Long Quang xã Thanh Liệt tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 35 x 59 cm, gồm 8 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 120 chữ, không có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Tự Đức thứ 8 (1855).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà Trần Thị Minh ở giáp Đông Vực, cúng cho bản thôn 10 quan tiền và 6 sào ruộng, để xin gửi giỗ cho ông bà. Bản giáp thuận tình cho đặt Hậu phật ở chùa Long Quang, tổ tiên của bà cùng được phối hưởng.

Long Quang tự kí kị bi kí

龍光寺寄忌碑記

Kí hiệu: 507

Thác bản bia giáp Đông Vực xã Quang Liệt huyện Thanh Trì phủ Thường Tín 常信府青池縣光烈社東域甲, sưu tầm tại chùa Long Quang xã Thanh Liệt tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 32 x 60 cm, gồm 14 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 200 chữ, không có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: không ghi.

Niên đại ước đoán: thời Nguyễn.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà quả phụ Bạch Thị Thu ở giáp Đông Vực ở vậy không lấy chồng,

đến năm bà 74 tuổi thì mất. Vào năm Kỷ Hợi, em gái và cháu bà cúng cho bản giáp 10 quan tiền cổ và 5 sào ruộng để gửi giỗ cho bà. Bản giáp thuận tình bầu bà là Hậu phật tại chùa. Quy định cúng giỗ hàng năm.

Kí kị bi kí

寄忌碑記

Kí hiệu: 509

Thác bản bia suru tằm tại chùa Long Quang xã Thanh Liệt tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 42 x 75 cm, gồm 16 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 350 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Tự Đức thứ 23 (1870).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà Lê Thị Thảo đã cúng cho bản giáp 24 quan tiền và 9 sào ruộng để xin gửi giỗ cho cha mẹ và chồng. Bản giáp thuận tình quy định cúng giỗ hàng năm. Ghi vị trí diện tích các thửa ruộng.

Kí kị bi kí

寄忌碑記

Kí hiệu: 510

Thác bản bia giáp Đông Vực xã Thanh Liệt tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì phủ Thường Tín 常信府青池縣清烈社東域甲, suru tằm tại chùa Long Quang xã Thanh Liệt tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 50 x 80 cm, gồm 12 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 300 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Tự Đức thứ 33 (1870).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà Nguyễn Thị Ngoạn và bà Nguyễn Thị Quy người giáp Đông Vực cúng cho chùa 9 sào ruộng để xin gửi giỗ cho cha mẹ và em trai, và 9 thước 8 tấc đất làm tiền đèn hương cho bản chùa. Ghi quy định cúng giỗ hàng năm và vị trí diện tích các thửa ruộng.

Hậu phật bi kí

後佛碑記

Kí hiệu: 511

Thác bản bia giáp Đông Vực thôn Hạ xã Quang Liệt huyện Thanh Trì phủ Thường Tín 常信府青池縣光烈社下村東域甲, sưu tầm tại chùa Long Quang xã Thanh Liệt tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 32 x 50 cm, gồm 12 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 200 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: không ghi.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Các ông Nguyễn Đắc Trường, Nguyễn Đắc Thịnh cùng toàn gia tộc họ Nguyễn ở giáp Đông Vực, cúng cho thôn 6 sào ruộng và 15 quan tiền, để xin cho cha mẹ đẻ cùng mẹ nuôi là Hậu phật. Ghi quy định cúng giỗ hàng năm, vị trí diện tích các thửa ruộng và cam kết của bản tộc với thôn.

Kị nhật bi kí

忌日碑寄

Kí hiệu: 512

Thác bản bia giáp Đông Vực 東域甲, sưu tầm tại chùa Long Quang xã Thanh Liệt tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 44 x 75 cm, gồm 14 dòng chữ Hán và Nôm, toàn

văn ước khoảng 400 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Thành Thái thứ 1 (1889).

Người soạn: Vũ Tử Nhã 武子雅; học vị: Tú tài.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà họ Vũ, hiệu Từ Phúc, chồng chết sớm, chỉ có một người con gái. Bà tái giá với ông họ Nguyễn ở bản thôn, sau lại gả con gái của mình cho con trưởng của người chồng sau. Nay bà cùng con gái và con rể cúng cho bản xã 6 sào ruộng và 50 đồng bạc, để xin gửi giỗ cho bản thân bà và chồng trước cùng các con đã mất sớm của bà. Ghi quy định cúng giỗ hàng năm, vị trí diện tích các thửa ruộng.

Hậu phật bi kí

後佛碑記

Kí hiệu: 513

Thác bản bia giáp Đông Vực thôn Hạ xã Quang Liệt huyện Thanh Trì phủ Thường Tín 常信府青池縣光烈社下村東域甲, suru tầm tại chùa Long Quang xã Thanh Liệt tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 33 x 47 cm, gồm 9 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 150 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 22 (1761).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà Nguyễn Thị Chiêu người bản giáp cúng 5 sào 7 thước 6 tấc ruộng và 10 quan, 2 sào đất vườn để xin cho bản thân và chồng trước được là Hậu phật. Ghi quy định cúng giỗ hàng năm và vị trí, diện tích các thửa ruộng.

Hậu phật bi kí

後佛碑記

Kí hiệu: 514/527

Thác bản bia giáp Đông Vực thôn Hạ xã Quang Liệt huyện Thanh Trì phủ Thường Tín tỉnh Hà Nội 河南省常信府青池縣光烈社下村東, sưu tầm tại chùa Long Quang xã Thanh Liệt tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 32 x 43 cm, gồm 10 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 120 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Minh Mệnh thứ 17 (1836).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Trước đây, bà cô tổ của ông Nguyễn Đăng Vinh đã cúng cho giáp Đông Vực 5 sào ruộng để gửi giỗ, nhưng chưa kịp dựng bia. Nay ông Vinh cùng họ tộc dựng bia này để ghi quy định việc cúng giỗ hàng năm và vị trí các thửa ruộng.

Kí kỵ bi kí

寄忌碑記

Kí hiệu: 515/517

Thác bản bia giáp Đông Vực thôn Hạ xã Thanh Liệt huyện Thanh Trì phủ Thường Tín 常信府青池縣光烈社下村東城甲, sưu tầm tại chùa Long Quang xã Thanh Liệt tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 42 x 55 cm, gồm 12 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 150 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Thiệu Trị thứ 3 (1843).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bâu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà Nguyễn Thị Tam là người bản giáp cúng 1 mẫu 1 sào ruộng và 12 quan thanh tiền để gửi giỗ cho bản thân. Ghi quy định cúng giỗ hàng năm, vị trí và diện tích các thửa ruộng, số tiền cúng.

Phật Hậu bi kí

佛后碑記

Kí hiệu: 516

Thác bản bia giáp Đông Vực thôn Hạ xã Quang Liệt huyện Thanh Trì phủ Thường Tín tỉnh Hà Nội 河内省常信府青池縣光烈社下村東域甲, suru tâm tại chùa Long Quang xã Thanh Liệt tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 41 x 58 cm, gồm 12 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 200 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Minh Mệnh thứ 19 (1838).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Giáp Đông Vực tu sửa chùa, bà Lê Thị Sự người trong giáp đã cung hiến công đức, được giáp dựng bia tôn bàu cha mẹ và người con gái đã mất của bà làm Hậu Phật. Bia khắc bài vị, tên Hậu Phật và quy định nghi thức cúng giỗ.

Hậu Phật bi kí

後佛碑記

Kí hiệu: 519

Thác bản bia thôn Trung xã Quang Liệt huyện Thanh Trì phủ Thường Tín 常信府青池縣光烈社中村, suru tâm tại chùa Long Quang xã Thanh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 45 x 63 cm, gồm 13 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 300 chữ, có hoa văn, có chữ hý: Cừu 羴.

Niên đại: Long Đức thứ 3 (1734).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Sinh đồ Trần Thế Lộc là người thôn Trung xã Quang Liệt huyện Thanh Trì phủ Thường Tín. Ông đã cúng 20 quan cổ tiền và 1 mẫu ruộng cho thôn Đông Vực cùng xã. Bản thôn bầu ông bà là Hậu phật, ghi quy định cúng giỗ hàng năm.

Kí kỵ bi

寄忌碑

Kí hiệu: 520

Thác bản bia xã Thanh Liệt tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì phủ Thường Tín 常信府青池縣清烈社清烈總中村, sưu tầm tại chùa Long Quang xã Thanh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 48 x 72 cm, gồm 21 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 500 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Thành Thái thứ 15 (1903).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Bà Vũ Thị Tấn cùng con trai cúng cho làng 1 mẫu 7 sào 4 thước 2 tấc ruộng và 40 quan tiền kèm để gửi 6 giỗ cho ông bà, cha mẹ và người thân. Ghi tên người gửi giỗ, ngày giỗ và vị trí các thửa ruộng.

Hậu phật bi kí

后佛碑記

Kí hiệu: 521

Thác bản bia giáp Đông Vực thôn Hạ xã Quang Liệt huyện Thanh Trì

phủ Thường Tín 常信府青池縣光烈社下村東域甲, sưu tầm tại chùa Long Quang xã Thanh Liệt tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 44 x 73 cm, gồm 10 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 200 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: không ghi.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Hành trạng, công tích nhân vật.

Tóm lược nội dung:

Bà Đàm Thị Đào vợ ông họ Lê là người hiền đức trong làng. Bà đã xuất tiền nhà và ruộng để cúng cho giáp Đông Vực. Bản giáp nhớ ơn, tôn bàu bà là Hậu phật ở chùa Long Quang. Ghi quy định cúng giỗ hàng năm.

[Vô đề]

Kí hiệu: 522

Thác bản bia sưu tầm tại chùa Long Quang xã Thanh Liệt tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 19 x 42 cm, gồm 5 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 100 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: không ghi.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Liệt kê vị trí và diện tích các thửa ruộng.

Hậu đường bi kí

後堂碑記

Kí hiệu: 523

Thác bản bia thôn Hạ xã Thanh Liệt huyện Thanh Trì phủ Thường Tín tỉnh Hà Nội 河南省常信府青池縣清烈社下村, sưu tầm tại chùa Long Quang xã Thanh Liệt tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 26 x 40 cm, gồm 12 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 180 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Tự Đức thứ 1 (1848).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Bà Đặng Thị Thiên cúng cho giáp Văn 10 quan thanh tiền và 1 sào 9 thước 8 tấc ruộng để gửi giỗ hàng năm, lập bia thờ trong hậu đường của chùa. Ghi vị trí diện tích ruộng.

Hậu phật bi kí

后佛碑記

Kí hiệu: 524

Thác bản bia giáp Đông Vực thôn Hạ xã Quang Liệt huyện Thanh Trì phủ Thường Tín xứ Sơn Nam Thượng 山南上處常信府青池縣光烈社下村東域甲, sưu tầm tại chùa Long Quang xã Thanh Liệt tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 46 x 73 cm, gồm 8 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 280 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: không ghi.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Ông Nguyễn Đình Quyền và vợ là Nguyễn Thị Tăng đều là người hiền lương từ tể, hai người sống với nhau trên 20 năm mà vẫn không có con. Khi bà mất, ông đã xuất tiền (không ghi rõ số tiền) để gửi giỗ cho bà. Bản giáp thuận tình, các vị hương lão giáp Đông Vực cho lập bia khắc bài vị của bà, quy định cúng giỗ hàng năm.

Hậu phật bi kí

後佛碑記

Kí hiệu: 525

Thác bản bia giáp Đông Vực thôn Hạ xã Quang Liệt huyện Thanh Trì phủ Thường Tín 常信府青池縣光烈社下村東域甲, sưu tầm tại chùa Long Quang xã Thanh Liệt tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 36 x 55 cm, gồm 8 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 120 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 32 (1771).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biếu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Bà Nguyễn Thị Hăm cúng 12 quan tiền và 1 mẫu 2 sào ruộng vào chùa Long Quang. Bà và người chồng đã mất được dân làng bầu là Hậu phật. Ghi ngày giỗ và quy định cúng giỗ hàng năm.

Nam Vô A Di Đà Phật chứng minh

南無阿彌陀佛證明

Kí hiệu: 528

Thác bản bia giáp Đông Vực xã Quang Liệt huyện Thanh Trì phủ Thường Tín tỉnh Hà Nội 河南省常信府青池縣光烈社東域甲, sưu tầm tại chùa Long Quang xã Thanh Liệt tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 44 x 54 cm, gồm 18 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 500 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Minh Mệnh thứ 20 (1839).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà Nguyễn Thị Thư cúng cho giáp Đông Vực 40 quan thanh tiền và 2 mẫu 4 sào 1 tác ruộng để gửi giỗ cho người thân, gồm cha, mẹ, con rể, con gái và em gái.

Hậu phật bi kí

后佛碑記

Kí hiệu: 529

Thác bản bia giáp Đông Vực thôn Hạ xã Quang Liệt huyện Thanh Trì phủ Thường Tín 常信府青池縣光烈社下村東域甲, sưu tầm tại chùa Long Quang xã Thanh Liệt tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 44 x 64 cm, gồm 14 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 300 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Gia Long thứ 13 (1814).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Giáp Đông Vực sửa chữa chùa, bà Lê Thị Hựu cúng 2 mẫu 2 sào ruộng để trợ giúp công việc. Bản giáp bàu bà và chồng là Hậu phật. Ghi ngày giỗ và qui định cúng giỗ. Giữa bia có bài vị của hai vợ chồng bà.

Nguyễn môn kị nhật bi kí

阮門忌日碑記

Kí hiệu: 530

Thác bản bia giáp Đông Vực xã Quang Liệt tổng Quang Liệt huyện Thanh Trì phủ Thường Tín 常信府青池縣光烈社東域甲, suru tầm tại chùa Long Quang xã Thanh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 55 x 87 cm, gồm 20 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 450 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Minh Mệnh thứ 20 (1839).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Ông Nguyễn Văn Quyền nhà ở Bắc Thành, cùng vợ và con trai thứ mua 2 mẫu 5 sào ruộng tốt ở địa phận bản xã để giao cho bản giáp luân phiên nhau cấy cấy và 40 quan tiền để lo hương khói cho bản thân sau này. Bản giáp chấp thuận nhận số ruộng, tiền và dựng bia ghi các ngày giỗ cùng quy định nghi thức cúng giỗ.

Vô đề

Kí hiệu: 532

Thác bản bia xã Thanh Liệt tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì phủ Thường Tín 常信府青池縣清烈總清烈社, suru tầm tại chùa Long Quang xã Thanh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 55 x 87 cm, gồm 21 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1000 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Tự Đức thứ 31 (1878).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Hội Tư văn xã Thanh Liệt gồm 67 người và Hội Tư văn thôn Thượng

hộp bàn cùng kiểm kê số ruộng của từng Hội đã mua để dùng cho các kỳ tế lễ trong năm. Ghi số ruộng, vị trí và số thuế phải đóng của từng thửa ruộng.

Nguyễn gia bi kí

阮家碑記

Kí hiệu: 533

Thác bản bia thôn Đông Vực 東域村, sưu tầm tại chùa Long Quang xã Thanh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 58 x 93 cm, gồm 18 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 500 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Duy Tân thứ 2 (1908).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà Nguyễn Thị Khanh cúng 1 mẫu 9 sào ruộng và 60 quan thanh tiền để gửi giỗ cho họ hàng nội ngoại gồm 8 vị. Bản giáp chấp thuận cho lập bia ghi lại đặt ở hậu đường của chùa. Ghi ngày giỗ của từng người, vị trí và diện tích các thửa ruộng.

Long Quang bảo tự/Hậu thần bi kí/Kiên Hậu thần vị/ Tuế thứ Nhâm Thìn

龍光寶寺/后神碑記/兼后神位/歲次壬辰

Kí hiệu: 534/535/536/537

Thác bản bia giáp Đông Vực xã Quang Liệt huyện Thanh Trì phủ Thường Tín 常信府青池縣光烈社東域, sưu tầm tại chùa Long Quang xã Thanh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 4 mặt, khổ 47 x 115 cm, gồm 23 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 500 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 33 (1772).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biếu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà Nguyễn Thị Hảo có công sửa sang chùa, miếu của làng, lại cúng cho bản giáp 2 mẫu ruộng tốt, 2 mẫu vườn trồng 100 cây vải và 30 quan tiền. Quan viên hương lão giáp Đông Vực thuận tình bầu bà Nguyễn Thị Hảo và cha mẹ của bà là Hậu thân kiêm Hậu phật, được thờ cúng tại chùa Long Quang. Ghi những quy định cúng giỗ hàng năm và vị trí diện tích số vườn ruộng.

Thôn hậu bi kí

村后碑記

Kí hiệu: 538

Thác bản bia thôn Trung xã Thanh Liệt huyện Thanh Trì phủ Thường Tín 常信府青池縣清烈社中村, sưu tầm tại đình thôn Trung xã Thanh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 55 x 86 cm, gồm 17 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 500 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: không ghi.

Niên đại ước đoán: sau năm Minh Mệnh thứ 17 (1836).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biếu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Từ năm Minh Mệnh thứ 17, ông Nguyễn Đình Bách đã cúng cho thôn 20 quan tiền để thôn trùng tu chùa. Sau đó ông lại cúng thêm 1 mẫu 2 thước 9 tấc ruộng và 20 quan tiền nữa để gửi giỗ cho vợ lẽ là bà Nguyễn Thị Báy. Hàng năm vào dịp lễ tiết, giỗ chạp làng phải cúng giỗ theo đúng quy định trong bia.

Hoàng Nam Thành Thái

皇南成泰

Kí hiệu: 539

Thác bản bia suu tầm tại đình thôn Trung xã Thanh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 62 x 100 cm, gồm 18 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 800 chữ, có hoa văn, có chữ húy: Chung 蘇.

Niên đại: Thành Thái thứ 14 (1902).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà Nguyễn Thị Thiều là người thôn Trung, bà lấy chồng ba bốn chục năm mà không có con. Bà cưới thêm vợ lẽ cho chồng, chồng mất, bà nuôi các con của vợ lẽ như con đẻ của mình. Nay bà cúng cho bản xã 2 mẫu 1 sào ruộng và 60 quan thanh tiền để xin gửi giỗ cho chồng và bản thân. Ghi ngày giỗ của hai người và vị trí các thửa ruộng.

Hoàng Nam Thành Thái

皇南成泰

Kí hiệu: 540

Thác bản bia suu tầm tại đình thôn Trung xã Thanh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 60 x 95 cm, gồm 16 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 600 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Thành Thái thứ 14 (1902).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà Nguyễn Thị Lễ cúng vào chùa 60 quan thanh tiền, 2 mẫu 1 sào ruộng để xin gửi giỗ cho bản thân và người chồng đã mất của bà. Ghi ngày giỗ của hai người và vị trí, diện tích các thửa ruộng.

[Vô đề]

Kí hiệu: 541

Thác bản bia tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì 靑池縣清烈總, sưu tầm tại đình xã Thanh Liệt tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 62 x 92 cm, gồm 17 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 600 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Tự Đức thứ 31 (1878).

Người viết 1: Trần Ngọc Uyển 陳玉琬.

Người viết 2: Nguyễn Văn Tăng 阮文增.

Chủ đề: Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Bia ghi tên và chức danh những người cúng tiền và ruộng vào văn chỉ tổng Thanh Liệt (gồm 34 người). Trong đó có Huyện doãn huyện Thanh Trì là Vũ Huy Lân đóng 30 quan tiền và Huyện doãn Văn Chấn là Trần Cư đóng 2 sào thu điền, 50 quan tiền. Ghi cụ thể số đóng góp của từng người.

Thôn hậu bi kí

村后碑記

Kí hiệu: 542

Thác bản bia thôn Trung xã Thanh Liệt huyện Thanh Trì phủ Thường Tín 常信府靑池縣清烈社中村, sưu tầm tại đình thôn Trung xã Thanh Liệt tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 43 x 64 cm, gồm 21 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 700 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Tự Đức thứ 8 (1855).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà Trần Thị Minh là người thôn Trung, bà muốn gửi giỗ cho cha mẹ và bản thân sau này, nên đã cúng cho thôn 2 mẫu ruộng tốt. Ghi ngày giỗ, vị trí, diện tích ruộng và quy định nghi lễ cúng giỗ.

Trung thôn khoa hoạn thọ lão kí

中村科宦壽老記

Kí hiệu: 543

Thác bản bia thôn Trung 中村, sưu tầm tại đình thôn Trung xã Thanh Liệt tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 64 x 115 cm, gồm 7 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 200 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Thành Thái thứ 17 (1905).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Bản thôn có địa thế sơn thủy kì tú nên đã sản sinh ra nhiều người tài giỏi, đỗ đạt làm quan và trường thọ. Ghi chép phong tục tốt đẹp đó để đời sau ghi nhớ và lưu lại truyền thống cho hậu thế.

Trung thôn kí sự thạch bi

中村記事石碑

Kí hiệu: 544

Thác bản bia thôn Trung xã Thanh Liệt 清烈社中村, sưu tầm tại đình thôn Trung xã Thanh Liệt tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 70 x 125 cm, gồm 20 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 800 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Thành Thái thứ 17 (1905).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Sinh hoạt làng xã.

- Lịch sử di tích.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Xã Thanh Liệt có 7 giáp, chia về 5 thôn. Thôn ta gồm ba giáp Nam Thượng, Nam Hạ và Đông Đoài, từ xưa có chung ngôi đình Lý Nhân và chùa Ân Quang. Ngôi đình này là của bản thôn xây dựng riêng. Đến năm Tự Đức Nhâm Thân (1872), xã bản với thôn dời bỏ đình riêng để xây dựng miếu chung với cả làng. Từ đó thôn không còn nơi thờ phụng, khiến tình hình trong thôn không còn được phát đạt như xưa. Vì thế đến năm Mậu Tuất (1898) đời Thành Thái, các chức sắc trong thôn lại bàn khôi phục lại đình cũ. Ghi lại số ruộng tự điền của thôn và một số điều lệ hương ước về sinh hoạt của thôn như tế tự, tuần phu, đường xá đi lại, chợ búa.

Thành Thái Nhâm Dần xuân

成泰壬寅春

Kí hiệu: 545

Thác bản bia suru tằm tại đình xã Thanh Liệt tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 69 x 102 cm, gồm 10 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 300 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Thành Thái thứ 14 (1902).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
 - Sinh hoạt làng xã.
 - Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Bia ghi chép danh sách những người đã tiến cúng vật liệu, đồ thờ cho xã trong dịp làng xây dựng tòa miếu mới, như bà Chu Thị Lộ mẹ của Tiến sĩ họ Đàm xã Hương Mặc đã cúng 10 cây gỗ lim, ông Đặng Văn Lại cúng chiếc long đình v.v...

Hậu phật bi kí

後佛碑記

Kí hiệu: 546/549/550

Thác bản bia xã Quang Liệt 光烈社, sưu tầm tại chùa Quang Phúc xã Thanh Liệt tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 3 mặt, khổ 28 x 64 cm và 15 x 64 cm, gồm 10 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 100 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 6 (1745).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bia ghi ông Nguyễn Thuần Lương và vợ là Hậu phật tại chùa Quang Phúc giáp Cự Đông. Ghi số ruộng tự điền gồm 1 mẫu và số tiền cúng là 15 quan cổ tiền cùng các thẻ lệ cúng giỗ hai ông bà.

[Vô đề]

Kí hiệu: 547

Thác bản bia sưu tầm tại chùa Quang Phúc xã Thanh Liệt tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 18 x 38 cm, gồm 6 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 60 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 7 (1746).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bài vị bà Hậu phật bà họ Đặng hiệu Diệu Tông. Bà đã cúng 1 sào 8 thước ruộng cho địa phương nên được bầu là Hậu phật. Bia ghi quy định lễ vật cúng giỗ và các thửa ruộng tự điền.

[Vô đề]

Kí hiệu: 548

Thác bản bia suu tầm tại chùa Quang Phúc xã Thanh Liệt tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 12 x 39 cm, gồm 2 dòng chữ Hán, toàn văn 16 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: không ghi.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bài vị của một vị Hậu phật (không ghi họ tên), ghi số tiền đóng góp 30 quan và 1 sào ruộng ở xứ Cửa Chùa.

Hậu phật bi kí

後佛碑記

Kí hiệu: 551

Thác bản bia xã Quang Liệt 光烈社, suu tầm tại chùa Quang Phúc xã Thanh Liệt tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 36 x 57 cm, gồm 7 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 80 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Long Đức thứ 2 (1733).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà họ Thái hiệu Diệu Quý là vợ lẽ của ông Chánh Đội trưởng Nhuận Thọ, bà là Hậu phật tại chùa Quảng Phúc giáp Cự Đông xã Thanh Liệt. Bia ghi số tiền, ruộng đã cúng cho giáp là 10 quan tiền cổ và 3 sào ruộng cùng những quy định cúng giỗ hàng năm.

[Vô đề]

Kí hiệu: 552

Thác bản bia giáp Cự Đông xã Thanh Liệt huyện Thanh Trì phủ
Thường Tín 常信府青池縣清烈社巨東甲, sưu tầm tại chùa Quang
Phúc xã Thanh Liệt tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 52 x 83 cm, gồm 16 dòng chữ Hán, toàn văn ước
khoảng 400 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Duy Tân thứ 3 (1909).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biếu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà Nguyễn Thị Phần là người giáp Cự Đông xã Thanh Liệt, lấy chồng
ở xã Trịnh Xá phủ Từ Sơn tỉnh Bắc Ninh. Sau đó gia đình bà dời về
quê nhà sinh sống. Không may chồng chết, chỉ có 2 người con gái.
Bà đã cúng cho bản giáp 3 sào 10 thước ruộng và 40 quan thanh
tiền để gửi giỗ cho cha mẹ cùng hai vợ chồng bà. Ghi quy định
cúng giỗ hàng năm và các thừa ruộng tiến cúng.

Kí kị bi kị

寄忌碑記

Kí hiệu: 553

Thác bản bia giáp Cự Đông xã Thanh Liệt huyện Thanh Trì phủ
Thường Tín 常信府青池縣清烈社巨東甲, sưu tầm tại chùa Quang
Phúc xã Thanh Liệt tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 58 x 78 cm, gồm 23 dòng chữ Hán, toàn văn ước
khoảng 500 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: không ghi.

Người soạn: Vũ Chu Phu 武周孚; quê quán: xã Mi Trung tỉnh Hải
Dương; học vị: Tú tài.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biếu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Bà Phạm Thị Hai, bà ngoại của vợ ông Lí trưởng là người hiền lành đức độ, chồng mất sớm, nhưng bắt chấp mỗi manh, bà ở vậy nuôi con trưởng thành, nay đã già, được dân thôn biểu dương lòng trung tiết, hứa sẽ thờ phụng. Nay bà xin cúng cho bản giáp 11 thước 4 tấc ruộng và một số tiền để gửi giỗ cho cha mẹ. Đồng thời, hai ông Trần Văn Thị, Nguyễn Văn Lai là cháu của bà đã xuất ra 10 quan tiền và 13 thước ruộng để gửi giỗ cho bà sau này. Bia ghi húy hiệu và ngày kỵ của người được gửi giỗ cùng các điều cam kết của xã về lễ vật cúng giỗ.

Ghi chú: Bia bị mất toàn bộ mảng chữ ở chân bia.

[Vô đề]

Kí hiệu: 554

Thác bản bia giáp Nội Nguyễn 内阮甲, sưu tầm tại đình xã Cự Thượng tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 51 x 77 cm, gồm 15 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 500 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Thành Thái thứ 19 (1907).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Nguyên Tri huyện huyện Văn Quan là Bùi Lượng sinh được 5 người con trai và 4 người con gái, nhưng đến nay vợ chồng ông cùng các con trai đều mất sớm, chỉ còn hai người con gái lo việc thờ cúng. Họ đã cúng cho giáp Nội Nguyễn 60 quan tiền kẽm và 9 sào ruộng tốt để gửi giỗ cho cha mẹ. Ghi quy định cúng giỗ hàng năm.

Kí kị bí kị

寄忌碑記

Kí hiệu: 555

Thác bản bia sưu tầm tại đình xã Cựu Thượng tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 32 x 46 cm, gồm 10 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 150 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Thành Thái thứ 14 (1902).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Quý ông họ Đỗ người bản xã chẳng may bị mất sớm. Ông chỉ sinh được một người con gái là Đỗ Thị Sự. Nay bà Sự lo việc thờ cúng cho ông sau này không được chu đáo, nên bàn với mẹ xuất 30 quan thanh tiền và 3 sào ruộng tốt để gửi giỗ cho ông tại bản giáp. Ghi quy định cúng giỗ hàng năm và vị trí các thửa ruộng.

Kí kị bí kị

寄忌碑記

Kí hiệu: 556

Thác bản bia xóm An Đông xã Nhân Mục huyện Thanh Trì 靑池縣仁睦社安東域, sưu tầm tại điểm xã Cựu Thượng tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 40 x 68 cm, gồm 13 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 270 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Minh Mệnh thứ 15 (1834).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Ông họ Cao hiệu Pháp Đạt là Trùm bản ở xóm An Đông xã Nhân Mục và vợ là bà họ Nguyễn hiệu Thiện Tiến, là người thuần hậu nhưng

không có con. Ông bà đã xuất ra 4 sào ruộng tốt và 30 quan thanh tiền giao cho bản giáp để xin gửi giỗ. Bản giáp thuận tình, hàng năm cúng giỗ ông bà theo như quy định.

Nội Nguyễn giáp hậu bi

内阮甲后碑

Kí hiệu: 557

Thác bản bia giáp Nội Nguyễn 内阮甲, sưu tầm tại đình bia xã Cự Thượng tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 41 x 57 cm, gồm 12 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 200 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Tự Đức thứ 21 (1868).

Người khắc: Đỗ Mẫn 杜敏; chức vị: Cửu phẩm.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Ông Đỗ Mẫn là con rể họ Bùi ở giáp Nội Nguyễn đã xuất ra 1 mẫu 2 sào ruộng và 100 quan tiền để gửi giỗ cho bà ngoại, cha mẹ vợ, hai người anh. Ghi tên hiệu, ngày giỗ, quy định cúng giỗ.

Lưu kí tự điền bi

留寄寺田碑

Kí hiệu: 558

Thác bản bia sưu tầm tại đình bia xã Nhân Mục Cự tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 49 x 67 cm, gồm 15 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 700 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Tự Đức thứ 25 (1862).

Người soạn 1: Nguyễn Mẫn 阮敏; học vị: Tú tài.

Người soạn 2: Bùi Xuân Nghi 裴春沂; học vị: Cử nhân.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Liệt kê các thửa ruộng dùng để gửi giỗ cho Nhận Trai tiên sinh (Lê Đình Dao) và gửi lễ cho phu nhân của ông là Vũ Thị Ân tại hai thôn Thượng Đình và Hạ Đình.

[Vô đề]

Kí hiệu: 559

Thác bản bia sưu tầm tại đình bia xã Nhân Mục Cựu tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 50 x 90 cm, gồm 13 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 400 chữ, có hoa văn, không có chữ huy.

Niên đại: không ghi.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Ghi tên các học trò của Nhận Trai tiên sinh đã tham gia xây dựng đình bia thờ Tiên sinh, trong đó hầu hết là Cử nhân và Tú tài, như Tuấn phủ Lạng - Bình là Tiến sĩ Đình Công Trịnh Lý Hường, Thượng thư Bộ Công là Cử nhân Thọ Xương Nguyễn Bính.

Lê Hoàng Nhận Trai tiên sinh thần đạo bi

黎黃認齋先生神道碑

Kí hiệu: 560

Thác bản bia xã Nhân Mục huyện Thanh Trì 靑池縣仁睦社, sưu tầm tại đình bia xã Nhân Mục tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 87 x 140 cm, gồm 24 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 800 chữ, có hoa văn, không có chữ huy.

Niên đại: Tự Đức thứ 21 (1868).

Người soạn 1: Bùi Xuân Nghi 裴春沂; quê quán: xã Vân Canh; học vị: Cử nhân.

Người soạn 2: Nguyễn Liên 阮蓮; học vị: Cử nhân; chức vị: Giáo thụ phủ Thái Bình.

Người hiệu đính 1: Nguyễn Huy Du 阮輝猷; quê quán: xã Thượng Đình; học vị: Giải nguyên; chức vị: Giám sát Ngự sử đạo Thanh Hoa.

Người hiệu đính 2: Nghiêm Thiều 嚴詔; quê quán: xã Tây Mỗ; học vị: Giải nguyên.

Người nhuận sắc 1: Đặng Trần Chuyên 登陳顥; học vị: Tiến sĩ; chức vị: Tuần phủ, Hộ lý, Định Yên Tổng đốc quan phòng.

Người nhuận sắc 2: Nguyễn Bính 阮炳; quê quán: xã Thọ Xương; học vị: Cử nhân; chức vị: Tuần phủ Hà Nội.

Người nhuận sắc 3: Lương Qui Chính 梁歸正; học vị: Cử nhân; chức vị: Hàn lâm viện Thị giảng học sĩ, Án sát sứ Ninh Bình.

Người viết chữ: Bùi Xuân Tiên 裴春先; quê quán: phường Hà Khẩu; học vị: Cử nhân.

Chủ đề: Hành trạng, công tích nhân vật.

Tóm lược nội dung:

Hành trạng của Lê Hoàng Nhận Trai tiên sinh. Tiên sinh húy Bành, hay Diễm, đi thi lấy tên là Đình Dao, người làng Nhân Mục huyện Thanh Trì. Tổ tiên ông trước đây họ Hoàng, sau làm con nuôi một viên quan họ Lê nên lấy họ kép là Lê Hoàng. Tiên sinh sinh năm Nhâm Tý niên hiệu Cảnh Hưng, năm 30 tuổi đỗ kỳ thi Hương, đến kỳ thi Hội bị hỏng, được bổ chức Giáo thụ, sau đó làm Tri huyện. Nghe tin bố mất ông treo ấn từ quan về nhà dạy học nuôi dưỡng mẹ già, học trò theo học rất đông. Năm Thiệu Trị Bính Ngọ tiên sinh mất, thọ 55 tuổi. Học trò có đến hàng nghìn người đưa tiền ông, đến nơi an táng tại xứ Vườn Da xã Nhân Mục.

Hậu thần bi kí

后神碑記

Kí hiệu: 561

Thác bản bia xã Nhân Mục huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai xứ Sơn Tây
山西處國威府慈廉縣仁睦社, sưu tầm tại đình thôn Hòa Mục xã
Trung Kính tổng Dịch Vọng huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 52 x 95 cm, gồm 16 dòng chữ Hán, toàn văn ước
khoảng 550 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Minh Mệnh thứ 2 (1821).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Hành trạng, công tích nhân vật.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Ông Bùi Quốc Lương là người xã Phúc Lộc huyện Đông Quan phủ
Thái Bình, ngụ tại phường Hà Khẩu huyện Thọ Xương. Ông làm
nghề thầy thuốc tại Thái y viện triều Lê. Năm Tân Tị (1821) làng
Nhân Mục xây cung điện thờ, ông tình nguyện tham gia trông coi
hoàn thành công việc, đồng thời cúng 100 quan tiền, ông còn xuất 40
quan để con gái cúng cho thôn chi dùng vào việc chung. Sau ông lại
cúng thêm 6 sào ruộng và 20 quan tiền để gửi giỗ. Dân làng bầu ông là
Hậu thần và cho con gái ông được phụ hưởng cúng giỗ hàng năm.

Hậu thần bi kí

后神碑記

Kí hiệu: 562

Thác bản bia xã Nhân Mục huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai xứ Sơn Tây
山西處國威府慈廉縣仁睦社, sưu tầm tại đình thôn Hòa Mục xã
Trung Kính tổng Dịch Vọng huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 54 x 95 cm, gồm 16 dòng chữ Hán, toàn văn ước
khoảng 550 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Minh Mệnh thứ 2 (1821).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

- Sinh hoạt làng xã.

- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Năm Tân Tị bản ấp tu sửa đền. Ông Ngọc Anh Tùng là người Quảng Đông (Trung Quốc) lấy vợ Việt Nam, lại là bạn thân của ông Bùi Quốc Lương người bản xã đã cúng cho thôn 100 quan tiền và 10 sào ruộng tốt để góp thêm kinh phí. Dân làng cảm kích, tôn bàu cha mẹ ông là Hậu thân, hàng năm cúng giỗ.

Lai tộc Hậu thân bi kí

來族後神碑記

Kí hiệu: 563

Thác bản bia xã Nhân Mục huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai xứ Sơn Tây 山西處國威府慈廉縣仁睦社, sưu tầm tại đình thôn Hòa Mục xã Trung Kính tổng Dịch Vọng huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 56 x 98 cm, gồm 18 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 500 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Minh Mệnh thứ 9 (1828).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Gia đình bà Lai Thị Tiết người bản xã cùng con gái là Trần Thị Hiến đã cúng 95 quan cổ tiền cho xã tu sửa miếu, đình và mua sắm đồ thờ tự. Dân xã bàu bà Tiết là Hậu thân. Con gái bà lại cúng thêm cho xã 4 sào 3 thước ruộng để dân xã hàng năm cúng giỗ cho mẹ. Ghi ngày giỗ, và qui định cúng giỗ.

Hậu thần bi kí

后神碑記

Kí hiệu: 564

Thác bản bia xã Nhân Mục huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai xứ Sơn Tây
山西處國威府慈廉縣仁睦社, suru tâm tại đình thôn Hòa Mục xã
Trung Kính tổng Dịch Vọng huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 56 x 100 cm, gồm 15 dòng chữ Hán, toàn văn
ước khoảng 500 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Minh Mệnh thứ 2 (1821).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Ông Ngọc Anh Tùng là người thôn Tân Trang châu Tân Ninh phủ
Nam Ninh (Trung Quốc) lấy vợ là bà Đỗ Thị Tân người huyện An
Lạc phủ Tam Đới xứ Sơn Tây. Do có quan hệ thân thiết với ông Bùi
Quốc Lương ở bản xã, người đang trực tiếp tham gia xây dựng ngôi
đền của xã, nên ông bà đã cúng 200 quan tiền để bản xã sửa đền,
sau đó lại cúng thêm 12 sào ruộng và 50 quan để gửi giỗ cho hai vợ
chồng. Toàn xã bầu hai ông bà là Hậu thần và quy định cúng giỗ
hàng năm.

Nguyễn môn Lê Thị kí kị bi kí

阮門黎氏寄忌碑記

Kí hiệu: 565

Thác bản bia xã Nhân Mục tổng Dịch Vọng huyện Từ Liêm phủ Hoài
Đức 懷德府慈廉縣驛望總仁睦社, suru tâm tại đình thôn Hòa Mục
xã Trung Kính tổng Dịch Vọng huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 56 x 100 cm, gồm 15 dòng chữ Hán, toàn văn
ước khoảng 500 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Tự Đức Bính Thìn (1856).

Người soạn: họ Nguyễn 阮; học vị: Cử nhân.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Ông Nguyễn Công Quảng người xã Uy Nỗ Trung huyện Đông Ngàn phủ Từ Sơn và vợ là bà Lê Thị Nhân người thôn Hòa Mục đã dùng tiền của mình mua sắm áo lụa thờ thần, tổng giá trị tới trên 200 quan. Bản xã cảm kích, hứa sẽ thờ phối hưởng cha mẹ vợ của ông được trong các kì tế lễ thần của xã. Nhân đó, ông bà đã cúng cho xã 6 sào ruộng để gửi giỗ cho cha mẹ vợ. Ghi quy định cúng giỗ hàng năm.

Hậu thần bi kí

后神碑記

Kí hiệu: 566

Thác bản bia xã Nhân Mục huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai 國威府慈廉縣仁睦社, sưu tầm tại đình thôn Hòa Mục xã Trung Kính tổng Dịch Vọng huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 42 x 61 cm, gồm 10 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 250 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Gia Long thứ 17 (1819).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Ông Lại Bách Quán người thôn Hòa Mục, nguyên là quan Giám triều Lê, là Hương lão trong Hội Tư văn của xã. Ông đã giao cho xã 1 mẫu ao trị giá 100 quan tiền cổ để xã thả cá thu lợi hàng năm. Xã tôn ông là Hậu thần, được phối hưởng cúng tế tại đình trong các kỳ lễ tiết.

Kị Hậu bi kí

忌后碑記

Kí hiệu: 567

Thác bản bia sưu tầm tại đình xã Trung Kính tổng Dịch Vọng huyện

Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 42 x 60 cm, gồm 14 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 350 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Thành Thái thứ 19 (1907).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà Lê Thị Điều đã góa chồng lại không có con. Trước đây bà đã gửi giỗ cho cha mẹ, chồng, anh em và bản thân mình (tất cả gồm 10 người) tại bản xã. Nay bà xuất 30 đồng để xin dân làng dựng tấm bia tại đình ghi lại hũy hiệu và ngày giỗ của 10 vị đã được gửi giỗ nói trên. Ghi tên và ngày giỗ của từng người.

Thạch bất cảm đương

石不敢當

Kí hiệu: 568

Thác bản bia thôn Hạ xã Trung Kính tổng Dịch Vọng huyện Từ Liêm phủ Hoài Đức tỉnh Hà Đông 河東省懷德府慈廉縣驛望總忠敬社下村, sru tâm tại đình xã Trung Kính Hạ tổng Dịch Vọng huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 40 x 58 cm, gồm 11 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 200 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Thành Thái thứ 19 (1907).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Gia đình họ Nguyễn ở chi Ất đã cúng vào giáp 3 sào ruộng và 50 quan tiền để gửi giỗ cho cha mẹ. Ghi tên và ngày giỗ của từng người.

Mãi đình môn bi kí

買亭門碑記

Kí hiệu: 569/576

Thác bản bia thôn Thượng xã Kính Chủ huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai
國威府慈廉縣敬主社上村, sưu tầm tại đình xã Trung Kính tổng
Dịch Vọng huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 47 x 72 cm, gồm 27 dòng chữ Hán, toàn văn ước
khoảng 600 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 44 (1783).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Giáo phường giáp Đông Hạ xã Hồng Đô huyện Từ Liêm phủ Quốc
Oai, vì quan dịch nặng nề không đủ tiền nộp, nên đã đem phần
quyền lợi cửa đình của mình tại thôn Thượng xã Kính Chủ, theo lệ
cứ mỗi kì cầu phúc, đón rước thần được thu 4 quan 2 mạch tiền cô
và cỗ bàn xôi thủ, bán lại cho thôn Thượng xã Kính Chủ huyện Từ
Liêm với giá 40 quan. Hàng năm vào các ngày lễ lớn giáo phường
đến hát sẽ được biếu 3 quan tiền, hai đầu lợn, hai mâm xôi... Nếu
sau này dân làng có tu sửa hoặc xây thêm miếu điện ở đình thì giáo
phường không được đòi hỏi gì nữa.

Kí kỵ bi kí

寄忌碑記

Kí hiệu: 570

Thác bản bia xã Nhân Mục tổng Dịch Vọng huyện Từ Liêm phủ Hoài
Đức tỉnh Hà Nội 河南省懷德府慈廉縣驛望總仁睦社, sưu tầm tại
đình thôn Hòa Mục xã Trung Kính tổng Dịch Vọng huyện Từ Liêm
tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 36 x 45 cm, gồm 11 dòng chữ Hán, toàn văn ước
khoảng 140 chữ, không có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Thành Thái thứ 15 (1893).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Ông họ Trần người thôn Bảo Linh tổng Phúc Lâm huyện Thọ Xương đã từng gửi giỗ cho bà nội và bà ngoại tại đình xã Nhân Mục. Sau đó ông mất. Nay vợ ông là bà Đỗ Thị Sở người bản xã đã cúng 100 quan tiền kèm cho xã để hàng năm xã cúng giỗ cho chồng bà cùng với các vị gia tiên.

Hậu thần bi kí

后神碑記

Kí hiệu: 571

Thác bản bia xã Nhân Mục tổng Dịch Vọng huyện Từ Liêm phủ Hoài Đức tỉnh Hà Nội 河南省懷德府慈廉縣驛望總仁睦社, suru tâm tại đình thôn Hòa Mục xã Trung Kính tổng Dịch Vọng huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 36 x 60 cm, gồm 11 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 240 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Tự Đức thứ 24 (1871).

Người viết chữ: họ Nguyễn; chức vị: cự Lý trưởng.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Xã Nhân Mục tu sửa đình, vì dân cư thưa thớt nên thu bổ khó khăn. Nay có người trong xã là bà Lai Thị Nhận tình nguyện quyên góp 10 quan tiền và 3 sào 5 thước ruộng để giúp kinh phí cho xã đồng thời gửi giỗ cho vợ chồng bà. Dân xã dựng bia giao ước các điều khoản về lễ vật, nghi thức cúng giỗ và vị trí các thửa ruộng.

Cảnh Hưng tứ thập lục niên cửu nguyệt sơ tứ nhật lập thạch bi

景興四十陸年九月初四日立石碑

Kí hiệu: 572

Thác bản bia huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai 國威府慈廉縣, sưu tầm tại đình thôn Hòa Mục xã Trung Kính tổng Dịch Vọng huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 40 x 61 cm, gồm 12 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 550 chữ, không có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 46 (1785).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Vì việc quan dịch nặng nề cần tiền chi dùng nên giáo phường giáp Đông Hạ đã bán lệ thu tiền hát cửa đình cho xã Nhân Mục với giá 12 quan. Hàng năm đến ngày lễ cầu phúc, giáo phường chỉ được xã trả 6 mạch thay vì 3 quan 6 mạch như hồi chưa bán và cho ăn uống tùy theo điều kiện của xã. Nếu ngày lễ mà giáo phường không đến hát thì xã đi thuê phường hát khác, giáo phường không được đòi hỏi quyền lợi gì.

Sùng Phúc bi kí

崇福碑記

Kí hiệu: 573

Thác bản bia xã Hòa Mục huyện Từ Liêm 慈廉縣和睦社, sưu tầm tại chùa thôn Hòa Mục xã Trung Kính tổng Dịch Vọng huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 35 x 58 cm, gồm 11 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 200 chữ, không có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Thành Thái thứ 5 (1893).

Người viết chữ: Đinh Văn Đài 丁文臺.

Chủ đề: Bàu Hâu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà Lưu Thị Huệ là người thôn Quan Nhân xã Nhân Mục Môn cúng 50 quan thanh tiền và 10 thước ruộng cho chùa xã Hòa Mục để gửi giỗ cho cha mẹ đẻ vì cha mẹ bà không có con trai. Ghi tên người, ngày giỗ.

Hậu phật bi kí

后佛碑記

Kí hiệu: 574

Thác bản bia xã Nhân Mục huyện Từ Liêm phủ Hoài Đức tỉnh Hà Nội 河内省懷德府慈廉縣仁睦社, sưu tầm tại chùa thôn Hòa Mục xã Trung Kính tổng Dịch Vọng huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 40 x 62 cm, gồm 12 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 300 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Minh Mệnh thứ 16 (1835).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Năm Ất Mùi bản xã trùng tu bảo điện chùa Linh Thông, bà Lai Thị Diễm đã cúng 36 quan và 1 sào 5 thước ruộng để xã có thêm kinh phí. Dân xã tôn bàu bà là Hậu phật, hàng năm phải cúng giỗ bà.

Bách thế bất thiên

百世不遷

Kí hiệu: 575

Thác bản bia sưu tầm tại đình xã Trung Kính Hạ tổng Dịch Vọng huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 38 x 68 cm, gồm 15 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 450 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Duy Tân Canh Tuất (1910).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Ông Nguyễn Đình Xứ và bà quả phụ Nguyễn Thị Lân đều là người giáp Nhất bản thôn, trước đây đã gửi giỗ cho 5 người thân tại bản thôn. Nay nhân dịp thôn sắm sửa đồ thờ, hai vị liền tự nguyện góp cho mỗi giỗ 4 đồng tổng cộng là 20 đồng đề xin cho dựng bia ở tả vu đình làng, ghi chép lại số ruộng kị điền và húy hiệu, ngày giỗ của người thân được gửi giỗ.

Vũ tộc Hậu thần chi bi

武族后神之碑

Kí hiệu: 577

Thác bản bia xã Nhân Mục huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai 國威府慈廉縣仁睦社, sưu tầm tại đình thôn Hòa Mục xã Trung Kính tổng Dịch Vọng huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 68 x 97 cm, gồm 29 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1000 chữ, có hoa văn, không có chữ huy.

Niên đại: Thành Thái thứ 15 (1903).

Người soạn: Nguyễn Thế Lịch 阮世歷; học vị: Tiến sĩ khoa Ất Mùi Cảnh Hưng 36 (1775).

Người viết chữ: Vũ Hữu Chương 武有章.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

- Sinh hoạt làng xã.

- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Tháng 2 năm Quý Mão, niên hiệu Thành Thái thứ 15 (1903) dựng tám bia mới để khắc lại nguyên văn văn bia cũ soạn từ năm Minh Mệnh thứ 2 (1821). Nội dung chép về việc bản xã có một ngôi miếu cổ bị đổ nát nhưng chưa có kinh phí tu sửa. Năm Tân Tị (1821) bà Lai Thị Hoàn người bản xã lấy chồng họ Vũ người huyện Đường Hào nguyên là hậu duệ của cụ Thám hoa triều Lê đã cùng hai người con gái xuất ra 300 quan tiền cho xã mua gỗ lợp ngói, sắm đồ tế lễ, tu sửa lại miếu đình. Bản xã cảm kích tôn bàu vợ chồng bà là Hậu thần

và thuận tình cho cha mẹ cùng 3 người chị bên chồng của bà được phối hưởng tại miếu. Hàng năm bản xã phải cúng giỗ theo như quy định. Mẹ con bà Hoàn cúng thêm 3 mẫu 5 sào ruộng chỉ dùng cho việc cúng giỗ hàng năm.

Lập tự Hậu thần Trương Thị hiệu Từ Ý

立祀後神張氏號慈懿

Kí hiệu: 578

Thác bản bia suru tằm tại đình thôn Hòa Mục xã Trung Kính tổng Dịch Vọng huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 56 x 90 cm, gồm 7 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 80 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Chính Hòa thứ 22 (1701).

Người soạn: Lưu Hữu Thị 劉有視; quê quán: xã Nhân Mục Môn huyện Thanh Trì phủ Thường Tín; chức vị: Thư tả, Huyện thừa.

Người viết chữ: Lưu Hữu Hoàng 劉有璜; quê quán: xã Nhân Mục Môn huyện Thanh Trì phủ Thường Tín; chức vị: Thư tả.

Chủ đề: Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Đây chỉ là mặt sau của 1 tấm bia về việc thờ phụng bà Hậu thần họ Trương hiệu Từ Ý. Nội dung chép về việc người trong họ tộc đã trình lên quan trên lấy lại được một số tiền và ruộng giao về bản tộc cùng một số điều khoản quy định khi vị Hậu thần mất đi, bản xã phải mua sắm áo mũ, đồ liệm đưa tang Hậu thần về tận quê quán và tiến hành mổ bò sửa lễ cúng tế.

Lai tộc kí kị bi kí

來族寄忌碑記

Kí hiệu: 579

Thác bản bia xã Nhân Mục tổng Dịch Vọng huyện Từ Liêm phủ Hoài Đức tỉnh Hà Nội 河內省懷德府慈廉縣驛望總仁睦社, suru tằm tại đình thôn Hòa Mục xã Trung Kính tổng Dịch Vọng huyện Từ Liêm

tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 57 x 90 cm, gồm 14 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 350 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Tự Đức thứ 18 (1865).

Người soạn: Vũ Hàm Trung 武威中; quê quán: xã Phượng Lữ huyện Triều Dương.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà Lai Thị Ba là người bản xã đã cúng 300 quan tiền giúp xã thuê thợ tu sửa lại miếu. Xã làm tờ giao ước nhận gửi giỗ cho vợ chồng bà và con bà. Ghi hủy hiệu, ngày giỗ của ba người và những điều khoản cam kết cúng giỗ.

Kí kị bi kí

寄忌碑記

Kí hiệu: 580

Thác bản bia xã Nhân Mục tổng Dịch Vọng huyện Từ Liêm phủ Hoài Đức 懷德府慈廉縣驛望總仁睦社, sưu tầm tại đình thôn Hòa Mục xã Trung Kính tổng Dịch Vọng huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 57 x 90 cm, gồm 15 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 200 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Tự Đức thứ 10 (1857).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Xã Nhân Mục cần tiền để sửa sang đồ thờ tự và đắp đền. Bà Trần Thị Hiến và Lai Thị Nghĩa, là con gái và con nuôi của bà Hậu thân họ Lai, đã cúng cho xã 160 quan để xã có tiền chi phí và xin gửi giỗ 4 người thân. Bản xã dựng bia ghi hủy hiệu người được gửi giỗ và các cam kết cúng giỗ.

Lai tộc kí kị bi kí

來族寄忌碑記

Kí hiệu: 581

Thác bản bia xã Nhân Mục tổng Dịch Vọng huyện Từ Liêm phủ Hoài Đức tỉnh Hà Nội 河南省懷德府慈廉縣驛望總仁睦社, sru tằm tại đình thôn Hòa Mục xã Trung Kính tổng Dịch Vọng huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 57 x 85 cm, gồm 19 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 500 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Tự Đức thứ 19 (1866).

Người soạn: Vũ Hàm Trung 武咸中; quê quán: xã Phụng Lữ huyện Triều Dương.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Bà Lai Thị Đồ người xã Nhân Mục là người có nhiều công đức đối với bản xã. Từ năm Đinh Mùi (1847) bà đã có công xây 2 quán lợp ngói cho xã. Năm Giáp Tý (1864), bản xã trùng tu tòa miếu, bị thiếu tiền, bà lại tự nguyện đứng ra gánh vác cho xã. Dân làng biết ơn, xin được thờ phụng cha mẹ, chồng, em trai và bản thân bà. Cảm kích trước tình cảm của làng xóm, bà giao cho xã số ruộng mạ hơn 1 mẫu mà từ năm Quý Mão bà đã bỏ ra 100 quan tiền để chuộc về. Số ruộng này trước đây xã vẫn phải nộp mỗi năm 360 bát thóc tô. Nay bà xin cúng thêm 200 quan tiền để gửi 5 ngày giỗ của bà và các người thân nêu trên. Bản xã dựng bia, ghi húy hiệu, kị nhật của người được gửi giỗ và các điều khoản quy định về cúng giỗ, đồng thời ghi thêm cả việc người chị của bà là Lai Thị Tịnh đã gửi giỗ từ năm Giáp Dần (1854).

Hậu thần bi kí

后神碑記

Kí hiệu: 582

Thác bản bia xã Nhân Mục tổng Dịch Vọng huyện Từ Liêm phủ Hoài Đức 懷德府慈廉縣驛望總仁睦社, suru tầm tại đình thôn Hòa Mục xã Trung Kính tổng Dịch Vọng huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 47 x 70 cm, gồm 20 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 450 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Minh Mệnh thứ 20 (1840).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Ông Nguyễn Thế Bình và vợ là Lai Thị Nhậm là người bản xã đã góp 50 quan tiền, 6 sào ruộng để xã tu sửa đồ thờ, được xã tôn bàu cha mẹ vợ cùng với vợ chồng ông làm Hậu thần. Bia ghi quy định cúng giỗ hàng năm và các thửa ruộng.

Hậu thần bi kí

后神碑記

Kí hiệu: 583

Thác bản bia xã Nhân Mục tổng Dịch Vọng huyện Từ Liêm phủ Hoài Đức tỉnh Hà Nội 河南省懷德府慈廉縣驛望總仁睦社, suru tầm tại đình thôn Hòa Mục xã Trung Kính tổng Dịch Vọng huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 45 x 67 cm, gồm 20 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 500 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Tự Đức thứ 8 (1840).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà Lai Thị Căn người xã Nhân Mục cúng cho bản xã 120 quan tiền, 7

sào ao, 3 sào ruộng để xin cho cha mẹ đẻ, cha mẹ chồng và hai vợ chồng bà được làm Hậu thần gửi giỗ tại bản xã. Bản xã chấp thuận, ghi quy định cúng giỗ hàng năm cho từng người và vị trí diện tích số ruộng.

Thành Thái Quý Mão trọng đông

成泰癸卯仲冬

Kí hiệu: 584

Thác bản bia xã Hòa Mục huyện Từ Liêm 慈廉縣和睦社, suru tâm tại đình thôn Hòa Mục xã Trung Kính tổng Dịch Vọng huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 90 x 173 cm, gồm 12 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 350 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Thành Thái thứ 15 (1903).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Sinh hoạt làng xã.
- Lịch sử di tích.

Tóm lược nội dung:

Bia ghi lại nghi thức lễ hội ở đền xã Hòa Mục. Đền này thờ hai vị Thánh mẫu. Hàng năm vào ngày 16 tháng 2 rước vàng mã (tài mã), ngày 17 tới đền thờ Lý Thần Tông Hoàng đế thỉnh kinh nghênh thủy.

Nhân tín hội thạch bi kí

仁信會石碑記

Kí hiệu: 585

Thác bản bia xã Hòa Mục huyện Từ Liêm 慈廉縣和睦社, suru tâm tại đình thôn Hòa Mục xã Trung Kính tổng Dịch Vọng huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 92 x 172 cm, gồm 27 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 950 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Thành Thái thứ 15 (1903).

Người soạn: Lai Viết Nhu 萊曰需; quê quán: xã Hòa Mục.

- Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Sinh hoạt làng xã.
- Lịch sử di tích.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Năm Tự Đức 34 (1881) quan huyện Thọ Xương là Nguyễn Văn Nhã đã tự trích tiền lương cùng với các hào mục, chức dịch và các bậc thiện tín góp tiền của, nhân nền cũ xây dựng lại 5 tòa miếu, mỗi tòa 3 gian bằng gỗ lim, lợp mái ngói, tồ tượng Phật và tượng thần Thượng đẳng đệ hợp tự. Rồi đặt lễ hội, hàng năm vào ngày 16 tháng 2 mời đồng cốt, rước tài mã từ tỉnh về thờ cúng. Sang ngày 17 lên chùa Yên Lăng thờ vua Lý thỉnh kinh về đền làm lễ cầu diên thọ. Từ đây trở thành lệ, hàng năm cứ đến ngày là các làng lân cận trống giông cò mờ hương ứng, đạo đồng các phố trên tỉnh tụ tập về dự tập nập. Năm Đồng Khánh thứ 3 (1888), các miếu đều được ban một đạo sắc phong. Nhờ được thần linh phù hộ, bản xã nay đã bội phần khởi sắc. Ông Nguyễn Văn Nhã cũng từ chức Huyện doãn được thăng chức Thị lang, lãnh Án sát sứ tỉnh Hà Nội.

Chương giám quan viên lưu diên bản xã tạc thạch bi kí

掌監官員留田本社鑿石碑記

Kí hiệu: 586

Thác bản bia xã Yên Quyết huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai 國威府慈廉縣下安決社, sưu tầm tại chùa xã Yên Quyết tổng Dịch Vọng huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 60 x 60 cm, gồm 17 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 300 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Dương Hòa thứ 8 (1642).

Người soạn: họ Hoàng 黃; quê quán: xã Hạ Yên Quyết.

Người viết chữ: Đào Vịnh 陶泳; quê quán: xã Thượng Yên Quyết; chức vị: Tự thừa; tước Văn Liêm nam.

- Chủ đề: - Bàu Hàu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Ông Thái giám Nguyễn Văn Lâm là người bản xã đã cúng cho xã 12 mẫu ruộng để các giáp trong xã luân phiên nhau cày cấy để thờ phụng. Có bài minh 10 câu ca tụng công đức của ông.

Thiên Mỗ/Đại vương/từ đường/bì kí

天姥/大王/祠堂/碑記

Kí hiệu: 587/588/589/590

Thác bản bia xã Thiên Mỗ 天姥社, sưu tầm tại nhà thờ Đại Vương xã Đại Mỗ tổng Đại Mỗ huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 62 x 140 cm, gồm 64 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 2500 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Vĩnh Hựu thứ 2 (1736).

Người soạn 1: Hà Tông Huân 何宗勳; học vị: Tiến sĩ khoa Giáp Thìn; chức vị: Triều liệt Đại phu, Đông các đại học sĩ.

Người soạn 2: Nghiêm Bá Đĩnh 嚴伯璉; học vị: Tiến sĩ khoa Quý Sửu; chức vị: Tư huấn Chiêu văn quán.

Chủ đề: - Gia phả, lai lịch dòng họ.
- Hành trạng, công tích nhân vật.

Tóm lược nội dung:

Bài kí về gia phả của Thám hoa Quốc lão Nguyễn Quý Đức. Tổ tiên ông đã ở Thiên Mỗ bốn năm đời. Từ khi sinh ra ông đã có vẻ khôi ngô khác thường. Lớn lên ông nổi tiếng về văn chương, ham đọc sách, viết văn. Năm 1676 ông đỗ Thám hoa, được cử làm Đốc đồng Cao Bằng, dẹp được giặc Phù Cảnh. Năm 1690 ông đi sứ nhà Thanh. Năm 1716 được thăng chức Lại bộ Thượng thư kiêm Đông các Đại học sĩ, tước Liêm Quận công. Năm 70 tuổi xin về hưu và mất năm 73 tuổi. Khi mất, ông được vua chúa cho cử hành an táng rất trọng thể theo quốc tang, được phong là Cung thuần Tuấn đạt Đại vương.

Kí kị bì kí

寄忌碑記

Kí hiệu: 591

Thác bản bia suu tầm tại điểm xã Dịch Vọng tổng Dịch Vọng huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản mặt, khổ 64 x 100 cm, gồm dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Thành Thái thứ 16 (1904).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Tên họ, ngày giỗ và số ruộng kị điền của những người được gửi giỗ tại bản ngõ.

Dịch Vọng xã khoa phả

驛望社科譜

Kí hiệu: 592

Thác bản bia suu tầm tại văn chỉ xã Dịch Vọng tổng Dịch Vọng huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 58 x 95 cm, gồm 18 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 600 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Thành Thái thứ 8 (1896).

Người soạn: Nguyễn Hữu Quang 阮有光, tên tự: Huy Giám 輝監.

Người viết chữ: Nguyễn Tống Khuê 阮宋奎, tên tự: Chính Độ 正度.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Bản xã từ trước đến nay có nhiều người đỗ đạt nhưng chỉ được ghi trong sách vở. Sợ để lâu ngày sách vở dễ bị hư hỏng mục nát nên xã cho khắc vào bia để truyền lại cho con cháu đời sau. Ghi danh sách người đỗ, năm đỗ, chức vụ cao nhất của các vị đỗ đại khoa, trung

khoa, tiểu khoa, trong đó: đại khoa: 2 người, trung khoa: 1 người, tiểu khoa: 6 người. Ghi số ruộng tự điền của Văn chỉ.

Lập bi kí kị

立碑寄忌

Kí hiệu: 593

Thác bản bia phùng Quảng Bồ 廣布坊, sưu tầm tại chùa Hoằng Ân phùng Quảng Bồ tổng Thượng huyện Hoàn Long.

Thác bản 1 mặt, khổ 40 x 58 cm, gồm 14 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 100 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: năm Nhâm Dần.

Niên đại ước đoán: Thành Thái thứ 14 (1902).

Người soạn: Không ghi.

Chủ đề: Bàu Hàu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà Nguyễn Thị Phúc là người xã Nghĩa Đô huyện Từ Liêm hiện ở tại thôn Trại Mới xã Đan Hà huyện Hạ Hòa đã cúng 80 quan tiền kẽm và 6 sào ruộng vào chùa Hoằng Ân. Bản phùng thuận tình cho cha mẹ và vợ chồng bà được gửi giỗ tại chùa, hàng năm phải cúng giỗ theo quy định.

Kí kị bi kí

寄忌碑記

Kí hiệu: 594

Thác bản bia sưu tầm tại chùa Hoằng Ân phùng Quảng Bồ tổng Thượng huyện Hoàn Long.

Thác bản 1 mặt, khổ 25 x 34 cm, gồm 11 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 150 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: năm Giáp Dần.

Niên đại ước đoán: Duy Tân thứ 8 (1902).

Người soạn: họ Lê 黎; quê quán: phường Vĩnh Hanh tổng Đồng Xuân huyện Thọ Xương phủ Hoài Đức tỉnh Hà Nội.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biếu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà họ Vũ cúng cho chùa 30 quan tiền kẽm và 2 sào ruộng để xin được gửi giỗ tại chùa.

Kí kị bi kí

寄忌碑記

Kí hiệu: 595

Thác bản bia phường Quảng Bố 廣布坊, suru tằm tại chùa Hoàng Ân phường Quảng Bố tổng Thượng huyện Hoàn Long.

Thác bản 1 mặt, khổ 25 x 34 cm, gồm 11 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 150 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Thiệu Trị thứ 5 (1844).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biếu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà Ngô Thị Na người bản phường, cúng cho phường 25 quan tiền và 2 sào ruộng để sắm sửa đồ thờ cho chùa Hoàng Ân và xin được gửi giỗ cho cha mẹ và hai vợ chồng bà tại chùa. Ghi ngày giỗ, vị trí số ruộng gửi giỗ.

Kí kị bi kí

寄忌碑記

Kí hiệu: 596

Thác bản bia phường Quảng Bố huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức tỉnh Hà Nội 河內省懷德府永順縣廣布坊, suru tằm tại chùa Hoàng Ân phường Quảng Bố tổng Thượng huyện Hoàn Long.

Thác bản 1 mặt, khổ 27 x 42 cm, gồm 14 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 250 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Thiệu Trị thứ 4 (1844).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Nhân dịp quan Đốc bộ họ Mai khởi xướng trùng tu, tô tượng Phật chùa Hoằng Ân, bà Tân Thị Khang là vợ lẽ của Lãnh binh họ Nguyễn đã góp công góp của cúng 50 quan tiền kẽm và 2 sào ruộng để gửi giỗ cho cha mẹ và bản thân bà tại chùa. Ghi ngày giỗ của từng người, vị trí số ruộng cúng.

Kí kị bi kí

寄忌碑記

Kí hiệu: 597

Thác bản bia phường Quảng Bồ huyện Vĩnh Thuận 永順縣廣布坊, suru tâm tại chùa Hoằng Ân phường Quảng Bồ tổng Thượng huyện Hoàn Long.

Thác bản 1 mặt, khổ 34 x 53 cm, gồm 19 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 350 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Thiệu Trị thứ 4 (1844).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Nhân dịp quan Đốc bộ họ Mai cho tu sửa hành lang chùa Hoằng Ân, bà Lương Thị Sĩ đã cúng 25 quan tiền và 2 sào ruộng vào chùa để chi công thợ. Bản chùa chấp thuận cho cha mẹ bà được gửi giỗ tại chùa. Ghi ngày giỗ của từng người, vị trí số ruộng cúng.

Hoằng Ân tự kỷ hậu bi

弘恩寺忌后碑

Kí hiệu: 598

Thác bản bia suơu tằm tại chùa Hoằng Ân phường Quảng Bồ tổng Thượng huyện Hoàn Long.

Thác bản 1 mặt, khổ 34 x 50 cm, gồm dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 270 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Thành Thái thứ 7 (1895).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Năm Ất Mùi (1895) các chức sắc của bản phường cùng với sư trụ trì chùa Hoằng Ân tổ chức trùng tu các tòa tiền đường, hậu đường chùa. Bà Nguyễn Thị Nhiều là người trong phường đã xuất ra 100 quan tiền kềm cúng cho chùa chi dùng. Theo nguyện vọng của bà, bản phường đã cho hai vợ chồng bà và người con trai đã mất của bà được gửi giỗ tại chùa.

Hậu phật bi kí

后佛碑記

Kí hiệu: 599

Thác bản bia phường Quảng Bồ 廣布坊, suơu tằm tại chùa Hoằng Ân phường Quảng Bồ tổng Thượng huyện Hoàn Long.

Thác bản 1 mặt, khổ 38 x 45 cm, gồm 12 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 250 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Minh Mệnh thứ 9 (1828).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Ông Lý Danh Lâm người xã Đại Cát huyện Từ Liêm, nhà ở giáp Đông

Thượng phường Đồng Lạc huyện Thọ Xương thành Thăng Long, cùng với vợ là Lý Thị Viên cúng cho bản chùa 60 quan tiền cổ để tu sửa gác chuông chùa Sùng Ân và xin cho ba người trong họ nhà vợ được là Hậu phật cúng giỗ tại chùa.

Ghi chú: Chữ “Sùng” ở tên chùa bị đục.

Hoằng Ân tự hậu bi kí

弘恩寺后碑記

Kí hiệu: 600

Thác bản bia phường Quảng Bố 廣布坊, sưu tầm tại chùa Hoằng Ân phường Quảng Bố tổng Thượng huyện Hoàn Long.

Thác bản 1 mặt, khổ 30 x 50 cm, gồm 14 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 250 chữ, không có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Thành Thái thứ 2 (1900).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Ông Vũ Văn Úc ở hộ thứ nhất tỉnh Hà Nội cùng hai con gái là Vũ Thị Đình và Vũ Thị Bình, cúng cho bản phường 3 sào ruộng và 20 đồng, để gửi giỗ cho bản thân ông cùng vợ và con gái, con rể tại chùa. Ghi ngày giỗ của từng người cùng vị trí, diện tích số ruộng cúng.

Ghi chú: Các dòng chữ trên thác bản đều bị mất một chữ ở đáy bia.

Hậu phật bi kí

後佛碑記

Kí hiệu: 601

Thác bản bia phường Quảng Bố huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức 懷德府永順縣廣布坊, sưu tầm tại chùa Hoằng Ân phường Quảng Bố tổng Thượng huyện Hoàn Long.

Thác bản 1 mặt, khổ 26 x 48 cm, gồm 10 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 250 chữ, không có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Minh Mệnh thứ 3 (1822).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biếu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Năm Canh Thìn, chùa xây công nghi môn, bản phường kêu gọi thập phương công đức. Bà Nguyễn Thị Chuẩn đã cúng 15 quan tiền đồng để làm công chùa và 4 sào ruộng để nhà chùa cấy cấy dùng cho việc đèn hương. Quan viên hương lão phường Quảng Bồ tôn bàu cho bà và ông bà ngoại của bà là Hậu phật.

Ghi chú: Tên chùa bị đục 1 chữ.

Hoằng Ân tự kỷ hậu bi

弘恩寺忌後碑

Kí hiệu: 602

Thác bản bia phường Quảng Bồ tổng Thượng huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức 懷德府永順縣上總廣布坊, sưu tầm tại chùa Hoằng Ân phường Quảng Bồ tổng Thượng huyện Hoàn Long.

Thác bản 1 mặt, khổ 29 x 60 cm, gồm 11 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 250 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Thành Thái thứ 8 (1896).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biếu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Tháng 3, năm Thành Thái thứ 8, dân trong phường cùng nhà sư trụ trì trùng tu chùa Hoằng Ân. Bà Trần Thị Nộn đã cúng 15 đồng để sửa sang chùa và 1 sào ruộng để xin gửi giỗ cho cha mẹ.

Hậu phật bi kí

后佛碑記

Kí hiệu: 603

Thác bản bia phường Quảng Bồ huyện Quảng Đức phủ Phụng Thiên
奉天府廣德縣廣布坊, sưu tầm tại chùa Hoàng Ân phường Quảng
Bồ tổng Thượng huyện Hoàn Long tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 37 x 54 cm, gồm 15 dòng chữ Hán, toàn văn ước
khoảng 300 chữ, không có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Cảnh Thịnh thứ 1 (1793).

Người viết chữ: họ Nguyễn 阮; chức vị: cự Xã giáo.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Mùa hè năm Quý Sửu (1793), phường Quảng Bồ đắp tượng Phật và
các pho tượng khác, tốn nhiều kinh phí. Bà Lưu Thị Huyền và chồng
cúng cho bản giáp 10 quan tiền và 4 sào ruộng để góp phần chi phí và
lo việc hương hỏa. Bản phường bàu cha mẹ bà là Hậu phật.

Ghi chú: Hai chữ niên hiệu ở dòng niên đại bị đục.

Hậu phật bi

后佛碑

Kí hiệu: 604

Thác bản bia phường Quảng Bồ tổng Thượng huyện Vĩnh Thuận phủ
Hoài Đức 懷德府永順縣上總廣布坊, sưu tầm tại chùa Hoàng Ân
phường Quảng Bồ tổng Thượng huyện Hoàn Long.

Thác bản 1 mặt, khổ 37 x 56 cm, gồm 12 dòng chữ Hán, toàn văn ước
khoảng 300 chữ, không có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Gia Long Ất Hợi (1815).

Người viết chữ: Ngô Hữu Đồi 吳有堆; chức vị: Trưởng phường Tiễn
Nghị.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Quan viên hương lão và nhà sư ở chùa Long Ân chấp thuận tôn bầu vợ chồng bà Nguyễn Thị Vui ở thôn Nghĩa Lập huyện Thọ Xương làm Hậu phật, vì bà đã cúng cho chùa 40 quan tiền để chi dùng vào việc đèn hương và 1 mẫu ruộng để gửi giỗ. Dân làng lập bia ghi lại sự việc, cam kết sẽ cúng giỗ cho hai vợ chồng bà.

Kí kị bì kí

寄忌碑記

Kí hiệu: 605

Thác bản bia phường Quảng Bố huyện Vĩnh Thuận 永順縣廣布坊, suu tầm tại điện chùa Hoằng Ân phường Quảng Bố tổng Thượng huyện Hoàn Long.

Thác bản mặt, khổ 33 x 50 cm, gồm 15 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 250 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Thiệu Trị thứ 4 (1844).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Nhờ có Quan Đốc bộ Mai Tường công đề xướng việc tu sửa chùa, nên vào năm Giáp Thìn đã khởi công xây dựng hành lang chùa. Người bản phường là bà Nguyễn Thị Đô đã quyên góp 10 quan tiền và 2 sào ruộng đồng để chi phí công thợ và xin gửi giỗ cho vợ chồng bà. Dân làng lập bia ghi lại sự việc và ngày giỗ, vị trí và ranh giới ruộng gửi giỗ.

Kí kị bì kí

寄忌碑記

Kí hiệu: 606

Thác bản bia phường Quảng Bố 廣布坊, suu tầm tại chùa Hoằng Ân phường Quảng Bố tổng Thượng huyện Hoàn Long.

Thác bản 1 mặt, khổ 37 x 62 cm, gồm 13 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 300 chữ, không hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Thiệu Trị thứ 2 (1842).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Nghĩ đến công sinh thành của cha mẹ, bà Trịnh Thị Thuyền người xã Hữu Cước tổng Thượng Trì huyện Từ Liêm đã cúng cho chùa 60 quan để đèn hương cúng Phật và 6 sào ruộng tốt xin được gửi giỗ cho vợ chồng cùng cha mẹ của bà. Có ghi rõ địa phận ruộng và tên, hủy ngày giỗ của những người được gửi giỗ.

Hậu phật bi kí

后佛碑記

Kí hiệu: 607

Thác bản bia phường Quảng Bố tổng Thượng huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức tỉnh Hà Nội 河南省懷德府永順縣上總廣布坊, sru tâm tại chùa Hoàng Ân phường Quảng Bố tổng Thượng huyện Hoàn Long.

Thác bản 1 mặt, khổ 33 x 8 cm, gồm 14 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 400 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Minh Mệnh thứ 19 (1838).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Chùa Sùng Ân trùng tu, bà Đào Thị Viêt ở phường Thạch Khối, người bản tổng cúng 20 quan tiền và 2 sào ruộng tốt để tu sửa chùa và xin gửi giỗ. Quan viên hương lão và dân làng chấp thuận cho 2 vợ chồng bà, cùng cha mẹ hai bên được gửi giỗ tại chùa. Hàng năm đến ngày giỗ, nhà sư sẽ ghi tên vào sổ và cúng trước bia.

Hậu phật bì kí

后佛碑記

Kí hiệu: 608

Thác bản bia phường Quảng Bồ huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức 懷德府永順縣廣布坊, sưu tầm tại chùa Hoàng Ân phường Quảng Bồ tổng Thượng huyện Hoàn Long.

Thác bản 1 mặt, khổ 44 x 75 cm, gồm 16 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 400 chữ, không có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: không ghi.

Niên đại ước đoán: Minh Mệnh thứ 3 (1822).

Chủ đề: - Bâu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Năm Nhâm Ngọ, bản phường và sư trụ trì chùa tiền hành tu sửa công nghi môn, hai vợ chồng ông Lưu Nguyễn Viết và bà Lưu Thị Bổng đã cúng 45 quan thanh tiền và 3 mẫu ruộng để sửa sang cửa chùa. Vì vậy quan viên hương lão tôn bâu 2 vợ chồng cùng cha mẹ nội ngoại của bà làm Hậu phật. Số tiền xã dùng vào việc công, còn ruộng nhà chùa cây cấy hàng năm dùng cho việc đèn hương.

Hậu phật bì kí

后佛碑記

Kí hiệu: 609

Thác bản bia phường Quảng Bồ huyện Quảng Đức phủ Phụng Thiên 奉天府廣德縣廣布坊, sưu tầm tại tiền đường chùa Hoàng Ân phường Quảng Bồ tổng Thượng huyện Hoàn Long.

Thác bản 1 mặt, khổ 40 x 68 cm, gồm 16 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 400 chữ, không có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: không ghi.

Niên đại ước đoán: khoảng từ năm 1793 đến năm 1805.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Tháng 4 năm Quý Sửu, phường tu sửa hậu đường và tượng Phật. Vợ chồng ông Nguyễn Trọng Đăng đã cúng cho chùa 18 quan tiền cổ và 8 sào ruộng. Bản phường tôn bàu ông bà và cha mẹ nội ngoại là Hậu phật. Số tiền này được dùng vào việc công, còn ruộng nhà chùa cày cấy hàng năm đèn hương. Ai chiếm đoạt hoặc bán ruộng đi sẽ bị trừng phạt.

Vô đề

Kí hiệu: 610

Thác bản bia phường Quảng Bồ tổng Thượng huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức tỉnh Hà Nội 河内省懷德府永順縣上總廣布坊, suru tầm tại chùa Hoằng Ân phường Quảng Bồ tổng Thượng huyện Hoàn Long.

Thác bản 1 mặt, khổ 60 x 82 cm, gồm 18 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 300 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Thiệu Trị thứ 4 (1844).

Người soạn: Mai Công Ngôn 枚公言; chức vị: Bình bộ Thượng thư, Tổng đốc Hà Nội và Ninh Bình; tước Tân Lộc nam 新祿男.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Lịch sử di tích.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Chùa Hoằng Ân do công chúa thời Lê lập ra năm Vĩnh Tộ thứ 10. Chùa nguyên tên là Long Ân, Thánh Tổ Nhân Hoàng đế (tức vua Minh Mệnh) ngự giá đến đây đã đổi tên là Sùng Ân. Năm Thiệu Trị 2 (1842), vua đến xem phong cảnh ban cho tên là Hoằng Ân. Chùa là đệ nhất thắng cảnh của Kinh đô. Tổng đốc Mai Công Ngôn khi về nhậm chức đến thăm chùa, đã cảm khái trước cổ tự nên đã bỏ tiền ra đúc tượng, xây tòa hành lang tả hữu và nhà tụng kinh. Nay ghi vào bia để lưu truyền về sau.

[Vô đề]

Kí hiệu: 611

Thác bản bia suu tầm tại chùa Hoằng Ân Quảng Bồ tổng Thượng huyện Hoàn Long.

Thác bản 1 mặt, khổ 48 x 72 cm, gồm 17 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 300 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Thiệu Trị thứ 4 (1844).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Lịch sử di tích.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Chùa Hoằng Ân được công chúa triều Lê xây dựng vào năm Mậu Thìn, niên hiệu Vĩnh Tộ 10. Nhân dịp quan Tổng đốc Mai Công Ngôn đức tượng Phật Dí Đà cho chùa, đồng đảo thiện tín hưởng ứng góp tiền của xây dựng hành lang và nhà tụng kinh. Nay dựng bia ghi tên những người đã đóng góp công đức trong lần trùng tu này.

Tập phúc bi kí

集福碑記

Kí hiệu: 612

Thác bản bia suu tầm tại chùa Hoằng Ân phường Quảng Bồ tổng Thượng huyện Hoàn Long.

Thác bản 1 mặt, khổ 43 x 71 cm, gồm 26 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 800 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: không ghi.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Sư trụ trì thấy ban thờ ở bên trái hành lang bị hư hỏng, nên đã hô hào

những người có tấm lòng thiện để trợ giúp kinh phí, cộng tất cả được 30 quan tiền. Số tiền này một phần dùng để tu sửa chùa, một phần dùng mua ruộng chỉ dùng cho 2 kỳ cúng lễ chung cho các hương hồn của người đã mất vào ngày 9 tháng giêng và 13 tháng 7 hàng năm. Ghi tên người đóng góp và những hương hồn người thân được thờ cúng.

Hoảng Ân tự bi văn

弘恩寺碑文

Kí hiệu: 613

Thác bản bia tỉnh Hà Nội 河南省, sưu tầm tại chùa Hoảng Ân phường Quảng Bồ huyện Hoàn Long tỉnh Hà Nội.

Thác bản 1 mặt, khổ 53 x 90 cm, gồm 14 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 200 chữ, không có hoa văn, không có chữ huy.

Niên đại: Thiệu Trị thứ 2 (1842).

Người soạn: các quan ở Viện Hàn lâm.

Chủ đề: - Lịch sử di tích.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Chùa Hoảng Ân nằm ở Hồ Tây, phía tây bắc tỉnh thành, do công chúa Ngọc Tú triều Lê dựng năm Vĩnh Tộ thứ 10 (1628), đặt tên là chùa Long Ân. Năm Minh Mệnh 2 (1821) nhân việc bang giao, vua ngự giá đến thăm chùa, đổi lại tên là Sùng Ân, cho biển ngạch, cấp cho 200 lạng bạc và hai người phu để phục dịch đèn hương. Nay nhân dịp Hoàng thượng cung tiến vào chùa tòa Hiếu lẫm tám điện, gọi là điện Sùng Ân, nên Bộ Lễ xin vua cho đổi tên chùa, được vua chuẩn y gọi là chùa Hoảng Ân. Các quan ở Viện Hàn lâm ghi lại việc này vào bia để lưu truyền đời sau.

Hậu phật bi kí

后佛碑記

Kí hiệu: 614

Thác bản bia phường Quảng Bồ huyện Quảng Đức phủ Phụng Thiên 奉天府廣德縣廣布坊, sưu tầm tại chùa Hoảng Ân phường Quảng

Bổ tổng Thượng huyện Hoàn Long.

Thác bản 1 mặt, khổ 25 x 40 cm, gồm 10 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 150 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: không ghi.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Năm Canh Tuất, nhà sư trụ trì đứng ra tu sửa nhà hậu đường, bà Nguyễn Thị Giàu đã cúng 7 quan tiền và 2 sào ruộng để góp phần tu sửa và lo việc cúng giỗ sau này. Vì vậy dân phường chấp thuận cho bà được làm Hậu phật.

Hậu thần bi kí

後神碑記

Kí hiệu: 615

Thác bản bia phường Nhật Chiêu huyện Quảng Đức phủ Phụng Thiên 奉天府廣德縣日昭坊, lưu tại hành lang chùa Nhật Chiêu phường Nhật Tân huyện Hoàn Long.

Thác bản 1 mặt, khổ 40 x 80 cm, gồm 18 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 400 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Bảo Thái Canh Tí (1720).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Quan viên hương lão toàn dân giáp Chàng Dao phường Nhật Chiêu huyện Quảng Đức phủ Phụng Thiên, tôn bàu bà Khương Thị Bảo làm Hậu thần vì bà đã đóng góp cho bản giáp 7 sào ruộng và 40 quan tiền để sử dụng vào việc chung. Cuối bia có bài chêm 8 câu, ca ngợi việc làm của bà và ghi lại số tiền, số ruộng và các điều khoản cam kết cúng giỗ.

Kí kị bí kí

寄忌碑記

Kí hiệu: 616

Thác bản bia phường Nhật Chiêu tổng Thượng huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức 懷德府永順縣上總日昭坊, sưu tầm tại chùa Nhật Chiêu phường Nhật Tân huyện Hoàn Long.

Thác bản 1 mặt, khổ 42 x 53 cm, gồm 16 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 400 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Minh Mệnh thứ 19 (1838).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Nhân dịp giáp Dao cùng với giáp Đoài tu sửa nhà tăng, bà họ Đỗ ở giáp Dao phường Nhật Chiêu tổng Thượng huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức đã cùng 10 quan tiền kèm và 2 sào ruộng xin gửi giỗ cho chồng. Toàn giáp chấp thuận, dựng bia ghi rõ các quy định cúng giỗ và địa phận các thửa ruộng.

Hậu thần bí kí

後神碑記

Kí hiệu: 617/618

Thác bản bia phường Nhật Chiêu huyện Quảng Đức phủ Phụng Thiên 奉天府廣德縣日昭坊, sưu tầm tại hành lang bên tả chùa Nhật Chiêu phường Nhật Tân huyện Hoàn Long.

Thác bản 2 mặt, khổ 34 x 65 cm, gồm 28 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 100 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 22 (1761).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Ông cự Phường trưởng Thái Công Hòa và vợ Nguyễn Thị Vụ đã

cúng cho giáp Chàng Dao 2 mẫu 1 sào ruộng và 10 quan tiền cổ được giáp tôn bầu là Hậu thần. Hàng năm đến ngày sinh nhật và khi 60 tuổi, giáp Chàng Dao mang lễ đến tận nhà biểu. Sau khi ông bà chết, giáp sẽ cùng theo đúng nghi thức đã định.

Hậu thần bi kí/Vạn đại bất san

後神碑記/萬代不刊

Kí hiệu: 619/620

Thác bản bia phường Nhật Chiêu huyện Quảng Đức phủ Phụng Thiên 奉天府廣德縣日昭坊, sưu tầm tại chùa Nhật Chiêu phường Nhật Tân huyện Hoàn Long.

Thác bản 2 mặt, khổ 48 x 81 cm, gồm 38 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1200 chữ, có hoa văn, không có chữ huy.

Niên đại: Vĩnh Hựu thứ 3 (1737).

Người soạn: họ Phạm 范; chức vị: Hiến sát Phó sứ Hiến sát sứ ty.

Chủ đề: Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Mậu lâm lang Quang hiệu điện Thiệu Khanh, Siêu Trung tử Khương Đình Dung và vợ là Đình Thị Điều ở giáp Chàng Dao, đã cúng 2 mẫu 7 sào ruộng và 20 quan cổ tiền. Dân làng đã tôn bầu vợ chồng ông làm Hậu thần, cho cha mẹ, họ hàng của 2 người được phối hưởng. Bia được khắc bổ sung một đoạn ghi việc năm Mậu Ngọ, dân giáp cũng thuận tình cho vợ cả ông họ Khương là bà họ Nguyễn hiệu Đoan Dụ làm Hậu thần vì bà đã quyên góp cho bản giáp 7 sào ruộng và 30 quan tiền.

Hậu thần bi kí

後神碑記

Kí hiệu: 621/622

Thác bản bia giáp Chàng Dao phường Nhật Tân huyện Quảng Đức phủ Phụng Thiên 奉天府廣德縣日新坊種搖甲, sưu tầm tại chùa Nhật Chiêu phường Nhật Tân huyện Hoàn Long.

Thác bản 2 mặt, khổ 41 x 65 cm, gồm 27 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 700 chữ, có hoa văn, có chữ hủy: Cửu 戩.

Niên đại: Vĩnh Thịnh thứ 11 (1715).

Người soạn: Nguyễn Đắc Hiền 阮得賢; học vị: Sinh đồ; chức vị: Phường trưởng.

Chủ đề: Bàu Hàu, gửi giỗ, biếu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Quan viên hương lão giáp Chủng Dao tôn bàu Phường trưởng Cao Thế Điền và vợ là bà Nguyễn Thị Bốn làm Hậu thần. Hai vợ chồng nhà giàu có, đã cúng cho bản giáp 1 mẫu 7 sào ruộng. Toàn giáp cam kết cúng giỗ và ghi các thửa ruộng cúng.

Hậu thần bi kí

後神碑記

Kí hiệu: 623

Thác bản bia giáp Chủng Dao phường Nhật Chiêu tổng Thượng huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức 懷德府永順縣上總日昭坊撞搖甲, suru tam tại chùa Nhật Chiêu phường Nhật Tân huyện Hoàn Long.

Thác bản 1 mặt, khổ 35 x 158 cm, gồm 14 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 500 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Gia Long thứ 16 (1817).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hàu, gửi giỗ, biếu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Từ năm Canh Thân (1800), Sinh đồ Chu Bá Liêm ở giáp Nam phường Nhật Chiêu tổng Thượng huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức đã có lời xin cúng cho bản giáp 10 quan tiền cổ và 1 mẫu 5 sào ruộng để gửi giỗ cho cha mẹ vợ và vợ. Bản giáp đã chấp thuận nhưng hồi đó chưa kịp dựng bia. Nay chọn được ngày lành khắc bia ghi lại sự việc đồng thời khắc những cam kết về nghi thức cúng giỗ và các thửa ruộng.

Kí kị bí kị

寄忌碑記

Kí hiệu: 624

Thác bản bia giáp Chàng Dao phường Nhật Chiêu tổng Thượng huyện Vĩnh Thuận 永順縣上總日昭坊撞搖甲, suru tâm tại chùa Nhật Chiêu phường Nhật Tân huyện Hoàn Long.

Thác bản 1 mặt, khổ 35 x 158 cm, gồm 14 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 500 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Kiến Phúc thứ 1 (1844).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Giáp Chàng Dao phường Nhật Chiêu tổng Thượng huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức, được giao đắp 1 đoạn đê ở địa phận Quảng Bồ, chi phí rất nhiều tiền. Nay có ông Khương Văn Đống ở bản giáp, xin góp 20 quan thanh tiền và 6 sào ruộng, để gửi giỗ cho cha mẹ và hai vợ chồng được phối hưởng. Số tiền dùng vào việc đắp đê, ruộng chia cho dân trong giáp cày cấy, hàng năm nộp tô bằng tiền để làm giỗ. Bia ghi tên hiệu, ngày giỗ, vị trí ruộng.

Kí kị bí kị

寄忌碑記

Kí hiệu: 625

Thác bản bia giáp Phú Thọ phường Nhật Chiêu tổng Thượng huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức 懷德府永順縣上總日昭坊富壽甲, suru tâm tại chùa Nhật Chiêu phường Nhật Tân huyện Hoàn Long.

Thác bản 1 mặt, khổ 41 x 60 cm, gồm 16 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 250 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Tự Đức thứ 31 (1878).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Năm Mậu Dần (1878) giáp Phú Thọ phường Nhật Chiêu tổng Thượng huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức, phải chịu tiền thuế vụ đông mất nhiều, khó lòng lo đủ. Giữa lúc đó ông Khương Thanh Xuân là người trong giáp đã góp 15 quan thanh tiền và 2 sào 10 thước đất để xin gửi giỗ cho cha mẹ đẻ và cha mẹ vợ, sau đó lại góp thêm 10 quan tiền và 2 sào 10 thước ruộng để xin gửi giỗ cho hai vợ chồng. Số tiền sẽ sung vào việc thuế còn vườn ruộng cho dân cày cấy lấy tiền đèn hương. Có ghi vị trí ruộng đất, tên họ, ngày giỗ từng người và những quy định cúng giỗ.

Kí kị bì kị

寄忌碑記

Kí hiệu: 626

Thác bản bia giáp Tây phường Nhật Chiêu tổng Thượng huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức tỉnh Hà Nội 河南省懷德府永順縣上總日昭坊西甲, suru tằm tại chùa Nhật Chiêu phường Nhật Tân huyện Hoàn Long.

Thác bản 1 mặt, khổ 37 x 55 cm, gồm 18 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 400 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Tự Đức thứ 2 (1849).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Vào năm Thiệu Trị thứ 3, giáp Tây tu sửa chùa Diên Ninh. Ông Đỗ Văn Vi người bản giáp đã cúng 3 sào ruộng và 50 quan tiền kẽm và xin gửi giỗ cho hai vợ chồng người bác ruột. Bia ghi nghi thức cúng giỗ và vị trí diện tích các thửa ruộng.

Hậu phật bi kí

後佛碑記

Kí hiệu: 627

Thác bản bia giáp Đoài phường Nhật Chiêu tổng Thượng huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức 懷德府永順縣日昭坊兌甲, suru tầm tại chùa Nhật Chiêu phường Nhật Tân huyện Hoàn Long.

Thác bản 1 mặt, khổ 37 x 55 cm, gồm 16 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 400 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Minh Mệnh thứ 19 (1838).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Bà Chu Thị Kỳ ở giáp Đoài cúng 30 quan tiền kẽm và 2 sào ruộng, để bản giáp xây hậu đường và nhà thiêu hương của chùa, đồng thời xin gửi giỗ cho bố và mẹ được phối hưởng trong ngày giỗ đó. Dân làng lập bia ghi cam kết về nghi lễ, cúng giỗ.

Hậu phật bi kí

後佛碑記

Kí hiệu: 628

Thác bản bia phường Nhật Chiêu giáp Đoài tổng Thượng huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức 懷德府永順縣上總日昭坊兌甲, suru tầm tại chùa Nhật Chiêu phường Nhật Tân huyện Hoàn Long.

Thác bản 1 mặt, khổ 41 x 56 cm, gồm 16 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 400 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Minh Mệnh thứ 20 (1839).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Giáp Đoài bản phường tu sửa chùa, Thái Hữu Siêu và các bạn học ở phường Nhật Chiêu cúng 50 quan tiền cùng một số vườn ruộng và các cây ăn quả, xin gửi giỗ cho thầy học và 2 bà vợ thầy cũng được phôi hương. Bia ghi quy định cúng giỗ.

Hậu thần bi kí

後神碑記

Kí hiệu: 629/630

Thác bản bia giáp Môn Tự phường Nhật Chiêu huyện Quảng Đức phủ Phụng Thiên 奉天府廣德縣日昭坊門寺甲, sưu tầm tại chùa Nhật Chiêu phường Nhật Tân huyện Hoàn Long.

Thác bản 1 mặt, khổ 41 x 56 cm, gồm 16 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 400 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 31 (1839).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Giáp Môn Tự định lập chùa bằng mái ngói. Vừa khi có bà Chu Thị Hợp là vợ của quan Huyện thừa Nguyễn Đình Liên người xã Nguyệt Áng huyện Thanh Trì, cúng 100 quan tiền để chi phí và 3 mẫu 6 sào ruộng, đồng thời xin cho cha mẹ và anh trai được làm Hậu thần. Bản giáp chỉ cho chùa 3 sào ruộng để dùng cho việc đèn hương, số còn lại thì sẽ phát canh để hàng năm có tiền cúng giỗ.

Hậu thần bi kí

后神碑記

Kí hiệu: 631

Thác bản bia giáp Môn phường Nhật Chiêu tổng Thượng huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức 懷德府永順縣日昭坊門甲, sưu tầm tại chùa

Nhật Chiêu phường Nhật Tân huyện Hoàn Long.

Thác bản 1 mặt, khổ 28 x 58 cm, gồm 15 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 400 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Gia Long thứ 18 (1819).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Bà Nguyễn Thị Thiêm xin cúng cho giáp 20 quan tiền để nộp thuế công, và hiến cho bản giáp 5 sào ruộng để xin gửi giỗ cho hai vợ chồng bà. Bà Lê Thị Thanh xin cúng cho bản giáp 28 quan tiền và 3 sào ruộng, để gửi giỗ cho cha và gia tiên được phối hưởng. Bía ghi nghi thức cúng giỗ.

Kí kị bi kị

寄忌碑記

Kí hiệu: 632

Thác bản bia phường Nhật Chiêu tổng Thượng huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức 懷德府永順縣上總日昭坊, sưu tầm tại chùa Nhật Chiêu phường Nhật Tân huyện Hoàn Long.

Thác bản 1 mặt, khổ 33 x 62 cm, gồm 15 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 400 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Thiệu Trị thứ 5 (1845).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Giáp Đoài xưa có chuông nhưng đã bị vỡ, nay muốn đúc lại mà chưa đủ tiền chi phí. Ông họ Đỗ đã quyên góp 50 quan và 4 sào ruộng để chùa đúc chuông mới. Vì vậy dân bản giáp thuận tình cho cha mẹ ông gửi giỗ ở chùa, hàng năm cúng giỗ theo đúng nghi lễ.

Lập thạch bi kí

立石碑記

Kí hiệu: 633

Thác bản bia giáp Đông Tam phường Nhật Chiêu tổng Thượng huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức tỉnh Hà Nội 懷德府永順縣上總日昭坊東參甲, sưu tầm tại chùa Phúc Khánh phường Nhật Tân tổng Thượng huyện Hoàn Long.

Thác bản 1 mặt, khổ 46 x 60 cm, gồm 12 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 250 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Tự Đức thứ 33 (1880).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gởi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Thơ văn.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Năm Kỉ Mão (1879) giáp Đông Tam xây thêm 1 nhà hậu đường của chùa, kinh phí rất tốn kém. Ông Cao Xuân Mậu ở giáp Đông và vợ là Chu Thị Môn đã cúng cho chùa 31 quan thanh tiền và 1 sào đất để xin gởi giỗ cho bố vợ. Dân giáp lập bia ghi công đức, hàng năm người nào cày cấy số đất đó phải sửa lễ theo đúng quy định của giáp. Cuối bia có bài minh 4 câu.

Kí kị bi kí

寄忌碑記

Kí hiệu: 634

Thác bản bia giáp Đông phường Nhật Chiêu tổng Thượng huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức tỉnh Hà Nội 懷德府永順縣日昭坊東甲, sưu tầm tại chùa Phúc Khánh phường Nhật Tân tổng Thượng huyện Hoàn Long.

Thác bản 1 mặt, khổ 32 x 52 cm, gồm 14 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 320 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Tự Đức thứ 2 (1849).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biếu dương việc thiện.
- Thơ văn.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Năm Mậu Thân (1848), giáp Đông tu sửa chùa Phúc Khánh, ông Trần Văn Trí ở giáp Đông xin cúng 2 sào ruộng và 30 quan tiền kèm đề xin gửi giỗ cho em gái tại chùa. Bìa ghi các quy định cúng giỗ và bài minh ca tụng công đức.

Hậu phật bi kí

後佛碑記

Kí hiệu: 635

Thác bản bìa giáp Ân Dụ phường Nhật Chiêu tổng Thượng huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức 懷德府永順縣日昭坊殷裕甲, sưu tầm tại chùa Phúc Khánh phường Nhật Tân tổng Thượng huyện Hoàn Long.

Thác bản 1 mặt, khổ 32 x 46 cm, gồm 12 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 230 chữ, có hoa văn, không có chữ huy.

Niên đại: Minh Mệnh thứ 4 (1823).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biếu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Năm Tân Tị (1821) giáp Ân Dụ tu sửa chùa Trường Sinh Phúc Khánh. Có người trong giáp là Trần Văn Điền và Trần Văn Chạch đã đem 20 quan tiền và trâu cau trình với bản giáp để xin gửi giỗ cho 2 vợ chồng anh trai là Trần Văn Nay. Dân làng lập bia tại chùa, quy định nghi lễ cúng giỗ.

Hậu phật bi kí

后佛碑記

Kí hiệu: 636

Thác bản bia giáp Ân Dụ phường Nhật Chiêu tổng Thượng huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức 懷德府永順縣日昭坊恩裕甲, suru tầm tại chùa Phúc Khánh phường Nhật Tân tổng Thượng huyện Hoàn Long.

Thác bản 1 mặt, khổ 34 x 60 cm, gồm 14 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 200 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Minh Mệnh thứ 13 (1837).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Năm Đinh Dậu, Chu Văn Bồng ở phường Dụ Ân cúng cho bản giáp 30 quan tiền cổ và 2 sào ruộng, để xin gửi giỗ cho 2 vợ chồng ông chú. Số tiền đó bản giáp nhận để cùng với giáp Đông làm lễ mừng chùa Phúc Khánh, còn ruộng hàng năm dùng để chi phí trong ngày giỗ. Ghi lại số ruộng và lời đoan ước.

Kí kị bi kí

寄忌碑記

Kí hiệu: 637

Thác bản bia giáp Đông phường Nhật Chiêu tổng Thượng huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức 懷德府永順縣日昭坊東甲, suru tầm tại chùa Phúc Khánh Nhật Tân tổng Thượng huyện Hoàn Long.

Thác bản 1 mặt, khổ 34 x 58 cm, gồm 12 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 200 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Thiệu Trị thứ 7 (1847).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Giáp Đông tiến hành tu sửa chùa Sách Tào chi phí rất nhiều. Trong thời gian đó có ông Nguyễn Văn Nghĩa ở bản giáp đã đến trình xin cúng cho giáp 4 sào ruộng tư ở địa phận xã Phú Xá huyện Từ Liêm và 60 quan tiền để tu sửa chùa, đồng thời xin gửi giỗ cho cha mẹ. Dân làng lập bia ghi lại sự việc, hàng năm sự trụ trì chùa sẽ cúng giỗ theo ngày kị và có quy định nghi lễ cúng tế.

Hậu phật bi kí

后佛碑記

Kí hiệu: 638/956

Thác bản bia giáp Nam phường Nhật Chiêu tổng Thượng huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức 懷德府永順縣上總日昭坊南甲, sưu tầm tại chùa Phúc Khánh phường Nhật Tân tổng Thượng huyện Hoàn Long.

Thác bản 1 mặt, khổ 26 x 53 cm và 28 x 46 cm, gồm 19 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 500 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Minh Mệnh thứ 2 (1821).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Bản giáp tu sửa chùa Trường Sinh Phúc Khánh. Có hai vợ chồng ông Nguyễn Xuân Yên là người trong giáp đem cúng 40 quan thanh tiền và 4 sào ruộng tư để gửi giỗ cho 2 người. Bản giáp chấp thuận, tôn bàu hai vợ chồng ông là Hậu phật, hàng năm sẽ cúng theo nghi thức đã định. Mặt sau bia có 8 câu minh ca ngợi công đức.

Hậu phật bi kí

后佛碑記

Kí hiệu: 639/640

Thác bản bia giáp Ân Dụ phường Nhật Chiêu huyện Quảng Đức phủ Phụng Thiên 懷德府永順縣日昭坊殷裕甲, sưu tầm tại chùa Phúc

Khánh phường Nhật Tân tổng Thượng huyện Hoàn Long.

Thác bản 2 mặt, khổ 28 x 57 cm và 29 x 50 cm, gồm 24 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 800 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 31 (1770).

Người soạn: Vũ Trị 武治; chức vị: Phần lực tướng quân.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

- Thơ văn.

- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Quan viên hương lão và nhân dân giáp Ân Dụ tôn bàu bà Chu Thị Vinh làm Hậu phật tại chùa Trường Sinh Phúc Khánh. Bà Vinh đã cúng 20 quan cổ tiền và 7 sào ruộng cho bán giáp. Có bài minh 8 câu ca ngợi công đức bà, quy định cúng tế, vị trí diện tích ruộng. Mặt sau của bia có đoạn nói về quá trình sử dụng thay đổi số ruộng kị điền của bà Vinh được khắc bổ sung về sau.

Hậu phật bi kí

后佛碑記

Kí hiệu: 641/642

Thác bản bia giáp Ân Dụ phường Nhật Chiêu tổng Thượng huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức 懷德府永順縣上總日昭坊殷裕甲, sưu tầm tại chùa Phúc Khánh phường Nhật Tân tổng Thượng huyện Hoàn Long.

Thác bản 2 mặt, khổ 32 x 58 cm và 32 x 43 cm, gồm 27 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 400 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Minh Mệnh thứ 2 (1821).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

- Xây dựng, trùng tu di tích.

- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Năm Tân Tị, giáp Ân Dụ tu sửa chùa Trường Sinh Phúc Khánh. Bảy giờ có ông Nguyễn Văn Lác đã cúng cho bản giáp 40 quan cổ tiền và 2 sào 6 thước ruộng để tu sửa chùa và xin gửi giỗ cho ông bà ngoại. Cũng trong thời gian này bà Thái Thị Phúc đã cúng cho bản giáp 18 quan cổ tiền và 2 sào ruộng để tu sửa chùa và xin được gửi giỗ cho bản thân. Bia ghi những cam kết về nghi thức cúng giỗ, vị trí các thửa ruộng và 8 câu minh.

Hậu phật bi kí

后佛碑記

Kí hiệu: 643

Thác bản bia giáp Ân Dụ phường Nhật Chiêu tổng Thượng huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức 懷德府永順縣上總日昭坊殷裕甲, sưu tầm tại chùa Phúc Khánh phường Nhật Tân tổng Thượng huyện Hoàn Long.

Thác bản 1 mặt, khổ 39 x 63 cm, gồm 18 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 400 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Minh Mệnh thứ 5 (1824).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biêu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Năm Tân Tị (1821), giáp Ân Dụ tu sửa chùa Trường Sinh Phúc Khánh phí tốn rất nhiều. Phường trưởng Chu Văn Đào đã cúng 30 quan cổ tiền. Bản giáp nhớ ơn công đức, tôn bàu vợ cả của ông làm Hậu phật, được cúng giỗ hàng năm. Cùng năm Tân Tỵ, quan Tả thừa bình phòng, tước Cồ Đức nam người thôn Hạ xã Khương Đình huyện Thanh Trì cúng cho giáp 30 quan cổ tiền, bản giáp tôn bàu bà vợ lẽ của ông nguyên là người bản giáp tên là Chu Thị Đoan làm Hậu phật. Năm Quý Mùi (1823) toàn giáp Đông và sư trụ trì tu sửa tòa cửa võng, bà Nguyễn Thị Thanh ở bản phường đã cúng 45 quan cổ tiền để xin được gửi giỗ. Dân giáp chấp thuận, tôn bàu bà

làm Hậu phật. Bia ghi hỷ hiệu, ngày giỗ của các Hậu phật và những cam kết về nghi lễ cúng giỗ.

Hậu phật bi kí

后佛碑記

Kí hiệu: 644/645

Thác bản bia giáp Đông phường Nhật Chiêu tổng Thượng huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức 懷德府永順縣上總日昭坊東甲, sưu tầm tại chùa Phúc Khánh phường Nhật Tân tổng Thượng huyện Hoàn Long.

Thác bản 2 mặt, khổ 42 x 77 cm và 28 x 41 cm, gồm 16 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 500 chữ, có hoa văn, không có chữ hỷ.

Niên đại: Minh Mệnh thứ 3 (1822).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Từ năm Kỉ Tị (1809), ông Nguyễn Văn Thịnh và vợ ở giáp Đông đã cúng 100 quan tiền và 6 sào 7 thước 5 tấc ruộng để góp phần vào việc sửa chùa Trường Sinh Phúc Khánh, đồng thời xin cho hai vợ chồng làm Hậu phật. Dân giáp chấp thuận, làm tờ cam kết quy định nghi thức cúng giỗ hàng năm. Nay dựng bia ghi lại để lưu truyền.

Đông giáp bi kí

東甲碑記

Kí hiệu: 646

Thác bản bia giáp Đông phường Nhật Chiêu tổng Thượng huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức tỉnh Hà Nội 懷德府永順縣上總日昭坊東甲, sưu tầm tại chùa Phúc Khánh phường Nhật Tân tổng Thượng huyện Hoàn Long.

Thác bản 1 mặt, khổ 62 x 95 cm, gồm 19 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 500 chữ, có hoa văn, không có chữ hỷ.

Niên đại: Thiệu Trị thứ 6 (1846).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bâu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Lịch sử di tích.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Năm Bính Ngọ, giáp Đông tu sửa chùa Sách Tào, người bản giáp là Trần Văn Đình và Trần Văn Ngọ đã cúng cho bản giáp 130 quan tiền và 8 sào ruộng ở xã Phú Xá huyện Từ Liêm để góp phần chi phí sửa chùa, đồng thời xin cho cha mẹ và vợ lẽ (gồm 5 người) được gửi giỗ tại chùa. Dân làng lập bia ghi tên, huý, ngày giỗ, quy định cúng giỗ cùng địa phận thửa ruộng.

Tân Hợi bi kí

辛亥碑記

Kí hiệu: 647

Thác bản bia thôn Huyền Phù xã Thiên Mỹ huyện Từ Liêm phủ Hoài Đức 懷德府慈廉縣天姥社玄圖村, sưu tầm tại chùa xã Đại Mỹ tổng Đại Mỹ huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 34 x 71 cm, gồm 10 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 300 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Tự Đức thứ 4 (1851).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bâu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Các bà Lê Thị Hợi, Lê Thị Đế, Lê Thị Thìn và Lê Thị Kỳ cùng các chị em khác người thôn Huyền Phù xã Thiên Mỹ huyện Từ Liêm phủ Hoài Đức lấy chồng nơi xa, sợ ngày cúng giỗ cha mẹ không làm tròn đạo hiếu, nên cúng 20 quan tiền kẽm và 5 sào ruộng để gửi giỗ cha mẹ. Bản thôn lập bia có ghi quy định cúng giỗ.

Ất Mùi niên bi kí

乙未年碑記

Kí hiệu: 648/649/650/651

Thác bản bia thôn Huyền Phù xã Thiên Mỗ huyện Từ Liêm phủ Hoài Đức 懷德府慈廉縣天姥社玄圃村, sưu tầm tại chùa xã Đại Mỗ tổng Đại Mỗ huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 4 mặt, khổ 35 x 60 cm và 15 x 60 cm, gồm 21 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 250 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Minh Mệnh thứ 16 (1835).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Bà Nguyễn Thị Kỳ người bản thôn đã cúng 25 quan thanh tiền và 5 sào ruộng để thôn chi dùng và xin gửi giỗ cho cha mẹ vào chùa Linh Quang. Ghi nghi thức cúng giỗ, quy định cúng giỗ và vị trí diện tích các thửa ruộng.

Đinh Tị bi kí

丁巳碑記

Kí hiệu: 652

Thác bản bia thôn Huyền Phù xã Thiên Mỗ huyện Từ Liêm phủ Hoài Đức 懷德府慈廉縣天姥社玄圃村, sưu tầm tại chùa xã Đại Mỗ tổng Đại Mỗ huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 35 x 62 cm, gồm 11 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 200 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Tự Đức thứ 10 (1857).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Bà Nguyễn Thị Chiêm cúng 26 quan thanh tiền và 5 sào ruộng để gửi giỗ cho 2 vợ chồng. Bản thôn chấp thuận quy định nghi lễ cúng giỗ hàng năm.

Giáp Thìn niên nhận kí

甲辰年認記

Kí hiệu: 653

Thác bản bia thôn Huyền Phủ xã Thiên Mỗ huyện Từ Liêm phủ Hoài Đức 懷德府慈廉縣天姥社玄圃村, sưu tầm tại chùa xã Đại Mỗ huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 38 x 61 cm, gồm 14 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 200 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Thiệu Trị thứ 4 (1844).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Vợ chồng ông Nguyễn Công Trí không có con cái, nên đã cúng 5 sào ruộng tốt và 20 quan tiền kềm để gửi giỗ cho hai vợ chồng. Bản thôn chấp thuận, làm tờ cam kết quy định nghi lễ cúng giỗ ghi vị trí diện tích ruộng kị điền.

Giáp Thìn niên bi kí

甲辰年碑記

Kí hiệu: 654

Thác bản bia thôn Huyền Phủ xã Thiên Mỗ huyện Từ Liêm phủ Hoài Đức 懷德府慈廉縣天姥社玄圃村, sưu tầm tại chùa Đại Mỗ tổng Đại Mỗ huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 35 x 56 cm, gồm 12 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 270 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Thiệu Trị thứ 4 (1844).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biếu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Ông Nguyễn Công Vũ cúng 6 sào ruộng và 20 quan tiền để gửi giỗ cho cha mẹ vợ, được bản thôn chấp thuận và cam kết về những nghi lễ cúng giỗ. Có ghi vị trí và diện tích ruộng cúng.

Nhâm Thìn bi kí

壬辰碑記

Kí hiệu: 655

Thác bản bia thôn Huyền Phủ xã Thiên Mỹ huyện Từ Liêm phủ Hoài Đức 懷德府慈廉縣天姥社玄圃村, sưu tầm tại chùa xã Đại Mỹ huyện Từ Liêm phủ Hoài Đức.

Thác bản 1 mặt, khổ 37 x 57 cm, gồm 11 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 250 chữ, có hoa văn, không có chữ huy.

Niên đại: Minh Mệnh thứ 13 (1832).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biếu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Ông Nguyễn Công Chí người bản thôn và vợ cúng 20 quan thanh tiền, một mẫu ruộng tốt để thôn chi dùng và gửi giỗ cho cha mẹ. Hàng năm, mỗi giỗ, bản thôn sẽ cúng một mâm xôi bằng 7 đầu lúa, một con gà, một coi trầu 30 miếng, 6 bát ta rượu và 500 tiền vàng mã. Có ghi vị trí, diện tích ruộng cúng và họ tên, ngày giỗ của người được gửi giỗ.

[Vô đề]

Kí hiệu: 656

Thác bản bia thôn Huyền Phủ xã Thiên Mỹ huyện Từ Liêm phủ Quốc

Oai 懷德府慈廉縣天姥社玄圃村, sưu tầm tại chùa xã Đại Mỗ tổng Đại Mỗ huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản mặt, khổ 34 x 64 cm, gồm 10 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 200 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 36 (1765).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biếu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Hương lão Lê Văn Đại và vợ là Nguyễn Thị Cơ vì già yếu, không có con cái nên cúng cho giáp Đoài 2 mẫu ruộng để được làm Hậu thân và khoản tiền 3 quan tiền cổ gọi là “tiền nợ miệng”. Bản giáp chấp thuận, dựng bia quy định lệ cúng giỗ hàng năm.

Đinh Dậu niên bi kí

丁酉年碑記

Kí hiệu: 657

Thác bản bia thôn Huyền Phủ xã Thiên Mỗ huyện Từ Liêm phủ Hoài Đức 懷德府慈廉縣天姥社玄圃村, sưu tầm tại chùa xã Đại Mỗ tổng Đại Mỗ huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 44 x 60 cm, gồm 10 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 160 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: năm Đinh Dậu.

Niên đại ước đoán: Thành Thái thứ 9 (1897).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biếu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Ông Lư Văn Nhị và vợ cúng 20 quan tiền kẽm, 1 mẫu ruộng để gửi giỗ cho hai vợ chồng. Hai giáp trong thôn chấp thuận, quy định hàng năm đến ngày giỗ hai giáp sẽ cúng 1 mâm xôi trị giá 8 đấu, 1

con gà trị giá 3 mạch, rượu 10 bát ta, 30 miếng trâu và 1000 tiền vàng mã.

Kí kị bi kí

寄忌碑記

Kí hiệu: 658

Thác bản bia thôn Huyền Phù xã Đại Tự huyện Từ Liêm phủ Hoài Đức 懷德府慈廉縣大就社玄圃村, sưu tầm tại chùa xã Đại Mỗ tổng Đại Mỗ huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 32 x 53 cm, gồm 11 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 160 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Tự Đức thứ 31 (1878).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Vào lúc bản thôn phải lo nhiều việc công, có bà Lê Thị Chắt vì lấy chồng xa, muốn làm tròn đạo hiếu, nên cúng 40 quan tiền để giúp cho xã làm việc công và gửi giỗ cho cha mẹ vào chùa Linh Quang. Bản thôn chấp thuận, dựng bia ghi ngày giỗ và quy định nghi lễ cúng giỗ.

Hậu thần bi kí

后神碑記

Kí hiệu: 659

Thác bản bia thôn Huyền Phù xã Thiên Mỗ huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai 懷德府慈廉縣天姥社玄圃村, sưu tầm tại chùa xã Đại Mỗ tổng Đại Mỗ huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 32 x 55 cm, gồm 11 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 220 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Cảnh Thịnh thứ 1 (1793).

Người soạn: Không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biếu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Bản thôn tu sửa đình, bà Lê Thị Được là người trong giáp Đông đã cúng 1 mẫu ruộng và 15 quan tiền để xin cho hai vợ chồng bà được là Hậu Phật. Đến ngày giỗ, bản giáp chỉnh biện cỗ bàn làm lễ cúng tại chùa. Bà Được lại cúng thêm 2 sào ruộng cho nhà chùa xin làm Hậu Phật để đến ngày giỗ ông bà, nhà chùa biện lễ thờ Phật và cúng riêng cho hai người 1 mâm cỗ.

Hậu phật bi kí

后佛碑記

Kí hiệu: 660

Thác bản bia giáp Đông, thôn Huyền Phủ xã Thiên Mỹ huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai 懷德府慈廉縣天姥社玄圃村東甲, suru tầm tại chùa xã Đại Mỹ tổng Đại Mỹ huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 32 x 45 cm, gồm 10 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 200 chữ, không có hoa văn, không có chữ huy.

Niên đại: Gia Long thứ 5 (1806).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biếu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Thượng lão Phạm Đình Phan và vợ cúng 1 mẫu ruộng và 10 quan tiền cho bản giáp để chi dùng vào việc công. Bản giáp đồng lòng tôn bầu cha mẹ ông là Hậu phật, cam kết cúng giỗ hàng năm theo nghi lễ quy định trên bia.

Đình môn bi kí

亭門碑記

Kí hiệu: 661

Thác bản bia thôn Huyền Phủ xã Thiên Mỹ huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai 懷德府慈廉縣天姥社玄圃村, suru tầm tại chùa xã Đại Mỹ tổng Đại Mỹ huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 42 x 62 cm, gồm 15 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 300 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: không ghi.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Bản văn khắc mua bán của giáo phường giáp Đông Hạ huyện Từ Liêm. Vì quan dịch không đủ tiền tiêu nên giáo phường bán quyền sở hữu lệ thu tiền hát cửa đình cho các hương lão, quan viên thôn Huyền Phủ với giá tiền 20 quan. Theo lệ cũ, mỗi khi có ca xướng, giáo phường được hưởng 2 quan 1 mạch tiền, 6 mâm xôi, 6 con gà và rượu, trâu. Sau khi đã bán quyền cửa đình thì hàng năm mỗi kỳ hát xướng chỉ nhận 3 mạch tiền, 3 mâm xôi, 3 con gà, 3 be rượu, và 3 coi trâu, ngoài ra còn có một số quy định khác.

Tam Thọ Nguyễn môn Trần Thị kí kị bi kí

三壽阮門陳氏寄忌碑記

Kí hiệu: 662

Thác bản bia thôn Mộ Lao huyện Từ Liêm phủ Hoài Đức 懷德府慈廉縣慕牢村, sưu tầm tại thôn Mộ Lao tổng Đại Mỗ huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 67 x 107 cm, gồm 20 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 600 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Tự Đức thứ 5 (1852).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bào Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Hành trạng, công tích nhân vật.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Bà Trần Thị Hạnh là vợ cả ông họ Nguyễn người thôn Dũng Thọ tổng Đông Thọ huyện Thọ Xương, khi còn sống đã cúng cho bản thôn một chiếc hương án, một chiếc long đình, đều sơn son thiếp bạc và

áo, mũ thờ, mỗi thứ hai đôi, hiện còn để thờ trong đình. Sau khi bà Hạnh mất, vẫn được thôn thờ phụng ở chùa. Nay hai con trai của bà là Cử nhân Nguyễn Huy Nguyên và Nguyễn Huy Ái cúng cho thôn 4 mẫu 6 sào ruộng trong đó 7 sào dùng để mua sắm lễ vật, áo tế dùng cho thờ Thần, Phật, Tiên hiền, còn lại 3 mẫu 9 sào ruộng dùng để gửi giỗ cho thân mẫu. Ghi vị trí và diện tích các thửa ruộng và quy định nghi lễ áp dụng cho từng kỳ cúng giỗ.

Hậu phật sinh bi

後佛生碑

Kí hiệu: 663

Thác bản bia thôn Mộ Lao xã Thượng Thanh Oai huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai 國威府慈廉縣上青威社募牢村, suru tâm tại thôn Mộ Lao tổng Đại Mỗ huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 44 x 60 cm, gồm 10 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 160 chữ, có hoa văn, không có chữ huy.

Niên đại ước đoán: Minh Mệnh thứ 2 (1821).

Người soạn: không ghi.

Chữ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Từ năm Tân Tị (1821) làng xây đình mới, tới năm Giáp Thân (1824) tu sửa chùa, thôn đã họp tại đình để bầu vợ chồng ông Cự Nho sinh họ Bạch cùng con gái, con rể của họ làm Hậu phật. Nay con gái ông là Bạch Thị Phương lại góp 40 quan tiền để giúp bản thôn tu sửa thần từ nên được dân thôn thuận hứa cúng giỗ vợ chồng và cha mẹ của bà. Nhân đó bà lại cúng 9 sào ruộng và 60 quan tiền để dân thôn chi dùng cho việc cúng giỗ.

Kí kỵ bi kí

寄忌碑記

Kí hiệu: 664/665

Thác bản bia thôn Mộ Lao xã Thượng Thanh Oai huyện Từ Liêm phủ

Hoài Đức 懷德府慈廉縣上青威社募牢村, sưu tầm tại thôn Mộ Lao tổng Đại Mỗ huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 45 x 78 cm, gồm 17 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 300 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Tự Đức Canh Tuất (1850).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Bản thôn tu sửa chùa, phải chi phí rất nhiều. Người trong thôn là Cựu Phó tổng Nguyễn Trọng Thân đã cúng 50 quan tiền để sửa chùa, sau lại cúng thêm 20 quan để tu sửa miếu. Toàn thôn thuận tình bàu là Hậu phối, thờ ở chùa. Ông nhân đó đặt thêm 4 sào ruộng để chi phí việc thờ cúng hàng năm. Bia ghi cụ thể về lễ giỗ và ruộng kị điền.

[Vô đề]

Kí hiệu: 666

Thác bản bia sưu tầm tại thôn Mộ Lao tổng Đại Mỗ huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 63 x 11 cm, gồm 20 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 600 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 5 (1744).

Người soạn: Bạch Đăng Liêu 白登寮; quê quán: thôn Mộ Lao; chức vị: Tri huyện.

Người viết chữ: Phạm Sinh 范生; quê quán: phủ Thường Tín Sơn Nam; chức vị: Đồng Tri châu.

Người khắc: Phạm Đình Thứ 范廷次; quê quán: xã Long Châu huyện An Sơn bản phủ.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Ghi vị trí diện tích các thửa ruộng cúng và những quy định về phân định các thửa ruộng cho các kỳ cúng tế trong năm và nghi thức áp dụng trong kí cúng giỗ.

Ghi chú: Đây là thác bản mặt sau của một tấm bia hai mặt.

Kị lap bi kí

忌臘碑記

Kí hiệu: 667

Thác bản bia sưu tầm tại thôn Mộ Lao tổng Đại Mỗ huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 50 x 88 cm, gồm 14 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 300 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Minh Mệnh thứ 2 (1821).

Người soạn: không ghi họ tên; học vị: Hương cống khoa Kỷ Mão; chức vị: Tri huyện Nam Xương; tước Đạo Xuyên tử 道川子.

Người viết chữ: Vũ Đình Trường 武廷長; chức vị: Thư lại ty Thư tả Bắc Thành.

Chủ đề: Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Quy định về ruộng tự điền và nghi lễ cúng giỗ ông Tán Trị công thần Thừa chánh sứ ty Đồng Tri châu họ Vũ và vợ là Bạch Thị Phụng.

Hậu phật sinh bi kí

后佛生碑記

Kí hiệu: 668

Thác bản bia thôn Mộ Lao xã Thanh Oai huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai 國威府慈廉縣上青威社募牢村, sưu tầm tại chùa thôn Mộ Lao tổng Đại Mỗ huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 64 x 113 cm, gồm 20 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 600 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: không ghi.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Hành trạng, công tích nhân vật.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Ông Tư lễ giám Hữu giám thừa Nghiêm Thọ bá Bùi Đăng Nghiêm nhân khi bản thôn tu sửa chùa đã cúng 36 quan tiền, 2 mẫu 5 sào ruộng và một dãy nhà năm gian để xin được phụ hưởng tại chùa. Dân biết ơn ông, tôn bàu ông là Hậu phật sống, cam kết thực hiện các nghi lễ tổng táng và cúng giỗ sau này. Có ghi vị trí diện tích ruộng cúng.

Kí kị bi kí

寄忌碑記

Kí hiệu: 669

Thác bản bia thôn Mộ Lao tổng Đại Mỹ huyện Từ Liêm phủ Hoài Đức 懷德府慈廉縣大姥總募牢村, suru tầm tại chùa thôn Mộ Lao tổng Đại Mỹ huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 35 x 62 cm, gồm 10 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 280 chữ, có hoa văn, không có chữ huy.

Niên đại: không ghi.

Niên đại ước đoán: muộn hơn năm Tự Đức 6 (1853) triều Nguyễn.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Vợ kế Phó tổng Nguyễn Trọng Thân là bà họ Bạch hiệu Diệu Miên, người bản thôn. Khi thấy thôn tu sửa chùa Phật, bà đã cúng 50 quan tiền. Trước đó, chồng bà đã một lần cúng của cải để tu sửa chùa. Bản thôn xét công đức ấy, bèn cho bà gửi giỗ tại chùa. Nhân đó bà lại cúng thêm 3 sào ruộng để chi dùng việc đèn hương.

Công Vị/Đại vương/Từ đường/Bi kí

公位/大王/祠堂/碑記

Kí hiệu: 670/672/673/674

Thác bản bia xã Thiên Mỗ huyện Từ Liêm 慈廉縣天姥社, sưu tầm tại nhà thờ xã Đại Mỗ tổng Đại Mỗ huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 4 mặt, khổ 50 x 120 cm, gồm 67 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 3000 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Minh Mệnh thứ 8 (1827).

Người soạn: Nguyễn Gia Phan 阮嘉璠; học vị: Tiến sĩ xuất thân khoa Ất Mùi.

Chủ đề: Hành trạng, công tích nhân vật.

Tóm lược nội dung:

Sự tích và hành trạng của Đại vương Nguyễn Quý Kính, là con đích của Hoàng giáp Quốc sư đại vương, là cháu đích của Thám hoa Quốc lão đại vương Lê triều. Ông sinh năm Quý Dậu. Năm Giáp Ngọ thi trúng hương khoa, làm quan trải thăng Lễ bộ Lang trung rồi Binh bộ Thượng thư, từng giữ nhiều chức vụ quan trọng ở Vương phủ, từng cầm quân đánh trận, am hiểu kinh sách, giỏi quốc âm, được vua chúa sùng ái ban cho nhiều đặc ân. Khi mất được vua (Lê Ý Tông) thân hành đến điếu tang và cất cho dân 3 xã hàng năm phải thờ cúng. Ngoài ra còn chép tiểu sử và hành trạng của bà họ Tạ, vợ của Đại vương và con trai, con gái, con rể của Đại vương.

Quốc sư Đại vương miếu vũ bi kí

國師大王廟宇碑記

Kí hiệu: 671/735/736/737

Thác bản bia xã Thiên Mỗ 天姥社, sưu tầm tại đền Đại vương xã Đại Mỗ tổng Đại Mỗ huyện Từ Liêm, Hà Đông.

Thác bản 4 mặt, khổ 56 x 150 cm, gồm 68 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 2000 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 7 (1746).

Người soạn 1: Lê Hữu Kiều 黎有喬; học vị: Tiến sĩ khoa Mậu Tuất;
chức vị: Công bộ Thượng thư.

Người soạn 2: Nhữ Đình Toán 汝廷鑽; học vị: Tiến sĩ khoa Bình Thìn;
chức vị: Tham tụng Hình bộ Thượng thư.

Người soạn 3: Nghiêm Bá Đình 嚴伯珽; học vị: Tiến sĩ khoa Quý Sửu;
chức vị: Đông các Hiệu thư.

Chủ đề: Hành trạng, công tích nhân vật.

Tóm lược nội dung:

Sự tích và hành trạng của Nguyễn Quý Ân. Ông sinh năm Quý Sửu ở Đại Mô Từ Liêm, cha là Nguyễn Quý Đức, Lại bộ Thượng thư kiêm Đông các Đại học sĩ, tước Liêm Quận công. Ông rất thông minh, mới 7 tuổi đã hiểu được *Thi, Thư*, lớn lên nổi tiếng một thời. Năm 25 tuổi đỗ Tiến sĩ, được vào cung dạy Thái tử, đã từng viết sách giảng dạy trong cung và làm thơ xướng họa với chúa Trịnh. Ông làm quan đến chức Thượng thư và mất năm Nhâm Dần, thọ 50 tuổi. Sau khi mất ông được sắc phong là Trung Thuần Đoàn Chính Quốc sư Thôn Nghị Đại vương. Bia cũng ghi chép về phu nhân và các con của Đại vương.

Quý Đài công lưu phúc bi

貴台公留福碑

Kí hiệu: 675/734/2222/2223

Thác bản bia xã Tây Đàm huyện Từ Liêm 慈廉縣西澍社, sưu tầm tại đình xã Tây Tựu tổng Tây Tựu huyện Từ Liêm.

Thác bản 4 mặt, khổ 52 x 90 cm và 60 x 145 cm, gồm 61 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 2000 chữ, không có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Vĩnh Thịnh thứ 6 (1710).

Người soạn: Nguyễn [Đăng Đạo] 阮登道; quê quán: xã Hoài Bảo huyện Tiên Du; học vị: Đệ nhất giáp Tiến sĩ cập đệ khoa Quý Hợi (1683); chức vị: Bồi tụng Ngự sử đài Đô ngự sử.

Người viết chữ: Nguyễn Khuê 阮奎; quê quán: huyện Hoảng Hóa phủ Hà Trung; chức vị: Thị nội Thư tả; tước Phụng Xuân tử.

- Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Hành trạng, công tích nhân vật.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Hoàng thân tự Như Kính con thứ ở cung thứ 8, tên húy là Thuần, là con của Thị nội cung tần họ Nguyễn người bản xã. Ông sinh năm Tân Mùi (1691) đến năm Mậu Tý (1708) chẳng may mất, khi mới 18 tuổi; khiến vua, họ hàng, cùng dân xã rất thương tiếc, vua ban thụy cho ông là Thông Mẫn công và cấp tiền của để an táng. Dân xã dâng tấu xin tôn ông là Hậu thần, Hậu phật được vua chuẩn tấu, lại đem số ruộng của ông mua lúc còn sống cấp cho xã 12 mẫu và 1 thửa ao, cấp cho Hội Tư văn 1 mẫu, cho nhà chùa 3 mẫu, dành 3 mẫu cho 3 người làm lễ, trông nom và quét dọn nơi thờ phụng. Bản xã lập đoàn ước về nghi thức cúng giỗ, tế lễ, mẫu văn tế các kỳ hàng năm đối với Thông Mẫn công và bà cung tần họ Nguyễn cùng cha mẹ của bà.

Hưng Khánh tự Hậu phật bi kí

興慶寺后佛碑

Kí hiệu: 676/677

Thác bản bia xã Tây Đam huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai 國威府慈廉縣西僖社, sưu tâm tại chùa Hưng Khánh xã Tây Tựu tổng Tây Tựu huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 47 x 105 cm, gồm 27 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 500 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 31 (1770).

Người soạn: không ghi.

- Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Vợ của ông Thị nội Thư tá họ Vũ, là Trần Thị Dương, chồng chết sớm không tái giá. Mới rồi bản xã tiến hành tu sửa ngôi chùa, bà đã xin cúng 180 quan thanh tiền và 4 mẫu 7 sào ruộng để làm lễ khánh

thành và làm của đèn hương. Toàn dân xã Tây Đam lập bia ghi công đức bà và bầu bà làm Hậu phật. Hàng năm đến ngày giỗ của hai vợ chồng bà, dân cúng giỗ theo đúng nghi thức cam kết trên bia.

Hưng Khánh tự các chung hậu phòng/Tam quan Tam phủ quán bi

興慶寺閣鍾後房/三關三府館碑

Kí hiệu: 678/679

Thác bản bia hai xã Tây Đam và Trung Đam huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai 國威府慈廉縣西僑中僑社, sưu tầm tại chùa Hưng Khánh xã Tây Tựu tổng Tây Tựu huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 58 x 100 cm, gồm 49 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 2000 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Bảo Thái thứ 3 (1722).

Người soạn: Nguyễn Khuê 阮桂; quê quán: xã Tây Đam; học vị: Sinh đồ.

Người viết 1: Đinh Nguyễn Côn 丁阮滾; quê quán: xã Tây Đam.

Người viết 2: Nguyễn Đình Tương 阮廷鏘; quê quán: xã Tây Đam; chức vị: Tăng lục.

Người khắc: Nguyễn Đình Dực 阮廷譽; quê quán: xã Kính Chủ huyện Giáp Sơn phủ Kinh Môn.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Năm Tân Sửu (1721) chùa Hưng Khánh của hai xã Tây Đam và Trung Đam trùng tu. Thị nội cung tần Nguyễn Thị Nghiên đã xuất của kho hàng trăm quan thanh tiền để mua gỗ. Các quan viên hương lão sắc mục trong toàn giáp đã cùng tín thí thập phương quyên góp vào việc chung, sau mấy tháng thì hoàn thành. Bia ghi lại tên họ, số tiền của những người đóng góp.

Hậu thần bi kí

后神碑記

Kí hiệu: 680

Thác bản bia xã Tây Đam huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai 國威府慈廉縣西儋社, suru tầm tại chùa Hưng Khánh xã Tây Tựu huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 44 x 83 cm, gồm 15 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 300 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: không ghi.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Bà Đới Thị Trinh ở xã Tây Đam nguyên dòng dõi Bắc quốc, vốn người đảm đang, tốt bụng. Nay bản xã tu tạo bản hương án, bà đã cúng 130 quan thanh tiền trợ giúp chi phí, lại đặt 2 mẫu ruộng dùng cho việc hương hỏa. Bà được dân xã tôn bàu là Hậu thần, dựng bia cam kết cúng giỗ hàng năm.

Hưng Khánh tự Hậu phật bi kí

興慶寺後佛碑記

Kí hiệu: 681/682/683

Thác bản bia xã Tây Đam huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai 國威府慈廉縣西儋社, suru tầm tại chùa Hưng Khánh xã Tây Tựu tổng Tây Tựu huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 3 mặt, khổ 18 x 88 và 31 x 88 cm, gồm 22 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 300 chữ, không có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: không ghi.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Vợ chồng ông Chu Văn Thông và bà Đỗ Thị Lân ở xã Tây Đàm cúng cho thôn 100 quan tiền để làm lễ khánh tán tại chùa Hưng Khánh, được xã tôn bầu là Hậu phật. Sau đó bà lại cúng 1 quan tiền và 2 mẫu 4 sào ruộng vào chùa để cúng tiến tam bảo và tổ tiên nội ngoại cùng người thân. Hàng tháng vào ngày rằm và mồng một, nhà chùa dùng hoa màu của ruộng để sửa lễ thờ phụng.

Hậu phật bi kí

後佛碑記

Kí hiệu: 684/685/686/687

Thác bản bia xã Tây Đàm huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai Sơn Tây 山西國威府慈廉縣西詹社, suru tâm tại chùa Hưng Khánh xã Tây Tựu tổng Tây Tựu huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 4 mặt, khổ 58 x 128 cm và 21 x 128 cm, gồm 41 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 1200 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 44 (1783).

Người soạn: Phạm Quý Thích 范貴適; quê quán: xã Hoa Đường huyện Đường An; học vị: Tiến sĩ khoa Kì Hợi; chức vị: Hàn lâm viện Hiệu thảo.

Người nhuận sắc: Phạm Nguyễn Du 范阮攸; quê quán: Thạch Động, Hoan Châu; học vị: Tiến sĩ khoa Kì Hợi; chức vị: Tri Công phiên, Đông các Hiệu thư.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Vợ chồng ông Hiệu Sinh họ Nguyễn hiệu Hậu Trai người xã Tây Đàm sống hòa thuận với xóm làng, lại rất có tâm với đạo Phật. Thấy công chùa Hưng Khánh bị hư hỏng, ông định tình nguyện sửa chữa, nhưng chưa kịp thực hiện thì chẳng may qua đời. Nay vợ ông là bà họ Chu hiệu Diệu Dung bèn cúng 60 quan tiền để sửa công chùa, lại cúng vào tam bảo 2 mẫu ruộng. Ông bà được dân xã tôn bầu làm

Hậu phật. Bia ghi diện tích, vị trí các thửa ruộng và điều ước về nghi thức cúng giỗ.

Chu Thị bi kí

朱氏碑記

Kí hiệu: 688

Thác bản bia chùa Hưng Khánh xã Tây Đàm huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai Sơn Tây 山西國威府慈廉縣西詹社, sưu tầm tại xã Tây Tựu tổng Tây Tựu huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 60 x 115 cm, gồm 18 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 300 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Minh Mệnh thứ 4 (1823).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bà Chu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Bà Chu Thị Mĩ, lấy chồng là Chu Đăng Khôi người xã Trung Đàm, cúng tiền vào chùa Hưng Khánh xã Tây Đàm 200 quan thanh tiền để tu sửa các tòa trong chùa, đồng thời cúng 3 mẫu ruộng để gửi giỗ cho cha mẹ. Bia ghi diện tích, vị trí các thửa ruộng và qui định nghi thức cúng giỗ.

Hậu thần bi kí

後神碑記

Kí hiệu: 689

Thác bản bia xã Tây Đàm huyện Từ Liêm 慈廉縣西詹社, sưu tầm tại chùa Hưng Khánh xã Tây Tựu tổng Tây Tựu huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 57 x 93 cm, gồm 19 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 700 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Gia Long thứ 17 (1818).

Người soạn: họ Nguyễn 阮; học vị: Tiến sĩ triều Lê; chức vị: Cần chính điện Học sĩ; tước Chương Phong hầu.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Hành trạng, công tích nhân vật.
- Sinh hoạt làng xã
- Lịch sử di tích.

Tóm lược nội dung:

Bà Trần Thị Quyền lấy chồng họ Ngô người huyện Trùng Hải phủ Triều Châu tỉnh Quảng Đông (Trung Quốc), ngụ tại phường Đồng Thái huyện Thọ Xương phủ Hoài Đức thành Thăng Long. Ông bà sinh được 2 con trai và 2 con gái, sau đó ông đi biển chết. Bà ở vậy nuôi dạy các con khôn lớn. Các con trai trở về Bắc quốc, con gái út cũng đi lấy chồng. Người con gái lớn là Ngô Thị Hoạch ở lại phụng dưỡng mẹ. Nay bà Hoạch thấy xã Tây Đàm tu sửa đền chùa, bèn xuất 200 quan tiền ra giúp đỡ, đồng thời cúng 4 mẫu 6 sào ruộng để gửi giỗ cho mẹ và bản thân. Dân xã cảm kích tấm lòng của bà, tôn bàu mẹ con bà là Hậu thần, cam kết cúng giỗ hàng năm. Bia ghi vị trí các thửa ruộng và nghi thức cúng giỗ.

Lập bi kí

立碑記

Kí hiệu: 690

Thác bản bia xã Nhân Mục Môn tổng Khương đình huyện Thanh Trì phủ Thường Tín tỉnh Hà Nội 河南省常信府青池縣姜亭總仁睦門社, suru tâm tại thôn Cự Lộc tổng Khương đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 38 x 59 cm, gồm 12 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 250 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Thành Thái thứ 11 (1899).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Ông Tri phủ Lâm Thao là Nguyễn Hữu Từ, người thôn Chính Kinh xã

Nhân Mục Môn, tưởng nhớ đến tình nghĩa đối với người thiếp của cha mình là bà Nguyễn Thị Lan, bèn cúng vào chùa thôn Cự Lộc 3 sào ruộng để gửi giỗ cho bà và 2 sào ruộng để gửi giỗ cho cha mẹ của bà.

[Vô đề]

Kí hiệu: 691

Thác bản bia thôn Chính Kinh xã Nhân Mục Môn tổng Khương Đình huyện Thanh Trì phủ Thường Tín tỉnh Hà Nội nước Đại Nam 大南國河內省常信府青池縣姜亭總仁睦門社正經村, sru tằm tại chùa Bồ Đề thôn Cự Lộc tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 38 x 58 cm, gồm 13 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 200 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Thành Thái Mậu Tuất (1898).

Người soạn: Nguyễn Huy Bật 阮輝斌; chức vị: Tuần phủ tỉnh Thái Nguyên đã hưu trí.

Chú đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà Nguyễn Thị Nhu là người xã Nhân Mục Môn, tuổi đã già nhưng không có con trai, nên bà đã cúng vào chùa 1 sào 7 thước 5 tấc ruộng để gửi giỗ cho bản thân. Ghi vị trí diện tích số ruộng.

Kí kị bi kí

寄忌碑記

Kí hiệu: 692

Thác bản bia sru tằm tại chùa Bồ Đề thôn Cự Lộc tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 54 x 70 cm, gồm 16 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 300 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Thành Thái thứ 7 (1895).

Người soạn: Nguyễn Thạc Cần 阮碩勤; quê quán: thôn Cự Lộc.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Ba người con trai ông họ Đinh và bà họ Nguyễn người bản thôn, vì nghĩ đến công ơn của cha mẹ nên đã cúng vào chùa Bồ Đề một số ruộng và 40 quan tiền để gửi giỗ cho cha mẹ.

Kí kị bì kí

寄忌碑記

Kí hiệu: 693

Thác bản bia chùa Bồ Đề thôn Cự Lộc xã Nhân Mục Môn tổng Khương Đình huyện Thanh Trì phủ Thường Tín tỉnh Hà Nội 河南省常信府青池縣姜亭總仁睦門社巨祿村, sưu tầm tại thôn Cự Lộc, tổng Khương Đình huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 51 x 67 cm, gồm 13 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 250 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Tự Đức thứ 18 (1865).

Người viết chữ: Nguyễn Huy Côn 阮輝琨; quê quán: thôn Minh Kinh.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Hai thôn Minh Kinh và Cự Lộc hợp sức tu bổ chùa Bồ Đề kinh phí rất tốn kém. Bà Trần Thị Hiền người xã Thanh Lãm tổng tổng Thắng Lãm huyện Thanh Oai đã cúng 2 sào ruộng và 80 quan tiền để chi dùng vào việc sửa chùa. Qui định cúng giỗ hàng năm và ghi vị trí diện tích số ruộng.

Bồ Đề tự bì kí

菩提寺碑記

Kí hiệu: 694

Thác bản bia sưu tầm tại chùa Bồ Đề thôn Cự Lộc tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 40 x 64 cm, gồm 15 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 200 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: không ghi.

Niên đại ước đoán: năm Tân Hợi Tự Đức thứ 4 (1851).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Lịch sử di tích.
- Xây dựng, trùng tu di tích.
- Văn thơ.

Tóm lược nội dung:

Chùa Bồ Đề là nơi danh thắng có từ đời Lê, nhưng rồi bị hư hỏng. Bấy giờ xã mời nhà sư họ Nguyễn pháp hiệu Thanh Cần là người thôn Quan Nhân về trụ trì ở chùa. Từ đó đến nay trải đã nhiều năm. Sư Thanh Cần không quản gian lao khó nhọc, lần lượt hưng công tu tạo. Năm Canh Tuất sửa chữa làm mới tự đường, tô các pho tượng, xây tháp, đến tháng 11 năm Tân Hợi thì hoàn thành. Có bài tán 16 câu ca ngợi cảnh chùa.

[Vô đề]

Kí hiệu: 695

Thác bản bia thôn Cự Lộc 巨祿村, sưu tầm tại chùa Bồ Đề thôn Cự Lộc tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 57 x 80 cm, gồm 13 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 280 chữ, có hoa văn, có chữ húy: Hoa 峯.

Niên đại: Minh Mệnh thứ 19 (1838).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biếu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Danh sách những người đóng góp tiền của và đặt ruộng gửi giỗ trong đợt trùng tu tam quan, gác chuông chùa Bồ Đề, do hai thôn Cự Lộc và Hoa Kinh tiến hành vào năm Minh Mệnh thứ 9. Ghi tên họ, ngày giỗ, vị trí diện tích các thửa ruộng.

[Vô đề]

Kí hiệu: 696

Thác bản bia thôn Cự Lộc 巨祿村, sưu tầm tại chùa Bồ Đề thôn Cự Lộc tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 52 x 80 cm, gồm 14 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 300 chữ, không có hoa văn, có chữ húy: Hoa 華.

Niên đại: Minh Mệnh thứ 19 (1838).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Danh sách những người gửi giỗ vào năm Minh Mệnh 9 khi hai thôn Cự Lộc và Hoa Kinh khởi xướng tu sửa công tam quan và gác chuông chùa Bồ Đề. Ghi rõ họ tên, ngày giỗ của người gửi giỗ. Bia ghi rõ họ tên, ngày giỗ, vị trí diện tích ruộng kị điền và quy định chung về tế lễ vật dùng cho mỗi lễ giỗ.

Lạc Thiện hội bi kí

樂善會碑記

Kí hiệu: 697

Thác bản bia thôn Cự Lộc 巨祿村, sưu tầm tại chùa Bồ Đề thôn Cự Lộc tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 65 x 95 cm, gồm 19 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 400 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Thành Thái thứ 10 (1898).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Sinh hoạt làng xã.
- Lịch sử di tích.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Chùa Bồ Đề do dân hai thôn Cự Lộc và Chính Kinh cùng thờ phụng. Chùa nằm sát liền bên phải ngôi đền thờ thần. Năm Mậu Tuất (1898) quan Tổng đốc Thái Ninh là Lê tướng công lo tu bổ đền và chùa, khiến cho cảnh chùa đẹp đẽ hơn trước. Nhân dịp này làng quyết định xem xét thay đổi lại tục lệ. Nguyên là hàng năm vẫn có lệ cất cử người đăng cai, cử vào tiết xuân (mùng 2 tháng giêng) và tiết đông (18 tháng 10) sắm sửa xôi thịt, cân đong tính toán, việc ấy xem ra không hợp với cảnh thiền. Và lại sự so đo sang hèn, ganh đua giàu nghèo, khoe khoang xa xỉ thực không mang ý nghĩa tưởng nhớ nguồn cội, đáp đền công đức. Vì vậy làng quyết định bỏ lệ đăng cai, từ nay mỗi hội viên sẽ đóng góp tiền 20 quan để mua ruộng giao cho nhà chùa canh tác, hàng năm lấy hoa lợi biếu lễ.

[Vô đề]

Kí hiệu: 698

Thác bản bia sưu tầm tại tháp thứ nhất chùa Bồ Đề thôn Cự Lộc tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 36 x 63 cm, gồm 3 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 60 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: không ghi.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Hành trạng, công tích nhân vật.

Tóm lược nội dung:

Bài vị nhà sư Tì khưu ni húy Thông Hợp trụ trì chùa Bồ Đề, nguyên quán xã Ngọc Lập huyện Đường Hào phủ Bình Giang tỉnh Hải Dương. Sư sinh năm Canh Thìn mất năm Tân Mão thọ 70 tuổi.

[Vô đề]

Kí hiệu: 699

Thác bản bia xã Khương Đình 姜亭社, sưu tầm tại xã Khương Đình, tổng Khương Đình huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 26 x 46 cm, gồm 4 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 60 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Thành Thái thứ 8 (1896).

Người soạn: Không ghi.

Chủ đề: Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Ghi húy hiệu, ngày giỗ, vị trí, diện tích số ruộng cúng giỗ của hai vợ chồng ông Thông lại người xã Khương Đình là Nguyễn Sĩ Lục và vợ hiệu Diệu Căn.

Xuân Thị kí kị bi

春氏寄忌碑

Kí hiệu: 700

Thác bản bia sưu tầm tại chùa xã Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 27 x 44 cm, gồm 8 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 100 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Thành Thái Giáp Thìn (1904).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biêu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Ghi ngày giỗ, vị trí, diện tích số ruộng gửi giỗ của hai vợ chồng ông họ Nguyễn Xuân người Hà Tĩnh, hàm Chánh bát phẩm và vợ họ Văn hiệu Thục Minh.

[Vô đề]

Kí hiệu: 701

Thác bản bia giáp Đông Vực xã Quang Liệt huyện Thanh Trì phủ Thường Tín 常信府青池縣光烈社東域甲, sưu tầm tại chùa Long Quang giáp Đông Vực xã Quang Liệt tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 40 x 56 cm, gồm 7 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 120 chữ, không có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Gia Long thứ 15 (1816).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậ, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà họ Nguyễn hiệu Diệu Kim là người bản xã xin làm Hậ phật. Bà cúng 3 quan thanh tiền và 5 sào ruộng vào chùa, lại xin cho tổ tiên được phối hưởng. Xã chấp thuận và quy định cúng giỗ hàng năm.

[Vô đề]

Kí hiệu: 702

Thác bản bia xã Thanh Liệt 清烈社, sưu tầm tại văn chỉ xã Thanh Liệt tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 48 x 91 cm, gồm 16 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 500 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Tự Đức thứ 26 (1873).

Người soạn: Vũ Diệu 武耀; học vị: Tú tài.

Chủ đề: - Lịch sử di tích.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Bia chép về việc lập văn chỉ của tổng Thanh Liệt. Tổng này nguyên gọi Quang Liệt, đời Tự Đức mới đổi tên thành Thanh Liệt. Từ trước

vốn chưa có văn chi hàng tổng. Đến năm Tự Đức Nhâm Thân (1872) mới chọn thửa đất ở xã Pháp Vân xây cất thành văn chi, để thờ Chu Văn Trinh và các bậc Tiên hiền trong tổng. Đây là nơi thờ phụng và tế lễ chung của tổng Thanh Liệt và thôn sở tại Pháp Vân.

Hậu phật bi kí

后佛碑記

Kí hiệu: 703

Thác bản bia thôn Tứ Kỳ xã Hoằng Liệt huyện Thanh Trì phủ Thường Tín trấn Sơn Nam 山南鎮常信府青池縣弘烈社四歧村, sưu tầm tại chùa xã Tứ Kỳ tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 64 x 110 cm, gồm 21 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 500 chữ, có hoa văn, có chữ huy: Đề 題, Bang 榜.

Niên đại: không ghi.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Hành trạng, công tích nhân vật.

Tóm lược nội dung:

Cung tần Nguyễn Thị Chính người xã An Tân huyện Gia Phúc phủ Hà Hồng, có cha là Huyện thừa, ông ngoại là Đô đốc, dì là Chiêu Nghi cung tần, cậu là Đô đốc. Bà là người có nhan sắc lại giỏi âm nhạc nên được chúa rất quý. Khi về già, bà cùng 100 quan tiền và ba mẫu ruộng cho bán xã chỉ dùng, lại xin miễn phu dịch cho dân, hai lần tu sửa đền chùa, đúc chuông. Dân xã nhớ ơn tôn bàu bà làm Hậu phật, hàng năm cúng giỗ tại chùa và phối thờ ông bà ngoại của bà là Đô đốc đồng tri Dĩnh Quận công và bà Đỗ Thị Đăng.

Công đức thạch minh thụ

功德石銘垂

Kí hiệu: 704/705

Thác bản bia thôn Tứ Kỳ xã Hoằng Liệt huyện Thanh Trì phủ Thường Tín 常信府青池縣弘烈社四歧村, sưu tầm tại chùa xã Tứ Kỳ tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 58 x 124 cm và 26 x 73 cm, gồm 21 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 700 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 42 (1781).

Người viết chữ: Lê Khoa 黎科.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Hoàng tín đại phu Thiêm sự viện Nguyễn Trọng Chuyên người xã Bằng Liệt thuộc bản tổng có lòng từ thiện nên đã giúp bản xã rất nhiều lần. Nay ông lại bỏ ra 100 quan tiền để trả thay cho xã khoản chi phí phu dịch và 2 mẫu ruộng, ao để giúp xã chi dùng vào việc thờ phụng thần phật và tu sửa chùa đền. Toàn xã bầu ông là Hậu thần và Hậu phật. Ghi quy định cúng giỗ hàng năm, nhà chùa được nhận 5 sào ruộng làm ruộng hương hỏa cúng giỗ ông.

Ghi chú: Phần hoa văn trên bia và bệ bia là gán ghép từ thác bản của tấm bia khác số 00703.

Công đức thạch minh

功德石銘

Kí hiệu: 706

Thác bản bia suu tầm tại chùa xã Tứ Kỳ tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 47 x 57 cm, gồm 1 dòng chữ Hán, toàn văn 13 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: không ghi.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Hành trạng, công tích nhân vật.

Tóm lược nội dung:

Thần vị của bà họ Trần hiệu Diệu An.

[Vô đề]

Kí hiệu: 707

Thác bản bia thôn Tứ Kỳ xã Hoàng Liệt 弘烈社四歧村, sưu tầm tại chùa xã Tứ Kỳ tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 31 x 43 cm, gồm 8 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 80 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Chính Hòa thứ 8 (1687).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Ghi họ tên, quê quán của 6 người phụ nữ được gọi là “con hầu” (thị nhi) được phôi thờ tại chùa.

[Vô đề]

Kí hiệu: 708

Thác bản bia thôn Tứ Kỳ 賜琪村, sưu tầm tại chùa xã Tứ Kỳ tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 33 x 61 cm, gồm 2 dòng chữ Hán, toàn văn 17 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: không ghi.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Hành trạng, công tích nhân vật.

Tóm lược nội dung:

Bài vị của bà Nguyễn Thị Ngọc Liên là Hậu phật tại chùa.

[Vô đề]

Kí hiệu: 709

Thác bản bia sưu tầm tại chùa xã Tứ Kỳ tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 41 x 53 cm, gồm 3 dòng chữ Hán, toàn văn 13 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: không ghi.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Hành trạng, công tích nhân vật.

Tóm lược nội dung:

Bài vị của hai vợ chồng người bản thôn, chồng là Bùi Quang Quỳnh vợ là Nguyễn Thị Tuyên được bản thôn truy bàu và phụ hưởng tại chùa.

[Vô đề]

Kí hiệu: 710

Thác bản bia sưu tầm tại chùa xã Tứ Kỳ tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 41 x 53 cm, gồm 1 dòng chữ Hán, toàn văn 8 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: không ghi.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Hành trạng, công tích nhân vật.

Tóm lược nội dung:

Bài vị truy tôn ông Phùng Văn Nguyễn người bản thôn được phụ hưởng tại chùa.

[Vô đề]

Kí hiệu: 711

Thác bản bia thôn Tứ Kỳ 四歧村, sru tầm tại chùa xã Tứ Kỳ tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 28 x 41 cm, gồm 2 dòng chữ Hán, toàn văn 22 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: không ghi.

Người soạn: không ghi.

Chú đề: - Bàu Hâu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Hành trạng, công tích nhân vật.

Tóm lược nội dung:

Bài vị Hậu phật Trương Thị Đề hiệu Từ Ý được dân thôn Tứ Kỳ thờ cúng tại chùa.

Văn chỉ bi kí

文址碑記

Kí hiệu: 712

Thác bản bia thôn Tứ Kỳ xã Hoảng Liệt huyện Thanh Thanh Trì phủ Thường Tín 常信府青池縣弘烈社四歧村, sru tầm tại chùa xã Tứ Kỳ tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 55 x 97 cm, gồm 14 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 250 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Tự Đức thứ 17 (1864).

Người soạn: Phạm Đình Ái 范廷愛; chức vị: Đồng Tri phủ Khoái Châu.

Người viết chữ: Đặng Khắc Nhượng 鄧克讓; quê quán: xã Thịnh Liệt; học vị: Tú tài.

Chú đề: - Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Văn chỉ của bản xã lâu ngày bị hư hỏng, đổ nát. Nay văn hội của xã góp tiền xây văn chỉ mới tại bên phải phía trước miếu của bản thôn, đặt đàn ở giữa thờ Chu Văn Trinh, bên trái thờ các vị đỗ đạt khoa giáp, bên phải thờ các vị có đức hạnh và có tài văn học.

Trùng tu bi kí

重修碑記

Kí hiệu: 713

Thác bản bia suu tầm tại chùa xã Tứ Kỳ tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 56 x 80 cm, gồm 14 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 350 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Thành Thái thứ 19 (1907).

Người soạn: Nguyễn Vực 阮穡, hiệu: Mậu Tạc 茂柞; quê quán: xã Thịnh Liệt.

Người viết chữ: Vũ Việt 武越; quê quán: xã Đôn Thư.

Chủ đề: - Sinh hoạt làng xã.
- Lịch sử di tích.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Quá trình xây dựng lại văn chỉ của làng Tứ Kỳ. Văn chỉ làng thờ Chu tiên sinh, bên tả hữu thờ các vị khoa hoạn, được lập từ năm Tự Đức, đến năm Nhâm Ngọ (1882) đã dời chỗ một lần. Năm Thành Thái Canh Tí (1900) chọn được đất cạnh chùa nhưng chưa hợp hướng. Năm Thành Thái Nhâm Dần (1902) trùng tu khám thờ, đồ thờ, sơn lại câu đối. Đến nay là năm Đinh Mùi (1907) trùng tu đôi hướng Văn chỉ. Ghi tổng số tiền chi phí của hai lần đóng góp là 2300 quan, ghi tên những người cung tiến.

**Chiêu Nghi thần từ bi/Tạo lệ tế điền/Tuế thời hưởng tự/
Kí công minh đức**

昭儀神祠碑/皂隸祭田/歲時享祀/記功銘德

Kí hiệu: 714/715/716/717

Thác bản bia xã Hoảng Liệt huyện Thanh Trì 靑池縣弘烈社, suru tâm tại miếu Chiêu Nghi xã Tứ Kỳ tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 4 mặt, khổ 56 x 80 cm, gồm 14 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 350 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Chính Hòa thứ 11 (1690).

Người soạn 1: Nguyễn Viết Thứ 阮曰庶; quê quán: xã Sơn Đông huyện Đan Phượng; học vị: Tiến sĩ khoa Giáp Thìn, Đông các khoa Bính Thìn; chức vị: Lại bộ Tả Thị lang; tước Mai Sơn nam.

Người soạn 2: Nguyễn Công Vọng 阮功望; quê quán: xã Vĩnh Kiều huyện Đông Ngàn; học vị: Tiến sĩ khoa Quý Sửu, Đông các khoa Bính Thìn; chức vị: Lễ bộ Tả Thị lang; tước Thọ Ngạn tử.

Người soạn 3: Lê Hy 黎僖; quê quán: xã Thạch Khê huyện Đông Sơn; học vị: Tiến sĩ khoa Giáp Thìn; chức vị: Bồi tụng, Lại bộ Hữu Thị lang; tước Lai Sơn nam.

Người viết chữ: Trần Minh Cương 陳明剛; học vị: Thụ toán khoa Ất Mão; chức vị: Thị nội Thư tả Hộ phiên.

Người khắc: Nguyễn Duy Tiến 阮維進, Nguyễn Duy Nhân 阮維仁, Lê Quang Môn 黎光門; quê quán: xã An Hoạch huyện Đông Sơn.

Chủ đề: Hành trạng, công tích nhân vật.

Tóm lược nội dung:

Bà Nguyễn Thị Xuyên là cung phi của chúa Trịnh Tạc, sau vâng mệnh làm bảo mẫu của chúa Trịnh Căn. Bà quê ở xã Hoảng Liệt huyện Thanh Trì. Sau khi bà mất năm Đinh Dậu (1657), chúa vô cùng thương xót nên đã phong tặng cho bà hiệu là Chiêu Dung, lại gia tặng là Chiêu Nghi. Chúa sai quan hộ táng đưa thi hài bà về quê lập đền thờ phụng. Năm Quý Hợi (1683) chúa ban chỉ dụ cho thôn Tứ

Kỳ được làm dân tạo lệ, lại cấp ruộng tế điền để thờ phụng. Năm Kỷ Tị (1689) Chúa thượng tham khảo nghi lễ nhà Chu, phong cho bà là Huệ Từ Nhân Thiện Phúc thần. Bia ghi các kỳ tế lễ, nghi thức, và lễ vật sử dụng trong các tiết lễ trong năm.

Thanh Trì huyện Linh Đường xã Đại Từ thôn phụng sự bi kí

青池縣苓塘社大慈村奉事碑記 Kí hiệu: 718/719/720

Thác bản bia thôn Đại Từ xã Linh Đường huyện Thanh Trì 青池縣苓塘社大慈村, sưu tầm tại chùa xã Đại Từ tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 3 mặt, khổ 61 x 110 cm và 83 x 125 cm, gồm 35 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước 1200 khoảng chữ, có hoa văn, có chữ húy: Cửu 𣥂.

Niên đại: Chính Hòa thứ 21 (1700).

Người nhuận sắc: Lê Hy 黎僖; quê quán: xã Thạch Khê huyện Đông Sơn; học vị: Tiến sĩ khoa Giáp Thìn; chức vị: Tham tụng, Binh bộ Thượng thư, Tri Trung thư giám; tước Lai Sơn bá.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biếu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Vương phủ Thị nội cung tần Trần Thị Ngọc Tốt là người ở thôn Đại Từ xã Linh Đường huyện Thanh Trì. Bà có nhan sắc rất xinh đẹp lại giàu lòng thương người, dân trong làng từ già trẻ đều được bà giúp đỡ. Bà đã cấp cho bản xã 300 quan tiền sử và 4 mẫu 5 sào ruộng để xã xây đền miếu. Vì thế dân xã tôn bà là Hậu thần, Hậu phật và quy định cúng giỗ hàng năm. Bia khắc bản cam kết thờ phụng của quan viên thôn Đại Từ lập năm Kỷ Mão (1699) và các thừa ruộng thờ.

Hậu thần bi/Linh tiên tự bi

後神碑/靈僊寺碑 Kí hiệu: 721/722

Thác bản bia xã Bình Liệt huyện Thanh Trì phủ Thường Tín 常信府

青池縣平列社, sưu tầm tại chùa xã Bằng Liệt tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 62 x 80 cm, gồm 49 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1200 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Thịnh Đức thứ 2 (1654).

Người soạn: Pháp Ấn Hòa thượng 法印; quê quán: xã Phù Chẩn huyện Đông Ngàn.

Người viết chữ: họ Hoàng 黃, tên tự: Ngọc Bảo 玉寶; quê quán: huyện Tiên Du; pháp sư.

Chủ đề: - Bâu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Ông Ngô Vĩnh Đăng được phong tặng Tán trị công thần, Đặc tiến Kim tử Vinh lộc đại phu và vợ là Lưu Thị Lý hiệu Diệu Minh, đã cúng cho xã 110 quan tiền sử và 1 mẫu 1 sào ruộng để xây dựng nhà thiêu hương, tiền đường chùa Linh Tiên. Ông được dân tôn là Hậu thần, bà được tôn là Hậu phật. Ghi quy định cúng tế hàng năm.

Bằng Liệt bi chí

憑烈碑誌

Kí hiệu: 723/731

Thác bản bia xã Bằng Liệt tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì phủ Thường Tín 常信府青池縣清烈總憑烈社, sưu tầm tại đình xã Bằng Liệt tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 68 x 111 cm, gồm 33 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1600 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Thành Thái thứ 9 (1897).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Luận về phép phong thủy, xem hướng đình cũ của xã Bằng Liệt, cho rằng bất lợi, nên từ năm Quý Mùi (1883) xã đã tiến hành chuyển hướng đình miếu, nhờ đó trong làng chấn hưng văn học, dân chúng có phần thịnh vượng. Nhưng xét phong thủy hướng này vẫn còn chưa hợp, vì vậy năm Quý Tị (1893) lại xoay lại hướng đình lần nữa. Nay công việc đã xong, xã dựng bia ghi lại sự việc, đồng thời khắc các điều khoản ước về việc phụng sự tại đình và những quy định cúng tế do các giáp đảm nhận.

Tu tạo Linh Tiên tự bi/Tạo bến Đại kiều lập bi

修造靈仙寺碑/造渡大橋立碑

Kí hiệu: 724/725

Thác bản bia xã Bình Liệt huyện Thanh Trì phủ Thường Tín 常信府清池縣清烈總平烈社, sưu tầm tại chùa xã Bằng Liệt tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 73 x 110 cm, gồm 52 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1200 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Hoảng Định thứ 18 (1617).

Người soạn: Nguyễn阮.

Người viết chữ: Ngô Khắc Kính 吳克敬.

Người khắc: Nguyễn Nhân Trí 阮仁智; quê quán: xã Gia Đức huyện Thủy Đường.

Chủ đề: - Sinh hoạt làng xã.
- Thơ văn.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Bản xã xây dựng tu bổ lại chùa Linh Tiên và bắc cầu ở bến Đại. Ghi tên người và số tiền công đức đóng góp vào công việc. Mặt sau ghi một bài thơ gồm 30 câu ca ngợi sự tiện lợi của cây cầu cho việc giao thông đi lại của nhân dân.

Bằng Liệt Nam Hạ giáp/Tu tạo thạch bi kí

憑烈南下甲/修造石碑記

Kí hiệu: 726/727

Thác bản bia giáp Nam Hạ xã Bằng Liệt tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì phủ Thường Tín tỉnh Hà Đông 河東省常信府青池縣清烈總憑烈社南下甲, sưu tầm tại quán giáp Nam Hạ xã Bằng Liệt tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 80 x 116 cm, gồm 44 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 2200 chữ, có hoa văn, không có chữ huy.

Niên đại: Tự Đức thứ 11 (1858).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bâu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Giáp Nam Hạ nhân có một khu đất vườn rộng 1 sào 2 thước, do các vị đời trước gửi giỗ lưu lại nằm ở ngõ Vĩnh Phúc thuộc bản xã, địa thế gần đường đi, bèn dựng một ngôi từ đường có 3 gian lấy đó làm nơi thờ phụng các vị Hậu và những hương hồn được gửi giỗ ở bản giáp. Bia ghi huy hiệu, ngày kỵ và lễ vật cúng giỗ của các vị để giáp căn cứ vào đó tiến hành cúng giỗ.

Úc niên hương hỏa

億年香火

Kí hiệu: 728

Thác bản bia điểm thôn Tiên xã Bằng Liệt 憑烈社前村, sưu tầm tại thôn Tiên xã Bằng Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 58 x 93 cm, gồm 18 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 700 chữ, có hoa văn, không có chữ huy.

Niên đại: Thành Thái thứ 9 (1897).

Người soạn: Nguyễn Thứ 阮恕; quê quán: thôn Tiên xã Bằng Liệt; chức vị: Cửu phẩm Bá hộ.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Các vị Hương lão ngô thôn Tiền xã Bằng Liệt lập bia dựng tại điểm liệt kê các thửa ruộng gửi giỗ do ngô nhận của dân bản xã và xã lân cận. Ghi rõ thửa ruộng ở vị trí nào, diện tích bao nhiêu cùng tên họ, ngày giỗ của người được gửi giỗ. Có ghi qui định lễ vật cúng giỗ chung cho các vị gửi giỗ.

Bằng Liệt Hậu kị bi kí

憑烈后忌碑記

Kí hiệu: 729

Thác bản bia xã Bằng Liệt tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì phủ Thường Tín 常信府青池縣清烈總憑烈社, sưu tầm tại miếu xã Bằng Liệt tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 75 x 110 cm, gồm 29 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1000 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Tự Đức thứ 19 (1866).

Người nhuận chính: Trương Thư 張越; học vị: Phó bảng; chức vị: Nguyên Hình khoa Chương án.

Người viết chữ: Lý Văn Tuấn 李文俊.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Năm Bính Dần bản xã tu sửa tòa miếu và đồ thờ, nên cần rất nhiều kinh phí. Bà Nguyễn Thị Quy và con trai là Nguyễn Văn Tăng đã tự nguyện cúng 1100 quan tiền kèm và 7 mẫu 3 sào ruộng cho xã. Dân xã nhớ ơn bầu 3 vị gia tiên và bản thân bà Quy là Hậu kị và 2 vị khác được gửi giỗ. Ghi quy định cúng giỗ và vị trí diện tích số ruộng.

Linh Tiên hạng bi kí

靈僊巷碑記

Kí hiệu: 730

Thác bản bia ngõ Linh Tiên xã Bằng Liệt tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì phủ Thường Tín 常信府青池縣清烈總憑烈社靈仙巷, sưu tầm tại điểm xã Bằng Liệt tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 59 x 95 cm, gồm 16 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 400 chữ, không có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Tự Đức thứ 36 (1883).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

- Sinh hoạt làng xã.

- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Các vị tiền nhân ở ngõ Linh Tiên trước đây đã có hăng tâm hăng sản đặt các thửa điền, thổ, vườn để gửi giỗ. Nay bản ngõ, nhân theo lệ cũ tu tạo từ đường để cúng giỗ họ. Vì vậy dựng bia ghi lại ngày giỗ của từng vị, số ruộng đất đặt gửi giỗ và các lễ phẩm cúng giỗ.

[Vô đề]

Kí hiệu: 732

Thác bản bia giáp Nam Thượng xã Bằng Liệt tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì phủ Thường Tín 常信府青池縣清烈總憑烈社南上甲, sưu tầm tại đình xã Bằng Liệt tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Nội.

Thác bản 1 mặt, khổ 62 x 82 cm, gồm 16 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 220 chữ, không có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Kiến Phúc thứ 1 (1883).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà Nguyễn Thị Phúc cùng hai em trai là Nguyễn Như Quý và Nguyễn Vinh, nhớ tới công ơn cha mẹ nên đã cúng 6 sào ruộng, 3 cây vải cho bản giáp để gửi giỗ cho cha mẹ và xin cho ông bà được phối hưởng.

Tu tạo thần từ bi/Ngoại vũ thạch giai bi

修造神祠碑/外宇石堦碑

Kí hiệu: 733/2224

Thác bản bia xã Tây Đàm huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai 國威府慈廉縣西檐社, suru tầm tại đền xã Tây Tựu tổng Tây Tựu huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 64 x 113 cm, gồm 35 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 820 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Bảo Thái thứ 3 (1722).

Người soạn: Nguyễn Bùi Tông 阮裴宗; quê quán: xã Tây Đàm.

Người viết chữ 1: Đinh Nguyễn Côn 丁阮滾.

Người viết chữ 2: Nguyễn Khanh 阮鏗.

Người khắc: Phạm Đình Kính 范廷鏡; quê quán: xã Kính Chủ.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Bản xã có ngôi đền cổ rất linh ứng. Trước đây vào năm Giáp Tuất (1694), Thị nội cung tần Nguyễn Thị Hậu phát tâm cúng 360 quan tiền cổ, nhờ thế hai xã Tây Đàm và Trung Đàm đã tu tạo lại đền có quy mô khang trang. Đến nay là năm Nhâm Dần (1722), hai xã lại tiến hành trang hoàng thêm, xây nền và thêm bằng đá. Bia khắc tên những vị đã đóng góp công đức trong hai lần tu sửa đền.

Khắc thụ chúc đài minh

刻豎祝臺銘

Kí hiệu: 738/739/740/741/742/743/744/745

Thác bản bia sưu tầm tại chùa xã Tứ Kỳ tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 8 mặt, khổ 64 x 113 cm, gồm 35 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 820 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Cảnh Trị thứ 4 (1722).

Người soạn: Nguyễn Hoảng Sưởng 阮弘敞; chức vị: Tiền công lang Lại bộ Tư vụ.

Chủ đề: - Bâu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Cai cơ, Tham đốc Dinh Quận công Đỗ Lịch cấp cho bản thôn 7 sào 3 thước đất, 5 sào 5 thước ao và 8 mẫu ruộng để thờ phụng ông làm Hậu thần vào các kỳ giỗ chạp, đồng thời dựng đài đá để bày tỏ lòng tôn vua kính trời.

Thọ lão danh bi

壽老名碑

Kí hiệu: 746

Thác bản bia sưu tầm tại chùa xã Đại Từ tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 75 x 130 cm, gồm 20 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 700 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Tự Đức thứ 21 (1868).

Người soạn: Trương Thễ 張體; học vị: Tú tài khoa Mậu Ngọ.

Người nhuận: Nguyễn Đăng Thông 阮登通; học vị: Cử nhân khoa Nhâm Tý.

Chủ đề: - Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Nhân dịp bản xã xây dựng thọ chỉ nên dựng bia ghi tên những vị cố lão cao niên từ trước tới nay ở xã Đại Từ để xuân thu tế tự và để dân chiêm vọng. Kể từ nay về sau, nếu có người thọ từ 65 tuổi trở lên thì con cháu lại tiếp tục ghi bổ sung và lưu truyền mãi mãi.

Kí kị bi

寄忌碑

Kí hiệu: 747

Thác bản bia thôn Đại Từ xã Linh Đường tổng Thanh Liệt 清烈總苓塘社大慈村, sưu tầm tại chùa xã Đại Từ tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 41 x 58 cm, gồm 7 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 170 chữ, không có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Tự Đức thứ 19 (1866).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Ông họ Đỗ, tự Thái Sơn, người bản thôn, đi lính ra trận bị chết, mà không có người thừa tự. Thân nhân của ông cúng cho thôn 2 quan tiền và 1 sào ruộng để gửi giỗ. Bản thôn cho dựng bia ở chùa, hứa sẽ cúng giỗ hàng năm.

[Vô đề]

Kí hiệu: 748

Thác bản bia thôn Đại Từ xã Linh Đường tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì 青池縣清烈總苓塘社大慈村, sưu tầm tại chùa xã Đại Từ tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 40 x 56 cm, gồm 12 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 250 chữ, không có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Tự Đức thứ 31 (1878).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Chồng bà Nguyễn Thị Tảo là ông Đỗ Văn Bồng sung làm hương binh, chẳng may bị chết trận, trước đây bản thôn đã cho chồng bà được gửi giỗ tại chùa. Nay bà lại góp 14 thước 5 tấc ruộng và 30 quan thanh tiền để gửi giỗ cho bản thân. Làng chấp thuận, cam kết cúng giỗ bà hàng năm theo lệ giống như đối với chồng bà trước đây.

Kí kị bi kí

寄忌碑記

Kí hiệu: 749

Thác bản bia sưu tầm tại chùa xã Đại Từ tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 40 x 60 cm, gồm 13 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 200 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Minh Mệnh thứ 20 (1839).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Bản thôn dự định tu sửa chùa Đại Bi. Vợ chồng ông bà Phạm Tông Môn và Tô Thị Sự cúng 60 quan tiền, 2 sào 5 thước ruộng để làng tu sửa chùa. Dân thôn bàu vợ chồng ông là Hậu phật. Ghi ngày giỗ của người chồng và vị trí số ruộng cúng.

Kí kị bi

寄忌碑

Kí hiệu: 750

Thác bản bia thôn Đại Từ xã Linh Đường tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì phủ Thường Tín 常信府青池縣清烈總苓塘社大慈村,

sưu tâm tại chùa xã Đại Từ tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 45 x 75 cm, gồm 6 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 120 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Tự Đức thứ 29 (1876).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biếu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Ông Đỗ Xuân Thiều là người thôn Đại Từ có người vợ không may qua đời, nên cúng vào chùa 30 quan tiền và 1 sào 2 thước ruộng để gửi giỗ cho vợ. Ghi ngày giỗ và vị trí diện tích ruộng cúng.

Trùng tu thọ chỉ bi kí

重修壽址碑記

Kí hiệu: 751

Thác bản bia thôn Đại Từ xã Linh Đường tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì phủ Thường Tín tỉnh Hà Nội 河南省常信府青池縣清烈總岑塘社大慈村, sưu tâm tại chùa xã Đại Từ tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 60 x 93 cm, gồm 15 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 320 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Tự Đức thứ 21 (1868).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Ghi tên người hưng công góp tiền của để trùng tu thọ chỉ. Số tiền đóng góp của các hương lão là 447 quan, tiền của công vốn có của làng là 100 quan, tiền các gia đình công đức là 166 quan.

Linh Đường thọ lão đàn bi kí

苓塘壽老壇碑記

Kí hiệu: 752

Thác bản bia sưu tầm tại đền Thọ Chi xã Đại Từ tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 36 x 72 cm, gồm 14 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 350 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Tự Đức thứ 7 (1854).

Người soạn: Hoàng [Đình Chuyên] 黃廷專; học vị: Tiến sĩ khoa Kỷ Dậu; chức vị: Thị giảng Tập hiền viện.

Chủ đề: - Sinh hoạt làng xã.
- Lịch sử di tích.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Lập thọ đàn để thờ người cao niên là một tập quán tốt đẹp. Làng ta các vị cao niên cứ đến 50 tuổi là lên lão. Năm Nhâm Dần (1842), ông Hoàng giáp Đình nguyên khi lập ra vẫn chỉ thờ các bậc Tiên hiền, có giành đàn bên trái để thờ tiên lão. Tuy các vị vẫn được hưởng tế lễ chung mà chưa có nơi thờ riêng. Nay ông Lê Văn Bảo quyền góp gia tài được 30 quan tiền văn và mọi người đồng tâm hưởng ứng góp thêm xây được 3 gian đàn thờ ở đình làng, đàn giữa thờ các cụ từ 70 tuổi trở lên, bên trái thờ các cụ từ 60 tuổi trở lên, bên phải thờ các cụ từ 50 tuổi trở lên.

Thanh Phúc tự kí kị hậu bi kí

清福寺寄忌后碑記

Kí hiệu: 753

Thác bản bia giáp Cự Đông xã Thanh Liệt huyện Thanh Trì phủ Thường Tín 常信府青池縣清烈社巨東甲, sưu tầm tại chùa Quang Phúc xã Quang Liệt tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 48 x 60 cm, gồm 16 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 200 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Tự Đức thứ 21 (1868).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà Nguyễn Thị Minh ở giáp Cự Đông cúng vào chùa 18 quan thanh tiền, 3 sào 5 thước ruộng để gửi giỗ cho cha mẹ và ông bà. Hàng năm vào ngày giỗ bản giáp làm lễ. Ghi tên người, ngày giỗ và vị trí ruộng. Bia có khắc tượng người ngồi thiền lần tràng hạt.

Khắc thạch lặc công

刻石勒功

Kí hiệu: 754

Thác bản bia sưu tầm tại chùa Quang Phúc xã Quang Liệt tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 50 x 70 cm, gồm 20 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 600 chữ, có hoa văn, không có chữ huy.

Niên đại: Gia Long thứ 14 (1815).

Người viết chữ: Hàn Mặc Đường 翰墨堂.

Người khắc: Lã Đình Tố 呂廷素; quê quán: xã An Hoạch huyện Đông Sơn.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Ghi tên họ những người công đức góp tiền để sửa chữa chùa Quang Phúc, gồm 3 gia đình hưng công, 9 gia đình hội chủ và 13 gia đình tín chủ.

Hậu thần bi kí

后神碑記

Kí hiệu: 755/756

Thác bản bia sưu tầm tại đình Tây Tựu tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 60 x 140 cm, gồm 9 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 220 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 43 (1782).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Ở gần xã Tụ Liệt có một ngôi đình nhỏ lâu ngày bị hư hỏng nặng mà chưa có kinh phí tu sửa. Hoàng tín đại phu Thiêm sự viện Thiêm sự Nguyễn Trọng Chuyên sinh quán tại Linh Đường Bằng Liệt, ông đã phát tâm bồ đề, xuất gia sản 100 quan thanh tiền và 1000 viên gạch Bát Tràng để tu sửa thành ngôi đình lớn đẹp hơn. Toàn thể hương mục xã Tụ Liệt bầu ông là Hậu thần, quy định nghi lễ cúng giỗ. Để tạ ơn dân làng, ông lại cúng thêm 1 mẫu ruộng để chi dùng cho việc cúng giỗ và 1 đôi voi đá, 300 viên gạch cùng 5 sào ruộng để thờ tôn thần.

Cổ trung kim kí/Đình Dậu niên thọ kỳ bi kí

古中今記/丁酉年壽耆碑記

Kí hiệu: 757/758

Thác bản bia xã Tụ Liệt 就烈社, sưu tầm tại đình Tụ Liệt tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 64 x 120 cm, gồm 25 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 500 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Thành Thái thứ 9 (1897).

Người soạn: Vũ Tử Diệu 武子耀; quê quán: xã Thanh Liệt.

Chủ đề: - Sinh hoạt làng xã.
- Lịch sử di tích.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Đình xã Tụ Liệt thờ nhị vị Long vương. Đình xưa đặt hướng Nhâm Bính, nhờ vậy dân làng được phát triển thịnh vượng. Nhưng sau đó

lại đổi thành hướng Tí Ngọ, khiến làng xóm xơ xác, điêu tàn. Đến năm Thành Thái thứ 7, dân xã tiến hành sửa chữa và đổi hướng đình trở lại như cũ vì thế dân xã ngày càng thịnh vượng.

Hậu thần sự tích/Phúc Lộc/Vĩnh Tuy

后神事跡/福祿/永綏

Kí hiệu: 759/760/761

Thác bản bia thôn Tứ Kỳ xã Hoảng Liệt huyện Thanh Trì phủ Thường Tín 常信府青池縣弘烈社四歧村, sưu tầm tại xã Tứ Kỳ tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 3 mặt, khổ 59 x 158 cm, gồm 29 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 900 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: không ghi.

Người soạn: không ghi.

- Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Hành trạng, công tích nhân vật.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Ông Nguyễn Gia Vượng chức Tả Trung doãn, tước Vượng Trung từ, làm Cai cơ Binh phiên nắm quyền cất cử sai phái binh lính. Ông luôn ưu ái đối với lính người bản thôn, khi thì điều động về đóng đồn địa phương, khi thì rút giảm suất lính hương binh hoặc miễn binh dịch cho thôn. Nay ông lại cấp tiền lợp ngói ngôi đình làng, vì thế dân thôn bầu ông là Hậu thần. Ghi những quy định cúng giỗ hàng năm.

[Vô đề]

Kí hiệu: 762

Thác bản bia thôn Hạ xã Khương Đình tổng Khương Đình huyện Thanh Trì phủ Thường Tín 常信府青池縣姜亭總姜亭社下村, sưu tầm tại chùa xã Khương Đình tổng Khương Đình huyện Thanh Trì

tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 32 x 47 cm, gồm 5 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 70 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Đồng Khánh Mậu Tí (1888).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Vào năm Mậu Tí, bà Nguyễn Thị Đĩnh đã 73 tuổi, bà gửi vào chùa 3 sào ruộng để sau này được cúng giỗ.

[Vô đề]

Kí hiệu: 763

Thác bản bia thôn Hạ xã Khương Đình 姜亭社下村, sưu tầm tại chùa xã Khương Đình tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 48 x 70 cm, gồm 9 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 120 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Tự Đức thứ 30 (1877).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà họ Nguyễn hiệu Diệu Trung gửi vào chùa Phụng Lộc ở bản thôn 5 sào ruộng để gửi giỗ cho cha mẹ và bản thân. Ghi ngày giỗ và vị trí ruộng.

Kí kị bi kí

寄忌碑記

Kí hiệu: 764

Thác bản bia thôn Hạ xã Khương Đình 姜亭社下村, sưu tầm tại chùa xã Khương Đình tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 31 x 52 cm, gồm 11 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 250 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Thành Thái thứ 9 (1897).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Ông Nguyễn Như Ý và vợ cả là Nguyễn Thị Nhị cúng vào chùa 4 sào ruộng tư, để gửi giỗ cho cha mẹ vợ, tổng cộng 3 giỗ. Ghi ngày giỗ và quy định cúng giỗ.

[Vô đề]

Kí hiệu: 765

Thác bản bia thôn Hạ xã Khương Đình 姜亭社下村, sưu tầm tại chùa xã Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 28 x 45 cm, gồm 10 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 250 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Thành Thái thứ 13 (1901).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà Nguyễn Thị Bô và các con gái gửi vào chùa 3 sào 5 thước ruộng để nhà chùa cúng giỗ cho cả ba mẹ con sau này. Ghi tên người được gửi giỗ và các thửa ruộng kị điền.

[Vô đề]

Kí hiệu: 766

Thác bản bia thôn Hạ xã Khương Đình 姜亭社下村, sưu tầm tại chùa xã Khương Đình tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 26 x 40 cm, gồm 6 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 70 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Thành Thái thứ 11 (1899).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà Nguyễn Thị Tiệm gửi vào chùa 1 sào ruộng và 30 quan tiền, để nhà chùa cúng giỗ cho mẹ. Ghi ngày giỗ, vị trí ruộng.

Kiến lập tự sự bí kí

建立祀事碑記

Kí hiệu: 767

Thác bản bia thôn Thượng xã Kinh Chủ huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai
國威府慈廉縣敬主社上村, suru tâm tại đình xã Trung Kinh tổng
Dịch Vọng huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 65 x 125 cm, gồm 20 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 700 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Vĩnh Trị thứ 1 (1676).

Người soạn: Phạm Quang Tiến 范光進; chức vị: Cai hợp; tước Kiêm Vinh từ.

Người viết chữ: chức vị: Thư tả tướng thần lại, Tự chính; tước Tín Toàn nam.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Hoảng Ân công chúa Trịnh Thị Ngọc Nở là vợ cả của Đô đốc Thái tể Thiệu Nghĩa công đã cấp cho thôn 100 quan tiền và 5 mẫu ruộng. Dân làng lập bia ghi ơn và hứa thờ cúng bà mãi mãi. Có bài minh ca tụng công đức.

Diên Phúc tự/Vĩnh tích tạo kí

延福寺/永跡造記

Kí hiệu: 768/769

Thác bản bia thôn Thượng xã Kinh Chủ huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai
國威府慈廉縣敬主社上村, sưu tầm tại chùa xã Trung Kinh tổng
Dịch Vọng huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 33 x 58 cm, gồm 12 dòng chữ Hán và Nôm, toàn
văn ước khoảng 180 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Mậu Ngọ.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Bà Nguyễn Thị Tuấn hiệu Từ Lộc trợ giúp dân làng 30 quan tiền để
làng trả công thợ mộc nhân dịp sửa chùa, cúng 1 mẫu ruộng làm của
tam bảo và 1 sào ruộng dưỡng tăng. Dân làng lập bia ghi ơn, tôn bà
là Hậu phật và hứa thờ cúng bà mãi mãi. Ghi vị trí ruộng, quy định
cúng giỗ.

Hậu phật bi kí/Nam vô A di đà phật

后佛碑記/南無阿彌陀佛

Kí hiệu: 770/771

Thác bản bia xã Kinh Chủ 敬主社, sưu tầm tại chùa xã Trung Kinh
tổng Dịch Vọng huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 38 x 62 cm, gồm 24 dòng chữ Hán và Nôm, toàn
văn ước khoảng 700 chữ, có hoa văn, có chữ hủy: Cửu 戩.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 11 (1750).

Người soạn: Trần Đăng Cơ 陳登基; tước: Tri Dũng nam.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Ông họ Trần quê ở An Lạc, Đông Thành vốn dòng quyền quý, ông

muốn làm việc thiện để hưởng phúc sau này. Ông đã cúng cho xã 40 quan cổ tiền và 1 mẫu ruộng. Dân làng bầu ông là Hậu phật, lập bia ghi ơn và hứa cúng giỗ hàng năm. Ghi vị trí ruộng, quy định cúng giỗ.

Lưu truyền vạn đại/Hậu phật chủ tạo

留傳萬代/候佛主造

Kí hiệu: 772/773

Thác bản bia thôn Thượng xã Kinh Chủ huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai 國威府慈廉縣敬主社上村, sưu tầm tại chùa Trung Kính tổng Dịch Vọng huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 33 x 57 cm, gồm 20 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 600 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Vĩnh Trị thứ 5 (1680).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Vợ chồng hương lão kiêm Trùm trưởng Nguyễn Văn Phú tự Phúc Độ, rất có công với dân làng. Năm trước ông đã giúp làng tu sửa 3 gian tiền đường chùa Diên Phúc, năm Canh Tuất lại góp gỗ xoan dựng tiền đường 3 gian 2 chái. Dân thôn tôn bầu ông bà là Hậu phật lập thần chủ thờ ở chùa. Đến năm Nhâm Tý, ông bà xuất tiền 30 quan trả nợ cho thôn, đồng thời cúng 2 mẫu 5 sào ruộng vào chùa làm của Tam bảo.

Duy Tân Kỷ dậu

維新己酉

Kí hiệu: 774

Thác bản bia xã La Dương 羅陽社, sưu tầm tại văn chỉ xã La Dương tổng An Lũng huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 7 x 126 cm, gồm 16 dòng chữ Hán và Nôm, toàn

văn ước khoảng 350 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Duy Tân thứ 3 (1909).

Người soạn: Phạm Nhữ Hiền 范汝賢; quê quán: xã Đông Ngạc; chức vị: Hương sư.

Chủ đề: - Sinh hoạt làng xã.

- Lịch sử di tích.

Tóm lược nội dung:

Xã La Dương từ xưa đã có truyền thống tôn sùng đạo học. Kể từ năm Thành Thái 10 (1898), xã bắt đầu xây dựng văn chỉ. Cho đến nay, hoạt động thờ phụng của văn hội ngày một hoàn thiện, số hội viên cũng phát triển đông lên bội phần. Bìa kê 56 vị trong văn hội của xã.

Mãi đình trụ lượng/Tạo lập thạch bi/Lưu truyền vạn đại/

Di cổ tích kí

買亭籌兩/造立石碑/留傳萬代/遺古跡記

Kí hiệu: 775/776/777/778

Thác bản bia xã La Dương huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai 國威府慈廉縣羅陽社, suru tằm tại đình xã La Dương tổng An Lũng huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 4 mặt, khổ 37 x 130 cm, gồm 37 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 1000 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Vĩnh Trị thứ 3 (1678).

Người viết chữ: Trần Quang Thái 陳光彩, tên tự: Pháp Lộc, hiệu: Đức Chính; chức vị: Tiền xã trưởng.

Chủ đề: Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Ty giáo phường Tứ giáp Trùm Thượng xã Thượng Mỗ huyện Từ Liêm vì thiếu tiền quan dịch, nên bán quyền sở hữu thu lệ ca hát của đình xã La Dương cho xã La Dương với số tiền là 75 quan. Ghi tên người mua bán và những giao kèo có liên quan.

Tạo lập thạch bi/Lưu truyền vạn đại

造立石碑/流傳萬代

Kí hiệu: 779/780/781

Thác bản bia xã La Dương tổng An Lũng huyện Từ Liêm phủ Hoài Đức 懷德府慈廉縣安隴總羅陽社, suru tâm tại đình xã La Dương tổng An Lũng huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 3 mặt, khổ 45 x 90 cm và 45 x 80 cm, gồm 29 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 800 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Minh Mệnh thứ 16 (1835).

Người hiệu chính: Nguyễn Bá Tuyên 阮伯宣, Nguyễn Bá Dụ 阮伯裕, Trần Tăng Lễ 陳增禮.

Người viết chữ: Nguyễn Bá Hiến 阮伯憲; chức vị: Trùm trưởng.

Chủ đề: - Sinh hoạt làng xã.
- Lịch sử di tích.
- Xây dựng, trùng tu di tích.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Ghi việc thay đổi lại hướng đình làng La Dương. Nguyên trước đây khi dựng đình đã xem phong thủy, đặt hướng tọa Thân hướng Canh, nhờ đó dân làng làm ăn thịnh vượng. Giữa chừng vào năm Canh Thân (1800), triều Cảnh Thịnh, vì nghe lời thầy phong thủy xui bậy, đã di dời đình tới phía ngoài gác chuông trước cổng chùa, khiến trong làng đình, tài hao tổn, xích mích nảy sinh, phong tục suy sút. Năm Gia Long Kì Tị (1809), làng phải dời đình về chỗ cũ, nhưng vì di chỉ cũ đã mất, nên đặt hướng Tân Mão Tân Dậu vẫn không hợp, làng tuy có thịnh một chút nhưng vẫn kém khi xưa. May sao đến năm Minh Mệnh Ất Mùi (1835) đào tìm được hòn đá tảng đặt ở chân tường ngôi đình cũ, so la bàn đúng là hướng Thân Canh. Bèn khởi công dựng lại đình đúng như hướng cũ. Cuối bia là bài minh tóm tắt sự việc và nêu mong ước cuộc sống hạnh phúc.

Thiên Hưng tự Hậu phật bi kí

天興寺後佛碑記

Kí hiệu: 782/783/784/785

Thác bản bia xã La Phù huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai 國威府慈廉縣羅浮社, sưu tầm tại chùa xã La Phù tổng An Lũng huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 4 mặt, khổ 23 x 122 cm và 62 x 122 cm, gồm 32 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 1000 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Canh Hưng thứ 25 (1764).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Ông Huyện thừa huyện Vĩnh Khang là Nguyễn Thế Quý và vợ cúng cho nhà chùa 30 quan tiền và 7 mẫu ruộng. Bản xã đồng lòng bàu vợ chồng ông bà Hậu phật. Ghi quy định cúng giỗ và các thửa ruộng.

Từ Liêm huyện trùng tu từ vũ bi kí/Từ Liêm huyện hội tài bi

慈廉縣重修祠宇碑記/慈廉縣會財碑

Kí hiệu: 786/787

Thác bản bia huyện Từ Liêm 慈廉縣, sưu tầm tại văn chỉ huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 88 x 115 cm, gồm 53 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 2500 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Tự Đức thứ 4 (1851).

Người soạn 1: Đỗ Cao Mại 杜高邁; chức vị: Phủ doãn phủ Thừa Thiên.

Người soạn 2: Phạm Gia Chuyên 范嘉專; chức vị: Thị giảng học sĩ.

Người khắc soạn 3: Hoàng Bình 黃坪; chức vị: Đốc học Thanh Hóa.

Người soạn 4: Phạm Quang Nguyên 范光元; chức vị: Đốc học Hà Tĩnh.

Người soạn 5: Phạm Gia Lâm 范嘉琳; chức vị: Lễ bộ Lang trung.

Người soạn 6: Dương Công Bình 楊公平; học vị: Phó bảng khoa Đinh Mùi.

Người soạn 7: Phan Huy Chân 潘輝真; học vị: Cử nhân khoa Tân Mão.

Người soạn 8: Nguyễn Phan Châu 阮潘珠; học vị: Cử nhân khoa Nhâm Dần.

Người nhuận sắc 1: Trần Vĩ 陳瑋; chức vị: Đốc học Hà Nội.

Người nhuận sắc 2: Nguyễn Bá Đôn 阮伯惇; chức vị: Nguyên tri phủ Điện Bàn.

Người nhuận sắc 3: Hoàng Tương Hiệp 黃相協; chức vị: Án sát Lạng Sơn.

Chủ đề: - Sinh hoạt làng xã.
- Lịch sử di tích.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Bản huyện đã có văn chỉ từ rất lâu, nhưng địa điểm cũ không thể khảo cứu ra được. Đến thời Chính Hòa, Thám hoa Nguyễn Công (Quý Đức) mới dựng tại xã Phú Mỹ gồm 2 dãy trong ngoài, mỗi dãy 3 gian gần đường nên rất dễ dàng thuận tiện cho hội họp. Đến năm Đinh Mùi vì binh hỏa nên bị hư hại hết. Năm Tân Sửu đời Thiệu Trị (1841), quan Phủ doãn Kinh sư Đỗ Cao Mại đứng ra tổ chức hội viên đóng góp xây dựng lại văn chỉ, vẫn 2 dãy trong ngoài như xưa nhưng quy mô khang trang hơn, với xà gỗ tốt, trụ gạch, mái ngói, tường gạch bao quanh. Tháng 10 hoàn thành, kêu gọi các vị thân hào cùng ruộng tự điền, dựng bia ghi điều lệ cúng tế và tên họ, chức tước, số tiền đóng góp của mỗi người.

Bản phủ tiền Tiến sĩ đề danh bi/Bản phủ tiền triều chư danh khoa bi

本府前進士題名碑/本府前朝諸名科碑 Kí hiệu: 788/789

Thác bản bia sưu tầm tại văn chỉ huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 75 x 105 cm và 68 x 110 cm, gồm 48 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 2000 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Tự Đức thứ 25 (1872).

Người soạn: Nguyễn Văn Ái 阮文愛, tên tự Phu Như 孚如; học vị: Tiến sĩ khoa Kỷ Tị; chức vị: Tri phủ Hoài Đức.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Sinh hoạt làng xã.
- Khoa bảng.

Tóm lược nội dung:

Danh sách người đỗ đạt của phủ Hoài Đức từ thời nhà Lý, chia ra 2 phần khắc trên 2 mặt bia. Mặt trước khắc các vị đỗ đại khoa (Tiến sĩ); mặt sau ghi những vị đỗ đạt tuy không phải là Tiến sĩ nhưng học vị cũng tương đương như Thái học sinh, đỗ kỳ thi Minh Kinh, hoặc đã đỗ Tiến sĩ lại thi đỗ các kỳ thi cấp cao hơn như thi Đông các, Chế khoa, Ân khoa, cũng ghi cả một số người đỗ các kỳ thi khác như Sĩ vọng, Tuyển cử v.v... Danh sách được ghi theo khoa thi và chia theo địa phương cấp huyện trong phủ Hoài Đức.

Văn chỉ tiết thứ tu lý bi kí/Từ Liêm văn chỉ thổ điền bi kí

文址節次修理碑記/慈廉文址土田碑記 Kí hiệu: 790/791

Thác bản bia huyện Từ Liêm 慈廉縣, sưu tầm tại văn chỉ huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 87 x 120 cm, gồm 9 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 500 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: không ghi.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Ghi quá trình xây dựng lại văn chỉ từ năm Thiệu Trị nguyên niên (1841) đến năm Duy Tân 3 (1908), và số tiền chi tiêu cho công việc đó. Mặt sau bia ghi diện tích, vị trí số ruộng tự điền của văn chỉ.

Ghi chú: Bia vốn được dựng vào năm Tự Đức thứ 25 (1872), sau đó được khắc tiếp thêm 3 dòng ở cuối bia vào năm Thành Thái thứ 16 và năm Duy Tân thứ 3.

**Quốc triều bản phủ lịch khoa bi kí/Thành Thái Canh Dần
trùng tu**

國朝本府歷科碑記/成泰庚寅仲春重修 Kí hiệu: 792/793

Thác bản bia sưu tầm tại văn chỉ huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 88 x 130 cm và 67 x 105 cm, gồm 22 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 900 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Thành Thái thứ 2 (1890).

Người soạn: Nguyễn Văn Ái 阮文愛, tự Phu Như 孚如; chức vị: Tri phủ phủ Hoài Đức.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Sinh hoạt làng xã.
- Khoa bảng.

Tóm lược nội dung:

Ghi tên những người đỗ Tiến sĩ, Cử nhân từ năm Gia Long 6 (1807) đến năm Duy Tân 3 (1908) thời Nguyễn của phủ Hoài Đức.

Ghi chú: Bia nguyên được dựng vào đầu đời Thành Thái, được khắc bổ sung nối tiếp đến năm Duy Tân thứ 3.

Hậu phật bi kí

后佛碑記

Kí hiệu: 794

Thác bản bia phường Nghi Tàm huyện Quảng Đức phủ Phụng Thiên 奉天府廣德縣宜蠶坊, sưu tầm tại chùa Kim Liên phường Nghi Tàm tổng Thượng huyện Hoàn Long.

Thác bản 1 mặt, khổ 42 x 70 cm, gồm 18 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 600 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: năm Nhâm Tí.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bâu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Năm Nhâm Tý toàn phường trùng tu chùa và xây dựng tiền đường, cần phải chi dùng rất nhiều kinh phí. Vợ chồng ông Phó quản Thị nội Đĩnh Linh bà Nguyễn Trác Đĩnh và vợ chồng nho sinh Nguyễn Điền cúng vào chùa 20 quan tiền cổ và 3 sào ruộng được dân phường thuận tình tôn bầu thân mẫu của họ là Hậu phật. Cũng trong dịp này vợ chồng ông Nguyễn Thọ Vực cũng giúp vào chùa 40 quan và 6 sào ruộng, được bản phường tôn bầu cha mẹ vợ của ông được là Hậu phật. Ghi ngày giỗ và các quy định cúng giỗ.

Ghi chú: Người sưu tầm ghi thêm niên đại ở cạnh diềm bia là *Hoàng triều Quang Trung ngũ niên*, tức năm Quang Trung thứ 5 (1792).

Phổ Quang tháp bi kí

普光塔碑記

Kí hiệu: 795/798

Thác bản bia phường Nghi Tàm huyện Quảng Đức phủ Phụng Thiên, Kinh Đô 京都奉天府廣德縣宜靈坊, sưu tầm tại chùa Kim Liên phường Nghi Tàm tổng Thượng huyện Hoàn Long.

Thác bản 4 mặt, khổ 43 x 67 cm, gồm 42 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1400 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 30 (1769).

Người soạn: pháp hiệu: Tính Dĩnh 性穎; nhà sư.

Người viết chữ: Lê Đình Kiều 黎廷矯; chức vị: Cai hợp.

Người khắc: Vượng Lộc 旺祿; chức vị: Thạch cục hữu đội, Bá hộ.

- Chủ đề:
- Hành trạng, công tích nhân vật.
 - Sinh hoạt làng xã.
 - Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Tiêu sử nhà sư trụ trì chùa Đại Bi phường Nghi Tàm là Trương Toại Như, tự Như Chiêu. Cha ông là Tiến sĩ khoa Canh Thìn, Đặc tiến Kim tử Vinh lộc đại phu, Đông các Hiệu thảo Mai Lâm bá Trương tướng công, mẹ họ Nguyễn hiệu Diệu Kính. Sư sinh năm Mậu Ngọ,

khi còn nhỏ rất thông minh dĩnh ngộ. Năm 13 tuổi lên chùa Long Động núi Yên Tử để tham thiền nhập định, thụ chính ấn từ Tuệ Đăng Chính Giác Hòa thượng. Năm 23 tuổi được Quốc vương triệu về Kinh văn thiền, cấp bằng điệp về trụ trì chùa Phúc Chí ở xã Bắc Mã huyện Đông Triều. Năm 62 tuổi ông về trụ trì tại chùa Đại Bi phường Nghi Tàm. Năm Mậu Thìn được triệu về Kinh lập đàn chay, được sắc chỉ ban cho là Quảng Giác Hòa Thượng. Năm Kỷ Tị, 72 tuổi, thi viên tịch. Đồ đệ dựng 2 tòa tháp ở chùa Đại Bi và ở chùa Phúc Chí để thờ ông. Bia ghi các thừa ruộng do đồ đệ tiến cúng để thờ phụng.

Kí kị bi kí

寄忌碑記

Kí hiệu: 799

Thác bản bia sưu tầm tại chùa Kim Liên phường Nghi Tàm tổng Thượng huyện Hoàn Long.

Thác bản 1 mặt, khổ 43 x 67 cm, gồm 12 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 400 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Tự Đức Bính Tý (1876).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bâu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Chùa Kim Liên là một thắng cảnh, nhưng lâu ngày bị hư hỏng. Các sư chùa cùng hương lão trong phường tổ chức trùng tu lại chùa. Có 3 vị tín lão là Nguyễn Thị Nhậm, Vũ Thị Khang, Đỗ Thị Phúc đóng góp công đức 200 quan tiền và khu điền thổ ở giữa làng, đồng thời xin gửi giỗ người thân vào chùa.

Nhâm Thân niên cửu nguyệt cốc nhật khắc

壬申年九月穀日刻

Kí hiệu: 800

Thác bản bia phường Nghi Tàm huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức 懷德

府永順縣宜蠶坊, suru tâm tại chùa Kim Liên phường Nghi Tâm
tổng Thượng huyện Hoàn Long.

Thác bản 1 mặt, khổ 32 x 43 cm, gồm 13 dòng chữ Hán và Nôm, toàn
văn ước khoảng 150 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: năm Nhâm Thân.

Niên đại ước đoán: thời Nguyễn.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Nhà sư trụ trì chùa Kim Liên tự Chiếu Kiều dựng bia ghi chép về
những thửa ruộng dùng để giỗ sư tổ của chùa. Ruộng giỗ tổ tại các
thôn xã Thịnh Liệt, tổng cộng 1 mẫu 6 sào 5 thước 5 tấc. Số ruộng
này giao cho vợ chồng một người thôn Giáp Nhị xã Thịnh Liệt cấy
cấy, hàng năm tới ngày giỗ tổ 17 tháng 9, người lĩnh canh phải nộp
mỗi sào một số tiền bằng 25 bát thóc.

Kí kị bi

寄忌碑

Kí hiệu: 801

Thác bản bia phường Nghi Tâm tổng Thượng huyện Vĩnh Thuận 永順
縣上總宜蠶坊, suru tâm tại chùa Kim Liên phường Nghi Tâm tổng
Thượng huyện Hoàn Long.

Thác bản 1 mặt, khổ 34 x 58 cm, gồm 11 dòng chữ Hán, toàn văn ước
khoảng 160 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: năm Quý Tị.

Niên đại ước đoán: thời Nguyễn.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biếu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Năm Nhâm Thìn, Tỳ Khuru ny tại bán chùa có lời với làng đề trùng tu lại chùa, công việc này tốn kém rất nhiều kinh phí. Nay có tin vãi Lê Thị Trai cúng 100 quan tiền kềm cho làng sửa lại chùa và gửi giỗ cho cha mẹ và bản thân.

Kim Liên tự Hậu phật bi kí/Lăng Già tháp tông đồ bi kí

金蓮寺後佛碑記/楞伽塔宗徒碑記 Kí hiệu: 802/803

Thác bản bia phường Nghi Tâm huyện Quảng Đức phủ Phụng Thiên 奉天府廣德縣宜蠶坊, sưu tầm tại chùa Kim Liên phường Nghi Tâm tổng Thượng huyện Hoàn Long.

Thác bản 2 mặt, khổ 80 x 118 cm, gồm 35 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 700 chữ, không có hoa văn, không có chữ huy.

Niên đại: Canh Hưng thứ 41 (1780).

Người soạn: Vũ Trần Huy 武陳輝; quê quán: Giao Thủy, Thiên Trường.

Người viết chữ: Lê Quý Thuần 黎貴醇; quê quán: xã Kiến Đình huyện Diên Hà.

Người khắc: Cục chánh kiêm Tổng tri Tường Trung từ 想忠子.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Hành trạng, công tích nhân vật.

Tóm lược nội dung:

Tiểu sử nhà sư Tịch Hải Bình người An Lão, Kinh Môn. Ông đi tu từ nhỏ, khắc khổ học đạo, sau đến trụ trì tại chùa Kim Liên. Tại đây ông đã dạy nhiều học trò. Sau khi ông mất, học trò là Chiêu Tuấn cùng các môn đồ khác góp tiền 50 quan và 1 mẫu ruộng cúng cho phường đề tôn bàu ông là Hậu phật và dựng tháp Lăng Già thờ phụng.

Trùng tu Đại Bi tự/Công đức bi kí

重修大悲寺/功德碑記 Kí hiệu: 804/805

Thác bản bia phường Nghi Tâm huyện Quảng Đức phủ Phụng Thiên

奉天府廣德縣宜蠶坊, sưu tầm tại chùa Kim Liên phường Nghi
Tâm tổng Thượng huyện Hoàn Long tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 68 x 103 cm, gồm 54 dòng chữ Hán, toàn văn
ước khoảng 1500 chữ, có hoa văn, có chữ húy: Cửu 纘.

Niên đại: Dương Hòa thứ 5 (1639).

Người soạn: Ngô [Nhân Triệt] 吳仁澈; quê quán: xã Vọng Nguyệt
huyện Yên Phong phủ Từ Sơn, Kinh Bắc; học vị: Tiến sĩ khoa Đinh
Mùi (1607); chức vị: Đặc tiến Kim tử Vinh lộc đại phu, Thái
thường Tự khanh; tước Lễ Phái tử.

Người viết chữ: họ Nguyễn 阮; quê quán: xã Thụy Hương huyện Từ
Liêm phủ Quốc Oai; tước vị: Gia Thụy tử.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Sinh hoạt làng xã.
- Lịch sử di tích.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Chùa Đại Bi ở phường Nghi Tâm là một danh thắng cổ. Chùa được
xây dựng tại một địa điểm đẹp, dân cư đông đúc, chợ búa sầm uất.
Vào năm Đinh Sửu, nhân có người bản phường là Tham đốc Đô
Thọ hầu Nguyễn Thế Hựu và vợ là Nguyễn Thị Hoa đã phát gia tài
cúng vào chùa, dân phường cùng các tín thí bèn chung sức trùng tu
lại chùa. Năm Tân Mùi, tu sửa tòa thượng điện, nhà thiêu hương,
tiếp đó sửa hậu đường, hai bên hành lang, tô tượng Phật, Hộ pháp,
sửa tam quan v.v... Công việc hoàn thành, dựng bia ghi họ tên
những người có công đức trùng tu chùa.

Kim Liên tự bi kí

金蓮寺碑記

Kí hiệu: 806

Thác bản bia phường Nghi Tâm tổng Thượng huyện Vĩnh Thuận 永順
縣上總宜蠶坊, sưu tầm tại chùa Kim Liên phường Nghi Tâm tổng
Thượng huyện Hoàn Long.

Thác bản 1 mặt, khổ 89 x 160 cm, gồm 18 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 500 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Tự Đức thứ 21 (1868).

Người soạn: Bùi Huy Côn 裴輝琨, tự Trọng Ngọc 仲玉, hiệu Thiềm Trai 蟾齋; quê quán: thôn Phúc Lộc phường Hà Khẩu huyện Thọ Xương; học vị: Á khôi kỳ thi Hương khoa Quý Mão; chức vị: Tri huyện huyện Đông Sơn.

Chủ đề: - Sinh hoạt làng xã.
- Lịch sử di tích.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Chùa Kim Liên trước kia vốn là chùa Đại Bi được xây dựng vào năm Dương Hòa 5 (1639). Năm Cảnh Hưng 32 (1771), vua sai Quận công Phạm Huy Đĩnh và Thái giám Tuân Sinh hầu Nguyễn Khắc Tuân dời chùa Đại Bi và xây trên nền cũ một ngôi chùa mới lấy tên là Kim Liên. Năm Tự Đức thứ 10, bị vỡ đê ngập lụt, chùa được trùng tu. Đến năm ngoái, bản phường lại trùng tu, vì thiếu tiền phải bán cả ruộng. Nay công việc hoàn thành lập bia ghi lại.

Miêu đình bi kí

廟亭碑記

Kí hiệu: 807/808/809

Thác bản bia phường Yên Hoa huyện Quảng Đức phủ Phụng Thiên 奉天府廣德縣安華坊, sưu tầm tại đền Hiến Ứng phường Yên Phụ tổng Thượng huyện Hoàn Long.

Thác bản 3 mặt, khổ 32 x 65 cm và 28 x 58 cm, gồm 40 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1500 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: không ghi.

Niên đại ước đoán: Gia Long thứ 2 (1803).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Sinh hoạt làng xã.
- Lịch sử di tích.

- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Đình miếu của phường Yên Phụ được dựng trên thế đất đẹp và thường xuyên được tu sửa. Năm Kỷ Mùi (1799), bản phường tiến hành trùng tu, sang năm Canh Thân (1800) thì hoàn thành. Bia ghi chép tổng kết toàn bộ chi phí của lần trùng tu này, biên chép cụ thể các khoản phân bổ đóng góp vật liệu, cơm gạo, công xá, trong đó đặc biệt nêu cả định mức đóng góp giấy trắng là một sản phẩm truyền thống của địa phương.

Hậu kị bi kí

后忌碑記

Kí hiệu: 810

Thác bản bia phường Yên Phụ tổng Thượng huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức 懷德府永順縣上總安阜坊, sưu tầm tại đền Hiền Ưng phường Yên Phụ tổng Thượng huyện Hoàn Long.

Thác bản 1 mặt, khổ 58 x 82 cm, gồm 20 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 400 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Tự Đức thứ 20 (1867).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Thầy lang Trần Chung và vợ Nguyễn Thị Khai vốn là người thôn Trùng Thanh tổng Phúc Lâm huyện Thọ Xương, có con rể ở bản phường. Nhân thấy bản phường tu sửa miếu, ông bà đã cúng cho phường 1 cây gỗ lim đáng giá 7 nhải bạc. Khi miếu sửa xong, bản phường thiếu tiền làm lễ rước thần vị về miếu, ông bà lại cúng 300 quan tiền. Dân phường biết ơn, dựng bia ghi công, cam kết sau khi ông bà mất đi, phường sẽ làm nghi thức an táng và cúng giỗ hàng năm.

Văn chỉ bi kí

文址碑記

Kí hiệu: 811

Thác bản bia suu tầm tại đền Hiền Ứng phường Yên Phụ tổng Thượng huyện Hoàn Long.

Thác bản 1 mặt, khổ 112 x 160 cm, gồm 20 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1000 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Tự Đức thứ 4 (1851).

Người soạn: Ngô Đăng Quang 吳鄧琬; học vị: Cử nhân khoa Tân Mão; chức vị: Phụng nghị đại phu.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Sinh hoạt làng xã.
- Lịch sử di tích.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Văn chỉ của bản phường vốn nằm ở phía tây đền thần, không có mái nên thờ cúng lộ thiên. Trải lâu ngày nên bị đổ nát. Năm Tân Hợi (1851) toàn phường hợp nhau xây dựng toàn văn chỉ mới có mái che, đặt tại phía nam phường, sát bờ bắc Hồ Tây. Sau 2 tháng hoàn thành, bèn thu thập sách vở, văn bia cũ ghi lại danh sách những vị khoa mục của phường để lưu truyền hậu thế. Ghi tên họ, tự, hiệu của các vị đỗ đạt đại khoa, trung khoa ở bản phường, từ các khoa đời Lê cho đến kì thi hương khoa Đinh Mão đời Gia Long.

Hậu thần bi kí

後神碑記

Kí hiệu: 812/813

Thác bản bia phường Yên Hoa huyện Quảng Đức phủ Phụng Thiên 懷德府永順縣上總安華坊, suu tầm tại đình Yên Phụ, Hà Thành.

Thác bản 2 mặt, khổ 87 x 155 cm, gồm 38 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1200 chữ, có hoa văn, có chữ hủy: Cửu 巽.

Niên đại: Vĩnh Hựu thứ 4 (1738).

Người soạn 1: Đoàn Gia Huân 段嘉勳; chức vị: Hiến sát Phó sứ Hưng Hóa.

Người soạn 2: Đặng Đình Liêu 鄧廷寮; chức vị: Hồng lô tự Tụ ban.

Người viết chữ: Nguyễn Đăng Tương 阮登相; chức vị: Phó cai hợp.

Người khắc: Lê Huân Danh 黎勳名.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biếu dương việc thiện.

- Sinh hoạt làng xã.

- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Bản phường tiến hành trùng tu miếu vũ, trang hoàng đồ tế khí. Trong phường có ông Thập Lý hầu Nguyễn Phúc Cần và vợ là Nguyễn Thị Chuẩn vốn hiền lành nhân đức, sinh một người con trai đổi họ thành Ngô Đình Thụy. Nay vợ chồng người con trai xuất gia tài là 300 quan sử tiền và 30 sào ruộng tại xã Thường Độ huyện Yên Lý, để công đức cho phường và gửi Hậu cho cha mẹ. Mặt sau bia khắc văn bản đơn bầu Hậu thân của chức dịch phường lập vào năm Vĩnh Hựu thứ 3 (1737).

Ghi chú: Trên bia có nhiều chữ bị đục vốn là chữ “Hoa 華” phạm húy triều Thiệu Trị.

Tạo hương hỏa bi kí

造香火碑記

Kí hiệu: 814

Thác bản bia phường Yên Hoa huyện Quảng Đức phủ Phụng Thiên 奉天府廣德縣安華坊, sưu tầm tại đình Yên Phụ cạnh trường học Yên Phụ cũ, Đề nhất hộ, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 46 x 79 cm, gồm 22 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 600 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Khánh Đức thứ 3 (1651).

Người soạn: Lê [Kính] 黎敬; quê quán: xã Quan Trung huyện Đông Thành phủ Diễn Châu; học vị: Tiến sĩ khoa Mậu Thìn; chức vị: Phó đô Ngự sử; tước Diên Thọ bá.

Người viết chữ: họ Lê 黎; quê quán: phường Thụy Chương huyện Quảng Đức phủ Phụng Thiên, Trung Đô; chức vị: Quang tiến Thận lộc đại phu, Đại lý Tự thừa; tước Quảng Lộc nam.

Người khắc: họ Vũ 武; chức vị: Ngự dụng Giám san Thư cục Cục chánh; tước Triều Thịnh bá.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Sinh hoạt làng xã.
- Sự tích, thần phả, gia phả.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Ông Đại lí Thiểu khanh Đỗ Hữu Dụng tước Văn Quảng tử người phường Hòe Nhại làm việc trong phủ chúa, chuyên quản kho tàng sổ sách trong phủ, rất đặc lực và được ban nhiều bổng lộc. Vợ ông là người cần kiệm chịu khó. Thấy quê mẹ ở phường Yên Hoa từ xưa thờ phụng Phúc thần là Uy Linh Lang đại vương rất linh thiêng, ông bà bèn cúng cho phường 150 lạng bạc và 40 sào ruộng để thờ phụng và gửi hương hỏa mai sau. Bản phường chấp thuận, lập bia ghi lại sổ ruộng tiền và quy định cúng giỗ.

Hậu thần bi kí

后神碑記

Kí hiệu: 815/816

Thác bản bia phường Yên Hoa huyện Quảng Đức phủ Phụng Thiên 奉天府廣德縣安華坊, suru tằm tại đình Yên Phụ cạnh trường học Yên Phụ, Đệ nhất hộ, Hà Thành.

Thác bản 2 mặt, khổ 40 x 56 cm, gồm 29 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 500 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Cảnh Thịnh thứ 6 (1798).

Người soạn 1: Đoàn Xuân Chiêm 段春霽; quê quán: phường Yên Hoa; chức vị: Tự thừa.

Người soạn 2: Nguyễn Tuấn Giáp 阮俊甲; quê quán: phường Yên Hoa; chức vị: Huấn khoa.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Các con gái nhà họ Nguyễn cùng với các con rể và các cháu gái, cúng cho phường Yên Hoa 120 quan tiền cô và nộp một thửa ruộng kị điền giá 80 quan tiền, đề xin cho cha mẹ là Huyện thừa Nguyễn Đình Khanh và Phạm Thị Chủng được làm Hậu thần tòng tự tại đình. Ban phường chấp thuận dựng bia quy định nghi lễ cúng giỗ.

Ghi chú: Một số chữ phạm húy đời Nguyễn như “Hoa 華”, “Chủng 種” trong văn bia bị đục bỏ.

Hậu thần bi kí

后神碑記

Kí hiệu: 817/818

Thác bản bia phường Yên Hoa huyện Quảng Đức phủ Phụng Thiên 奉天府廣德縣安華坊, sưu tầm tại đình Yên Phụ cạnh trường học Yên Phụ, Đệ nhất hộ, Hà Thành.

Thác bản 2 mặt, khổ 44 x 56 cm, gồm 40 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1200 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 24 (1763).

Người soạn: họ Đặng 鄧, tên hiệu Lân Trai 懶齋; quê quán: huyện Thanh Trì phủ Thường Tín; chức vị: Tri huyện.

Người viết chữ: Nguyễn Huy Chiêu 阮輝炤; chức vị: Thư tả Lễ phiên.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Ông Tri huyện người phường Yên Hoa là Đặng Công Liêu cùng vợ cúng cho làng 100 quan tiền và 2 mẫu ruộng, để tu sửa đình. Dân làng bầu hai ông bà là Hậu thần, có quy định cúng giỗ hàng năm, ghi vị trí diện tích ruộng.

Hậu thần bi kí

后神碑記

Kí hiệu: 819

Thác bản bia phường Yên Hoa huyện Quảng Đức phủ Phụng Thiên
奉天府廣德縣安華坊, suru tầm tại đình Yên Phụ, Hà Nội.

Thác bản 1 mặt, khổ 46 x 70 cm, gồm 11 dòng chữ Hán, toàn văn ước
khoảng 200 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Cảnh Thịnh thứ 3 (1795).

Người soạn: Đoàn [Xuân Chiêm] 段春霑; quê quán: phường Yên Hoa;
chức vị: Tự thừa.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà Nguyễn Thị Nhưng là người bản phường đã xuất tiền cúng cho
phường để mua áo châu, đồng thời xin cho cha được làm Hậu thần.
Dân làng chấp thuận lập bia ghi lại sự việc.

Ghi chú: Hai chữ niên hiệu “Cảnh Thịnh” và chữ “Hoa 華” phạm húy
đời Nguyễn đều bị đục bỏ.

Hậu thần bi kí

后神碑記

Kí hiệu: 820

Thác bản bia giáp Nam phường Yên Hoa huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài
Đức 奉天府廣德縣安華坊南甲, suru tầm tại đình Yên Phụ, Đệ nhất
hộ, Hà Thành.

Thác bản 1 mặt, khổ 35 x 57 cm, gồm 12 dòng chữ Hán, toàn văn ước
khoảng 200 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Gia Long thứ 6 (1807).

Người soạn: Đoàn Danh Công 段名公; chức vị: Thủ chỉ.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà Đỗ Thị Tuấn là vợ của nho sinh triều Lê, có mẹ là người bản giáp.

Hai người cháu của bà thấy bà nay tuổi đã già mà không có con, nên đã có lời với bản giáp, xin nộp 100 quan cổ tiền để giáp cho bà làm Hậu thần, sau khi bà trăm tuổi được thờ cúng tại đình của bản giáp.

Hậu thần bi kí

後神碑記

Kí hiệu: 821

Thác bản bia sưu tầm tại đình Yên Phụ, Đệ nhất hộ, Hà Nội.

Thác bản 1 mặt, khổ 66 x 112 cm, gồm 17 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 300 chữ, có hoa văn, có chữ húy: Thành 晟.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 24 (1763).

Người soạn: họ Trần 陳; chức vị: Hoảng tín đại phu, Hàn lâm viện Thị độc.

Người viết chữ: họ Nguyễn 阮; chức vị: Trung thư giám Điện tiền ty Tư ngục.

Chữ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Hai bà Nguyễn Thị Lượ và Nguyễn Thị Chất là người trong phường, đã cúng công đức 100 quan tiền cổ để phường chi dùng sửa chữa miếu đình. Dân phường cảm kích bầu hai bà là Hậu thần, có quy định cúng giỗ. Sau đó người trong dòng họ của hai bà, lại xuất 80 quan cổ tiền để thay cho ruộng tự điền làm hương hỏa thờ cúng hai bà.

Ghi chú: Một số chữ trên bia phạm húy đời Nguyễn như “Hoa 華”, “Tông 宗” bị đục bỏ.

Kí kị bi

寄忌碑

Kí hiệu: 822

Thác bản bia giáp Kỳ Viên phường Nghi Tâm huyện Hoàn Long phủ Hoài Đức 懷德府環龍縣宜蠶坊琪園甲, sưu tầm tại miếu Hiền Linh phường Nghi Tâm tổng Thượng huyện Hoàn Long.

Thác bản 1 mặt, khổ 20 x 47 cm, gồm 9 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 200 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Thành Thái thứ 15 (1903).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biêu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà Lê Thị Bốn ở giáp Kỳ Viên có song thân đã quá cố, bản thân lại không có con trai, cháu trai để thờ tự. Bà cùng với em nuôi là Nguyễn Thị Hương, đã xuất 70 đồng giao cho giáp, để xin gửi giỗ cho cha mẹ và bản thân hai bà. Bản giáp chấp thuận và quy định cúng lễ ngày giỗ cho họ.

Hậu thần bi kí

后神碑記

Kí hiệu: 823

Thác bản bia giáp Kỳ Viên phường Nghi Tàm huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức 懷德府環龍縣宜蠶坊琪園甲, suru tầm tại miếu Hiền Linh phường Nghi Tàm tổng Thượng huyện Hoàn Long.

Thác bản 1 mặt, khổ 48 x 75 cm, gồm 22 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 500 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Gia Long thứ 17 (1818).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biêu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Ông Nho sinh Phạm Huy Bàn là người trong Hội Tư văn. Lúc bản giáp trùng tu miếu vũ, ông đã bỏ ra 30 quan tiền để giáp chi dùng, và 7 sào 3 thước 8 tấc 7 phân ruộng đặt làm tự điền. Bản phường cảm động đã bầu ông là Hậu thần và quy định cúng giỗ hàng năm.

Hậu thần bi kí

後神碑記

Kí hiệu: 824/825/826/827

Thác bản bia phường Nghi Tàm huyện Quảng Đức phủ Phụng Thiên
奉天府廣德縣宜蠶坊, sưu tầm tại miếu Hiền Linh phường Nghi
Tàm tổng Thượng huyện Hoàn Long.

Thác bản 4 mặt, khổ 40 x 100 cm, gồm 36 dòng chữ Hán và Nôm,
toàn văn ước khoảng 900 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Vĩnh Hựu thứ 3 (1737).

Người soạn: họ Trần 陳, tên hiệu: Hòe Hiên 槐軒; học vị: Tiến sĩ
khoa Quý Sửu; chức vị: Tư huấn Chiêu văn quán.

Người viết chữ: Trịnh Thế Khoa 鄭世科; chức vị: Thị nội Thư tả.

Người khắc: Lê Huân Danh 黎勳名; chức vị: Bạt thạch cục.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gởi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Câu kê Lệnh sử phụng sự Đông cung Đồng Tri phủ Phạm Diễm tước
Nghi Thọ nam và vợ là Đoàn Thị Kính là người bản phường. Ông
bà đã công đức 300 quan tiền và 3 mẫu ruộng tốt, để xây dựng và
trùng tu miếu của phường. Vợ chồng ông được dân bầu là Hậu thần.
Ghi quy định cúng giỗ hàng năm và mẫu văn tế dùng trong nghi lễ
cúng tế.

Hậu thần bi kí

后神碑記

Kí hiệu: 828/829

Thác bản bia giáp Kỳ Viên phường Nghi Tàm huyện Quảng Đức phủ
Phụng Thiên 奉天府廣德縣宜蠶坊琪瑣甲, sưu tầm tại miếu Hiền
Linh phường Nghi Tàm tổng Thượng huyện Hoàn Long.

Thác bản 2 mặt, khổ 56 x 88 cm, gồm 42 dòng chữ Hán và Nôm, toàn
văn ước khoảng 1000 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 41 (1780).

Người soạn: Nguyễn Đình Kiên 阮廷堅; chức vị: Đặc tiến Phụ quốc
Thượng tướng quân, Thiếu phó; tước Doãn Phương hầu 琬芳候.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Tháng 2 năm Ất Mùi giáp Kỷ Viên đóng cổ kiệu Kim Long, tốn rất nhiều kinh phí. Ông Tự thừa Phạm Huy Kính và vợ là người bản giáp, đã cúng cho bản giáp 60 quan cổ tiền và 1 mẫu 6 sào ruộng để giáp có thêm kinh phí. Bản giáp nhớ ơn bầu ông bà là Hậu thần, có ghi quy định cúng giỗ hàng năm. Cũng trong dịp này, bà Nguyễn Thị Vọng cùng chồng là Thiếu phó Doãn Phương hầu Nguyễn Đình Kiên cũng cúng số tiền ruộng như trên cho giáp để trùng tu miếu. Bản giáp cũng chấp thuận tôn bầu cha mẹ bà Vọng là Hậu thần, cam kết cúng giỗ hàng năm.

[Vô đề]

Kí hiệu: 830/831/832

Thác bản bia Phường Nghi tâm huyện Quảng Đức phủ Phụng Thiên
奉天府廣德縣宜蠶坊, sưu tầm tại miếu phường Nghi Tâm tổng
Thượng huyện Hoàn Long.

Thác bản 3 mặt, khổ 38x 61 cm và 22 x 61 cm, gồm 23 dòng chữ Hán,
toàn văn ước khoảng 550 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: không ghi.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, Biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà Lê Thị Hoan người phường Nghi Tâm cúng tiền cho bản phường
51 quan tiền cổ, được dân phường tôn bầu vợ chồng bà làm Hậu
thần, cam kết giữ lệ biểu khi sống và cúng giỗ sau khi đã mất.

Tân thuyên Hậu thần bi kí

新鐫後神碑記

Kí hiệu: 833/834/835/836

Thác bản bia phường Nghi Tàm huyện Quảng Đức phủ Phụng Thiên
奉天府廣德縣宜蠶坊, suru tầm tại miếu Hiền Linh phường Nghi
Tàm tổng Thượng huyện Hoàn Long.

Thác bản 4 mặt, khổ 44 x 146 cm, gồm 41 dòng chữ Hán, toàn văn
ước khoảng 1500 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Vĩnh Hựu thứ 2 (1736).

Người soạn: họ Nguyễn 阮; quê quán: phường Nghi Tàm; chức vị:
Tri huyện.

Người viết chữ: Tô Huệ 蘇惠; chức vị: Tri huyện.

Người khắc: Nguyễn Huân 阮勳.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Năm Ất Mão (1735) bản phường tiến hành trùng tu đình cũ, nhưng
còn thiếu tiền. Có 5 gia đình trong phường như vợ chồng các ông:
Huyện thừa Nguyễn Y, Chánh lão nhiều Nguyễn Như Thao... đã
đóng góp 1500 quan tiền sử và 14 mẫu ruộng. Bản phường đồng
lòng bầu những người này làm Hậu thần. Có ghi tên tuổi cùng thể
thức cúng tế hàng năm. Mặt 2 vẽ sơ đồ thể thức bày đồ cúng tế. Mặt
4 ghi thể thức văn tế các Hậu thần.

Tôn vi Hậu thần bi kí

尊爲后神碑記

Kí hiệu: 837/999

Thác bản bia thôn Linh Đường xã Linh Đường huyện Thanh Trì phủ
Thường Tín 常信府青池縣苓塘社苓塘村, suru tầm tại đình xã Linh
Đường tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 58 x 95 cm, gồm 35 dòng chữ Hán, toàn văn ước

khoảng 1150 chữ, có hoa văn, có chữ húy: Lợi 𣎵.

Niên đại: năm Ất Mão.

Niên đại ước đoán: Đức Nguyên thứ 2 (1675).

Người soạn: họ Nguyễn 阮; chức vị: Tri phủ; tước Tường Xuyên tử.

Người viết chữ: Ngô Triệt 吳轍; quê quán: xã Gia Thị huyện Gia Lâm; tước Thạch Trụ nam.

Người khắc: họ Hoàng 黃; tước Kim Chi nam.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Hành trạng, công tích nhân vật.
- Thơ văn.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Hai bà Nội cung tần phủ chúa là Hạnh Hoa công chúa Trần Thị Ngọc Hòe và Minh Châu công chúa Trần Thị Ngọc Thái, đã cúng tiền bạc, ruộng đất cho xã. Dân xã suy tôn cha mẹ hai bà làm Hậu thần và quy định cúng tế hàng năm. Có bài minh ca tụng công đức.

[Vô đề]

Kí hiệu: 838

Thác bản bia suu tầm tại đình xã Linh Đường tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 53 x 94 cm, gồm 17 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 450 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Vĩnh Trị thứ 4.

Niên đại ước đoán: thời Nguyễn.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Hành trạng, công tích nhân vật.
- Lịch sử di tích.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Trước đây ngôi chùa của xã trải năm tháng bị đổ nát, Tĩnh Cảnh thiền sư đã hưng công sửa chữa lại chùa trở nên khang trang, rồi giao cho đồ đệ của ông là Tâm Địa Giới trụ trì tại đó. Trải qua hơn hai chục năm đến nay, dân bản giáp tưởng nhớ công lao của Tĩnh Cảnh thiền sư, hàng năm tổ chức cúng giỗ ông tại chùa. Đệ tử của ông là Tâm Địa Giới, hiệu Diệu Thịn vì không muốn dân làng phải lo chi phí cúng giỗ, bèn tình nguyện bỏ ra 6 quan tiền cổ, 6 sào ruộng tốt để gửi giỗ cho nhà sư và bản thân mình. Có ghi vị trí, diện tích ruộng và quy định mỗi giỗ hàng năm.

Ghi chú: Niên hiệu “Vĩnh Trĩ” trên thác bản là ngụy tạo. Hai dòng đầu ghi địa danh bị bôi xóa.

Phụng tự Hậu thần bí kí

奉祀後神碑記

Kí hiệu: 839/840/841/842

Thác bản bia xã Linh Đường huyện Thanh Trì phủ Thường Tín 常信府青池縣苓塘社, suru tâm tại xã Linh Đường tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 4 mặt, khổ 66 x 126 cm, gồm 80 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 3000 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Chính Hòa thứ 19 (1698).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Hành trạng, công tích nhân vật.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Bà cung tần Trần Thị Ngọc Tốt người thôn Linh Đường hiến cho bản xã 16 mẫu ruộng tốt, 600 quan cổ tiền và hơn 1000 quan sử tiền. Các thôn được nhận ruộng, tiền là Linh Đường, Đại Từ, Vạn Phúc châu, Thụy Ứng đều suy tôn bà và cha mẹ của bà làm Hậu thần. Bia khắc các văn bản tôn bàu Hậu thần của 4 thôn, trong đó ngoài phần ca tụng đức độ, công ơn của bà cung tần ra, đều có các điều khoản

cam kết về ngày giỗ, quy định nghi lễ cúng tế hàng năm. Có ghi số ruộng phân chia cho từng thôn canh tác.

[Vô đề]

Kí hiệu: 843

Thác bản bia suu tầm tại chùa xã Tựu Liệt tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 20 x 40 cm, gồm 1 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 13 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: không ghi.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Hành trạng, công tích nhân vật.

Tóm lược nội dung:

Bài vị của Hậu phật họ Nguyễn, hiệu Diệu Hòa.

[Vô đề]

Kí hiệu: 844

Thác bản bia suu tầm tại chùa xã Tựu Liệt tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 26 x 46 cm, gồm 1 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 12 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: không ghi.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Hành trạng, công tích nhân vật.

Tóm lược nội dung:

Bài vị của Hậu phật họ Trần, tự Hữu Thọ.

Tiên hiền bi kí

先賢碑記

Kí hiệu: 845

Thác bản bia xã Tụ Liệt huyện Thanh Trì 靑池社就烈社, sưu tầm tại văn chỉ xã Tụ Liệt tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 64 x 76 cm, gồm 22 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 600 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Chiêu Thống thứ 2 (1788).

Người soạn: Nguyễn Bao Định 阮葆定; quê quán: xã Kim Lũ; chức vị: Giáo thụ.

- Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Hành trạng, công tích nhân vật.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Từ xưa xã Tụ Liệt, việc thờ phụng các vị đỗ đạt khoa cử và quan lại đều do các họ tộc tự thờ tổ tiên của mình. Vừa rồi, ngài Đô đốc Trác Lĩnh hầu họ Hoàng nguyên quán xã Linh Đường do được bầu là Hậu thân xã ta, nên được dân xã cho nhập cư và tham gia vào văn hội của làng. Trác Lĩnh hầu đã bàn bạc với xã dựng đàn thờ Tiên hiền ở bên cạnh chùa, cúng ruộng thờ, bày đặt lễ nghi và dựng bia ghi họ tên các vị Tiên hiền bản xã, chia 3 hạng, gọi là Tiên hội (gồm tổ tiên các dòng họ), Trung hội và Hậu hội, trong đó phụ thân của Trác Lĩnh hầu là Tả Đô đốc Huyền Quận công được liệt vào hàng Trung hội, và bản thân Trác Lĩnh hầu được liệt vào hạng Hậu hội.

Tụ Liệt kỳ hội bi kí

就烈耆會碑記

Kí hiệu: 846

Thác bản bia ấp Tụ Liệt 就烈邑, sưu tầm tại văn chỉ xã Tụ Liệt tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 55 x 85 cm, gồm 18 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 600 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: không ghi.

Niên đại ước đoán: thời Nguyễn.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Thọ đàn của ấp Tựu Liệt đã được dựng từ năm Bính Dần thời Lê, trải qua bao năm tháng đã bị đổ nát. Từ đó về sau, việc cúng tế các vị khoa giáp cùng các vị thọ lão của các dòng họ trong xã vào tiết Trung nguyên hàng năm đều tạm bỏ làm ở bên trái thần từ. Vào năm Kỷ Mão, viên mục Nguyễn Văn Tăng cung hiến cho hội lão xã 100 quan, cùng hội chuộc lại 1 mẫu 5 sào ruộng công, sau đó lại quyên góp thêm hơn 100 quan để xây dựng thọ đàn thờ cúng các bậc thượng thọ, trung thọ và khoa giáp trong xã. Có ghi tên họ, thụy hiệu của những người được thờ cúng.

[Vô đề]

Kí hiệu: 847

Thác bản bia sưu tầm tại chùa xã Đại Từ tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản mặt, khổ 33 x 55 cm, gồm 3 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 32 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: không ghi.

Người soạn: Không ghi.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Bài vị của bà họ Nguyễn hiệu Diệu Sắc, vợ ông tiền Thập lý hầu họ Đình. Có đôi câu đối thờ.

[Vô đề]

Kí hiệu: 848

Thác bản bia sưu tầm tại chùa xã Đại Từ tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 33 x 55 cm, gồm 3 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 32 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: không ghi.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Bài vị của Tiên Thập lý hầu Đình Đình Thuyên, tự Pháp Cẩm, thụy Đôn Mẫn. Có đôi câu đối thờ.

Trùng tu Long Khánh tự bi

重修龍慶寺碑

Kí hiệu: 849

Thác bản bia xã Quỳnh Lôi huyện Thanh Trì 清池瓊壘, sưu tầm tại chùa Long Khánh xã Quỳnh Lôi huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 78 x 11 cm, gồm 25 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 1000 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Hoàng Định thứ 7 (1606).

Người soạn: Phùng Khắc Khoan 馮克寬; học vị: Tiến sĩ khoa Canh Thìn (1850); chức vị: Đặc tiến Kim tử Vinh lộc đại phu phụ tụng vãng Bắc sứ, Hộ bộ Thượng thư kiêm Quốc tử giám Tế tửu; tước Mai Lĩnh hầu.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Chùa Long Khánh ở phía nam thành Thăng Long là nơi danh lam thắng cảnh. Năm Giáp Thìn (1604), Phụ quốc Thượng tướng quân Cẩm y vệ Đô chỉ huy sứ Trịnh Tạc, con của Ngạn Quận công Trịnh Đồ cùng gia tộc xuất tiền mua gỗ trùng tu tiền đường, nhà thiêu hương, tam quan, tô 2 pho tượng Hộ pháp, 3 pho tượng cô hồn. Sang năm Bính Ngọ (1607) tiếp tục tu tạo tầng phòng, nhà oản, tượng Phật Thích Ca. Có bài minh ca tụng công đức họ Trịnh.

Quỳnh Phúc tự bi kí

瓊福寺碑記

Kí hiệu: 850/851

Thác bản bia trại Quỳnh Lô huyện Thọ Xương phủ Phụng Thiên 奉天府壽昌縣瓊巖, sưu tầm tại đình Quỳnh Lô huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 80 x 132 cm, gồm 54 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 2700 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 36 (1775).

Người soạn 1: họ Nguyễn 阮; chức vị: Phụ quốc công thần, Lại bộ lang trung, kiêm hành Lễ bộ sự, Tri trung thư giám, Quốc sử Tổng tài; tước Quận công.

Người soạn 2: họ Lê 黎; chức vị: Huân đạo.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Bà Thị nội cung tần Trường Nam cung Tiệp dư Trần Thị Tịnh, vốn con nhà danh gia vọng tộc đã cung hiến 15 mẫu ruộng, 1000 quan thanh tiền và cô tiền, để làm miếu và sửa chùa. Các quan viên, hương lão, nhân dân địa phương suy tôn bà và cha mẹ bà là Cơ Quận công và Hoàng Thị Trinh làm Hậu thần, Hậu phật. Bia ghi địa điểm các xứ ruộng và quy định về việc cúng tế vào các dịp lễ tết, ngày giỗ hàng năm.

**Tân tạo Quỳnh Lôi đình/Hậu thần huệ điền/Bản xã văn ước/
Thiên địa trường cửu**

新造瓊壘亭/後神惠田/本社文約/天地長久

Kí hiệu: 852/853/854/855

Thác bản bia xã Quỳnh Lôi huyện Thanh Trì phủ Thường Tín 常新府
青池縣瓊壘社, suru tâm tại đình Quỳnh Lôi huyện Thanh Trì tỉnh
Hà Đông.

Thác bản 4 mặt, khổ 78 x 142 cm, gồm 73 dòng chữ Hán và Nôm,
toàn văn ước khoảng 2400 chữ, có hoa văn, có chữ húy: Cửu 𡗗.

Niên đại: Chính Hòa thứ 13 (1692).

Người soạn: Vũ Thạnh 武晟; quê quán: xã Đường An phủ Thượng
Hồng xứ Hải Dương; học vị: Tiến sĩ khoa Bính Dần (1686); chức vị:
Hàn lâm viện Đãi chế.

Người viết chữ: Vũ Gia Nhân 武嘉仁; quê quán: xã Thịnh Liệt huyện
Thanh Trì phủ Thường Tín.

Người khắc: Lê Xứng 黎稱; quê quán: xã An Hoạch huyện Đông Sơn.

Chủ đề: - Bào Hậ, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Hành trạng, công tích nhân vật.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Ông Ngô Sách Tuân, Tiến sĩ khoa Bính Thìn, làm quan Đốc trấn Thái
Nguyên, Cao Bằng, Công bộ Hữu Thị lang, tước Phương Lĩnh nam.
Ông là người đức độ, nhân ái, nhân dân trong ấp cảm kích suy tôn
vợ chồng ông cùng nhạc mẫu làm Hậu thần. Nay ông xây dựng cho
địa phương một ngôi đình làm nơi lễ nhạc lấy tên là Văn Hưng đình,
lại cúng 6 sào ruộng vào việc cúng tế gọi là Nghĩa Lập điền. Bản xã
lập bia ghi nhớ công đức của ông. Mặt *Bản xã văn ước*: ghi việc bầu
Hậu thần và quy định cúng tế hàng năm; mặt *Hậu thần huệ điền*:
ghi giá tiền làm đình và địa điểm ruộng tự điền; mặt *Thiên địa
trường cửu*: ca tụng công đức ông Ngô Sách Tuân. Có bài minh.

Ghi chú: Thác bản trùng bản số 3645/3646/3647/3648. Xét: Theo *Đăng khoa lục*, Vũ Thạnh đỗ Thám hoa năm Chính Hòa thứ 6 khoa Ất Sửu tức 1685, không có khoa thi Bính Dần (1686).

Tiên hiền bi chí/Hoàng triều Ất Sửu

先賢碑誌/皇朝乙丑

Kí hiệu: 856/857

Thác bản bia xã Thanh Liệt tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì, phủ Thường Tín 常信府青池縣清烈總清烈社, suu tâm tại văn chi văn chi thôn Trung xã Thanh Liệt tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 34 x 75 cm, gồm 24 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 700 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 18.

Niên đại ước đoán: Tự Đức thứ 18 (1865).

Người soạn: Hoàng Đình Chuyên 黃廷專; học vị: Tiến sĩ khoa Ất Dậu (1849); chức vị: Án sát sứ tỉnh Tuyên Quang.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Tiên sinh Chu Văn Trinh là bậc đại nho nước Việt. Ông được tòng tự ở Miếu Tiên thánh. Địa phương thờ ông ở Văn chi hàng huyện tại xã Huỳnh Cung. Làng ta hội Tư văn từ trước cũng lập văn chi thờ ông tại xứ Vườn Đàm, nhưng vì địa thế chật hẹp nên vào năm Giáp Tý niên hiệu Tự Đức (1864), ông Tú tài Vũ Huy Diệu khởi xướng cùng các vị trong làng tiến hành xây lại miếu mới, gồm 3 gian ở chính giữa và hai tòa giải vũ ở hai bên. Đền mới hoàn thành, thờ phụng Chu Văn Trinh và ba vị tiên hiền ở địa phương. Bia ghi tiểu sử tóm tắt của bốn vị tiên hiền được thờ tại Văn chi của bản xã là: Chu Văn Trinh, tên húy là Tường, biệt hiệu Tiều Ân, giữ chức Tư nghiệp quốc tử giám triều Trần; Chu Tam Tỉnh (con của Chu Văn Trinh), Hàn lâm viện trực học sĩ; Chu Đình Bảo (cháu 4 đời của

Chu Văn Trinh), Tiến sĩ khoa Giáp Thìn, Trung thư giám; Lý Trần Thàn, Tiến sĩ khoa Kỷ Sửu, Hữu tư giảng, Binh bộ Thượng thư.

Ghi chú: Ba chữ “Lê Cảnh Hưng” ở dòng niên đại trên thác bản là ngẫu tạo.

Tiên hiền bi kí/Bách phúc tăng long

先賢碑記/百福增隆

Kí hiệu: 858/859/860

Thác bản bia thôn Giáp Trung xã Quang Liệt huyện Thanh Trì phủ Thường Tín 常信府青池縣光烈社甲中村, sưu tầm tại văn chỉ thôn Trung xã Thanh Liệt tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 3 mặt, khổ 40 x 62 cm và 31 x 63 cm, gồm 13 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 200 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 26 (1765).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Hội Tư văn thôn Giáp Trung dựng bia trong dịp tu sửa văn chỉ thờ Đệ nhất vị là Chu An, Tư nghiệp Quốc tử giám đời Trần và Đệ nhị vị là Chu Đình Bảo, Tiến sĩ khoa Giáp Thìn năm Hồng Đức thứ 15 (1484). Đền thờ ở thôn Trung nguyên là nơi thờ cùng của huyện, nay là đền thờ riêng của bản xã. Có ghi tiểu sử của hai vị.

Tiểu khoa bi chí

小科碑誌

Kí hiệu: 861

Thác bản bia xã Thanh Liệt tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì phủ Thường Tín 常信府青池縣清烈總清烈社, sưu tầm tại văn chỉ thôn Trung xã Thanh Liệt tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 52 x 82 cm, gồm 5 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 80 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: năm Ất Sửu.

Niên đại ước đoán: Tự Đức 18 (1865).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Hội Tư văn xã làm văn chỉ gồm 3 gian chính, và 2 dãy giải vũ, trong đó dãy bên trái phối thờ các vị Tú tài của xã. Trên bia mới khắc tên 2 vị là Nguyễn Cẩm, Tú tài khoa Minh Mệnh Tân Mão (1831) và Nguyễn Đăng, Tú tài khoa Thiệu Trị Bính Ngọ (1846) và Ân khoa Tự Đức Mậu Thân (1848).

Ghi chú: Một số niên hiệu đời Nguyễn trên thạc bản bia bị bôi xóa, chúng tôi khôi phục lại.

Trung khoa bi chí

中科碑誌

Kí hiệu: 862

Thác bản bia xã Thanh Liệt tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì phủ Thường Tín 常信府青池縣清烈總清烈社, suru tằm tại văn chỉ thôn Trung xã Thanh Liệt tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 62 x 86 cm, gồm 6 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 300 chữ, có hoa văn, không có chữ huy.

Niên đại: Ất Sửu.

Niên đại ước đoán: Tự Đức thứ 18 (1865).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Hội Tư văn xã làm văn chỉ, gồm 3 gian thờ Tiên hiền và 2 giải vũ, trong đó bên trái phối thờ các vị Cừ nhân của bản xã. Bia khắc tên 3 vị Cừ nhân là: ông họ Nguyễn tự Phúc Hải là Huấn đạo triều Lê,

sau được thăng Tri huyện; ông họ Nguyễn tự Phần Dực, Huân đạo triều Lê; ông họ Nguyễn hiệu Thanh Cẩn, Cử nhân khoa Tân Mão triều Minh Mệnh (1831), Tri huyện Tam Nông.

Ghi chú: Một số niên hiệu đời Nguyễn trên thạc bản bia bị bôi xóa, chúng tôi khôi phục lại.

Quang Ân/Thiền tự/Thiên đài/Trụ thạch

光恩/禪寺/天臺/柱石

Kí hiệu: 863/864/865/866

Thạc bản cột hương đá thôn Giáp Trung xã Quang Liệt huyện Thanh Trì phủ Thường Tín đạo Sơn Nam 山南道常信府青池縣光烈社甲中村, sưu tầm tại chùa thôn Trung xã Thanh Liệt tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thạc bản 4 mặt, khổ 19 x 125 cm, gồm 13 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 600 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Chính Hòa thứ 25 (1704).

Người soạn và viết chữ: Nguyễn Như Liên 阮如蓮; nhà sư.

Chữ đề: - Lịch sử di tích.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Chùa Quang Ân xưa là một danh lam cổ tích, trải bao năm tháng bị đổ nát. Nay bản xã hưng công xây dựng gian điện thờ và đài hương trong chùa. Có ghi tên những người cúng tiền để gửi giỗ cho gia đình và tên các tín thí công đức của 4 giáp trong xã.

Quang Liệt xã/Cầu Bươu xứ/Tạo thạch kiều/Minh bi kí

光烈社/球彪處/造石橋/銘碑記 Kí hiệu: 867/868/869/870

Thạc bản bia thôn Giáp Trung xã Quang Liệt huyện Thanh Trì phủ Thường Tín 常信府青池縣光烈社甲中村, sưu tầm tại cầu thôn Trung xã Thanh Liệt tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 4 mặt, khổ 38 x 93 cm, gồm 37 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 900 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Vĩnh Hựu thứ 3 (1737).

Người soạn: Nguyễn Bá Liêu 阮伯僚, tự Pháp Nhuận; nhà sư.

Người khắc: Nguyễn Nhân Khoan 阮仁寬.

Chủ đề: - Thơ văn.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Nhà sư Tính Tuyên trụ trì chùa Quang Ân thấy chiếc cầu ở xứ Cầu Bươu trong xã đã bị hư hỏng, bèn hưng công khuyến thiện làm một chiếc cầu đá 5 nhịp, tiện lợi cho cả việc qua lại và canh nông. Có bài minh ca ngợi công đức và ghi tên những người đóng góp.

Trùng tu bi kí

重修碑記

Kí hiệu: 871

Thác bản bia xã Thanh Liệt 清烈社, suru tằm tại cầu thôn Trung xã Thanh Liệt tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 60 x 102 cm, gồm 19 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 600 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Thành Thái thứ 7 (1895).

Người soạn: Vũ Diệu 武耀; quê quán: xã Thanh Liệt; học vị: Tú tài.

Chủ đề: - Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Chiếc cầu đá bắc qua sông Tô của xã, lâu ngày bị nước xói hỏng, sau đó đã tu sửa lại nhưng chỉ là tạm thời. Năm Thành Thái Ất Mùi, các vị kỳ lão, chức dịch trong làng mỗi người đóng góp 50 đồng và quyên góp tín thí thập phương để làm lại cầu. Có thống kê phí tổn làm cầu và ghi tên những người đóng góp.

Kỉ hậu bi kí

忌后碑記

Kí hiệu: 872/873

Thác bản bia ngõ Trung Tín 中信巷, sưu tầm tại chùa thôn Trung xã Thanh Liệt tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 50 x 98 cm và 47 x 94 cm, gồm 23 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 600 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: không ghi.

Niên đại ước đoán: Thành Thái 7 (1895).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Một số tín chủ quyên góp tiền và ruộng để gửi giỗ vào ngõ Trung Tín để được dân ngõ cúng giỗ hàng năm. Bia ghi họ tên, ngày giỗ, số tiền và xứ ruộng của từng người được gửi giỗ.

Ghi chú: Hai chữ niên đại trên thác bản bị bôi xóa.

Quang Ân tự/Hậu phật điền bi kí

光恩寺/後佛田碑記

Kí hiệu: 874/875

Thác bản bia thôn Giáp Trung xã Quang Liệt huyện Thanh Trì phủ Thường Tín đạo Sơn Nam 山南道常信府青池縣光烈社甲中村, sưu tầm tại chùa thôn Trung xã Thanh Liệt tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 54 x 89 cm và 44 x 71 cm, gồm 38 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 300 chữ, có hoa văn, có chữ hý: Tân 曆.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 30 (1723).

Người soạn: tên hiệu: Tính Trừng 性澄; nhà sư.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Hành trạng, công tích nhân vật.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Hòa thượng Trí Giác húy Nguyễn Oản, cha người Trung Quốc, mẹ người bản thôn. Ông mồ côi cha từ nhỏ, mới 8-9 tuổi được mẹ dắt về chùa Tiên Linh xã Bằng Liệt quy y, 25 tuổi thụ giới ở chùa Bá Ân xứ Kinh Bắc. Năm Giáp Thìn theo học đạo Chân Nguyên Tuệ Đăng hòa thượng của chùa Long Động. Năm Tân Dậu được mời về trụ trì chùa Quang Ân của bản thôn. Về chùa, nhà sư hưng công sửa chữa thượng điện, đài hương, tiền đường, hậu đường, gác chuông, hành lang, tam quan, đúc chuông khánh, đắp tượng, in kinh, làm cổng đá, lập quán xá. Nhân dân địa phương cảm ơn công đức nhà sư nên vào năm Kỉ Sửu cùng thuận tình tôn bàu nhà sư cùng cha mẹ tổ tiên nội ngoại làm Hậu phật. Có quy định cúng tế ngày giỗ hàng năm. Có bài minh ca ngợi công đức. Mặt sau bia ghi địa điểm ruộng hậu.

[Vô đề]

Kí hiệu: 876

Thác bản bia thôn Trung xã Quang Liệt huyện Thanh Trì phủ Thường Tín đạo Sơn Nam 山南道常信府青池縣光烈社中村, sưu tầm tại chùa thôn Trung xã Thanh Liệt tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 60 x 88 cm, gồm 16 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 300 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Bảo Thái thứ 4 (1723).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà Phạm Thị Thắm là người đức hạnh. Bà đã bỏ ra 135 quan tiền cỏ và hai mẫu ruộng để dân 4 giáp trong làng tu sửa chùa chiến thờ

Phật. Bản thôn đồng lòng bầu bà làm Hậu Phật. Có ghi quy định cúng giỗ hàng năm.

Phạm Thị điền kí kị bi chí

范氏田寄忌碑誌

Kí hiệu: 877/878

Thác bản bia sưu tầm tại chùa thôn Trung xã Thanh Liệt tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 64 x 83 cm và 52 x 97 cm, gồm 37 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 1000 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Vĩnh Hựu Tân Tị.

Niên đại ước đoán: Tự Đức thứ 34 (1881).

Người soạn: Vũ Diệu 武耀; học vị: Tú tài.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Hành trạng, công tích nhân vật.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Bà Phạm Thị Thích người bản xã là người đức hạnh. Sớm góa bụa lại không có con, bà ở vậy gánh vác gia đình, chăm sóc cha mẹ chồng, nuôi dạy ba bốn đứa con nuôi. Trước đây bà đã đặt ruộng đất giao cho họ tộc để lo gửi giỗ cho cha mẹ chồng. Năm Kỉ Tị, bà đã cúng cho 4 giáp trong xã 1 mẫu 5 thước ruộng và 48 quan tiền để gửi giỗ cho chồng, được dân cho khắc bia ghi nhận. Đến nay sau 13 năm, tấm bia cũ bị rêu phong làm mờ mòn. Nhân khi ngôi quán của làng bị đổ vì gió bão, bà tình nguyện xuất 50 quan tiền cho dân trùng tu, đồng thời xin cho khắc lại tấm bia năm trước để lưu truyền.

Ghi chú: Niên hiệu "Vĩnh Hựu" trên thác bản là ngụy tạo.

Quang Ân thạch trụ thạch kiều/Thạch quán bi kí

光恩石柱石橋/石館碑記

Kí hiệu: 879/880

Thác bản bia thôn Trung xã Quang Liệt huyện Thanh Trì phủ Thường Tín đạo Sơn Nam 山南道常信府青池縣光烈社中村, sưu tầm tại chùa thôn Trung xã Thanh Liệt tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 72 x 125 cm và 72 x 120 cm, gồm 42 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 1600 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Bảo Thái thứ 8 (1727).

Người viết chữ: Nguyễn Bá Liêu 阮伯僚, tự Pháp Nhuận 法潤; nhà sư.

Người khắc: Sứ Vĩnh 使詠; quê quán: xã Kinh Chủ huyện Giáp Sơn.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Nhà sư Tĩnh Tuyên trụ trì chùa Quang Ân hưng công khuyến thiện xây dựng cầu đá ở xứ Cầu Hợp thuận tiện cho việc đi lại và canh nông ở địa phương; sau lại dựng cột đá, xây quán đá rộng 3 gian cho chùa. Ghi tên những người đóng góp tiền của 4 giáp và các thập phương công đức. Có bài minh ca ngợi công đức.

Hậu phật bi kí/Lưu truyền vạn đại

后佛碑記/流傳萬代

Kí hiệu: 881/882

Thác bản bia thôn Hoa Lạc xã La Nội huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai 國威府慈廉縣羅內社花樂村, sưu tầm tại chùa Phổ Quang xã La Nội tổng La Nội huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 65 x 108 cm và 63 x 102 cm, gồm 26 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 600 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Gia Long thứ 10 (1811).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Con cháu, học trò cùng các chức sắc của 7 giáp trong thôn Hoa Lạc bàu Hậu phật và lập bia cho Tướng công họ Đặng tự Hoảng Mẫn nguyên là Câu kê Thị nội Thư tá tước Lý Đình bá cùng vợ con ông. Nay con cháu họ Đặng hiến cho bản thôn 3 mẫu ruộng để canh tác và cúng giỗ cho 3 người. Có ghi quy định cúng giỗ hàng năm. Mặt sau ghi ngày giỗ và địa điểm mộ.

Tả Lược quan bi/Phổ Quang Hậu phật

左諒官碑/普光后佛

Kí hiệu: 883/884

Thác bản bia thôn Hoa Lạc xã La Nội huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai 國威府慈廉縣羅內社華樂村, sưu tầm tại chùa Phổ Quang xã La Nội tổng La Nội huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 48 x 78 cm và 50 x 97 cm, gồm 21 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 550 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Chính Hòa thứ 11.

Niên đại ước đoán: thời Tây Sơn hoặc thời Nguyễn.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Hành trạng, công tích nhân vật.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Tuy Lộc nam họ Đặng là Hiệu sinh triều Lê từng đi sứ Trung Quốc, được phong Tả Tham chính xứ Lạng Sơn. Gia đình ông thuộc hàng danh gia vọng tộc, cha làm quan bộ Công, anh là Uông Đình hầu Thượng thư bộ Hình từ đời trước. Bản thôn đã tôn bàu ông cùng vợ

cả, vợ lẽ làm Hậu phật. Ruộng hậu do bản thôn canh tác để cúng giỗ hàng năm. Từ đó đến nay trải đã nhiều năm, vì thế sự bận rộn chưa kịp dựng bia. Nay dân thôn dựng bia này ghi lại sự việc để lưu truyền. Có ghi ngày giỗ của từng người và các xứ sở ruộng.

Ghi chú: Dòng niên đại “Chính Hòa thập nhất niên” trên thạc bản là nguyên tạo.

Hoa Nghiêm tự bi

華嚴寺碑

Kí hiệu: 885

Thạc bản bia xã La Nội huyện Từ Liêm 慈廉縣羅內社, sưu tầm tại chùa xã Ý La tổng La Nội huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thạc bản 1 mặt, khổ 55 x 84 cm, gồm 18 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 300 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Sùng Khang thứ 10 (1575).

Người viết chữ: tên hiệu: Tuệ Thông 慧聰; nhà sư.

Chú đề: - Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Dân các xã La Nội, Ý La huyện Từ Liêm hưng công trùng tu thượng điện chùa Hoa Nghiêm. Có ghi tên những người đóng góp.

Cổ tích danh lam Hoa Nghiêm tự bi

古跡名藍華嚴寺碑

Kí hiệu: 886

Thạc bản bia xã Ý La huyện Từ Liêm đạo Sơn Tây nước Đại Việt 大越山西道慈廉縣綺羅社, sưu tầm tại chùa xã Ý La tổng La Nội huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thạc bản 1 mặt, khổ 53 x 77 cm, gồm 19 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 360 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Đức Long thứ 5 (1633).

Người viết chữ: Pháp Trang 法莊; nhà sư.

Chủ đề: - Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Chùa Hoa Nghiêm là nơi danh lam cổ tự, trải qua năm tháng bị đổ nát. Sãi vãi ở hai xã La Nội, Ý La hưng công làm lại gác chuông, thượng điện, nhà thiêu hương, hành lang, hậu đường xây thêm đá xung quanh. Có ghi họ tên, hiệu của những người đóng góp.

Phổ Quang tự Hậu phật bi kí

普光寺後佛碑記

Kí hiệu: 887/889

Thác bản bia thôn Hoa Lạc xã La Nội huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai 國威府慈廉縣羅內社華樂村, sưu tầm tại chùa Phổ Quang xã La Nội tổng La Nội huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 46 x 116 cm và 38 x 104 cm, gồm 15 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 370 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Long Đức thứ 2 (1733).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Vợ chồng quan viên Đặng Danh Tâm hiến cho bản thôn 4 mẫu ruộng canh tác để làm ruộng hậu. Các Phó sở sứ, Hương trưởng, Xã trưởng cùng toàn thôn Hoa Lạc đồng lòng bầu ông bà làm Hậu phật. Dựng bia cam kết cúng tế vào ngày giỗ hàng năm của cha mẹ và vợ chồng ông. Có ghi các xứ sở ruộng.

[Vô đề]

Kí hiệu: 888/890

Thác bản bia thôn Hoa Lạc xã La Nội huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai 國威府慈廉縣羅內社華樂村, sưu tầm tại chùa Phổ Quang xã La Nội tổng La Nội huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 38 x 100 cm và 47 x 100 cm, gồm 16 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 300 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 15 (1754).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Bà Phạm Thị Bảo cúng 4 sào ruộng ruộng và một thửa ao cho bản thôn canh tác để gửi giỗ cho cha. Bản thôn đã đồng lòng và quy định cúng tế vào ngày giỗ hàng năm của Hậu phật. Bà Nguyễn Thị Năm người bản thôn cúng 3 sào ruộng để gửi giỗ cho bản thân. Có quy định cúng tế hàng năm vào ngày giỗ của bà.

Sùng sư báo bản bi kí

崇師報本碑記

Kí hiệu: 891/908

Thác bản bia xã La Khê huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai 國威府慈廉縣羅溪社, sưu tầm tại am xã La Khê tổng La Nội huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 61 x 113 cm và 47 x 100 cm, gồm 29 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 1000 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Vĩnh Thịnh thứ 15 (1719).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Các Trùm trưởng, Câu đương và mọi người ở phường dệt lụa “Ô sa” xã La Khê lập bia thờ thổ nghề dệt. Nghề dệt của xã vốn được các tiên sinh người Trung Quốc xưa kia cư trú tại đây truyền cho và phát triển từ đời này sang đời khác, duy trì đời sống của nhân dân địa phương. Bản xã quy định lễ tế tự các vị tổ sư vào những dịp mùa xuân, tiết thanh minh và ngày giỗ hàng năm. Có ghi tên 10 vị tôn sư dạy nghề, những quy định đóng góp khi ứng cử Trùm trưởng hoặc Câu đương và việc phạt người vi phạm điều lệ.

Hậu phật sinh bi kí

後佛生碑記

Kí hiệu: 892/893

Thác bản bia xã La Khê huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai 國威府慈廉縣羅溪社, sưu tầm tại chùa Khánh Diên xã La Khê tổng La Nội huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 56 x 90 cm và 56 x 98 cm, gồm 35 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 2000 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 5 (1744).

Người soạn: Lê Doãn Tố 黎允訴; chức vị: Tri phủ.

Người viết chữ: Lê Đắc Vinh 黎得榮; chức vị: Đô lại.

Chủ đề: - Bâu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

- Sinh hoạt làng xã.

- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Gia đình ông Nguyễn Công Danh là bậc hào phú ở xã La Khê, ông lại là người sùng mộ đạo Phật, chăm việc tu nhân tích đức. Ông đã đóng góp 60 quan tiền cổ và 1 mẫu 6 sào ruộng vào việc công của xã nên được bản xã bầu làm Hậu phật. Quy định về quyền lợi của Hậu phật trong các dịp lễ cầu phúc, phúng viếng khi mất. Có bài minh.

Hậu thần bi kí

後神碑記

Kí hiệu: 894/895

Thác bản bia xã La Khê huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai 國威府慈廉縣羅溪社, sưu tầm tại chùa Khánh Diên xã La Khê tổng La Nội huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 53 x 100 cm, gồm 31 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 1000 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 2 (1744).

Người soạn: Lê Doãn Tổ 黎允訴; chức vị: Tri phủ.

Chủ đề: - Bâu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Thơ văn

Tóm lược nội dung:

Ông Trần Vóc tự Đăng Doanh xuất thân trong một gia đình khá giả, giàu lòng từ thiện. Ông đã cúng cho xã 50 quan tiền cổ và một mẫu 6 sào ruộng, lại mổ trâu khao xã nên được bản xã đồng lòng bầu làm Hậu thần. Quy định những quyền lợi của Hậu thần trong các dịp lễ tiết, phúng viếng khi mất và cúng tế ngày giỗ hàng năm. Có bài minh.

Hậu thần bi kí

後神碑記

Kí hiệu: 896/897

Thác bản bia xã La Khê huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai 國威府慈廉縣羅溪社, sưu tầm tại chùa Khánh Diên xã La Khê tổng La Nội huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 50 x 83 cm, gồm 29 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1000 chữ, có hoa văn, có chữ hý: Cửu 巽.

Niên đại: Chính Hòa thứ 24 (1741).

Người soạn: Nguyễn Hữu Dực 阮有翼; chức vị: Tri phủ Khoái Châu.

Người viết chữ: Ngô Tôn Đạt 吳尊達; chức vị: Thủ hợp, Thư tả.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biếu dương việc thiện.
- Hành trạng, công tích nhân vật.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Trùm Tư văn xã La Khê, Sinh đồ Lê Giám là người học rộng, giỏi nghề thuốc, tinh thông đạo giáo. Vốn xuất thân trong một gia đình danh gia vọng tộc, lại giàu lòng từ thiện, ông đã hiến cho bản xã 70 quan tiền cổ và mô trâu thết đãi dân xã. Toàn dân xã đồng lòng bầu ông làm Hậu thần. Có ghi những quyền lợi cho Hậu thần được hưởng trong các dịp tế lễ của xã, lễ phúng viếng khi chết và ngày giỗ hàng năm.

Hậu phật bi kí/Lưu Phúc Khê tự

後佛碑記/留福溪寺

Kí hiệu: 898/900

Thác bản bia xã La Khê huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai 國威府慈廉縣羅溪社, sưu tầm tại chùa Phúc Khê xã La Khê tổng La Nội huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 48 x 92 cm, gồm 26 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 500 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Vĩnh Thịnh thứ 6 (1710).

Người viết chữ: Nguyễn Nhân Bản 阮仁本; học vị: đồ Thư toán.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biếu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Trước đây Nguyễn Biểu Trí và Nguyễn Học Toàn người bản xã đã bán đợ cho vợ chồng Nguyễn Đăng Cao số ruộng của xã là 1 mẫu 5 sào để lấy số tiền là 30 quan tiền cổ. Từ nhiều năm nay, mỗi năm bản xã phải nộp thay cho mấy người đó 450 đấu thóc. Nay lão nhiêu Vũ Hưng Nhượng đã hiến cho bản xã 30 quan tiền cổ để chuộc lại ruộng đó. Bản xã đồng lòng bầu Vũ Hưng Nhượng làm Hậu phật. Có ghi những quy định về quyền lợi của Hậu phật trong các dịp tế lễ, phúng viếng khi chết và cúng giỗ hàng năm.

Cổ tích Phúc Khê tự phụng sự bi kí

古跡福溪寺奉事碑記

Kí hiệu: 899/901

Thác bản bia xã La Khê huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai 國威府慈廉縣羅溪社, sưu tầm tại chùa Phúc Khê xã La Khê tổng La Nội huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 58 x 86 cm, gồm 30 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 800 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Vĩnh Thọ Canh Tí (1660).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bâu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Bản xã hưng công làm cầu ở cửa chùa, bà Đào Thị Bốn cùng con gái cúng 3 mẫu 8 sào ruộng để gửi giỗ cho cha mẹ, tổ tiên. Bà được dân xã tôn bâu là Hậu phật. Có bài minh ca tụng công đức.

Hậu phật sinh bi kí/Phúc Khê tự bi

後佛生碑記/福溪寺碑

Kí hiệu: 902/903

Thác bản bia xã La Khê huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai 國威府慈廉縣羅溪社, sưu tầm tại chùa Phúc Khê xã La Khê tổng La Nội huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 56 x 105 cm, gồm 29 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 600 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Chính Hòa thứ 14 (1693).

Người soạn: Nguyễn Danh Quán 阮名冠; học vị: Giám sinh Quốc tử giám.

Chủ đề: - Bâu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Ông Nguyễn Quang Huy tự Pháp Thắng cúng 50 quan tiền cho bản xã để lo nộp thuế, lại biếu hai lá cờ dùng cho nghi lễ rước thần. Bản xã thuận tình bầu ông làm Hậu phật. Có ghi quy định về lễ biếu trong các dịp tế lễ và phúng viếng cúng giỗ hàng năm sau khi mất.

Hậu phật sinh bi kí

後佛生碑記

Kí hiệu: 904/918

Thác bản bia xã La Khê huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai 國威府慈廉縣羅溪社, sưu tầm tại chùa Khánh Diên xã La Khê tổng La Nội huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 62 x 111 cm, gồm 38 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1200 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Chính Hòa thứ 5 (1684).

Người soạn: Nguyễn Dự Tuyền 阮預選; quê quán: xã La Khê.

Người viết chữ: Vũ Quý Đức 武貴德; chức vị: Thị nội Thư tả.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biếu dương việc thiện.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Ông Nguyễn Hữu Trị vốn là người nhân hậu, đã cúng cho xã 65 quan tiền để chi dùng. Bản xã bầu ông làm Hậu phật chùa Khánh Diên, được biếu lễ vào các kỳ cầu phúc tế thần và cúng giỗ sau khi ông mất. Có bài minh ca tụng công đức.

Kí kị bi kí

寄忌碑記

Kí hiệu: 905/906

Thác bản bia thôn Đông xã La Khê 羅溪社東村, sưu tầm tại xã La Khê tổng La Nội huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 62 x 111 cm, gồm 38 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1200 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Chính Hòa thứ 9.

Niên đại ước đoán: Thành Thái thứ 9 (1897).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biếu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Bà Bạch Thị Năm vốn lấy chồng xa. Nay bà thấy dân thôn thiếu tiền lo việc công, bèn cúng cho thôn 60 đồng bạc để chi tiêu, đồng thời cúng 100 quan tiền và hai mẫu ruộng để gửi giỗ cho cha mẹ. Có quy định về cách thức sử dụng số ruộng kị điền, nghi lễ cúng giỗ hàng năm và vị trí các thửa ruộng cúng.

Ghi chú: Hai chữ niên hiệu “Chính Hòa” trên thác bản là ngụy tạo.

Kị điền bi kí

忌田碑記

Kí hiệu: 907

Thác bản bia sưu tầm tại xã La Khê tổng La Nội huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 71 x 116 cm, gồm 14 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 420 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: không ghi.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Mặt sau của một tấm bia 2 mặt, chỉ ghi vị trí, diện tích các thửa ruộng gửi giỗ.

La Khê Ngô Thị từ đường bi kí/La Khê Ngô Thị kị điền bi kí

羅溪吳氏祠堂碑記/羅溪吳氏忌田碑記 Kí hiệu: 909/910

Thác bản bia xã La Khê huyện Từ Liêm 慈廉縣羅溪社, sưu tầm tại từ

đường họ Ngô xã La Khê tổng La Nội huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 76 x 120 cm, gồm 37 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 2000 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Gia Long thứ 10 (1811).

Người soạn: Bùi Huy Bích 裴輝壁, tên tự: Hi Chương, tên hiệu: Tồn Am cư sĩ.

Chủ đề: Hành trạng, công tích nhân vật.

Tóm lược nội dung:

Bài kí về việc xây dựng từ đường của ông Cự Đặc tiến Kim tử Vinh lộc đại phu Ngự sử đài Thiêm đô Ngự sử Lê bộ Hữu Thị lang Cảo Phong bá Ngô [Duy Viên]. Ngô tướng công vốn sinh cùng năm, đỗ cùng khoa, lại là thông gia với soạn giả Bùi Huy Bích. Nhờ âm đức của cha mẹ, anh em ông liên tiếp đỗ đại khoa, ra làm quan trải giữ các cơ quan đài, sảnh, từng vâng mệnh đi dẹp quân phi trên sông, cứu sống hàng nghìn người. Trong gia đình, ông luôn dạy con cái biết giữ luân thường, trọng nhân nghĩa. Năm Mậu Thìn, ông dựng nhà từ đường tiểu tông họ Ngô, để thờ phụng tưởng niệm công đức đời trước và lưu lại truyền thống cho con cháu đời sau. Mặt sau bia được khắc thêm vào thời gian muộn hơn (ít nhất là vào triều Tự Đức) ghi chép về các thừa ruộng tự điền của từ đường họ Ngô.

**Tân tạo Hậu phật bi kí/La Khê xã quan viên Hương trưởng
đoan ước**

新造後佛碑記/羅溪社官員鄉長端約 Kí hiệu: 911/912

Thác bản bia xã La Khê huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai 國威府慈廉縣羅溪社, sưu tầm tại chùa Khánh Diên xã La Khê tổng La Nội huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 56 x 118 cm, gồm 39 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 1200 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Vĩnh Trị thứ 1 (1676).

Người soạn 1: Nguyễn Đương Bao 阮當褒; chức vị: Tri huyện huyện

Thọ Xương.

Người soạn 2: Lưu Năng Kế 劉能繼; học vị: Giám sinh Quốc tử giám.

Người soạn 3: Nguyễn Dự Tuyển 阮預選; học vị: Giám sinh Quốc tử giám.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Hành trạng, công tích nhân vật.
- Sinh hoạt làng xã.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Bà Nguyễn Thị Tịnh xuất thân trong một gia đình nền nếp giàu sang. Bà lấy chồng người Bắc quốc, có tài dệt lụa thành tranh rồng phượng, từng được vua khen ngợi ban thưởng hàng ngàn quan. Tuy giàu có nhưng bà sống hòa thuận, thương yêu dân làng. Vì thế bà được bản xã bầu làm Hậu phạt. Nhân đó bà đã cúng cho xã 4 mẫu ruộng để dùng vào việc hương hỏa thờ cúng. Có bài minh ca ngợi công đức và quy định việc cúng tế Hậu phạt hàng năm. Mặt sau ghi diện tích, vị trí các thửa ruộng cúng.

Hậu phạt sinh bi kí/Di điền hứa bản xã kị lập kí

後佛生碑記/遺田許本社忌臘記 Kí hiệu: 913/914

Thác bản bia xã La Khê huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai 國威府慈廉縣羅溪社, sưu tầm tại chùa Khánh Diên xã La Khê tổng La Nội huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 64 x 122 cm, gồm 48 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1800 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Chính Hòa thứ 4 (1683).

Người soạn: Nguyễn Dự Tuyển 阮預選; chức vị: Tiền công Thứ lang.

Người viết chữ: Vũ Quý Đức 武貴德; chức vị: Thị nội Thư tả.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Thơ văn

Tóm lược nội dung:

Ông Vũ Văn Trật và vợ là bà Nguyễn Thị Bích là người hay làm việc thiện, được thiện tín xa gần cũng như dân địa phương ái mộ. Vì vậy ông bà được bản xã bầu làm Hậu phật ở chùa Khánh Diên. Nhân đó ông và cúng cho xã 5 mẫu ruộng để cấy cấy dùng vào việc hương hỏa. Có bài minh ca ngợi và quy định cúng tế Hậu phật hàng năm. Mặt sau ghi vị trí, diện tích các thửa ruộng cúng.

Hậu thần bi kí

後神碑記

Kí hiệu: 915/916

Thác bản bia xã La Khê huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai 國威府慈廉縣羅溪社, suru tâm tại chùa Khánh Diên xã La Khê tổng La Nội huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 61 x 108 cm, gồm 48 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 1200 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Chính Hòa thứ 12 (1683).

Người soạn: Nguyễn Danh Quan 阮名冠; học vị: Giám sinh Quốc tử giám.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biếu dương việc thiện.
- Hành trạng, công tích nhân vật.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Ông Nguyễn Mạn là người nhân đức, thường hay trợ giúp mọi người, nên được dân xã tôn bầu làm Hậu thần. Nhân đó ông đã cúng cho xã 60 quan tiền cổ để nộp thuế và 1 mẫu 7 sào ruộng canh tác dùng vào việc hương hỏa, cúng giỗ. Cùng thời gian này, vì thiếu tiền nộp thuế nên xã đã tôn bầu ông Nguyễn Văn Khoa làm Hậu thần, để ông Khoa xuất tiền 60 quan cho xã nộp thuế và cúng 1 mẫu 7 sào ruộng làm ruộng tự điền. Bia ghi những điều cam kết duy trì cúng giỗ của bản xã và vị trí diện tích các thửa ruộng.

Hậu thần bi kí

後神碑記

Kí hiệu: 917

Thác bản bia La Khê, Từ Liêm 慈廉縣羅溪社, suru tằm tại chùa Khánh Diên xã La Khê tổng La Nội huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 60 x 130 cm, gồm 43 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1200 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 4 (1691).

Người soạn: Nguyễn Bá Thuần 阮伯淳; chức vị: Huân đạo.

Người viết chữ: Lê Đắc Vinh 黎得榮; chức vị: Lễ bộ Nha môn Đô lại.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Thơ văn

Tóm lược nội dung:

Quan Thái y viện Nguyễn Bao Hoàn cùng vợ hiến cho bản xã 100 quan tiền cổ để chi tiêu việc công và 3 mẫu ruộng canh tác dùng cho việc hương hỏa. Dân xã thuận tình bầu ông bà làm Hậu thần. Có bài minh 16 câu.

Hậu Phật bi kí

後佛碑記

Kí hiệu: 919

Thác bản bia thôn Vạn Bảo huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai 國威府慈廉縣萬寶村, suru tằm tại chùa xã Vạn Phúc tổng Đại Mỗ huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 46 x 68 cm, gồm 13 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 200 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Gia Long thứ 15 (1816).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Ông họ Đỗ cùng vợ là Nguyễn Thị Mỹ cúng cho bản thôn 120 quan tiền cổ để tu sửa chùa và dùng vào việc công. Hai ông bà đều được bầu làm Hậu phật. Sau đó gia đình ông lại cúng thêm 1 mẫu 2 sào ruộng dùng vào việc đèn hương thờ Phật. Có ghi quy định cúng giỗ Hậu phật.

Hậu phật bi kí

后佛碑記

Kí hiệu: 920

Thác bản bia thôn Vạn Bảo huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai 國威府慈廉縣萬寶村, sưu tầm tại chùa xã Vạn Phúc tổng Đại Mỗ huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 54 x 73 cm, gồm 13 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 200 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Gia Long thứ 7 (1808).

Người soạn: không ghi.

Chữ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biếu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Trong lúc bản thôn thiếu tiền chi dùng, ông Cự Tri sự Văn hội Nguyễn Đình Hoán cùng vợ đóng góp cho bản thôn 120 quan tiền cổ dùng vào việc quan. Bản thôn thuận tình bầu ông bà làm Hậu phật. Sau đó ông bà lại cúng 1 sào 10 thước ruộng cho nhà chùa dùng vào việc đèn hương thờ Phật và 1 mẫu ruộng làm ruộng giỗ. Có ghi quy định cúng tế Hậu phật tại chùa vào các dịp lễ tiết, cúng giỗ hàng năm.

Hậu phật bi kí

后佛碑記

Kí hiệu: 921

Thác bản bia thôn Vạn Bảo xã Thượng Thanh Oai huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai 國威府慈廉縣上青威社萬寶村, sưu tầm tại chùa xã Vạn Phúc tổng Đại Mỗ huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 45 x 65 cm, gồm 14 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 200 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Cảnh Thịnh thứ 4 (1796).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Bà họ Nguyễn hiệu Diệu Hiền hiến cho bản thôn 100 quan tiền cổ để tu sửa chùa. Toàn thôn bàu bà làm Hậu phật. Sau bà lại cúng vào chùa thêm 6 sào ruộng, trong đó 1 sào dùng vào việc đèn hương thờ Phật, 5 sào làm ruộng giỗ.

Hậu hiền bi kí

后賢碑記

Kí hiệu: 922/923

Thác bản bia thôn Vạn Bảo huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai 國威府慈廉縣萬寶村, sưu tầm tại văn chỉ xã Vạn Phúc tổng Đại Mỗ huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 58 x 96 cm, gồm 25 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 700 chữ, không có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Gia Long thứ 10 (1811).

Người soạn: hiệu Tịch Thao 寂滔; nhà sư.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Trước đây, ông Nguyễn Hữu Hằng cùng các vị tiền nhân đã lập ra Hội Tư văn của bản thôn, dựng văn chỉ để thờ các bậc Tiên hiền. Nhờ vậy khơi lại được mạch văn của làng, ông Nguyễn Danh Nho thi đỗ tú trường, con em trong làng liên tiếp đỗ đạt. Nay ông Nguyễn Danh Nho lại cùng với Hội Tư văn mua thêm ruộng thờ. Bia khắc tên những người tham gia đóng góp và tổng số ruộng tự điền.

Hậu phật lưu truyền vạn đại bi kí

後佛流傳萬代碑記

Kí hiệu: 924

Thác bản bia xã La Nội huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai 國威府慈廉縣羅內社, sưu tầm tại chùa xã Ý La tổng La Nội huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 40 x 64 cm, gồm 14 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 300 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Chính Hòa thứ 13 (1692).

Người soạn: Không ghi.

- Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Chùa Hoa Nghiêm xưa là nơi danh thắng. Trải qua năm tháng chùa bị đổ nát. Nay có bà Ngô Thị Tuấn là vợ ông Tán trị Thừa chính sứ ty xứ Hưng Hóa, Tham nghị tước Dương Lĩnh tử đã cúng cho xã 60 quan tiền cổ và 200 quan tiền sử để tu sửa chùa. Bản xã tôn bàu bà làm Hậu phật và cam kết thờ phụng.

Bi kí

碑記

Kí hiệu: 925

Thác bản bia thôn Trung xã Ý La huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai 國威

府慈廉縣綺羅社中村, suru tâm tại chùa xã Ý La tổng La Nội huyện
Tứ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 37 x 58 cm, gồm 12 dòng chữ Hán, toàn văn ước
khoảng 250 chữ, có hoa văn, không có chữ huy.

Niên đại: không ghi.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biếu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Ông bà Nguyễn Thời Yên cúng cho nhà chùa 14 thước ruộng canh tác
để dùng vào việc đèn hương và 1 mẫu 1 sào 1 thước để gửi giỗ. Bản
xã chấp thuận cho hai người được hưởng cúng giỗ hàng năm.

Sùng sư báo bản bi kí

崇師報本碑記

Kí hiệu: 926/927

Thác bản bia xã Ý La huyện Tứ Liêm phủ Quốc Oai 國威府慈廉縣綺
羅社, suru tâm tại văn chỉ xã Ý La tổng La Nội huyện Tứ Liêm tỉnh
Hà Đông.

Thác bản mặt, khổ 50 x 67 cm và 62 x 67 cm, gồm 35 dòng chữ Hán,
toàn văn ước khoảng 900 chữ, có hoa văn, không có chữ huy.

Niên đại: Chính Hòa thứ 25 (1704).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Phường dệt lụa hai xã La Nội và Ý La lập bia thờ các vị tổ nghề người
Bắc quốc, xưa kia ngụ cư tại bản ấp đã truyền dạy nghề dệt các loại
lụa, the, lượt cho dân địa phương. Để tỏ lòng biết ơn các vị tổ nghề,
dân làng định lệ vào tháng 3 hàng năm, vào tiết Thanh minh mùng 3
và ngày 23 là ngày giỗ tổ, dân làng mổ bò làm cỗ cúng tế tổ sư. Bia
khắc tính tự các vị tổ nghề và các điều lệ về đóng góp tiền.

Cảnh Hưng tứ thập ngũ niên chính nguyệt cốc nhật tu tạo

景興四十五年正月穀日修造

Kí hiệu: 928

Thác bản bia xã Ý La huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai 國威府慈廉縣綺羅社, sru tầm tại văn chỉ xã Ý La tổng La Nội huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 43 x 72 cm, gồm 12 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 250 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 45 (1784).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Năm Nhâm Dần, nhân dịp tu sửa và di dời bia Tiên hiền, bản xã họp bàn mua ruộng tế điền, đặt lệ tòng tự, cử người trông nom việc đèn hương. Có ghi thể lệ cúng tế hàng năm.

Phát khoa Tiên hiền bi

發科先賢碑

Kí hiệu: 929

Thác bản bia sru tầm tại văn chỉ xã Ý La tổng La Nội huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 42 x 55 cm, gồm 7 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 100 chữ, không có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 45 (1784).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Bia mòn mờ gần hết nên chỉ đọc được dòng chữ ở giữa bia đề: “Phát khoa Tiên hiền bi”.

Sùng sư báo bản bi kí

崇師報本碑記

Kí hiệu: 930/931

Thác bản bia xã Ý La huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai 國威府慈廉縣綺羅社, sưu tầm tại văn chỉ xã Ý La tổng La Nội huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 53 x 81 cm, gồm 33 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1000 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 37 (1776).

Người soạn: chức vị: Tri huyện huyện Từ Liêm.

Người viết chữ: chức vị: Huyện thừa.

Chủ đề: Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Các giáp Đông, Tây, Nam, Bắc phường dệt lụa của hai xã Ý La và La Nội thờ các vị tổ nghề xưa là người Bắc quốc ngụ cư tại bản ấp, đã đem nghề dệt lụa truyền dạy lại cho dân địa phương. Có danh sách các vị Trùm trường, Cầu đương được thờ cúng và thể lệ cúng tế hàng năm.

Đầu làng điểm Hậu kị bi kí

頭廊店后忌碑記

Kí hiệu: 932/933

Thác bản bia thôn Thượng Văn xã Ngọc Trục tổng Đại Mỗ huyện Từ Liêm phủ Hoài Đức 懷德府慈廉縣大姥總玉軸社尚文村, sưu tầm tại điểm xã Ngọc Trục tổng Đại Mỗ huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 41 x 60 cm, gồm 30 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 750 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: không ghi.

Niên đại ước đoán: Tự Đức thứ 3 (1850).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Đặt ruộng kị điền tức là có ruộng đem gửi vào để được thờ cúng mãi mãi. Năm Canh Tuất, bản xã dựng bia tại điểm đầu làng để làm nơi thờ phụng cúng giỗ chung cho các vị được gửi giỗ. Bia ghi họ tên, ngày giỗ và ruộng gửi giỗ.

Tự hậu bi kí

寺后碑記

Kí hiệu: 934

Thác bản bia sưu tầm tại chùa Đại Phúc xã Ngọc Trục tổng Đại Mỗ huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 41 x 61 cm, gồm 13 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 300 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Vĩnh Trị thứ 1.

Niên đại ước đoán: Thành Thái thứ 1 (1889).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Năm Kỷ Sửu ông cự Lý trưởng Nguyễn Xuyên đã đóng góp 100 quan tiền cho bản ấp dùng vào việc công. Để đáp lại lòng tốt của ông, bản ấp thuận tình cho mẹ ông được hưởng giỗ Hậu tại chùa Đại Phúc là nơi bà đã quy y lúc sinh thời. Có ghi ngày giỗ và các xứ ruộng giỗ.

Ghi chú: Niên hiệu “Vĩnh Trị” trên thác bản là ngụy tạo.

Hậu tự bi kí

后寺碑記

Kí hiệu: 935

Thác bản bia thôn Thượng Văn xã Ngọc Trục huyện Từ Liêm 慈廉縣玉軸社尚文村, sưu tầm tại chùa Đại Phúc xã Ngọc Trục tổng Đại Mỗ huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 60 x 120 cm, gồm 18 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 450 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: không ghi.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Lịch sử di tích.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Chùa Đại Phúc ở thôn Thượng Văn trải năm tháng bị đổ nát. Năm Quý Dậu bản thôn hưng công tu sửa chùa nhưng kinh phí quá lớn. Có 6 người trong thôn đã đóng góp mỗi người 100 quan và 7 sào ruộng (1 sào đóng cho hội Tư văn, 6 sào làm ruộng Hậu). Sau lại có bà Nguyễn Thị Dung đóng góp 7 sào ruộng và 100 quan tiền để gửi giỗ. Bản thôn đồng lòng bầu 7 người làm Hậu tự, được cúng giỗ tại chùa.

Trùng Quang tự bi kí

重光寺碑記

Kí hiệu: 936/937

Thác bản bia suu tầm tại chùa Trùng Quang xã Đại Mỗ tổng Đại Mỗ huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 68 x 90 cm và 67 x 93 cm, gồm 29 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 13 (1752).

Người viết chữ: Phí Đình Chắt 費廷瓚; học vị: Giải nguyên, Thư toán khoa Đình Mão.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Lịch sử di tích.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Năm Vĩnh Thịnh 2 (1706) Quốc lão đại vương Nguyễn Quý Đức đã bỏ tiền ra để trùng tu chùa Trùng Quang. Nhờ có công đức ấy để lại phúc khánh cho đời sau, nên ngày nay cháu đích tôn của Đại vương

là Kính Quận công Nguyễn Quốc Diệu quyền cao chức trọng, gia tộc vinh hoa lại kế nối chí của cha ông mà lưu truyền mãi mãi.

Trùng Quang tự thạch khánh kí

重光寺石磬記

Kí hiệu: 938

Thác bản khánh đá sru tâm tại chùa xã Đại Mỗ tổng Đại Mỗ huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 105 x 158 cm, gồm 20 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 280 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Vĩnh Thịnh thứ 7 (1711).

Người soạn: Lê Diên Huống 黎延貺; chức vị: Thị nội Thư tả, Huyện thừa; tước Thiêm Ân nam 添恩男.

Chủ đề: Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Đá ở núi An Hoạch làm khánh rất tốt. Đời Lý, Lý Thường Kiệt đã cho làm một cái khánh đá treo ở trong chùa. Nay tác giả cùng với bạn là Lê Hâu, sai người lấy đá về và thuê thợ làm khánh đặt ở tiền đường của chùa, mỗi khi cúng lễ, tiếng khánh hòa với tiếng chuông làm đầy niềm lạc thiện, ngăn chặn ý dâm tà.

Phổ Quang tự bi kí

普光寺碑記

Kí hiệu: 939

Thác bản bia thôn Hoa Lạc xã La Nội huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai 國威府慈廉縣羅內社華樂村, sru tâm tại chùa Phổ Quang xã La Nội tổng La Nội huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 41 x 48 cm, gồm 10 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 150 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: năm Nhâm Tý.

Niên đại ước đoán: bia thời Lê hoặc Tây Sơn.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biếu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Các ông Nguyễn Kim Thiệu, Phó sở sứ Nguyễn Đăng Diêu và một số vị khác ở thôn Hoa Lạc cúng 2 thửa ruộng để xin làm Hậu phật. Bản thôn chấp thuận và quy định việc cúng giỗ hàng năm.

[Vô đề]

Kí hiệu: 940

Thác bản bia xã La Dương tổng Yên Lũng huyện Từ Liêm phủ Hoài Đức tỉnh Hà Nội 河南省懷德府慈廉縣安隴總羅陽社, sưu tầm tại chùa xã La Dương tổng Yên Lũng huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 73 x 90 cm, gồm 24 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 900 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Tự Đức thứ 31 (1878).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Xã La Dương nhiều người phải đi lính, thiếu người làm ruộng nên gặp khó khăn trong việc cung cấp thóc gạo. Bản xã quyết định lấy ruộng kị điền, ruộng mới mua và ruộng công điền chia cho gia đình binh đình canh tác. Có ghi tên những người đóng góp ruộng và quy định việc cúng tế trong các dịp tiết lễ xuân thu hàng năm.

Tư văn bi kí

斯文碑記

Kí hiệu: 941/942

Thác bản bia giáp Văn Hội xã La Dương huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai 國威府慈廉縣羅陽社文會甲, sưu tầm tại văn chỉ xã La Dương tổng An Lũng huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 48 x 96 cm, gồm 28 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 750 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 45 (1784).

Người soạn: Trần Đình Huy 陳廷暉; học vị: Sinh đồ.

Người viết chữ: Phạm Thế Quý 范世貴; học vị: Sinh đồ.

Người hiệu đính: Nguyễn Bình 阮評; quê quán: xã Mộ Lao; học vị: Giám sinh.

Chủ đề: - Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Xã La Dương trước kia chưa có văn chỉ thờ cúng Tiên hiền. Năm Canh Thìn, Sinh đồ Trần Đình Huy cùng với Hội Tư văn dựng văn chỉ ở bên phải đình. Đến năm Quý Mão, các ông Phạm Thế Quán cùng với Hội Tư văn chọn được khu đất đẹp ở sau chùa để dựng từ chỉ. Có ghi các vị đóng góp công đức xây dựng.

Viên mục bi kí

員目碑記

Kí hiệu: 943/944

Thác bản bia xã La Dương 羅陽社, sưu tầm tại văn chỉ xã La Dương tổng An Lũng huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 44 x 71 cm, gồm 16 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 350 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: không ghi.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Liệt kê danh sách các vị trong Văn hội xã La Dương đã đóng góp tiền mua 14 thước ruộng tại xứ Đống Táo để thờ phụng Tiên hiền.

Tư văn bi kí

斯文碑記

Kí hiệu: 945/946

Thác bản bia xã La Dương huyện Từ Liêm 慈廉縣羅陽社, sưu tầm tại văn chỉ xã La Dương tổng An Lũng huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 54 x 126 cm, gồm 33 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 900 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Gia Long thứ 15 (1816).

Người soạn: Hội tư văn.

Người viết chữ: Nguyễn Bá Hiến 阮伯憲; chức vị: Xã chánh.

Chủ đề: - Sinh hoạt làng xã.
- Lịch sử di tích.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Từ Liêm là đất văn vật. Hội Tư văn xã La Dương từ đời Cảnh Hưng triều Lê vốn đã xây dựng từ chỉ ở bên phải đình làng để phụng thờ các bậc Tiên hiền. Nhưng sau đó qua 4 lần di chuyển, văn chỉ được dời về xứ sau chùa. Xét địa mạch chỗ này không được đẹp, nên Văn hội xã lại tiến hành di dời trở về di chỉ ban đầu là ở bên phải đình để xây văn chỉ mới. Nhân dịp này văn hội dựng bia ghi danh sách các hội viên, định lệ cúng tế và ghi số ruộng, ao thuộc quyền sở hữu của Hội.

Nãi tạo Hậu Phật hiến đề danh bi kí

乃造后佛獻題名碑記

Kí hiệu: 947/948

Thác bản bia xã An Ngưu 安牛社, sưu tầm tại chùa xã An Ngưu tổng Cổ Diền huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 48 x 65 cm, gồm 37 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 750 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Vĩnh Thọ thứ 3 (1660).

Người viết chữ: Nguyễn Chính Nghị 阮政議.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Bà Ngô Thị Đại tức Trần Thị Đại đã cung hiến tiền để tô tượng Ba La Mật ở chùa Hưng Long, sau đó lại cúng 2 mẫu ruộng làm ruộng kị. Bà được dân xã bầu làm Hậu phật, hưởng cúng tế hàng năm. Có bài minh ca ngợi.

Phụ Hậu thần từ bi kí/Hậu thần hương hỏa lưu truyền

祔後神祠碑記/後神香火流傳

Kí hiệu: 949/995

Thác bản bia xã An Ngưu huyện Thanh Trì phủ Thường Tín 常信府 青池縣安牛社, sưu tầm tại đình xã An Ngưu tổng Cổ Diền huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 75 x 120 cm, gồm 36 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1200 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Vĩnh Trị thứ 1 (1676).

Người soạn: Hồ Sĩ Dương 胡士楊; học vị: Đồng Tiến sĩ xuất thân khoa Nhâm Thìn; chức vị: Đặc tiến Kim tử Vinh lộc đại phu, Tham tụng, Công bộ Thượng thư kiêm Đông các Đại học sĩ, Duệ Quận công.

Người viết chữ: Nguyễn Quang Huy 阮光輝; quê quán: xã Thanh Nê huyện Nông Cống; chức vị: Thủ hợp Lệnh sử, tước Văn Hành nam 文行男.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Hành trạng, công tích nhân vật.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Bà Phạm Thị Diệu người xã Văn Diên là phu nhân của quan Tham đốc Tuy Lương hầu và là vú nuôi của Phó tướng Thái bảo Điện Quận công, về sau bà lại gả con gái của mình cho Điện Quận công. Bà giàu sang phú quý, lại giàu lòng nhân hậu. Bà đã cúng cho bản

xã 1 mẫu ruộng, 2 sào ao và 100 quan tiền cổ. Bà được dân xã bầu làm Hậu thần hưởng cúng tế hàng năm. Có ghi địa điểm các xứ ruộng.

Hậu thần bi kí

後神碑記

Kí hiệu: 950/951

Thác bản bia xã An Ngưu huyện Thanh Trì phủ Thường Tín 常信府 青池縣安牛社, sưu tầm tại chùa xã An Ngưu tổng Cổ Điền huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khô 58 x 65 cm, gồm 36 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1500 chữ, có hoa văn, có chữ húy: Cửu 𣥂, Tân 𣥂.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 10 (1749).

Người soạn: họ Đặng 鄧; quê quán: huyện Thanh Trì; chức vị: Giám thị Đông cung, Phó Tri phiên.

Người viết chữ: Đặng Đình Việt 鄧廷鉞; chức vị: Thị nội Thư tả, Hộ phiên Cai hợp.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Hành trạng, công tích nhân vật.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Tráng tiết tướng quân Chỉ huy sứ Đồng Vũ hầu Nguyễn Anh Kiện là người tài cao, chí lớn, nhưng đoản mệnh mất sớm. Thân phụ của ông là Hiệu úy Luân Trung hầu, nguyên quê xã Lôi Dương, nhập tịch làng An Ngưu đã đem số tài sản của Đồng Vũ hầu gồm 2 mẫu 7 thước 8 tấc ruộng và 30 quan tiền cổ cúng cho xã. Dân xã đồng lòng tôn bầu Đồng Vũ hầu làm Hậu thần hưởng cúng tế hàng năm. Có ghi địa điểm các xứ ruộng và quy định việc cúng tế.

Quốc lão Hưng Long tự bi kí

國老興龍寺碑記

Kí hiệu: 952/953

Thác bản bia xã An Ngưu 安牛社, sưu tầm tại chùa Hưng Long xã An

Ngưu tổng Cổ Điền huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 70 x 125 cm, gồm 50 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 2500 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 24 (1763).

Người soạn: Nguyễn Mậu Đĩnh 阮茂琨; chức vị: Cần sự lang Hàn lâm viện Hiệu thảo, Thiêm sai Tri Thị nội Thư tả, Bình phiên.

Người viết chữ: Lê Xuyên 黎端; chức vị: Thị nội Thư tả, Bình phiên sở sử.

- Chủ đề:
- Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
 - Hành trạng, công tích nhân vật.
 - Sinh hoạt làng xã.
 - Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Tả Đô đốc, Đại tư đồ Quốc lão Nguyễn Du là cháu 10 đời của Khai quốc công thần Thái bảo Thúc Quận công và là cháu 6 đời của Trung hưng công thần Thái tể Quỳnh Quận công. Ông nguyên quán ở xã Thịnh Mỹ huyện Lôi Dương nhưng thường qua lại giao du ở An Ngưu. Nhân thấy ngôi chùa cổ Hưng Long của bản xã tạm bợ nhỏ bé, nhà cửa sơ sài, nên vào năm Nhâm Ngọ ông đứng ra hưng công tu tạo chính điện, đài hương, tam quan, gác chuông, tiền hậu đường, tả hữu lang, tô tượng. Sau 2 năm công việc hoàn tất, chùa được đặt tên là Quốc Lão Hưng Long tự. Quốc lão lại cúng thêm 6 mẫu ruộng làm kị điền. Hai ông bà Quốc lão cùng cha mẹ thân sinh được dân xã bầu làm Hậu phật hương cùng tế hàng năm. Có ghi thể lệ cúng tế và vị trí, diện tích các thửa ruộng cúng.

Công đức bi kí

功德碑記

Kí hiệu: 954

Thác bản bia suu tằm tại chùa Phúc Khánh phường Nhật Tân tổng Thượng huyện Hoàn Long.

Thác bản 1 mặt, khổ 90 x 148 cm, gồm 29 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 900 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Đức Long thứ 3 (1631).

Người soạn: Phan Bá Lân 潘伯璘; quê quán: phường Tây Hồ; chức vị:
Mậu lâm lang, Thái bộc tự Thiếu Khanh; tước Đức Xuyên tử.

Chủ đề: - Công văn triều đình.
- Sinh hoạt làng xã.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Vua Lê Thần Tông ban cho chùa Trường Sinh Phúc Khánh 3 khu đồn điền, cộng là 8 mẫu 5 sào tại xứ Nhật Chiêu để thờ Phật. Một số người khác cũng cung hiến tiền của cho bản chùa như Chánh hoàng cung Trịnh Thị Ngọc Trúc, Quận chúa Trịnh Thị Ngọc Quỳnh, Quận công Nguyễn Hữu Lễ. Có bài minh ca ngợi công đức và tên các vị công đức.

Ghi chú: Đây có lẽ chỉ là mặt sau của tấm bia 2 mặt.

Trùng tu Trường Sinh Phúc Khánh tự

重修長生福慶寺

Kí hiệu: 955

Thác bản bia phường Nhật Chiêu huyện Quảng Đức phủ Phụng Thiên 奉天府廣德縣日昭坊, sưu tầm tại chùa Phúc Khánh phường Nhật Tân tổng Thượng huyện Hoàn Long.

Thác bản 1 mặt, khổ 90 x 148 cm, gồm 26 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 800 chữ, có hoa văn, có chữ húy: Trần 禪.

Niên đại: Dương Hòa thứ 5 (1639).

Người soạn: họ Trần 陳; quê quán: xã Lũng Sơn huyện Tiên Du phủ Từ Sơn; học vị: Tiến sĩ khoa Tân Mùi.

Người viết chữ: Vũ Mậu Lâm 武茂林; quê quán: xã Hoa Đường huyện Đường An phủ Thượng Hồng; chức vị: Hộ bộ đường Đô lại.

Chủ đề: - Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Chùa Trường Sinh Phúc Khánh vốn là nơi danh lam thắng tích. Ông Trương Văn Lĩnh ở giáp Đông đã bỏ tiền của ra để tu tạo chùa, nhiều người theo gương ông cũng đóng góp công đức xây dựng chùa. Có bài minh ca ngợi và ghi tên những người đóng góp.

Hậu phật bi kí

后佛碑記

Kí hiệu: 957/958

Thác bản bia giáp Nam phường Nhật Chiêu tổng Thượng huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức 懷德府永順縣上總日昭坊南甲, suru tâm tại chùa Phúc Khánh phường Nhật Tân tổng Thượng huyện Hoàn Long.

Thác bản 2 mặt, khổ 39 x 60 cm và 42 x 60 x cm, gồm dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Minh Mệnh thứ 3 (1822).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bồi Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Năm Tân Tị (1821) bản giáp hưng công sửa chữa chùa Trường Sinh Phúc Khánh. Ông Nguyễn Đình Khoan đã cung hiến 36 quan tiền cổ, 2 thửa ruộng cộng 1 sào 5 thước, 1 một thửa ao và 3 sào 10 thước vườn. Bản giáp thuận tình cho hai vợ chồng ông được làm Hậu phật hương cúng tế hàng năm. Ghi địa điểm các thửa ruộng và ao.

Lập bi kí kí

立碑寄忌

Kí hiệu: 959

Thác bản bia giáp Đông phường Nhật Chiêu tổng Thượng huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức 懷德府永順縣上總日昭坊東甲, suru tâm tại chùa Phúc Khánh phường Nhật Tân tổng Thượng huyện Hoàn Long.

Thác bản 1 mặt, khổ 43 x 68 cm, gồm 16 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 450 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Tự Đức thứ 33 (1880).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Năm Kỷ Mão giáp Đông hưng công sửa chữa hậu đường chùa Phúc Khánh, chi phí nhiều. Tín chủ Nguyễn Thị Dũng đã đóng góp 50 quan thanh tiền dùng vào việc công và cúng 4 sào ruộng làm Hậu kị. Bản giáp thuận tình cho vợ chồng bà được hưởng cúng tế hàng năm. Có ghi các xứ ruộng cúng.

Đông giáp bi kí

東甲碑記

Kí hiệu: 960

Thác bản bia giáp Đông phường Nhật Chiêu tổng Thượng huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức 懷德府永順縣上總日昭坊東甲, sưu tầm tại chùa Phúc Khánh phường Nhật Tân tổng Thượng huyện Hoàn Long.

Thác bản 11 mặt, khổ 39 x 55 cm, gồm 20 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 450 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Thiệu Trị thứ 7 (1847).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Năm Bính Ngọ bản giáp hưng công sửa chữa chùa Sách Tào, phí tổn nhiều. Ông Nguyễn Văn Khai đã cung hiến 6 sào ruộng, ao và 60 quan tiền văn xin gửi giỗ cho hai người em tại chùa. Bản giáp đồng ý và lập bia ghi công đức. Có ghi các xứ ruộng ao cúng.

Hậu phật bi kí

后佛碑記

Kí hiệu: 961

Thác bản bia giáp Đông phường Nhật Chiêu tổng Thượng huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức 懷德府永順縣上總日昭坊東甲, sưu tầm tại chùa Phúc Khánh phường Nhật Tân tổng Thượng huyện Hoàn Long.

Thác bản 1 mặt, khổ 40 x 57 cm, gồm 17 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 420 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Minh Mệnh thứ 6 (1825).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biếu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Bản giáp hưng công tu bổ sơn son cửa võng và các đồ thờ chùa Phúc Khánh, chi phí nhiều. Cựu Phường trưởng Nguyễn Văn Chư đã cung hiến 41 quan tiền cô và 3 thửa ruộng 3 sào 4 thước để xin gửi giỗ cho bà vợ thứ làm Hậu phật. Bản giáp chấp thuận và quy định việc cúng tế Hậu thần hàng năm. Có ghi vị trí các xứ ruộng cúng.

Kí kị bi kí

寄忌碑記

Kí hiệu: 962

Thác bản bia giáp Đông phường Nhật Chiêu tổng Thượng huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức 懷德府永順縣上總日昭坊東甲, sưu tầm tại chùa Phúc Khánh phường Nhật Tân tổng Thượng huyện Hoàn Long.

Thác bản 1 mặt, khổ 45 x 52 cm, gồm 16 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 300 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Tự Đức thứ 31 (1878).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biếu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Bản giáp hưng công sửa động Phật ở chùa Phúc Khánh cần chi phí lớn. Ông Nguyễn Văn Du đã cung hiến 60 quan thanh tiền và 4 sào 10 thước ruộng xin gửi giỗ cho cha mẹ. Bản giáp thuận tình và quy định việc cúng tế hàng năm. Năm Mậu Dần, giáp Đông hưng công sửa chữa chùa. Ông Nguyễn Văn Bảo đã cung hiến 50 quan thanh tiền và 4 sào 10 thước ruộng xin gửi giỗ cho vợ chồng người bác. Bản giáp thuận tình và quy định cúng lễ hàng năm.

Hậu phật bi kí

后佛碑記

Kí hiệu: 963

Thác bản bia giáp Ân Dụ phường Nhật Chiêu tổng Thượng huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức 懷德府永順縣上總日昭坊殷裕甲, sưu tầm tại chùa Phúc Khánh phường Nhật Tân tổng Thượng huyện Hoàn Long.

Thác bản 1 mặt, khổ 41 x 57 cm, gồm 14 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 200 chữ, có hoa văn, không có chữ huy.

Niên đại: Minh Mệnh thứ 2 (1821).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Năm Tân Tị giáp Ân Dụ và giáp Đông của bản phường hưng công tu sửa chùa Trường Sinh Phúc Khánh. Bà Nguyễn Thị Độ đã cung hiến 30 quan tiền và 1 sào ruộng xin gửi giỗ cho bản thân. Bản chùa thuận tình cho bà làm Hậu phật và quy định việc cúng tế hàng năm.

Nguyễn tộc Hậu tế bi minh

阮族後祭碑銘

Kí hiệu: 964

Thác bản bia giáp Ân Dụ phường Nhật Chiêu huyện Quảng Đức phủ
Phụng Thiên 奉天府廣德永順縣上總日昭坊殷裕甲, sưu tầm tại
chùa Phúc Khánh phường Nhật Tân tổng Thượng huyện Hoàn Long.

Thác bản 1 mặt, khổ 52 x 82 cm, gồm 21 dòng chữ Hán, toàn văn ước
khoảng 800 chữ, có hoa văn, có chữ húy: Cửu 𡗗.

Niên đại: Quang Trung thứ 4 (1791).

Người nhuận sắc: Đạo sĩ họ Chu 朱; tức Chiêu Nghĩa bá.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Năm Đinh Mùi bà Nguyễn Thị Lãnh là vợ ông Nguyễn Hữu Nghiêm
đã cung hiến cho bản giáp 1 mẫu 1 sào ruộng và 36 quan tiền cổ.
Bản giáp đồng lòng bầu ông bà làm hậu tế và quy định việc cúng tế
hàng năm. Có ghi vị trí các xứ ruộng.

Trùng tu Phúc Khánh tự hậu đường kí

重修福慶寺後堂記

Kí hiệu: 965

Thác bản bia giáp Ân Dụ phường Nhật Chiêu tổng Thượng huyện
Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức tỉnh Hà Nội 河南省懷德府永順縣上總
日昭坊殷裕甲, sưu tầm tại chùa Phúc Khánh phường Nhật Tân
tổng Thượng huyện Hoàn Long.

Thác bản 1 mặt, khổ 54 x 83 cm, gồm 18 dòng chữ Hán, toàn văn ước
khoảng 450 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Tự Đức thứ 34 (1881).

Người soạn: tên hiệu: Từ Lăng 慈朗; nhà sư.

Chủ đề: - Xây dựng, trùng tu di tích.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Hậu đường chùa Phúc Khánh trải năm tháng bị đổ nát. Sư trụ trì chùa hiệu Từ Lăng cùng với dân bản phường khuyến hóa thiện nam tín nữ hưng công trùng tu chùa. Có bài minh ca ngợi và họ tên các vị thập phương công đức trong đó có gia đình họ Trần cùng quy định cúng tế hàng năm.

Trường sinh Phúc Khánh tự

長生福慶寺

Kí hiệu: 966/967/968/969

Thác bản bia giáp Đông phường Nhật Chiêu huyện Quảng Đức phủ Phụng Thiên 奉天府廣德縣日昭坊東甲, sưu tầm tại chùa Phúc Khánh phường Nhật Tân tổng Thượng huyện Hoàn Long.

Thác bản 4 mặt, khổ 16 x 25 cm, gồm 17 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 150 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Chính Hòa thứ 22 (1701).

Người soạn: họ Nguyễn 阮; học vị: Sinh đồ.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biếu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Năm Tân Tị bản chùa hưng công đúc chuông, bà Đỗ Thị Trinh Tiết đã cúng 10 quan tiền. Bản giáp bàu bà làm Hậu phật hưởng cúng tế hàng năm và thuận tình cho cha mẹ của bà được gửi giỗ và họ hàng nội ngoại của bà được phối hưởng tại chùa. Có bài tán ca ngợi công đức.

Hậu thần bi kí

后神碑記

Kí hiệu: 970/971

Thác bản bia thôn Hạ xã Định Công huyện Thanh Trì phủ Thường Tín 常信府青池縣定功社下村, sưu tầm tại đình xã Định Công tổng

Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 45 x 75 cm, gồm 30 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 750 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 34 (1773).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Năm Kỷ Sửu, Đô chỉ huy sứ Nguyệt Trung hầu Ngô Công Nguyệt người thôn Hạ xã Định Công và vợ là Hoàng Thị Từ Ái đã cung hiến cho bản thôn 100 quan sử tiền và 1 mẫu 2 sào ruộng. Bản thôn đồng lòng bầu ông bà làm Hậu thần. Có bài minh ca ngợi công đức và quy định việc cúng tế Hậu thần hàng năm.

Thần Hậu tạo lập bi kí/Văn ước

神後造立碑記/文約

Kí hiệu: 972/973

Thác bản bia thôn Hạ xã Định Công huyện Thanh Trì phủ Thường Tín 常信府青池縣定功社下村, sưu tầm tại đình xã Định Công tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 50 x 73 cm, gồm 30 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 750 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Chính Hòa thứ 17 (1696).

Người viết 1: Nguyễn Như Trung 阮如忠; chức vị: Thủ dịch.

Người viết 2: Trịnh Thông 鄭通; chức vị: Lệnh sử Phó sứ.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Vương tử Đội trưởng Trạch An bá Nguyễn Ưu vốn là người nhân đức, đã nhiều lần trợ giúp hương ấp. Năm Bính Tý, ông cung hiến cho

bản áp 80 quan cổ tiền và 1 mẫu 2 sào ruộng. Bản xã bầu hai vợ chồng ông làm Hậu thần và lập văn ước. Có quy định việc cúng tế Hậu thần hàng năm.

Nguyễn Thị bi kí

阮氏碑記

Kí hiệu: 974

Thác bản bia sưu tầm tại xã Định Công tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 35 x 65 cm, gồm 10 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 200 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Chính Hòa thứ 6.

Niên đại ước đoán: thời Nguyễn.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Bà Lê Thị Chất, chồng là Cừ phẩm Nguyễn Cự chẳng may mất sớm mà không có con, bà đã tự nguyện cúng cho bản xã 60 quan tiền kẽm và 4 sào ruộng để gửi giỗ cho hai người. Bản xã thuận tình và quy định việc cúng tế hàng năm.

Ghi chú: Trên thác bản dòng ghi địa danh bị xóa và thay bằng dòng niên hiệu ngụy tạo.

Tân Mùi niên phụ tả/Tân Mùi niên phụ hữu

辛未年附左/辛未年附右

Kí hiệu: 975/977

Thác bản bia sưu tầm tại đình xã Định Công tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 42 x 58 cm, gồm 22 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 500 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 1.

Niên đại ước đoán: Tự Đức 24 (1871).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Ruộng tế điền của Văn hội bắt đầu có từ triều Lê khi Trác Linh hầu Hoàng Tướng công người làng Linh Đường cúng ruộng tế tự và các vị tiền bối của Hội hồi đó noi theo quyên góp tổng cộng được 1 mẫu 8 sào. Năm Minh Mệnh, các bậc kỳ lão trong Hội vẫn chỉ tưởng nhớ đến công lao khai sáng của Hoàng Tướng công, lại tiếp tục đóng góp thêm ruộng dùng cho tế tự. Hồi đó Hội chưa kịp khắc bia ghi lại. Vì vậy, nay dựng bia này lưu lại công đức của các vị ấy, đồng thời bổ sung thêm số ruộng mới quyên góp gồm 1 mẫu 3 sào 7 thước ruộng.

Ghi chú: Dòng niên đại “Lê Cảnh Hưng nguyên niên tam nguyệt cát nhật” và niên hiệu “Vĩnh Trị” trên thác bản là ngụy tạo.

Sùng An tự kí kị bi

崇安寺寄忌碑

Kí hiệu: 976

Thác bản bia suru tằm tại đình xã Định Công tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 40 x 58 cm, gồm 10 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 300 chữ, có hoa văn, không có chữ huy.

Niên đại: Vĩnh Trị thứ 30.

Niên đại ước đoán: Tự Đức thứ 30 (1877).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Bản xã mua gỗ tu sửa đình chùa nhưng thiếu tiền, bà Nguyễn Thị Quy đã cúng cho xã 100 quan tiền, đồng thời xin gửi giỗ cho cháu ngoại của bà. Bản xã cảm kích công đức của bà, thuận tình cho cháu ngoại bà là Lý Thị Ý là con của Nội các Thừa biện Lý Khắc Tuấn làm kí kị Hậu phật gửi giỗ tại chùa, hưởng cúng tế hàng năm. Bia ghi số ruộng gửi giỗ và quy định về nghi lễ cúng giỗ.

Ghi chú: Niên hiệu “Vĩnh Trị” trên thác bản là ngụy tạo.

Kí kị bi

寄忌碑

Kí hiệu: 978

Thác bản bia sưu tầm tại đình xã Định Công tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 36 x 60 cm, gồm 10 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 250 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Hoảng Định thứ 1.

Niên đại ước đoán: thời Nguyễn.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Hành trạng, công tích nhân vật.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Bản xã được vua ban biển đề “Nghĩa dân” nhưng không đủ tiền để cử hành lễ đón rước. Bà Nguyễn Thị Tiên đã tự nguyện đóng góp 50 quan tiền cho xã chi tiêu. Bản xã cảm kích tấm lòng của bà Tiên, đã cho bà và chồng bà là Thập Lý hầu kiêm Phó tổng Ngô Quý công được gửi giỗ tại chùa hưởng cúng tế hàng năm. Bà Tiên đã cúng 2 sào ruộng để dùng vào việc hương hỏa. Có quy định nghi thức cúng giỗ và vị trí các thửa ruộng.

Ghi chú: Niên hiệu “Hoảng Định” trên thác bản là ngụy tạo.

Hậu thần bi kí

后神碑記

Kí hiệu: 979

Thác bản bia sưu tầm tại đình xã Định Công tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 47 x 67 cm, gồm 15 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 15 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Vĩnh Hựu thứ 11.

Niên đại ước đoán: thời Nguyễn, khoảng trước đời Tự Đức.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Bà Nguyễn Thị Nho là người ăn ở phúc đức, nhân hậu, được dân làng bàu làm Hậu thần. Đáp lại thịnh tình của làng xóm, bà đã cung hiến cho xã 60 quan tiền và một số ruộng.

Ghi chú: Dòng niên đại trên thác bản đề “Vĩnh Hựu thập nhất niên đông nguyệt cát nhật” là ngụy tạo.

Kí kị bi kí

寄忌碑記

Kí hiệu: 980

Thác bản bia Khương Đình huyện Thanh Trì 青池縣姜亭, sưu tầm tại đình xã Định Công tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 52 x 81 cm, gồm 16 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 400 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: năm Ất Tị.

Niên đại ước đoán: Thành Thái thứ 7 (1905).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Bà Nguyễn Thị Liên có em trai là Nguyễn Định là trưởng nam nhưng không lập gia đình. Sợ rằng việc hương hỏa cha mẹ sau này không ai bảo đảm nên bà đã bàn với em trai cùng hiến cho bản xã 9 sào ruộng và 300 quan tiền kẽm để gửi giỗ cho cha mẹ và bản thân bà. Bản xã thuận tình và quy định việc cúng tế hàng năm. Có ghi vị trí các xứ ruộng.

Ghi chú: Hai chữ niên hiệu trên thác bản bị bôi xóa.

Phúc sinh bi kí

福生碑記

Kí hiệu: 981

Thác bản bia suru tằm tại đình xã Định Công tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 36 x 78 cm, gồm 15 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 400 chữ, có hoa văn, có chữ húy: Hoa 荃, Tông 崇.

Niên đại: Vĩnh Trị thứ 21.

Niên đại ước đoán: Minh Mệnh thứ 21 (1840).

Người soạn: Tô Đình Lược 蘇廷略.

Chủ đề: - Bấu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Theo nguyện vọng của cha mẹ lúc sinh thời, bà họ Nguyễn (tên bị đục) đã cung hiến cho hai thôn 200 quan tiền để dùng vào việc công và gửi 2 mẫu ruộng để dùng vào việc Hậu kị. Hai thôn thuận tình cho cha mẹ bà được gửi giỗ tại đình. Có quy định việc cúng tế hàng năm và vị trí các thửa ruộng cúng.

Ghi chú: Hai chữ niên hiệu “Vĩnh Trị” trên thác bản là ngụy tạo.

Tạo tự biển kí

造寺扁記

Kí hiệu: 982

Thác bản bia xã Định Công huyện Thanh Trì phủ Thường Tín 常信府
青池縣定功社, sưu tầm tại chùa Liên Hoa, xã Định Công tổng
Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 54 x 88 cm, gồm 18 dòng chữ Hán, toàn văn ước
khoảng 2700 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Vĩnh Hựu thứ 5 (1770).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Chùa Liên Hoa lâu ngày bị đổ nát, tín nữ Nguyễn Thị Bảo người xã
Bình Liệt đã đứng ra khuyến thiện hưng công, trùng tu lại chùa
thêm quy mô đẹp đẽ.

Ghi chú: Hai chữ niên hiệu “Vĩnh Hựu” trên thác bản bị tẩy xóa, nghi
là ngụy tạo.

Hậu thần bi kí/Canh Dần niên tạo

后神碑記/庚寅年造

Kí hiệu: 983/984/985/986

Thác bản bia thôn Thượng xã An Vĩ huyện Đông An phủ Khoái Châu
快州府東安縣安偉社上村, sưu tầm tại lăng Thái Tổ xã An Vĩ
huyện Đông An phủ Khoái Châu tỉnh Hưng Yên.

Thác bản 4 mặt, khổ 75 x 105 cm, gồm 72 dòng chữ Hán, toàn văn
ước khoảng 2700 chữ, có hoa văn, có chữ húy: Đề 題.

Niên đại: Canh Hưng thứ 31 (1770).

Người soạn: Nhữ [Đình Toàn] 汝[廷瓚], hiệu Chuyết Trai 拙齋; quê
quán: xã Hoạch Trạch huyện Đường An; học vị: Tiến sĩ khoa Bính
Thìn (1736); chức vị: Điện tiền Đô Hiệu điểm ty Hữu Hiệu điểm,
Quyền phủ sự, Trung Phái hầu.

Người khắc: họ Phạm 范; chức vị: Thị nội Thư tả, Hộ phiên, Đồng Tri phủ.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

- Hành trạng, công tích nhân vật.

- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Bia ghi công đức của quan Tổng Thái giám, Đô đốc phủ Tả Đô đốc, Đồng Tri Tả tướng quân, Thái tử Đại tư đồ Trục Trung hầu Nguyễn Bá Khanh. Xã An Vĩnh vào 8, 9 năm về trước, vì giặc giả hoành hành mà đồng ruộng bỏ hoang, nhân dân ly tán. Tướng công Nguyễn Bá Khanh vâng mệnh triều đình đánh tan quân giặc, chiêu hồi dân làng về an cư lạc nghiệp. Dân xã suy tôn ông làm Hậu thần. Ông lại hiến cho 3 thôn Thượng, Trung, Hạ thuộc bản xã 21 mẫu 5 sào ruộng và 300 quan tiền cổ để chi dùng vào việc tế tự bốn mùa. Có quy định các thôn luân lưu canh tác, thuế vụ hàng năm và thể lệ cúng tế Hậu thần.

Thanh Trì huyện Văn Điển xã Tiên hiền từ chỉ bi kí

青池縣文典社先賢祠址碑記

Kí hiệu: 987/988/989

Thác bản bia xã Văn Điển huyện Thanh Trì 青池縣文典社, sưu tầm tại xã Văn Điển tổng Cổ Điện huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 3 mặt, khổ 67 x 114 cm và 71 x 114 cm, gồm 43 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 1350 chữ, không có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: không ghi.

Niên đại ước đoán: Gia Long triều Nguyễn.

Người soạn: Bùi Bích 裴璧, tên tự: Hi Chương, hiệu: Tồn Am cư sĩ.

Người viết chữ: Nguyễn Đức Trạch 阮德澤; quê quán: xã Nhân Mục Môn huyện Thanh trì.

Người khắc: Hoàng Đăng Năm 黃登年; đội Bạt thạch.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.

- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Trước kia việc tế tự Tiên hiền ở bản xã còn tùy tiện. Vài chục năm sau, kể từ năm Quý Hợi đời Cảnh Hưng thì bản xã mới có 7 người đồ tam trường thi hương, 8 người trúng thư lại và 2 người hương cống. Từ đó bản xã bắt đầu lập từ chỉ ở bờ bắc sông Tô Lịch để thờ các vị đỗ đạt. Trong từ chỉ, đàn chính giữa thờ Chu Văn Trinh tiên sinh, các vị triều quan và các vị đỗ trung khoa, bên tả thờ các vị Nho sinh, Sinh đồ và Thư lại, bên hữu đàn thờ các vị dạy con đỗ đạt khoa, có chức sắc hoặc có đức hạnh. Bia giải thích kí do xã Văn Điền không tế lễ Khổng Thánh mà lại thờ vị Tiên nho xã bên là Chu Văn Trinh. Có ghi số ruộng ao của hội Tư văn và danh sách các hội viên hội Tư văn của bản xã.

Ghi chú: Dòng niên đại trên thác bản bị tẩy xóa.

Sáng lập Hậu thần bi kí

創立後神碑記

Kí hiệu: 990/991/992/993

Thác bản bia xã Văn Điền huyện Thanh Trì 青池縣文典社, suru tâm tại đình xã Văn Điền tổng Cổ Điền huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 4 mặt, khổ 80 x 120 cm, gồm 55 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1550 chữ, có hoa văn, có chữ húy: Cửu 𣎵.

Niên đại: Cảnh Trị thứ 9 (1671).

Người soạn: [Hồ Sĩ Dương] 胡士楊; học vị: Đồng Tiến sĩ xuất thân khoa Nhâm Thìn, đệ nhị danh khoa Đông Các năm Kỷ Hợi; chức vị: Đặc tiến Kim tử Vinh lộc đại phu, Bồi tụng, Lại bộ Hữu Thị lang.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Hành trạng, công tích nhân vật.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Bà Phạm Thị Diệu người xã Văn Điền là vú nuôi của Vương tử Điện Quận công. Bà sinh năm Hoảng Định thứ 18, đến năm Đức Long thứ 5 bà 17 tuổi lấy chồng là ông Tham đốc Tuy Lương hầu. Năm Dương Hòa thứ 2, ông bà sinh con gái là Mai Thị Ngọc Bạ. Năm

Dương Hòa thứ 5, Vương tử là Thiệu phó Điện Quận công ra đời, bà được đưa vào nuôi dưỡng chăm sóc Vương tử, về sau lại đem con gái Ngọc Bân gả cho Vương tử. Do có công lao với nhà chúa, bà được hưởng nhiều ân sủng, trở nên giàu sang phú quý nhưng bà không quên quê hương bản quán. Bà đã cúng 16 mẫu ruộng gồm 12 mẫu ruộng hạ, 4 mẫu ruộng thu và 200 quan tiền cổ giao cho 4 giáp trong xã. Bà còn cúng thêm cho giáp Nam là nơi sinh của thân phụ 3 sào ruộng, 1 ao, 1 dật bạc để giỗ cha mẹ. Dân xã Văn Điển cảm ơn công đức bèn truy tôn bà làm Hậu thần thờ phụng và hàng năm cúng giỗ cha mẹ bà. Có bản giao ước quy định các xứ ruộng giao cho các giáp cấy cấy và thể lệ cúng tế hàng năm.

An Ngưu Hưng Long tự Hậu kị bi

安牛興隆寺后忌碑

Kí hiệu: 994

Thác bản bia xã An Ngưu huyện Thanh Trì 青池縣安牛社, suru tằm tại đình xã An Ngưu tổng Cổ Diền huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 71 x 122 cm, gồm 20 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1000 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Chính Hòa thứ 11.

Niên đại ước đoán: Duy Tân thứ 2 (1908).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biêu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Chùa Hưng Long của bản ấp có từ thời Lê (Cảnh Hưng). Chùa đã nhiều lần được hưng công trùng tu. Vợ chồng bà Trần Thị Tần là người nhân đức đã mấy lần cung hiến tiền ruộng để trùng tu chùa Hưng Long và chùa Mục Đồng của bản xã. Dân xã bàu cha mẹ hai bên nội ngoại và vợ chồng ông bà làm Hậu phật hưởng cúng tế hàng năm. Có ghi ngày giỗ và các xứ ruộng cúng.

Tóm lược nội dung:

Trước kia việc tế tự Tiên hiền ở bản xã còn tùy tiện. Vài chục năm sau, kể từ năm Quý Hợi đời Cảnh Hưng thì bản xã mới có 7 người đỗ tam trường thi hương, 8 người trúng thư lại và 2 người hương cống. Từ đó bản xã bắt đầu lập từ chỉ ở bờ bắc sông Tô Lịch để thờ các vị đỗ đạt. Trong từ chỉ, đàn chính giữa thờ Chu Văn Trinh tiên sinh, các vị triều quan và các vị đỗ trung khoa, bên tả thờ các vị Nho sinh, Sinh đồ và Thư lại, bên hữu đàn thờ các vị dạy con đẳng khoa, có chức sắc hoặc có đức hạnh. Bia giải thích kí do xã Văn Điền không tế lễ Khổng Thánh mà lại thờ vị Tiên nho xã bên là Chu Văn Trinh. Có ghi số ruộng ao của hội Tư văn và danh sách các hội viên hội Tư văn của bản xã.

Ghi chú: Dòng niên đại trên thạc bản bị tẩy xóa.

Sáng lập Hậu thần bí kí

創立後神碑記

Kí hiệu: 990/991/992/993

Thạc bản bia xã Văn Điền huyện Thanh Trì 青池縣文典社, sưu tầm tại đình xã Văn Điền tổng Cổ Điền huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thạc bản 4 mặt, khổ 80 x 120 cm, gồm 55 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1550 chữ, có hoa văn, có chữ hủy: Cừ 𠂔.

Niên đại: Cảnh Trị thứ 9 (1671).

Người soạn: [Hồ Sĩ Dương] 胡士揚; học vị: Đồng Tiến sĩ xuất thân khoa Nhâm Thìn, đệ nhị danh khoa Đông Các năm Kỷ Hợi; chức vị: Đặc tiến Kim tử Vinh lộc đại phu, Bồi tụng, Lại bộ Hữu Thị lang.

Chủ đề: - Bâu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Hành trạng, công tích nhân vật.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Bà Phạm Thị Diệu người xã Văn Điền là vú nuôi của Vương tử Điện Quận công. Bà sinh năm Hoảng Định thứ 18, đến năm Đức Long thứ 5 bà 17 tuổi lấy chồng là ông Tham đốc Tuy Lương hầu. Năm Dương Hòa thứ 2, ông bà sinh con gái là Mai Thị Ngọc Bân. Năm

Dương Hòa thứ 5, Vương tử là Thiếu phó Điện Quận công ra đời, bà được đưa vào nuôi dưỡng chăm sóc Vương tử, về sau lại đem con gái Ngọc Bận gả cho Vương tử. Do có công lao với nhà chúa, bà được hưởng nhiều ân sủng, trở nên giàu sang phú quý nhưng bà không quên quê hương bản quán. Bà đã cúng 16 mẫu ruộng gồm 12 mẫu ruộng hạ, 4 mẫu ruộng thu và 200 quan tiền cổ giao cho 4 giáp trong xã. Bà còn cúng thêm cho giáp Nam là nơi sinh của thân phụ 3 sào ruộng, 1 ao, 1 dật bạc để giỗ cha mẹ. Dân xã Văn Điền cảm ơn công đức bèn truy tôn bà làm Hậu thần thờ phụng và hàng năm cúng giỗ cha mẹ bà. Có bản giao ước quy định các xứ ruộng giao cho các giáp cày cấy và thể lệ cúng tế hàng năm.

An Ngưu Hưng Long tự Hậu kị bi

安牛興隆寺后忌碑

Kí hiệu: 994

Thác bản bia xã An Ngưu huyện Thanh Trì 青池縣安牛社, sưu tầm tại đình xã An Ngưu tổng Cổ Điện huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 71 x 122 cm, gồm 20 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1000 chữ, có hoa văn, không có chữ huy.

Niên đại: Chính Hòa thứ 11.

Niên đại ước đoán: Duy Tân thứ 2 (1908).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Chùa Hưng Long của bản ấp có từ thời Lê (Cảnh Hưng). Chùa đã nhiều lần được hưng công trùng tu. Vợ chồng bà Trần Thị Tần là người nhân đức đã mấy lần cung hiến tiền ruộng để trùng tu chùa Hưng Long và chùa Mục Đồng của bản xã. Dân xã bàu cha mẹ hai bên nội ngoại và vợ chồng ông bà làm Hậu phật hương cúng tế hàng năm. Có ghi ngày giỗ và các xứ ruộng cúng.

Ghi chú: Dòng niên đại “Lê Chính Hòa thập nhất niên đông nguyệt cát nhật” trên thác bản là ngụy tạo.

[Vô đề]

Kí hiệu: 996

Thác bản bia sưu tầm tại chùa xã An Ngưu tổng Cổ Diền huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 24 x 55 cm, gồm 1 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 41 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: không ghi.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Hành trạng, công tích nhân vật.

Tóm lược nội dung:

Bài vị của Quận phu nhân họ Trịnh, vợ của quan Chi huy Thiêm sự Đô đốc đồng tri, gia phong Tả Đô đốc Nhuệ Quận công.

[Vô đề]

Kí hiệu: 997

Thác bản bia sưu tầm tại chùa xã An Ngưu tổng Cổ Diền huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 20 x 45 cm, gồm 3 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 50 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: không ghi.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Hành trạng, công tích nhân vật.

Tóm lược nội dung:

Bài vị của Tráng tiết tướng quân Đồng Võ hầu họ Nguyễn tự Anh Kiện.

[Vô đề]

Kí hiệu: 998

Thác bản bia sưu tầm tại chùa xã An Ngưu tổng Cổ Diền huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 25 x 65 cm, gồm 1 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 41 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: không ghi.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Hành trạng, công tích nhân vật.

Tóm lược nội dung:

Bài vị của Võ úy Chi huy Thiêm sự, Đô đốc phủ Tả Đô đốc, Nhuệ Quận công, họ Nguyễn tự Phúc Thiện.

Khôn Trinh phủ bi kí

坤貞府碑記

Kí hiệu: 1000/1001/1002/1003

Thác bản bia thôn Linh Đường xã Linh Đường tổng Linh Đường huyện Thanh Trì 青池縣苓塘總苓塘社苓塘村, sưu tầm tại phủ Khôn Trinh xã Linh Đường tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 4 mặt, khổ 80 x 130 cm, gồm 77 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 4200 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy: Đề 對.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 32 (1771).

Người soạn 1: Nguyễn Lệ 阮儼; quê quán: Tiên Điền, Nghi Xuân, Hà Tĩnh; học vị: Tiến sĩ khoa Canh Thìn niên hiệu Cảnh Hưng 21 (1760); chức vị: Ngự sử đài Thiêm Đô ngự sử kiêm Quốc tử giám Tế tửu; tước Kiêu Nhạc bá.

Người soạn 2: Phan Trọng Phiên 潘仲藩; quê quán: Đông Ngạc, Từ Liêm, Hà Nội; học vị: Tiến sĩ năm Cảnh Hưng 18 (1757); chức vị: Nhập thị Thiêm sai tri Thị nội Thư tả, Hộ phiên, Đông các Đại học sĩ, kiêm Quốc Tử giám Tư nghiệp.

Người nhuận sắc: Nhữ Công Toàn 汝公鑽; quê quán: xã Hoạch Trạch huyện Đường An, Hải Dương; học vị: Tiến sĩ khoa Bính Thìn (1736); chức vị: Thượng tướng quân Quyền Phủ sự, đồng Đô đốc phủ Tả Đô đốc.

Người viết chữ: Đình Trị 廷治; chức vị: Phụng thủ Mật sự Câu kê, Thị nội Thư tả; tước Tăng Trung bá.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Bà Hoàng Thị Thục được Thánh mẫu tuyển vào hầu hạ trong nội cung. Bà nổi tiếng là người đức hạnh, kính trên nhường dưới, được phong làm Chính phi. Sau khi bà mất, dân địa phương cảm ơn công đức của bà đã tâu xin chúa cấp cho tiền ruộng lập đền thờ trên nền nhà cũ, lấy tên là phủ Khôn Trinh, định lệ cho các xã Linh Đường, Đại Từ, Quang Liệt, Hoằng Liệt, Tựu Liệt, Bình Liệt cúng tế thần linh quanh năm.

Ghi chú: Một số chữ trên thác bản bị bôi xóa.

Quang Lộc tự Hậu phật bi kí

光祿寺後佛碑記

Kí hiệu: 1004/1005

Thác bản bia xã La Phù huyện Từ Liêm 慈廉縣羅浮社, sưu tầm tại chùa Quang Lộc xã La Phù tổng An Lăng huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 54 x 108 cm, gồm 16 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 500 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 32 (1771).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Tín vãi Tạ Thị Chiên ở bản xã là người nhân đức, tin thờ đạo Phật. Bà đã cúng cho 2 giáp Đoài và giáp Bạch thuộc bản xã 18 quan tiền,

1 mẫu ruộng để chi dùng vào việc công. Dân bản xã suy tôn bà làm Hậu phật và quy định thể thức cúng tế hàng năm. Có ghi vị trí các xứ ruộng cúng.

Hậu phật bi kí

后佛碑記

Kí hiệu: 1006

Thác bản bia thôn Trung Văn xã Ngọc Trục huyện Từ Liêm phủ Hoài Đức 懷德府慈廉縣玉軸社中文村, sưu tầm tại xã Ngọc Trục tổng Đại Mỗ huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 40 x 62 cm, gồm 13 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 250 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: không ghi.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bản thôn hưng công tu bổ chùa. Bà Nguyễn Thị Kết vốn là người tin thờ đạo Phật đã cúng hiến 50 quan tiền cổ và 6 sào ruộng. Dân làng cùng thuận tình bàu bà làm Hậu phật hương cúng tế hàng năm. Sau đó bà lại cúng 7 thước ruộng để gửi giỗ cho cha mẹ. Có ghi vị trí các ruộng cúng.

Ghi chú: Có lẽ còn thiếu thác bản mặt sau của bia.

Kí kỵ bi kí

寄忌碑記

Kí hiệu: 1007

Thác bản sưu tầm tại chùa xã Ngọc Trục tổng Đại Mỗ huyện Từ Liêm, Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 49 x 65 cm, gồm 12 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 200 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: không ghi.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Ông Hương trưởng Nguyễn Phúc Trường ở bản xã vốn là người nhân hậu. Năm Quý Dậu nhân lúc bản xã cần tiền chi phí vào việc công, tổ chức quyên tiền cho gửi giỗ, ông đã xuất 500 quan tiền và 1 mẫu ruộng, xin được gửi giỗ cho gia đình. Bản xã chấp thuận và khắc vào bia để lưu truyền.

Hậu phật Thanh Xuân tự bi kí

后佛青春寺碑記

Kí hiệu: 1008

Thác bản bia thôn Phùng Khoang xã Nhân Mục Môn huyện Thanh Trì phủ Thường Tín 常信府仁睦門社馮昞村, suru tầm tại chùa Thanh Xuân xã Phùng Khoang tổng Đại Mỗ huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 63 x 82 cm, gồm 17 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 500 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Chính Hòa thứ 23 (1702).

Người soạn: tên: Kim 金.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Ông Nguyễn Viết Phú và vợ là Nguyễn Thị Tinh là người tôn thờ đạo Phật. Hai ông bà đã đóng góp công đức cho bản xã 2 sào ruộng và 5 quan tiền để xin làm Hậu phật. Bản xã chấp thuận và quy định việc cúng tế Hậu phật hàng năm. Có bài minh ca tụng công đức và ca ngợi cảnh đẹp chùa Thanh Xuân.

Kí kị bi kí

寄忌碑記

Kí hiệu: 1009

Thác bản bia suru tầm tại đình xã Phùng Khoang tổng Đại Mỗ huyện

Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 40 x 68 cm, gồm 11 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 230 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Hoàng triều năm thứ 2.

Niên đại ước đoán: Tự Đức thứ 27 (1874).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Năm Quý Dậu nhân lúc bản thôn có việc cần chi dùng. Ông họ Ngô tự Pháp Ứng cung hiến 500 quan tiền và một mẫu ruộng để xin gửi giỗ cho bản thân. Bản thôn chấp thuận và quy định lễ cúng hàng năm.

Ghi chú: Dòng niên đại của thác bản bị tẩy xóa (bôi đen) một số chữ, nhưng vẫn lờ mờ đọc được niên hiệu Tự Đức.

Hậu thần Phùng Khoang bi kí

後神馮朧碑記

Kí hiệu: 1010

Thác bản bia thôn Phùng Khoang xã Nhân Mục Môn huyện Thanh Trì phủ Thường Tín 常信府仁睦門社馮朧村, sưu tầm tại đình xã Phùng Khoang tổng Đại Mỗ huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 43 x 68 cm, gồm 14 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 380 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Bảo Thái thứ 2 (1721).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Ông Nguyễn Diện Chất ở bản xã là người nhân đức khoan hòa. Tổ tiên ông có đóng góp nhiều công đức cho bản xã. Bản xã đồng lòng bầu ông làm Hậu thần hưởng cúng giỗ hàng năm cùng gia tiên. Có bài minh ca ngợi công đức.

Hậu thần Phùng Khoang bi kí

后神馮朧碑記

Kí hiệu: 1011

Thác bản bia thôn Phùng Khoang xã Nhân Mục Môn huyện Thanh Trì phủ Thường Tín 常信府青池縣仁睦門社馮朧村, suru tằm tại đình xã Phùng Khoang tổng Đại Mỗ huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 64 x 84 cm, gồm 20 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 200 chữ, có hoa văn, có chữ húy: Cửu 𡗗.

Niên đại: Chính Hòa thứ 19 (1698).

Người soạn: họ Nguyễn 阮.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Bà Nguyễn Thị Song ở bản thôn là người nhân đức được mọi người quý mến. Bà đã hiến cho bản thôn 90 quan tiền và 3 mẫu ruộng. Bản thôn suy tôn bà làm Hậu thần và quy định việc cúng tế hàng năm. Có bài minh ca ngợi công đức.

[Vô đề]

Kí hiệu: 1012

Thác bản bia suru tằm tại đình xã Phùng Khoang tổng Đại Mỗ huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 60 x 82 cm, gồm 14 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 350 chữ, có hoa văn, có chữ húy: Thìn 辰.

Niên đại: không ghi.

Niên đại ước đoán: thời Nguyễn.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà Nguyễn Thị Phần ở bản thôn là người thành tâm thờ Phật. Bà đã

cúng hiến cho bản thôn 100 quan tiền, 1 mẫu 2 sào ruộng để gửi giỗ cho bản thân và cha mẹ. Bản thôn thuận tình và quy định việc cúng giỗ Hậu phật hằng năm. Sau đó bà lại cúng hiến vào chùa 2 thửa ruộng 1 sào 2 thước dùng vào việc đèn hương.

Ghi chú: Dòng niên đại trên thạc bản bị bôi đen.

Tu sức Thanh Xuân tự bi kí/Trùng tu Thanh Xuân tự bi kí

修飾青春寺碑記/重修青春寺碑記 Kí hiệu: 1013/1014

Thạc bản bia thôn Phùng Khoang tổng Đại Mỗ 大姥總馮肱村, sưu tầm tại chùa Thanh Xuân xã Phùng Khoang tổng Đại Mỗ huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thạc bản 2 mặt, khổ 60 x 128 cm, gồm 38 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 2100 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: không ghi.

Niên đại ước đoán: Tự Đức thứ 34 (1881).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Lịch sử di tích.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Chùa Thanh Xuân ở bản thôn tương truyền do công chúa tiền triều Nguyễn Thị Ngọc Nha dựng lên, chùa nguyên dựng ở bên cạnh đường đi. Trải qua năm tháng chùa bị đổ nát hoang tàn. Năm Tự Đức Đinh Sửu (1877), tổng mục Nguyễn Huy Trâm hiệp sức cùng dân làng dời chùa sang phía nam thôn, tu tạo chính đường, tam quan, nhà bái đường... Sau đó vào các năm Mậu Dần, sư trụ trì chùa là Ni Đàm Hương người xã Bộ Đầu khuyến thiện thập phương công đức tu tạo tượng Phật, điện thờ, sắm sửa đồ tế tự. Năm Canh Thìn mời được nhà sư về trụ trì, năm Tân Tị xây nhà Tổ. Năm nay dựng thêm 5 gian điện thờ tiên Liễu Hạnh... chùa càng thêm trang nghiêm đẹp đẽ. Có ghi tên những người công đức tu sửa.

Viên Minh tháp

圓明塔

Kí hiệu: 1015

Thác bản bia sưu tầm tại chùa Linh Sơn xã Thanh Nhân tổng Thanh Nhân huyện Hoàn Long tỉnh Hà Nội.

Thác bản 1 mặt, khổ 45 x 67 cm, gồm 28 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 800 chữ, có hoa văn, có chữ huy: Tường 鞏.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 27 (1766).

Người soạn và viết bia: tên tự: Tịch Điền 寂沍.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Xây dựng, trùng tu di tích.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Bia tháp ghi tiểu sử nhà sư họ Nguyễn quê ở Đông An, Khoái Châu từ nhỏ đã giác ngộ đạo Phật. Ông nổi tiếng là người giàu lòng tế độ. Năm Bính Thân, đệ tử của ông là Hải Kiên cúng 30 quan tiền để xây tháp cho ông nhưng chẳng may mất sớm. Đến nay, học trò của học trò ông là Tịch Điền lại tiếp tục hoàn thành việc xây tháp Viên Minh. Có bài minh ca tụng công đức và ghi tên các học trò có công xây tháp.

Linh Sơn bảo tự bi kí/Nam vô A di đà phật

靈山寶寺碑記/南無阿彌陀佛

Kí hiệu: 1016/1017/1018/1019

Thác bản bia sưu tầm tại chùa xã Thanh Nhân tổng Thanh Nhân huyện Hoàn Long tỉnh Hà Nội.

Thác bản 4 mặt, khổ 70 x 80 cm, gồm 82 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 2600 chữ, có hoa văn, không có chữ huy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 28 (1767).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Lịch sử di tích.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Ghi sự tích chùa Linh Sơn: vào khoảng năm Ất Sửu có vị Hòa thượng Huệ Giác mộng thấy thần nhân đến rủ ông đi làm điều phúc thiện. Khi tỉnh dậy, ông thấy trong lòng sáng khoái, bèn chống gậy đi về kinh thành, vừa đến đền thờ Thần Nông phong cảnh đẹp đẽ lạ thường, bỗng gặp Hiệu úy Điều Lý hầu Trịnh Tăng là người trong phủ chúa. Hiệu úy đón tiếp niềm nở, cúng cho Hòa thượng một gò đất và một khoảnh vườn ở xứ Ông Mô phường Yên Xá, nguyên là đất tự điền thờ ngài Đại vương Thái phó Tào Trung công làm của Tam Bảo để xây dựng chùa. Hòa thượng bèn vận động tín chủ thập phương công đức giúp sức xây dựng nên ngôi chùa, lấy tên là chùa Linh Sơn. Sau đó đệ tử của Hòa thượng là Hải Kiên tiếp tục trùng tu chùa thêm quy mô tráng lệ. Chùa trở thành nơi danh lam thắng cảnh như ngày nay. Có bài minh ca tụng công đức và ghi tên những người đóng góp xây dựng chùa.

Hậu phật bi kí

後佛碑記

Kí hiệu: 1020/1021/1022/1023

Thác bản bia giáp Ngoại Nhất phường Hồng Mai huyện Thọ Xương phủ Phụng Thiên 奉天府壽昌縣紅梅坊外一甲, sưu tầm tại Nhà thờ họ Thành phường Bạch Mai huyện Hoàn Long.

Thác bản 4 mặt, khổ 21 x 34 cm và 12 x 34 cm, gồm 18 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 300 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Vĩnh Khánh thứ 2 (1730).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Ông Thành Phúc Hảo và vợ là Nguyễn Từ Hiền cúng cho làng 3 sào ruộng và 20 quan cổ tiền nên được dân làng bầu làm Hậu phật. Có ghi thể thức cúng giỗ hàng năm.

Hậu thần bi kí

後神碑記

Kí hiệu: 1024

Thác bản bia Giáp Đản Chàng Ngoại, thôn Chiền Cầu xã Hồng Mai huyện Thanh Trì phủ Thường Tín. 常信府青池縣紅梅社廬稼村但撞外甲, sưu tầm tại nhà thờ họ Thành phường Bạch Mai huyện Hoàn Long.

Thác bản 1 mặt, khổ 53 x 88 cm, gồm 15 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 300 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: không ghi.

Niên đại ước đoán: Vĩnh Thịnh thứ 11 (1715).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà Thành Thị Dụ ở bản giáp đã cung hiến tiền và ruộng cho bản giáp nên được bầu làm Hậu thần.

Ghi chú: Niên đại dựng bia năm Vĩnh Thịnh 11 (1715) là do người sưu tầm ghi ở bên lề thác bản. Bia còn thiếu thác bản mặt sau.

Cao Sơn Đại vương thần từ bi minh tịnh tự

高山大王神祠碑銘并序

Kí hiệu: 1025/1026

Thác bản bia sưu tầm tại đền Cao Sơn Đại Vương phường Kim Liên tổng Kim Liên huyện Hoàn Long tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 158 x 230 cm và 21 x 94 cm, gồm 47 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 2100 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 33 (1772).

Người soạn: Lê Tung 黎嵩; chức vị: Quang tiến Thận lộc đại phu Thiếu bảo, Lễ bộ Thượng thư, Đông các Đại học sĩ kiêm Quốc tử giám Tế tửu, Kinh diên sự.

Người viết chữ: Đỗ Như Chi 杜如芝; chức vị: Hiến cung đại phu
Trung thư giám.

Chủ đề: - Lịch sử di tích.
- Sự tích, thần phả, gia phả.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Bia khắc thần tích Cao Sơn Đại vương do Lê Tung soạn năm Hồng Thuận 2 (1510). Cao Sơn Đại Vương khi xưa đã hiển linh giúp Thánh tổ Cao Hoàng đế Lê Lợi khởi nghĩa, sau thần lại phù trợ vua Lê Tương Dực lên ngôi năm Kỷ Tị (1509). Khi Phụ quốc Thừa tướng Nguyễn Bá Lân, Phụ quốc Thượng tướng quân Nguyễn Hoàng Dụ, Đại tướng quân Nguyễn Văn Lữ... phụng mệnh đem quân đi dẹp bọn phản loạn, qua đền thờ thần ở huyện Phụng Hóa đã được thần âm phù mặc tướng cho đại nghiệp thành công. Năm ấy (1510), Hoàng thượng Lê Tương Dực ban sắc cho dựng đền thờ thần, sai bộ công dựng bia. Có bài minh ca ngợi. Mặt sau bia cho biết, bia này được dựng năm Nhâm Thìn niên hiệu Cảnh Hưng thứ 33 (1772) kèm lời giải thích: bia nguyên dựng ở huyện Phụng Hóa, tương truyền bia trôi dạt vào bến sông Bồ Đề. Năm Hoảng Định (1601-1619), bản phưong rước lên đất chùa đến nay lại đem dựng về đền.

Hậu phật bi kí

後佛碑記

Kí hiệu: 1027/1028

Thác bản bia thôn Ái Mộ xã Lâm Hạ huyện Gia Lâm phủ Thuận An
順安府嘉林縣臨賀社愛慕村, sưu tầm tại chùa Thiên Định thôn Ái
Mộ xã Lâm Hạ huyện Gia Lâm tỉnh Bắc Ninh.

Thác bản 2 mặt, khổ 30 x 38 cm, gồm 24 dòng chữ Hán, toàn văn ước
khoảng 600 chữ, có hoa văn, không có chữ huy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 45 (1784).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, Biểu dương việc thiện.

- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Bản thôn hưng công xây dựng đài hương, tiền đường, hậu đường chùa Thiên Định nhưng còn thiếu kinh phí. Bà Phùng Thị Trù đã đóng góp 30 quan tiền cổ, sau lại cung hiến 5 sào ruộng gửi giỗ. Do vậy bản thôn đồng lòng bầu bà làm Hậu phật. Có ghi vị trí các thửa ruộng và thể lệ cúng tế.

Hậu phật bi kí

後佛碑記

Kí hiệu: 1029

Thác bản bia thôn Ái Mộ xã Lâm Hạ huyện Gia Lâm 嘉林縣臨賀社愛慕村, sưu tầm tại Chùa Thiên Định thôn Ái Mộ xã Lâm Hạ huyện Gia Lâm tỉnh Bắc Ninh.

Thác bản 1 mặt, khổ 41 x 80 cm, gồm 17 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 650 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 40 (1779).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bầu Hậu, Biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Ông Tổng Thái giám Nguyễn Đình Án, tước Án Trung hầu người xã Gia Thị đã cúng cho làng 30 quan tiền cổ và 6 mẫu ruộng. Dân làng đồng lòng bầu cha mẹ ông và ông làm Hậu phật hương cúng tế hàng năm. Có ghi ngày giỗ, quan tước và thể lệ cúng giỗ.

Hậu phật bi kí

后佛碑記

Kí hiệu: 1030

Thác bản bia thôn Ái Mộ xã Lâm Hạ huyện Gia Lâm 嘉林縣臨賀社愛慕村, sưu tầm tại chùa Thiên Định thôn Ái Mộ xã Lâm Hạ huyện Gia Lâm tỉnh Bắc Ninh.

Thác bản 1 mặt, khổ 29 x 41 cm, gồm 13 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 270 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 44 (1783).

Người soạn: Lê Bá Thục 黎伯澍; chức vị: Thị nội Thư tả Lại phiên.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Bà họ Ngô hiệu Từ Đặc là người nhân đức nên được dân làng đồng lòng bầu làm Hậu phật. Nhân lúc bản thôn hưng công sửa chữa chùa, bà đã bỏ ra 30 quan thanh tiền, lại cúng 5 sào ruộng công đức. Có bài minh ca ngợi.

Hậu phật bi kí

后佛碑記

Kí hiệu: 1031/1032

Thác bản bia thôn Ái Mộ xã Lâm Hạ huyện Gia Lâm 嘉林縣臨賀社愛慕村, sưu tầm tại Chùa Thiên Định thôn Ái Mộ xã Lâm Hạ huyện Gia Lâm tỉnh Bắc Ninh.

Thác bản 2 mặt, khổ 35 x 52 cm, gồm 21 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 700 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Gia Long thứ 8 (1809).

Người soạn: tên tự Tịch Tích 寂錫; nhà sư.

Chủ đề: Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Vào năm Cảnh Thịnh thứ 2 (1794) bản thôn hưng công tu bổ chùa nhưng kinh phí quá lớn, bà Phạm Thị Ân đã đóng góp 30 quan tiền cổ làm việc phúc đức. Dân làng đồng lòng bầu bà Ân làm Hậu phật hưởng cúng tế hàng năm. Đến năm Kỷ Tị (1809) bà Ân mới dựng bia ghi lại sự việc và khắc nguyên văn tờ đơn bầu hậu cùng các quy định về thể thức cúng giỗ.

Hậu phật bi kí

后佛碑記

Kí hiệu: 1033

Thác bản bia thôn Ái Mộ xã Lâm Hạ huyện Gia Lâm phủ Thuận An
順安府嘉林縣臨賀社愛慕村, sưu tầm tại chùa Thiên Định thôn Ái
Mộ xã Lâm Hạ huyện Gia Lâm tỉnh Bắc Ninh.

Thác bản 1 mặt, khổ 39 x 50 cm, gồm 20 dòng chữ Hán, toàn văn ước
khoảng 550 chữ, không có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 34 (1773).

Người soạn: Không ghi.

Chủ đề:

- Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Vào năm Quý Tị (1773), bản thôn tổ chức lễ hội khánh tân, phải chi
phí nhiều nên tổ chức bàu bà Phạm Thị Vịnh làm Hậu phật. Bà
Vịnh đã cúng 30 quan tiền cổ và 5 sào ruộng cho bản thôn. Có ghi
vị trí các thửa ruộng hậu và các điều lệ cúng tế Hậu phật các dịp,
giỗ tế trong năm.

Lặc thạch vĩnh trụ

勒石永垂

Kí hiệu: 1034/1035/1036/1037

Thác bản bia thôn Ái Mộ xã Lâm Hạ huyện Gia Lâm phủ Thuận An
順安府嘉林縣臨賀社愛慕村, sưu tầm tại chùa Thiên Định thôn Ái
Mộ xã Lâm Hạ huyện Gia Lâm tỉnh Bắc Ninh.

Thác bản 4 mặt, khổ 25 x 39 cm và 10 x 33 cm, gồm 30 dòng chữ Hán,
toàn văn ước khoảng 620 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 28 (1767).

Người soạn: không ghi.

- Chủ đề:
- Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
 - Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Bản thôn hưng công dựng tam quan chùa Thiên Định nhưng phí tổn nhiều, vì thế tôn bầu bà Nguyễn Thị Liêm là Hậu phật. Bà Liêm đã đóng góp cho thôn 30 quan tiền cổ để giúp thôn sửa chùa, lại cúng 5 sào ruộng gửi giỗ. Có ghi địa điểm các xứ ruộng và thể lệ cúng tế Hậu phật hàng năm.

Hậu phật bi kí

后佛碑記

Kí hiệu: 1038/1039

Thác bản bia suu tầm tại chùa Thiên Định thôn Ái Mộ xã Lâm Hạ huyện Gia Lâm tỉnh Bắc Ninh.

Thác bản 2 mặt, khổ 38 x 53 cm và 29 x 40 cm, gồm 13 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 200 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 27 (1766).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bia về Hậu phật Hoàng Quý công tự Đình An. Có ghi địa điểm các thửa ruộng cúng và những quy định về việc canh tác, sử dụng hoa màu và phẩm vật cúng tế.

Nguyễn gia bi kí

阮家碑記

Kí hiệu: 1040

Thác bản bia suu tầm tại xã Dịch Vọng tổng Dịch Vọng huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 40 x 53 cm, gồm 10 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 150 chữ, không có hoa văn, có chữ hủy: Hằng 恒.

Niên đại: Chính Hòa 11.

Niên đại ước đoán: Tự Đức thứ 23 (1870).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biếu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Năm Canh Ngọ (1690), sư trụ trì là Thích Chiêu Chiêu hưng công tu sửa chùa, phí tổn nhiều. Bà Nguyễn Thị Cau người bản xã có hăng tâm đóng góp một số tiền, lại cúng ruộng gửi giỗ cho gia tiên tại bản chùa.

Ghi chú: Dòng niên đại trên thác bản là ngụy tạo. Có lẽ còn thiếu thác bản mặt sau của bia.

Giáo phường bi kí

教坊碑記

Kí hiệu: 1041

Thác bản bia xã Mỹ Trì huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai 國威府慈廉縣米池社, sưu tầm tại đình xã Mỹ Trì tổng Dịch Vọng huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 29 x 39 cm, gồm 15 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 280 chữ, có hoa văn, có chữ húy: Cửu 𣎵.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 39 (1778).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Giáp Đông Hạ thuộc Giáo phường huyện Từ Liêm có quyền hát cửa đình thôn Thượng xã Mỹ Trì, mỗi dịp ca xướng đều được hưởng phần tiền và vật phẩm. Nay vì thiếu tiền quan dịch nên bán quyền lợi này cho hương chức bản thôn với số tiền theo thời giá là 30 quan cổ tiền. Khế ước được lập ra quy định mỗi chiếu ca xướng về sau, giáp Đông Hạ chỉ được hưởng 3 mạch cổ tiền.

Thánh Đức tự bi/Điền trì sở kí

聖德寺碑/田池所記

Kí hiệu: 1042/1043/1044

Thác bản bia sưu tầm tại chùa xã Dịch Vọng tổng Dịch Vọng huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 3 mặt, khổ 27 x 63 cm, gồm 24 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 630 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Chính Hòa thứ 16 (1695).

Người soạn: Nguyễn Đình Trạch 阮廷宅; quê quán: phường Bái Ân huyện Quảng Đức phủ Phụng Thiên; chức vị: Tri huyện.

Người viết chữ: Đào Văn Quán 陶文館; chức vị: Tri bạ.

Chủ đề: - Sinh hoạt làng xã.
- Lịch sử di tích.

Tóm lược nội dung:

Bia ghi diện tích, vị trí các thửa ruộng và ao của chùa Thánh Đức, cộng tất cả là 13 mẫu 3 sào phân bố trong 4 giáp.

[Vô đề]

Kí hiệu: 1045

Thác bản bia sưu tầm tại xã Dịch Vọng tổng Dịch Vọng huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 68 x 110 cm, gồm 13 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 480 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: [Thế] Thái thứ 5.

Niên đại ước đoán: Thành Thái thứ 5 (1893).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Lịch sử di tích.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Chùa Tư Khánh ở bản ấp tương truyền do quan Thái giám dựng nên, nhưng không có bia ghi lại để khảo chứng. Trải năm tháng chùa đã được các nhà sư tu sửa. Năm [Bảo] Thái 5, Pháp tăng Thích Chiêu Chiêu thấy chùa bị đổ nát bèn hưng công tu bổ chùa thêm quy mô tráng lệ.

Ghi chú: Niên hiệu trong nội dung thạc bản có dấu hiệu bị tẩy xóa sửa chữa.

Đông Ngạc xã Hậu phật bi

東鄂社后佛碑

Kí hiệu: 1046

Thạc bản bia sưu tầm tại chùa xã Đông Ngạc tổng Xuân Tảo huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thạc bản 1 mặt, khổ 35 x 55 cm, gồm 13 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 180 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: không ghi.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biếu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Năm Canh Thân có giặc cướp đi qua địa phương, bản xã gặp khó khăn về kinh phí để phục dịch quan trên về tra xét. Bà Phạm Thị Át đã xuất 2 hốt bạc cho xã chi dùng nên được bản xã bầu làm Hậu phật, bà lại cúng thêm ruộng để phụng sự tế lễ.

Trùng tu thần từ bi/Cung hiến khán tác chí

重修神祠碑/恭獻看作誌

Kí hiệu: 1047/1048

Thạc bản bia xã Đông Ngạc huyện Từ Liêm 慈廉縣東鄂社, sưu tầm tại đình xã Đông Ngạc tổng Xuân Tảo huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 83 x 115 cm, gồm 42 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1800 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Vĩnh Thịnh thứ 15 (1719).

Người soạn: Nguyễn [Mậu Thịnh] 阮茂盛, hiệu: Di Trai; quê quán: Kim Sơn, Kinh Bắc; học vị: Tiến sĩ khoa Tân Mùi Chính Hòa thứ 12 (1691); chức vị: Quang tiền Thân lộc đại phu, Bồi tụng, Ngự sử đài Phó Đô ngự sử; tước Kế Vũ nam.

Người viết chữ: Nguyễn Đăng Xuân 阮登春; học vị: Thù khoa Thư toán khoa Ất Mão; chức vị: Thị nội Thư tả, Lại phiên, Tiền công thứ lang, Huyện thừa huyện Phù Ủng; tước Nho Đường nam.

Chữ đề: - Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Đền thờ Thành hoàng làng Đông Ngạc ở xứ Ngõ Ngạc nơi địa thế cao ráo, trải hơn 60 năm dân khang vật thịnh. Nay đền đã trở nên chật hẹp và hư hỏng đổ nát. Tiền Công bộ Hữu thị lang Phạm Đôn Cẩn bàn với các viên chức trong làng hưng công trùng tu đền thờ Thành hoàng làng. Khởi công năm Đinh Dậu, hoàn thành năm Mậu Tuất. Có ghi các nguồn kinh phí cho công việc lấy từ tiền bán đất 300 quan đem cho vay lấy lãi và tiền và vật liệu do mọi người đóng góp. Bia kê danh sách họ tên 127 người tham gia đóng góp công của vào việc tu sửa đền.

Trùng tu thần từ bi/Cung hiến khán tác chí

重修神祠碑/恭獻看作誌

Kí hiệu: 1049/1050

Thác bản bia xã Đông Ngạc huyện Từ Liêm 慈廉縣東鄂社, sưu tầm tại đình xã Đông Ngạc tổng Xuân Tảo huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 83 x 115 cm, gồm 42 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1800 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 43 (1782).

Người soạn: Phan Trọng Phiên 潘仲藩, hiệu: Hoài Đức Phủ 懷德甫;

học vị: Tiến sĩ khoa Đinh Sửu; chức vị: Đặc tiến Kim tử Vinh lộc đại phu, Nhập thị kinh diên, Tham tụng, Hộ bộ Tả Thị lang; tước Tử Xuyên hầu.

Người viết chữ: Phan Trác Siêu 潘卓超; chức vị: Câu kê nội Thư tả, Bình biên; tước Siêu Trung bá.

Chủ đề: - Lịch sử di tích.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Đình Đông Ngạc thờ 3 vị Thượng đẳng tôn thần, đã qua nhiều lần tu bổ sửa chữa vào các năm Đinh Sửu niên hiệu Dương Hòa (1637) và năm Mậu Tuất niên hiệu Vĩnh Thịnh (1718). Đến năm Canh Tý (1780), bản thôn lại khởi công trùng tu; năm Tân Sửu (1781) thì hoàn thành, ngôi đình trở nên quy mô tráng lệ, đẹp đẽ hơn xưa. Có ghi tổng số tiền chi phí là hơn 3400 quan và ghi họ tên công đức của các phường giáp.

Đông Ngạc xã phúc lệ tự điền trùng tu bi kí

東鄂社福儷祀田重修碑記

Kí hiệu: 1051

Thác bản bia sưu tầm tại từ đường Đỗ Đại vương xã Đông Ngạc tổng Xuân Tảo huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 55 x 92 cm, gồm 20 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1000 chữ, có hoa văn, không có chữ huy.

Niên đại: không ghi.

Niên đại ước đoán: thời Nguyễn.

Người soạn: Phạm Gia Chuyên 范嘉璿; học vị: Tiến sĩ khoa Nhâm Thìn (1832); chức vị: Hàn lâm viện Thị giảng Học sĩ, Sứ quán Biên tu.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Đỗ tướng công [Đỗ Thế Giai] làm Quan Đại Tư đồ triều Lê, có công giúp vua trị nước, khi chết được phong Thượng đẳng phúc thần; dân

làng Đông Ngạc quê ông được làm dân tạo lệ phụng sự hương hỏa. Họ tộc đã đặt thêm một số ruộng để phối thờ Quận phu nhân họ Trịnh. Nay số ruộng đó phần bị lấy để đắp đê, phần khác không tiện cho việc canh tác, nên họ tộc và dân làng họp bàn đổi sang số ruộng tương đương ở nơi khác cho tiện canh tác thờ phụng.

Ghi chú: Thác bản có nhiều chỗ bị dập xóa trong đó có dòng niên đại.

Đông Ngạc xã lệ phúc bi

東鄂社儷福碑

Kí hiệu: 1052/1053

Thác bản bia sưu tầm tại đền Đại Vương xã Đông Ngạc tổng Xuân Tảo huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 78 x 118 cm, gồm 39 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1000 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 32 (1771).

Người soạn: Phan Trọng Phiên 潘仲藩; học vị: Tiến sĩ khoa Đinh Sửu (1757); chức vị: Thị nội Thư tả, Hộ phiên Đông các Đại học sĩ kiêm Quốc tử giám Tư nghiệp, Quốc sử quán Toàn tu; tước Tử Xuyên bá.

Người viết chữ: Phan Trác Siêu 潘卓超; chức vị: Câu kê Thị nội Thư tả, Bình phiên, Thừa chính sứ; tước Siêu Trung tử.

Người khắc: Nguyễn Công Thành 阮功成; quê quán: xã Long Châu huyện An Sơn phủ Quốc Oai.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Quận phu nhân Trịnh Thị Nghĩa là vợ của Đại vương Đại tư đồ Đại vương Đỗ Thế Giai ở bản thôn là người đức hạnh nhân từ. Bà đã cung hiến 300 quan sử tiền và 5 mẫu 8 sào ruộng cho dân bản thôn là dân tạo lệ dùng vào việc thờ cúng ở đền thờ Đại vương. Bà cũng được phụ hưởng trong đền thờ. Mặt sau có ghi tên các quan viên, hương lão, chức sắc trong làng và các xứ ruộng.

Đông Ngạc xã tự sự bi

東鄂社祀事碑

Kí hiệu: 1054/1055

Thác bản bia suu tâm tại đền thờ Đại vương xã Đông Ngạc tổng Xuân Tảo huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 84 x 127 cm, gồm 57 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1800 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Canh Hưng thứ 32 (1771).

Người soạn: Phan Trọng Phiên 潘仲藩; học vị: Tiến sĩ khoa Đinh Sửu (1757); chức vị: Thị nội Thư tả, Hộ phiên Đông các Đại học sĩ kiêm Quốc tử giám Tư nghiệp, Quốc sử quán Toàn tu; tước Tử Xuyên bá.

Người viết chữ: Phan Trác Siêu 潘卓超; chức vị: Câu kê Thị nội Thư tả, Bình phiên tước Siêu Trung tử.

Người khắc: Nguyễn Công Thành 阮功成; quê quán: xã Long Châu huyện An Sơn phủ Quốc Oai.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Sinh hoạt làng xã.
- Lịch sử di tích.

Tóm lược nội dung:

Làng Đông Ngạc là một trong 20 làng mà triều Lê đã tặng cho quan Đại tư đồ Luyện Trung công làm thái ấp đời đời hưởng lộc. Nay có sắc phong cho ngài được thờ làm Đại vương. Con cháu của Đại vương xin với triều đình cho dân tạo lệ bản ấp được miễn tạp dịch, giảm tô và đặt 36 mẫu ruộng tế điền. Nay dân làng lập bia kỷ niệm. Có ghi danh sách các quan viên, thôn trưởng làng Đông Ngạc và số ruộng huệ điền cùng thể lệ cúng tế hàng năm.

[Vô Đề]

Kí hiệu: 1056

Thác bản bia xã Đông Ngạc huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai 國威府慈廉縣東鄂社, suu tâm tại đền xã Đông Ngạc tổng Xuân Tảo huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 55 x 117 cm, gồm 20 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 1000 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Thịnh Đức thứ 5 (1657).

Người soạn: Nguyễn [Viết Cử] 阮曰舉; quê quán: xã Bình Ngô huyện Gia Định, Thuận Thành, Kinh Bắc; học vị: Tiến sĩ khoa Bính Tuất (1646); chức vị: Hiến sát sứ ty Hiến sát sứ các xứ Sơn Tây.

Người viết chữ: Nguyễn Hữu Đức 阮有德; học vị: Thụ toán khoa Mậu Dần; tước Xuân Trạch nam.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Ông Nguyễn Viết Ninh tự Trung Túc, Đặc tiến Kim tử Vinh lộc đại phu, tước Quế Phong tử và vợ là Trần Thị Ngọc Luận, năm Đinh Hợi cung tiến cho bản xã 20 quan tiền để tu sửa chùa và 1 mẫu 6 sào ruộng làm ruộng Nghĩa điền. Năm Giáp Ngọ, bản xã hưng công xây dựng tam quan, xây hành lang, đúc chuông chùa Tự Khánh. Công việc hoàn tất, các quan viên, hương trưởng và dân làng đồng lòng bầu ông bà làm Hậu phật.

Kí kị bi kí

寄忌碑記

Kí hiệu: 1057

Thác bản bia giáp Mộc Đông 木東甲, sưu tầm tại xã Mỹ Tri tổng Dịch Vọng huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 39 x 54 cm, gồm 10 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 150 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: không ghi.

Niên đại ước đoán: thời Nguyễn.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Giáp Mộc Đông bản thôn có công việc cần đến kinh phí nên đã thuận tình cho bà Vương Thị Hậu được gửi giỗ cho cha mẹ là quan Khâm sai Quyền Trấn quan trấn Cao Bằng là Bát Vũ hầu và bà Từ Thuận. Số ruộng là 1 mẫu 2 sào, bà Vương Thị Hậu giao cho bản giáp canh tác phụng sự đèn hương. Có ghi ngày giỗ và số ruộng gửi giỗ.

Nguyễn Thị bi kí

阮氏碑記

Kí hiệu: 1058

Thác bản bia sưu tầm tại am xã Mễ Trì tổng Dịch Vọng huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 44 x 66 cm, gồm 14 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 280 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Chính Hòa thứ 11.

Niên đại ước đoán: thời Nguyễn.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bản thôn hưng công tu bổ chùa, cần có thêm kinh phí, đã thuận tình cho vợ chồng ông Trùm trưởng họ Nguyễn cùng gia tiên gửi giỗ tại chùa. Số tiền gửi giỗ là 40 quan và số ruộng 6 sào, giao cho bản chùa canh tác để chi dùng việc đèn hương. Có ghi tên, ngày giỗ, ruộng giỗ và những quy định cúng tế.

Ghi chú: Thác bản bị bôi xóa và nguy tạo dòng niên đại.

[Vô đề]

Kí hiệu: 1059/1060

Thác bản bia sưu tầm tại chùa xã Mễ Trì tổng Dịch Vọng huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 65 x 110 cm và 69 x 103 cm, gồm 43 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 2700 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 1.

Niên đại ước đoán: thời Nguyễn.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Chùa bản xã trải năm tháng bị đổ nát. Hội từ thiện của bản thôn bản bạc góp của hưng công tu bổ chùa trở nên khang trang đẹp đẽ. Có ghi họ tên và đóng góp công đức của từng người.

Ghi chú: Dòng niên đại trên thác bản là ngụy tạo.

Thiên Trúc tự bi kí

天竺寺碑記

Kí hiệu: 1061

Thác bản bia thôn Mễ Trì Thượng 米池上村, sru tằm tại chùa Thiên Trúc xã Mễ Trì huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 69 x 130 cm, gồm 13 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 500 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Chính Hòa thứ 11.

Niên đại ước đoán: thời Nguyễn.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Lịch sử di tích.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Chùa Thiên Trúc nổi tiếng là một thắng cảnh linh thiêng. Tương truyền có nhà sư gọi là Lạp lạc thiện tu bổ chùa trở thành nơi danh lam cổ tích. Trải năm tháng chùa bị đổ nát, các sắc mục trong hội từ thiện bản thôn thỉnh xin sư chùa phổ khuyến thập phương công đức

hung công tu bỏ thượng điện, tiền đường, tượng Phật càng đẹp đẽ hơn xưa. Có ghi tên các vị thiện tín đóng góp công đức trong hai lần trùng tu.

Ghi chú: Dòng niên đại trên thạc bản là ngụy tạo.

Hậu thần bi kí

後神碑記

Kí hiệu: 1062/1063

Thạc bản bia xã Khang Cáo huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai xứ Sơn Tây 山西處國威府慈廉縣康部社, sưu tầm tại đình xã Khang Cáo tổng Cô Nhuế huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thạc bản 2 mặt, khổ 72 x 93 cm, gồm 45 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1600 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 24 (1763).

Người soạn: họ Nguyễn 阮, hiệu Trạc Hiên 湛軒; chức vị: Tự thừa.

Người nhuận sắc: Hà [Tông Huân] 何宗勳; học vị: Tiến sĩ khoa Giáp Thìn (1724); chức vị: Đặc tiến Kim tử Vinh lộc đại phu, Nhập thị Tham Tụng, Tri Quốc tử giám, Binh bộ Thượng thư, Thiếu bảo chỉ sĩ; tước Huy Quận công.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Hành trạng, công tích nhân vật.
- Sinh hoạt làng xã.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Quan Thị nội Thư tá Lại phiên Uẩn Trung hầu Dương Danh Tiệp là người đức độ, thường chu cấp tiền của cho người nghèo. Ông còn cung hiến cho làng 100 quan tiền và 4 mẫu ruộng. Dân làng đã họp bàn bầu cha mẹ và vợ chồng ông làm Hậu thần. Có bài minh ca ngợi công đức, ghi các xứ ruộng Hậu và thể lệ cúng tế. Cuối bia có phần trùng khắc năm Đinh Dậu về việc chuyển đổi một số thửa ruộng tế điền.

[Vô đề]

Kí hiệu: 1064

Thác bản bia xã Cáo Đình huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai 國威府慈廉縣郃鼎社, sưu tầm tại đình xã Khang Cáo tổng Cổ Nhuế huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 63 x 94 cm, gồm 19 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 600 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Đức Long.

Niên đại ước đoán: thời Nguyễn.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biếu dương việc thiện.
- Hành trạng, công tích nhân vật.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Ông Dương Đình Liêu, Hiệu sinh triều Lê thi đỗ nhưng không ra làm quan, ở nhà dạy học rồi ra làm Lý trưởng. Ông tính tình cương trực không sợ quan trên nên dân xã được cậy nhờ. Nay ông mất, 5 học trò của ông đứng ra làm giỗ cho ông. Gặp lúc bản xã tu sửa đình, 5 học trò đã góp 250 quan tiền và 1 mẫu ruộng gửi giỗ cho thầy. Bản xã cùng thuận tình bàu ông Dương Đình Liêu cùng vợ ông làm Hậu thần. Bà Nguyễn Thị Tấn là vợ ông Dương Đình Liêu cũng cung hiến 1 mẫu ruộng cho bản xã canh tác để chi dùng vào việc thờ cúng Hậu thần.

Ghi chú: Dòng niên đại trên thác bản là ngụy tạo.

Hậu thần bi kí

後神碑記

Kí hiệu: 1065

Thác bản bia xã Cáo Đình tổng Cổ Nhuế huyện Từ Liêm 慈廉縣古芮總部鼎社, sưu tầm tại đình xã Khang Cáo tổng Cổ Nhuế huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 65 x 100 cm, gồm 11 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 400 chữ, có hoa văn, không có chữ huy.

Niên đại: không ghi.

Niên đại ước đoán: thời Nguyễn.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bản xã hưng công tu sửa đình đền, bà Dương Thị Vĩnh đã đóng góp 60 đồng bạc cho xã chi dùng và dâng lễ vật làm lễ thượng lương. Bản xã cùng thuận tình bầu bà làm Hậu kị. Bà Vĩnh lại cung hiến 4 sào 5 thước ruộng để chi dùng vào việc đền hương và bà hẹn đến khi chết sẽ lại cúng 1 mẫu ruộng cho 4 giáp canh tác để gửi giỗ. Có ghi thể lệ cúng tế và vị trí các thửa ruộng hương đăng điền và kị điền.

Ghi chú: Thác bản có dấu vết bôi xóa.

Xương trù bí kí

唱籌碑記

Kí hiệu: 1066/1068

Thác bản bia thôn Tiên Thượng và thôn Trung Nha xã Nghĩa Đô huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai 國威府慈廉縣義都社先上村中衙村, sưu tầm tại đình xã Nghĩa Đô tổng Dịch Vọng huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 48 x 90 cm và 46 x 88 cm, gồm 18 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 600 chữ, có hoa văn, không có chữ huy.

Niên đại: Vĩnh Khánh thứ 1 (1729).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Tỷ giáo phường giáp Đông Hạ xã Hồng Đô nguyên hưởng đặc quyền do cha ông để lại, được quyền ca xướng, diễn trò, thu tiền thưởng tại đình Thượng, xã Nghĩa Đô trong các dịp hội hè. Năm Giáp Ngọ

do thiếu tiền để nộp quan dịch nên bản giáo phường đã bán đứt quyền hát cửa đình Thượng cho hai thôn Tiên Thượng và Trung Nha theo thời giá là 42 quan tiền, từ nay hai thôn này được tùy ý thuê phường trò nơi khác đến ca xướng. Bên mua và bên bán lập khế ước giao nhận kèm theo những điều lệ quy định cụ thể.

Hậu thần bi kí

後神碑記

Kí hiệu: 1067

Thác bản bia thôn Tiên Thượng và thôn Trung Nha xã Nghĩa Đô huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai xứ Sơn Tây 山西處國威府慈廉縣義都社中衙村先上村, sưu tầm tại đình xã Nghĩa Đô tổng Dịch Vọng huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 50 x 87 cm, gồm 18 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 750 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: không ghi.

Niên đại ước đoán: Gia Long thứ 13 (1814).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Năm Giáp Tuất, hai thôn Thiên Thượng và Trung Nha hưng công trùng tu đình vũ, nhưng còn thiếu tiền. Ông họ Bùi tước Bá Nghi tử, nguyên là quan Thiếu Khanh triều Lê, người giáp Nam phường Đồng Xuân huyện Thọ Xương đã đóng góp 400 quan thanh tiền vào việc xây dựng, lại cung hiến 2 mẫu ruộng trị giá 200 quan tiền để gửi giỗ cho 2 người vợ họ Lê và họ Tống. Có quy định nghi tiết cúng lễ Hậu phạt và các xứ ruộng hậu.

Ghi chú: Dòng niên đại trên thác bản bị tẩy xóa.

Xương trù bi kí

唱籌碑記

Kí hiệu: 1069/1070

Thác bản bia xã Nghĩa Đô huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai 國威府慈廉縣義都社, sưu tầm tại đình xã Nghĩa Đô tổng Dịch Vọng huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 48 x 88 cm, gồm 19 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 650 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Vĩnh Hựu thứ 1 (1735).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Giáo phường giáp Đông Hạ xã Hồng Đô thuộc huyện Từ Liêm nguyên hưởng đặc quyền của cha ông để lại, được độc quyền ca xướng, diễn trò, thu tiền thưởng ở đình Hạ trong các dịp lễ hội. Năm Bính Thìn, Trùm trưởng bản phường do việc kiện tụng bị thiếu tiền nên đã bán đứt quyền hát cửa đình đình Hạ cho hai thôn Vạn Long và An Phú theo thời giá là 43 quan cổ tiền, từ nay hai thôn này được tùy tiện thuê phường trò ca xướng. Hai bên mua bán lập khế ước giao nhận kèm theo những quy định cụ thể.

Bảo Hậu thần bi kí

保後神碑記

Kí hiệu: 1071

Thác bản bia thôn Tiên Thượng xã Nghĩa Đô huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai 國威府慈廉縣義都社先上村, sưu tầm tại đình xã Nghĩa Đô tổng Dịch Vọng huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 61 x 78 cm, gồm 25 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 890 chữ, không có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 22 (1761).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Nhân bản thôn làm kiệu rồng, bà Nguyễn Thị Phác là vợ của quan Đồng Tri phủ phủ Trường Khánh đã cung hiến 124 quan tiền cổ, lại cúng 1 sào đất ở đầu làng để dựng bia; sau bà lại cúng 6 sào ruộng làm ruộng hậu. Bản thôn cùng thuận tình bầu bà làm Hậu thân. Có ghi thể lệ cúng tế hàng năm.

Quang Ân tự bi/Tam bảo điền kí

光恩寺碑/三寶田記

Kí hiệu: 1072/1073

Thác bản bia xã Nghĩa Đô huyện Từ Liêm 慈廉縣義都社, sưu tầm tại chùa xã Nghĩa Đô tổng Dịch Vọng huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 68 x 110 cm, gồm 38 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 1000 chữ, có hoa văn, không có chữ huy.

Niên đại: Cảnh Trị thứ 2 (1664).

Người soạn: đạo hiệu: Thích Liễu Nhất 釋了一; quê quán: nước Đại Minh (Trung Quốc); nhà sư.

Chủ đề: - Công văn triều đình (sắc, lệnh, chỉ dụ).
- Hành trạng, công tích nhân vật.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Ngợi ca đạo Phật, đồng thời ghi việc bà Hoàng hậu Phạm Thị Khoa hiệu Diệu Đăng ở phủ chúa tấu xin Thánh thượng ban cho chùa Quang Ân 5 mẫu 2 sào ruộng làm ruộng Tam bảo và giao cho sư chùa là Huyền Tĩnh canh tác phụng sự đèn hương. Có bài kệ ca ngợi vua và Hoàng hậu. Mặt sau sao lại nguyên văn tờ sắc ban ruộng và danh sách một số cung tần phủ chúa đã đóng góp công đức.

[Vô đề]

Kí hiệu: 1074

Thác bản bia phường Bái Ân huyện Quảng Đức phủ Phụng Thiên 奉天府廣德縣拜恩坊, sưu tầm tại chùa Dụ Ân xã Bái Ân tổng Xuân Tảo huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 43 x 62 cm, gồm 14 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 500 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: không ghi.

Niên đại ước đoán: Gia Long thứ 13 (1814).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Năm Giáp Tuất, bản phường trùng tu đình, kinh phí còn thiếu. Ông họ Bùi, tước Bá Nghi tử, nguyên là quan Thiếu khanh triều Lê, người giáp Nam phường Đồng Xuân huyện Thọ Xương đã đóng góp 200 quan tiền cổ vào việc xây dựng, lại cung hiến 1 mẫu ruộng giá 100 quan để gửi giỗ cho con trai và con gái đã chết. Bản phường cùng thuận tình bầu ông và hai con ông làm Hậu thân. Có bài minh ca ngợi công đức, có ghi vị trí các thửa ruộng cúng và thể lệ cúng hàng năm.

Ghi chú: Thác bản này theo ghi chú người sưu tầm nguyên ghép cùng 1 bia với thác bản số 1075, nhưng xét nội dung và niên đại độc lập với nhau nên tách ra.

Dụ Ân tự bi kí

裕恩寺碑記

Kí hiệu: 1075

Thác bản bia phường Bái Ân huyện Quảng Đức phủ Phụng Thiên 奉天府廣德縣拜恩坊, sưu tầm tại chùa xã Bái Ân tổng Xuân Tảo huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 42 x 62 cm, gồm 14 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 250 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Bảo Thái thứ 10 (1729).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Kê tên các hội chủ ở phường Bái Ân đã góp công của tu sửa chùa Dụ Ân. Có bài minh ca ngợi.

Ghi chú: Thác bản này theo ghi chú người sưu tầm nguyên ghép cùng 1 bìa với thác bản số 1074, nhưng xét nội dung và niên đại độc lập với nhau nên tách ra.

Kí kị bí kị

寄忌碑記

Kí hiệu: 1076

Thác bản bia phường Bái Ân tổng Trung huyện Vĩnh Thuận 永順縣中總拜恩坊, sưu tầm tại chùa xã Bái Ân tổng Xuân Tảo huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 42 x 62 cm, gồm 21 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 500 chữ, có hoa văn, có chữ hủy: Thìn 辰.

Niên đại: không ghi.

Niên đại ước đoán: thời Nguyễn.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Phường Bái Ân hưng công tu tạo ngôi chùa của phường đã bị hư hỏng, nhưng chi phí quá lớn. Bà Nguyễn Thị Chuyết và con dâu là Nguyễn Thị Cảnh đã cung hiến 200 quan thanh tiền và 8 sào ruộng. Bản phường thuận tình cho hai vợ chồng bà Chuyết và hai vợ chồng

bà Cảnh được gửi giỗ tại chùa. Có ghi họ tên, ngày giỗ, các xứ ruộng và thế lệ cúng tế hàng năm.

Ghi chú: Địa danh và dòng niên đại trên thác bản bị xóa. Chữ húy đời Tự Đức cho thấy bia có niên đại sau năm 1848.

[Vô đề]

Kí hiệu: 1077

Thác bản bia phường Bái Ân tổng Trung huyện Vĩnh Thuận 永順縣中總拜恩坊, sưu tầm tại am xã Bái Ân tổng Xuân Tảo huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 32 x 47 cm, gồm 10 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 200 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: không ghi.

Niên đại ước đoán: thời Nguyễn.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Bản phường hưng công tu tạo nội tự, tô tượng, làm gác chuông chùa Dụ Ân, chi phí tốn kém. Ông Ngô Nguyễn Thịnh cùng vợ họ Cao ở phường Yên Thái đã cung hiến 30 quan tiền và 1 sào ruộng giá 20 quan tiền. Dân bản phường cùng thuận tình bầu hai ông bà làm Thị Phật hương cúng tế hàng năm.

Ghi chú: Đoạn ghi địa danh và dòng niên đại trên thác bản bị bôi xóa.

Hậu thân bi kí

後神碑記

Kí hiệu: 1078

Thác bản bia phường Bái Ân huyện Quảng Đức phủ Phụng Thiên 奉天府廣德縣拜恩坊, sưu tầm tại đình xã Bái Ân tổng Xuân Tảo huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 44 x 64 cm, gồm 12 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 250 chữ, có hoa văn, có chữ huy: Cửu 𠂔.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 19 (1758).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà Phan Thị Đề người bản phường, năm Quý Hợi (1743) cúng cho bản phường 100 quan cổ tiền để tu sửa đình Hạ. Bản phường cùng thuận tình bầu hai vợ chồng bà làm Hậu thần. Năm Nhâm Thân (1752) bà Đề lại cúng 100 quan cổ tiền cho bản phường để mua sắm quạt gấm, tràng hạt, bát tầu hoa; đến năm Mậu Dần (1758) bà lại cúng 3 tấm vóc giá 200 quan; con gái bà Đề cũng cúng 1 chiếc giá chiêng và một chiếc giá trống. Hai mẹ con bà được dân lập bia ghi nhớ công đức, hưởng cúng tế hàng năm.

Mình tự bi kí

銘祀碑記

Kí hiệu: 1079/1080

Thác bản bia thôn Hoa Viên xã Minh Cáo huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai 國威府慈廉縣明果社花圃村, sưu tầm tại quán xã Xuân Tảo tổng Xuân Tảo huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 10 x 132 cm, gồm 26 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 700 chữ, có hoa văn, không có chữ huy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 6 (1745).

Người soạn: họ Đỗ 杜, tên hiệu: Mai Hiên 梅軒; chức vị: Cẩn sự Tá lang, Tri huyện huyện Tam Nông.

Người nhuận sắc: họ Nguyễn 阮, tên hiệu: Trúc Hiên 竹軒; chức vị: Tham chính xứ Tuyên Quang.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Bà Nguyễn Thị Khùng ở bản thôn là vợ của tiền Thập Lý hầu họ Quán, đã 50 tuổi mà chưa có con trai, nghĩ đến bản thân lúc trăm tuổi, và lại bản thôn là quê hương của cha mẹ, nên bà đã lập chúc thư trao hơn 8 mẫu ruộng, vườn, ao và 60 quan tiền cho bản thôn. Dân làng thuận tình cho cha mẹ bà, cha mẹ chồng bà, hai vợ chồng và con gái bà được hưởng cúng tế hàng năm. Có ghi quy định cúng giỗ và các xứ ruộng cúng.

Hậu sự điền bì kí

後事田碑記

Kí hiệu: 1081

Thác bản bia xã Minh Cáo huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai 國威府慈廉縣明杲社, sưu tầm tại từ đường họ Trần xã Xuân Tảo tổng Xuân Tảo huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 40 x 61 cm, gồm 17 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 370 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Chính Hòa thứ 22 (1701).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Cha của bà Trần Thị Ngôn vợ của viên Thập Lý hầu trước đây đã cúng cho thôn Thượng Thọ một số ruộng, đất và ao để thôn thờ phụng và cúng giỗ. Nay bà Ngôn xin đem số ruộng đất đó cộng với số ruộng mới tậu tổng cộng 25 sào cùng với 1 căn nhà ngói cúng cho thôn Thượng Thọ và khắc ghi lên bia đá để lưu truyền lâu dài.

Tân mãi điền bì kí

新買田碑記

Kí hiệu: 1082

Thác bản bia xã Minh Cáo huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai 國威府慈廉縣明杲社, sưu tầm tại nhà thờ họ Trần xã Xuân Tảo tổng Xuân Tảo

huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 55 x 71 cm, gồm 13 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 260 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Vĩnh Trị thứ 1 (1676).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Năm Bính Thìn (1676) Đạo lục ty Đạo sĩ Trần Thế Tuấn, vợ là Đỗ Thị Chiêm và con trai là Trần Thế Khôi đã mua 45 thửa ruộng ao đất cộng lại là 5 mẫu, 5 sào 4 thước hiến cho thôn Thượng Thọ cày cấy canh tác để chi dùng vào việc đèn hương và cúng giỗ cho 3 người.

Hậu thần bi kí/Hậu thánh bi kí

后神碑記/后聖碑記

Kí hiệu: 1083/1084

Thác bản bia xã Minh Cảo huyện Từ Liêm 慈廉縣明杲社, sưu tầm tại gác chuông xã Xuân Tảo tổng Xuân Tảo huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 80 x 105 cm, gồm 19 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1800 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 8 (1747).

Người soạn: Trần Tiến 陳璉, hiệu: Khiêm Trai 謙齋; học vị: Tiến sĩ khoa Mậu Thìn (1748); chức vị: Cần sự tá lang, Hàn lâm viện Hiệu thảo, Phủ doãn phủ Phụng Thiên; tước nam.

Người nhuận sắc: Trần Cảnh 陳璟, hiệu: Oanh Phủ; quê quán: xã Điền Trì huyện Chí Linh phủ Nam Sách, Hải Dương; học vị: Tiến sĩ khoa Mậu Tuất (1718); chức vị: Đặc tiến Kim tử Vinh lộc đại phu, Tham tụng, Binh bộ Thượng thư; tước Diêu Quận công.

Người viết chữ: Đặng Xuân Đám 鄧春胆; chức vị: Thị nội Thư tả, Hộ phiên, Đồng Tri phủ.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Hành trạng, công tích nhân vật.

- Sinh hoạt làng xã.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Đặc tiến Phụ quốc Thượng tướng quân, Nhị Quận công Phạm Cự người xã Lại Yên huyện Đan Phượng là người có nhiều công lao với triều đình, hơn 40 năm phục vụ trong cung, làm quan 14 năm, trên thì tuân thủ phép vua, dưới thì không nhúng nhiễu dân. Dân toàn xã cảm ơn công đức ông, suy tôn ông làm Hậu thần, sau lại phối thờ ông làm Hậu thánh. Ông đã hiến cho xã 24 hốt bạc chia đều cho 10 giáp và 20 mẫu ruộng làm ruộng tế điền. Có bài minh ca ngợi công đức và quy định cúng tế.

Quỳnh cư vĩnh hảo/Cam đường di trạch/Tình văn kiêm trú/ Biên đậu tĩnh gia

瓊居永好/甘棠遺澤/情文兼著/籩豆靜嘉

Kí hiệu: 1085/1086/1087/1088

Thác bản bia xã Minh Cảo huyện Từ Liêm 慈廉縣明杲社, sưu tầm tại vũ điện xã Xuân Tảo tổng Xuân Tảo huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 4 mặt, khổ 61 x 100 cm và 56 x 100 cm, gồm 71 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 1500 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Chính Hòa thứ 7 (1686).

Người soạn: Lê [Hi] 黎僖; quê quán: xã Thạch Khê huyện Đông Sơn phủ Thiệu Thiên Thanh Hoa; học vị: Tiến sĩ; chức vị: Bồi tụng, Lại bộ Hữu Thị lang; tước Lai Sơn nam.

Người viết chữ: Trương Đàm 張鎰; chức vị: Thị nội Thư tả, Bình bộ phiên; tước Tào Thọ nam.

Người khắc: Nguyễn Duy Nho 阮維儒; quê quán: xã An Hoạch huyện Đông Sơn; tước Hiệp Sơn bá.

Chủ đề: - Bồi Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Hành trạng, công tích nhân vật.

- Sinh hoạt làng xã.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Bà Đệ nhất cung tần Vũ Thị Ngọc Xuyên người xã Minh Cảo huyện Từ Liêm, vào hầu phủ chúa từ năm 14 tuổi. Sau khi sinh Quận chúa Trịnh Thị Ngọc Giang, bà được tiến phong Chiêu Nghi, thọ 80 tuổi. Bà cùng Quận chúa đã mua ruộng cho dân cấy cấy, xuất tiền để sửa chữa đền chùa. Năm Mậu Ngọ, bà Chiêu Nghi đã hiến cho bản xã 300 lạng bạc mua 10 mẫu 2 sào 8 thước ruộng (có ghi vị trí các xứ ruộng). Năm Bính Dần, quận chúa mua 6 mẫu 2 sào ruộng ao (có ghi vị trí các xứ ruộng ao). Dân 8 giáp trong bản xã suy tôn hai vị như thần thánh, lập bia lưu truyền vạn đại. Có ghi văn tế, các nghi tiết cúng tế mùng 7 tháng giêng và tế xuân.

[Vô đề]

Kí hiệu: 1089

Thác bản bia sưu tầm tại chùa xã Xuân Tảo tổng Xuân Tảo huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 28 x 45 cm, gồm 9 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 200 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: không ghi.

Niên đại ước đoán: thời Nguyễn.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Bản xóm hưng công xây dựng gác chuông, nhà tam quan, sửa sang nội tự, cần nhiều kinh phí. Con gái và con rể cùng cháu ngoại của ông Nguyễn Phú Hiệu và Nguyễn Phúc Chương tình nguyện cung tiến 40 nguyên ngân tiền, 3 sào mười thước ruộng để gửi giỗ cho cha. Có ghi thể lệ cúng giỗ hàng năm.

[Vô đề]

Kí hiệu: 1090

Thác bản bia sưu tầm tại chùa xã Xuân Tảo tổng Xuân Tảo huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 33 x 41 cm, gồm 9 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 150 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: không ghi.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biếu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bản xóm thỉnh sư sửa sang lại chùa Phật. Các bà Nguyễn Thị Ngân, Nguyễn Thị Kim, Nguyễn Thị Ni cùng với chồng tình nguyện cung tiến ruộng, tiền để trợ giúp chi phí và gửi giỗ cho bản thân. Tổng số ruộng cung tiến là 36 thước 5 tấc. Có ghi vị trí các thửa ruộng và thể lệ cúng giỗ.

Hậu phật bi kí

後佛碑記

Kí hiệu: 1091

Thác bản bia sưu tầm tại xã Xuân Tảo tổng Xuân Tảo huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 33 x 49 cm, gồm 10 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 250 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: không ghi.

Niên đại ước đoán: thời Nguyễn.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biếu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Mặt trước: Bản xóm hưng công xây dựng gác chuông, nhà tam quan

và sửa sang nội tự, chi phí tốn kém. Con gái ông Nguyễn Viết Tâm cùng chồng tình nguyện cung tiến 20 nguyên tiền và 1 sào 9 thước ruộng chi dùng vào việc công để gửi giỗ cho cha mẹ. Có ghi vị trí các thửa ruộng và thể lệ cúng giỗ.

Ghi chú: Theo ghi chú của người sưu tầm, thác bản nguyên ghép với thác bản số 1092, xét nội dung độc lập với nhau nên tách ra. Thác bản có thể đã bị bôi xóa, cắt bỏ đoạn ghi địa danh và dòng niên đại.

Phụ tự bi kí

附寺碑記

Kí hiệu: 1092

Thác bản bia xã Minh Tảo tổng Minh Tảo huyện Từ Liêm 慈廉縣明早總明早社, sưu tầm tại xã Xuân Tảo tổng Xuân Tảo huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 33 x 49 cm, gồm 11 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 200 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: không ghi.

Niên đại ước đoán: thời Nguyễn.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biêu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Bản xã hưng công sửa chữa chùa Minh Phúc. Các tín nữ đã đóng góp công đức là 46 quan tiền và 3 sào 10 thước ruộng để gửi giỗ cho bản thân. Có ghi họ tên từng người.

Ghi chú: Theo ghi chú của người sưu tầm, thác bản nguyên ghép với thác bản số 1091, xét nội dung độc lập với nhau nên tách ra. Thác bản có thể đã bị bôi xóa, cắt bỏ đoạn ghi niên đại.

[Vô đề]

Kí hiệu: 1093

Thác bản bia sưu tầm tại xã Xuân Tảo tổng Xuân Tảo huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản mặt, khổ 33 x 47cm, gồm 10 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 200 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: không ghi.

Niên đại ước đoán: thời Nguyễn.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Bán xã hưng công xây dựng gác chuông, nhà tam quan, sửa sang nội tự, chi phí tốn kém. Con gái ông Nguyễn Văn Bằng cùng chồng tình nguyện cung tiến 1 sào 7 thước ruộng để gửi giỗ cho cha mẹ. Có ghi ngày giỗ và các xứ ruộng cúng.

Ghi chú: Theo ghi chú của người sưu tầm, thác bản nguyên ghép với thác bản số 1094, xét nội dung độc lập với nhau nên tách ra. Thác bản có dấu vết bôi xóa niên đại và đơn vị tiền tệ.

[Vô đề]

Kí hiệu: 1094

Thác bản bia xã Minh Tảo huyện Từ Liêm 慈廉縣明早社, sưu tầm tại xã Xuân Tảo tổng Xuân Tảo huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 33 x 47 cm, gồm 9 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 100 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: không ghi.

Niên đại ước đoán: thời Nguyễn.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà Nguyễn Thị Hiếu và Lê Thị Lương đã cung tiến cho bản xã 20 quan tiền dùng vào việc công và 2 sào ruộng giao cho nhà chùa canh tác để gửi giỗ. Có ghi vị trí các thửa ruộng cúng.

Ghi chú: Theo ghi chú của người sưu tầm, thác bản nguyên ghép với thác bản số 1093, xét nội dung độc lập với nhau nên tách ra.

Hậu thần bi kí

后神碑記

Kí hiệu: 1095/1096

Thác bản bia thôn Quan Nhân xã Nhân Mục Môn huyện Thanh Trì phủ Thường Tín 常信府青池縣仁睦門社官人村, sưu tầm tại đình xã Quan Nhân tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 42 x 67 cm, gồm 22 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 500 chữ, có hoa văn, không có chữ huy.

Niên đại: năm Mậu Thân.

Niên đại ước đoán: Chiêu Thống thứ 2 (1788).

Người soạn: Lưu Nguyễn Nho 劉阮儒; học vị: Nho sinh; chức vị: Trùm trường.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Nhân lúc bản thôn cần kinh phí dùng vào việc công, bà Nguyễn Thị Đương là em Nguyễn Bỉnh Di và là vợ của Thiêm sự quan Nguyễn Đình Sự đã đóng góp 30 quan cổ tiền và một mẫu ruộng. Dân làng cùng thuận tình bầu bà làm Hậu thần hưởng cúng tế hàng năm. Có ghi các xứ ruộng và quy định cúng tế.

Ghi chú: Theo ghi chú của người sưu tầm, thác bản nguyên ghép với thác bản số 1097, 1098.

Hậu thần bi kí

后神碑記

Kí hiệu: 1097/1098

Thác bản bia thôn Quan Nhân xã Nhân Mục Môn huyện Thanh Trì phủ Thường Tín 常信府青池縣仁睦門社官人村, sưu tầm tại đình xã Quan Nhân tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 42 x 67 cm, gồm 12 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 200 chữ, có hoa văn, có chữ húy: Tân 巖.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 27, năm Ất Mão.

Niên đại ước đoán: niên hiệu Cảnh Hưng thời Lê.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Hành trạng, công tích nhân vật.

Tóm lược nội dung:

Bia ca tụng dòng dõi công nghiệp của Thị nội Thư tả, Bình phiên, Thừa chính sứ Huynh Thọ bá Nguyễn Quý công.

Ghi chú: Mặt thác bản 1098 là giả mạo, vì hoa văn trên bia lấy của trán bia mặt 1097, diềm tự vẽ, niên đại Cảnh Hưng 27 là ngụy tạo vì mâu thuẫn với năm can chi Ất Mão. Nội dung trên mặt 01097 còn dở dang vì thiếu mặt nối tiếp.

Hậu thần bi kí

后神碑記

Kí hiệu: 1099/1115

Thác bản bia thôn Quan Nhân xã Nhân Mục Môn huyện Thanh Trì phủ Thường Tín 常信府青池縣仁睦門社官人村, sưu tầm tại đình xã Quan Nhân tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 60 x 96 cm, gồm 26 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 700 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 24 (1763).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Ông Trần Đào Thụy trước ở ấp Nghi Tàm, Quảng Đức. Sau vì yêu thích phong cảnh đất Quan Nhân nên đã xin đến nhập tịch. Nhân dịp bản thôn tu sửa miếu, ông đã bỏ ra 100 quan tiền để trợ giúp chi phí và cung hiến 4 mẫu 4 sào ruộng ruộng đất. Toàn thôn họp bàn, cùng thuận tình tôn bầu thân phụ ông cùng 2 bà mẹ của ông là Hậu thần. Có ghi thể lệ cúng tế Hậu thần vào ngày mùng 2 đầu xuân, các dịp ca xướng nhập tịch và ngày giỗ. Mặt sau ghi vị trí các thửa ruộng cúng.

**Quan Nhân thôn trí bảo Hậu thần bi kí/Phụng sự Hậu thần
tự Chân Trai tả vị**

官人村置保后神碑記/奉事後神字真齋左位

Kí hiệu: 1100/1101

Thác bản bia thôn Quan Nhân xã Nhân Mục Môn huyện Thanh Trì phủ Thường Tín 常信府青池縣仁睦門社官人村, sưu tầm tại đình xã Quan Nhân tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 56 x 100 cm, gồm 30 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 700 chữ, có hoa văn, có chữ húy: Đề 題.

Niên đại: Chính Hòa thứ 22 (1701).

Người soạn: [Trần Thế Vinh 陳世榮]; quê quán: xã Tiên Phong phủ Tam Đái; học vị: Tiến sĩ khoa Canh Tuất; chức vị: Quang tiến Thận lộc đại phu, Bồi tụng Kinh diên; tước Phong Lĩnh nam.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Ông Đội trưởng Lê Đăng Vinh, tước Bái Chân bá là người thôn Mật xã Mật Quang huyện Nông Cống phủ Tĩnh Gia thừa tuyên Thanh Hoa; vợ là Dương Thị Tường người thôn Cự Lộc ở bản xã. Gặp lúc bản thôn mất mùa, đời sống khó khăn, ông đã xuất tiền để cứu giúp bản thôn nên dân làng cùng thuận tình bầu ông bà làm Hậu thần.

Ông lại cung hiến cho bản thôn 150 quan tiền cổ và 3 mẫu 1 sào ruộng để làm tiền hương hỏa. Bản thôn lập thể lệ cúng tế Hậu thần trong các dịp lễ tiết hàng năm. Có ghi vị trí các thửa ruộng cúng và có bài minh ca ngợi.

Ghi chú: Chữ ở thác bản mặt sau bia bị mất nhiều đoạn.

Hậu thần bi kí/Hậu thần điền kí

后神碑記/后神田記

Kí hiệu: 1102/1103

Thác bản bia thôn Quan Nhân xã Nhân Mục Môn huyện Thanh Trì phủ Thường Tín 常信府青池縣仁睦門社官人村, sưu tầm tại đình xã Quan Nhân tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 60 x 75 cm, gồm 37 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 600 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 20 (1759).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Quan Thị nội Thư tá, Bình phiên Thiếu khanh Nguyễn Đình Diêu và vợ là Đỗ Thị Sùng ở thôn Hoa Kinh có nhiều công đức với bản thôn nên được dân làng suy tôn ông bà cùng cha mẹ hai bên làm Hậu thần. Nhân bản thôn hưng công trùng tu đình miếu đã hăng sản hăng tâm cung hiến 30 quan tiền cổ vào việc công và 16 sào ruộng cho bản thôn luân lưu canh tác để cúng tế xuân thu nhị kỳ hàng năm. Có bài tán ca ngợi, nghi thức cúng tế và vị trí các thửa ruộng cúng.

Trí bảo Hậu thần bi kí/Hậu phật bi kí

置保後神碑記/後佛碑記

Kí hiệu: 1104/1105

Thác bản bia thôn Quan Nhân xã Nhân Mục Môn huyện Thanh Trì phủ Thường Tín 常信府青池縣仁睦門社官人村, sưu tầm tại đình

xã Quan Nhân tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 58 x 95 cm và 53 x 95 cm, gồm 21 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 600 chữ, có hoa văn, có chữ húy: Cửu 綏, Đề 題.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 19 (1758).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Đề lại Nguyễn Hữu Kính người bản thôn đỗ khoa Thụ toán năm Ất Tị, là vị quan thanh liêm nhân đức, vợ là Ngô Thị Huyền đã cung hiến cho bản xã 80 quan tiền cổ để mua gỗ xây dựng miếu đình; lại cúng 1 mẫu 5 sào ruộng để gửi giỗ cho bản thân. Dân làng cùng thuận tình bầu ông bà làm Hậu thần và lập điều ước cúng tế Hậu thần hàng năm.

Hậu thần bi kí

后神碑記

Kí hiệu: 1106

Thác bản bia thôn Quan Nhân xã Nhân Mục Môn tổng Khương Đình phủ Thường Tín 常信府青池縣仁睦門社官人村, sưu tầm tại đình xã Quan Nhân tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 50 x 90 cm, gồm 13 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 300 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Vĩnh Trị thứ 18.

Niên đại ước đoán: Thành Thái thứ 18 (1906).

Người soạn: Nguyễn Duy Tháo 阮惟操; chức vị: Thụ lại.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Ông Nguyễn Hữu Văn nguyên là Chánh cửu phẩm, Phiên ty tỉnh Sơn Tây, 60 tuổi mà không có con nên đã nhờ con của anh trai là Nguyễn Đình Tầm gửi giỗ cho bản thân tại chùa. Nay vợ lẽ là Đặng

Thị Huệ cùng các con gái cúng cho bản thôn 30 quan tiền và 3 sào ruộng để xin cho ông làm Hậu thần. Bản xã thuận tình và quy định việc cúng tế Hậu thần hàng năm.

Ghi chú: Hai chữ “Vĩnh Trị” ở dòng niên đại là ngụy tạo.

Hậu thần bí kí

后神碑記

Kí hiệu: 1107/1108

Thác bản bia thôn Quan Nhân xã Nhân Mục Môn huyện Thanh Trì 青池縣仁睦門社官人村, sưu tầm tại đình xã Quan Nhân tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 50 x 90 cm, gồm 25 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 700 chữ, có hoa văn, không có chữ huy.

Niên đại: Vĩnh Hựu thứ 5 (1739).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gùi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà Nguyễn Thị Triền là người đức hạnh, luôn dốc lòng làm việc thiện. Bà đã cúng cho xã 50 quan tiền cổ và 1 mẫu 5 sào ruộng, nên dân toàn xã cùng thuận tình bầu bà làm Hậu thần, hương cúng tế các dịp sinh nhật, ngày mất, ngày giỗ hàng năm.

Quan Nhân thôn trí bảo Hậu thần bí kí

官人村置保后神碑記

Kí hiệu: 1109/1110

Thác bản bia thôn Quan Nhân xã Nhân Mục Môn huyện Thanh Trì 青池縣仁睦門社官人村, sưu tầm tại đình xã Quan Nhân tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 52 x 78 cm, gồm 33 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 600 chữ, có hoa văn, có chữ huy: Đề 魁.

Niên đại: Vĩnh Thịnh thứ 2 (1706).

Người soạn: họ Nguyễn 阮; chức vị: Phó Thủ hợp, nội Thư tả, Hộ phiên, Tiến công Thứ lang.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà Nguyễn Thị Thôn đã cúng tiến cho bản thôn chi dùng vào việc công. Dân làng bầu bà làm Hậu thần phối thờ bên phải của Đại vương hương phụng sự hàng năm. Bà Thôn bèn cúng cho bản thôn 50 quan tiền và 5 sào ruộng để dùng vào việc tế tự. Dân làng dựng bia ghi nhớ công đức và quy định việc cúng tế Hậu thần, vị trí các xứ ruộng cúng.

Ghi chú: Thác bản bị tẩy xóa một số chỗ.

Hậu phật bi kí

后佛碑記

Kí hiệu: 1111/1112

Thác bản bia thôn Quan Nhân xã Nhân Mục Môn huyện Thanh Trì phủ Thường Tín 常信府青池縣仁睦門社官人村, sưu tầm tại đình xã Quan Nhân tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 60 x 92 cm và 47 x 86 cm, gồm 17 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 400 chữ, có hoa văn, có chữ huy: Tùng 森, Đề 題.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 12 (1751).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà Nguyễn Thị Quý người thôn Thiên Lộc xã Đường Hào huyện Đường Hào phủ Thượng Hồng, đã cúng cho bản thôn 40 quan tiền cổ để tu sửa chùa. Bà lại cúng 1 mẫu ruộng dùng vào việc đèn hương. Dân làng thuận tình bầu bà làm Hậu phật hương cúng tế hàng năm. Có ghi quy định việc cúng tế Hậu phật khi mất, ngày giỗ.

**Bản thôn trí bảo Hậu thần bi kí/Phụng sự Hậu thần tự Huân
Quang hữu vị**

本村置保後神碑記/奉事後神字薰光右位

Kí hiệu: 1113/1114

Thác bản bia thôn Quan Nhân xã Nhân Mục Môn huyện Thanh Trì phủ Thường Tín 常信府青池縣仁睦門社官人村, sưu tầm tại đình xã Quan Nhân tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 77 x 95 cm và 57 x 95 cm, gồm 31 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 900 chữ, có hoa văn, có chữ húy: Đề 魁.

Niên đại: Chính Hòa thứ 22 (1701).

Người soạn: học vị: Tiến sĩ khoa Ất Sửu; chức vị: Đô cấp sự trung, Binh phiên.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Ông Nguyễn Thám thi đỗ Thụ toán khoa Ất Mão, được bổ làm Đề lại ở huyện Hạ Hoa, là vị quan thanh liêm đức độ. Ông cùng vợ là Nguyễn Thị Nhẫn người thôn Định Công Thượng đã cúng cho bản thôn 150 quan cô tiền và 2 mẫu 4 sào ruộng. Dân làng đồng lòng suy tôn hai ông bà làm Hậu thần và quy định lệ cúng tế hàng năm. Có bài tán ca ngợi và vị trí các xứ ruộng cúng.

Vạn cổ lưu phương

萬古流芳

Kí hiệu: 1116

Thác bản bia thôn Quan Nhân xã Nhân Mục Môn huyện Thanh Trì phủ Thường Tín xứ Hà Nội 河內處常信府青池縣仁睦門社官人村, sưu tầm tại đình xã Quan Nhân tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 42 x 60 cm, gồm 19 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 400 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: không ghi.

Niên đại ước đoán: thời Nguyễn.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Ông Nguyễn Đình Kham thuộc danh gia vọng tộc ở bản thôn. Ông đi lính bị chết, đến nay đã hơn 20 năm. Vợ ông là bà Ngô Thị Lan già mà không có con, nghĩ đến lúc trăm tuổi, nên đã cúng cho làng 160 quan tiền và 2 mẫu ruộng để gửi giỗ cho hai vợ chồng. Dân xã lập bia ghi nhớ công đức và quy định về việc cúng giỗ hàng năm. Có ghi vị trí các xứ ruộng cúng.

Ghi chú: Dòng niên đại trên thạc bản có dấu vết tẩy xóa.

Sùng Phúc bi kí

崇福碑記

Kí hiệu: 1117

Thạc bản bia thôn Quan Nhân xã Nhân Mục Môn tổng Khương Đình huyện Thanh Trì phủ Thường Tín tỉnh Hà Nội nước Đại Nam 大南國河內省常信府青池縣仁睦門社官人村, sưu tầm tại đình xã Quan Nhân tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thạc bản 1 mặt, khổ 38 x 52 cm, gồm 16 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 250 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Bảo Thái, Mậu Tuất.

Niên đại ước đoán: Thành Thái thứ 10 (1898).

Người soạn: Nguyễn Huy Tấn 阮輝璣.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà Nguyễn Thị Lịch chồng chết sớm ở góa hơn 60 năm, nay đã cùng vào nhà chùa 20 quan tiền và 2 sào ruộng để gửi giỗ cho hai vợ chồng. Dân làng lập bia ghi nhớ công đức và quy định việc cúng giỗ

hàng năm. Có ghi vị trí các xứ ruộng cúng.

Ghi chú: Chữ “Bảo” trong “Bảo Thái” ở dòng niên đại là ngẫu tạo.

Hậu thần bi kí

后神碑記

Kí hiệu: 1118

Thác bản bia thôn Quan Nhân xã Nhân Mục Môn huyện Thanh Trì phủ Thường Tín 常信府青池縣仁睦門社官人村, sưu tầm tại đình xã Quan Nhân tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 42 x 64 cm, gồm 16 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 300 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Bảo Thái thứ 17.

Niên đại ước đoán: Thành Thái thứ 17 (1905).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Ông Trùm thôn kiêm Trùm trường Hội Tư văn Phạm quý công đã già mà không có con cái. Nay người con nuôi là Phạm Duy Vi cúng cho bản thôn 3 sào ruộng và 30 quan tiền để xin cho cha nuôi làm Hậu thần. Dân làng lập bia ghi nhớ công đức và quy định việc cúng tế Hậu thần hàng năm.

Ghi chú: Đoạn địa danh trên thác bản bị đập xóa, chữ “Bảo Thái” trên dòng niên đại của thác bản là ngẫu tạo.

Bi kí

碑記

Kí hiệu: 1119

Thác bản bia sưu tầm tại chùa xã Quan Nhân tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 40 x 85 cm, gồm 12 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 400 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Vĩnh Trị thứ 14.

Niên đại ước đoán: Tự Đức thứ 14 (1861).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biêu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Ông Trần Đức An đã già mà không có con nối dõi. Ông đã cúng cho xã 320 quan tiền và 2 mẫu ruộng để chi dùng vào việc công và xin gửi giỗ cho cha mẹ và vợ chồng ông. Bản xã lập bia ghi nhớ công đức và quy định việc cúng giỗ hàng năm. Có ghi các xứ ruộng cúng.

Ghi chú: Dòng niên đại trên thác bản là ngụy tạo.

Hậu phật bi kí

后佛碑記

Kí hiệu: 1120

Thác bản bia sưu tầm tại chùa xã Quan Nhân tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 44 x 75 cm, gồm 13 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 350 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 10.

Niên đại ước đoán: Minh Mệnh thứ 10 (1829).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biêu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Nhân khi bản thôn hưng công sửa sang đình làng, chi phí tốn kém, bà Nguyễn Thị Vạn ở phường Hà Khẩu huyện Thọ Xương phủ Hoài Đức nghĩ đến việc trăm tuổi sau này, đã cung hiến 160 quan thanh tiền vào việc công, lại cúng 5 sào ruộng để dùng vào việc đèn hương. Bản thôn thuận tình cho bà được gửi giỗ và lập bia ghi công đức. Có ghi tên, ngày giỗ và các xứ ruộng cúng.

Ghi chú: Hai chữ “Cảnh Hưng” của dòng niên đại trên thạc bản là ngụy tạo.

Hậu thần bi kí

后神碑記

Kí hiệu: 1121

Thạc bản bia sưu tầm tại chùa xã Quan Nhân tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thạc bản 1 mặt, khổ 47 x 70 cm, gồm 12 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 250 chữ, có hoa văn, có chữ húy: Hằng 恒.

Niên đại: Long Đức thứ 30.

Niên đại ước đoán: Tự Đức thứ 30 (1877).

Người soạn: Trương Mậu 張茂; chức vị: Trùm trưởng.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Bà Nguyễn Thị Huyền người bản thôn nay đã hơn 70 tuổi, nhân dân làng hưng công tân tạo ngôi miếu chi phí tốn kém, bà đã cung hiến 140 quan tiền kẽm, 3 sào ruộng để chi dùng vào việc công và hương hỏa sau này. Dân làng cùng thuận tình bàu bà làm Hậu thần hưởng cúng tế quanh năm.

Ghi chú: Chữ “Long” của niên hiệu Long Đức ở dòng niên đại trên thạc bản là ngụy tạo.

Hậu thần bi kí

后神碑記

Kí hiệu: 1122

Thạc bản bia thôn Hoa Kinh 華經村, sưu tầm tại chùa xã Quan Nhân tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thạc bản 1 mặt, khổ 48 x 81 cm, gồm 13 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 400 chữ, có hoa văn, có chữ húy: Cửu 纛.

Niên đại: Canh Hưng thứ 15.

Niên đại ước đoán: Canh Hưng thứ 45 (1784).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Bà Phạm Thị Lựu lấy chồng ở thôn Hoa Kinh bản xã. Nhân thấy bản thôn hưng công tu sửa miếu đình, bà đã bỏ ra 100 quan cổ tiền để trợ giúp công dịch. Dân làng cùng thuận tình bàu cha mẹ bà làm Hậu thần được phụng thờ ở bên phải miếu vũ. Bà Lựu lại cúng 2 mẫu ruộng để dùng vào việc đèn hương. Có ghi quy định cúng tế hàng năm.

Ghi chú: Hai chữ “Canh Hưng” ở dòng niên đại thác bản là ngụy tạo. Dòng đầu tiên trên thác bản bị bôi xóa.

Hậu thần bi kí

后神碑記

Kí hiệu: 1123

Thác bản bia xã Nhân Mục 仁睦, sưu tầm tại chùa xã Quan Nhân tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 48 x 81 cm, gồm 17 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 380 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Vĩnh Trị thứ 22.

Niên đại ước đoán: Tự Đức thứ 22 (1869).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Ông Đỗ Đình Điểm và vợ là Nguyễn Thị Môi đã cung hiến 160 quan tiền kẽm, 1 mẫu ruộng để trợ giúp việc làng và để gửi giỗ cho bản thân. Dân làng cùng thuận tình cho hai ông bà được gửi giỗ hàng năm. Có ghi các xứ ruộng cúng.

Ghi chú: Niên hiệu “Vĩnh Trị” trên thác bản là ngụy tạo.

Sùng Phúc kí kị bi

崇福寄忌碑

Kí hiệu: 1124

Thác bản bia thôn Quan Nhân xã Nhân Mục Môn tổng Khương Đình huyện Thanh Trì phủ Thường Tín tỉnh Hà Nội 河南省常信府青池縣姜亭總仁睦門社官人村, sưu tầm tại chùa xã Quan Nhân tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 42 x 62 cm, gồm 12 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 200 chữ, không có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Long Đức thứ 29.

Niên đại ước đoán: Tự Đức thứ 29 (1876).

Người soạn: Nguyễn Đình Thìn 阮廷辰.

Chữ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biếu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà Nguyễn Thị Hữu là con nhà thế gia ở bản thôn, bà năm nay đã 65 tuổi mà không có con nối dõi, nên hiến cho bản xã 5 sào ruộng dùng vào việc đèn hương. Người cháu bà là Nguyễn Đình Thìn đứng ra lập bia để ghi sự việc này. Có ghi vị trí các xứ ruộng và ngày giỗ.

Ghi chú: Niên hiệu “Long Đức” trên thác bản là ngụy tạo.

Sùng Phúc kí kị bi

崇福寄忌碑

Kí hiệu: 1125

Thác bản bia thôn Quan Nhân xã Nhân Mục Môn tổng Khương Đình huyện Thanh Trì phủ Thường Tín tỉnh Hà Nội 河南省常信府青池縣姜廷總仁睦門社, sưu tầm tại chùa xã Quan Nhân tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 45 x 67 cm, gồm 18 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 300 chữ, không có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Canh Hưng thứ 1.

Niên đại ước đoán: Đồng Khánh thứ 3, Mậu Tí (1888).

Người soạn và viết: Nguyễn Huy Dật 阮輝逸; chức vị: Cửu phẩm văn giai.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Ông Nguyễn Hữu Văn người bản thôn làm Tá lang tỉnh Sơn Tây, đã 60 tuổi mà không có con trai nối dõi, bèn xin con của anh trai làm người thừa tự. Nay người cháu đó là Nguyễn Đình Tâm cùng với các con gái cúng 30 quan tiền và 8 sào ruộng cho bản thôn để xin gửi giỗ cho ông bà Văn. Có ghi quy định cúng tế hàng năm và vị trí các xứ ruộng.

Ghi chú: Dòng niên đại trên thác bản là ngụy tạo.

Tu lý quyền trợ bi kí

修理捐助碑記

Kí hiệu: 1126

Thác bản bia sưu tầm tại miếu thờ Chu Văn Trinh xã Huỳnh Cung tổng Cổ Diên huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 71 x 105 cm, gồm 17 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 450 chữ, có hoa văn, không có chữ huy.

Niên đại: không ghi.

Niên đại ước đoán: niên hiệu Tự Đức thời Nguyễn.

Người soạn: [Nguyễn Văn Siêu] 阮文超, tên hiệu: Phương Đình lão phu 方亭老夫; quê quán: xã Thanh Liệt.

Người viết chữ: Vũ Diệu 武耀; quê quán: xã Thanh Liệt; học vị: Tú tài.

Chủ đề: - Sinh hoạt làng xã.
- Lịch sử di tích.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Mấy năm trước, văn chỉ của huyện Thanh Trì tiến hành trùng tu, tiêu

tồn hàng ngàn bạc, đã khắc bia lưu danh những người đóng góp. Mới rồi gặp bão, dãy hữu vu của tiền đường bị đổ. Các ông Tú tài Vũ Diệu, Nguyễn Khả lại đứng ra tổ chức quyên góp, tu sửa phần bị đổ, gia cố thêm tòa tả vu. Bia ghi danh sách những người đóng góp tiền tu sửa lần này, trong đó có Tiến sĩ Lê Đình Diên, Tiến sĩ Nguyễn [Trọng Hợp] ở Kim Lũ, Án sát Thái Nguyên Nguyễn Du.

Ghi chú: Trên thác bản, một số chữ liên quan đến niên đại và tên người bị bôi xóa.

Văn Trinh công từ bi kí

文貞公祠碑記

Kí hiệu: 1127

Thác bản bia xã Cung Hoàng 龔黃社, sưu tầm tại miếu thờ Chu Văn Trinh xã Huỳnh Cung tổng Cổ Diềm huyện Thanh Tri tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 54 x 90 cm, gồm 18 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 480 chữ, có hoa văn, có chữ húy: Đàm 譚, Lợi 利, Căn 蔭.

Niên đại: Vĩnh Thịnh thứ 13 (1717).

Người soạn: Nguyễn Công Thái 阮公案; học vị: Tiến sĩ khoa Ất Mùi (1715); chức vị: Giám sát Ngự sử.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.

- Sự tích, thần phả, gia phả.

Tóm lược nội dung:

Chu Văn Trinh tên tự An, người huyện Thanh Đàm, từng làm quan qua 4 đời vua Trần, khi già về ở ẩn núi Chí Linh, sau được phong tặng chức Văn Trinh công, thờ tại Văn miếu Hà Nội. Ông là người học cao biết rộng, học trò nhiều người thành đạt. Là vị quan thanh liêm, cao thượng, Chu Văn Trinh đã dâng sớ xin chém đầu 7 kẻ gian thần. Sự nghiệp đạo đức, khí tiết thanh danh của ông mãi mãi là tấm gương sáng cho muôn đời sau.

Văn Trinh công từ bi kí

文貞公祠碑記

Kí hiệu: 1128/1129

Thác bản bia xã Huỳnh Cung tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì 青池縣青烈總翼宮社, sưu tầm tại miếu thờ Chu Văn Trinh xã Huỳnh Cung tổng Cổ Diền huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 60 x 127 cm và 61 x 130 cm, gồm 32 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 500 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: không ghi.

Niên đại ước đoán: Tự Đức thứ 18 (1865).

Người soạn: Nguyễn Văn Siêu 阮文超.

Người viết chữ: Vũ Diệu 武耀; học vị: Tú tài.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Sinh hoạt làng xã.
- Lịch sử di tích.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Văn Trinh công là vị tiên nho đất Việt, từ đời Trần ông đã được thờ ở Văn miếu Thăng Long. Còn miếu thờ ông là ở huyện Thanh Trì, không rõ miếu này thờ ông như một vị Phúc thần tự bao giờ, chỉ thấy có văn bia về ông dựng từ đời Lê Vĩnh Thịnh, nhưng bia đó không phải là vật cũ của miếu thôn này. Lại khảo trong gia phả họ Nguyễn ở Linh Đường thấy có chuyện đặt ruộng tế điền ở văn chỉ huyện mới rõ miếu này có từ thời Lê Cảnh Hưng. Trải năm tháng miếu thờ bị đổ nát, năm Canh Thân ông họ Trịnh cùng một số người đã đứng ra quyên góp tiền của, Nguyễn Văn Siêu thân hành trông coi tu sửa lại miếu đường trở nên khang trang đẹp đẽ. Cuối bia ghi tên những người có đóng góp vào việc tu sửa miếu thờ như: Tổng đốc Định An Nguyễn Đình Tân cúng 20 lạng bạc, Bô chính Hà Nội Nguyễn Khắc Thuật cúng 10 lạng bạc, xã Huỳnh Cung cúng 126 quan v.v... Tổng số đóng góp là 73 lạng bạc và 3026 quan tiền.

Ghi chú: Trên thác bản nhiều chữ liên quan đến niên đại, quan chức, địa danh đã bị bôi xóa.

Sùng Phúc tự/Hậu phật bi kí

崇福寺/後佛碑記

Kí hiệu: 1130/1131/1132/1133

Thác bản bia xã Cung Hoàng huyện Thanh Trì phủ Thường Tín 常信府青池縣龔黃社, sưu tầm tại chùa xã Huỳnh Cung tổng Cổ Điền huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 4 mặt, khổ 44 x 74 cm và 33 x 68 cm, gồm 40 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1000 chữ, không có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Vĩnh Hựu thứ 1 (1735).

Người soạn: không ghi.

Chữ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Chùa Sùng Phúc xưa là nơi thắng cảnh. Nay bản xã hưng công tu sửa chùa. Bà Thị nội cung tần Trần Thị Điện đã cúng bản xã 5 mẫu ruộng và 300 quan tiền cổ để trợ giúp kinh phí. Dân xã cảm ơn công đức bà và suy tôn bà làm Hậu phật. Có quy định nghi thức cúng tế hàng năm.

Hậu phật bi kí

後佛碑記

Kí hiệu: 1134

Thác bản bia xã Định Công tổng Khương Đình huyện Thanh Trì phủ Thường Tín tỉnh Hà Nội 河南省常信府青池縣姜亭總定功社, sưu tầm tại chùa xã Định Công tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 46 x 74 cm, gồm 20 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 600 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 13.

Niên đại ước đoán: Minh Mệnh thứ 13 (1832).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Chùa Thiên Phúc xưa là nơi danh lam cổ tích. Trải năm tháng bình hòa, nên chùa đã bị hư hỏng. Nay bản thôn hưng công tô tạo Phật tượng, tu sửa hậu đường, chi phí tốn kém. Ông Tiến công thứ lang triều Lê là Phạm Phúc Kỳ và vợ là Hoàng Thị Lợi ở bản thôn đã cúng 100 quan tiền để chi dùng vào việc công, lại cúng 5 sào ruộng để gửi giỗ cho hai người. Dân làng lập bia ghi công đức và quy định việc cúng tế Hậu phật hàng năm. Có ghi các xứ ruộng cúng.

Ghi chú: Hai chữ “Cảnh Hưng” ở dòng niên đại thác bản là ngụy tạo.

An Đông xóm bi kí

安東懺碑記

Kí hiệu: 1135

Thác bản bia xóm An Đông thôn Thượng Đình xã Nhân Mục Cựu huyện Thanh Trì 青池縣仁睦舊社上亭村安東懺, sưu tầm tại chùa xã Định Công tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 44 x 61 cm, gồm 21 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 500 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Hoàng triều thứ 15, năm Giáp Ngọ.

Niên đại ước đoán: Minh Mệnh thứ 15 (1834).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Xây dựng, trùng tu di tích.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Xóm An Đông tiến hành trùng tu nơi thờ phụng các bậc tiền nhân có chức vị hoặc cao tuổi trong xóm và lập bia ghi tên những người được phụng thờ.

Ghi chú: Hai chữ ghi niên hiệu trên thác bản bị đập xóa.

Hậu phật bi kí

後佛碑記

Kí hiệu: 1136

Thác bản bia sưu tầm tại chùa xã Định Công tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 45 x 70 cm, gồm 14 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 450 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Hoảng Định thứ 8.

Niên đại ước đoán: thời Nguyễn.

Người soạn: không ghi.

Chữ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Bản xã khởi công tu sửa tượng phật, hành lang chùa làng, phải chi phí nhiều. Bà họ Trí, hiệu Diệu Thúy giác ngộ đạo Phật, vào trông nom và tu hành tại chùa. Nay bản thôn tu bổ hai dãy hành lang của chùa, bà đã cúng 100 quan tiền và 1 mẫu ruộng. Dân làng cùng thuận tình bàu nhà sư làm Hậu phật và quy định việc cúng tế hàng năm. Có vị trí các thửa ruộng cúng.

Ghi chú: Hai chữ “Hoảng Định” ở dòng niên đại thác bản là ngụy tạo.

Phạm Thị bi kí

范氏碑記

Kí hiệu: 1137

Thác bản bia thôn Thượng xã Định Công huyện Thanh Trì 青池縣定功社上村, sưu tầm tại chùa xã Định Công tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 42 x 65 cm, gồm 14 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 300 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Vĩnh Trị thứ 25.

Niên đại ước đoán: Tự Đức thứ 25 (1872).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Chùa Thiên Phúc ở bản thôn xưa là nơi danh lam cổ tích, gần đây bị lụt lội nên hư hại đổ nát. Nay bản thôn phổ khuyến thiện duyên công đức tu sửa lại chùa. Vợ chồng Phạm Công Hạch người bản thôn đã cúng 150 quan tiền và 3 sào ruộng để gửi giỗ cho cha mẹ vợ. Bản thôn lập bia ghi nhớ công đức và quy định việc cúng tế hàng năm. Có bài tán ca ngợi.

Ghi chú: Trên thạc bản có vết dập xóa một số chữ. Niên hiệu “Vĩnh Trị” là ngụy tạo.

Hưng công thí điền thạch bi

興功施田石碑

Kí hiệu: 1138

Thạc bản bia xã Kim Lũ huyện Thanh Trì phủ Thường Tín đạo Sơn Nam nước An Nam 安南國山南道常信府青池縣金縷社, suru tâm tại xã Định Công tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thạc bản 2 mặt, khổ 58 x 81 cm, gồm 18 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 450 chữ, có hoa văn, có chữ húy: Trần 胤.

Niên đại: Dương Đức thứ 3 (1674).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Sinh hoạt làng xã.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Chùa Phúc Diên ở xã Kim Lũ là một danh lam cổ tích, dân đến cúng lễ quanh năm. Nay xã lập hội cúng lễ Tam bảo và lập lễ hội rước Phật ngày mồng 9 tháng giêng. Có bài minh ca ngợi và danh sách những người cúng tiền, ruộng vào chùa.

Kí hậu bi kí

寄后碑記

Kí hiệu: 1139

Thác bản bia xã Nhân Mục Môn tổng Khương Đình huyện Thanh Trì phủ Thường Tín tỉnh Hà Nội 河南省常信府青池縣姜亭總仁睦門社, sưu tầm tại đình xã Nhân Mục Môn tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 49 x 82 cm, gồm 9 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 180 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 2.

Niên đại ước đoán: Đồng Khánh thứ 2 (1888).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bâu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Bản thôn đón rước thần sắc nên phải chi tiêu nhiều. Bà Nguyễn Thị Em đã cúng 30 quan tiền vào việc công, lại cúng 2 sào 5 thước ruộng để xin gửi giỗ cho bản thân. Có ghi các xứ ruộng cúng.

Ghi chú: Mấy chữ “Hoàng triều Cảnh Hưng nhị niên” trên thác bản là ngụy tạo.

Kí kỵ bi kí

寄忌碑記

Kí hiệu: 1140

Thác bản bia thôn Quan Nhân xã Nhân Mục Môn tổng Khương Đình huyện Thanh Trì phủ Thường Tín 常信府青池縣姜亭總仁睦門社官人村, sưu tầm tại đình thôn Quan Nhân xã Nhân Mục tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 37 x 51 cm, gồm 11 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 300 chữ, không có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: không ghi.

Niên đại ước đoán: Thiệu Trị thứ 6 (1845).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Bà Nguyễn Thị Bính người bản thôn là vợ lẽ ông họ Nguyễn đã mất. Nhân bản thôn tu sửa đình, bà Bính nghĩ đến việc thờ cúng sau này, đã cúng 20 quan thanh tiền để thôn chi dùng vào việc công, lại cúng 3 sào ruộng để gửi giỗ cho bản thân. Có ghi các xứ ruộng cúng và quy định việc nộp tiền của người cày ruộng hàng năm.

Ghi chú: Dòng niên đại trên thác bản bị dập xóa.

Kí hậu bi

寄后碑

Kí hiệu: 1141

Thác bản bia xã Nhân Mục Môn 仁睦門社, sưu tầm tại đình xã Quan Nhân tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 33 x 55 cm, gồm 10 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 280 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Vĩnh Trị thứ 6.

Niên đại ước đoán: Thành Thái thứ 6 (1894).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Bản thôn cần xe đá đắp đường, chi phí tốn kém. Bà Nguyễn Thị Cháu là vợ của Cự Lý trưởng đã cúng 300 quan tiền và 1 mẫu 2 sào ruộng để xin gửi giỗ cho ông bà cha mẹ và hai vợ chồng bà. Bản thôn thuận tình và quy định việc cúng tế hàng năm.

Ghi chú: Hai chữ “Vĩnh Trị” ở đoạn ghi niên đại trên thác bản là nguyên tạo.

Kí kị hậu bi

寄忌后碑

Kí hiệu: 1142

Thác bản bia xã Nhân Mục Môn huyện Thanh Trì phủ Thường Tín 常信府青池縣仁睦門社, sưu tầm tại chùa xã Quan Nhân tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 50 x 70 cm, gồm 14 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 350 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Dương Đức, năm Đinh Tị.

Niên đại ước đoán: Tự Đức thứ 10 (1857).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Bản thôn trùng tu miếu, công trình cần nhiều kinh phí. Bà Nguyễn Thị Cống đã cúng 120 quan tiền và 1 mẫu 2 sào ruộng cho bản thôn chi dùng. Bản thôn cùng thuận tình bàu cha mẹ bà làm Hậu thần, hưởng cúng giỗ hàng năm. Có ghi thể lệ cúng giỗ và vị trí các thửa ruộng cúng.

Ghi chú: Chữ “Dương” ở đoạn ghi niên đại trên thác bản là ngụy tạo.

Hậu thần bi kí

后神碑記

Kí hiệu: 1143

Thác bản bia xã Nhân Mục Môn huyện Thanh Trì phủ Thường Tín 常信府青池縣仁睦門社, sưu tầm tại đình xã Quan Nhân tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 55 x 87 cm, gồm 22 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 900 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 2.

Niên đại ước đoán: Minh Mệnh thứ 2 (1821).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

- Sinh hoạt làng xã.

- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Bìa ghi hai văn bản bàu Hậu của thôn Cự Lộc: 1) Ông Nguyễn Thuận Nhã vốn là người nhân hậu, được hàng xóm quý mến. Năm Tân Tị, bản thôn hưng công sửa miếu vũ, cần nhiều công của chi phí. Con rể ông người xã Nguyễn Xá huyện Hoài An phủ Ứng Hòa cùng vợ là người bản thôn đã cùng 100 quan cổ tiền để trợ giúp chi phí; lại cúng 1 mẫu 8 thước 6 tấc ruộng để gửi giỗ cho cha. Bản thôn cùng thuận tình bàu Nguyễn Quý công, tự Thuận Nhã làm Hậu thần hưởng cúng tế hàng năm. Có ghi các nghi tiết cúng tế và vị trí các xứ ruộng cúng. 2) Bản thôn trùng tu miếu vũ, công trình quy mô tốn kém. Bà Nguyễn Thị Lợi cùng chồng cúng cho bản xã 100 quan cổ tiền, 1 sào 3 thước ruộng dùng vào việc công và gửi giỗ cho cha mẹ. Bản thôn đồng lòng bàu cho mẹ bà làm Hậu thần và quy định nghi thức cúng giỗ hàng năm.

Ghi chú: Hai chữ “Cảnh Hưng” ở đoạn niên đại trên thác bản là ngụy tạo.

Hậu phật kị bi kí

後佛忌碑記

Kí hiệu: 1144

Thác bản bia huyện Thanh Trì phủ Thường Tín 常信府青池縣, sưu tầm tại chùa xã Định Công tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 27 x 47 cm, gồm 12 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 120 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 21.

Niên đại ước đoán: thời Nguyễn.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Nhân bản xã hưng công tu sửa chùa. Ông Mao Văn Nguyệt đã cúng 150 quan tiền, 6 sào ruộng vào việc công và gửi giỗ cho hai vợ chồng cùng con trai là Mao Văn Suru. Có ghi các xứ ruộng cúng.

Ghi chú: Trên thác bản, đoạn ghi địa danh bị xóa, niên hiệu “Cảnh Hưng” là ngụy tạo.

Kí kị bí kị

寄忌碑記

Kí hiệu: 1145

Thác bản bia sưu tầm tại am xã Định Công tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 36 x 46 cm, gồm 13 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 180 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Dương Đức.

Niên đại ước đoán: thời Nguyễn.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Nhân bản thôn phải đắp một con đê thuộc địa phận hai xã Đông Trạch và An Mỹ cần nhiều kinh phí, ông Dương Văn Đồ cùng vợ là Nguyễn Thị Táp là người bản thôn đã cúng 60 quan tiền cổ và 3 sào ruộng vào việc công và gửi giỗ cho cha mẹ vợ. Có ghi những quy định cúng giỗ hàng năm.

Ghi chú: Bốn chữ “Dương Đức vạn vạn” ở đoạn ghi niên đại trên thác bản là ngụy tạo.

[Vô đề]

Kí hiệu: 1146

Thác bản bia sưu tầm tại chùa xã Định Công tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 45 x 48 cm, gồm 9 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 80 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: không ghi.

Niên đại ước đoán: thời Nguyễn.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Bia ghi tên hiệu, ngày giỗ ông họ Nguyễn, thụy Cương Nghị làm Nội thư cáo thụ triều Lê và vợ cả là bà họ Không, hiệu Diệu Tín; vợ lẽ là Nguyễn Thị Tề và số ruộng gửi giỗ của họ gồm 7 sào, có ghi vị trí các xứ ruộng.

Ghi chú: Trên thác bản có dấu hiệu bị bôi xóa.

[Vô đề]

Kí hiệu: 1147

Thác bản bia tổng Khương Đình huyện Thanh Trì phủ Thường Tín 常信府青池縣姜亭總, sưu tầm tại đình xã Định Công tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 41 x 65 cm, gồm 13 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 400 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Vĩnh Trị thứ 23.

Niên đại ước đoán: Tự Đức thứ 23 (1870).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Con gái, con rể ông Bùi Công Phức và bà Nguyễn Thị Khánh cúng 60 quan tiền và 6 sào ruộng để gửi giỗ cho cha mẹ. Dân làng lập bia quy định nghi thức cúng giỗ hàng năm.

Ghi chú: Hai chữ “Vĩnh Trị” ở dòng niên đại trên thác bản là ngụy tạo.

Kí kị bi kí

寄忌碑記

Kí hiệu: 1148

Thác bản bia xã Nhân Mục Môn tổng Khương Đình huyện Thanh Trì phủ Thường Tín tỉnh Hà Nội 河內省常信府青池縣仁睦門社, suru tầm tại đình xã Quan Nhân huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 50 x 80 cm, gồm 11 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 230 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Vĩnh Trị thứ 20.

Niên đại ước đoán: Tự Đức thứ 20 (1867).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Hai thôn hưng công tu sửa đình. Vợ chồng bà Nguyễn Thị Điền đã đóng góp 200 quan tiền, lại cung hiến 1 mẫu 6 sào ruộng để gửi giỗ cho hai người. Dân hai thôn lập giao ước quy định việc thu thuế ruộng để cúng giỗ hàng năm. Có ghi các xứ ruộng cúng và tên hý của cha mẹ chồng.

Ghi chú: Hai chữ “Vĩnh Trị” ở dòng niên đại của thác bản là ngụy tạo.

Hậu phật bi kí

后佛碑記

Kí hiệu: 1149

Thác bản bia thôn Thượng xã Định Công huyện Thanh Trì 青池縣定功社上村, sưu tầm tại chùa xã Định Công tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 59 x 135 cm, gồm 14 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 450 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Chính Hòa thứ 15.

Niên đại ước đoán: Gia Long thứ 15 (1816).

Người soạn: tên tự: Hải Trú 海住; nhà sư.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Chùa Thiên Phúc xưa là danh lam thắng tích. Trải năm tháng chùa đã bị hư hỏng. Nay bản thôn phổ khuyến thập phương hưng công tu sửa lại chùa, tô tượng đúc chuông. Vợ chồng ông Trần Đình Biên đã cúng 40 quan tiền cỗ vào cho thôn chi dùng. Dân làng đồng lòng bầu mẹ chồng và mẹ vợ của ông bà làm Hậu phật. Sau đó hai ông bà lại cúng thêm 1 mẫu ruộng để dùng vào việc đèn hương. Có ghi quy định cúng giỗ hàng năm và các xứ ruộng cúng.

Ghi chú: Ba chữ “Lê Chính Hòa” ở dòng niên đại thác bản là ngụy tạo.

[Vô đề]

Kí hiệu: 1150

Thác bản bia xã Lâm Du huyện Gia Lâm phủ Thuận An 順安府嘉林縣臨游社, sưu tầm tại chùa Nguyệt Quang xã Lâm Du huyện Gia Lâm tỉnh Bắc Ninh.

Thác bản 1 mặt, khổ 42 x 61 cm, gồm 11 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 350 chữ, không có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Cảnh Hưng, năm Quý Mão (1783).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Ông Nguyễn Văn Vĩnh và vợ là Nguyễn Thị Hạch là những người ăn ở nhân đức được dân làng yêu quý, được dân làng suy bầu là Hậu phật. Nay nhân khi làng có việc, ông bà bèn xuất 60 quan tiền cho làng sử dụng, lại cúng 6 sào ruộng để gửi giỗ, nên khắc bia ghi công lao và quy định thể thức cúng giỗ và vị trí các xứ ruộng cúng.

Trùng tu bi kí

重修碑記

Kí hiệu: 1151/1152

Thác bản bia xã Cáo Đình tổng Cổ Nhuế huyện Từ Liêm phủ Hoài Đức tỉnh Hà Nội 河南省懷德府慈廉縣古芮總部鼎社, sưu tầm tại am xã Cáo Đình tổng Cổ Nhuế huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 58 x 145 cm, gồm 29 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 1500 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 30, năm Đinh Sửu.

Niên đại ước đoán: Tự Đức thứ 30 (1877).

Người soạn: họ Dương 楊, tên hiệu: Tuấn Trai 駿齋.

Chủ đề: - Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Miếu cổ của xã trái năm tháng đã bị hư hại, nay các quan viên chức sắc bản xã tích quỹ công và quyên góp tiền để tu sửa ngôi đình, lợp lại ngói, xây thêm giải vũ, tu bổ ngai vị. Bia ghi tên những người đã đóng góp tiền, ruộng, ao. Cuối bia có ghi tổng chi phí trùng tu.

Ghi chú: Trên thác bản, bốn chữ “Hoàng triều Cảnh Hưng” ở dòng niên đại là người tạo, một số chữ khác bị bôi xóa.

Thiên Phúc bi kí

天福碑記

Kí hiệu: 1153/1154

Thác bản bia xã Cáo Đình 郛鼎, sưu tầm tại am xã Cáo Đình tổng Cổ Nhuế huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 55 x 140 cm, gồm 17 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 750 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Bảo Thái thứ 2.

Niên đại ước đoán: Thành Thái thứ 2 (1890).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Sinh hoạt làng xã.
- Lịch sử di tích.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Chùa Thiên Phúc vốn tên là chùa Thiên Đậu ở ngoài đồng hoang vắng, trải năm tháng càng thêm tiêu điều, không nhà sư nào trụ trì nổi. Đến năm Kỷ Sửu, thiền sư Quỳnh Lôi đã dốc tâm sức quyên góp tiền của để rời chùa vào trong làng, đặt tên chùa là Thiên Phúc, xây dựng lại chùa trở nên khang trang đẹp đẽ. Có ghi tên những người đã đóng góp tiền, ruộng, ao và gửi giỗ tại chùa.

Ghi chú: Chữ “Bảo” trong niên hiệu “Bảo Thái” trên thác bản là ngụy tạo.

Hậu thần bi kí

後神碑記

Kí hiệu: 1155

Thác bản bia xã Cáo Đình tổng Cổ Nhuế huyện Từ Liêm 慈廉縣古芮總部鼎社, sưu tầm tại xã Cáo Đình tổng Cổ Nhuế huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 59 x 110 cm, gồm 19 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 1000 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Hoàng triều thứ 12, năm Kỷ Mùi.

Niên đại ước đoán: Tự Đức thứ 12 (1859).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biếu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Ông Dương Duy Trì và vợ là Đặng Thị Chiên là những người ăn ở nhân đức. Gặp lúc bản xã khó khăn về tiền thuế và đào sông, ông bà đã cúng 270 quan tiền để nộp thuế cho xã. Dân bản xã nhớ ơn, suy tôn ông bà làm Hậu thần. Ông lại cúng 4 sào ruộng để phụng sự đèn hương và cúng 2 mẫu ruộng để gửi giỗ cho bản thân sau này. Có ghi nghi thức cúng giỗ và vị trí các xứ ruộng cúng.

Ghi chú: Theo ghi chú của người sưu tầm, thác bản này cùng với thác bản 1156 là 2 mặt của một tấm bia. Nhưng hai thác bản có kích thước khác nhau và nội dung không liên quan với nhau. Hai chữ ghi niên hiệu trên thác bản bị bôi xóa.

[Vô đề]

Kí hiệu: 1156

Thác bản bia xã Cáo Đình tổng Cổ Nhuế huyện Từ Liêm 慈廉縣古芮總部鼎社, sưu tầm tại xã Cáo Đình tổng Cổ Nhuế huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 65 x 105 cm, gồm 17 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 600 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: không ghi.

Niên đại ước đoán: thời Nguyễn.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Danh sách các tín chủ của bản xã đóng góp tiền và ruộng vào chùa.

Ghi chú: Theo ghi chú của người sưu tầm, thác bản này cùng với thác bản 1155 là 2 mặt của một tấm bia. Nhưng hai thác bản có kích thước

khác nhau và nội dung không liên quan với nhau. Đây chỉ là thác bản mặt sau của một tấm bia 2 mặt, nên nội dung không hoàn chỉnh.

[Vô đề]

Kí hiệu: 1157

Thác bản bia xã Cổ Nhuế 古芮社, sưu tầm tại xã Cáo Đình tổng Cổ Nhuế huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 62 x 102 cm, gồm 9 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 250 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: không ghi.

Niên đại ước đoán: thời Nguyễn.

Người soạn 1: Nguyễn Thân Du 阮慎猷; học vị: Cử Hương cống.

Người soạn 2: Hoa Quý Trân 華貴珍.

Người viết chữ 1: Nguyễn Đắc Dư 阮得興; học vị: Cử Sinh đồ.

Người viết chữ 2: Nghiêm Doãn Tế 嚴允濟; học vị: Cử Sinh đồ.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biếu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Xã Cổ Nhuế tuy đã xây dựng nhà học xá nhưng không có mấy học trò đến trường học. Để khuyến khích học trò, Hội Tư văn đặt lệ cho những người nhập Hội phải đóng góp một số ruộng học điền, đến nay đã gộp được số ruộng học điền là 8 mẫu 7 sào. Nay dựng bia ghi lại danh sách những người đã đóng góp số ruộng đó.

Ghi chú: Theo ghi chú của người sưu tầm, thác bản này cùng với thác bản 1158 là 2 mặt của một tấm bia. Nhưng hai thác bản có nội dung không liên quan với nhau. Bản danh sách những người đóng góp số ruộng có lẽ được khắc kê ở mặt tiếp theo của tấm bia, nhưng hiện thiếu thác bản mặt này.

Hậu thần bi kí

後神碑記

Kí hiệu: 1158

Thác bản bia xã Cáo Đình huyện Từ Liêm 慈廉縣部鼎社, sưu tầm tại xã Cáo Đình tổng Cổ Nhuế huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 63 x 110 cm, gồm 19 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 500 chữ, có hoa văn, không có chữ huy.

Niên đại: Chính Hòa thứ 12.

Niên đại ước đoán: Tự Đức thứ 12 (1859).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biếu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Ông Đặng Văn Hợi và vợ là Lê Thị Hạt là những người ăn ở cần kiệm nhân đức. Gặp lúc bản xã thiếu kinh phí để nộp thuế và đào sông, ông bà đã đóng góp 270 quan tiền để chi dùng việc công. Dân bản xã nhớ ơn và suy tôn ông bà làm Hậu thần. Ông lại cúng 4 sào ruộng để dùng vào việc đèn hương, lại hứa cúng 2 mẫu ruộng để gửi giỗ cho bản thân sau này. Có ghi nghi thức cúng giỗ và vị trí các xứ ruộng cúng.

Ghi chú: Theo ghi chú của người sưu tầm, thác bản này cùng với thác bản 1157 là 2 mặt của một tấm bia. Nhưng hai thác bản có kích thước khác nhau và nội dung không liên quan với nhau. Hai chữ “Chính Hòa” trên thác bản là ngụy tạo.

Trùng tu tự sở tạo tượng hậu cúng bi kí/Khánh tán chú chung khai thị công đức bi kí

重修寺所造像後供碑記/慶讚鑄鐘開市功德碑記

Kí hiệu: 1159/1160

Thác bản bia xã Cổ Nhuế tổng Cổ Nhuế huyện Từ Liêm phủ Hoài Đức 懷德府慈廉縣古芮總古芮社, sưu tầm tại chùa thôn Hoàng xã

Cổ Nhuế huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 35 x 60 cm, gồm 22 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 600 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: không ghi.

Niên đại ước đoán: Thành Thái thứ 4 (1892).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Bốn thôn của xã Cổ Nhuế tiến hành trùng tu chùa Sùng Quang. Năm Kỷ Sửu trùng tu các tòa điện, tô tượng, y môn, câu đối, hoành phi. Đến năm Nhâm Thìn đúc chuông, làm lễ khánh thành, mở chợ. Bia ghi tên các hưng công hội chủ, thiện nam tín nữ, thập phương công đức đã cúng tiền ruộng để trùng tu.

Ghi chú: Niên đại và một số chữ trên thác bản bị bôi xóa.

Hậu phật bi kí

後佛碑記

Kí hiệu: 1161/1162

Thác bản bia thôn Hoàng 黃村, suru tằm tại chùa thôn Hoàng xã Cổ Nhuế tổng Cổ Nhuế huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 37 x 58 cm, gồm 30 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 600 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 10 (1749).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Hành trạng, công tích nhân vật.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Bà Phạm Thị Độ người bản xã trước kia là vú nuôi trong cung. Chồng bà là Đô đốc Thiêm sự Thực Quận công Trịnh Công Thực. Ông

được phong là Quận công và bà được phong là Quận phu nhân. Hai ông bà sau khi mất đi được bản xã tôn thờ làm Hậu phật. Tôn đức Quốc thánh mẫu Thái phi tưởng nhớ công lao bà ngày trước, cấp cho thôn Hoàng bản xã 4 mẫu ruộng Hậu và 8 quan tiền cõ để phụng sự hương đăng. Có ghi ngày giỗ và quy định cùng tế Hậu phật hàng năm.

Hậu thần bi kí

后神碑記

Kí hiệu: 1163/1164

Thác bản bia thôn Hoàng xã Cổ Nhuế huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai 國威府慈廉縣古芮社黃村, sưu tầm tại điểm thôn Hoàng xã Cổ Nhuế tổng Cổ Nhuế huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 37 x 67 cm, gồm 25 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 800 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 37 (1786).

Người soạn: Đỗ Xuân Ưông 杜春汪; quê quán: xã Cổ Nhuế.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Ông Nguyễn Khoan Nhã và vợ đều là con nhà danh giá trong làng. Hai ông bà ăn ở nhân đức, thường giúp đỡ người nghèo khó hay công đức tu sửa cầu cống. Năm Bính Ngọ (1786) bản xã vì có việc theo đuổi tranh giành kiện tụng, phải chi phí tốn kém, ông bà đã cung hiến 40 quan tiền chi dùng vào việc công, lại cúng 2 mẫu ruộng cho bản xã canh tác để chi dùng lúc cấp bách. Dân xã ghi nhớ công đức, suy tôn ông bà làm Hậu thần. Có quy định nghi thức cúng giỗ hàng năm.

Hậu thần bi kí

後神碑記

Kí hiệu: 1165/1166

Thác bản bia thôn Hoàng xã Cổ Nhuế huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai

國威府慈廉縣古芮社黃村, suru tâm tại điểm thôn Hoàng xã Cổ Nhuế tổng Cổ Nhuế huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 33 x 63 cm, gồm 25 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 800 chữ, có hoa văn, có chữ hủy: Lợi 利.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 47 (1786).

Người soạn: Đỗ Xuân Uông 杜春汪; quê quán: xã Cổ Nhuế; học vị: Nho sinh trúng thử.

Người viết chữ: Nguyễn Đĩnh 阮挺; học vị: Thư toán.

Chủ đề: Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà Chu Thị Dục người bản thôn, sống cùng chồng là Đỗ Danh Hiến và người thiếp, gia đình cầm sắt hòa hợp, sinh được con trai ngũ phúc đầy nhà. Bà là người ăn ở nhân đức, hay giúp đỡ xóm làng. Năm Bính Ngọ (1786) làng có nhiều việc tạp dịch phải chi phí nhiều, bà đã đóng góp 40 quan cổ tiền cho bản thôn chi dùng, lại hiến 16 sào ruộng để bản thôn canh tác. Dân làng biết ơn bà, suy tôn hai ông bà làm Hậu thần. Có ghi nghi thức cúng tế Hậu thần hàng năm và vị trí các xứ ruộng cúng.

[Vô đề]

Kí hiệu: 1167

Thác bản bia thôn Hoàng xã Cổ Nhuế huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai
國威府慈廉縣古芮社黃村, suru tâm tại chùa thôn Hoàng xã Cổ Nhuế tổng Cổ Nhuế huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 77 x 115 cm, gồm 25 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 1000 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: không ghi.

Niên đại ước đoán: Minh Mệnh thứ 19 (1838).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.

- Sinh hoạt làng xã.
- Lịch sử di tích.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Trước kia thôn chưa có chùa Phật. Năm Bính Thân ông Tú tài Chu Bình Quân người bản thôn cùng với dân xã và thập phương công đức xây dựng 3 cái cổng, 1 cái cầu 3 gian, ở chỗ cũ dựng một điện thiêu hương nhưng vì xứ ấy chật hẹp, không có chỗ đặt tượng Phật, nên ông Tú tài tự bỏ tiền cùng người làng và thiện tín thập phương xây dựng nên 1 ngôi chùa, đồng thời đắp được 12 pho tượng Phật. Ngôi chùa mới lợp mái ngói, rộng 17 thước, cao 13 thước, công hình chữ thập. Có ghi tên và số tiền đóng góp của những người xây dựng chùa.

Ghi chú: Còn thiếu thạc bản mặt sau của bia.

[Vô đề]

Kí hiệu: 1168

Thạc bản bia thôn Hoàng xã Cổ Nhuế huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai
國威府慈廉縣古芮社黃村, sưu tầm tại am thôn Hoàng xã Cổ Nhuế
tổng Cổ Nhuế huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thạc bản 1 mặt, khổ 55 x 84 cm, gồm 15 dòng chữ Hán, toàn văn ước
khoảng 450 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: không ghi.

Niên đại ước đoán: Minh Mệnh thứ 19 (1838).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Sinh hoạt làng xã.
- Lịch sử di tích.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Chùa thôn Hoàng xưa còn là nơi cánh đồng hoang vắng thuộc địa

phận bản xã. Năm Bính Thân, những người có hăng tâm trong xã như các ông Chu Bình Quân, Nguyễn Khắc Thoan cùng với mọi người xuất tiền của xây cổng thoát nước, cầu gạch 3 gian, dựng tòa thiêu hương, đặt Cửu Long thần tượng, hạ thổ địa thần quan, biến chỗ đó thành nơi thờ tự sớm chiều hương khói, lại cúng ruộng tự điền làm lễ vật. Có ghi tên người, số tiền đóng góp xây dựng chùa và các xứ ruộng cúng.

Ghi chú: Dòng niên đại trên thạc bản bị bôi xóa.

Hậu thần bi kí/Thiên trường địa cửu

後神碑記/天長地久

Kí hiệu: 1169/1170

Thạc bản bia thôn Hoàng xã Cổ Nhuế huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai 國威府慈廉縣古芮社黃村, suru tằm tại điểm thôn Hoàng xã Cổ Nhuế tổng Cổ Nhuế huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thạc bản 2 mặt, khổ 62 x 96 cm, gồm 39 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 1500 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 15 (1754).

Người soạn: Đỗ Xuân Chiêm 杜春霽; quê quán: thôn Hoàng; chức vị: Thị nội văn chức, Thông chính ty Điển sự.

Người viết chữ: Phí Đình Chắt 費廷質; quê quán: xã Cổ Nhuế; học vị: Giải nguyên, Trung thư giám Hoa văn học sinh.

Người khắc: Lê Thụ Tăng 黎受僧; quê quán: thôn Nhuệ xã An Hoạch huyện Đông Sơn.

Chủ đề: - Bâu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Bà Ngưu Thị Hạo chồng là Lưu Trung Trực đã chết, con gái gả cho con trai Tri phủ phủ Nghĩa Hưng họ Nguyễn, một nhà hòa mục, ngũ phúc đủ đầy, thường làm việc công đức giúp xã tu sửa cầu đường. Năm Nhâm Thân, bản thôn thiếu tiền nộp thuế và tạp dịch, Tự Thừa công và Giám Sinh công là con rể và cháu rể đã cúng tiền ruộng ac

đất cho bán thôn chi dùng. Dân làng cảm ơn công đức của gia đình và suy tôn bà Ngưu Thị Hạo và ông Lưu Trung Trực làm Hậu thần. Có ghi các nghi thức cúng giỗ Hậu thần.

Học điền bi kí

學田碑記

Kí hiệu: 1171/1172

Thác bản bia xã Cổ Nhuế 古芮社, sưu tầm tại am giáp Tây xã Xuân Tảo tổng Xuân Tảo huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 61 x 95 cm, gồm 26 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 800 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: không ghi.

Niên đại ước đoán: Minh Mệnh thứ 6 (1825).

Người soạn: Nguyễn Đắc Dur 阮得興; học vị: Cự Sinh đồ và Chu Bình Quân 朱秉鈞; học vị: Cự Sinh đồ khoa Kì Dậu.

Người viết chữ: Nguyễn Danh Vọng 阮名望; học vị: Cự Sinh đồ khoa Ất Dậu.

Chủ đề: Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Đạo học phải có thầy, để nuôi dưỡng thầy phải có học điền. Xã Cổ Nhuế xưa đã có nhiều bậc khoa mục nhưng gần đây bị giảm sút. Từ năm Canh Thìn đã khởi công việc lập học điền, có người đã góp thêm tư điền để tăng số học điền. Nay bản xã lập bia ghi tên những người đóng góp học điền, có ghi các xứ ruộng. Mặt sau ghi tên các vị trong Văn hội của giáp và viên chức giáp cúng ruộng học điền.

Ghi chú: Dòng niên đại trên thác bản bị xóa.

Xã nội cập thập phương công đức bi kí

社內及十方功德碑記

Kí hiệu: 1173

Thác bản bia xã Cổ Nhuế 古芮社, sưu tầm tại quán Giáp Nam xã Xuân Tảo tổng Xuân Tảo huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 53 x 78 cm, gồm 19 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 600 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: không ghi.

Niên đại ước đoán: Thành Thái thứ 3, năm Tân Mão (1891).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Sinh hoạt làng xã.
- Lịch sử di tích.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Chùa Sùng Quang xã Cổ Nhuế xưa được công chúa họ Trịnh trùng tu thành nơi thắng tích, sau đó lại tiếp tục trùng tu chùa thêm rộng rãi. Đến năm Kỷ Sửu, sư chùa cùng với quan viên sắc mục trong xã hưng công xây dựng thêm nhà bái đường, 8 gian nhà ngang tả hữu, trùng tu các tòa trong chùa. Đến năm Tân Mão lại tân tạo một tòa Cửu Long, 15 tượng gỗ, trùng tu 15 tòa tượng đất. Có ghi tên, số tiền công đức.

Ghi chú: Thác bản có thể bị xóa dòng niên đại.

Trùng tu bi kí

重修碑記

Kí hiệu: 1174/1175

Thác bản bia thôn Tô Thị 祖市村, suru tâm tại chùa xã Tả Thanh Oai tổng Thanh Oai huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 60 x 73 cm và 60 x 79 cm, gồm 50 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 1300 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Quang Trung thứ 4, năm Tân Hợi (1791).

Người soạn: Nguyễn Nam 阮南, hiệu: Văn Phủ 文甫, Tả Khê cư sĩ 左溪居士; học vị: Tiến sĩ khoa Ất Mùi đời Lê Cảnh Hưng.

Chủ đề: - Sinh hoạt làng xã.
- Lịch sử di tích.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Cầu thôn Tổ Thị bắc qua sông Nhuệ đã có từ xưa và là con đường của dân đi lại phía Tây Nam, lâu ngày cầu bị hư hỏng hơn mười năm nay. Năm Nhâm Dần, quan đương triều Đặc tiến Kim tử Vinh lộc thượng đại phu Bình bộ Thượng thư Thị trung Đại học sĩ Tỉnh Phái hầu Ngô Thì Nhậm cùng một số quan chức trong triều như Tổng Thái giám Kim Thọ hầu, Kiến Xuyên hầu... và chức sắc hào mục trong xã đề xuất việc quyên góp tiền lương của các quan chức được 200 lạng bạc và tiền của dân xã để xây dựng lại cầu. Năm Giáp Thìn xúc tiến việc mua gỗ, sắt... nhưng gặp phải biến cố trong nước nên công việc phải dừng lại 3, 4 năm. Đến năm Canh Tuất sau khi ông Ngô Thì Nhậm đi sứ về lại tiếp tục hoàn thành công việc trùng tu. Có ghi tên những người đóng góp trùng tu cầu.

[Vô đề]

Kí hiệu: 1176

Thác bản bia thôn Tổ Thị xã Tả Thanh Oai 左青威社祖市村, sưu tầm tại chùa xã Tả Thanh Oai tổng Thanh Oai huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 46 x 56 cm, gồm 10 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 200 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: năm thứ 2, Canh Dần.

Niên đại ước đoán: Thành Thái thứ 2 (1890).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bầu Hậu, gửi giỗ, biêu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Hai bà Ngô Thị Tâm và Ngô Thị Tùng vì không có con thừa tự nên đã xuất 4 sào 14 thước ruộng giao cho nhà chùa để gửi giỗ cho bản thân. Có ghi diện tích vị trí các thửa ruộng.

Ghi chú: Theo chủ thích sưu tầm, thác bản được ghép với thác bản số 1177, xét nội dung hoàn toàn độc lập với nhau nên tách ra. Hai chữ niên hiệu trên thác bản bị dập xóa.

[Tự] Đức Ất Hợi

嗣德乙亥

Kí hiệu: 1177

Thác bản bia thôn Tổ Thị xã Tả Thanh Oai 左青威社祖市村, sưu tầm tại chùa xã Tả Thanh Oai tổng Thanh Oai huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 40 x 56 cm, gồm 12 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 250 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: niên hiệu Long Đức, năm Ất Hợi.

Niên đại ước đoán: Tự Đức thứ 28, năm Ất Hợi (1875).

Người soạn: Trần Đình 陳錠.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Ông Trần Đình nghe người nhà kể lại, hồi trước hai bà tổ cô của ông là Trần Thị An và Trần Thị Duyên vì không có con nối dõi, nên cứ ước ao mua ruộng để gửi giỗ nhưng chưa làm được. Nay ông nghe theo di mệnh, xuất ruộng tư gửi giỗ cho hai bà cô tổ vào chùa của bản thôn.

Ghi chú: Theo chú thích sưu tầm, thác bản được ghép với thác bản số 01176, xét vì có nội dung hoàn toàn độc lập với nhau nên tách ra. Đề trán bia nguyên ghi “Long Đức Ất Hợi 龍德乙亥”. Chữ “Long” của niên hiệu Long Đức trên trán bia của thác bản là ngụy tạo.

[Vô đề]

Kí hiệu: 1178

Thác bản bia sưu tầm tại chùa xã Tả Thanh Oai tổng Thanh Oai huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 38 x 57 cm, gồm 13 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 200 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: năm Quý Mão.

Niên đại ước đoán: Thành Thái thứ 15, năm Quý Mão (1903).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà Nguyễn Thị Như tưởng nhớ cha mẹ không người thừa tự, nên đã mua 7 sào 5 thước ruộng để gửi giỗ cho cha mẹ và bản thân tại chùa. Có ghi các thửa ruộng.

Ghi chú: Theo ghi chú của người sưu tầm, thác bản nguyên ghép chung với thác bản số 1182. Niên hiệu trên thác bản bị bôi xóa.

[Vô đề]

Kí hiệu: 1179

Thác bản bia sưu tầm tại chùa xã Tả Thanh Oai tổng Thanh Oai huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 39 x 59 cm, gồm 10 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 150 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: năm Quý Mão.

Niên đại ước đoán: Thành Thái 15, năm Quý Mão (1903).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Hai chị em bà Ngô Thị Thụy mua 4 sào ruộng để gửi giỗ cho cha mẹ tại chùa. Có ghi vị trí các thửa ruộng.

Ghi chú: Theo ghi chú của người sưu tầm, thác bản nguyên ghép chung với thác bản số 1180. Niên hiệu trên thác bản bị bôi xóa.

[Vô đề]

Kí hiệu: 1180

Thác bản bia suu tầm tại chùa xã Tả Thanh Oai tổng Thanh Oai huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 35 x 59 cm, gồm 8 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 100 chữ, không có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 15.

Niên đại ước đoán: Thành Thái thứ 15 (1903).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà Nghiêm Thị Vân theo đạo Phật, nghĩ đến việc báo đáp gia tiên đã cúng 3 sào ruộng để gửi giỗ cho cha mẹ. Có ghi các xứ ruộng cúng.

Ghi chú: Theo ghi chú của người sưu tầm, thác bản nguyên ghép chung với thác bản số 1179. Ba chữ “Lê Cảnh Hưng” trên thác bản là ngụy tạo.

[Vô đề]

Kí hiệu: 1181

Thác bản bia suu tầm tại cầu xã Tả Thanh Oai tổng Thanh Oai huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 22 x 105 cm, gồm 1 dòng chữ Hán, toàn văn 19 chữ, không có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Đức Long thứ 2, năm Quý Hợi.

Niên đại ước đoán: Gia Long thứ 2, năm Quý Hợi (1803).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Lịch sử di tích.

Tóm lược nội dung:

Bia chỉ ghi 1 dòng niên đại: “[Đức] Long vạn vạn niên chi nhị, tuế tại Quý Hợi thập nhất nguyệt đông chí hậu tam nhật”.

Ghi chú: Chữ “Đức” ở dòng niên đại trên thác bản là ngụy tạo.

Kí kị bi kí

寄忌碑記

Kí hiệu: 1182

Thác bản bia sưu tầm tại chùa xã Tả Thanh Oai tổng Thanh Oai huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 38 x 57 cm, gồm 10 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 150 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Vĩnh Trị thứ 3.

Niên đại ước đoán: thời Nguyễn.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà Trần Thị Thơm muốn báo đáp công ơn gia tiên nên đã cúng 5 sào 5 thước ruộng vào chùa để gửi giỗ cho ông bà cha mẹ. Có ghi xứ ruộng cúng.

Ghi chú: Theo ghi chú của người sưu tầm, thác bản nguyên ghép chung với thác bản số 1178. Hai chữ “Vĩnh Trị” trên thác bản là ngụy tạo.

Ngô tộc thứ chi Khánh Nguyên đàn bi

吳族次支慶源壇碑

Kí hiệu: 1183/1184

Thác bản bia sưu tầm tại đàn Khánh Nguyên xã Tả Thanh Oai tổng Thanh Oai huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 78 x 108 cm và 92 x 108 cm, gồm 18 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 580 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: không ghi.

Người soạn: Ngô Đức 吳德; quê quán: xã Tả Thanh Oai tổng Thanh Oai huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông, cháu đời thứ 14 của dòng họ Ngô.

Chủ đề: - Gia phả, lai lịch dòng họ.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Phân chi thứ của họ Ngô bắt đầu từ ông tổ Phúc Toàn, về sau càng trở nên đông đúc. Đến thời cụ Hoàng Giáp hiệu Phác Hiên (tức Ngô Đình Chất, Tiến sĩ khoa Tân Sửu 1721), cụ mới lập ra đàn Khánh Nguyên, khắc bia thờ phụng các vị tổ tiên. Sau do lụt lội, đất ấy không thích hợp nên đàn thờ tổ tiên được dời đến nơi thoáng rộng đẹp để ở giữa ấp, phỏng theo đàn Truy Viễn xưa, thay đổi thần vị, thờ Phúc Toàn công ở chính vị, tiếp đến là thứ vị các đời con cháu và các vị danh khoa hiển hoạn của dòng họ. Có ghi tên các bậc đỗ đạt làm quan từ đời thứ 6 đến đời thứ 13. Mặt sau ghi duệ hiệu thế thứ của các vị tổ và các vị đỗ đạt, quan lại trong chi họ.

Sùng Đức từ thế tự chi bi

崇德祠世祀之碑

Kí hiệu: 1185/1186

Thác bản bia suru tằm tại nhà thờ Sùng Đức họ Ngô xã Tả Thanh Oai tổng Thanh Oai huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khô 93 x 153 cm, gồm 35 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 900 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Hoàng triều thứ 2, năm Giáp Dần.

Niên đại ước đoán: Cảnh Thịnh thứ 2 (1794).

Người soạn: [Ngô Thì] Nhậm 吳時任; cháu Tăng tôn họ Ngô.

Người viết chữ: Trương Gia Nghiễm 張嘉儼; chức vị: Bí thư, Thự Chính tự, Thự Ân bá.

Người đề chữ trán bia: Nguyễn Gia Phan 阮嘉璠; chức vị: Đặc tiến kim tử Vinh lộc thượng đại phu, Thị trung Hiệp biện Đại học sĩ; tước Hoàng Phong hầu.

Chủ đề: - Gia phả, lai lịch dòng họ.
- Hành trạng, công tích nhân vật.

Tóm lược nội dung:

Năm Cảnh Hưng Bính Tuất (1766), cha ta là Văn Dụ Vương (tức Ngô Thì Sĩ) sau khi đỗ khoa trở về đã chọn 1 khu đất ở phía đông nhà ở dựng nên nhà thờ này. Nay để không quên công đức tổ tiên và truyền thống dòng họ, xin khắc ghi lại đức nghiệp của liệt tổ để lưu truyền. Bia ghi thụ hiệu 4 đời tổ tiên của tác giả và các nghi thức thờ phụng.

Ghi chú: Hai chữ niên hiệu trên thác bản bị bôi xóa.

Diễn Trạch từ cung thuật chi bi

衍澤祠恭述之碑

Kí hiệu: 1187/1188

Thác bản bia suu tầm tại đền thờ họ Ngô xã Tả Thanh Oai, tổng Thanh Oai, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 70 x 137 cm, gồm 31 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 900 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: năm Đinh Sửu.

Niên đại ước đoán: Gia Long thứ 16 (1817).

Người soạn 1: Lê Giác 黎珪; quê quán: Nam Đường, Nghệ An; chức vị: Cung phụng sứ, Cai cơ, Ngự doanh sứ; tước Chung Nhạ hầu.

Người soạn 2 và viết chữ: Ngô Thì Du 吳時悠.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Bài văn bia do Lê Xác soạn thuật tiểu sử của thầy học của mình là Ngô Văn Túc (tức Ngô Thì Đạo cháu gọi Ngô Phong công Ngô Thì Sĩ là bác). Tiên sinh sinh năm Long Đức Nhâm Tý (1732) đời vua Lê Thuần Tông, đỗ Hoàng tử ra làm quan ở Thụy Anh, Nam Chân, Anh Đô, lập được nhiều chính tích, thăng làm Hiến đài Kinh Bắc. Năm Bính Ngọ (1786) gặp buổi quốc nạn, ông lui về ở ẩn vì không

chịu thờ hai vua (bất sự nhị tính). Ông mất năm Nhâm Tuất thọ 71 tuổi. Có bài minh ca ngợi. Mặt sau bia có trích bài thơ *Ngôn hoài* tuyển 40 vận trong tổng số 80 vận của Ngô Văn Túc do con trai ông là Ngô Thị Du thuật lại và viết chữ.

Ghi chú: Chữ ghi niên đại trên thác bản bị bôi xóa.

Triệu tộc hợp tự bi đàn/Tồn trú bất vong

趙族合祀碑壇/存著不忘

Kí hiệu: 1189/1190

Thác bản bia sưu tầm tại Đàn thờ họ Triệu xã Tà Thanh Oai tổng Thanh Oai huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 60 x 103 cm, gồm 33 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 900 chữ, có hoa văn, có chữ húy: Thị 辰.

Niên đại: Chính Hòa thứ 11.

Niên đại ước đoán: thời Nguyễn.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Gia phả, lai lịch dòng họ.
- Hành trạng, công tích nhân vật.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Cháu 5 đời họ Triệu là Triệu Văn Bình, vợ là Trần Thị Định cùng 4 con gái, các con rể nghĩ đến công đức của tổ tiên đã bỏ ra 800 quan tiền để lập đàn bia họ Triệu; lại cúng 3 mẫu 5 sào ruộng để làm ruộng tế tự tổ tiên, cùng bản tộc lập bia thờ phụng vị Thủy tổ đời thứ 5 và 4 vị tổ đời thứ tư mở đầu cho 4 chi của dòng họ cùng các vị phụ hương. Sau người em là Triệu Văn Trung lại cúng cho họ 100 quan tiền văn nữa. Bản tộc định lệ cúng tế tổ tiên xuân thu nhị kỳ hàng năm. Có bài minh ca ngợi, vị trí của bi đàn cùng tên họ, ngày giỗ của 5 vị tổ, các vị tông tự phối hưởng.

Ghi chú: Ba chữ “Lê Chính Hòa” ở dòng niên đại trên thác bản là ngụy tạo.

Ngô tộc Thế Đức bi kí/Thiên địa thần nhân cộng giám

吳族世德碑記/天地神人共鑒

Kí hiệu: 1191/1192

Thác bản bia thôn Tô Thị xã Tả Thanh Oai 左青威社祖市村, sưu tầm tại đàn xã Tả Thanh Oai tổng Thanh Oai huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 98 x 145 cm, gồm 59 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 2800 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: niên hiệu Cảnh Thịnh, năm Ất Tị.

Niên đại ước đoán: Thiệu Trị thứ 5 (1845).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Gia phả, lai lịch dòng họ.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Bài kí về dòng họ Ngô. Tổ tiên họ Ngô từ nhà Thanh (Trung Quốc) đến ngụ cư tại thôn Tô Thị xã Tả Thanh Oai, sau một chi di cư đến xã Nguyệt Vọng, Yên Phong, Bắc Ninh; một chi di cư vào Đông Thành Nghệ An. Dòng họ Ngô trải 20 đời kéo dài 500 năm, nay con cháu dựng đàn thờ tổ tiên ở bên bờ sông Nhuệ làng Tô Thị, lấy tên là đàn Phụng Tiên, lễ tế xuân thu nhị kỳ hàng năm. Mặt sau ghi danh sách những người đóng góp tiền, ruộng cùng thể lệ cúng tế.

Ghi chú: Niên hiệu “Cảnh Thịnh” trên thác bản là ngụy tạo.

Ngô thế gia Quan Đức chi bi/Đức Lâm thạch dữ Nhuệ Giang thủy

吳世家觀德之碑/德林石與銳江水

Kí hiệu: 1193/1194

Thác bản bia sưu tầm tại đàn thờ họ Ngô làng Tô Thị xã Tả Thanh Oai tổng Thanh Oai huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 80 x 150 cm, gồm 47 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 2400 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 4, năm Tân Hợi.

Niên đại ước đoán: Quang Trung thứ 4 (1791).

Người soạn: Ngô Thì Nhậm 吳時任.

Người viết chữ 1: Nguyễn Đăng Nhâm 阮登壬; chức vị: Thị nội mật sự; tước Nhâm Trung bá.

Người viết chữ 2: Phạm Bá Nhuận 范伯潤; chức vị: Thị nội mật sự; tước Hải Lãnh bá.

Chủ đề: - Gia phả, lai lịch dòng họ.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Bài kí đàn Truy Viễn dòng họ Ngô. Dòng họ Ngô là thế vọng tộc, nho sinh kế xuất, văn võ tinh hành, cháu con nối dòng khoa hoạn. Đàn Truy Viễn do Binh bộ Thượng thư Tỉnh Phái hầu lập ra để tưởng nhớ công đức của mười mấy đời các vị tiên tổ họ Ngô. Bia liệt kê phả hệ mười hai đời dòng họ Ngô, từ cụ Triệu tổ Phúc Cơ công đến Thế Lộc công (tức Ngô Phong tiên sinh Ngô Thì Sĩ, cha của tác giả), các bậc tiên tổ được thờ phụng theo thể thứ tá chiêu hữu mục. Có ghi nghi tiết cúng tế và vị trí các xứ ruộng.

Ghi chú: Hai chữ “Cảnh Hưng” ở dòng niên đại thác bản là ngụy tạo.

Trùng tu đình vũ bi kí

重修亭宇碑記

Kí hiệu: 1195

Thác bản bia suu tâm tại đình xã Nhân Mục Môn tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 70 x 140 cm, gồm 9 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 300 chữ, có hoa văn, không có chữ huy.

Niên đại: không ghi.

Niên đại ước đoán: thời Nguyễn.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Sinh hoạt làng xã.

- Lịch sử di tích.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Đền thờ Lạc Hùng Lã Thượng tướng vốn dựng tại nền hành cung của ngài ngày xưa, trải đã có mấy ngàn năm. Trước kia quan Bát phẩm Lê Lưu công và Nguyễn Công đã cùng dân làng mở rộng đền nhưng chưa thật tráng quan mỹ lệ. Nay Binh bộ Thượng thư kiêm Hữu Đô ngự sử Ninh Thái Tổng đốc kiêm Đồng lý quân vụ Phú Hoàn nam Lê đại nhân bàn bạc với các viên sắc trong làng hưng công trùng tu xây dựng tam quan, dựng đình lục giác, kinh phí khá lớn, miếu mạo trở nên nguy nga đẹp đẽ.

Ghi chú: Dòng niên đại trên thạc bản bị bôi xóa.

Hậu kị bi kí

後忌碑記

Kí hiệu: 1196

Thạc bản bia huyện Thanh Trì phủ Thường Tín 常信府青池縣, sưu tầm tại chùa xã Nhân Mục Môn tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thạc bản 1 mặt, khổ 38 x 59 cm, gồm 12 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 200 chữ, có hoa văn, không có chữ huy.

Niên đại: Vĩnh Trị thứ 13.

Niên đại ước đoán: thời Nguyễn.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Bản thôn hưng công trùng tu chùa Quang Ân, kinh phí tốn kém. Bà Nguyễn Thị Ba đã đóng góp 20 quan thanh tiền, 1 sào ruộng để dùng vào việc công, lại cúng 1 sào ruộng để gửi giỗ cho bản thân. Có ghi quy định việc cúng giỗ hàng năm.

Ghi chú: Thác bản bia có dấu bôi xóa, hai chữ niên hiệu “Vĩnh Trị” là ngẫu tạo.

Lê tướng công sự nghiệp huân danh bi kí

黎相公事業勳名碑記

Kí hiệu: 1197/1219

Thác bản bia suu tầm tại xã Quần Trọng tổng Thượng Cốc huyện Lôi Dương phủ Thọ Xuân tỉnh Thanh Hóa.

Thác bản 2 mặt, khổ 140 x 140 cm, gồm 79 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 2200 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Vĩnh Thịnh thứ 12 (1716).

Người soạn: Vũ [Thạnh] 武 晟; quê quán: xã Đan Luân huyện Đường An phủ Thượng Hồng, Hải Dương; học vị: Tiến sĩ khoa Ất Sửu (1685); chức vị: Quốc tử giám Tư nghiệp.

Người nhuận sắc: Nguyễn [Đăng Đạo] 阮登道; quê quán: thôn Hoài Bảo xã Tiên Du huyện Từ Sơn phủ Kinh Bắc; học vị: Tiến sĩ khoa Quý Hợi (1683); chức vị: Đặc tiến Kim tử Vinh lộc đại phu, Tham tụng Binh bộ Thượng thư; tước Thọ Lâm bá.

Người viết chữ: Trịnh Thế Khoa 鄭世科; quê quán: xã Hạ Thanh Oai huyện Thanh Oai phủ Ứng Thiên; học vị: Thụ toán khoa Mậu Dần; chức vị: Thị nội Thư tả.

Người khắc: Lê Huân Danh 黎勳名; quê quán: thôn Nhuệ xã An Hoạch huyện Đông Sơn phủ Thiệu Thiên; chức vị: Phụng thị nội điện Thạch tượng cục.

Chú đề: - Công văn triều đình.
- Hành trạng, công tích nhân vật.

Tóm lược nội dung:

Bia do Huyền Quận công Lê Thì Hạo dựng, thuật lại tiểu sử sự nghiệp của cha là Lê [Thì Hải], Đặc tiến phụ quốc Thượng tướng quân, Nam quân Đô đốc phủ Tả Đô đốc Thụ phủ sự, Thiếu phó Thạc quận công. Ông sinh năm Kỷ Mão 1639, năm 18 tuổi theo người bác đi phá giặc ở Nam Hà; năm 32 tuổi thu phục được xứ Tuyên Quang;

năm 33 tuổi lấy Quận chúa Trịnh Thị Ngọc Trác. Về sau nhiều lần lập công to, được vua khen thưởng, phong chức tước. Ông mất năm Bính Thân, thọ 78 tuổi, được phong tặng Thái phó Lê tướng quân, ban thụy Hùng Duệ. Lễ an táng được tổ chức long trọng tại quê nhà. Có bài chế phong tước Quận công.

Vạn thế phụng tự bi kí

萬世奉祀碑記

Kí hiệu: 1198

Thác bản bia huyện Lôì Dương phủ Thiệu Thiên Thanh Hoa 清華紹天府雷陽縣, sưu tầm tại miếu xã Quần Trọng tổng Thượng Cốc huyện Lôì Dương phủ Thọ Xuân tỉnh Thanh Hóa.

Thác bản 1 mặt, khổ 145 x 250 cm, gồm 54 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1800 chữ, có hoa văn, có chữ hủy: Cửu 巽.

Niên đại: Vĩnh Thịnh thứ 6 (1710).

Người soạn: Vũ [Thạnh] 武晟; quê quán: xã Đan Luân huyện Đường An phủ Thượng Hồng, Hải Dương; học vị: Tiến sĩ khoa Ất Sửu (1685); chức vị: Phụng sai Thanh Hoa xứ Đốc đồng quan Binh khoa Cấp sự trung.

Người nhuận sắc 1: Nguyễn [Đăng Đạo] 阮登道; quê quán: thôn Hoài Bảo xã Tiên Du huyện Từ Sơn phủ Kinh Bắc; học vị: Tiến sĩ khoa Quý Hợi (1683); chức vị: Đặc tiến Kim tử Vinh lộc đại phu, Tham tụng Binh bộ Thượng thư, tước Thọ Lâm bá.

Người nhuận sắc 2: Phạm [Quang Trạch] 范光澤; quê quán: xã Đông Ngạc huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai, Sơn Tây; học vị: Tiến sĩ khoa Quý Hợi; chức vị: Bồi tụng, Lễ bộ Hữu thị lang.

Chủ đề: - Bào Hậ, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Hành trạng, công tích nhân vật.
- Sinh hoạt làng xã.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Đương triều nguyên lão phụng sai Kinh Bắc xứ Trấn thủ quan, Đặc tiến phụ quốc Thượng tướng quân, Nam quân Đô đốc phủ Tả Đô

đốc, Thiếu bảo, Thạc quân công Lê Thời Hải người thôn Đông xã Phú Hào huyện Lôi Dương, Phủ Thiệu Thiên, Thanh Hoa; hơn 50 năm tận lực phụng sự quốc gia, lấy quận chúa Trịnh Thị Ngọc Trác, huân danh để lại cho muôn đời con cháu. Ông đã cấp cho dân địa phương 7800 quan tiền cổ và 891 mẫu thổ điền dùng vào việc công và việc thờ cúng. Nhân dân địa phương lập điều ước thờ phụng cha mẹ, vợ chồng ông hàng năm như bậc thần minh. Có bài minh.

Huệ số

惠數

Kí hiệu: 1199

Thác bản bia thôn Đông Thọ xã Phú Hào huyện Lôi Dương phủ Thiệu Thiên 紹天府雷陽縣富豪社東壽村, suru tầm tại miếu xã Quần Trọng tổng Thượng Cốc huyện Lôi Dương phủ Thọ Xuân tỉnh Thanh Hóa.

Thác bản 1 mặt, khổ 150 x 170 cm, gồm 40 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 1400 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Vĩnh Thịnh thứ 6 (1710).

Người viết chữ: Đỗ Thế Trụ 杜世宙; quê quán: xã Thái Lạc huyện Văn Giang phủ Thuận An Kinh Bắc; học vị: Thụ toán khoa Mậu Dần; chức vị: Thị nội Thư tả, Bình phiên Phó sở sử.

Chủ đề: Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Quan phụng sai Kinh Bắc xứ trấn thủ quan, Đặc tiến phụ quốc Thượng tướng quân, Nam quân Đô đốc phủ Tả Đô đốc Thiếu bảo Thạc quân công Lê Thời Hải giao phó cho dân của 33 giáp, thôn, xã làm dân hộ nhi thờ phụng 4 vị (cha, mẹ, vợ và bản thân ông) quanh năm vào các dịp sinh nhật, ngày giỗ, ngày tết, đoàn ngo, trung nguyên, trừ tịch, lễ tế bốn mùa... Số tiền ruộng ghi trong văn khế là 891 mẫu ruộng và 7800 quan tiền cổ. Văn khế được làm thành 33 bản giao cho mỗi giáp xã thôn giữ một bản và đồng thời khắc vào bia đá. Có quy định cụ thể về việc sử dụng số tiền, đất từ đường, ruộng tế khí và việc chia các xứ ruộng cho các giáp luân lưu canh tác.

Sự nghiệp bi

事業碑

Kí hiệu: 1200

Thác bản bia suu tầm tại miếu xã Phú Hào tổng Bất Náo huyện Lôi Dương phủ Thọ Xuân tỉnh Thanh Hóa.

Thác bản 1 mặt, khổ 95 x 165 cm, gồm 36 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1600 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Vĩnh Trị thứ 2 (1677).

Người soạn: Nguyễn Viêt Thứ 阮曰庶; học vị: Tiến sĩ khoa Giáp Thìn (1664); chức vị: Hiến cung đại phu, Bồi tụng, Đông các Đại học sĩ.

Người nhuận sắc: Hồ [Sĩ Dương] 胡士陽; quê quán: xã Sơn Đồng huyện Đan Phượng; học vị: Tiến sĩ khoa Nhâm Thìn (1652); chức vị: Đặc tiến Kim tử Vinh lộc đại phu, Tham tụng, Công bộ Thượng thư kiêm Đông các Đại học sĩ; tước Duệ Quận công.

Người viết chữ: Đặng Trinh 鄧貞; học vị: Thư toán khoa Nhâm Thìn; chức vị: Bình biên Thiếu khanh; tước Mậu Lâm tử.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Bia ghi tiểu sử của vị Tướng công họ Lê (cha đẻ của Lê Thị Đường, cha nuôi của Lê Thị Hải). Ông là người đã lập nhiều công nghiệp lớn với triều đình, thọ 66 tuổi. Khi Thánh thượng nghe tin ông mất đã gia tặng chức Thái tử, ban thụy Nghiêm Trí, phong tặng là Hùng dũng Mưu lược Cương nghị Thông đạt Phần uy Hộ quốc Tĩnh biên Nhung tích Đại vương, khắc vào tự điển là Trung đẳng thần. Hoàng thượng lại cấp cho quan bồi tụng Binh bộ Hữu Thị lang Vũ Duy Hải tiền điều phúng 2000 quan, sai lập miếu thờ 3 gian, người thiếp là Trần Thị Thứ chết theo chồng được phong là Á phu nhân, cấp cho 20 mẫu ruộng làm tế điền lập đền thờ riêng; con cháu đều được âm phong, lập bia ghi nhớ công đức. Có bài minh.

Ghi chú: Có lẽ còn thiếu thác bản một mặt bia liên quan.

Tự sự Nguyễn gia bi kí/Nhất thôn tự sự khoán văn/

Tế điền trực phần xứ sở/Tế vật nghi tiết sự lệ

祀事阮家碑記/一村祀事券文/祭田逐分處所/祭物儀
節事例

Kí hiệu: 1201/1202/1203/1204

Thác bản bia xã Oanh Cốc huyện Lôi Dương phủ Thiệu Thiên 紹天府
雷陽縣萬谷社, sưu tầm tại chùa thôn Thu Thành tổng Thượng Cốc
huyện Lôi Dương phủ Thọ Xuân tỉnh Thanh Hóa.

Thác bản 4 mặt, khổ 37 x 100 cm, gồm 77 dòng chữ Hán và Nôm,
toàn văn ước khoảng 2800 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Vĩnh Trị thứ 2 (1677).

Người soạn: Trần Thế Vinh 陳世榮; quê quán: xã Tiên Phong; học vị:
Tiến sĩ khoa Canh Tuất (1670); chức vị: Giám sát Ngự sử.

Chữ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Bà Nguyễn Thị Nhón ở bản xã là người phong tư khoan hòa đức hạnh.
Chồng bà được phong đến tước hầu. Bà đã cúng cho thôn Đông,
thôn Cầu bản xã 10 mẫu ruộng để luân lưu canh tác dùng cho việc
phụng sự cha mẹ của bà. Xã lập bia ghi nhớ công đức và quy định
việc cúng giỗ hàng năm theo nghi thức. Có ghi các xứ ruộng cúng.

Tế điền bi kí/Trực phần hữu sai/Tọa lạc xứ sở

祭田碑記/逐分有差/坐落處所

Kí hiệu: 1205/1206/1207

Thác bản bia sưu tầm tại đình thôn Quả Thượng tổng Thượng Cốc
tỉnh Thanh Hóa.

Thác bản 3 mặt, khổ 62 x 98 cm, gồm 45 dòng chữ Hán và Nôm, toàn
văn ước khoảng 900 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Chính Hòa thứ 7 (1673).

Người soạn: Nguyễn Công Vọng 阮公望; học vị: Tiến sĩ khoa Quý Sửu
(1673); chức vị: Bồi tụng, Lễ bộ Tả Thị lang; tước Vĩnh Ngạn nam.

Người nhuận sắc: Nguyễn Danh Thực 阮名實; học vị: Tiến sĩ khoa Kỷ Hợi (1659); chức vị: Bồi tụng, Ngự sử đài Đô ngự sử; tước Hải Sơn tử.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Hoàng Thái hậu Phạm Thị Ngọc Oanh, vợ vua Lê Thần Tông, mẹ đẻ vua Lê Huyền Tông là người đức hạnh, sống nhân nghĩa. Bà xuất tiền mua ruộng và ao, đặt làm ruộng tế để cho dân xã nhận canh tác và chia phần cho những người trong họ tộc của bà. Toàn bộ 2 mặt bia còn lại ghi diện tích vị trí thửa ruộng.

Ghi chú: Xem thêm các thác bản bia số 1209, 1210, 1211.

**Đệ niên tuần nhật/Phụng sự bi kí/Công đức trường lưu/
Tế tự thường nghi**

遞年旬日/奉事碑記/功德長留/祭祀常儀

Kí hiệu: 1208/1209/1210/1211

Thác bản bia sưu tầm tại đình thôn Quả Thượng tổng Thượng Cốc huyện Lôi Dương tỉnh Thanh Hóa.

Thác bản 4 mặt, khổ 67 x 105 cm, gồm 64 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1200 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Chính Hòa thứ 7 (1686).

Người soạn 1: Quách Giai 郭佳; học vị: Tiến sĩ khoa Quý Sửu (1673); chức vị: Hàn lâm viện Thị chế.

Người soạn 2: Nguyễn Phú Hồ 阮富湖; học vị: Tiến sĩ xuất thân; chức vị: Hàn lâm viện Hiệu lý.

Người soạn 3: Nguyễn Đình Xuân 阮廷椿; học vị: Tiến sĩ xuất thân; chức vị: Hàn lâm viện Hiệu thảo.

Người nhuận sắc 1: Nguyễn Danh Thực 阮名實; quê quán: xã Đại Bái huyện Gia Định; học vị: Tiến sĩ khoa Kì Hợi (1659); chức vị: Bồi

tụng, Ngự sử đài Đô ngự sử; tước Hải Sơn tử.

Người nhuận sắc 2: Nguyễn Công Vọng 阮公望; quê quán: xã Vĩnh Cầu huyện Đông Ngàn; học vị: Tiến sĩ khoa Quý Sửu (1673), Đông các khoa Bính Thìn; chức vị: Bồi tụng, Lễ bộ Tả Thị lang; tước Vĩnh Ngạn nam.

Người viết chữ: Nguyễn Hạo 阮浩; quê quán: xã Phù Chẩn huyện Đông Ngàn; chức vị: Phó Cai hợp, Đồng Tri phủ; tước Văn Học nam.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Tiểu sử bà Hoàng Thái hậu Phạm Thị Ngọc Oánh. Bà là người thôn Cáo Nhuệ Thượng, bố là tướng quân Phạm Đình Kiên, mẹ Chu Thị Loan, người xã Thanh Nga huyện Văn Giang. Năm 19 tuổi, bà được vời vào cung hầu Lê Thần Tông, sau sinh ra Lê Huyền Tông, được phong làm Hoàng Thái hậu. Khi Lê Huyền Tông ngự giá về quê mẹ thôn Cáo Nhuệ dựng lăng Cáo Thịnh, lập ra miếu điện Càn Long, nhà vua ra chỉ cho dân xã làm tạo lệ, cùng xã Thanh Nga được cấp ruộng thờ để lo việc thờ phụng tế lễ các ngày sinh ngày giỗ của tổ tiên bên nội, bên ngoại của Hoàng Thái hậu. Về số ruộng tự điền 80 mẫu trước được cấp ở xứ Đồng Bàng Bồ Vệ, nay đổi cấp thay bằng đồn điền nhà nước ở sở Gia Tĩnh thuộc xã Thủ Hộ huyện Quảng Xương. Bia ghi cụ thể vị trí, diện tích ruộng tự điền và qui định về thể lệ cúng giỗ hàng năm của từng vị gia tiên của Hoàng thái hậu.

Ghi chú: Hai soạn giả Nguyễn Phú Hồ và Nguyễn Đình Xuân trên văn bia đề là đồ Tiến sĩ xuất thân, nhưng tra các Bia đề danh Tiến sĩ ở Văn miếu và sách về Khoa bảng đều không thấy ghi chép.

Hậu Tây Hưng tự/Hậu Phật bi kí

後西興寺/後佛碑記

Kí hiệu: 1212/1213/1214/1215

Thác bản bia hương Lam Sơn huyện Thụy Nguyên phủ Thiệu Thiên 紹天府瑞原縣藍山鄉, sưu tầm tại chùa xã Lư Khánh tổng Nam Dương huyện Lôi Dương tỉnh Thanh Hóa.

Thác bản 4 mặt, khổ 40 x 48 cm và 14 x 33 cm, gồm 35 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước 800 khoảng chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Vĩnh Hựu thứ 3 (1737).

Người viết chữ: Phạm Thích 范釋, đạo hiệu: Huyền Minh Huệ Chân Minh 玄明惠真明.

Người khắc: Lê Minh Diệu 黎明耀; quê quán: xã An Hoạch huyện Đông Sơn.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biếu dương việc thiện.
- Hành trạng, công tích nhân vật.

Tóm lược nội dung:

Thị nội cung tần Bùi Thị Siêu là con gái của bà Lê Thị Trừu vốn dòng dõi tôn thất nhà Lê cúng ruộng riêng của mình vào chùa làm ruộng tam bảo và cúng ruộng cho 5 giáp ở quê của ông ngoại ở xã Tam Lư để lo việc thờ phụng giỗ chạp về sau. Vì vậy nhà chùa thờ bà làm Hậu phật. Có ghi số ruộng chia ra ba hạng: ruộng cúng Phật, ruộng cúng vào đền thờ thần và ruộng cúng cho 5 giáp xã Tam Lư.

Hộ nhi bi kí

護兒碑記

Kí hiệu: 1216

Thác bản bia thôn Cốc Thượng xã Thượng Cốc huyện Lôi Dương phủ Thiệu Thiên 紹天府雷陽縣上谷社谷上村, sưu tầm tại đình thôn Cốc Thượng tổng Thượng Cốc huyện Lôi Dương tỉnh Thanh Hóa.

Thác bản 1 mặt, khổ 82 x 110 cm, gồm 20 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 700 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: không ghi.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biếu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Bà họ Lê hiệu Từ Huệ, vợ của Thiêm Thọ hầu họ Lê là người thôn Cốc Thượng, có đức hạnh, giàu có, tốt bụng, thường sẵn lòng chu cấp cho dân. Vì vậy các vị sắc mục thôn Thượng Cốc thay mặt dân các giáp trong thôn đến xin làm dân hộ nhi để thờ phụng bà, được bà thuận tình, cấp cho 272 quan tiền cùng 27 mẫu 6 sào ruộng để thờ cúng bà vào các tiết trong năm. Có ghi vị trí, diện tích các thửa ruộng.

Ghi chú: Dòng chữ ghi chú của người sưu tầm ở lẽ cho biết niên đại bia thuộc đời Cảnh Hưng.

Vĩnh Hưng tự bi

永興寺碑

Kí hiệu: 1217

Thác bản bia sưu tầm tại thôn Thượng xã Mỹ Lý huyện Lôi Dương tỉnh Thanh Hóa.

Thác bản 1 mặt, khổ 67 x 84 cm, chữ Hán, không xác định được số dòng, số chữ toàn văn.

Niên đại: không ghi.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Không rõ.

Ghi chú: Bia mờ hết chữ, không đọc được, trừ 4 chữ “Vĩnh Hưng tự bi” ở trán bia.

Trùng tu tạo An Hàm tự

重修造安咸寺

Kí hiệu: 1218

Thác bản bia sưu tầm tại chùa An Hàm thôn Trung Vực Thượng tổng Nam Dương huyện Lôi Dương phủ Thọ Xuân tỉnh Thanh Hóa.

Thác bản 1 mặt, khổ 73 x 120 cm, chữ Hán, không xác định được số dòng, số chữ toàn văn, có hoa văn.

Niên đại: Hoảng Định thứ 13 (1612).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Xây dựng, trùng tu di tích.

Ghi chú: Bia bị mờ mòn hết chữ. Phần nội dung, chỉ đọc được dòng niên đại ghi “ngày 24 tháng 3 năm Hoàng Định thứ 13”.

Sài Sơn cảm đề

柴山感題

Kí hiệu: 1220

Thác bản bia sưu tầm tại chùa Đình Sơn xã Đa Phúc tổng Lật Sài phủ Quốc Oai tỉnh Sơn Tây.

Thác bản 1 mặt, khổ 72 x 150 cm, gồm 8 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 150 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Tự Đức thứ 35 (1882).

Người soạn: Bùi Văn Dị 裴文楨; học vị: Phó bảng khoa Ất Sửu (1855); chức vị: Bắc Kỳ kinh lược Phó sứ.

Chủ đề: Văn thơ.

Tóm lược nội dung:

Hai bài thơ của Bùi Văn Dị, do chính tay ông viết khắc vào bia, kèm lời dẫn cho biết tác giả làm khi hành quân qua Sài Sơn vào năm Nhâm Ngọ đời Tự Đức. Nội dung gửi gắm tâm sự bi quan bất đắc chí của chính tác giả trước thời cuộc, sau khi thành Hà Nội thất thủ, Hoàng Diệu tử tiết.

Ghi chú: Cuối bia có khắc dấu triện của tác giả.

[Vô đề]

Kí hiệu: 1221

Thác bản bia sưu tầm tại chùa Bối Am xã Thụy Khuê tổng Lật Sài phủ Quốc Oai tỉnh Sơn Tây.

Thác bản 1 mặt, khổ 127 x 140 cm, gồm 24 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 900 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Vĩnh Khánh thứ 2 (1730).

Người soạn: Nguyễn Xuân Mậu 阮春茂; quê quán: xã Thụy Khê;
chức vị: Xã trưởng.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Hành trạng, công tích nhân vật.
- Xây dựng, trùng tu di tích.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Bà Thị nội cung tần trong phủ chúa Định Vương họ Phan, tên hiệu Diệu Duyên, người xã Thu Hoạch huyện Thiên Lộc phủ Đức Quang thừa tuyên Nghệ An; ngụ cư ở thôn Gia Mỹ Đoài đã đứng ra tu tạo tòa thượng điện, tiền đường, mua đồng đồ đúc chuông cho chùa Bối Am, lại cấp cho dân hơn 6 mẫu ruộng, cúng tiền và ruộng vào chùa, được dân địa phương bầu làm Hậu thần. Bia ghi tiểu sử, ca tụng công đức của bà và diện tích các thửa ruộng cúng tiền cùng các phẩm vật dùng vào ngày giỗ. Có bài minh 28 câu.

Hiển Động am bi kí

顯洞庵碑記

Kí hiệu: 1222

Thác bản bia sưu tầm tại chùa động Bối Am xã Thụy Khuê tổng Lật Sài phủ Quốc Oai tỉnh Sơn Tây.

Thác bản 1 mặt, khổ 80 x 94 cm, gồm 8 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 500 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Hồng Ninh thứ 2 (1592).

Người soạn: Phạm Khắc Kiệm 范克儉; chức vị: Hình bộ Tả Thị lang.

Người viết chữ: Phạm Lưu 范留; học vị: Sinh đồ.

Người khắc: Nguyễn Công Hàn 阮公韓.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Hành trạng, công tích nhân vật.
- Xây dựng, trùng tu di tích.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Chùa Tiên ở động Bối Am ở núi Phật Tích là nơi danh lam thắng cảnh có từ lâu đời. Nay nhân việc trùng tu, bà Mạc Thị Ngọc Ý, con gái thứ hai của quan Thái úy Tây Quốc công, Thượng trụ quốc trí sĩ, được phong Trung Thành Tây Ki Vương, cúng 2 mẫu 6 sào vào tam bảo, lấy làm ruộng dưỡng tằng. Tên bà được khắc vào bia phụng thờ lâu dài. Có bài minh 16 câu.

Hiển Thụy am bi

顯瑞庵碑

Kí hiệu: 1223

Thác bản bia suu tầm tại động Hiển Thụy, chùa Đình Sơn xã Đa Phúc tổng Lật Sài phủ Quốc Oai tỉnh Sơn Tây.

Thác bản 1 mặt, khổ 60 x 130 cm, gồm 47 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1000 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Cảnh Thống thứ 3 (1500).

Người soạn: Nguyễn Bảo 阮保; học vị: Tiến sĩ khoa Nhâm Thìn (1472); chức vị: Hàn lâm viện Thị độc, chương Hàn lâm viện sự.

Người viết chữ: Bùi Sĩ Nho 裴士儒; chức vị: Trung thư giám Trung thư xá nhân, Cẩn sự lang.

Người viết chữ Triện: Tô Ngải; chức vị: Hiển cung đại phu, Kim Quan môn Thị chiếu.

Người khắc: Phạm Bảo 范保; chức vị: Cẩn sự tá lang, San thư cục Cục chánh.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Lịch sử di tích.
- Sự tích, thần phả.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Chùa Thiên Phúc trên núi Phật Tích không chỉ là nơi có phong cảnh sơn thủy đẹp đẽ mà còn là ngôi chùa có những sự tích linh thiêng. Thời Lý nhà sư Từ Đạo Hạnh đã tới trụ trì chùa này trong mấy chục

năm, về sau cảm hóa đặc đạo chứng quả thác thai thành vua nhà Lý. Đến ngày 6 tháng 6 năm Quang Thuận thứ 1, vua Lê Thánh Tông lên ngôi, tháng 7 năm ấy tuyển con gái thứ 2 của Trịnh Quốc công vào làm Sung nghi ở cung Vĩnh Ninh. Ít lâu sau bà mang thai, Trịnh Quốc công bèn lên am Từ Công ở chùa này làm lễ cầu đảo. Chợt thấy có một viên đá từ đâu bay đến rơi trước mặt, ông nhặt lên, bí mật sai thợ tạc thành tượng Phật rồi dựng một cái am để thờ. Đến năm sau, ngày 10 tháng 8 thì sinh ra Hoàng thượng (tức vua Hiến Tông). Vì là con đích trưởng nên năm Nhâm Ngọ thứ 3 (1462) ngài được lập làm Hoàng Thái tử. Đến thời Hồng Đức, Sung nghi được sách phong làm Quý phi. Trịnh Quốc công trước khi qua đời có dặn lại rằng phải dựng bia ghi lại sự tích đá bay ở chùa để lưu truyền. Đến nay, Hoàng thượng lên kế ngôi, mẹ ngài được tôn làm Hoàng Thái hậu ở cung Trường Lạc. Nhà vua bèn sai văn thần soạn văn khắc bia ghi lại sự việc này cùng với các sự tích kì lạ khác như chuyện Quang thực Hoàng thái hậu nằm mộng được Ngọc Hoàng bẻ trao cho đức bé mà sinh ra vua Thánh Tông; chuyện Trường Lạc Hoàng Thái hậu có điềm rồng vàng nhập vào sườn bên trái mà sinh ra Hiến Tông v.v... Có bài minh 70 câu.

Thủy các bổ kinh bi

水閣補經碑

Kí hiệu: 1224

Thác bản bia sưu tầm tại đỉnh núi Sài Sơn xã Đa Phúc tổng Lật Sài phủ Quốc Oai tỉnh Sơn Tây.

Thác bản 1 mặt, khổ 100 x 120 cm, gồm 26 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 400 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Đại Chính thứ 9 (1938).

Người soạn: Nguyễn Bá Thuật 阮伯述; học vị: Xá sinh Quốc tử giám.

Chủ đề: Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Năm Đại Chính thứ 9, bà Thái Chiêu Nghi Nguyễn Thị Ngọc Phụng, người xã Đan Phượng Thượng huyện Đan Phượng cùng cha và anh em thân thích góp tiền và vận động mọi người góp sức tu sửa thủy

các, lát đá hồ sen chùa Thiên Phúc, đồng thời san bổ kinh Phật ban phát cho mọi người. Bia ghi tên họ những người đóng góp công đức, trong đó có một số vị trong hoàng tộc như Khang vương Mạc Nhân Phủ, Đệ bát hoàng tử Mạc Nhân Quảng, Hoàng nữ Mạc Ngọc Xuất.

Trùng tu công đức bi kí

重修功德碑記

Kí hiệu: 1225/1226/1227/1228

Thác bản bia sưu tầm tại chùa Long Đầu xã Đa Phúc tổng Lật Sài phủ Quốc Oai tỉnh Sơn Tây.

Thác bản 4 mặt, khổ 84 x 120 cm và 36 x 120 cm, gồm 59 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 1500 chữ, có hoa văn, có chữ húy: Đề 巖.

Niên đại: Chính Hòa thứ 21(1700).

Người soạn: Đặng Đình Tướng 鄧廷相; chức vị: Bồi tụng, Công bộ Tả Thị lang; tước Ứng Xuyên nam.

Người nhuận sắc: Lê Hi 黎僖; chức vị: Tham tụng, Binh bộ Thượng thư; tước Lai Sơn bá.

Người viết 1: Trần Xuân Vũ 陳春宇; học vị: Giám sinh.

Người viết 2: Lê Thị Thuyên 黎時佺; chức vị: Thị nội Thư tả.

Người khắc 1: Lâm Đắc Hỷ 林得喜; chức vị: Giám thừa; tước Chu Lộc hầu.

Người khắc 2: Chử Đình Đang 褚廷璫; chức vị: Thị nội thư tả, Tri châu.

Chữ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Năm Mậu Dần (1698), bà Thị nội cung tần Phan Thị Lãnh người xã Thu Hoạch huyện Thiên Lộc tùy giá chúa Trịnh Định vương lên thăm chùa Thiên Phúc, trên đường đi qua chùa Long Đầu, bà thấy quí mô chùa nhỏ hẹp, tự bỏ tiền mở rộng thêm 5 gian nhà sau, 2 dãy hành lang gồm 26 gian cùng 2 tòa tam quan. Chúa Trịnh cũng xuất 200 quan tiền cổ và nhiều thành viên khác thuộc Vương phủ đều

tham gia đóng góp công đức vào việc mở rộng quy mô chùa. Bia ghi lại danh sách và số tiền đóng góp vào việc trên.

Trùng tu Long Đầu tự/Sơn thạch bi

重修龍斗寺/山石碑

Kí hiệu: 1229/1231

Thác bản bia sưu tầm tại chùa Long Đầu xã Đa Phúc tổng Lật Sài phủ Quốc Oai tỉnh Sơn Tây.

Thác bản 2 mặt, khổ 78 x 110 cm, gồm 57 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 2000 chữ, có hoa văn, có chữ húy: Tân 麟.

Niên đại: Đức Long thứ 2 và 3 (1630, 1631).

Người soạn: Nguyễn Tuấn Tài 阮俊材; chức vị: Vương tử Giảng dụ.

Người viết chữ: Phan Tiêu 潘徠, tên tự Mậu Đương, tên hiệu Khánh Phúc; chức vị: Tướng sĩ lang.

Chủ đề: - Xây dựng, trùng tu di tích.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Năm Canh Ngọ (1630), Bà Dương Thị Ngọc Kính, người xã An Cường huyện Tiên Minh phủ Nam Sách trụ trì ở chùa Thiên Phúc được chúa Trịnh Tráng cấp tiền và các quan đóng góp công đức, đã đứng ra trùng tu chùa Long Đầu, sửa chữa tòa thượng điện, dựng nhà thiêu hương, tiền đường, hậu đường, công tam quan và tô tượng Phật. Bia ghi họ tên, chức tước, quê quán các quan và người thuộc tôn thất đã đóng góp công đức, trong đó có các Hoàng phi. Có bài minh 24 câu.

Long Đầu tự Hậu bi kí

龍斗寺后碑記

Kí hiệu: 1230

Thác bản bia giáp Thượng Thọ thôn Thiên Phú xã Lật Sài huyện Yên Sơn phủ Quốc Oai 國威府安山縣栗柴社天覆村上壽甲, sưu tầm tại chùa Long Đầu xã Đa Phúc tổng Lật Sài phủ Quốc Oai tỉnh Sơn Tây.

Thác bản 1 mặt, khổ 34 x 54 cm, gồm 14 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 220 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Cảnh Thịnh thứ 6 (1798).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Hương lão Phan Hữu Tiêu cùng vợ là Hà Thị Bính, người thôn Phúc Lý xã Lật Sài huyện Yên Sơn, do không có con thừa tự, đã giao ruộng đất cho xã canh tác, được bầu làm Hậu và cam kết thực hiện lệ cúng giỗ hàng năm cho 2 người. Có ghi vị trí, diện tích các thửa ruộng tự điền do ông bà cung tiến và ngày giỗ.

Tôn Hậu phật tượng kí

尊後佛像記

Kí hiệu: 1232/1233/1241

Thác bản bia thôn Thiên Phúc xã Lật Sài huyện Yên Sơn phủ Quốc Oai 國威府安山縣栗柴社天福村, suru tầm tại chùa Thiên Phúc xã Thụy Khuê tổng Lật Sài huyện Quốc Oai tỉnh Sơn Tây.

Thác bản 3 mặt, khổ 53 x 76 cm, gồm 30 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1700 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Dương Đức thứ 1 (1672) và Vĩnh Trị thứ 3 (1678).

Người soạn: Lê [Đắc Toàn] 黎得全; quê quán: xã Bình Hồ huyện La Sơn; học vị: Tiến sĩ khoa Nhâm Thìn (1652); chức vị: Ngự sử đài Thiêm đô Ngự sử; tước Bích Giang tử.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Hoạt động sinh hoạt làng.
- Lịch sử di tích.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Bia được khắc vào 2 thời gian khác nhau. Mặt 1 và 2 (thác bản kí hiệu 1233 và 1241) đề năm Nhâm Tý năm thứ nhất (niên hiệu Dương

Đức thứ 1 - 1672) ghi việc tạc tượng bia bà Lô Thị Đại. Bà là người xã Khánh Hiệp huyện Đan Phượng xứ Sơn Tây, được tuyển vào cung làm Đệ nhị cung tần hầu vua Lê Thần Tông. Nhà vua là người tông sùng đạo Phật, cho bà đứng ra tu sửa các dãy tiền đường thượng điện chùa Thiên Bào trên núi Phật Tích ở tổng Lật Sài huyện Yên Sơn. Sau đó bà quy y về đây trụ trì chùa được 13 năm. Đến nay bà xin được tạc tượng bản thân lên bia đá đặt trên đài sen dựng ở đằng sau tượng Phật. Mặt thứ 3 đề năm Vĩnh Trị thứ 3 (1678), ghi việc năm trước (tức khoảng 1675), thôn Thiên Phúc dựng pho tượng Thần Tông Uyên Hoàng đế tại chùa Thiên Phúc núi Phật Tích, dân Thiên Phúc được làm tạo lệ, phụng thờ hương khói các tiết giỗ chạp của Đức thánh. Bấy giờ bà Đệ nhị cung tần Lô Thị Ngọc Đại xuất 80 quan tiền cấp cho bản thôn mua đình hát trù, lại cấp cho bản thôn tổng cộng 2 mẫu ruộng luân phiên canh tác để cúng lễ các kỳ giỗ chạp của bà làm Hậu phật. Bia ghi vị trí các thửa ruộng và lời cam kết của thôn về việc thực hiện các nghi lễ đối với Hậu phật lúc còn sống cũng như sau khi đã mất.

Hưng công trùng tu bi

興功重修碑

Kí hiệu: 1234

Thác bản bia xã Thụy Khuê huyện Yên Sơn phủ Quốc Oai 國威府安山縣瑞圭社, sưu tầm tại động Bối Am xã Thụy Khuê tổng Lật Sài phủ Quốc Oai tỉnh Sơn Tây.

Thác bản 1 mặt, khổ 42 x 62 cm, gồm 13 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 250 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Chính Hòa thứ 13 (1692).

Người viết chữ: Nguyễn Lương Tài 阮良材; quê quán: xã Thụy Khuê.

Người khắc: quê quán: xã Từ Trám; tước hiệu: Văn Xuân nam.

Chủ đề: - Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Chùa Tiên trong động Bối Am núi Phật Tích là nơi danh lam cổ tích,

trải nhiều năm thượng diện và nhà thiêu hương đã hư hỏng. Năm Canh Ngọ (1690) nhà sư trụ trì chùa tự Pháp Vạn hiệu Viên Thành tiến hành trùng tu, đến năm Nhâm Thân (1692) hoàn thành. Ghi họ tên những người có công đóng góp vào việc trên.

Kiến bảo tháp tự

建寶塔序

Kí hiệu: 1235/1236/1237/1238

Thác bản bia tháp sư tằm tại chùa Bối Am xã Thụy Khuê tổng Lật Sài phủ Quốc Oai tỉnh Sơn Tây.

Thác bản 4 mặt, khổ 41 x 54 cm, gồm 89 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 2000 chữ, không có hoa văn, có chữ hủy: Đề 題.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 22 (1761).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Lịch sử di tích.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Ni cô họ Phan, pháp hiệu Diệu Lợi, người thôn Đoài xã Thu Hoạch huyện Thiên Lộc phủ Nghệ An, nguyên là Thị nội cung tần, sau tín mộ đạo Phật, dốc chí tu hành, tìm đến đạo phái Lô Âm ở Yên Quảng, gặp được tôn sư là Sa môn Pháp hiệu Tính Giai. Thầy trò tu hành thờ Phật được hơn 20 năm thì chùa bị hỏa hoạn, bèn cùng tìm đến Sài Sơn trụ trì ở chùa Tiên Bối Am trên núi Phật Tích. Chùa nguyên là một cổ tích được xây dựng từ triều trước, trải nhiều năm bị hư hỏng nhiều. Thầy trò liền hưng công trùng tu các tòa điện thờ. Đến nay, Tôn sư bảo môn đệ là bà họ Phan pháp hiệu Diệu Lợi xây dựng tòa tháp và thuê thợ tạc tượng Phật. Bia ghi tên họ, quê quán những vị đóng góp công đức.

Ghi chú: Thác bản 1235 tuy cùng khuôn khổ với các thác bản còn lại, nhưng lại ghi niên đại Canh Thìn Cảnh Hưng thứ 21(1760). Nội dung ghi tên các vị hội chủ cúng ruộng vào chùa làm ruộng tam bảo

như Đề đốc Liêu Quận công Vũ Đình Trác, Phó vệ úy Nguyễn Xuân Huyền v.v...

Bối Am bi kí

貝庵碑記

Kí hiệu: 1239

Thác bản bia xã Thụy Khuê huyện Yên Sơn phủ Quốc Oai 國威府安山縣瑞圭社, sưu tầm tại chùa Tiên, động Bối Am xã Thụy Khuê huyện Quốc Oai tỉnh Sơn Tây.

Thác bản 1 mặt, khổ 42 x 66 cm, gồm 19 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 180 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Chính Hòa thứ 23 (1702).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Ghi họ tên, quê quán của những người đóng góp công đức vào việc đúc pho tượng Phật Thích Ca bằng đồng và làm tòa Cửu Long ở chùa Tiên.

[Vô đề]

Kí hiệu: 1240

Thác bản bia thôn Thiên Phúc xã Lật Sài huyện Yên Sơn phủ Quốc Oai xứ Sơn Tây 山西處國威府安山縣栗柴社天福村, sưu tầm tại chùa Thiên Phúc xã Thụy Khuê tổng Lật Sài phủ Quốc Oai tỉnh Sơn Tây.

Thác bản 1 mặt, khổ 23 x 68 cm, gồm 9 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 200 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Chính Hòa thứ 4 (1683).

Người soạn: Đào Công Chính 陶公正; quê quán: xã Hội Am huyện Vĩnh Lại phủ Thượng Hồng, Hải Dương; học vị: Đệ nhất giáp Tiến sĩ cập đệ Tiến sĩ khoa Tân Sửu (1661), Bồi tụng, Lại bộ Hữu Thị lang; tước Lại Yên nam.

Người viết chữ: Đỗ Đình Sách 杜廷策; chức vị: Thủ hợp, Thị nội Thư tả; tước Thiệu An nam.

Người khắc 1: Lê Đình Chính 黎廷正; quê quán: thôn Nhuệ xã An Hoạch huyện Đông Sơn phủ Thiệu Thiên; chức vị: Thủ hợp; tước Nhuận Trạch nam.

Người khắc 2: Lê Nhân Thắng 黎仁勝; quê quán: thôn Nhuệ xã An Hoạch huyện Đông Sơn; chức vị: Cục chánh.

Chủ đề: Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Danh sách các quan viên, chức sắc đại diện cho thôn Thiên Phúc, nguyên là dân tạo lệ hộ nhi.

Ghi chú: Theo ghi chú của người sưu tầm thì thác bản này là mặt bên phải của tấm bia thứ 5 trong nhà hậu chùa Thiên Phúc. Danh sách trên thác bản chỉ là đoạn kết của một minh văn mà nội dung chính khắc ở mặt còn lại của bia.

Tu tả văn khế bi/Mãi đình ca xướng bi

修寫文契碑/買亭歌唱碑

Kí hiệu: 1242/1243

Thác bản bia xã Thụy Khuê huyện Yên Sơn phủ Quốc Oai 國威府安山縣瑞主社, sưu tầm tại đình xã Thụy Khuê tổng Lật Sài phủ Quốc Oai tỉnh Sơn Tây.

Thác bản 2 mặt, khổ 57 x 85 cm, gồm 33 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 700 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Vĩnh Trị thứ 1 và 4 (1676 và 1679).

Người soạn: Nguyễn Hoành 阮衡; quê quán: xã Thụy Khuê; học vị: Giám sinh.

Người viết chữ: Nguyễn Luân 阮倫; quê quán: xã Thụy Khuê; học vị: Nho sinh.

Chủ đề: Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Văn khế bán quyền hát cửa đình. Ty Giáo phường huyện Yên Sơn phủ Quốc Oai vì thiếu tiền lo việc quan nên đã đem các khoản quyền lợi về tiền trừ, cổ bản trong các dịp ca xướng tại đình xã Thụy Khuê do tổ tiên truyền lại bán đứt cho quan viên hương lão của xã Thụy Khuê với giá 60 quan cổ tiền. Ghi một sổ quy định về quan hệ và quyền lợi giữa bên mới mua và giáo phường bản huyện. Mặt thác bản 1243 ghi niên đại năm Vĩnh Trị 4 (1679), nội dung khắc một bài ca ca tụng công đức thần linh, ca ngợi vua, chúa và nêu ý nghĩa to lớn của sự kiện mua được quyền hát cửa đình của dân xã Thụy Khuê vào năm Bính Thìn (1776).

Hậu phật thánh bi kí

後佛聖碑記

Kí hiệu: 1244

Thác bản bia thôn Thiên Phúc xã Lật Sài huyện Yên Sơn phủ Quốc Oai 國威府安山縣栗柴社天福村, sưu tầm tại chùa Thiên Phúc xã Thụy Khuê tổng Lật Sài phủ Quốc Oai tỉnh Sơn Tây.

Thác bản 1 mặt, khổ 67 x 97 cm, gồm 26 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 500 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Vĩnh Thịnh thứ 7 (1711).

Người soạn: họ Nhữ 汝; chức vị: Thị nội văn chức, Chủ sự Thừa ty xứ Hải Dương.

Người viết chữ: tên hiệu: Pháp Bảo 法寶; nhà sư.

Chủ đề: - Bâu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Bà Lê Thị Tiết, tên hiệu Diệu Thực, người xã Hoạch Trạch huyện Đường An phủ Thượng Hồng xứ Hải Dương, trú quán giáp Mật Thái phường Hà Khẩu huyện Thọ Xương phủ Phụng Thiên Trung Đô, cúng cho chùa Thiên Phúc một thửa ruộng ước chừng 60 gánh

lúa. Dân xã bầu bà làm Hậu phật. Bia ghi vị trí các thửa ruộng và nghi thức cúng giỗ. Có bài minh 18 câu.

[Vô đề]

Kí hiệu: 1245

Thác bản bia xã Thụy Khuê huyện Yên Sơn phủ Quốc Oai 國威府安山縣瑞圭社, sưu tầm tại chùa Tiên động Bối Am, núi Sài Sơn, xã Thụy Khuê tổng Lặt Sài phủ Quốc Oai tỉnh Sơn Tây.

Thác bản 1 mặt, khổ 28 x 41 cm, gồm 9 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 120 chữ, không có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Canh Hưng thứ 5 (1744).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Ghi tên các thiện sĩ có công trong việc dựng hai cột hương đá ở chùa Tiên, động Bối Am.

Ngự chế

御制

Kí hiệu: 1246

Thác bản bia sưu tầm tại động Bối Am xã Thụy Khuê huyện Quốc Oai tỉnh Sơn Tây.

Thác bản 1 mặt, khổ 73 x 98 cm, gồm 31 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 250 chữ, không có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Tự Đức thứ 8 (1855).

Người soạn: Vua Tự Đức 嗣德皇帝.

Người viết chữ: Phan Huy Vịnh 潘輝泳.

Chủ đề: Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Ngày 10 tháng giêng năm Tự Đức thứ 6 (1853), đoàn sứ bộ gồm các ông Phan Huy Vịnh, Phạm Chi Hương, Lưu Lượng, Nguyễn Duy, Vũ Văn Tuấn khởi hành đi sứ sang nước Thanh. Chuyến đi này phải kéo dài đến ba năm. Ở nhà, vua Tự Đức đã làm một bài thơ bày tỏ nỗi thương nhớ, cảm thông chuyến đi vất vả của đoàn sứ bộ. Đến khi nghe tin đoàn sứ đã trở về đến Quảng Đông, nhà vua vui mừng sáng tác một bài thơ gồm 7 chương đợi đến khi đoàn về nước đem ra ban tặng. Kèm trong thơ có ghi một số tiểu chú liên quan đến chuyến đi sứ đó, như sứ bộ qua khỏi cửa quan biên giới vào ngày 10 tháng giêng vì tình hình bên nước Thanh rối loạn, đường đi trở ngại, phải lưu lại đến 3 năm, mãi mới trở về đến Quảng Đông theo đường biển về nước. Từ khi đoàn sứ lên đường, người nhà của mỗi thành viên đi sứ được nhận một nửa lương bổng. Nay xét chuyến đi trắc trở gian nan nên tăng thêm cho tám phần mười bổng, lại cấp thêm tiền, gạo cho cha mẹ già ở nhà.

Ngũ Xã thôn phúc thần bi

五社村福神碑

Kí hiệu: 1247

Thác bản bia xã Thụy Khuê huyện Yên Sơn phủ Quốc Oai 國威府安山縣瑞圭社, suru tầm tại võ miếu xã Thụy Khuê tổng Lật Sài phủ Quốc Oai tỉnh Sơn Tây.

Thác bản 1 mặt, khô 133 x 151 cm, gồm 51 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 1600 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 46 (1785).

Người soạn: Phan Huy Ích 潘輝益, tên hiệu: Thụy Nham cư sĩ; học vị: Tiến sĩ khoa Ất Mùi (1775); chức vị: Hàn lâm viện Thị chế, Hiến sát sứ.

Người nhuận sắc: Bùi [Huy] Bích 裴輝璧, hiệu Hy Chương; học vị: Hoàng giáp khoa Kỷ Sửu (1769); chức vị: Tham tụng, Hình bộ Tả Thị lang, Thự Lại bộ Tả Thị lang, Quốc tử giám Tế tửu; tước Kế Liệt hầu.

Người viết chữ: Chu Trọng Kỳ 周仲琦; học vị: Thụ toán khoa Nhâm Ngọ (1762); chức vị: Câu kê Hộ phiên, Tham chính xứ Tuyên Quang; tước Kì Trung bá 琦忠伯.

Chủ đề: - Bàu Hàu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Hành trạng, công tích nhân vật.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Quận phu nhân Nguyễn Thị Điền là con gái thứ ba của một gia đình thuộc hàng quý thích, là em của Thánh Từ Thái Tôn Thái phi đến tu ở chùa Sài Sơn, thường đem của cải chu cấp cho người nghèo, hoặc đứng ra hòa giải việc kiện tụng giữa các xã, nên được 5 xã thôn là Thụy Khê, Sài Khê, Phúc Sài, Khách Tân và Thiên Phúc thuộc huyện Yên Sơn bầu làm Phúc thần. Có ghi từng xã thôn được bà ban cấp ruộng, tiền và các nghi thức cúng tế các tiết trong năm.

Thiên Phúc tự tạo lệ bi/Trùng tu công đức điền kí

天福寺皂隸碑/重修功德田記 Kí hiệu: 1248/1249

Thác bản bia thôn Thiên Phúc xã Lật Sài huyện Yên Sơn 安山縣栗柴社天福村, sưu tầm tại chùa Thiên Phúc xã Thụy Khuê huyện Quốc Oai tỉnh Sơn Tây.

Thác bản 2 mặt, khổ 100 x 180 cm, gồm 53 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 1500 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Thịnh Đức thứ 4 (1656).

Người soạn: Trịnh Cao Đệ 鄭高第; học vị: Tiến sĩ khoa Canh Dần (1650); chức vị: Hàn lâm viện Hiệu thảo.

Người viết chữ: Trần Khắc Nhâm 陳克任, tự Hiếu Thiện 孝善; quê quán: xã Phù Luân huyện Đông Ngàn phủ Từ Sơn; chức vị: Vương phủ Thị nội giám Tham tri giám sự.

Chủ đề: - Công văn triều đình (sắc, lệnh, chỉ dụ).
- Sinh hoạt làng xã.
- Lịch sử di tích.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Chùa Thiên Phúc tại núi Phật Tích là nơi danh thắng cổ của nước ta. Nhà sư Từ Đạo Hạnh triều Lý đã từng đến tu hành ở đây, vì vậy chùa đã trở thành chốn linh thiêng, được các triều đại rất tôn sùng. Dân thôn Thiên Phúc và xã Lật Sài được triều đình cho làm dân tạo lệ. Vào các năm Dương Hòa thứ 2 (1636), Dương Hòa thứ 3 (1637), Thịnh Đức 2 (1654), triều đình đều ban sắc chỉ chuẩn cho dân thôn Thiên Phúc và xã Lật Sài tiếp tục là hộ nhi thờ phụng chùa, miễn các khoản tô thuế, sưu sai, binh lính, lại cho phép dùng các khoản thuế ruộng đất, thổ trạch, bến đò v.v... để tu sửa chùa. Trước đó, vào năm Vĩnh Tộ thứ 2 (1620) chúa Trịnh Bình An Vương (Trịnh Tùng) đã ra lệnh chỉ cấp 12 mẫu ruộng tam bảo giao cho thôn Thiên Phúc canh tác để lo việc hương hỏa. Đến nay, năm Thịnh Đức thứ 4 (1656) lại có lệnh chỉ cấp ruộng phúc điền để cúng chúng sinh. Bia cũng ghi công đức của các bậc quan lại từng đóng góp vào chùa. Có bài minh 70 câu.

Trùng tu công đức điền kí/Thiên Phúc tự tạo lệ bi

重修功德田記/天福寺皂隸碑

Kí hiệu: 1250/1251

Thác bản bia xã Thụy Khuê huyện Yên Sơn phủ Quốc Oai 國威府安山縣瑞圭社, sưu tầm tại chùa Thiên Phúc xã Thụy Khuê tổng Lật Sài phủ Quốc Oai tỉnh Sơn Tây.

Thác bản 2 mặt, khổ 90 x 166 cm và 90 x 150 cm, gồm 60 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước 800 khoảng chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Thịnh Đức thứ 16 (1653).

Người soạn: Nguyễn Tính 阮性, hiệu Thuận Phu; quê quán: thôn Hoa Cầu huyện Văn Giang phủ Thuận An, Kinh Bắc; học vị: Tiến sĩ khoa Canh Thìn (1640); chức vị: Lại khoa Đô Cấp sự trung; tước Nghĩa Giang nam.

Người viết chữ: Trình Đắc Thọ 程得壽; chức vị: Binh bộ lang trung; tước Văn Vinh tử.

- Chủ đề: - Công văn triều đình (sắc, lệnh, chỉ dụ).
- Hành trạng, công tích nhân vật.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Chùa Thiên Phúc núi Phật Tích là một danh lam cổ tích, nơi tu hành đắc đạo của Đại thánh Đạo Hạnh. Từ xưa xã Thụy Khuê đã được triều đình cho làm dân tạo lệ thờ phụng Đại thánh, nhiều lần được ban sắc chỉ, lệnh dụ, như vào các năm Dương Hòa (1638), Phúc Thái 3 (1645), Khánh Đức 3 (1651) đều lệnh miễn trừ tô thuế ruộng, đất, binh lính, tiền lệnh cửa đình, miễn phu phen, tạp dịch v.v... Mặt sau bia ghi số ruộng tam bảo của chùa và bài minh 60 câu ca ngợi cảnh chùa, tuyên dương đạo Phật và ca tụng công đức triều đình. Cuối bia ghi việc bà Chánh vương phủ nội cung tần Nguyễn Thị Ngọc Liêu cúng vào chùa một pho tượng Phật bằng đá, ruộng tam bảo và tiền để tu sửa chùa.

[Vô đề]

Kí hiệu: 1252/1253/1254

Thác bản bia xã Mậu Hòa huyện Đan Phượng phủ Quốc Oai 國威府丹鳳縣茂和社, sưu tầm tại miếu xã Mậu Hòa tổng Dương Liễu huyện Đan Phượng tỉnh Hà Đông.

Thác bản 3 mặt, khổ 16 x 65 cm, gồm 18 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 220 chữ, không có hoa văn, không có chữ huy.

Niên đại: Chính Hòa thứ 16 (1695).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Bà Nguyễn Thị Hạ cùng chồng là Hoàng Viết Minh bỏ tiền mua đá làm bậc thềm cho miếu bản xã, góp công đúc 1 sào ruộng cho dân cày cấy, lấy hoa màu dùng vào việc hương đèn tại miếu, biếu cho 4

giáp mỗi giáp một chiếc chiêng đồng và một tảng đá lớn dùng bắc cầu trước cửa chùa.

Tổng đốc đại vương thần từ kí

總督大王神祠記

Kí hiệu: 1255

Thác bản bia sưu tầm tại miếu xã Mậu Hòa huyện Đan Phượng tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 58 x 110 cm, gồm 15 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 300 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Hồng Thuận thứ 4 (1512).

Người soạn: Nguyễn Ích Tôn 阮益遜, tên tự Ấu Mẫn, tên hiệu Tu Thiện Doãn, Hòa Đàm; học vị: Tiến sĩ khoa Giáp Thìn (1484); chức vị: Hàn lâm viện kiểm thảo, Binh bộ, Lễ bộ Hữu Thị lang.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Sự tích, thần phả, gia phả.

Tóm lược nội dung:

Đền thờ thần Tổng đốc Trục Đông Nga Vương, mặc dù sử sách không thấy ghi chép lai lịch, nhưng tương truyền ngài đã có công đánh giặc bảo vệ đất nước, tục gọi ngài là Tổng đốc Vương, vì thế được dân thờ phụng. Văn bia ca ngợi sự linh thiêng của Thần, như gặp khi trời nắng hạn, đến đền cầu mưa thì chỉ trong chốc lát được mưa xuống tràn đồng. Dân chúng từ dân cày, người đi buôn, kẻ tiểu phu, đánh cá, cho đến người mắc bệnh tật, lính đến kỳ nhập ngũ, học trò ra ứng khoa thi v.v... đều tìm đến đền cầu xin để được thần phù hộ.

Mậu Hòa xã tu tạo bi

茂和社修造碑

Kí hiệu: 1256

Thác bản bia xã Mậu Hòa huyện Đan Phượng 丹鳳縣茂和社, sưu tầm tại miếu xã Mậu Hòa tổng Dương Liễu huyện Đan Phượng tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 60 x 100 cm, gồm 18 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 400 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Cảnh Thịnh thứ 8 (1800).

Người soạn: Trần Hy Hạo 陳希灝; quê quán: giáp Lộ Dịch xã Mậu Hoà; học vị: Giám sinh.

Chủ đề: - Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Làng Mậu Hòa ở giữa huyện Đan Phượng. Hồi ấy nghe theo lời bản sai trái đặt miếu quay hướng nam, lại để mấy gian chùa đổ nát khiến trong làng không được yên ổn mất đến 6-7 năm. Vì thế mùa xuân tháng giêng năm Mậu Ngọ (1798) dân làng đổi lại hướng đình quay về hướng tây, đến tháng 8 hoàn thành. Sang tháng giêng năm Kì Mùi (1799) tiếp tục tu sửa chùa. Các giáp chia nhau phụ trách tu sửa từng phần việc, hẹn sau này cứ chiếu theo phần của giáp nào bị hư hỏng thì giáp đó phải chịu phạt 10 quan tiền cổ. Các họ tộc, các vãi trong làng cũng tham gia đóng góp tô tượng, sắm cờ phướn lư, áo thần, cờ quạt v.v... Công việc đến tháng giêng năm Canh Thân thì hoàn tất. Sang tháng 4 lại đúc quả chuông. Văn bia kết thúc bằng bài minh 12 câu.

Hậu sự kí/Đức nghĩa bi

後事記/德義碑

Kí hiệu: 1257/1258

Thác bản bia xã Mậu Hòa huyện Đan Phượng phủ Quốc Oai 國威府丹鳳縣茂和社, sưu tầm tại đền xã Mậu Hòa tổng Dương Liễu huyện Đan Phượng tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 70 x 115 cm, gồm 45 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 1400 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Chính Hòa thứ 5 (1684).

Người soạn: không ghi.

- Chủ đề: - Bàu Hậu, gởi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Hành trạng, công tích nhân vật.
- Sinh hoạt làng xã.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Nguyễn tướng công, tên thụy Đức Nghĩa nguyên làm quan Thị nội giám Tư lễ giám Đồng Tri giám sự, người xã Mậu Hòa, là người cần mẫn với công việc, rộng rãi hòa mục với dân, nhiều lần ban phát của cải cho dân, bảo vệ dân làng được vẹn toàn qua thời gian biến loạn những năm Tân Dậu, Nhâm Tuất, nên dân làng bầu vợ chồng ông cùng phụ mẫu nội ngoại làm Hậu thân và đặt pháp tượng của họ tại hai ngôi chùa Trung Thụy và Cao Xá, rồi lập đền, dựng bia để cúng tế hàng năm. Ghi họ tên, ngày giỗ, diện tích các thửa ruộng và thể lệ cúng giỗ hàng năm. Có bài minh 6 câu.

Vĩnh Phúc tự bi

永福寺碑

Kí hiệu: 1259/1260

Thác bản bia xã Quế Dương huyện Đan Phượng phủ Quốc Oai 國威府丹鳳縣桂楊社, sưu tầm tại chùa Vĩnh Phúc xã Quế Dương tổng Quế Dương huyện Đan Phượng tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 57 x 92 cm, gồm 44 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 44 chữ, có hoa văn, có chữ húy: Tân 麟, Trần 鄰.

Niên đại: Đức Long thứ 6 (1634).

Người soạn: Nguyễn Lân Tính 阮麟性; học vị: Giám sinh.

- Chủ đề: - Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Tăng thống Nguyễn Nhân Lộ người xã Phương Lan huyện Mỹ Lương phủ Quảng Oai quyên góp tài sản, đứng ra tiến hành tu sửa chùa, làm thêm tam quan, gác chuông, tiền đường, đúc tượng Phật. Ghi

danh sách những người đóng góp công vào việc sửa chữa chùa. Có bài minh 18 câu.

Vĩnh Trung giáp tính danh kí/Vĩnh Tây giáp/

An Vĩnh giáp tính danh kí

永中甲姓名記/永西甲/安永甲姓名記

Kí hiệu: 1261/1262/1263/1264

Thác bản bia xã Quế Dương huyện Đan Phượng phủ Quốc Oai 國威府丹鳳縣桂楊社, sưu tầm tại chùa Vĩnh Phúc xã Quế Dương tổng Quế Dương huyện Đan Phượng tỉnh Hà Đông.

Thác bản 4 mặt, khổ 66 x 125 cm, gồm 46 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 2000 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Vĩnh Thịnh thứ 15 (1719).

Người soạn: Nguyễn Danh Giáo 阮名教; học vị: Sinh đồ; chức vị: Xã chánh.

Người viết chữ: Dương Đăng Quỳ 揚登揆; quê quán: xã Y La huyện Từ Liêm; học vị: Sinh đồ.

Chủ đề: - Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Ba giáp An Vĩnh, Vĩnh Trung và Vĩnh Tây của xã Quế Dương đóng góp tiền của mua gỗ lim, ngói làm gác chuông, tam quan, điện thiêu hương và nhà trước sau cho chùa Vĩnh Phúc. Ghi tên các vị đóng góp, chia theo từng giáp, trong đó có các cung tần, xã trưởng, hương lão. Có bài minh 24 câu.

[Vô đề]

Kí hiệu: 1265/1266

Thác bản bia sưu tầm tại đình xã Dương Liễu tổng Dương Liễu huyện

Đan Phượng tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 40 x 120 cm, gồm 7 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 90 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Vĩnh Thịnh thứ 8 (1712).

Người soạn: Nguyễn Danh Dự 阮名譽; học vị: Tiến sĩ khoa Ất Sửu; chức vị: Bồi tụng Công bộ Hữu Thị lang; tước Đồng Lĩnh nam 桐領男.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Khoa bảng.

Tóm lược nội dung:

Khắc khoa thi, thứ bậc, chức quan của hai vị Tiến sĩ người bản xã là Nguyễn Phi Kiến, đỗ khoa Quý Hợi năm 1623 và Phí Đăng Nhậm, đỗ khoa Tân Sửu năm 1661.

Bản tổng tạo đình bi kí/Bản tổng tính danh kí

本總造亭碑記/本總姓名記 Kí hiệu: 1267/1268/1269/1270

Thác bản bia xã Dương Liễu huyện Đan Phượng phủ Quốc Oai 國威府丹鳳縣楊柳社, suru tầm tại đình xã Dương Liễu tổng Dương Liễu huyện Đan Phượng tỉnh Hà Đông.

Thác bản 4 mặt, khổ 65 x 135 cm, gồm 79 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 500 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Chính Hòa thứ 14 (1693).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Ba xã Dương Liễu, Quế Dương và Mậu Hòa thuộc huyện Đan Phượng từ trước vốn có chung ngôi đình lợp tranh ở chợ Liễu, quyền sở hữu đình được chia làm 5 phần, trong đó xã Dương Liễu, Quế Dương mỗi xã 2 phần, còn lại xã Mậu Hòa 1 phần. Đến nay bản tổng cùng hợp sức xây ngôi đình mới lợp ngói. Công việc bắt đầu từ năm

Nhâm Thân (1692) vừa tròn 1 năm thì hoàn thành. Các mặt bia còn lại khắc hai bản thỏa thuận giao ước của các xã trong tổng. Bản thứ nhất lập năm Chính Hòa thứ 10 (1689), nội dung phân chia quyền sở hữu đình cũ của 3 xã, ghi rõ phần việc phụ trách của từng xã khi xây dựng để sau này nếu hư hỏng sẽ có trách nhiệm sửa chữa, qui định chỗ ngồi của mỗi xã trong đình mỗi khi có hội họp tế lễ. Bản thứ hai lập năm Chính Hòa thứ 25, ghi danh sách của từng giáp thuộc 3 xã trong tổng (Dương Liễu 4 giáp, Quế Dương 6 giáp, Mậu Hòa 4 giáp) cùng đứng tên giao ước sẽ chịu trách nhiệm sửa chữa phần việc của giáp mình trong ngôi đình chung mỗi khi có hư hỏng.

Trần tộc bi kí/Trần tộc bi kí

陳族碑記/陳族碑記

Kí hiệu: 1271/1297/1298

Thác bản bia sưu tầm tại nhà thờ họ Trần xã Yên Sở tổng Dương Liễu huyện Đan Phượng tỉnh Hà Đông.

Thác bản 3 mặt, khổ 49 x 74 cm và 40 x 45 cm, gồm 38 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 700 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: không ghi.

Niên đại ước đoán: thời Nguyễn.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Gia phả, lai lịch dòng họ.
- Hành trạng, công tích nhân vật.

Tóm lược nội dung:

Ghi họ, tên hiệu, ngày giỗ của các vị Tổ từ đời thứ 8 ngược lên đời thứ 3 trong dòng họ. Điểm đặc biệt là trong 5 vị thuộc hàng tổ thứ 3 có 4 vị họ Trần và 1 vị mang họ Nguyễn, từ đó dẫn đến các đời thứ 5, 6, 7 tiếp theo đều mang họ Nguyễn. Trong số các vị Tổ đời thứ 3 có Trần Danh Tiêu tự Phác Nhã hiệu Cỗ Trai tiên sinh, đỗ Tiến sĩ khoa Quý Sửu [niên hiệu Long Đức thứ 2 (1733)] làm quan đến chức Đông các Đại học sĩ, Hàn lâm viện Thừa chỉ, tước Phụng Lĩnh bá.

Ngọc Tân tự bi kí

玉津寺碑記

Kí hiệu: 1272/1283

Thác bản bia xã Yên Sở huyện Đan Phượng phủ Quốc Oai tỉnh Sơn Tây 山西省國威府丹鳳縣安所社, sưu tầm tại chùa Ngọc Tân xã Yên Sở huyện Đan Phượng tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 65 x 130 cm, gồm 40 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1200 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Cảnh Trị thứ 6.

Niên đại ước đoán: Thiệu Trị 6 (1846).

Người soạn: Nguyễn Văn Phương 阮文芳; quê quán: xã Thượng Thụy; học vị: Giám sinh.

Người viết chữ: Trần Huy Nguyệt 陳輝珣; quê quán: xã Yên Sở.

Chủ đề: - Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Dân xã Yên Sở tu sửa trang hoàng lại chùa Ngọc Tân, xây dựng tòa tam quan, đúc 1 pho tượng Phật, 1 chiếc khánh. Ghi họ tên những người đóng góp tiền của vào việc. Có bài minh 16 câu.

Ghi chú: Niên hiệu “Cảnh Trị” trên thác bản là ngụy tạo.

Trùng tu Phật Linh tự bi kí

重修佛靈寺碑記

Kí hiệu: 1273

Thác bản bia xã Yên Sở huyện Đan Phượng 丹鳳縣安所社, sưu tầm tại chùa Phật Linh xã Yên Sở tổng Dương Liễu huyện Đan Phượng tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 74 x 121 cm, gồm 21 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 550 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: không ghi.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Chùa Phật Linh ở xã Yên Sở trải lâu ngày đã đổ nát, bản xã đứng ra huy động mọi người quyên góp tiền của làm mới 3 gian thượng điện hình chữ “công”, 5 gian nhà dưới, tô tượng Phật, trang hoàng lại chùa cho đẹp đẽ, công việc bắt đầu năm Mậu Tý, đến năm Kỷ Sửu hoàn thành. Ghi tên những mọi người tham gia đóng góp.

Cổ tích từ bi/Toàn xã thủ lệ

古跡祠碑/全社守隸

Kí hiệu: 1274/1278

Thác bản bia xã Yên Sở huyện Đan Phượng 丹鳳縣安所社, sưu tầm tại miếu xã Yên Sở tổng Dương Liễu huyện Đan Phượng tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 85 x 127 cm và 85 x 132 cm, gồm 70 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 2300 chữ, có hoa văn, có chữ húy: Trần 鄭.

Niên đại: Cảnh Trị thứ 9 (1671).

Người soạn: Nguyễn Tuấn Ngạn 阮俊彦; quê quán: xã Yên Sở; chức vị: Giảng dụ.

Người viết chữ: Nguyễn Hữu Tín 阮有信; chức vị: Xã chánh.

Chủ đề: - Công văn triều đình.
- Lịch sử di tích.
- Sự tích, thần phả.
- Sinh hoạt làng xã.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Thần miếu xã Yên Sở nguyên thờ 2 vị phúc thần là Gia thông Minh cảm Cao tiết Đại vương và Lý nương Phương dung Nhu dung Đại vương, trải từ triều trước thần rất linh thiêng. Sự tích kể lại, từ thời Trần, vua Thái Tông đi qua Yên Sở, đêm mộng thấy thần nhân hiện

ra, tự xưng là bề tôi trung liệt phò Lý Nam Đế trấn giữ đất Đường Lâm. Sau khi mất, được Thượng đế cho làm thần coi quản đất ấy. Trần Thái Tông tinh giấc, bèn sai dựng đền tại chỗ để thờ phụng. Từ đó thần luôn hiển ứng nên trải các đời từ Hoàng Định đến Cảnh Trị đều được gia phong mỹ tự. Bia chép các đạo sắc phong, lệnh chỉ của vua chúa Lê-Trịnh ban tặng cho thần và dân địa phương. Mặt sau bia liệt kê danh sách toàn bộ dân đinh từ 10 tuổi trở lên được làm dân thù lệ, xếp theo 14 giáp của xã Yên Sở, được miễn sưu sai tạp dịch để chăm lo thờ cúng. Có bài thơ tứ tuyệt của Thoát Hiên và bài minh 30 câu.

Thuật thần từ cụ bi

述神祠舊碑

Kí hiệu: 1275/1280

Thác bản bia xã Yên Sở huyện Đan Phượng phủ Quốc Oai 國威府丹鳳縣安所社, sưu tầm tại miếu xã Yên Sở tổng Dương Liễu huyện Đan Phượng tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 65 x 110 cm, gồm 48 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1200 chữ, có hoa văn, có chữ húy: Trừ 禪, Trần 禪.

Niên đại: Bảo Thái thứ 9 (1728).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Sự tích, thần phả.
- Hành trạng, công tích nhân vật.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Tháng 9 năm Mậu Thân, niên hiệu Bảo Thái thứ 9 (1728) dân xã Yên Sở trùng tu đền thờ thần, nhân đó khắc bia ghi lại sự tích vị đại vương, người bản xã (không rõ tên thật) văn võ song toàn theo Lý Nam Đế lập nhiều chiến công đánh giặc Lâm Ấp bảo vệ bờ cõi đất nước, vì thế ông được đổi thành họ Lý, ban tên là Phục Man và lấy công chúa. Trải qua các triều đều được gia phong mỹ tự, dân xã được miễn phu phen tạp dịch để chăm lo việc phụng thờ. Bia liệt kê tổng cộng 25 lần xã được nhận sắc phong hoặc lệnh chỉ của triều đình các triều đại từ đời Lý trở đi cho đến triều Nguyễn.

Ghi chú: Nội dung văn bia ngoài phần được khắc lần đầu năm 1728 ra còn được khắc bổ sung 2 lần vào các thời gian kế tiếp, trong đó phần khắc bổ sung lần thứ ba có lẽ vào thời Tây Sơn và triều Nguyễn trên thác bản đã bị xóa toàn bộ các chữ ghi niên hiệu.

Tục thần từ cựu bi

續神祠舊碑

Kí hiệu: 1276

Thác bản bia xã Yên Sở huyện Đan Phượng 丹鳳縣安所社, sưu tầm tại miếu xã Yên Sở huyện Đan Phượng tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 60 x 105 cm, gồm 14 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 280 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Hoàng triều năm thứ 2, Quý Hợi.

Niên đại ước đoán: Gia Long thứ 2 (1803).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Công văn triều đình (sắc, lệnh, chỉ dụ).
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Kì mục và xã, hương trưởng xã Yên Sở nối tiếp theo những bia cũ khắc ghi bổ sung các Lệnh chỉ của triều đình Lê-Trịnh ban cho dân xã được làm tạo lệ, miễn các khoản sưu sai tạp dịch để chuyên lo vào việc thờ vị thần Lý Phục Man, trong khoảng thời gian từ Cảnh Hưng thứ 18 đến năm Chiêu Thống thứ 1.

Ghi chú: Hai chữ ghi niên hiệu trên thác bản bị để trắng.

Đồng mang bi kí

銅銘碑記

Kí hiệu: 1277/1294

Thác bản bia xã Yên Sở huyện Đan Phượng 丹鳳縣安所社, sưu tầm tại miếu xã Yên Sơn huyện Đan Phượng tổng Dương Liễu tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 60 x 105 cm và 15 x 98 cm, gồm 32 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 1100 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: năm thứ 2.

Niên đại ước đoán: thời Tây Sơn hoặc đầu thời Nguyễn, niên đại khoảng từ 1788 đến 1831.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Xã Yên Sở tiến hành đúc chiếc kích bằng đồng để thờ. Công việc tiến hành trong 3 tháng, phí tổn rất nhiều. Ngoài các khoản cúng tiến công đức, xã còn phải thu bổ từ dân các giáp trong xã mỗi người 1 mạch. Bia ghi danh sách các thành viên đóng góp, chia ra các hạng, như: hưng công, thu bổ của bản xã và cúng tiến.

Ghi chú: Hai chữ ghi niên đại trên thác bản bị bôi xóa.

[Vô đề]

Kí hiệu: 1279

Thác bản bia xã Yên Sở huyện Đan Phượng 丹鳳縣安所社, suru tâm tại miếu xã Yên Sở huyện Đan Phượng tổng Dương Liễu tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 70 x 101 cm, gồm 23 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 200 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: không ghi.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Ghi danh sách các vị thôn trưởng cùng mọi người trong 14 giáp của xã Yên Sở bắt đầu từ giáp Đông Vĩnh đến giáp Ban Nhược, với khoảng 120 người được hưởng quyền lợi và trách nhiệm của dân thủ lệ thờ phụng thần từ.

Ghi chú: tham khảo thêm thác bản số 1274, 1278). So với danh sách các giáp trên thác bản 1278 (niên đại Cảnh Trị 9, 1671), số lượng các giáp ở thác bản này vẫn là 14 nhưng tên gọi các giáp đã có thay đổi.

Miếu đình phụng sự giao từ

廟亭奉事交詞

Kí hiệu: 1281/1282

Thác bản bia xã Yên Sở 安所社, sưu tầm tại miếu xã Yên Sở tổng Dương Liễu huyện Đan Phượng tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 67 x 110 cm, gồm 39 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1800 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: năm Ất Mão, thứ 8.

Niên đại ước đoán: Tự Đức thứ 8 (1855).

Người viết chữ: Nguyễn Chí Nghị 阮致誼; chức vị: Hương mục.

Chủ đề: Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Văn bản giao ước giữa hai xã Yên Sở và Đắc Sở lập tháng giêng năm Tự Đức thứ 7 (1854) về sự phân công phối hợp giữa hai xã trong các nghi thức thờ cúng thần tiết nhập tịch hàng năm tiến hành vào tháng 3 hàng năm, bao gồm các việc rước kiệu, cầm cờ, thuê con hát, đánh trống và một số quy định hình phạt những người nào không chấp hành theo các mức hạng khác nhau. Hai mặt bia đều khắc cùng một phần nội dung các điều giao ước gồm 790 chữ giống nhau, mặt số 1281 do quan viên xã Đắc Sở kí tên, mặt số 1282 do quan viên xã Yên Sở kí tên.

Ghi chú: Các chữ ghi niên hiệu trên thác bản đều bị bôi xóa.

Vĩnh Phúc tự thạch bi kí/Vĩnh Phúc tự bi kí

永福寺石碑記/永福寺碑記

Kí hiệu: 1284/1287

Thác bản bia xã Yên Sở huyện Đan Phượng phủ Quốc Oai tỉnh Sơn Tây 山西省國威府丹鳳縣安所社, sưu tầm tại chùa Vĩnh Phúc xã

Yên Sở tổng Dương Liễu huyện Đan Phượng tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 70 x 115 cm, gồm 39 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 1400 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: không ghi.

Niên đại ước đoán: Minh Mệnh thứ 19 (1838).

Người soạn: Nguyễn Văn Thái 阮文泰; quê quán: xã Đại Cát huyện Từ Liêm; học vị: Cử nhân khoa Đinh Dậu.

Người viết chữ: Nguyễn Như Thực 阮如實; nhà sư trụ trì.

Chủ đề: Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Chùa Vĩnh Phúc là một di tích cổ của xã Yên Sở, nguyên hồi đầu chùa chỉ lợp tranh, sau đã đổi thành lợp ngói. Nhưng trải lâu năm chùa bị dột nát. Năm Đinh Dậu, các vị quan viên trong xã là Cai tổng Trần Danh Ước, Hương lão Nguyễn Tri Đoán, Cựu Xã trưởng Nguyễn Chí Lí bàn nhau khởi công trùng tu, đến năm Mậu Tuất thì hoàn thành. Bia ghi danh sách những người tham gia đóng góp.

Ghi chú: Theo ghi chú của người sưu tầm, hai thác bản này nguyên được ghép với thác bản số 1285 và 1286. Dòng niên đại trên thác bản có thể đã bị xóa.

Vĩnh Phúc tự thạch bi kí

永福寺石碑記

Kí hiệu: 1285/1286

Thác bản bia xã Yên Sở huyện Đan Phượng phủ Quốc Oai 國威府丹鳳縣安所社, sưu tầm tại chùa Vĩnh Phúc xã Yên Sở tổng Dương Liễu huyện Đan Phượng tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 67 x 118 cm, gồm 32 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 1000 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 45 (1784).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Chùa Vĩnh Phúc là một di tích cổ của xã Yên Sở, nguyên hồi đầu chùa chỉ lợp tranh, sau đã đổi thành lợp ngói. Nhưng trải lâu năm chùa bị đốt nát. Năm Giáp Thìn chùa tiến hành trùng tu và tô tượng Phật. Bìa ghi danh sách những người tham gia đóng góp.

Ghi chú: Theo ghi chú của người sưu tầm, hai thác bản này nguyên được ghép với các thác bản số 1284 và 1287.

Pháp Vũ tự Tam Phủ từ bi kí

法雨寺三府祠碑記

Kí hiệu: 1288/1289

Thác bản bia xã Yên Sở huyện Đan Phượng phủ Quốc Oai 國威府丹鳳縣安所社, sưu tầm tại chùa Pháp Vũ xã Yên Sở tổng Dương Liễu huyện Đan Phượng tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 63 x 115 cm, gồm 48 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 2500 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Chính Hòa thứ 8 (1687).

Niên đại ước đoán: thời Tây Sơn hoặc thời Nguyễn, từ năm 1788 đến năm 1828.

Người soạn: Nguyễn Chí Nhuận 阮致潤; học vị: Sinh đồ.

Người viết chữ: Nguyễn Như Bảo 阮如保; học vị: Học sinh.

Chữ đề: - Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Chùa Pháp Vũ xã Yên Sở có từ lâu đời, nổi tiếng là linh thiêng. Nhưng chùa có qui mô nhỏ hẹp, trong chùa lại có đền Tam phủ, trải lâu ngày bị mưa gió làm cho hư hỏng đốt nát. Vì vậy dân 13 giáp trong xã cùng các vị thiện tín thập phương tiến hành trùng tu chùa, chọn địa điểm khác xây mới đền Tam phủ. Công việc hoàn thành dựng bia ghi tên những người tham gia đóng góp.

Ghi chú: Niên hiệu “Chính Hòa” trên thác bản là ngụy tạo.

Tân tạo Vĩnh Phúc tự bi kí

新造永福寺碑記

Kí hiệu: 1290/1291

Thác bản bia xã Yên Sở huyện Đan Phượng phủ Quốc Oai 國威府丹鳳縣安所社, sru tâm tại chùa Vĩnh Phúc xã Yên Sở tổng Dương Liễu huyện Đan Phượng tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 53 x 93 cm và 56 x 100 cm, gồm 31 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 400 chữ, có hoa văn, có chữ hủy: Cửu 垚, Tân 巛.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 5 (1744).

Người viết chữ: họ Nguyễn 阮; quê quán: xã Sơn Đông; chức vị: Sư trụ trì chùa Đông Vĩnh Phúc.

Chủ đề: - Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Tháng 2 năm Bính Tuất, vì tấm bia cũ ở chùa Vĩnh Phúc bị gãy đổ nên nhà chùa cho khắc lại y nguyên nội dung văn bia này lên một tấm bia mới. Nội dung tấm bia cũ khắc năm Cảnh Hưng thứ 5 (1744) do Xã trưởng đương thời là Nguyễn Duy Hàn viết chữ, ghi sự kiện chùa Vĩnh Phúc của xã bị đổ nát, mọi người trong xã quyên tiền của sửa lại thượng điện, nhà thiêu hương, nhà trước và tô lại tượng Phật. Bia ghi họ tên những người đóng góp.

Ghi chú: Đây là nội dung tấm bia cũ dựng năm Cảnh Hưng Giáp Tí, văn bia do Xã trưởng Nguyễn Duy Hàn soạn, được tu sửa khắc lại vào năm Bính Tuất (Cảnh Hưng thứ 27 (1766).

Vĩnh Phúc tự bi kí

永福寺碑記

Kí hiệu: 1292/1293

Thác bản bia xã Yên Sở tổng Dương Liễu huyện Đan Phượng phủ Quốc Oai 國威府丹鳳縣楊柳總安所社, sru tâm tại chùa Vĩnh Phúc xã Yên Sở tổng Dương Liễu huyện Đan Phượng tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 73 x 115 cm, gồm 47 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1800 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 45 (1784).

Niên đại ước đoán: thời Nguyễn.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Chùa Vĩnh Phúc nguyên lợp tranh, trải mưa gió bị dột nát. Năm Giáp Tuất mọi người trong xã cùng nhau góp tiền tu sửa lại, lợp ngói, tô Phật tượng, đến năm Đinh Sửu thì hoàn thành. Bia ghi tên các vị tham gia hưng công và đóng góp công đức. Cuối bia liệt kê chi tiết các khoản thu chi trong lần trùng tu này, trong đó tổng cộng các khoản thu là 1742 quan 2 mạch; chi công thợ, mua sắm vật liệu, lễ vật cúng lễ khánh thành hết 1748 quan 2 mạch 16 văn. Có bài minh 16 câu.

Ghi chú: Dòng niên đại trên thác bản là ngụy tạo.

[Vô đề]

Kí hiệu: 1295

Thác bản bia sưu tầm tại miếu xã Yên Sở tổng Dương Liễu huyện Đan Phượng tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 17 x 100 cm, gồm 1 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 51 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Vĩnh Thịnh thứ 3 (1707).

Người viết chữ: Đỗ Công Tú 杜公秀; quê quán: xã Dục Tú huyện Đông Ngàn; chức vị: Thủ hợp.

Người khắc: Ngô Văn Lộc 吳文祿; quê quán: xã Từ Trầm huyện Yên Sơn; thợ đá.

Chủ đề: Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Bia chỉ có 1 dòng, ghi việc mỗi người dân trong xã nộp 3 mạch tiền cổ để đúc một con ngựa bằng đồng vào năm Vĩnh Thịnh 3 (1707).

Ghi chú: Đây có lẽ chỉ là 1 mặt bên của một tấm bia có nhiều mặt.

[Vô đề]

Kí hiệu: 1296

Thác bản bia sưu tầm tại miếu xã Yên Sở tổng Dương Liễu huyện Đan Phượng tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 17 x 105 cm, gồm 6 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 200 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: không ghi.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Công văn triều đình.

Tóm lược nội dung:

Ghi tóm tắt 4 sắc chỉ của các triều đình vào các năm vua Vĩnh Thọ thứ 2, Cảnh Trị thứ 1, Dương Đức thứ 3, Chính Hòa thứ 4 gia phong mi tự cho vị thần được thờ ở bản xã và cho phép dân xã làm dân thủ lệ thờ phụng, được miễn trừ phu phen, binh dịch.

Tu Phật Linh tự

修佛靈寺

Kí hiệu: 1299/1300

Thác bản bia xã Yên Sở huyện Đan Phượng phủ Quốc Oai 國威府丹鳳縣安所社, sưu tầm tại chùa Phật Linh xã Yên Sở tổng Dương Liễu huyện Đan Phượng tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 53 x 98 cm, gồm 30 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 1000 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 45 (1784).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Năm Quý Mão, Hội Thiện cùng dân hai giáp xã Yên Sô tiến hành trùng tu chùa Phật Linh, xây tường gạch, lợp mái ngói, tạc tượng Phật. Công việc hoàn thành vào năm Giáp Thìn, bèn dựng bia ghi họ tên những người đóng góp công đức.

Ghi chú: Dòng chữ trán bia bị đục mất 1 chữ.

Vĩnh Thịnh thập tứ niên Mậu Tuất khoa Tiến sĩ đề danh kí

永盛十四年戊戌科進士題名記

Kí hiệu: 1301

Thác bản bia sưu tầm tại Văn Miếu Quốc tử giám Hà Nội.

Thác bản 1 mặt, khổ 123 x 175 cm, gồm 33 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 500 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Bảo Thái thứ 2 (1721).

Người soạn: Vũ Công Tế 武公宰; chức vị: Mậu lâm lang, Bồi tụng, Hàn lâm viện Thị thư.

Người nhuận sắc: Đinh Phụ Ích 丁輔益; chức vị: Đặc tiến Kim tử Vinh lộc đại phu, Bồi tụng, Đông các Đại học sĩ; tước Trù Phúc hầu.

Người viết chữ: Bùi Đình Kiên 裴廷堅; quê quán: xã Phú Thị huyện Gia Lâm; học vị: Trung thư giám Hoa văn học sinh.

Người viết chữ triện: Nguyễn Đình Huy 阮廷輝; chức vị: Cản sự lang, Kim quang môn Đãi chiếu; tước Liêu Tường nam.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Khoa bảng.

Tóm lược nội dung:

Ghi về khoa thi Hội năm Mậu Tuất niên hiệu Vĩnh Thịnh 14 (1718) cùng họ tên quê quán của 17 vị Tiến sĩ thuộc ba hạng Đề nhất giáp Tiến sĩ cập đệ (1 vị), Đề nhị giáp Tiến sĩ xuất thân (2 vị) và Đề tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân (14 vị).

Phúc Thái nguyên niên Quý Mùi khoa Tiến sĩ đề danh kí

福泰元年癸未科進士題名記

Kí hiệu: 1302

Thác bản bìa sưu tầm tại Văn miếu Quốc tử giám Hà Nội.

Thác bản 1 mặt, khổ 100 x 110 cm, gồm 41 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 800 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Thịnh Đức thứ 1 (1653).

Người soạn: Nguyễn Đình Chính 阮廷正; học vị: [Tiến sĩ khoa Mậu Thìn (1652)]; chức vị: Cần sự lang, Hàn lâm viện Hiệu thảo.

Người nhuận sắc: Dương Trí Trạch 楊致澤; học vị: [Tiến sĩ khoa Kỷ Mùi (1642)]; chức vị: Lễ bộ Thượng thư kiêm Hàn lâm viện Thị giảng, Tham chương Hàn lâm viện sự, Bạt quân công.

Người viết chữ: Đàm Phú Hoành 譚富橫; quê quán: xã Tả Thanh Oai huyện Thanh Oai; học vị: Trung thư giám Hoa văn học sinh.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Khoa bảng.

Tóm lược nội dung:

Ghi việc mở khoa thi Hội năm Quý Mùi niên hiệu Phúc Thái nguyên niên (1643), lấy đỗ 9 Tiến sĩ, gồm Đề nhị giáp Tiến sĩ xuất thân (2 vị) và Đề tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân (7 vị).

Ghi chú: Bìa có dấu vết đoạn chữ bị đục.

Vĩnh Tộ thập niên Mậu Thìn khoa Tiến sĩ đề danh kí

永祚十年戊辰科進士題名記

Kí hiệu: 1303

Thác bản bìa sưu tầm tại Văn miếu Quốc tử giám Hà Nội.

Thác bản 1 mặt, khổ 108 x 170 cm, gồm 38 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 900 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Thịnh Đức thứ 1 (1653).

Người soạn: Trịnh Cao Đệ 鄭高第; [học vị: Tiến sĩ khoa Canh Dần (1650)]; chức vị: Hàn lâm viện Hiệu thảo.

Người nhuận sắc: Dương Trí Trạch 楊致澤; [học vị: Tiến sĩ khoa Kỳ Mùi]; chức vị: Lễ bộ Thượng thư, Bạt Quận công nhuận sắc.

Người viết chữ: Lê Đình Thường 黎廷償; chức vị: Trung thư giám Hoa văn học sinh.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Khoa bảng.

Tóm lược nội dung:

Ghi việc mở khoa thi Hội năm Mậu Thìn niên hiệu Vĩnh Tộ 10 (1628), cùng họ tên, quê quán của 18 vị đỗ Tiến sĩ ở ba giáp: Đề nhất giáp, Đề nhị giáp, và Đề tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân thuộc khoa này.

Ghi chú: Trên bia còn dấu vết đoạn chữ bị đục.

Bảo Thái ngũ niên Giáp Thìn khoa Tiến sĩ đề danh kí

保泰五年甲辰科進士題名記

Kí hiệu: 1304

Thác bản bia sưu tầm tại Văn miếu Quốc tử giám Hà Nội.

Thác bản 1 mặt, khổ 130 x 200 cm, gồm 37 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 900 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Bảo Thái thứ 7 (1726).

Người soạn: Đỗ Lệnh Danh 杜令名; học vị: [Tiến sĩ khoa Canh Dần (1710)]; chức vị: Đặc tiến Kim tử Vinh lộc đại phu, Bồi tụng, Hàn lâm viện Thừa chỉ; tước Xuân Tri hầu.

Người nhuận sắc: Nguyễn Công Thái 阮公案; học vị: [Tiến sĩ khoa Ất Mùi (1715)]; chức vị: Hiển cung đại phu, Đông các Đại học sĩ, Tri Thị nội Thư tả, Lại phiên.

Người viết chữ: Phạm Đăng Trù 范登儔; chức vị: Trung thư giám Tiến công thứ lang, Huyện thừa huyện Tứ Kỳ.

Người viết chữ triện: Nguyễn Đình Huy 阮廷輝; quê quán: huyện Tứ Kỳ; chức vị: Kim quang môn Đãi chiếu, Cẩn sự lang, Quang Học điện Tự thừa; tước Liêu Tường nam.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.

- Khoa bảng.

Tóm lược nội dung:

Ghi việc mở khoa thi Hội năm Giáp Thìn niên hiệu Bảo Thái 5 (1724) và họ tên, quê quán của 17 vị đỗ Tiến sĩ khoa này gồm: Đề nhị giáp Tiến sĩ xuất thân 1 vị, Đề nhị giáp Tiến sĩ xuất thân 2 vị, Đề tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân 14 vị.

Ghi chú: Bia bị đục mất một nửa hàng chữ thứ 4.

Minh Đức tam niên Kỷ sửu khoa Tiến sĩ đề danh kí

明德三年己丑科進士題名記

Kí hiệu: 1305

Thác bản bia suu tầm tại Văn miếu Quốc tử giám Hà Nội.

Thác bản 1 mặt, khổ 100 x 147 cm, gồm 43 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 900 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Minh Đức thứ 3 (1529).

Người soạn 1: Nguyễn Thi Ung 阮時雍; chức vị: Lễ bộ Thượng thư, Thái tử Thái bảo; tước Thông Quận công.

Người soạn 2: Nguyễn Cư Nhân 阮居仁; [học vị: Tiến sĩ khoa Quý Sửu, Hồng Đức 24 (1493)]; chức vị: Đông các Hiệu thư.

Người viết chữ: Nguyễn Ngạn Chiêu; chức vị: Trung thư giám Chính tự.

Người viết chữ triện: Nguyễn Tấn; chức vị: Kim quang môn Đãi chiếu.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.

- Khoa bảng.

Tóm lược nội dung:

Ghi việc mở khoa thi Hội vào năm Kỷ sửu niên hiệu Minh Đức thứ 3 triều Mạc (1529) cùng họ tên, quê quán của 27 người đỗ Tiến sĩ gồm: Đề nhất giáp Tiến sĩ cập đệ 3 vị, Đề nhị giáp Tiến sĩ xuất thân 8 vị, Đề tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân 16 vị.

Ghi chú: Thông tin về người soạn, người nhuận sắc, người viết chữ và người khắc được bổ sung từ các tài liệu khác, thực tế trên thác bản chữ rất mờ hầu như không đọc được chính xác.

**Cảnh Hưng tam thập cửu niên Mậu Tuất khoa Tiến sĩ
đề danh kí**

景興三十九年戊戌科進士題名記

Kí hiệu: 1306

Thác bản bia suru tầm tại Văn miếu Quốc tử giám Hà Nội.

Thác bản 1 mặt, khổ 112 x 180 cm, gồm 21 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 280 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 41 (1780).

Người soạn: Nguyễn Hoàn 阮侁; học vị: Tiến sĩ khoa Quý Hợi (1743); chức vị: Hữu Tư giảng, Tham tụng, Quốc lão, Lại bộ thượng thư kiêm Tri Đông các, Thái tử, Viện Quận công.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Khoa bảng.

Tóm lược nội dung:

Ghi việc mở khoa thi Hội năm Mậu Tuất niên hiệu Cảnh Hưng 39 (1778), cùng họ tên, quê quán của 4 vị đỗ Đệ tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân.

Ghi chú: Bia bị đục mất hơn nửa hàng chữ thứ 4.

Tân Hợi khoa Tiến sĩ đề danh kí

辛亥科進士題名記

Kí hiệu: 1307

Thác bản bia suru tầm tại Văn miếu Quốc tử giám Hà Nội.

Thác bản 1 mặt, khổ 105 x 185 cm, gồm 19 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 270 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Long Đức thứ 1 (1732).

Người soạn: Phạm Khiêm Ích 范謙益; học vị: Tiến sĩ cập đệ khoa Canh Dần (1710); chức vị: Tham tụng, Lại bộ Thượng thư, kiêm Đông các Đại học sĩ, Thiếu bảo; tước Thuật quận công.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Khoa bảng.

Tóm lược nội dung:

Ghi về khoa thi Hội năm Tân Hợi niên hiệu Vĩnh Khánh thứ 3 (1731), cùng họ tên, quê quán của 12 vị Tiến sĩ gồm: Đề nhất giáp Tiến sĩ cập đệ 1 vị, Đề nhị giáp Tiến sĩ xuất thân 3 vị, Đề tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân 8 vị.

Ghi chú: Bia bị đục mất một số chữ hàng thứ 4.

Quang Thiệu tam niên Mậu Dần khoa Tiến sĩ đề danh kí

光紹三年戊寅科進士題名記

Kí hiệu: 1308

Thác bản bia sưu tầm tại Văn miếu Quốc tử giám Hà Nội.

Thác bản 1 mặt, khổ 95 x 140 cm, gồm 33 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 900 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Đại Chính thứ 7 (1308).

Người soạn: Nguyễn Văn Thái 阮文泰; học vị: Thám hoa khoa Nhâm Tuất niên hiệu Cảnh Thống 5; chức vị: Lễ bộ Thượng thư kiêm Đông các Đại học sĩ; tước Đạo Xuyên bá.

Người viết chữ: họ Vũ 武; chức vị: Thông chương đại phu, Trung thư giám Chính tự Tư chính khanh.

Người viết chữ triện: họ Nguyễn 阮; chức vị: Kim quang môn Đãi chiếu, Tư chính khanh.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Khoa bảng.

Tóm lược nội dung:

Ghi việc mở khoa thi Hội năm Mậu Dần niên hiệu Quang Thiệu 3 (1518) của nhà Lê, lấy đỗ 17 Tiến sĩ gồm: Đề nhất giáp Tiến sĩ cập đệ 3 vị, Đề nhị giáp Tiến sĩ xuất thân 6 vị, Đề tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân 8 vị. Ghi họ tên, quê quán của từng vị.

Khánh Đức nhị niên Canh Dần khoa Tiến sĩ đề danh kí

慶德貳年庚寅科進士題名記

Kí hiệu: 1309

Thác bản bìa sưu tầm tại Văn miếu Quốc tử giám Hà Nội.

Thác bản 1 mặt, khổ 110 x 152 cm, gồm 40 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1300 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Thịnh Đức thứ 1 (1653).

Người soạn: Nguyễn Đình Chính 阮廷正; học vị: [Tiến sĩ khoa Nhâm Thìn (1652)]; chức vị: Cẩn sự lang, Hàn lâm viện Hiệu thảo.

Người nhuận sắc: Dương Trí Trạch 楊致澤; học vị: [Tiến sĩ khoa Kỷ Mùi (1642)]; chức vị: Lễ bộ Thượng thư kiêm Hàn lâm viện Thị giảng, Tham chương Hàn lâm viện sự, Bạt quận công.

Người viết chữ: Nguyễn Cán 阮杆; quê quán: xã Nguyệt Viên huyện Hoằng Hóa; học vị: Trung thư giám Hoa văn học sinh.

Người viết chữ triện: Nguyễn Quang Độ 阮光度; chức vị: Kim quang môn Đãi chiếu; tước Quế Lan nam.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Khoa bảng.

Tóm lược nội dung:

Ghi việc mở khoa thi Hội năm Canh Dần (1650) thuộc niên hiệu Khánh Đức, cùng họ tên, quê quán của 8 vị đỗ Tiến sĩ gồm: Đề nhất giáp Tiến sĩ cập đệ 1 vị, Đề nhị giáp Tiến sĩ xuất thân 1 vị, Đề tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân 6 vị.

Ghi chú: Bìa bị đục chữ ở dòng 22 và dòng 23.

Hồng Đức nhị thập thất niên Bính Thìn khoa Tiến sĩ đề danh bi

洪德貳十七年丙辰科進士題名記

Kí hiệu: 1310

Thác bản bìa sưu tầm tại Văn miếu Quốc tử giám Hà Nội.

Thác bản 1 mặt, khổ 100 x 155 cm, gồm 40 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1300 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Hồng Đức thứ 27 (1496).

Người soạn: không rõ.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Khoa bảng.

Tóm lược nội dung:

Họ tên, quê quán của 30 vị đỗ Tiến sĩ khoa Bính Thìn niên hiệu Hồng Đức 27 (1496) ở ba hạng Đệ nhất giáp Tiến sĩ cập đệ 3 vị, Đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân 8 vị và Đệ tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân 19 vị.

Ghi chú: Chữ trên thạc bản thực tế rất mờ nên không thể đọc được thông tin về những người tham gia xây dựng văn bản. Theo sách *Văn Miếu Quốc tử giám* và 82 văn bia Tiến sĩ thì bia này người soạn là Lưu Hưng Hiếu, Hàn lâm viện Thị giảng (Tiến sĩ khoa Tân Sửu, Hồng Đức 12), người viết là Nguyễn Đức, Trung thư giám Chính tự, người khắc là Nguyễn Nhân, Kim Quang môn Đãi chiếu.

Khánh Đức tứ niên Nhâm Thìn khoa Tiến sĩ đề danh kí

慶德四年壬辰科進士題名記

Kí hiệu: 1311

Thạc bản bia suu tầm tại Văn miếu Quốc tử giám Hà Nội.

Thạc bản 1 mặt, khổ 100 x 150 cm, gồm 40 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 2000 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Thịnh Đức thứ 1 (1653).

Người soạn: Nguyễn Đình Chính 阮廷正; học vị: [Tiến sĩ khoa Nhâm Thìn (1652)]; chức vị: Cẩn sự lang, Hàn lâm viện Hiệu thảo.

Người nhuận sắc: Dương Trí Trạch 楊致澤; học vị: [Tiến sĩ khoa Kỷ Mùi (1642)]; chức vị: Lễ bộ Thượng thư, kiêm Hàn lâm viện Thị giảng, Bạt quận công.

Người viết chữ: Nguyễn Tuấn Đắc 阮俊得; quê quán: xã Thụy Hương huyện Từ Liêm; chức vị: Trung thư giám điển thư, Gia Thụy tử.

Người viết chữ triện: Nguyễn Quang Độ 阮光度; chức vị: Kim quang môn Đãi chiếu, Quế Lan nam.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Khoa bảng.

Tóm lược nội dung:

Ghi về khoa thi Hội năm Nhâm Thìn (1652) niên hiệu Khánh Đức thứ 2 cùng họ tên, quê quán của 9 vị Tiến sĩ. Khoa này chỉ lấy người đỗ ở hạng Đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân 2 vị và Đệ tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân 7 vị.

Ghi chú: Trên bia có vết đoạn chữ bị đục.

Kỷ hội thịnh khoa Tiến sĩ bi kí

己亥盛科進士碑記

Kí hiệu: 1312

Thác bản bia sưu tầm tại Văn miếu Quốc tử giám Hà Nội.

Thác bản 1 mặt, khổ 123 x 200 cm, gồm 19 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 700 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 41 (1780).

Người soạn: Phan Trọng Phiên 潘中番; học vị: Tiến sĩ khoa Đinh Sửu (1757); chức vị: Hộ bộ Tả thị lang tước, Tử Xuyên hầu.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Khoa bảng.

Tóm lược nội dung:

Ghi việc mở thịnh khoa thi Hội năm Kỷ hội niên hiệu Cảnh Hưng 40 (1779), cùng họ tên, quê quán của 15 vị đỗ khoa này, gồm Đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân 2 vị và Đệ tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân 13 vị.

Ghi chú: Trên bia có vết đoạn chữ bị đục.

Hồng Đức cửu niên Mậu Tuất khoa Tiến sĩ đề danh kí

洪德九年戊戌科進士題名記

Kí hiệu: 1313

Thác bản bia sưu tầm tại Văn miếu Quốc tử giám Hà Nội.

Thác bản 1 mặt, khổ 105 x 146 cm, gồm 40 dòng chữ Hán, toàn văn

ước khoảng 1600 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Hồng Đức thứ 15 (1484).

Người soạn: Nguyễn Đôn Phục 阮敦復; học vị: [Hoàng giáp khoa Bính Tuất (1466)]; chức vị: Hàn lâm viện Thị thư kiêm Tú lâm cục Tư huấn.

Người viết chữ: Thái Thúc Liêm 蔡叔廉; chức vị: Cẩn sự lang, Trung thư giám Chính tự.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Khoa bảng.

Tóm lược nội dung:

Ghi việc mở khoa thi Hội năm Mậu Tuất niên hiệu Hồng Đức 9 (1478), cùng họ tên, quê quán (tên xã và tên phủ) của 62 vị Tiến sĩ. Khoa này đỗ hàng Đệ nhất giáp Tiến sĩ cập đệ gồm 3 người (Lê Quảng Chí, Trần Bích Hoành, Lê Ninh) nhưng không lấy đỗ Trạng nguyên, chỉ có một Bảng nhãn (Lê Quang Chí) và hai Thám hoa (Trần Bích Hoành và Lê Ninh); hạng Đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân gồm 9 người; hạng Đệ tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân gồm 50 người.

Dương Hòa tam niên Đinh Sửu khoa Tiến sĩ đề danh kí

陽和三年丁丑科進士題名記

Kí hiệu: 1314

Thác bản bìa sưu tầm tại Văn miếu Quốc tử giám Hà Nội.

Thác bản 1 mặt, khổ 80 x 125 cm, gồm 40 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1500 chữ, có hoa văn, có chữ hủy: Trần 鄭.

Niên đại: Thịnh Đức thứ 1 (1653).

Người soạn: Trịnh Cao Đệ 鄭高第; học vị: [Tiến sĩ khoa Canh Dần (1605)]; chức vị: Hàn lâm viện Hiệu thảo.

Người nhuận sắc: Dương Trí Trạch 楊致澤; học vị: [Tiến sĩ khoa Kỷ Mùi (1642)]; chức vị: Lễ bộ Thượng thư kiêm Hàn lâm viện Thị giảng, Tham chương Hàn lâm viện sự, Bạt Quận công.

Người viết chữ: Đỗ Minh Nhĩ 杜名珎; quê quán: xã Thái Lạc huyện Văn Giang; chức vị: Trung thư giám Hoa văn học sinh.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Khoa bảng.

Tóm lược nội dung:

Ghi về khoa thi Hội năm Đinh Sửu niên hiệu Dương Hòa 3 (1637), cùng họ tên, quê quán của 20 vị đỗ Tiến sĩ, gồm Đề nhất giáp Tiến sĩ cập đệ 3 vị, Đề nhị giáp Tiến sĩ xuất thân 2 vị và Đề tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân 15 vị.

Hoàng Định thập tứ niên Quý Sửu khoa Tiến sĩ đề danh kí

弘定十四年癸丑科進士題名記

Kí hiệu: 1315

Thác bản bìa sưu tầm tại Văn miếu Quốc tử giám Hà Nội.

Thác bản 1 mặt, khổ 107 x 160 cm, gồm ? dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1653 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Thịnh Đức thứ 1 (1653).

Người soạn: Nguyễn Đăng Minh 阮登明; học vị: [Tiến sĩ khoa Bính Tuất (1646)]; chức vị: Hàn lâm viện Hiệu thảo.

Người nhuận sắc: Dương Trí Trạch 楊致澤; học vị: [Tiến sĩ khoa Kỷ Mùi (1619)]; chức vị: Lễ bộ Thượng thư, Bạt Quận công.

Người viết chữ: Trần Hào 陳豪; quê quán: xã La Chàng huyện Thiên Thi phủ Khoái Châu; chức vị: Trung thư giám Điển thư; tước Văn Duệ tử.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Khoa bảng.

Tóm lược nội dung:

Ghi việc mở khoa thi Hội năm Quý Sửu niên hiệu Hoàng Định 14 (1613) cùng họ tên, quê quán của 7 vị đỗ Tiến sĩ. Khoa này cả 7 người đều đỗ ở hạng Đề tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân.

Ghi chú: Trên thác bản có vết đoạn chữ bị đục.

Quang Thuận thất niên Bính Tuất khoa Tiến sĩ đề danh kí

光順七年丙戌科進士題名記

Kí hiệu: 1316

Thác bản bia suu tâm tại Văn miếu Quốc tử giám Hà Nội.

Thác bản 1 mặt, khổ 110 x 154 cm, gồm 44 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 2600 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Hồng Đức thứ 15 (1484).

Người soạn: Đàm Văn Lễ 覃文禮; chức vị: Mậu lâm lang, Đông các Hiệu thư.

Người viết chữ: Nguyễn Tùng 阮誥; chức vị: Cẩn sự lang, Trung thư giám Chính tự.

Người viết chữ triện: Tô Ngại 蘇礙; chức vị: Mậu lâm lang, Kim quang môn Đãi chiếu.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Khoa bảng.

Tóm lược nội dung:

Ghi việc mở khoa thi Hội năm Bính Tuất niên hiệu Quang Thuận 7 (1466), lấy đỗ 27 vị Tiến sĩ, gồm Đề nhị giáp Tiến sĩ xuất thân 8 vị và Đề tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân 19 vị.

Vĩnh Thịnh bát niên Nhâm Thìn khoa Tiến sĩ đề danh kí

永盛八年壬辰科進士題名記

Kí hiệu: 1317

Thác bản bia suu tâm tại Văn miếu Quốc tử giám Hà Nội.

Thác bản 1 mặt, khổ 112 x 172 cm, gồm 34 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1500 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Vĩnh Thịnh thứ 12 (1717).

Người soạn: Nguyễn Kiều 阮翹; học vị: [Tiến sĩ khoa Ất Mùi (1715)]; chức vị: Cẩn sự tá lang, Hàn lâm viện Hiệu thảo.

Người nhuận sắc: Nguyễn Quý Đức 阮貴德; học vị: [Thám hoa khoa Bính Thìn (1676)]; chức vị: Lại bộ Thượng thư kiêm Đông các Đại

học sĩ, Thiệu phó; tước Liêm Quận công.

Người viết chữ: Phan Đăng Trù 潘登儔; quê quán: xã Bồ Dương huyện Vĩnh Lại; học vị: Trung thư giám Hoa văn học sinh.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Khoa bảng.

Tóm lược nội dung:

Ghi việc mở khoa thi Hội năm Nhâm Thìn (1712) niên hiệu Vĩnh Thịnh 8, cùng họ tên, quê quán của 17 vị Tiến sĩ được lấy đỗ, trong đó hạng Đề nhị giáp Tiến sĩ xuất thân 1 vị và Đề tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân 16 vị.

Ghi chú: Trên bia có dấu vết đoạn chữ bị đục.

Hoảng Định nhị thập niên Kỷ mùi khoa Tiến sĩ đề danh kí

弘定貳十年己未科進士題名記

Kí hiệu: 1318

Thác bản bia sưu tầm tại Văn miếu Quốc tử giám Hà Nội.

Thác bản 1 mặt, khổ 103 x 165 cm, gồm 39 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 2000 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Thịnh Đức thứ 1 (1653).

Người soạn: Lê Đình Lại 黎廷賴; học vị: [Tiến sĩ khoa Bính Tuất (1646)]; chức vị: Mậu lâm lang, Hàn lâm viện Hiệu thảo.

Người nhuận sắc: Dương Trí Trạch 楊致澤; học vị: [Tiến sĩ khoa Kỷ Mùi (1619)]; chức vị: Lễ bộ Thượng thư kiêm Hàn lâm viện Thị giảng, Tham chương Hàn lâm viện sự, Bạt Quận công, Thượng Trụ quốc.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Khoa bảng.

Tóm lược nội dung:

Ghi về khoa thi Hội năm Kỷ mùi niên hiệu Hoảng Định 20 (1619) và họ tên, quê quán của 7 vị đỗ Tiến sĩ. Khoa này chỉ có người đỗ ở hạng Đề nhị giáp Tiến sĩ xuất thân (1 người) và Đề tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân (6 người).

Ghi chú: Trên bia có vết chữ bị đục.

Vĩnh Thịnh nhị niên Bính Tuất khoa Tiến sĩ đề danh kí

永盛貳年丙戌科進士題名記

Kí hiệu: 1319

Thác bản bia sưu tầm tại Văn miếu Quốc tử giám Hà Nội.

Thác bản 1 mặt, khổ 127 x 180 cm, gồm 34 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1700 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Vĩnh Thịnh thứ 13 (1717).

Người soạn: Dương Bật Trạc 楊弼擢; học vị: [Tiến sĩ khoa Ất Mùi (1715); chức vị: Cần sự lang Hàn lâm viện Hiệu thảo.

Người nhuận sắc: Nguyễn Quý Đức 阮貴德; học vị: Thám hoa khoa Bính Thìn (1676); chức vị: Lại bộ Thượng thư kiêm Đông các Đại học sĩ, Thiếu phó; tước Liêm quận công.

Người viết chữ: Nguyễn Đình Cồn 阮廷滾; quê quán: xã Phù Chẩn huyện Đông Ngàn; chức vị: Thị nội Thư tả Bình phiên.

Người viết chữ triện: Nguyễn Đình Huy 阮廷輝; chức vị: Kim quang môn Đãi chiếu; tước Liêu Tường nam.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Khoa bảng.

Tóm lược nội dung:

Ghi về khoa thi Hội năm Bính Tuất niên hiệu Vĩnh Thịnh 2 (1706) cùng họ tên, quê quán của 5 vị đỗ Tiến sĩ. Cả 5 vị đều là Đệ tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân.

Chính Hòa nhị thập nhất niên Canh Thìn khoa Tiến sĩ đề danh kí

正和貳十一年庚辰科進士題名記

Kí hiệu: 1320

Thác bản bia sưu tầm tại Văn miếu Quốc tử giám Hà Nội.

Thác bản 1 mặt, khổ 130 x 185 cm, gồm 35 dòng chữ Hán, toàn văn

ước khoảng 1500 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Vĩnh Thịnh thứ 13 (1717).

Người soạn: Bùi Sĩ Tiêm 裴士暹; học vị: [Tiến sĩ khoa Ất Mùi (1715)]; chức vị: Cẩn sự lang, Hàn lâm viện Hiệu lý.

Người nhuận sắc: Nguyễn Quý Đức 阮貴德; học vị: [Thám hoa khoa Bính Thìn (1676)]; chức vị: Lại bộ Thượng thư, Thiếu phó; tước Liêm Quận công.

Người viết chữ: Nguyễn Đình Hoàn 阮廷桓; quê quán: xã Bái Giao huyện Đông Sơn; chức vị: Thị nội Thư tả, Hộ phiên.

Người viết chữ triện: Nguyễn Đình Huy 阮廷輝; chức vị: Kim quang môn Đãi chiếu; tước Liêu Tường nam.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Khoa bảng.

Tóm lược nội dung:

Ghi về khoa thi Hội năm Canh Thìn niên hiệu Chính Hòa 21 (1700) lấy đỗ 19 vị Tiến sĩ. Khoa này hạng Đệ nhất giáp Tiến sĩ cập đệ chỉ lấy 1 người (Thám hoa Nguyễn Đình Úc); hạng Đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân lấy đỗ 3 người (Hoàng giáp Tạ Đăng Huân, Hoàng giáp Hồ Phi Tích, Hoàng giáp Đinh Nho Hoàn); số còn lại đỗ ở hạng Đệ tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân.

Chính Hòa thập ngũ niên Giáp Tuất khoa Tiến sĩ đề danh kí

正和十五年甲戌科進士題名記

Kí hiệu: 1321

Thác bản bia sưu tầm tại Văn miếu Quốc tử giám Hà Nội.

Thác bản 1 mặt, khổ 115 x 188 cm, gồm 34 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1500 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Vĩnh Thịnh thứ 13 (1717).

Người soạn: Nguyễn Nham 阮巖; học vị: [Tiến sĩ khoa Ất Mùi (1715)]; chức vị: Cẩn sự tả lang, Hàn lâm viện Hiệu thảo.

Người nhuận sắc: Nguyễn Quý Đức 阮貴德; học vị: [Thám hoa khoa

Bính Thìn (1676)]; chức vị: Tham tụng, Lại bộ Thượng thư, Thiếu phó; tước Liêm Quận công.

Người viết chữ: Nguyễn Đình Hoàn 阮廷桓; quê quán: xã Bái Giao huyện Đông Sơn; chức vị: Thị nội Thư tả Hộ phiên.

Người viết chữ triện: Nguyễn Đình Huy 阮廷輝; chức vị: Kim quang môn Đãi chiếu; tước Liêu Tường nam.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Khoa bảng.

Tóm lược nội dung:

Ghi việc mở khoa thi Hội năm Giáp Tuất niên hiệu Chính Hòa 15 (1694) lấy đỗ 5 vị Tiến sĩ. Cả 5 vị đỗ trong khoa này đều ở hạng Đệ tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân.

Chính Trị bát niên Ất Sửu khoa chế khoa đề danh kí

正治八年乙丑科制科題名記

Kí hiệu: 1322

Thác bản bìa sưu tầm tại Văn miếu Quốc tử giám Hà Nội.

Thác bản 1 mặt, khổ 120 x 172 cm, gồm 43 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1800 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Thịnh Đức thứ 1 (1653).

Người soạn: Nguyễn Đăng Cảo 阮登鎬; học vị: [Thám hoa khoa Bính Tuất (1646)]; chức vị: Hàn lâm viện Đãi chế.

Người nhuận sắc: Dương Trí Trạch 楊致澤; học vị: [Tiến sĩ khoa Kỷ Mùi (1619)]; chức vị: Lễ bộ Thượng thư kiêm Hàn lâm viện Thị giảng, Tham chương Hàn lâm viện sự, Thượng Trụ quốc; tước Bạt Quận công.

Người viết chữ: Đào Vinh Lộc 陶榮祿; quê quán: phường Vĩnh Thái huyện Thọ Xương; trú quán: xã Hoa Đường; học vị: Trung thư giám Hoa văn học sinh.

Người viết chữ triện: Vũ Cừ 武舉; quê quán: phường Báo Thiên huyện Thọ Xương; trú quán: xã Hoa Đường; học vị: Trung thư giám Hoa văn học sinh.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Khoa bảng.

Tóm lược nội dung:

Ghi về việc mở Chế khoa Tiến sĩ, năm Ất Sửu niên hiệu Chính Trị 8 (1565), lấy đỗ 10 vị Tiến sĩ, gồm Đề nhất giáp Chế khoa xuất thân 4 vị và Đề nhị giáp Đồng Chế khoa xuất thân 6 vị.

Thái Hòa lục niên Mậu Thìn khoa Tiến sĩ đề danh kí

太和六年戊辰科進士題名記

Kí hiệu: 1323

Thác bản bia suru tầm tại Văn miếu Quốc tử giám Hà Nội.

Thác bản 1 mặt, khổ 102 x 149 cm, gồm 46 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1700 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Hồng Đức thứ 15 (1484).

Người soạn: Đỗ Nhuận 杜潤; học vị: [Tiến sĩ khoa Bính Tuất (1466)];
chức vị: Hàn lâm viện Thị độc kiêm Đông các Đại học sĩ.

Người viết chữ: Nguyễn Tùng 阮竦; chức vị: Cẩn sự lang, Trung thư giám Chính tự.

Người viết chữ triện: Tô Ngại 蘇礙; chức vị: Kim quang môn Đãi chiếu.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Khoa bảng.

Tóm lược nội dung:

Ghi việc mở khoa thi Hội năm Mậu Thìn niên hiệu Thái Hòa 6 (1448) cùng họ tên, quê quán của 27 vị đỗ Tiến sĩ. Khoa thi này ở hạng Đề nhất giáp Tiến sĩ cấp đệ lấy đỗ 3 người, hạng Đề nhị giáp Tiến sĩ xuất thân lấy đỗ 12 người, hạng Đề tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân lấy đỗ 12 người.

Chính Hòa cửu niên Mậu Thìn khoa Tiến sĩ đề danh kí

正和九年戊辰科進士題名記

Kí hiệu: 1324

Thác bản bìa sưu tầm tại Văn miếu Quốc tử giám Hà Nội.

Thác bản 1 mặt, khổ 127 x 172 cm, gồm 36 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1500 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Vĩnh Thịnh thứ 13 (1717).

Người soạn: Nguyễn Quý Ân 阮貴恩; học vị: [Hoàng giáp khoa Ất Mùi (1715)]; chức vị: Cần sự lang, Hàn lâm viện Hiệu lý, Tri Thị nội Thư tả, Thủy binh phiên.

Người nhuận sắc: Nguyễn Quý Đức 阮貴德; học vị: [Thám hoa khoa Bính Thìn (1676)]; chức vị: Tham tụng, Lại bộ Thượng thư, Thiếu phó; tước Liêm Quận công.

Người viết chữ: Phạm Toàn 范全; quê quán: xã Hoa Đường huyện Đường An; chức vị: Thị nội Thư tả, Hộ phiên, Huyện thừa.

Người viết chữ triện: Nguyễn Đình Huy 阮廷輝; chức vị: Kim quang môn Đãi chiêu; tước Liêu Tường nam.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Khoa bảng.

Tóm lược nội dung:

Ghi việc mở khoa thi Hội năm Mậu Thìn niên hiệu Chính Hòa 9 (1688) cùng họ tên, quê quán của 7 vị Tiến sĩ được lấy đỗ. Khoa này không có người đỗ ở hạng Đệ nhất giáp Tiến sĩ cập đệ, chỉ có người đỗ ở hạng Đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân (1 người); 6 người còn lại đều đỗ ở hạng Đệ tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân.

Ghi chú: Bìa có vết đục chữ.

Quang Hưng tam niên Canh Thìn khoa Tiến sĩ đề danh kí

光興三年庚辰科進士題名記

Kí hiệu: 1325

Thác bản bìa sưu tầm tại Văn miếu Quốc tử giám Hà Nội.

Thác bản 1 mặt, khổ 105 x 160 cm, gồm 47 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1800 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Thịnh Đức thứ 1 (1653).

Người soạn: Khương Thế Hiền 姜世賢; học vị: [Thám hoa khoa Canh Dần (1605)]; chức vị: Hàn lâm viện Đãi chế.

Người nhuận sắc: Dương Trí Trạch 楊致澤; học vị: [Tiến sĩ khoa Kỷ Mùi (1619)]; chức vị: Lễ bộ Thượng thư kiêm Hàn lâm viện Thị giảng, Tham chương Hàn lâm viện sự, Thượng trụ quốc; tước Bạt quận công.

Người viết chữ: Phạm Văn Vị 范文位; quê quán: xã Trung Lập huyện Đường Hào; chức vị: Trung thư giám Hoa văn học sĩ.

Người viết chữ triện: Nguyễn Quang Độ 阮光度; chức vị: Kim quang môn Đãi chiếu; tước Quế Lan nam.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Khoa bảng.

Tóm lược nội dung:

Ghi việc mở khoa thi Hội ở ấp Thang Mộc (Thanh Hoá) của nhà Lê vào năm Canh Thìn niên hiệu Quang Hưng 1 (1580) cùng họ tên quê quán của 6 vị đỗ Tiến sĩ. Khoa này, triều đình chỉ lấy đỗ ở hạng Đề nhị giáp Tiến sĩ xuất thân (4 người) và hạng Đề tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân (2 người).

Ghi chú: Bia có vết đục chữ.

Chính Hòa tứ niên Quý Hợi khoa Tiến sĩ đề danh kí

正和四年癸亥科進士題名記

Kí hiệu: 1326

Thác bản bia sưu tầm tại Văn miếu Quốc tử giám Hà Nội.

Thác bản 1 mặt, khổ 130 x 170 cm, gồm 40 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1800 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Vĩnh Thịnh thứ 13 (1717).

Người soạn: Nguyễn Kiều 阮翹; học vị: [Tiến sĩ khoa Ất Mùi (1715)];

chức vị: Cần sự lang, Hàn lâm viện Hiệu thảo.

Người nhuận sắc: Nguyễn Quý Đức 阮貴德; học vị: [Thám hoa khoa Bính Thìn (1676)]; chức vị: Lại bộ Thượng thư, Thiếu phó; tước Liêm Quận công.

Người viết chữ: Ngô Bảo 吳寶; quê quán: xã Phú Thị huyện Gia Lâm; chức vị: Thị nội Thư tả Thủy binh phiên.

Người viết chữ triện: Nguyễn Đình Huy 阮廷輝; chức vị: Kim quang môn Đãi chiếu; tước Liêu Tường nam.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Khoa bảng.

Tóm lược nội dung:

Ghi việc mở khoa thi Hội năm Quý Hợi niên hiệu Chính Hòa 4 (1683) cùng họ tên quê quán của 18 vị tiến sĩ. Hạng Đệ nhất giáp Tiến sĩ cập đệ gồm 3 người (Trạng nguyên: Nguyễn Đăng Đạo; Bảng nhãn: Phạm Quang Trạch; Thám hoa: Quách Giai), hạng Đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân gồm 1 người (Nguyễn Đương Hồ), hạng Đệ tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân gồm 14 người.

Ghi chú: Bia có vết đục chữ.

Vĩnh Trị nguyên niên Bính Thìn khoa Tiến sĩ đề danh kí

永治元年丙辰科進士題名記

Kí hiệu: 1327

Thác bản bia sưu tầm tại Văn miếu Quốc tử giám Hà Nội.

Thác bản 1 mặt, khổ 130 x 180 cm, gồm 38 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1800 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Vĩnh Thịnh thứ 13 (1717).

Người soạn: Dương Bật Trạc 楊弼擢; học vị: [Tiến sĩ khoa Ất Mùi (1715)]; chức vị: Hàn lâm viện Hiệu thảo.

Người nhuận sắc: Nguyễn Quý Đức 阮貴德; học vị: [Thám hoa khoa Bính Thìn (1676)]; chức vị: Lại bộ Thượng thư, Thiếu phó; tước Liêm Quận công.

Người viết chữ: Ngô Bảo 吳寶; quê quán: xã Phú Thị huyện Gia Lâm;
chức vị: Thị nội Thư tả Thủy binh phiên.

Người viết chữ triện: Nguyễn Đình Huy 阮廷輝; chức vị: Kim quang
môn Đãi chiếu; tước Liêu Tường nam.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Khoa bảng.

Tóm lược nội dung:

Ghi việc mở khoa thi Hội năm Bính Thìn niên hiệu Vĩnh Trị 1 (1676)
cùng họ tên quê quán của 20 vị đỗ Tiến sĩ. Hạng Đệ nhất giáp Tiến
sĩ cập đệ gồm 1 người (Thám hoa Nguyễn Quý Đức). Hạng Đệ nhị
giáp Tiến sĩ xuất thân có 3 người (Hoàng giáp Bùi Công Phụ; Phạm
Quang Chiêu; Nguyễn Tiến Triều). Hạng Đệ tam giáp Đồng Tiến sĩ
xuất thân có 16 người.

Ghi chú: Bia có vết đục chữ.

Đề danh bi đình kí

題名碑亭記

Kí hiệu: 1328a/ 01328b

Thác bản bia sưu tầm tại Văn miếu Quốc tử giám Hà Nội.

Thác bản 2 mặt, khổ 81 x 130 cm, gồm 36 dòng chữ Hán, toàn văn
ước khoảng 700 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Tự Đức thứ 16 (1863).

Người soạn: Lê Hữu Thanh 黎有聲; học vị: Hoàng giáp khoa Tân Hợi
(1851); chức vị: Bộ chính sứ Hà Nội.

Người nhuận sắc: Đặng Tá 鄧佐; chức vị: Hàn lâm viện Thị giảng học
sĩ, Hà Nội Án sát sứ.

Người giám định: Tôn Thất Hàn 尊室翰; chức vị: Tổng đốc quan
phòng Hà Ninh.

Người viết chữ: Trần Quang Luyện 陳光練; quê quán: thôn Yên Ninh
huyện Vĩnh Thuận; học vị: Tú tài.

Chủ đề: - Lịch sử di tích.

- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Bia đề danh Tiến sĩ dựng thành 2 hàng tả hữu ở cổng Văn miếu cổ đô Thăng Long, các bia khắc về các khoa thi Hội, từ khoa Nhâm Tuất niên hiệu Đại Bảo, đến khoa Kỷ hợi niên hiệu Cảnh Hưng, hiện còn 82 mặt bia, chỉ còn mười phần so với trăm nghìn phần lúc đầu. Trải qua thời gian, nay bia mờ mất hơn 10 tấm. Những tấm bia khác thì đặt rải rác phân tán. Phần lớn đã bị hoen mờ, chữ không thể đọc hết được. Vì thế ông Lê Hữu Thanh bàn với quan Chế đài và Niết đài cho làm đình lợp ngói, mỗi bên hai toà, mỗi toà 11 gian rồi dồn các tấm bia vào đó để gìn giữ. Những tấm bia nào bị hoen mờ thì đối chiếu sách *Đăng khoa lục* mà khắc lại. Mặt sau ghi tên các vị quan viên văn võ cúng tiền vào việc xây dựng bị đình.

Vĩnh Thọ nhị niên Kỷ hợi khoa Tiến sĩ đề danh kí

永壽貳年己亥科進士題名記

Kí hiệu: 1329

Thác bản bia sưu tầm tại Văn Miếu Quốc tử giám Hà Nội.

Thác bản 1 mặt, khổ 121 x 177 cm, gồm 36 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1700 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Vĩnh Thịnh thứ 13 (1717).

Người soạn: Nguyễn Quý Ân 阮貴恩; học vị: [Hoàng giáp khoa Ất Mùi (1715)]; chức vị: Hàn lâm viện Hiệu lý, Tri Thị nội Thư tả, Thủy bình phiên.

Người nhuận sắc: Nguyễn Quý Đức 阮貴德; học vị: [Thám hoa khoa Bính Thìn (1676)]; chức vị: Tham tụng, Lại bộ Thượng thư, Thiếu phó; tước Liêm Quận công.

Người viết chữ: Phạm Toàn 范璿; quê quán: xã Hoa Đường huyện Đường An; chức vị: Thị nội Thư tả, Hộ phiên, Huyện thừa.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Khoa bảng.

Tóm lược nội dung:

Ghi việc mở khoa thi Hội năm Kỷ hợi niên hiệu Vĩnh Thọ 2 (1659) cùng họ tên quê quán của 20 vị đỗ Tiến sĩ. Hạng Đệ nhất giáp Tiến sĩ cập đệ lấy 3 người (1 Trạng nguyên, 1 Bảng nhãn, 1 Thám hoa). Hạng Đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân lấy đỗ 2 người. Hạng Đệ tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân lấy đỗ 15 người.

Ghi chú: Bia bị đục mất một số chữ ở dòng thứ 10.

Chính Hòa thập nhị niên Tân Mùi khoa Tiến sĩ đề danh kí

正和十貳年辛未科進士題名記

Kí hiệu: 1330

Thác bản bia sưu tầm tại Văn miếu Quốc tử giám Hà Nội.

Thác bản 1 mặt, khổ 114 x 180 cm, gồm 34 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1300 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Vĩnh Thịnh thứ 13 (1717).

Người soạn: Dương Bất Trạc 楊弼擢; học vị: [Tiến sĩ khoa Ất Mùi (1715)]; chức vị: Hàn lâm viện Hiệu thảo.

Người nhuận sắc: Nguyễn Quý Đức 阮貴德; học vị: [Thám hoa khoa Bính Thìn (1676)]; chức vị: Tham tụng, Lại bộ Thượng thư, Thiếu phó; tước Liêm Quận công.

Người viết chữ: Trịnh Thế Khoa 鄭世科; quê quán: xã Hạ Thanh Oai huyện Thanh Oai; chức vị: Thư tả công văn phiên.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Khoa bảng.

Tóm lược nội dung:

Ghi việc mở khoa thi Hội năm Tân Mùi niên hiệu Chính Hòa 12 (1691) cùng họ tên quê quán của 11 vị đỗ Tiến sĩ. Khoa này, chỉ lấy đỗ ở hạng Đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân (gồm 3 người) và hạng Đệ tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân (gồm 8 người).

Ghi chú: Bia bị đục mất một số chữ ở dòng thứ 10.

Dương Đức nhị niên Quý Sửu khoa Tiến sĩ đề danh kí

陽德貳年癸丑科進士題名記

Kí hiệu: 1331

Thác bản bia suru tằm tại Văn miếu Quốc tử giám Hà Nội.

Thác bản 1 mặt, khổ 99 x 167 cm, gồm 29 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1200 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Vĩnh Thịnh thứ 13 (1717).

Người soạn: Nguyễn Quý Ân 阮貴恩; học vị: [Hoàng giáp khoa Ất Mùi (1715)]; chức vị: Cẩn sự lang, Hàn lâm viện Hiệu lý, Tri Thị nội Thư tả, Thủy bình phiên.

Người nhuận sắc: Nguyễn Quý Đức 阮貴德; học vị: [Thám hoa khoa Bính Thìn (1676)]; chức vị: Lại bộ Thượng thư, Thiếu phó; tước Liêm Quận công.

Người viết chữ: Phạm Toàn 范璿; quê quán: xã Hoa Đường huyện Đường An; chức vị: Thị nội Thư tả, Hộ phiên, Huyện thừa.

Người viết chữ triện: Nguyễn Đình Huy 阮廷輝; chức vị: Kim quang môn Đãi chiếu; tước Liêu Tường nam.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Khoa bảng.

Tóm lược nội dung:

Ghi về khoa thi Hội năm Quý Sửu niên hiệu Dương Đức 2 (1673) cùng họ tên quê quán của 5 vị đỗ Tiến sĩ. Cả 5 vị đều đỗ ở hạng Đệ tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân.

Ghi chú: Bia bị đục mất một số chữ ở dòng thứ 11.

Quang Hưng thập ngũ niên Nhâm Thìn khoa Tiến sĩ đề danh kí

光興十五年壬辰科進士題名記

Kí hiệu: 1332

Thác bản bia suru tằm tại Văn miếu Quốc tử giám Hà Nội.

Thác bản 1 mặt, khổ 110 x 157 cm, gồm 45 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1600 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Thịnh Đức thứ 1 (1653).

Người soạn: Nguyễn Văn Lễ 阮文禮; học vị: [Hoàng giáp khoa Canh Dần (1650)]; chức vị: Hàn lâm viện Hiệu lý; tước Vinh Giang nam.

Người nhuận sắc: Dương Trí Trạch 楊致澤; học vị: [Tiến sĩ khoa Kỷ Mùi (1619)]; chức vị: Lễ bộ Thượng thư kiêm Hàn lâm viện Thị giảng, Tham chương Hàn lâm viện sự, Thượng trụ quốc; tước Bạt Quận công.

Người viết chữ: Nguyễn Tuấn Đắc 阮俊得; quê quán: ấp Thụy Khuê huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai; chức vị: Trung thư giám Điền thư; tước Gia Thụy tử.

Người viết chữ triện: Nguyễn Quang Độ 阮光度; chức vị: Kim quang môn Đãi chiếu; tước Quế Lan nam.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Khoa bảng.

Tóm lược nội dung:

Ghi về việc mở khoa thi Hội năm Nhâm Thìn niên hiệu Quang Hưng 15 (1592) cùng họ tên quê quán của 3 vị đỗ Tiến sĩ khoa này, gồm hạng Đề nhị giáp Tiến sĩ xuất thân 2 người: Hoàng giáp Trịnh Cảnh Thụy và Ngô Trí Hòa, Đề tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân 1 người (Ngô Trí Trí).

Ghi chú: Bia bị đục mất một số chữ ở dòng thứ 16 và dòng thứ 17.

Vĩnh Trị ngũ niên Canh Thân khoa Tiến sĩ đề danh kí

永治五年庚申科進士題名記

Kí hiệu: 1333

Thác bản bia sưu tầm tại Văn miếu Quốc tử giám Hà Nội.

Thác bản 1 mặt, khổ 121 x 160 cm, gồm 38 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 900 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Vĩnh Thịnh thứ 13 (1717).

Người soạn: Nguyễn Nham 阮巖; học vị: [Tiến sĩ khoa Ất Mùi (1715)]; chức vị: Hàn lâm viện Hiệu thảo.

Người nhuận sắc: Nguyễn Quý Đức 阮貴德; học vị: [Thám hoa khoa Bính Thìn (1676)]; chức vị: Tham tụng, Lại bộ Thượng thư, Thiếu phó; tước Liêm Quận công.

Người viết chữ: Trịnh Thế Khoa 鄭世科; chức vị: Thư tả Công văn phiên.

Người viết chữ Triện: quê quán: xã Hạ Thanh Oai huyện Thanh Oai; chức vị: Kim quang môn đài chiếu.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Khoa bảng.

Tóm lược nội dung:

Ghi về việc mở khoa thi Hội năm Canh Thân niên hiệu Vĩnh Trị 5 (1680) cùng họ tên, quê quán của 19 vị đỗ Tiến sĩ. Khoa này lấy đỗ Đề nhị giáp Tiến sĩ xuất thân 2 người, Đề tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân 17 người.

Ghi chú: Bia bị đục mất một số chữ ở dòng thứ 10.

Hoàng Định thập thất niên Bính Thìn khoa Tiến sĩ đề danh kí

弘定十七年丙辰科進士題名記

Kí hiệu: 1334

Thác bản bia sưu tầm tại Văn miếu Quốc tử giám Hà Nội.

Thác bản 1 mặt, khổ 105 x 155 cm, gồm 41 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1600 chữ, có hoa văn, có chữ húy: Trần 巖.

Niên đại: Thịnh Đức thứ 11 (1653).

Người soạn: Lê Đình Lại 黎廷賴; học vị: [Tiến sĩ khoa Bính Tuất (1646)]; chức vị: Hàn lâm viện Hiệu thảo.

Người nhuận sắc: Dương Trí Trạch 楊致澤; học vị: [Tiến sĩ khoa Kỷ Mùi (1619)]; chức vị: Lễ bộ Thượng thư kiêm Hàn lâm viện Thị giảng, Tham chương Hàn lâm viện sự, Thượng trụ quốc; tước Bạt quận công.

Người viết chữ: Đỗ Công Vị 杜公位; quê quán: giáp Tây Đài phường Thịnh Quang huyện Quảng Đức phủ Phụng Thiên; chức vị: Trung thư giám Hoa văn học sinh.

Người viết chữ triện: Nguyễn Quang Độ 阮光度; chức vị: Kim quang môn Đãi chiếu; tước Quế Lan nam.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Khoa bảng.

Tóm lược nội dung:

Ghi về việc mở khoa thi Hội năm Bính Thìn niên hiệu Hoàng Định 17 (1616) cùng họ tên quê quán của 4 vị đỗ Tiến sĩ. Cả 4 người đều đỗ ở hạng Đệ tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân.

Ghi chú: Bìa bị nứt, bị đục mất một số chữ ở dòng thứ 13 và dòng thứ 14.

Chính Hòa nhị thập tứ niên Quý Mùi khoa Tiến sĩ đề danh kí

正和貳十四年癸未科進士題名記

Kí hiệu: 1335

Thác bản bìa sưu tầm tại Văn miếu Quốc tử giám Hà Nội.

Thác bản 1 mặt, khổ 119 x 169 cm, gồm 38 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1500 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Thịnh Đức thứ 13 (1717).

Người soạn: Nguyễn Quý Ân 阮貴恩; học vị: [Hoàng giáp khoa Ất Mùi (1715)]; chức vị: Cẩn sự lang, Hàn lâm viện Hiệu lý, Tri Thị nội Thư tả, Thủy binh phiên.

Người nhuận sắc: Nguyễn Quý Đức 阮貴德; học vị: [Thám hoa khoa Bính Thìn (1676)]; chức vị: Tham tụng, Lại bộ Thượng thư, Thiếu phó; tước Liêm Quận công.

Người viết chữ: Phạm Toàn 范璿; quê quán: xã Hoa Đường huyện Đường An; chức vị: Thị nội Thư tả, Hộ phiên, Huyện thừa.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Khoa bảng.

Tóm lược nội dung:

Ghi về việc mở khoa thi Hội năm Quý Mùi niên hiệu Chính Hòa 24 (1703) cùng họ tên quê quán của 6 vị đỗ Tiến sĩ. Hạng Đệ nhị giáp

Tiến sĩ xuất thân gồm 2 người, hạng Đệ tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân gồm 4 người.

Ghi chú: Bia bị đục mất một số chữ ở dòng thứ 10.

Chính Hòa thập bát niên Đinh Sửu khoa Tiến sĩ đề danh kí

正和十八年丁丑科進士題名記

Kí hiệu: 1336

Thác bản bia suu tầm tại Văn miếu Quốc tử giám Hà Nội.

Thác bản 1 mặt, khổ 122 x 188 cm, gồm 34 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1300 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Vĩnh Thịnh thứ 13 (1717).

Người soạn: Nguyễn Kiều 阮翹; học vị: [Tiến sĩ khoa Ất Mùi (1715)]; chức vị: Hàn lâm viện Hiệu thảo.

Người nhuận sắc: Nguyễn Quý Đức 阮貴德; học vị: [Thám hoa khoa Bính Thìn (1676)]; chức vị: Tham tụng, Lại bộ Thượng thư, Thiếu phó; tước Liêm Quận công.

Người viết chữ: Ngô Bảo 吳寶; quê quán: xã Gia Thị huyện Gia Lâm; chức vị: Thị nội Thư tả, Thủy binh phiên, Tương sĩ lang, Phó sở sứ.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Khoa bảng.

Tóm lược nội dung:

Ghi việc mở khoa thi Hội năm Đinh Sửu niên hiệu Chính Hòa 18 (1697) và họ tên, quê quán của 10 vị đỗ Tiến sĩ. Khoa này ở hạng Đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân lấy đỗ 2 người, hạng Đệ tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân lấy đỗ 8 người.

Ghi chú: Bia bị đục mất một số chữ ở dòng thứ 10.

Cảnh Trị ngũ niên Đinh Mùi khoa Tiến sĩ đề danh kí

景治五年丁未科進士題名記

Kí hiệu: 1337

Thác bản bia suu tầm tại Văn miếu Quốc tử giám Hà Nội.

Thác bản 1 mặt, khổ 121 x 160 cm, gồm 25 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 900 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Vĩnh Thịnh thứ 13 (1717).

Người soạn: Nguyễn Kiều 阮翹; học vị: [Tiến sĩ khoa Ất Mùi (1715)]; chức vị: Hàn lâm viện Hiệu thảo.

Người nhuận sắc: Nguyễn Quý Đức 阮貴德; học vị: [Thám hoa khoa Bính Thìn (1676)]; chức vị: Tham tụng, Lại bộ Thượng thư, Thiếu phó; tước Liêm Quận công.

Người viết chữ: Trịnh Thế Khoa 鄭世科; quê quán: xã Hạ Thanh Oai huyện Thanh Oai; chức vị: Thư tả Công văn phiên.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Khoa bảng.

Tóm lược nội dung:

Ghi về việc mở khoa thi Hội năm Đinh Mùi niên hiệu Cảnh Trị 5 (1667) cùng họ tên, quê quán của 3 vị đỗ Tiến sĩ. Khoa này, cả 3 người đều đỗ ở hạng Đệ tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân.

Ghi chú: Bia bị đục mất một số chữ ở dòng thứ 11.

Dương Hòa lục niên Canh Thìn khoa Tiến sĩ đề danh kí

陽和六年庚辰科進士題名記

Kí hiệu: 1338

Thác bản bia sưu tầm tại Văn miếu Quốc tử giám Hà Nội.

Thác bản 1 mặt, khổ 114 x 158 cm, gồm 41 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1800 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Thịnh Đức thứ 1 (1653).

Người soạn: Nguyễn Văn Lễ 阮文禮; học vị: [Hoàng giáp khoa Canh Dần (1650)]; chức vị: Hàn lâm viện Hiệu lý; tước Vinh Giang nam.

Người nhuận sắc: Dương Trí Trạch 楊致澤; học vị: [Tiến sĩ khoa Kỷ Mùi (1619)]; chức vị: Lễ bộ Thượng thư kiêm Hàn lâm viện Thị giảng, Tham chương Hàn lâm viện sự, Thượng trụ quốc; tước Bạt quận công.

Người soạn: Nguyễn Linh 阮嶺; quê quán: xã Phù Chẩn huyện Đông Ngàn; chức vị: Trung thư giám Hoa văn học sinh.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Khoa bảng.

Tóm lược nội dung:

Ghi việc mở khoa thi Hội năm Canh Thìn niên hiệu Dương Hòa 6 (1640) cùng họ tên, quê quán của 22 vị Tiến sĩ được lấy đỗ. Ở hạng Đề nhị giáp Tiến sĩ xuất thân có 2 người, 20 người còn lại đều ở hạng Đề tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân.

Ghi chú: Bia bị đục mất một số chữ ở dòng thứ 4 và dòng 25, dòng 26.

**Quang Hưng nhị thập nhất niên Mậu Tuất khoa Tiến sĩ
đề danh kí**

光興二十一年戊戌科進士題名記

Kí hiệu: 1339

Thác bản bia sưu tầm tại Văn miếu Quốc tử giám Hà Nội.

Thác bản 1 mặt, khổ 105 x 157 cm, gồm 52 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 2000 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Thịnh Đức thứ 1 (1653).

Người soạn: Trịnh Cao Đề 鄭高第; học vị: [Tiến sĩ khoa Canh Dần (1650)]; chức vị: Hàn lâm viện Hiệu thảo.

Người nhuận sắc: Dương Trí Trạch 楊致澤; học vị: [Tiến sĩ khoa Kỷ Mùi (1619)]; chức vị: Lễ bộ Thượng thư kiêm Hàn lâm viện Thị giảng, Tham chương Hàn lâm viện sự, Thượng trụ quốc; tước Bạt quận công.

Người viết chữ: Nguyễn Quang Đắc 阮光得; chức vị: Trung thư giám Chính tự, Diên Lộc nam.

Người viết chữ triện: Nguyễn Quang Độ 阮光度; chức vị: Kim quang môn Đãi chiếu; tước Quế Lan nam.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Khoa bảng.

Tóm lược nội dung:

Ghi việc mở khoa thi Hội năm Mậu Tuất niên hiệu Quang Hưng 21 (1598) cùng họ tên, quê quán của 5 vị đỗ Tiến sĩ. Ở hạng Đề nhị giáp Tiến sĩ xuất thân có 2 người, hạng Đề tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân có 3 người.

Ghi chú: Bia bị đục mất một số chữ ở dòng thứ 28 và 29.

Đức Long tam niên Tân Mùi khoa Tiến sĩ đề danh kí

德龍三年辛未科進士題名記

Kí hiệu: 1340

Thác bản bia suru tằm tại Văn miếu Quốc tử giám Hà Nội.

Thác bản 1 mặt, khổ 100 x 152 cm, gồm 34 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1500 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Thịnh Đức thứ 1 (1653).

Người soạn: Trịnh Cao Đệ 鄭高第; học vị: [Tiến sĩ khoa Canh Dần (1650)]; chức vị: Hàn lâm viện Hiệu thảo.

Người nhuận sắc: Dương Trí Trạch 楊致澤; học vị: [Tiến sĩ khoa Kỷ Mùi (1619)]; chức vị: Lễ bộ Thượng thư kiêm Hàn lâm viện Thị giảng, Tham chương Hàn lâm viện sự, Thượng trụ quốc; tước Bạt quận công.

Người viết chữ: Nguyễn Diễn 阮演; quê quán: xã Bình Dân huyện Đông Yên; chức vị: Trung thư giám Hoa văn học sinh.

Người viết chữ triện: Đỗ Công Vị 杜公位; quê quán: giáp Tây phường Thịnh Quang huyện Quảng Đức phủ Phụng Thiên; học vị: Trung thư giám Hoa văn học sinh.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Khoa bảng.

Tóm lược nội dung:

Ghi việc mở khoa thi Hội năm Tân Mùi niên hiệu Đức Long 3 (1631) cùng họ tên, quê quán của 5 vị đỗ Tiến sĩ, trong đó hạng Đề nhất giáp Tiến sĩ cập đệ 1 người, hạng Đề nhị giáp Tiến sĩ xuất thân 2 người, hạng Đề tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân 2 người.

Ghi chú: Bia bị đục mất một số chữ ở dòng thứ 19 và 20.

Vĩnh Thịnh thập nhất niên Ất Mùi khoa Tiến sĩ đề danh kí

永盛十一年乙未科進士題名記

Kí hiệu: 1341

Thác bản bia sưu tầm tại Văn miếu Quốc tử giám Hà Nội.

Thác bản 1 mặt, khổ 108 x 175 cm, gồm 34 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1200 chữ, có hoa văn, có chữ huy: Đề 題.

Niên đại: Vĩnh Thịnh thứ 13 (1717).

Người soạn: Bùi Sĩ Tiêm 裴士選; học vị: [Tiến sĩ khoa Ất Mùi (1715)]; chức vị: Hàn lâm viện Hiệu lý.

Người nhuận sắc: Nguyễn Quý Đức 阮貴德; học vị: [Thám hoa khoa Bính Thìn (1676)]; chức vị: Tham tụng, Lại bộ Thượng thư, Thiếu phó; tước Liêm Quận công.

Người viết chữ: Ngô Bảo 吳寶; quê quán: xã Gia Thị huyện Gia Lâm; chức vị: Thị nội Thư tả, Thủy binh phiên, Tướng sĩ lang, Phó sở sứ.

Người viết chữ triện: Nguyễn Đình Huy 阮廷輝; chức vị: Kim quang môn Đãi chiếu; tước Liêu Tường nam.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Khoa bảng.

Tóm lược nội dung:

Ghi về mở khoa thi Hội năm Ất Mùi niên hiệu Vĩnh Thịnh 11 (1715) và họ tên, quê quán của 20 vị đỗ Tiến sĩ. Hạng Đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân có 2 người, hạng Đệ tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân có 18 người.

Ghi chú: Bia bị đục mất một số chữ ở dòng thứ 4.

Thịnh Đức tứ niên Bính Thân khoa Tiến sĩ đề danh kí

盛德四年丙申科進士題名記

Kí hiệu: 1342

Thác bản bia sưu tầm tại Văn miếu Quốc tử giám Hà Nội.

Thác bản 1 mặt, khổ 118 x 174 cm, gồm 31 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1250 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Vĩnh Thịnh thứ 13 (1717).

Người soạn: Bùi Sĩ Tiêm 裴士暹; học vị: [Tiến sĩ khoa Ất Mùi (1715)]; chức vị: Hàn lâm viện Hiệu lý.

Người nhuận sắc: Nguyễn Quý Đức 阮貴德; học vị: [Thám hoa khoa Bính Thìn (1676)]; chức vị: Tham tụng, Lại bộ Thượng thư, Thiếu phó; tước Liêm Quận công.

Người viết chữ: Nguyễn Đình Cồn 阮廷滾; chức vị: Thị nội Thư tả Bình phiên.

Người viết chữ triện: Nguyễn Đình Huy 阮廷輝; chức vị: Kim quang môn Đãi chiếu; tước Liêu Tường nam.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Khoa bảng.

Tóm lược nội dung:

Ghi về mở khoa thi Hội năm Bính Thân niên hiệu Trịnh Đức 4 (1656) cùng họ tên, quê quán của 6 vị đỗ Tiến sĩ, đều đỗ ở hạng Đệ tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân.

Ghi chú: Bia bị đục mất một số chữ ở dòng thứ 11.

Vĩnh Thịnh lục niên Canh Dần khoa Tiến sĩ đề danh kí

永盛六年庚寅科進士題名記

Kí hiệu: 1343

Thác bản bia sưu tầm tại Văn miếu Quốc tử giám Hà Nội.

Thác bản 1 mặt, khổ 120 x 187 cm, gồm 38 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1650 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Vĩnh Thịnh thứ 13 (1715).

Người soạn: Nguyễn Nham 阮巖; học vị: [Tiến sĩ khoa Ất Mùi (1715)]; chức vị: Hàn lâm viện Hiệu thảo.

Người nhuận sắc: Nguyễn Quý Đức 阮貴德; học vị: [Thám hoa khoa Bính Thìn (1676)]; chức vị: Tham tụng, Lại bộ Thượng thư, Thiếu

phó; tước Liêm Quận công.

Người viết chữ: Nguyễn Đình Cồn 阮廷滾; quê quán: xã Phù Chẩn huyện Đông Ngàn; chức vị: Thị nội Thư tả Bộ binh phiên.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Khoa bảng.

Tóm lược nội dung:

Ghi về mở khoa thi Hội năm Canh Dần niên hiệu Vĩnh Thịnh 6 (1710) lấy đỗ 21 Tiến sĩ, trong đó hạng Đệ nhất giáp Tiến sĩ cập đệ 1 người, hạng Đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân 1 người, hạng Đệ tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân 19 người.

Ghi chú: Bia bị đục mất một số chữ ở dòng thứ 4.

Vĩnh Thọ tứ niên Tân Sửu khoa Tiến sĩ đề danh kí

永壽四年辛丑科進士題名記

Kí hiệu: 1344

Thác bản bia suu tầm tại Văn miếu Quốc tử giám Hà Nội.

Thác bản 1 mặt, khổ 112 x 171 cm, gồm 37 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1300 chữ, có hoa văn, có chữ hủy: Tân 曆.

Niên đại: Vĩnh Thịnh thứ 13 (1717).

Người soạn: Dương Bật Trạc 楊弼擢; [Tiến sĩ khoa Ất Mùi (1715)]; Hàn lâm viện Hiệu thảo.

Người nhuận sắc: Nguyễn Quý Đức 阮貴德; học vị: [Thám hoa khoa Bính Thìn (1676)]; chức vị: Tham tụng, Lại bộ Thượng thư, Thiếu phó; tước Liêm Quận công.

Người viết chữ: Ngô Đình Kiên 吳廷堅; quê quán: xã Tả Thanh Oai huyện Thanh Oai; chức vị: Trung thư giám Hoa văn học sinh.

Người viết chữ triện: Nguyễn Khoan Dung 阮寬容; quê quán: xã Kính Chủ; chức vị: Trung thư giám Hoa văn học sinh.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Khoa bảng.

Tóm lược nội dung:

Ghi về mở khoa thi Hội năm Tân Sửu niên hiệu Vĩnh Thọ 4 (1661) cùng họ tên, quê quán của 13 vị đỗ Tiến sĩ. Khoa này, hạng Đệ nhất giáp Tiến sĩ cập đệ lấy đủ 3 người (Trạng nguyên Đặng Công Chất, Bảng nhãn Đào Công Chính, Thám hoa Ngô Khuê); hạng Đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân lấy đủ 2 người; hạng Đệ tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân lấy đủ 8 người.

Ghi chú: Bia bị đục mất một số chữ ở dòng thứ 10.

Cảnh Trị nhị niên Giáp Thìn khoa Tiến sĩ đề danh kí

景治貳年甲辰科進士題名記

Kí hiệu: 1345

Thác bản bia suu tầm tại Văn miếu Quốc tử giám Hà Nội.

Thác bản 1 mặt, khổ 113 x 167 cm, gồm 36 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1500 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Vĩnh Thịnh thứ 13 (1717).

Người soạn: Nguyễn Nham 阮巖; học vị: [Tiến sĩ khoa Ất Mùi (1715)]; chức vị: Hàn lâm viện Hiệu thảo.

Người nhuận sắc: Nguyễn Quý Đức 阮貴德; học vị: [Thám hoa khoa Bính Thìn (1676)]; chức vị: Tham tụng, Lại bộ Thượng thư, Thiếu phó; tước Liêm Quận công.

Người viết chữ: Phạm Quốc Trinh 范國楨; quê quán: xã Phù Nội huyện Thanh Miện; chức vị: Thư tả tướng thân Lại phiên.

Người viết chữ triện: Trịnh Thế Khoa 鄭世科; quê quán: xã Hạ Thanh Oai huyện Thanh Oai; chức vị: Thư tả Công văn phiên.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Khoa bảng.

Tóm lược nội dung:

Ghi về mở khoa thi Hội năm Giáp Thìn niên hiệu Cảnh Trị 2 (1664) cùng họ tên, quê quán của 13 vị đỗ Tiến sĩ. Khoa này chỉ lấy đủ từ hạng Đệ nhị giáp trở xuống (hạng Đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân 1 người, hạng Đệ tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân 12 người).

Ghi chú: Bia bị đục mất một số chữ ở dòng thứ 10.

Cảnh Trị bát niên Canh Tuất khoa Tiến sĩ đề danh kí

景治八年庚戌科進士題名記

Kí hiệu: 1346

Thác bản bia sưu tầm tại Văn miếu Quốc tử giám Hà Nội.

Thác bản 1 mặt, khổ 132 x 189 cm, gồm 40 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 2000 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Vĩnh Thịnh thứ 13 (1717).

Người soạn: Bùi Sĩ Tiêm 裴士暹; học vị: [Tiến sĩ khoa Ất Mùi (1715)]; chức vị: Hàn lâm viện Hiệu lý.

Người nhuận sắc: Nguyễn Quý Đức 阮貴德; học vị: [Thám hoa khoa Bính Thìn (1676)]; chức vị: Tham tụng, Lại bộ Thượng thư, Thiếu phó; tước Liêm Quận công.

Người viết chữ: Ngô Bảo 吳寶; quê quán: xã Gia Thị huyện Gia Lâm; chức vị: Thị nội Thư tả, Thủy binh phiên, Tướng sĩ lang, Phó sở sử.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Khoa bảng.

Tóm lược nội dung:

Ghi về khoa thi Hội năm Canh Tuất, niên hiệu Cảnh Trị 8 (1670) cùng họ tên, quê quán của 31 vị đỗ Tiến sĩ, trong đó hạng Đệ nhất giáp Tiến sĩ cập đệ 2 người, hạng Đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân 2 người, hạng Đệ tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân 27 người.

Ghi chú: Bia bị đục mất một số chữ ở dòng thứ 12.

Chính Hòa lục niên Ất Sửu khoa Tiến sĩ đề danh kí

正和六年乙丑科進士題名記

Kí hiệu: 1347

Thác bản bia sưu tầm tại Văn miếu Quốc tử giám Hà Nội.

Thác bản 1 mặt, khổ 123 x 179 cm, gồm 41 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1900 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Vĩnh Thịnh thứ 13 (1715).

Người soạn: Bùi Sĩ Tiêm 裴士暹; học vị: [Tiến sĩ khoa Ất Mùi (1715)]; chức vị: Hàn lâm viện Hiệu lý.

Người nhuận sắc: Nguyễn Quý Đức 阮貴德; học vị: [Thám hoa khoa Bính Thìn (1676)]; chức vị: Tham tụng, Lại bộ Thượng thư, Thiếu phó; tước Liêm Quận công.

Người viết chữ: Đinh Viêt Tạo 丁曰造; quê quán: xã Phúc Thọ huyện Lương Tài; chức vị: Cẩn sự lang, Trung thư giám Chính tự.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Khoa bảng.

Tóm lược nội dung:

Ghi về khoa thi Hội năm Ất Sửu niên hiệu Chính Hòa 6 (1685) cùng họ tên, quê quán của 13 vị đỗ Tiến sĩ. Hạng Đệ nhất giáp Tiến sĩ cập đệ và Đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân đều chỉ lấy 1 người, 11 người còn lại đỗ ở hạng Đệ tam giáp.

Ghi chú: Bìa bị đục mất một số chữ ở dòng thứ 12.

Vĩnh Hựu nhị niên Bính Thìn khoa Tiến sĩ đề danh kí

永祐二年丙辰科進士題名記

Kí hiệu: 1348

Thác bản bìa sưu tầm tại Văn miếu Quốc tử giám Hà Nội.

Thác bản 1 mặt, khổ 114 x 189 cm, gồm 20 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 400 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Vĩnh Hựu thứ 4 (1738).

Người soạn: Nguyễn Đình Thái 阮廷棗; học vị: Tiến sĩ khoa Ất Mùi (1715); chức vị: Lại bộ Tả Thị lang kiêm Đông các Hiệu thư; tước Kiêu Quận công.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Khoa bảng.

Tóm lược nội dung:

Ghi về khoa thi Hội năm Bính Thìn niên hiệu Vĩnh Hựu 2 (1736) cùng

họ tên, quê quán của 15 vị đỗ Tiến sĩ, trong đó Đề nhất giáp Tiến sĩ cấp đệ 2 vị, Đề nhị giáp Tiến sĩ xuất thân 1 vị và Đề tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân 12 vị.

Ghi chú: Bia bị đục mất một số chữ ở dòng thứ 4.

Quang Thuận tứ niên Quý Mùi khoa Tiến sĩ đề danh kí

光順四年癸未科科進士題名記

Kí hiệu: 1349

Thác bản bia sưu tầm tại Văn miếu Quốc tử giám Hà Nội.

Thác bản 1 mặt, khổ 105 x 147 cm, gồm 49 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1600 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Hồng Đức thứ 1 (1470).

Người soạn: Đào Cử 陶舉; học vị: [Tiến sĩ khoa Bính Tuất (1466)]; chức vị: Hàn lâm viện Thị giảng, Đông các Hiệu thư.

Người viết chữ: Nguyễn Tùng 阮誥; chức vị: Cẩn sự lang, Trung thư giám Chính tự.

Người viết chữ triện: Tô Ngại 蘇礙; chức vị: Kim quang môn Đãi chiếu.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Khoa bảng.

Tóm lược nội dung:

Ghi về khoa thi Hội năm Quý Mùi niên hiệu Quang Thuận 4 (1463) cùng họ tên, quê quán của 44 vị đỗ Tiến sĩ. Khoa này, ở hạng Đề nhất giáp Tiến sĩ cấp đệ lấy đỗ 3 người (Trạng nguyên Lương Thế Vinh, Bảng nhãn Nguyễn Đức Trinh, Thám hoa Quách Đình Bảo), hạng Đề nhị giáp Tiến sĩ xuất thân lấy đỗ 15 người, hạng Đề tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân lấy đỗ 26 người.

Ghi chú: Nhiều chữ bị mờ mòn.

Hồng Đức thập nhị niên Tân Sửu khoa Tiến sĩ đề danh kí

洪德十貳年辛丑科進士題名記

Kí hiệu: 1350

Thác bản bia sưu tầm tại Văn miếu Quốc tử giám Hà Nội.

Thác bản 1 mặt, khổ 100 x 138 cm, gồm 37 dòng chữ Hán, không ước lượng được số chữ toàn văn, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Hồng Đức thứ 15 (1484).

Người soạn: Nguyễn Xung Xác 阮冲慤; học vị: [Tiến sĩ khoa Kỷ Sửu (1469)]; chức vị: Hàn lâm viện Thị thư kiêm Tú lâm cục Tư huấn.

Người viết chữ: Phan Trung 潘衷; chức vị: Trung thư giám Điện thư.

Người khắc: Tô Ngại 蘇礙; chức vị: Kim quang môn Đãi chiếu.

Chú đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Khoa bảng.

Tóm lược nội dung:

Ghi việc mở khoa thi Hội năm Tân Sửu niên hiệu Hồng Đức thứ 12 (1481) và danh sách 40 vị đỗ Tiến sĩ. Khoa này, trong đó hạng Đề nhất giáp Tiến sĩ cập đệ lấy đỗ 3 người (Trạng nguyên Phạm Đôn Lễ, Bảng nhãn Lưu Hưng Hiếu, Thám hoa Nguyễn Doãn Dịch), hạng Đề nhị giáp Tiến sĩ xuất thân lấy đỗ 8 người, hạng Đề tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân lấy đỗ 29 người.

Ghi chú: Bia bị vỡ dọc, đã được gắn lại bằng xi măng, những chỗ được gắn bị mất chữ.

Giáp Tuất khoa Tiến sĩ đề danh kí

甲戌科進士題名記

Kí hiệu: 1351

Thác bản bia sưu tầm tại Văn miếu Quốc tử giám Hà Nội.

Thác bản 1 mặt, khổ 120 x 180 cm, gồm 20 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 400 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 17 (1756).

Người soạn: Lê Quý Đôn 黎貴惇; học vị: Tiến sĩ cập đệ khoa Nhâm

Thân (1752); chức vị: Thị nội Thư tả Bình phiên, Hàn lâm viện Thị thư kiêm Quốc sử viện Toàn tu.

Người nhuận sắc: Nguyễn Công Thái 阮公案; học vị: [Tiến sĩ khoa Ất Mùi (1715)]; chức vị: Nhập thị Tham tụng, Hộ bộ thượng thư, Thiếu phó; tước Kiêu quận công.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Khoa bảng.

Tóm lược nội dung:

Ghi về khoa thi Hội năm Giáp Tuất niên hiệu Cảnh Hưng 15 (1754) cùng họ tên, quê quán của 8 vị đỗ Tiến sĩ. Cả 8 người đều đỗ ở hạng Đệ tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân.

Ghi chú: Bia bị đục mất một số chữ ở dòng thứ 4.

Phúc Thái tứ niên Bính Tuất khoa Tiến sĩ đề danh kí

福泰四年丙戌科進士題名記

Kí hiệu: 1352

Thác bản bia sưu tầm tại Văn miếu Quốc tử giám Hà Nội.

Thác bản 1 mặt, khổ 110 x 143 cm, gồm 44 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1650 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Thịnh Đức thứ 1 (1653).

Người soạn: Khương Thế Hiền 姜世賢; học vị: [Thám hoa khoa Canh Dần (1650)]; chức vị: Hàn lâm viện Đãi chế.

Người nhuận sắc: Dương Trí Trạch 楊致澤; học vị: [Tiến sĩ khoa Kỷ Mùi (1619)]; chức vị: Lễ bộ Thượng thư kiêm Hàn lâm viện Thị giảng, Tham chương Hàn lâm viện sự; tước Quận công, Thượng Trụ quốc.

Người viết chữ: Đỗ Viết Đạt 杜曰達; quê quán: xã Thái Lạc huyện Văn Giang; chức vị: Trung thư giám Hoa văn học sinh.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Khoa bảng.

Tóm lược nội dung:

Ghi về khoa thi Hội năm Bính Tuất niên hiệu Phúc Thái 4 (1646) cùng họ tên, quê quán của 17 vị đỗ Tiến sĩ, trong đó hạng Đệ nhất giáp Tiến sĩ cập đệ lấy đỗ 1 người (Thám hoa Nguyễn Đăng Cáo), hạng Đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân lấy đỗ 1 người (Hoàng giáp Nguyễn Viêt Cừ), hạng Đệ tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân lấy đỗ 15 người.

Ghi chú: Bia bị mất một số chữ do bị mẻ vỡ và do bị đục ở dòng thứ 4 và dòng thứ 7.

Hồng Đức lục niên Ất Mùi khoa Tiến sĩ đề danh kí

洪德六年乙未科進士題名記

Kí hiệu: 1353

Thác bản bia sưu tầm tại Văn miếu Quốc tử giám Hà Nội.

Thác bản 1 mặt, khổ 103 x 140 cm, gồm 46 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 2000 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Hồng Đức thứ 15 (1484).

Người soạn: Lê Ngạn Tuấn 黎彦俊; chức vị: Đông các Hiệu thư, Thiêm sự Tá lang.

Người viết chữ: Thái Thúc Liêm 蔡叔廉; chức vị: Cản sự lang, Trung thư giám Chính tự.

Người viết chữ triện: Tô Ngại 蘇礙; chức vị: Kim quang môn Đãi chiếu.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Khoa bảng.

Tóm lược nội dung:

Ghi về khoa thi Hội năm Ất Mùi niên hiệu Hồng Đức 6 (1475) cùng họ tên, quê quán của 43 vị đỗ Tiến sĩ, trong đó hạng Đệ nhất giáp Tiến sĩ cập đệ lấy đỗ 3 người (Trạng nguyên Vũ Tuấn Chiêu, Bảng nhãn Ông Nghĩa Đạt, Thám hoa Cao Quýnh), hạng Đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân lấy đỗ 13 người, hạng Đệ tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân lấy đỗ 27 người.

Vĩnh Tộ ngũ niên Quý Hợi khoa Hội thí đề danh kí

永祚五年癸亥科會試題名記

Kí hiệu: 1354

Thác bản bìa sưu tầm tại Văn miếu Quốc tử giám Hà Nội.

Thác bản 1 mặt, khổ 98 x 156 cm, gồm 39 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1700 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Thịnh Đức thứ 1 (1653).

Người soạn: Lê Đình Lại 黎廷賴; học vị: [Tiến sĩ khoa Bính Tuất (1646)]; chức vị: Hàn lâm viện Hiệu thảo.

Người nhuận sắc: Dương Trí Trạch 楊致澤; học vị: [Tiến sĩ khoa Kỷ Mùi (1619)]; chức vị: Lễ bộ Thượng thư kiêm Hàn lâm viện Thị giảng, Tham chương Hàn lâm viện sự, Thượng trụ quốc; tước Bạt quận công.

Người viết chữ: Đỗ Công Vị 杜公位; quê quán: giáp Tây Đài phường Thịnh Quang huyện Quảng Đức phủ Phụng Thiên; chức vị: Trung thư giám Hoa văn học sinh.

Người viết chữ triện: Nguyễn Quang Độ 阮光度; chức vị: Kim quang môn Đãi chiếu; tước Quế Lan nam.

Chữ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Khoa bảng.

Tóm lược nội dung:

Ghi về khoa thi Hội năm Quý Hợi, niên hiệu Phúc Thái 5 (1623) cùng họ tên, quê quán của 7 vị đỗ Tiến sĩ.

Ghi chú: Bìa đã bị nứt, bị đục mất một số chữ ở dòng thứ 12 và dòng thứ 14.

Hoảng Định thập nhị niên Canh Tuất khoa Tiến sĩ đề danh kí

弘定十貳年庚戌科進士題名記

Kí hiệu: 1355

Thác bản bìa sưu tầm tại Văn miếu Quốc tử giám Hà Nội.

Thác bản 1 mặt, khổ 97 x 154 cm, gồm 35 dòng chữ Hán, toàn văn

ước khoảng 1200 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Thịnh Đức thứ 1 (1653).

Người soạn: Nguyễn Đăng Minh 阮登明; học vị: [Tiến sĩ khoa Bính Tuất (1646)]; chức vị: Hàn lâm viện Hiệu thảo.

Người nhuận sắc: Dương Trí Trạch 楊致澤; học vị: [Tiến sĩ khoa Kỷ Mùi (1619)]; chức vị: Lễ bộ Thượng thư kiêm Hàn lâm viện Thị giảng, Tham chương Hàn lâm viện sự, Bát Quận công, Thượng Trụ quốc.

Người viết chữ: Vũ Cừ 武舉; quê quán: phường Báo Thiên huyện Thọ Xương; chức vị: Trung thư giám Hoa văn học sinh.

Người viết chữ triện: Nguyễn Quang Độ 阮光度; chức vị: Kim quang môn Đãi chiếu; tước Quế Lan nam.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Khoa bảng.

Tóm lược nội dung:

Ghi về khoa thi Hội năm Canh Tuất niên hiệu Hoàng Định 12 (1610), kê họ tên, quê quán của 7 vị đỗ Tiến sĩ. Khoa này, hạng Đề nhị giáp Tiến sĩ xuất thân lấy đỗ 1 người, hạng Đề tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân lấy đỗ 6 người.

Ghi chú: Bia bị đục mất một số chữ ở dòng thứ 12 và 13.

Hồng Thuận lục niên Giáp Tuất khoa Tiến sĩ đề danh kí

洪順六年甲戌科進士題名記

Kí hiệu: 1356

Thác bản bia sưu tầm tại Văn miếu Quốc tử giám Hà Nội.

Thác bản 1 mặt, khổ 105 x 145 cm, gồm 1 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1200 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Quang Thiệu thứ 6 (1521).

Người soạn: Vũ Duệ 武睿; học vị: [Trạng nguyên khoa Canh Tuất (1490)]; chức vị: Lại bộ Thượng thư, Đông các Đại học sĩ.

Người viết chữ: Chu Đình Bảo 周廷寶; học vị: [Tiến sĩ khoa Giáp Thìn (1484)]; chức vị: Trung thư giám Điền thư, Khuông mỹ Thiếu đoan.

Người viết chữ triện: Phạm Đức Nhi 范德兒; chức vị: Kim quang môn Đãi chiếu, Tư chính khanh.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Khoa bảng.

Tóm lược nội dung:

Ghi về khoa thi Hội năm Giáp Tuất niên hiệu Hồng Thuận 6 (1514) cùng họ tên, quê quán của 43 vị đỗ Tiến sĩ, trong đó hạng Đệ nhất giáp Tiến sĩ cập đệ lấy đỗ 3 người (Trạng nguyên Nguyễn Đức Lượng, Bảng nhãn Nguyễn Chiếu Huân, Thám hoa Hoàng Minh Tá), hạng Đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân lấy đỗ 20 người, hạng Đệ tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân lấy đỗ 20 người.

Ghi chú: Nhiều chữ bị mòn.

Thuận Bình lục niên Giáp Dần Chế khoa đề danh kí

順平六年甲寅制科題名記

Kí hiệu: 1357

Thác bản bìa sưu tầm tại Văn miếu Quốc tử giám Hà Nội.

Thác bản 1 mặt, khổ 115 x 155 cm, gồm 38 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1300 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Thịnh Đức thứ 1 (1653).

Người soạn: Nguyễn Đăng Cảo 阮登鎬; học vị: [Thám hoa khoa Bình Tuất (1646)]; chức vị: Hàn lâm viện Đãi chế.

Người nhuận sắc: Dương Trí Trạch 楊致澤; học vị: [Tiến sĩ khoa Kỷ Mùi (1619)]; chức vị: Lễ bộ Thượng thư kiêm Hàn lâm viện Thị giảng, Tham chương Hàn lâm viện sự, Bạt Quận công, Thượng Trụ quốc.

Người viết chữ: Đỗ Soạn 杜撰; quê quán: xã Thái Lạc huyện Văn Giang; chức vị: Trung thư giám Hoa văn học sinh.

Người viết chữ triện: Đỗ Công Vị 杜公位; quê quán: phường Thịnh Quang huyện Quảng Đức; chức vị: Trung thư giám Hoa văn học sinh.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Khoa bảng.

Tóm lược nội dung:

Ghi về việc mở Chế khoa năm Giáp Dần niên hiệu Thuận Bình 6 (1554), cùng họ tên, quê quán của 13 vị đỗ Chế khoa Tiến sĩ khoa này, trong đó 5 vị Đinh Bạt Tụy, Nguyễn Văn Nghi, Nguyễn Sư Lộ, Phan Tất Thông, Đỗ Tất Đại đỗ ở hạng Đệ nhất giáp Chế khoa xuất thân; 8 người còn lại đều đỗ ở hạng Đệ nhị giáp Đồng Chế khoa xuất thân.

Ghi chú: Bia đã bị đục mất một số chữ ở dòng thứ 11 và dòng thứ 12.

Đại Bảo tam niên Nhâm Tuất khoa Tiến sĩ đề danh kí

大寶三年壬戌科進士題名記

Kí hiệu: 1358

Thác bản bia suu tầm tại Văn miếu Quốc tử giám Hà Nội.

Thác bản 1 mặt, khổ 102 x 147 cm, gồm 53 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 2000 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Hồng Đức thứ 15 (1484).

Người soạn: Thân Nhân Trung 申仁忠; học vị: [Tiến sĩ khoa Kỷ sừ (1469)]; chức vị: Hàn lâm viện Thừa chỉ, Đông các Đại học sĩ.

Người viết chữ: Nguyễn Tùng 阮諫; chức vị: Cản sự lang, Trung thư giám Chính tự.

Người viết chữ triện: Tô Ngại 蘇礙; chức vị: Kim quang môn Đãi chiếu.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Khoa bảng.

Tóm lược nội dung:

Ghi về khoa thi Hội năm Nhâm Tuất niên hiệu Đại Bảo 3 (1442) cùng họ tên, quê quán của 33 vị đỗ Tiến sĩ. Khoa này, hạng Đệ nhất giáp Tiến sĩ cập đệ lấy đỗ 3 người (Trạng nguyên Nguyễn Trực, Bảng nhãn Nguyễn Như Đồ, Thám hoa Lương Như Hộc), hạng Đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân lấy đỗ 7 người; hạng Đệ tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân lấy đỗ 23 người.

Ghi chú: Nhiều chữ bị mờ mòn.

Cảnh Thống ngũ niên Nhâm Tuất khoa Tiến sĩ đề danh kí

景統五年壬戌科進士題名記

Kí hiệu: 1359

Thác bản bia sưu tầm tại Văn miếu Quốc tử giám Hà Nội.

Thác bản 1 mặt, khổ 97 x 150 cm, gồm 37 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1500 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Đại Chính thứ 7 (1936).

Người soạn: Đàm Văn Lễ 譚文禮; chức vị: Lễ bộ Thượng thư.

Người viết chữ: họ Phạm 范; chức vị: Trung thư giám Điền thư.

Người viết chữ triện: họ Nguyễn 阮; chức vị: Kim quang môn Đãi chiếu.

Chữ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.

- Khoa bảng.

Tóm lược nội dung:

Bia khắc lại khoa thi Hội năm Nhâm Tuất, niên hiệu Cảnh Thống 5 (1502) đời Lê Hiến Tông, cùng họ tên, quê quán của 61 vị đỗ Tiến sĩ ở khoa đó, trong đó hạng Đệ nhất giáp Tiến sĩ cập đệ lấy đỗ 3 người (Trạng nguyên Lê Ích Mộc, Bảng nhãn Lê Sạn, Thám hoa Nguyễn Văn Thái), hạng Đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân lấy đỗ 24 người; hạng Đệ tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân lấy đỗ 34 người.

Ghi chú: Trên bia có vết đục sửa chữ tên địa danh.

Nhâm Thân khoa Tiến sĩ đề danh kí

壬申科進士題名記

Kí hiệu: 1360

Thác bản bia sưu tầm tại Văn miếu Quốc tử giám Hà Nội.

Thác bản 1 mặt, khổ 103 x 165 cm, gồm 18 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 280 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 14 (1753).

Người soạn: Nhữ Đình Toàn 汝廷瓚; học vị: Tiến sĩ khoa Bính Thìn (1736); chức vị: Hình bộ Tả Thị lang, Tri Hàn lâm viện sự; tước Bá Trạch hầu.

Người nhuận sắc: Nguyễn Công Thái 阮公案; học vị: [Tiến sĩ khoa Ất Mùi (1715)]; chức vị: Tham tụng, Thiếu bảo, Hộ bộ Thượng thư kiêm Đông các Hiệu thư; tước Kiêu quận công.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Khoa bảng.

Tóm lược nội dung:

Ghi về khoa thi Hội năm Nhâm Thân niên hiệu Cảnh Hưng 13 (1752) cùng họ tên, quê quán của 6 vị đỗ Tiến sĩ: Lê Quý Đôn ở hạng Đệ nhất giáp Tiến sĩ cập đệ (Bảng nhãn); Đoàn Nguyễn Thục đỗ ở hạng Đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân (Hoàng giáp); và 4 vị đỗ ở hạng Đệ tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân.

Ghi chú: Bìa bị đục mất một số chữ ở dòng thứ 14.

Hồng Đức thập bát niên Đinh Mùi khoa Tiến sĩ đề danh kí

洪德十八年丁未科進士題名記

Kí hiệu: 1361

Thác bản bìa sưu tầm tại Văn miếu Quốc tử giám Hà Nội.

Thác bản 1 mặt, khổ 110 x 150 cm, gồm 48 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 2600 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Hồng Đức thứ 18 (1487).

Người soạn: Thân Nhân Trung 申仁忠; học vị: [Tiến sĩ khoa Kỷ Sửu (1469)]; chức vị: Hàn lâm viện thừa chỉ, Đông các Đại học sĩ.

Người viết chữ: Nguyễn Cẩn 阮瑾; chức vị: Mậu lâm tá lang, Trung thư giám Điền thư.

Người viết chữ triện: Nguyễn Nhân Huệ 阮仁惠; chức vị: Cẩn sự lang, Kim quang môn Đãi chiếu.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Khoa bảng.

Tóm lược nội dung:

Ghi về khoa thi Hội năm Đinh Mùi niên hiệu Hồng Đức 18 (1487) cùng họ tên, quê quán của 60 vị đỗ Tiến sĩ ở khoa này, trong đó

hạng Đệ nhất giáp Tiến sĩ cập đệ lấy đỗ 3 người, (Trạng nguyên Trần Sùng Dĩnh, Bảng nhãn Nguyễn Đức Huân, Thám hoa Thân Cảnh Vân), hạng Đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân lấy đỗ 30 người; hạng Đệ tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân lấy đỗ 27 người.

Cảnh Hưng tứ niên Quý Hợi khoa Tiến sĩ đề danh kí

景興四年癸亥科進士題名記

Kí hiệu: 1362

Thác bản bìa sưu tầm tại Văn miếu Quốc tử giám Hà Nội.

Thác bản 1 mặt, khổ 110 x 187 cm, gồm 31 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1500 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 5 (1744).

Người soạn: Bạch Phấn Ưng 白奮鷹; học vị: [Tiến sĩ khoa Giáp Thìn (1724)]; chức vị: Hàn lâm viện Thừa chỉ.

Người nhuận sắc: Nguyễn Công Thái 阮公案; học vị: [Tiến sĩ khoa Ất Mùi (1715)]; chức vị: Tham tụng, Thiếu bảo, Hộ bộ Thượng thư kiêm Đông các Hiệu thư; tước Kiêu quận công.

Người viết chữ: họ Lê黎; chức vị: Tiến công thứ lang, Lễ bộ Tư vụ sảnh Tư vụ.

Người khắc: Lê Nguyễn Diệu 黎阮耀; quê quán: xã An Hoạch huyện Đông Sơn; học vị: Sinh đồ; chức vị: Tư vụ sảnh Tư vụ.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Khoa bảng.

Tóm lược nội dung:

Ghi về khoa thi Hội năm Quý Hợi niên hiệu Cảnh Hưng 4 (1743) cùng họ tên, quê quán của 7 vị đỗ Tiến sĩ. Khoa này có 1 vị đỗ ở hạng Đệ nhất giáp Tiến sĩ cập đệ, 1 vị đỗ hạng Đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân và 5 vị đỗ ở hạng Đệ tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân.

Ghi chú: Bìa bị đục mất một đoạn chữ ở dòng thứ 4.

Quang Hưng thập nhị niên Kỷ sửu khoa Tiến sĩ đề danh kí

光興十貳年己丑科進士題名記

Kí hiệu: 1363

Thác bản bia suu tầm tại Văn miếu Quốc tử giám Hà Nội.

Thác bản 1 mặt, khổ 105 x 150 cm, gồm 43 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1500 chữ, có hoa văn, có chữ húy: Đề

Niên đại: Thịnh Đức thứ 1 (1653).

Người soạn: Khương Thế Hiền 姜世賢; học vị: [Thám hoa khoa Canh Dần (1650)]; chức vị: Hàn lâm viện Đãi chế.

Người nhuận sắc: Dương Trí Trạch 楊致澤; học vị: [Tiến sĩ khoa Kỷ Mùi (1619)]; chức vị: Lễ bộ Thượng thư kiêm Hàn lâm viện Thị giảng, Tham chương Hàn lâm viện sự, Thượng trụ quốc; tước Bạt quận công.

Người viết chữ: Nguyễn Trung Tá 阮忠佐; quê quán: xã Phù Luân huyện Đông Ngàn; chức vị: Trung thư giám Hoa văn học sinh.

Người viết chữ triện: Nguyễn Quang Độ 阮光度; chức vị: Kim quang môn Đãi chiếu; tước Quế Lan nam.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Khoa bảng.

Tóm lược nội dung:

Ghi về khoa thi Hội năm Kỷ sửu niên hiệu Quang Hưng 12 (1589) cùng họ tên, quê quán của 4 vị đỗ Tiến sĩ. Khoa này có 2 vị ở hạng Đề nhị giáp Tiến sĩ xuất thân và 2 vị đỗ ở hạng Đề tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân.

Ghi chú: Bia bị đục mất một số chữ ở dòng thứ 12 và dòng thứ 14.

Quang Hưng lục niên Quý Mùi khoa Tiến sĩ đề danh kí

光興六年癸未科進士題名記

Kí hiệu: 1364

Thác bản bia suu tầm tại Văn miếu Quốc tử giám Hà Nội.

Thác bản 1 mặt, khổ 102 x 160 cm, gồm 34 dòng chữ Hán, toàn văn

ước khoảng 1200 chữ, có hoa văn, có chữ hủy: Đề 題.

Niên đại: Thịnh Đức thứ 1 (1653).

Người soạn: Khương Thế Hiền 姜世賢; học vị: [Thám hoa khoa Canh Dần (1650)]; chức vị: Hàn lâm viện Đãi chế.

Người nhuận sắc: Dương Trí Trạch 楊致澤; học vị: [Tiến sĩ khoa Kỷ Mùi (1619)]; chức vị: Lễ bộ Thượng thư kiêm Hàn lâm viện Thị giảng, Tham chương Hàn lâm viện sự, Thượng trụ quốc; tước Bạt quận công.

Người viết chữ: Trịnh Khuê 鄭珪; quê quán: xã Lai Duệ huyện Thụy Nguyên; chức vị: Trung thư giám Hoa văn học sinh.

Người viết chữ triện: Nguyễn Quang Độ 阮光度; chức vị: Kim quang môn Đãi chiếu; tước Quê Lan nam.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Khoa bảng.

Tóm lược nội dung:

Ghi về khoa thi Hội năm Quý Mùi niên hiệu Quang Hưng 6 (1583) cùng họ tên, quê quán của 4 vị đỗ Tiến sĩ, trong đó có 3 người đỗ ở hạng Đề nhị giáp Tiến sĩ xuất thân, 1 người đỗ ở hạng Đề tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân.

Ghi chú: Bia bị đục mất một số chữ ở dòng thứ 11 và dòng thứ 13.

Hoảng Định bát niên Đình Mùi khoa Tiến sĩ đề danh kí

弘定八年丁未科進士題名記

Kí hiệu: 1365

Thác bản bia sưu tầm tại Văn miếu Quốc tử giám Hà Nội.

Thác bản 1 mặt, khổ 102 x 162 cm, gồm 46 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 2100 chữ, có hoa văn, có chữ hủy: Đề 題.

Niên đại: Thịnh Đức thứ 1 (1653).

Người soạn: Nguyễn Đăng Minh 阮登明; học vị: [Tiến sĩ khoa Bính Tuất (1646)]; chức vị: Hàn lâm viện Hiệu thảo.

Người nhuận sắc: Dương Trí Trạch 楊致澤; học vị: [Tiến sĩ khoa Kỷ

Mùi (1619)]; chức vị: Lễ bộ Thượng thư kiêm Hàn lâm viện Thị giảng, Tham chương Hàn lâm viện sự, Thượng trụ quốc; tước Bạt quận công.

Người viết chữ: Nguyễn Khuê Lâm 阮桂林; quê quán: xã Đông Ngạc huyện Từ Liêm; chức vị: Trung thư giám Hoa văn học sinh; tước Nho Sơn nam.

Người viết chữ triện: Nguyễn Quang Độ 阮光度; chức vị: Kim quang môn Đãi chiếu; tước Quế Lan nam.

Chữ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Khoa bảng.

Tóm lược nội dung:

Ghi về khoa thi Hội năm Đinh Mùi niên hiệu Hoằng Định 8 (1607) cùng họ tên, quê quán của 5 vị đỗ Tiến sĩ, trong đó hạng Đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân có 1 người, hạng Đệ tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân có 4 người.

Cảnh Hưng thất niên Bính Dần khoa Tiến sĩ đề danh kí

景興七年丙寅科進士題名記

Kí hiệu: 1366

Thác bản bia sưu tầm tại Văn miếu Quốc tử giám Hà Nội.

Thác bản 1 mặt, khổ 107 x 193 cm, gồm 45 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 800 chữ, có hoa văn, có chữ húy: Đề 題, Thành 成.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 8 (1747).

Người soạn: Dương Công Chú 楊公澍; học vị: [Tiến sĩ khoa Tân Hợi (1731)]; chức vị: Tả Tư giảng, Thiêm sai Tri Thị nội Thư tả, Lại phiên, Hàn lâm viện Thừa chỉ; tước Đạo Phái bá.

Người nhuận sắc: Nguyễn Công Thái 阮公案; học vị: Tiến sĩ khoa Ất Mùi (1715); chức vị: Tham tụng, Thiếu bảo, Hộ bộ Thượng thư kiêm Đông các Hiệu thư; tước Kiều Quận công.

Người viết chữ: Nguyễn Thái Huy 阮泰輝; quê quán: xã Liêu Hạ huyện Đường Hào; chức vị: Lại bộ Đô lại.

Người khắc: Lê Khắc Thực 黎克實; chức vị: Bá hộ.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Khoa bảng.

Tóm lược nội dung:

Ghi về khoa thi Hội năm Bính Dần niên hiệu Cảnh Hưng 7 (1746) cùng họ tên, quê quán của 4 vị đỗ Tiến sĩ. Hạng Đề nhị giáp Tiến sĩ xuất thân lấy đỗ 1 người (Hoàng giáp Đoàn Chú), hạng Đề tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân lấy đỗ 3 người là Trần Danh Tổ, Đào Vũ Thường và Nguyễn Như Thức.

Ghi chú: Bia bị đục mất một số chữ ở dòng thứ 4.

Gia Thái ngũ niên Đình Sưu khoa chế khoa đề danh kí

嘉泰五年丁丑科制科題名記

Kí hiệu: 1367

Thác bản bia sưu tầm tại Văn miếu Quốc tử giám Hà Nội.

Thác bản 1 mặt, khổ 110 x 160 cm, gồm 36 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1200 chữ, có hoa văn, có chữ húy: Đề 題.

Niên đại: Thịnh Đức thứ 1 (1653).

Người soạn: Nguyễn Đăng Cảo 阮登鎬; học vị: [Thám hoa khoa Bính Tuất (1646)]; chức vị: Hàn lâm viện Đãi chế.

Người nhuận sắc: Dương Trí Trạch 楊致澤; học vị: [Tiến sĩ khoa Kỷ mùi (1619)]; chức vị: Lễ bộ Thượng thư kiêm Hàn lâm viện Thị giảng, Tham chương Hàn lâm viện sự, Thượng trụ quốc; tước Bạt quận công.

Người viết chữ: Nguyễn Thế Nho 阮世儒; quê quán: xã Thái Lạc huyện Văn Giang; chức vị: Trung thư giám Hoa văn học sinh.

Người viết chữ triện: Lê Đình Đống 黎廷棟; quê quán: thôn Nguyệt Lăng xã Nhân Lý huyện Đông Sơn; chức vị: Trung thư giám Hoa văn học sinh.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Khoa bảng.

Tóm lược nội dung:

Ghi về khoa thi Chế khoa năm Đinh Sửu niên hiệu Gia Thái 5 (1577) cùng họ tên, quê quán của 5 vị được lấy đỗ ở năm đó, là Lê Trạc Tú, Nguyễn Bật Lượng, Lê Phúc Nhạc (cả ba người đều đỗ ở hạng Đệ nhất giáp Chế khoa xuất thân). Hai người còn lại đỗ ở hạng Đệ nhị giáp Chế khoa xuất thân.

Ghi chú: Bia bị đục mất một số chữ ở dòng thứ 13 và dòng thứ 14.

Cảnh Hưng thập bát niên Đinh Sửu khoa Tiến sĩ đề danh kí

景興十八年丁丑科進士題名記

Kí hiệu: 1368

Thác bản bia sưu tầm tại Văn miếu Quốc tử giám Hà Nội.

Thác bản 1 mặt, khổ 118 x 195 cm, gồm 21 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 500 chữ, có hoa văn, có chữ huy: .

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 18 (1757).

Người soạn: Nhữ Đình Toàn 汝廷瓚; học vị: [Tiến sĩ khoa Bính Thìn (1736)]; chức vị: Bồi tụng, Ngự sử đài Phó Đô ngự sử, hành Binh bộ Tả thị lang, Tri Hàn lâm viện sự; tước Bá Trạch hầu.

Người viết chữ: Nguyễn Hữu Hàm 阮有城; quê quán: xã Nhân Mục Môn huyện Thanh Trì; chức vị: Cai hợp, Binh phiên Điền thư.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Khoa bảng.

Tóm lược nội dung:

Ghi về khoa thi Hội năm Đinh Sửu niên hiệu Cảnh Hưng 18 (1757) cùng họ tên, quê quán của 6 vị đỗ Tiến sĩ. Khoa này, ở hạng Đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân lấy đỗ 1 người (Hoàng giáp Bùi Đình Dực), 5 người còn lại đỗ ở hạng Đệ tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân.

Ghi chú: Nhiều chỗ bị mờ do bia mòn.

Hồng Thuận tam niên Tân Mùi khoa Tiến sĩ đề danh kí

洪順三年辛未科進士題名記

Kí hiệu: 1369

Thác bản bia sưu tầm tại Văn miếu Quốc tử giám Hà Nội.

Thác bản 1 mặt, khổ 115 x 155 cm, gồm 50 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1200 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Hồng Thuận thứ 1 (1509).

Người soạn: Lê Tung 黎嵩; học vị: [Hoàng giáp khoa Giáp Thìn (1484)]; chức vị: Lễ bộ Thượng thư, Thiếu bảo, Đông các Đại học sĩ, kiêm Quốc tử giám Tế tửu; tước Đôn Thụ bá.

Người viết chữ: Ngô Ninh 吳寧; chức vị: Trung thư giám Trung thư Xá nhân.

Người viết chữ triện: Nguyễn Huệ 阮惠; chức vị: Lễ bộ Tả Thị lang, Kim quang môn Đãi chiếu.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Khoa bảng.

Tóm lược nội dung:

Ghi về khoa thi Hội năm Tân Mùi niên hiệu Hồng Thuận 3 (1511) cùng họ tên, quê quán của 47 vị đỗ Tiến sĩ. Hạng Đệ nhất giáp Tiến sĩ cập đệ lấy đỗ 3 người (Trạng nguyên Hoàng Nghĩa Phú, Bảng nhãn Trần Bảo Tín, Thám hoa Vũ Duy Chu), hạng Đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân lấy đỗ 9 người, hạng Đệ tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân lấy đỗ 35 người.

Ghi chú: Nhiều chỗ bị mờ do bia mòn.

Quang Hưng thập bát niên Ất Mùi khoa Tiến sĩ đề danh kí

光興十八年乙未科進士題名記

Kí hiệu: 1370

Thác bản bia sưu tầm tại Văn miếu Quốc tử giám Hà Nội.

Thác bản 1 mặt, khổ 110 x 156 cm, gồm 55 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1900 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Thịnh Đức thứ 1 (1653).

Người soạn: Nguyễn Văn Lễ 阮文禮; học vị: [Hoàng giáp khoa Canh Dần (1650)]; chức vị: Hàn lâm viện Hiệu lý; tước Vinh Giang nam.

Người nhuận sắc: Dương Trí Trạch 楊致澤; học vị: [Tiến sĩ khoa Kỷ mùi (1619)]; chức vị: Lễ bộ Thượng thư kiêm Hàn lâm viện Thị giảng, Tham chương Hàn lâm viện sự, Thượng trụ quốc; tước Bạt quận công.

Người viết chữ: Nguyễn Lĩnh 阮領; quê quán: xã Phù Chẩn huyện Đông Ngàn; chức vị: Trung thư giám Hoa văn học sinh.

Người viết chữ triện: Nguyễn Quang Độ 阮光度; chức vị: Kim quang môn Đãi chiếu; tước Quế Lan nam.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Khoa bảng.

Tóm lược nội dung:

Ghi về khoa thi Hội năm Ất Mùi niên hiệu Quang Hưng 18 (1595) cùng họ tên, quê quán của 6 vị đỗ Tiến sĩ, trong đó hạng Đề nhị giáp Tiến sĩ xuất thân lấy đỗ 2 người, hạng Đề tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân lấy đỗ 4 người.

Ghi chú: Bia bị đục mất một số chữ ở dòng thứ 27 và 28.

Vĩnh Hựu ngũ niên Kỷ mùi khoa Tiến sĩ đề danh kí

永祐五年己未科進士題名記

Kí hiệu: 1371

Thác bản bia sưu tầm tại Văn miếu Quốc tử giám Hà Nội.

Thác bản 1 mặt, khổ 111 x 185 cm, gồm 29 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1500 chữ, có hoa văn, có chữ hủy: Đề 巖, Tân 隣.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 5 (1744).

Người soạn: Bạch Phấn Ưng 白奮鷹; học vị: [Tiến sĩ khoa Giáp Thìn (1724)]; chức vị: Hàn lâm viện Thừa chỉ.

Người nhuận sắc: Nguyễn Công Thái 阮公案; học vị: [Tiến sĩ khoa Ất Mùi (1715)]; chức vị: Tham tụng, Lễ bộ Thượng thư kiêm Đông

các Hiệu thư; tước Kiều Quận công.

Người viết chữ: Phạm Đăng Trù 范登儔; chức vị: Trung thư giám
Điền thư, Câu kê Lại phiên.

Người khắc: Lê Nguyễn Diệu 黎阮耀; quê quán: xã An Hoạch huyện
Đông Sơn; học vị: Sinh đồ.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Khoa bảng.

Tóm lược nội dung:

Ghi về khoa thi Hội năm Kỷ mùi niên hiệu Vĩnh Hựu 5 (1739) cùng họ tên, quê quán của 8 vị đỗ Tiến sĩ. Khoa này chỉ có 1 vị (Vũ Diệm) đỗ ở hạng Đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân, 7 người còn lại đỗ ở hạng Đệ tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân.

Ghi chú: Bia bị đục mất một số chữ ở dòng thứ 4.

**Cảnh Hưng nhị thập nhất niên Canh Thìn khoa Tiến sĩ
đề danh kí**

景興貳十一年庚辰科進士題名記

Kí hiệu: 1372

Thác bản bia sưu tầm tại Văn miếu Quốc tử giám Hà Nội.

Thác bản 1 mặt, khổ 121 x 198 cm, gồm 18 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 400 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 24 (1763).

Người soạn: Nguyễn Nghiễm 阮儼; học vị: Chánh Tiến sĩ khoa Tân Hợi (1731); chức vị: Công bộ Thượng thư kiêm Quốc tử giám Tế tửu; tước Xuân Nhạc hầu.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Khoa bảng.

Tóm lược nội dung:

Ghi về khoa thi Hội năm Canh Thìn niên hiệu Cảnh Hưng 21 (1760) cùng họ tên, quê quán của 5 vị được lấy đỗ Tiến sĩ, đều ở hạng Đệ tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân.

Ghi chú: Bia bị đục già nửa dòng chữ ở hàng thứ 4.

Hoàng Định ngũ niên Giáp Thìn khoa Tiến sĩ đề danh kí

弘定五年甲辰科進士題名記

Kí hiệu: 1373

Thác bản bia sưu tầm tại Văn miếu Quốc tử giám Hà Nội.

Thác bản 1 mặt, khổ 113 x 174 cm, gồm 53 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 2500 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Thịnh Đức thứ 1 (1653).

Người soạn: Nguyễn Văn Lễ 阮文禮; học vị: [Hoàng giáp khoa Canh Dần (1650)]; chức vị: Hàn lâm viện Hiệu lý; tước Vinh Giang nam.

Người nhuận sắc: Dương Trí Trạch 楊致澤; học vị: [Tiến sĩ khoa Kỷ mùi (1619)]; chức vị: Lễ bộ Thượng thư kiêm Hàn lâm viện Thị giảng, kiêm chương Hàn lâm viện sự, Thượng trụ quốc; tước Bạt quận công.

Người viết chữ: Đỗ Vĩnh Miên 杜永綿; quê quán: xã Lộng Đình huyện Văn Giang; chức vị: Trung thư giám Hoa văn học sinh.

Người viết chữ triện: Nguyễn Quang Độ 阮光度; chức vị: Kim quang môn Đãi chiếu; tước Quế Lan nam.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Khoa bảng.

Tóm lược nội dung:

Ghi về khoa thi Hội năm Giáp Thìn niên hiệu Hoàng Định 5 (1604) cùng họ tên, quê quán của 7 vị đỗ Tiến sĩ ở năm đó, trong đó có 2 người đỗ ở hạng Đề nhị giáp Tiến sĩ xuất thân 5 người đỗ ở hạng Đề tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân.

Ghi chú: Bị đục mất một số chữ ở dòng thứ 25 và 26.

Long Đức nhị niên Quý Sửu khoa Tiến sĩ đề danh kí

龍德貳年癸丑科進士題名記

Kí hiệu: 1374

Thác bản bia suru tầm tại Văn miếu Quốc tử giám Hà Nội.

Thác bản 1 mặt, khổ 125 x 195 cm, gồm 24 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1200 chữ, có hoa văn, có chữ húy: Đề 題.

Niên đại: Long Đức thứ 3 (1734).

Người soạn: Nguyễn Quán Giai 阮冠階; học vị: [Tiến sĩ khoa Nhâm Thìn (1712)]; chức vị: Hàn lâm viện Thừa chỉ.

Người nhuận sắc: Phạm Khiêm Ích 范謙益; học vị: [Thám hoa khoa Canh Dần (1710)]; chức vị: Tham tụng, Bình bộ Thượng thư kiêm Đông các Đại học sĩ, tri Hàn lâm viện sự, Thiếu bảo; tước Thuật Quận công.

Người viết chữ: Nguyễn Viết Giai 阮曰階; quê quán: xã Phú Thị huyện Gia Lâm; chức vị: Trung thư giám Hoa văn học sinh.

Người khắc: Hoàng Quang Trạch 黃琬宅; quê quán: xã Gia Đức huyện Thủy Đường; chức vị: Xã trưởng.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Khoa bảng.

Tóm lược nội dung:

Ghi về khoa thi Hội năm Quý Sửu niên hiệu Long Đức 2 (1733) và họ tên, quê quán của 18 vị đỗ Tiến sĩ. Hạng Đệ nhất giáp Tiến sĩ cập đệ lấy đỗ 1 người (Bảng nhãn Nhữ Trọng Đài). Hạng Đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân lấy đỗ 2 người. Hạng Đệ tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân lấy đỗ 15 người.

Ghi chú: Bia bị đục mất một số chữ ở dòng thứ 4.

Hoàng Định tam niên Nhâm Dần khoa Tiến sĩ đề danh kí

弘定三年壬寅科進士題名記

Kí hiệu: 1375

Thác bản bia suru tầm tại Văn miếu Quốc tử giám Hà Nội.

Thác bản 1 mặt, khổ 115 x 165 cm, gồm 48 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1500 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Thịnh Đức thứ 1 (1653).

Người soạn: Khương Thế Hiền 姜世賢; học vị: [Thám hoa khoa Canh Dần (1650)]; chức vị: Hàn lâm viện Đãi chế.

Người nhuận sắc: Dương Trí Trạch 楊致澤; học vị: [Tiến sĩ khoa Kỷ Mùi (1619)]; chức vị: Lễ bộ Thượng thư kiêm Hàn lâm viện Thị giảng, Tham chương Hàn lâm viện sự, Bạt Quận công, Thượng Trụ quốc.

Người viết chữ: Trần Xuân 陳春; quê quán: ấp La huyện Thiên Thi phủ Khoái Châu; chức vị: Trung thư giám Điền thư; tước Văn Nham tử.

Người viết chữ triện: Nguyễn Quang Độ 阮光度; chức vị: Kim quang môn Đãi chiếu.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Khoa bảng.

Tóm lược nội dung:

Ghi về khoa thi Hội năm Nhâm Dần niên hiệu Hoảng Định 3 (1602) và họ tên, quê quán của 10 vị đỗ Tiến sĩ, trong đó hạng Đề nhị giáp Tiến sĩ xuất thân lấy đỗ 2 người, hạng Đề tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân lấy đỗ 8 người.

Ghi chú: Bia bị đục mất một số chữ ở dòng thứ 11 và 12.

Nhâm Thìn khoa Tiến sĩ đề danh kí

壬辰科進士題名記

Kí hiệu: 1376

Thác bản bia sưu tầm tại Văn miếu Quốc tử giám Hà Nội.

Thác bản 1 mặt, khổ 120 x 194 cm, gồm 20 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 500 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 33 (1772).

Người soạn: Phan Trọng Phiên 潘仲番; học vị: Tiến sĩ khoa Đinh Sửu (1757); chức vị: Đông các Đại học sĩ, Tri Thị nội Thư tả, Hộ phiên,

thự Thiêm Đô ngự sử kiêm Quốc tử giám Tư nghiệp; tước Tư Xuyên bá 泗川伯.

Người nhuận sắc: Nhữ Công Toàn 汝公瓚; học vị: Tiến sĩ khoa Bính Thìn (1736); chức vị: Bồi tụng, Binh bộ Thượng thư, Đô đốc phủ Tả Đô đốc Quyển Phủ sự; tước Trung Phái hầu 忠派侯.

Chú đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Khoa bảng.

Tóm lược nội dung:

Ghi về khoa thi Hội năm Nhâm Thìn niên hiệu Cảnh Hưng 33 (1772) lấy đỗ 13 vị Tiến sĩ, trong đó ở hạng Đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân lấy đỗ 2 người, hạng Đệ tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân lấy đỗ 11 người.

Ghi chú: Bia bị đục mất một số chữ ở dòng thứ 4.

Bảo Thái bát niên Đinh Mùi khoa Tiến sĩ đề danh kí

保泰八年丁未科進士題名記

Kí hiệu: 1377

Thác bản bia sưu tầm tại Văn miếu Quốc tử giám Hà Nội.

Thác bản 1 mặt, khổ 124 x 178 cm, gồm 1 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 900 chữ, có hoa văn, có chữ hủy: 闕.

Niên đại: Long Đức thứ: 2 (1733).

Người soạn: Nguyễn Duy Đôn 阮惟敦; học vị: [Hoàng giáp khoa Nhâm Thìn (1712)]; chức vị: Hàn lâm viện Thừa chỉ, Tri Thư nội Thư tả, Lễ phiên.

Người nhuận sắc: Phạm Khiêm Ích 范謙益; học vị: [Thám hoa khoa Canh Dân (1710)]; chức vị: Tham tụng, Binh bộ Thượng thư kiêm Đông các Đại học sĩ Tri Hàn lâm viện sự, Thiếu bảo; tước Thuật Quận công.

Người viết chữ: Nguyễn Đắc Thụy 阮得瑞; quê quán: xã Xuân Đỗ huyện Gia Lâm; chức vị: Trung thư giám Hoa văn học sinh.

Người khắc: Phạm Thọ Ích 范壽益; quê quán: xã Kiêu Kị huyện Gia Lâm.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Khoa bảng.

Tóm lược nội dung:

Ghi về khoa thi Hội năm Đinh Mùi niên hiệu Bảo Thái 8 (1727) lấy đỗ 10 vị Tiến sĩ. Khoa này, triều đình lấy đỗ ở hạng Đệ nhất giáp Tiến sĩ cập đệ (1 người, Thám hoa Nguyễn Thế Lập) và hạng Đệ tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân (9 người).

Ghi chú: Bia bị đục mất một số chữ ở dòng thứ 11.

Cảnh Hưng tam thập niên Kỷ sửu khoa Tiến sĩ đề danh kí

景興三十年己丑科進士題名記

Kí hiệu: 1378

Thác bản bia sưu tầm tại Văn miếu Quốc tử giám Hà Nội.

Thác bản 1 mặt, khổ 118 x 192 cm, gồm 19 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 280 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 30 (1769).

Người soạn: Lê Quý Đôn 黎貴惇; học vị: Bảng nhãn khoa Nhâm Thân (1752); chức vị: Hàn lâm viện Thừa chỉ; tước Dĩnh Thành bá 穎城伯.

Người nhuận sắc: Nguyễn Nghiễm 阮儼; học vị: Hoàng giáp khoa Tân Hợi (1731); chức vị: Công bộ Thượng thư; tước Xuân Quận công 春郡公.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Khoa bảng.

Tóm lược nội dung:

Ghi về khoa thi Hội năm Kỷ sửu niên hiệu Cảnh Hưng 30 (1769) và họ tên, quê quán của 9 vị được lấy đỗ, trong đó Đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân 1 vị và Đệ tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân 8 vị.

Ghi chú: Bia bị đục mất một số chữ ở dòng thứ 4.

Bảo Thái nhị niên Tân Sửu khoa Tiến sĩ đề danh kí

保泰貳年辛丑科進士題名記

Kí hiệu: 1379

Thác bản bia sưu tầm tại Văn miếu Quốc tử giám Hà Nội.

Thác bản 1 mặt, khổ 132 x 200 cm, gồm 36 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1500 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Bảo Thái thứ 5 (1724).

Người soạn: Đoàn Bá Dung 段伯容; học vị: [Tiến sĩ khoa Canh Dần (1710)]; chức vị: Hàn lâm viện Thị độc.

Người nhuận sắc: Hồng Hạo 洪浩; học vị: [Tiến sĩ khoa Canh Dần (1710)].

Người viết chữ: Nguyễn Đăng Toán 阮登瓚; quê quán: xã Tả Thanh Oai; chức vị: Trung thư giám Hoa văn học sinh.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Khoa bảng.

Tóm lược nội dung:

Ghi về khoa thi Hội năm Tân Sửu niên hiệu Bảo Thái 2 (1721) lấy đỗ 25 vị Tiến sĩ. Ghi về quê quán họ tên của các vị thi đỗ theo 3 hạng giáp khác nhau: Đệ nhất giáp Tiến sĩ cập đệ 1 vị, Đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân 3 vị và Đệ tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân 21 vị.

Ghi chú: Bia bị đục mất một số chữ ở dòng thứ 4.

Cảnh Hưng tam thập lục niên Ất Mùi khoa Tiến sĩ đề danh kí

景興三十六年乙未科進士題名記

Kí hiệu: 1380

Thác bản bia sưu tầm tại Văn miếu Quốc tử giám Hà Nội.

Thác bản 1 mặt, khổ 137 x 205 cm, gồm 17 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 500 chữ, có hoa văn, có chữ húy: Đề 題.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 37 (1776).

Người soạn: Nguyễn Hoàn 阮侁; học vị: Tiến sĩ khoa Quý Hợi (1743); chức vị: Lại bộ Thượng thư; tước Viện Quận công 院郡公.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Khoa bảng.

Tóm lược nội dung:

Ghi về khoa thi Hội năm Ất Mùi (1775) niên hiệu Cảnh Hưng 36, lấy đỗ 18 Tiến sĩ, đều ở hạng Đệ tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân.

Ghi chú: Bìa bị đục mất một số chữ ở dòng thứ 4.

Cảnh Hưng cửu niên Mậu Thìn khoa Tiến sĩ đề danh kí

景興九年戊辰科進士題名記

Kí hiệu: 1381

Thác bản bìa suru tằm tại Văn miếu Quốc tử giám Hà Nội.

Thác bản 1 mặt, khổ 131 x 196 cm, gồm 28 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1000 chữ, có hoa văn, có chữ hủy: Đề 題.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 9 (1748).

Người soạn: Dương Công Chú 楊公澍; học vị: [Tiến sĩ khoa Tân Hợi (1731); chức vị: Hàn lâm viện Thừa chỉ; tước Đạo Phái bá 道派伯].

Người nhuận sắc: Nguyễn Công Thái 阮公泰; học vị: [Tiến sĩ khoa Ất Mùi (1715)]; chức vị: Lễ bộ Thượng thư; tước Kiều Quận công.

Người viết chữ: Đào Đăng Hải 陶登駭; quê quán: xã Đa Sĩ huyện Đường Hào; chức vị: Trung thư giám Cần sự lang.

Người khắc: Hai đội tá hữu xã An Hoạch huyện Đông Sơn.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Khoa bảng.

Tóm lược nội dung:

Ghi về khoa thi Hội năm Mậu Thìn niên hiệu Cảnh Hưng 9 (1748) cùng họ tên quê quán của 13 vị đỗ Tiến sĩ ở khoa này. Hạng Đệ nhất giáp Tiến sĩ cập đệ lấy đỗ 1 người (Thám hoa Nguyễn Huy Oánh). Hạng Đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân lấy đỗ 1 người (Hoàng giáp Trịnh Xuân Thụ). Hạng Đệ tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân lấy đỗ 11 người.

Ghi chú: Bìa bị đục mất một số chữ ở dòng thứ 4.

Cảnh Hưng nhị thập tứ niên Quý Mùi khoa Tiến sĩ đề danh kí

景興貳十四年貴未科進士題名記

Kí hiệu: 1382

Thác bản bia sưu tầm tại Văn miếu Quốc tử giám Hà Nội.

Thác bản 1 mặt, khổ 132 x 194 cm, gồm 38 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1300 chữ, có hoa văn, có chữ hủy: Tân 祿.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 24 (1763).

Người soạn: Lê Quý Đôn 黎貴惇; học vị: [Bảng nhãn khoa Nhâm Thân (1752)]; chức vị: Hàn lâm viện Thừa chỉ; tước Dĩnh Thành bá.

Người nhuận sắc: Nguyễn Hoàn 阮侗; học vị: [Tiến sĩ khoa Quý Hợi (1743)]; chức vị: Đông các Đại học sĩ, Phủ doãn phủ Phụng Thiên.

Người viết chữ: Trần Đình Khoa 陳廷科; quê quán: xã An Lạc huyện Thanh Lâm; chức vị: Ngự sử đài Đô lại Thủ bạ.

Người khắc: Lê Văn Lộc 黎文祿; quê quán: thôn Nhuệ xã An Hoạch huyện Đông Sơn.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Khoa bảng.

Tóm lược nội dung:

Ghi về khoa thi Hội năm Quý Mùi niên hiệu Cảnh Hưng 24 (1763) lấy đỗ 5 vị Tiến sĩ, đều đỗ ở hạng Đệ tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân.

Ghi chú: Bia bị đục mất một số chữ ở dòng thứ 5.

Cảnh Hưng nhị thập thất niên Bính Tuất khoa Tiến sĩ đề danh kí

景興貳十七年丙戌科進士題名記

Kí hiệu: 1383

Thác bản bia sưu tầm tại Văn miếu Quốc tử giám Hà Nội.

Thác bản 1 mặt, khổ 135 x 205 cm, gồm 20 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 500 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 27 (1766).

Người soạn: Nguyễn Nghiễm 阮儼; học vị: Chánh Tiến sĩ khoa Tân

Hội (1731); chức vị: Công bộ Thượng thư, Thái tử Thái bảo; tước Xuân Nhạc hầu 春岳侯.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Khoa bảng.

Tóm lược nội dung:

Ghi về khoa thi Hội năm Bính Tuất niên hiệu Cảnh Hưng 27 (1766) lấy đỗ 11 vị Tiến sĩ, trong đó hạng Đệ nhất giáp Tiến sĩ cập đệ 1 vị, hạng Đệ tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân 10 vị.

Ghi chú: Bia bị đục mất một số chữ ở dòng thứ 4.

**Vân La tự/Thiên đài chuyên xế trừ oản gia/Thủy tạo Phật tượng/
Hưng công thạch bi**

雲羅寺/天臺磚砌廚粿家/始造佛像/興功石碑

Kí hiệu: 1384/1385/1386/1387

Thác bản bia thôn Phù Lưu xã Tiên Trừ huyện Yên Phong phủ Từ Sơn 慈山府安豐縣先除社芙蓉村, sưu tầm tại chùa Vân La xã Phù Lưu tổng Nội Trá huyện Yên phong.

Thác bản 4 mặt, khổ 44 x 84 cm, gồm 77 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 2500 chữ, có hoa văn, có chữ húy: Trừ 辭.

Niên đại: Chính Hòa thứ 11 (1690).

Người soạn: Nguyễn Thế Lộc 阮世祿, tên tự: Huệ Thông, pháp hiệu Đạo Tiên; nhà sư trụ trì.

Người viết chữ 1: Nguyễn Đăng Minh 阮登明.

Người viết chữ 2: Nguyễn Công Khuê 阮公奎, học vị: Nho sĩ.

Chủ đề: - Lịch sử di tích.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Quá trình tu sửa chùa Vân La, năm Kỉ Mùi (1679) tạc tượng Thánh phụ, Thánh mẫu, 4 vị Bồ tát, 8 vị Kim Cương, 18 vị La Hán; năm Nhâm Tuất (1682) xây tường gạch tam quan, năm Quý Hợi tạc

tượng Di Đà, năm Giáp Tý (1684) dựng cột thiên đài, tạo 18 pho tượng Long thần, năm Canh Ngọ (1690) dựng bếp và nhà oản. Công việc hoàn tất, dựng bia. Ghi lại họ tên những người có công vào các công việc kể trên.

Vân La tự tịnh bi/Tuế thứ Nhâm Tuất niên

雲羅寺井碑/歲次壬戌年

Kí hiệu: 1388/1389/1390

Thác bản bia xã Tiên Trừ, Nội Trừ, Tam Táo huyện Yên Phong phủ Từ Sơn 慈山府安豐縣先除內除三棗等社, sưu tầm tại chùa Vân La xã Phù Lưu tổng Nội Trừ huyện Yên Phong.

Thác bản 3 mặt, khổ 35 x 63 cm, 30 x 58 cm và 15 x 50 cm, gồm 35 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 800 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Vĩnh Tộ thứ 4 (1621).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Danh sách các sãi, vãi cùng mọi người trong 3 xã Tiên Trừ, Nội Trừ và Tam Táo thuộc huyện Yên Phong góp công sức đào giếng, tô tượng, đắp tường cho chùa Vân La.

[Vô đề]

Kí hiệu: 1391

Thác bản bia sưu tầm tại chùa Sùng Khánh xã Đông Xuyên huyện Yên Phong tỉnh Bắc Ninh.

Thác bản 1 mặt, khổ 49 x 62 cm, gồm 20 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 220 chữ, không có hoa văn, có chữ hủy: Trừ 辭.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 37 (1776).

Người soạn: không ghi.

- Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biếu dương việc thiện.
- Công văn triều đình (sắc, lệnh, chỉ dụ).
- Gia phả, lai lịch dòng họ.
- Hành trạng, công tích nhân vật.

Tóm lược nội dung:

Bia ghi ngày giỗ của gia tiên họ Hoàng, kể từ ông Tả Đô đốc, Thái bảo về hưu Hoàng Nguyễn Thoan, thụy là Tiên Chân và vợ là Chánh phu nhân họ Đỗ hiệu Thiệu Công, ngược lên 5 đời về trước, phụ thêm ông bà ngoại của 2 người. Có ghi rõ số ruộng họ tiến cúng chùa để được thờ làm Hậu phật. Phần đầu bia là nguyên văn tờ sắc phong của triều đình gia phong hai mi tự “Hùng lược” cho vị thần là Đại vương Phụ quốc Thượng tể Tiên Chân Thoan Công. Tờ sắc này đề niên đại Cảnh Hưng thứ 44 (1783).

Ghi chú: Dòng ghi niên đại bia có mâu thuẫn, vì năm Cảnh Hưng thứ 37 không thuộc năm can chi Đinh Dậu.

[Vô đề]

Kí hiệu: 1392/1393/1394/1395

Thác bản bia thôn Đông Xuyên xã Đông Lâu huyện Yên Phong phủ Từ Sơn 慈山府安豐縣東樓社東川村, sưu tầm tại chùa Sùng Khánh xã Đông Xuyên huyện Yên Phong [tỉnh Bắc Ninh].

Thác bản 4 mặt, khổ 32 x 74 cm, gồm 52 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 1500 chữ, không có hoa văn, có chữ húy: Đề 題, Trần 陳.

Niên đại: Vĩnh Thịnh thứ 2 (1706).

Người soạn: Ngô Khánh Vân 吳慶雲; chức vị: Tri huyện huyện Lương Tài.

- Chủ đề: - Xây dựng, trùng tu di tích.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Năm Quý Dậu, ông Nguyễn Thế Khoa cùng hai bà vợ là Nguyễn Thị Nạo, Nguyễn Thị Của người thôn Đông Xuyên tự xuất tiền của mua

đá thuê thợ làm mái hiên tiền đường và hai bên tam quan cho chùa Sùng Khánh. Bia ghi họ tên những người cùng tham gia đóng góp. Có bài minh 30 câu ca ngợi.

Hàm Sơn miếu/Xế thạch cầu bi kí

函山廟/砌石棹碑記

Kí hiệu: 1396/1397

Thác bản bia thôn Phú Mẫn xã Nội Trà huyện Yên Phong phủ Từ Sơn
慈山府安豐縣內茶社富閔村, sưu tầm tại miếu Hàm Sơn xã Phú
Mẫn huyện Yên Phong tỉnh Bắc Ninh.

Thác bản 2 mặt, khổ 51 x 80 cm, gồm 41 dòng chữ Hán, toàn văn ước
khoảng 1200 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Dương Hòa thứ 5 (1639).

Người soạn: Nghiêm Như Nỗ 嚴如弩, tự Phúc Tính 福性, hiệu Công
Đạo 公道.

Người viết chữ: Nguyễn Tất Thành 阮必成長; chức vị: Phủ sinh.

Người khắc: Nguyễn Đức Hải 阮德海; chức vị: Tùy Vương phủ Ngự
dụng Giám khắc thư cục Cục chánh; tước Tuấn Lộc nam.

Chủ đề: - Xây dựng, trùng tu di tích.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Ghi họ tên những người có công trong việc tu sửa miếu thôn Phú Mẫn.
Mặt sau ghi họ tên các vãi, cùng thiện nam tín nữ đóng góp tiền của
vào việc xây dựng cầu đá. Có bài minh 8 câu và bài tán 14 câu ca ngợi.

[Vô đề]

Kí hiệu: 1398/1399/1400/1400b

Thác bản bia thôn Phú Mẫn xã Nội Trà huyện Yên Phong phủ Từ Sơn
慈山府安豐縣內茶社富閔村, sưu tầm tại miếu Hàm Sơn xã Phú
Mẫn huyện Yên Phong tỉnh Bắc Ninh.

Thác bản 4 mặt, khổ 30 x 84 cm, gồm 41 dòng chữ Hán, toàn văn ước

khoảng 2000 chữ, không có hoa văn, có chữ húy: Trần 巖.

Niên đại: Chính Hòa thứ 6 (1685).

Người soạn: họ Nguyễn 阮, tự: Khúc Giang, hiệu Diệu Sơn; chức vị: Tri phủ Nghĩa Hưng.

Người viết chữ: Nguyễn Đăng Bảng 阮登榜; học vị: Hương thí trúng Tam trường khoa Tân Dậu, Phủ sinh.

Chủ đề: - Xây dựng, trùng tu di tích.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Bia ghi lại quá trình tu sửa ngôi đình thờ Đại vương ở thôn Phú Mẫn. Đình cũ vốn lợp gianh. Hương lão, chức sắc của thôn hợp bàn với ba “bản” của thôn là Trưởng bản, Tiếp bản và Hóa bản hợp sức cùng nhau tu sửa lại thành đình lợp ngói và xây gạch bao xung quanh. Năm Tân Dậu (1681) bắt đầu đắp nền, năm Nhâm Tuất (1682) đẽo gỗ, năm Quý Hợi (1683) dựng cột bắc xà, đến tháng 8 năm Giáp Tý (1684) hoàn thành toàn bộ. Sang năm nay dựng bia đá, ghi tên họ của các vị thuộc 3 bản đã đóng góp vào công việc. Có bài minh 28 câu.

Kí kị bí kị

寄忌碑記

Kí hiệu: 1401

Thác bản bia xã Tả Thanh Oai tổng Tả Thanh Oai huyện Thanh Oai phủ Ứng Hòa 應和府青威縣左青威總左青威社, sưu tầm tại chùa Tiên Linh xã Thanh Oai tổng Thanh Oai huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 41 x 58 cm, gồm 11 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 200 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Vĩnh Trị thứ 1.

Niên đại ước đoán: thời Nguyễn.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà Nguyễn Thị Thìn là vợ ông Nguyễn Văn Tiến ở xã Tả Thanh Oai tuổi đã ngoại thất tuần, nghĩ mình nữ nhân ngoại tộc, e sau này không có người thờ phụng cha mẹ, bèn xin cúng 9 sào ruộng vào chùa Hoa Xá ở bản xã xin gửi giỗ cho cha mẹ mình. Có ghi tên người và vị trí các thửa ruộng do ông bà cúng tiến.

Ghi chú: Niên hiệu “Vĩnh Trị” trên thạc bản là ngụy tạo.

Nhâm Dần niên thập nguyệt nhất quý đông lập bi

壬寅年拾月一季冬立碑

Kí hiệu: 1402

Thạc bản bia sưu tầm tại chùa xã Tả Thanh Oai tổng Thanh Oai huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thạc bản 1 mặt, khổ 42 x 50 cm, gồm 15 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 150 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Nhâm Dần.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà Nguyễn Thị Tường do không có con trai nối dõi, đã cúng 1 mẫu ruộng vào chùa Đức Lâm gửi giỗ cho bản thân cùng hai người con gái. Bia ghi họ tên, húy hiệu, ngày giỗ, các xứ ruộng.

Kí kị bi kí

寄忌碑記

Kí hiệu: 1403

Thạc bản bia xã Tả Thanh Oai tổng Tả Thanh Oai huyện Thanh Oai phủ Ứng Hòa 應和府青威縣左青威總左青威社, sưu tầm tại chùa Tiên Linh xã Tả Thanh Oai tổng Thanh Oai huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thạc bản 1 mặt, khổ 33 x 51 cm, gồm 13 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 400 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 15.

Niên đại ước đoán: thời Nguyễn.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà Nguyễn Thị Pháo người thôn Đức Lâm cúng vào chùa Tiên Linh 5 sào 10 thước ruộng để gửi giỗ cho cha đẻ, cha chồng và 4 người trong gia đình. Bà Đoàn Thị Phiến cúng 2 sào 4 thước ruộng gửi giỗ cho chồng. Ghi họ tên từng người được gửi giỗ và tên các xứ ruộng.

Ghi chú: Ba chữ “Lê Cảnh Hưng” trên thác bản là ngụy tạo.

Bùi tự tu tạo

裴寺修造

Kí hiệu: 1404/1405

Thác bản bia sưu tầm tại chùa Bùi xã Tả Thanh Oai tổng Thanh Oai huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 31 x 50 cm, gồm 14 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 120 chữ, không có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 22 (1761).

Người soạn: Nguyễn Chí Liên 阮致蓮, tự Pháp Hải; nhà sư.

Người khắc: tên tự Mậu Công.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Ông Lưu Thạch Tuyên và vợ bà Ngô Thị Suy, người bản xã cúng 10 quan tiền cùng 1 sào ruộng để sửa chữa thượng điện, tiền đường và tô tượng Phật ở chùa Bùi. Ông bà được bầu làm Hậu phật.

Tư dã phù

思也夫

Kí hiệu: 1406

Thác bản bia xã Tả Thanh Oai huyện Thanh Oai phủ Ứng Hòa 應和府
青威縣左青威社, sưu tầm tại chùa Linh Am xã Tả Thanh Oai tổng
Thanh Oai huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 32 x 42 cm, gồm 8 dòng chữ Hán, toàn văn ước
khoảng 100 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: không ghi.

Niên đại ước đoán: thời Nguyễn.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà Nguyễn Thị Minh không có con nên cúng 5 sào 10 thước ruộng
vào chùa xin gửi giỗ cho bản thân và phối thờ cha mẹ.

Ghi chú: Bia còn thiếu mặt sau.

Tồn trữ bất vong

存著不忘

Kí hiệu: 1407

Thác bản bia sưu tầm tại chùa Linh Am xã Tả Thanh Oai huyện
Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 29 x 45 cm, gồm 11 dòng chữ Hán, toàn văn ước
khoảng 70 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Vĩnh Trị.

Niên đại ước đoán: thời Nguyễn.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà Trần Thị Cẩn gửi giỗ cho cha mẹ mình và chồng vào chùa Tiên

Linh. Có ghi ngày giỗ và nghi thức phẩm vật cúng giỗ.

Ghi chú: Hai chữ “Vĩnh Trị” trên thác bản là nguy tạo. Có dấu hiệu bôi xóa học vị đời Nguyễn.

Tiên Linh tự

仙靈寺

Kí hiệu: 1408

Thác bản bia tổng Thanh Oai huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông, sưu tầm tại chùa Tiên Linh xã Tả Thanh Oai.

Thác bản 1 mặt, khổ 25 x 40 cm, gồm 6 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 60 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Vĩnh Hựu.

Niên đại ước đoán: thời Nguyễn.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hâu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà Nguyễn Thị Bốn cúng 20 (đồng ?) tiền và 1 sào 5 thước ruộng vào chùa Tiên Linh xin gửi giỗ cho bản thân và 1 người con gái. Ghi quy định phẩm vật cúng vào ngày giỗ.

Ghi chú: Niên hiệu “Vĩnh Hựu” trên thác bản là nguy tạo, có vết dập xóa.

Tồn trữ bất vong

存著不忘

Kí hiệu: 1409

Thác bản bia sưu tầm tại chùa Tiên Linh xã Tả Thanh Oai tổng Thanh Oai huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 29 x 45 cm, gồm 7 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 60 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: không ghi.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Con gái là Nguyễn Thị E cúng 4 sào 10 thước ruộng vào chùa Tiên Linh để gửi giỗ cho cha mẹ là Ông Nguyễn Văn Trứ cùng vợ là Nguyễn Thị Hạnh. Có ghi quy định về cúng giỗ.

[Vô đề]

Kí hiệu: 1410/1411/1412

Thác bản bia thôn Đức Lâm xã Tả Thanh Oai huyện Thanh Oai phủ Ứng Thiên 應天府青威縣左青威社德林村, sưu tầm tại chùa Linh Am xã Tả Thanh Oai tổng Thanh Oai huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 3 mặt, khổ 28 x 55 cm và 50 x 58 cm, gồm 24 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 900 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Chính Hòa thứ 14 (1693).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

- Hành trạng, công tích nhân vật.

- Sinh hoạt làng xã.

- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Bà Tường Thị Chợ trước đây đã từng nhiều lần được tôn bầu làm Hậu thần, Hậu phật. Nay chùa Linh Am bị đốt nát, bà lại xuất 100 quan tiền sử và một số ruộng giao cho 2 giáp Đông và Tây của thôn dùng để tu sửa chùa. Bà được bản thôn tôn bầu Hậu phật, cam kết các nghi thức thể lệ cúng giỗ cho bà và thân phụ. Phần còn lại của bia khắc văn bản của quan viên hương lão các giáp, thôn thuộc xã Yên Nội huyện Yên Sơn phủ Quốc Oai lập từ năm Chính Hòa thứ 8 (1687) tôn bầu Hậu thần cho bà Tường Thị Chợ và quy định những thể thức cúng giỗ cho bà và thân phụ của bà, vì bà đã có công cúng 150 quan tiền cổ và số ruộng tương đương lượng thu hoạch 150 gánh lúa cho xã, để xã lo ứng nộp quan trên trong vụ xã có người phạm tội.

Kí kị bì kị

寄忌碑記

Kí hiệu: 1413

Thác bản bia thôn Hạ xã Định Công tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Nội 河內省青池縣姜亭總定功社下村, sưu tầm tại nhà thờ họ Trịnh xã Định Công tổng Khương Đình huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 39 x 62 cm, gồm 14 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 300 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Chính Hòa thứ 15.

Niên đại ước đoán: thời Nguyễn.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biêu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Bà Trịnh Thị Phúc người thôn Hạ lấy chồng người Quảng Đông (Trung Quốc). Nay hai con gái của bà là Quan Thị Thường, Quan Thị Huy cũng vào nhà thờ họ Trịnh ở quê mẹ 3 sào ruộng để gửi giỗ cho mẹ. Gia tộc họ Trịnh lập văn bản nhận ruộng và cam kết về nghi lễ cúng giỗ rồi khắc bia để lưu truyền.

Ghi chú: Niên hiệu “Chính Hòa” trên thác bản là ngụy tạo.

Tiên Linh tự

仙靈寺

Kí hiệu: 1414

Thác bản bia thôn Hoa Xá xã Tả Thanh Oai tổng Tả Thanh Oai huyện Thanh Oai phủ Ứng Hòa 應和府青威縣左青威社花舍村, sưu tầm tại chùa Tiên Linh xã Tả Thanh Oai tổng Thanh Oai huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 31 x 50 cm, gồm 9 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 70 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: không ghi.

Niên đại ước đoán: thời Nguyễn.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Bà Nguyễn Thị Lý cúng 40 quan tiền xanh cùng 3 sào ruộng vào chùa Tiên Linh xin gửi giỗ cho bản thân và mẹ. Ghi quy định về cúng giỗ và vị trí các thửa ruộng.

Thạch bi kí

石碑記

Kí hiệu: 1415

Thác bản bia xóm Phúc Lâm xã Tả Thanh Oai huyện Thanh Oai 青威縣左青威社福林懺, suru tâm tại chùa Tiên Linh xã Tả Thanh Oai tổng Thanh Oai huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 40 x 57 cm, gồm 12 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 200 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Không ghi.

Niên đại ước đoán: thời Nguyễn, sau năm 1831.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà Nguyễn Thị Thìn, người thôn Nguyên Khiết tổng Phúc Lâm huyện Thọ Xương tỉnh Hà Nội cúng 30 quan tiền cùng 3 sào 10 thước ruộng vào chùa Búi xóm Phúc Lâm để gửi giỗ cho cha mẹ. Có ghi vị trí các thửa ruộng.

Hậu phật bi kí

後佛碑記

Kí hiệu: 1416/1417/1418

Thác bản bia thôn Yên Định xã Nghĩa Lộ huyện Từ Liêm phủ Quốc

Oai 國威府慈廉縣義路社安定村, sưu tầm tại chùa xã Nghĩa Lộ
tổng La Nội huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 3 mặt, khổ 42 x 55 cm và 19 x 55 cm, gồm 21 dòng chữ Hán,
toàn văn ước khoảng 700 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 12 (1751).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Vào năm Tân Tị, ông Phan Đăng Luân cùng hai người vợ cúng cho xã
23 quan tiền, 2 mẫu ruộng và 1 rưởi ao nên được bàu Hậu phạt tại
chùa Bảo An. Bia khắc bản giao ước và quy định về việc cúng giỗ.

Đông Lao tự thiên đài kí

東牢寺天臺記

Kí hiệu: 1419/1420/1421/1451

Thác bản cột hương đá sưu tầm tại chùa xã Đông Lao tổng Thượng Ốc
huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 4 mặt, khổ 20 x 92 cm, gồm 14 dòng chữ Hán, toàn văn ước
khoảng 320 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Chính Hòa thứ 2 (1681).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Xây dựng, trùng tu di tích.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Ông Chánh Đội trưởng Đinh Lộc hầu Hoàng Văn Tá người xã Hộ Xá
huyện Chí Linh xứ Hải Dương và vợ là Trần Thị Ngọc Liêu góp
công tu tạo chùa Đông Lao và dựng cột đá Thiện đài để thờ cúng
Thượng Đế. Có bài tán.

Hậu thần bi kí

後神碑記

Kí hiệu: 1422

Thác bản bia sru tằm tại chùa xã Mai Dịch huyện Từ Liêm tổng Dịch Vọng tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 57 x 110 cm, gồm 17 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 600 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 31 (1770).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Các điều lệ quy định về việc thờ phụng ở từ đường họ Lê, như bố trí sắp xếp 3 gian thờ vợ chồng ông Thiêm sự Thọ Sơn hầu họ Lê và các con cùng nhạc phụ nhạc mẫu của ông; ghi lại những ngày giỗ, phẩm vật cúng giỗ cùng các thửa ruộng dùng để cúng giỗ và sửa chữa từ đường.

Ghi chú: Đây là thác bản mặt sau của một tấm bia hai mặt.

Cung phụng bi kí

恭奉碑記

Kí hiệu: 1423

Thác bản bia xã Mai Dịch huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai 國威府慈廉縣梅驛社, sru tằm tại đình xã Mai Dịch tổng Dịch Vọng huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 46 x 72 cm, gồm 16 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 700 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 21 (1760).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Ông Trung bá Nguyễn Đình Bảng và vợ là Nguyễn Thị Bào xuất 24 quan tiền cổ giúp cho giáo phường giáp Đông Hạ chi dùng việc quan. Giáo phường thuận tình làm bản giao ước đặt lệ mới, giảm lệ cửa đình cho xã Mai Dịch từ 4 quan 2 mạch tiền cổ và 12 mâm cỗ, xuống chỉ còn 9 tiền cổ và 4 mâm cỗ. Có quy định số tiền chi châu hát, xông đình... theo lệ mới.

Hậu thần bi kí

後神碑記

Kí hiệu: 1424

Thác bản bia giáp Đông Nhất xã Mai Dịch huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai xứ Sơn Tây 山西處國威府慈廉縣梅驛社東一甲, suru tầm tại am xã Mai Dịch tổng Dịch Vọng huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 58 x 98 cm, gồm 16 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 700 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: không ghi.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Năm Giáp Tí, vợ chồng bà Nguyễn Thị Nghi cúng 85 quan tiền cho bản giáp sửa chữa chùa Thánh Chúa cùng 2 mẫu 1 sào ruộng làm nhà thờ họ. Bản xã thuận tình bầu cha mẹ của bà làm Hậu thần. Ghi họ tên và ngày giỗ của hai vị Hậu thần cùng các thể lệ cúng giỗ hàng năm.

Hậu phật bi kí

後佛碑記

Kí hiệu: 1425/1426

Thác bản bia xã Đông Lao huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai 國威府慈廉

縣東牢社, suru tâm tại đình xã Đông Lao tổng Thượng Ốc huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 50 x 92 cm, gồm 2 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 1600 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 9 (1748).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bâu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Bà Nguyễn Thị Siêu xuất tiền và ruộng giúp xã chi phí trong việc kiện tụng, bản xã thuận tình bâu hai vợ chồng bà làm Hậu phật ở chùa Hưng Phúc. Có quy định thể lệ cúng tế, các thừa ruộng cúng và bài minh 18 câu.

Thiện sĩ hưng công/Hưng Phúc tự bi/Tu tạo tập phúc/Chi kí
善仕興功/興福寺碑/修造集福/之記

Kí hiệu: 1427/ 1428/1429/1430

Thác bản bia xã Đông Lao huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai 國威府慈廉縣東牢社, suru tâm tại đình xã Đông Lao tổng Thượng Ốc huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 4 mặt, khổ 35 x 100 cm, gồm 37 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 900 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Vĩnh Thịnh thứ 4 (1708).

Người soạn: họ Lê 黎; học vị: Tiến sĩ khoa Đinh Sửu; chức vị: Giám sát Ngự sử xứ Sơn Tây.

Người viết chữ: Phạm Khoan Nhân 范寬仁, tự Đạo Trung; nhà sư.

Người khắc: Nguyễn Quang Minh 阮光明.

Chủ đề: - Lịch sử di tích.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Quá trình xây dựng thượng điện, thiêu hương, trùng tu chùa Hưng Phúc vào năm Đinh Hợi (1707). Ghi lịch sử, địa lý của chùa và tên các thiện nam tín nữ có công đóng góp vào việc trùng tu.

Hậu phật bi kí

候佛碑記

Kí hiệu: 1431/1432

Thác bản bia xã Đông Lao huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai 國威府慈廉縣東牢社, sưu tầm tại đình xã Đông Lao huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 52 x 90 cm, gồm 29 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 700 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Bảo Thái thứ 8 (1727).

Người viết chữ: Trần Thái Tượng 陳泰象.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Bà Nguyễn Thị Điền hiệu Diệu Minh, người bản xã trước đây đã từng cúng tiền để tạc tượng và tu sửa chùa của xã. Nay xã bị người kiện, bà lại giúp xã 20 quan tiền cổ để chi dùng và cúng 10 sào ruộng để thờ phụng. Bà được dân xã bầu làm Hậu phật và tạc tượng thờ ở chùa Tịnh Vực. Ghi thể lệ cúng giỗ và số ruộng do bà cúng tiền.

Sáng kiến Nguyễn lệnh công/Hậu thần sinh từ chi bi/

San lưu bản xã ân nghĩa/Cung tế tự chi kí

創建阮令公/後神生祠之碑/刊留本社恩義/供祭祀之記

Kí hiệu: 1433/ 01434/1435/1436

Thác bản bia xã Đông Lao huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai 國威府慈廉縣東牢社, sưu tầm tại đình xã Đông Lao tổng Thượng Ốc huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 4 mặt, khổ 71 x 132 cm, gồm 102 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 500 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Cảnh Trị thứ 7 (1669).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Hành trạng, công tích nhân vật.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Tả Đô đốc Kiêm Quận công Nguyễn Minh Triều, người bản xứ là người tài giỏi, nhân đức, có công đánh giặc biên cương. Ông lại cúng cho xã 9 mẫu ruộng, 200 quan tiền để tu sửa ngôi đình cũ nhỏ hẹp thành ngôi đình mới hình chữ “công” quy mô to đẹp, đồng thời cấp thêm 4 mẫu nữa làm nghĩa điền. Ông được dân xã Đông Lao bầu làm Hậu thân và lập sinh từ thờ phụng ông đồng thời phối thờ cha mẹ ông.

Thù ân bi kí/Bản xã minh ước/Nghi tiết tế văn/Phụng sự tế điền

壽恩碑記/本社銘約/儀節祭文/奉事祭天

Kí hiệu: 1437/1438/1439/1440

Thác bản bia xã Đông Lao huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai 國威府慈廉縣東牢社, suu tầm tại văn chỉ xã Đông Lao tổng Thượng Ốc huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 4 mặt, khổ 69 x 138 cm, gồm 72 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 3000 chữ, không có hoa văn, có chữ hủy: Cừ 毀, Đề 題.

Niên đại: Chính Hòa thứ 21 (1699).

Người soạn 1: Nguyễn [Quán Nho] 阮冠儒, tên hiệu: Giản Trai; quê quán: xã Văn Hà huyện Thụy Nguyên phủ Thiệu Thiên; học vị: Tiến sĩ khoa Đinh Mùi (1667); chức vị: Bồi tụng, Ngự sử đài Đô ngự sử; tước Hương Giang tử 香江子.

Người soạn 2: Trần [Thế Vinh] 陳世榮, hiệu Nhân Trai; quê quán: xã Phong Châu, huyện Tiên Phong phủ Tam Đái; học vị: Tiến sĩ khoa Canh Tuất (1670); chức vị: Bồi tụng, Binh bộ Tả Thị lang; tước Phong Linh nam 豐嶺男.

Người viết chữ: Nguyễn Hữu Nhân 阮有仁; học vị: Thụ toán khoa Bính Dần; chức vị: Đô lại.

Chủ đề: - Bàu Hàu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Hành trạng, công tích nhân vật.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Đô đốc Thơm Quận công họ Nguyễn tự Hiệp Cung là người tài giỏi có công giúp vua đánh giặc. Sinh thời, ông đã cấp cho bản xã 1000 quan tiền và 90 sào ruộng. Nay bà chính thất cùng các con cháu của ông lại cúng cho dân 890 quan thanh tiền và 40 sào ruộng. Dân xã tôn bàu ông làm Phúc thần phối hưởng với vị Bản thổ đại vương. Ghi các quy định về nghi thức tế lễ, mẫu văn tế và vị trí các thửa ruộng do ông ban cấp.

Đại Bi tự hậu đường phụng sự Nguyễn tướng công bi kí tịnh minh

大悲寺后堂奉事阮將公碑記并銘

Kí hiệu: 1441/1446/1447/1448

Thác bản bia sưu tầm tại từ đường xã Đông Lao tổng Thượng Ốc huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 4 mặt, khổ 62 x 122 cm, gồm 55 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 2000 chữ, không có hoa văn, có chữ húy: Đề 題, Trừ 辭.

Niên đại: Chính Hòa thứ 2 (1681).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Quan Trấn thủ, Đề lãnh Liêm Quận công Nguyễn Công Triều, người bản xứ, do có công giúp vua đánh giặc được phong Quận công. Ông xuất tiền của tu sửa chùa Đại Bi, nên được nhân dân lập sinh từ ở hậu đường chùa Đại Bi phụng thờ. Có bài minh 10 câu ca ngợi công đức của ông. Phụ chép tên một số quan viên, chức sắc có công đóng góp vào chùa.

Đại tướng quân Thiếu bảo công huân đức bi kí

大將軍少保公勳德碑記 Kí hiệu: 1442/1443/1444/1445

Thác bản bia xã Đông Lao huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai 國威府慈廉縣東牢社, suru tâm tại nhà thờ Đại vương xã Đông Lao tổng Thượng Ốc huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 4 mặt, khổ 71 x 127 cm, gồm 40 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 2000 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Chính Hòa thứ 8 (1687).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
 - Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Tóm tắt tiểu sử vị thần Liêm trực Hùng nghị Đại vương. Ông nguyên là Đặc tiến Phụ quốc Thượng tướng quân, Trung quân Đô đốc phủ Tả đô đốc, Thiếu bảo, Kiêm Quận công Nguyễn Công Triều, người xã Đông Lao, người có công lao với nước trong việc trấn giữ biên cương, lại trợ giúp cho dân Đông Lao xây chùa, dựng miếu, đúc chuông, làm đình, xin giảm tô thuế, cấp ruộng đất. Ông được dân làng thờ phụng.

Thiên Hưng tự tạo chú hồng chung lâu các

天興寺造鑄洪鍾樓閣

Kí hiệu: 1449/ 01450

Thác bản bia xã La Phù huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai 國威府慈廉縣羅浮社, sưu tầm tại chùa Thiên Hưng xã La Phù huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 114 x 150 cm, gồm 38 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 2500 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Vĩnh Trị thứ 2 (1677).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Chùa Thiên Hưng vốn chưa có chuông và gác chuông, do vậy Phó Cai đội Bích Triều hầu Hà Kim Bảng người phường Đông Tác huyện Thọ Xương phủ Phụng Thiên Trung Đô và phu nhân Trịnh Thị Xuân đứng ra cùng thiện nam tín nữ 3 xã La Phù, La Dương, Ngải Cầu huyện Từ Liêm tiến hành đúc quả chuông đồng và xây dựng gác chuông. Ghi lại họ tên, địa chỉ của các thiện nam tín nữ có công trong việc này.

Ghi chú: Mặt sau bia ghi năm Mậu Ngọ, tức năm Vĩnh Trị thứ 3 (1678).

Hiển linh từ Hậu thần bi kí/Nhất xã thôn Hậu phật sự lệ

顯靈祠後神碑記/壹社村後佛事例

Kí hiệu: 1452/1453/1454/1455

Thác bản bia xã Lại Yên 賴安社, sưu tầm tại đền Hiển Linh xã Lai An tổng Đắc Sở huyện Đan Phượng tỉnh Hà Đông.

Thác bản 4 mặt, khổ 91 x 108 cm và 48 x 105 cm, gồm 74 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 2800 chữ, có hoa văn, có chữ hý: Đề 題, Cừ 祀.

Niên đại: Long Đức thứ 3 (1734).

Người soạn: Phạm [Khiêm Ích] 范謙益, hiệu Khê Phủ 契甫; quê quán:

xã Bảo Triện huyện Gia Định, Thuận Thành; học vị: Tiến sĩ khoa Canh Dân (1710); chức vị: Binh bộ Thượng thư, Thiếu bảo, Thuật Quận công.

Người viết chữ: Trịnh Thế Khoa 鄭世科; chức vị: Thị nội Thư tả.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Hành trạng, công tích nhân vật.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Ông Nhĩ Lộc hầu là người bản xã vào năm Quý Sửu cúng 246 quan tiền để xây tiền đường ngôi đền thờ Phạm công của xã; đến năm Tân Hợi cấp 96 quan tiền và năm Quý Sửu lại cúng 205 quan tiền thuế tô dung và các khoản tiền khác để giao cho xã dùng vào các việc xây nhà, nộp thuế, mua quyền hát cửa đình, đắp đê... Dân xã đồng lòng bầu ông làm Hậu thân Hậu phật. Có quy định về thể lệ biểu lễ vào các ngày tế lễ và cúng giỗ sau khi mất.

Phạm công gia phả bi kí

范公家譜碑記

Kí hiệu: 1456/1457/1458/1459

Thác bản bia xã Lại Yên huyện Đan Phượng phủ Quốc Oai trấn Sơn Tây 山西鎮國威府丹鳳縣賴安社, sưu tầm tại đền Hiền Linh xã Lại Yên tổng Đắc Sở huyện Đan Phượng tỉnh Hà Đông.

Thác bản 4 mặt, khổ 84 x 108 cm và 50 x 108 cm, gồm 50 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1500 chữ, có hoa văn, không có chữ huy.

Niên đại: Long Đức thứ 3 (1734).

Người soạn: Nguyễn Trọng Dung 阮仲容; quê quán: Đường Hào, Hồng Châu; chức vị: Nho sinh.

Người viết chữ: Trịnh Thế Khoa 鄭世科; quê quán: xã Hạ Thanh Oai huyện Thanh Oai; chức vị: Thị nội Thư tả.

Chủ đề: - Gia phả, lai lịch dòng họ.
- Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

- Hành trạng, công tích nhân vật.

Tóm lược nội dung:

Gia phả ông họ Phạm; tước Nhĩ Lộc hầu, người bản xã. Thân phụ là Nguyễn Đỗ tự Viết Tiên, thân mẫu là Phạm Thị Thâu. Ông bà sinh được 4 trai 2 gái, ông là con thứ 2. Phạm công sinh năm Giáp Tuất, đổi theo họ mẹ, hồi đầu theo hầu Chúa, năm 32 tuổi phụng hầu Vương mẫu Thái phi, sau thăng Đề điểm, Tả Thiếu giám, đến năm ông 52 tuổi, được thăng chức Thiếu phó, làm Trấn thủ Sơn Tây. Ông được bầu làm Hậu phạt, đã cúng cho xã 4 mẫu 6 sào ruộng để chi phí cho việc cúng giỗ cha mẹ. Có ghi lại họ tên, húy hiệu ngày giỗ, phân mộ tổ tiên hai bên nội ngoại của ông.

[Vô đề]

Kí hiệu: 1460/1461

Thác bản bia sưu tầm tại đền Hiền Linh xã Lại Yên tổng Đắc Sở huyện Đan Phượng tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 80 x 121 cm, gồm 47 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 1200 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 15 (1754).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Sinh hoạt làng xã.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Bia ghi chép số ruộng đất, số tiền mà vị Hậu đã cúng cho dân các xã Lại Yên, Hương Bảng huyện Đan Phượng; Minh Cảo, Vân Canh huyện Từ Liêm và Hoàng Xá ở huyện Yên Sơn cùng các điều quy định về lệ biểu các dịp lễ tết, lệ cúng giỗ của các xã thôn đối với vị Hậu. Mặt sau bia là bài thơ Nôm ngự chế đề năm Canh Thân, ban cho vị Hậu khen ngợi công lao đối với triều đình.

Ghi chú: Than khảo thác bản bia số 1458.

Huệ Linh từ Hậu thần bi văn/Tam xã thôn Hậu Phật sự lệ

惠靈祠後神碑文/三社村後佛事例

Kí hiệu: 1462/1463/1464/1465

Thác bản bia xã Lại Yên 賴安社, sưu tầm tại đền Huệ Linh xã Lại Yên tổng Đắc Sở huyện Đan Phượng tỉnh Hà Đông.

Thác bản 4 mặt, khổ 81 x 118 cm và 57 x 114 cm, gồm 73 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 3000 chữ, có hoa văn, không có chữ huy.

Niên đại: Vĩnh Thịnh thứ 9 (1713).

Người soạn: Nguyễn [Công Hăng] 阮公沆, hiệu Ôn Phủ 溫甫; quê quán: xã Phù Chẩn huyện Đông Ngàn phủ Từ Sơn, Kinh Bắc; học vị: Tiến sĩ khoa Canh Thìn (1700); chức vị: Bồi tụng, Phụng Thiên Phủ doãn, Thị nội Thư tả Bình phiên.

Người nhuận sắc: Nguyễn [Quý Đức] 阮貴德; học vị: Thám hoa khoa Bính Thìn (1676); chức vị: Tham tụng, Bình bộ Thượng thư, Đông các Đại học sĩ, Thiếu bảo; tước Liêm Đường hầu.

Người viết chữ: Hoàng Công Tuấn 黃公濬; học vị: Thi toán khoa Mậu Dần; chức vị: Thị nội Thư tả, Bộ binh phiên; tước Nhuận Phương nam.

Người khắc: Ngô Hữu Lộc; quê quán: xã Từ Trầm.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Hành trạng, công tích nhân vật.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Tổng Thái giám Tắc Quận công họ Phạm, người xã Lại Yên làm quan hầu cận Chúa Chiêu tổ Khang Vương, được triều đình nhân sùng, đã cúng tiền và ruộng cho dân 3 xã Lại Yên, Hương Bảng và Tiền Lệ, nên được dân của 3 xã này bầu làm Hậu Phật. Có ghi vị trí, diện tích các thửa ruộng do ông ban cấp và nghi thức cúng giỗ hàng năm.

Ghi chú: Xem thêm các thác bản bia số 1466, 1467, 1468, 1469.

Phạm công gia phả bi kí

范公家譜碑記

Kí hiệu: 1466/1467/1468/1469

Thác bản bia xã Lại Yên huyện Đan Phượng phủ Quốc Oai Sơn Tây
山西國威府丹鳳縣賴安社, sưu tầm tại đền Huệ Linh xã Lại Yên
tổng Đắc Sở huyện Đan Phượng tỉnh Hà Đông.

Thác bản 4 mặt, khổ 55 x 97 cm, gồm 41 dòng chữ Hán, toàn văn ước
khoảng 750 chữ, có hoa văn, không có chữ huy.

Niên đại: Vĩnh Thịnh thứ 9 (1713).

Người soạn: Nguyễn [Công Hằng] 阮公沆, hiệu Ôn Phủ 溫甫; quê
quán: xã Phù Chân huyện Đông Ngàn phủ Từ Sơn, Kinh Bắc; học
vị: Tiến sĩ khoa Canh Thìn (1700); chức vị: Bồi tụng, Phụng Thiên
Phủ doãn, Thị nội Thư tả Bình phiên.

Người nhuận sắc: Nguyễn [Quý Đức] 阮貴德; học vị: Thám hoa khoa
Bính Thìn (1676); chức vị: Tham tụng, Bình bộ Thượng thư, Đông
các Đại học sĩ, Thiếu bảo; tước Liêm Đường hầu.

Người viết chữ: Hoàng Công Tuấn 黃公濬; học vị: Thi toán khoa
Mậu Dần; chức vị: Thị nội Thư tả, Bộ binh phiên; tước Nhuận
Phương nam.

Người khắc: Ngô Hữu Lộc; quê quán: xã Từ Trầm.

Chủ đề: - Gia phả, lai lịch dòng họ.
- Hành trạng, công tích nhân vật.

Tóm lược nội dung:

Tiểu sử Phạm công; tước Tắc Trung hầu. Ông sinh năm Mậu Tuất đời
theo họ mẹ, bố là Nguyễn Tròn tự Phúc Diễn, mẹ là Phạm Thị Đài
hiệu Từ Nhan. Năm 19 tuổi được vào hầu hạ trong cung của Chiêu
Tổ Khang vương. Từ đó làm quan đến chức Tổng Thái giám. Bia
khắc gia phả dòng họ Phạm, ghi họ tên, húy hiệu, phần mộ, ngày
giỗ của từng người trong họ, từ Cao tổ khảo đến Hiển tỷ.

Ghi chú: Xem thêm các thác bản bia số 1462, 1463, 1464, 1465.

[Vô đề]

Kí hiệu: 1470

Thác bản bia sưu tầm tại chùa xã Lại Yên huyện Đan Phượng tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 28 x 95 cm, gồm 1 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 35 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Long Đức thứ 1 (1732).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Ghi lại việc Thái giám Kí Thọ hầu Phạm Nguyễn Lập tu sửa thánh điện và gác chuông cho chùa xã Lại Yên vào năm Long Đức thứ 1.

Ngạ Phúc thiên tự bi kí/Cúng tự đẳng tiết sự lệ

迺福禪寺碑記/供祀等事例 Kí hiệu: 1471/1472/1473/1474

Thác bản bia xã Lại Yên huyện Đan Phượng phủ Quốc Oai đạo Sơn Tây 山西道國威府丹鳳賴安社, sưu tầm tại chùa xã Lại Yên huyện Đan Phượng tỉnh Hà Đông.

Thác bản 4 mặt, khổ 70 x 130 cm và 33 x 118 cm, gồm 33 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1000 chữ, có hoa văn, có chữ hý: Đề 題.

Niên đại: Long Đức thứ 3 (1734).

Người soạn: Nguyễn Đình Luân 阮廷掄; chức vị: Thị nội Thư tả Hộ phiên.

Người viết chữ: Phạm Đức Vượng 范德旺; chức vị: Thị nội Thư tả, Lễ phiên, Huyện thừa.

Chủ đề: - Bâu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Lịch sử di tích.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Chùa xã Lại Yên là do vị công chúa triều Trần dựng nên, nguyên xưa tên là chùa Phúc Nha. Chùa trải lâu năm nên bị hư hỏng nhiều. Nay có ông Tổng Thái giám Kí Thọ hầu Phạm Nguyễn Lập cúng 3000 quan tiền, 2 vạn học thóc để sửa sang chùa và đổi lại tên chùa là Ngạ Phúc. Ông lại cúng ruộng tế điền cho 10 giáp trong xã và hội lão để gửi giỗ cho bổ cùng bản thân, để được cúng giỗ ở chùa và đền. Ở hai mặt bên của bia ghi vị trí các thửa ruộng và thể lệ cúng giỗ. Có bài minh 8 câu và đôi câu đối.

Công đức Phúc Nha tự bi

功德福衙寺碑

Kí hiệu: 1475

Thác bản bia xã Lại Yên 賴安社, sưu tầm tại chùa Lại Yên tổng Đắc Sở huyện Đan Phượng tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 42 x 63 cm, gồm 21 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 550 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Thịnh Đức thứ 3 (1655).

Người viết chữ: họ Nguyễn 阮; chức vị: Trung thư giám Chính tự.

Chủ đề: - Bâu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Ông Đồng Tri phủ phủ An Bình Nguyễn Vĩnh Niên, tên tự Đức Triều, tên hiệu Đạo Lâm và các cháu cúng một mẫu ruộng cho chùa Phúc Nha để canh tác làm lễ cúng Phật. Có bài minh 26 câu ca ngợi công đức.

Hương lão phụng tự bi kí

鄉老奉祀碑記

Kí hiệu: 1476/ 1516

Thác bản bia xã Lại Yên huyện Đan Phượng phủ Quốc Oai 國威府丹

鳳縣賴安社, sưu tầm tại chùa xã Lại Yên tổng Đắc Sở huyện Đan Phượng tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 57 x 83 cm, gồm 35 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 900 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Đức Long thứ 7.

Niên đại ước đoán: thời Nguyễn.

Người soạn: Phạm Thọ Vĩ 范壽偉; học vị: Nho sinh.

Người viết chữ: Phạm Thọ Vĩ 范壽偉; học vị: Nho sinh.

Người khắc: Lê Danh Vũ 黎名武; quê quán: xã Long Châu.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Văn bia gồm ba bộ phận được khắc vào các thời gian khác nhau. Lần khắc đầu, gồm toàn bộ mặt thác bản 1516 và 3 bộ phận chữ bố trí cách nhau trên mặt 1476. Nội dung phần này chép sự việc ông Tri phủ phủ Trường Khánh là Phạm Nhân Trí cùng vợ cả, đã cúng 10 quan tiền cổ và 2 mẫu 2 sào ruộng cho xã nên được bầu làm Hậu của hội hương lão, có ghi đầy đủ vị trí các thửa ruộng và những cam kết cụ thể về nghi thức, lễ vật, cách phân phối lễ vật trong 2 kì giỗ của ông bà. Lần khắc này có ghi tên người soạn và viết văn bia. Lần khắc thứ 2, ghi việc bà vợ lẽ (thứ thê) hiệu Diệu Nghĩa của ông Tri phủ xin cúng tiền và ruộng để gửi giỗ. Lần khắc bổ sung này, có ghi niên đại ở dòng cuối của đoạn văn, nhưng đã bị đục tạo thành “Hoàng triều [Đức] Long vạn vạn niên chi [thất] tuế cốc đán”. Lần khắc thứ 3, bà vợ thứ ba (thứ thiếp) của ông Tri phủ là Phạm Thị Nghiệt có lời thưa với lão làng rằng, vào năm xưa (thượng thượng niên), chồng của bà đã nhờ được dân làng hàng năm cúng tế, riêng bà là vợ lẽ nên chưa được dự vào. Nay bà xin cúng tiền và ruộng để xin hội lão hàng năm cúng lễ cho vào ngày sinh nhật và ngày giỗ sau này. (Thời gian của sự kiện này cũng được khắc ở dòng đầu đoạn 3, nhưng trên thác bản cũng bị đục tạo xóa đi hai chữ niên hiệu: “□□ thập tam niên tam nguyệt sơ cửu nhật”).

Ghi chú: Thác bản có dấu hiệu tẩy xóa sửa chữa ngẫu tạo về niên đại.

[Vô đề]

Kí hiệu: 1477

Thác bản bia thôn Xa La xã Trung Thanh Oai tổng Thượng Thanh Oai huyện Thanh Oai phủ Ứng Hòa 應和府青威縣上青威總中青威社車羅村, sưu tầm tại chùa xã Xa La tổng Thanh Oai huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 48 x 59 cm, gồm 13 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 350 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: không ghi.

Niên đại ước đoán: thời Nguyễn.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Tháng 3 năm Nhâm Ngọ (1882) tinh thành thất thủ, giặc giả nổi lên cướp phá khắp nơi, dân xã bèn hợp lực với các thôn xã khác, như An Xá, Quang Liệt, Lê Xá... chống lại chúng. Đến năm Quý Mùi (1883) chúng lại nổi lên, trong cuộc đánh dẹp này, có hai người trong thôn là Nguyễn Đình Năng và Nguyễn Vi Thừa tử trận. Dân xã thấy hoàn cảnh hai người cha mẹ mất cả, các con còn nhỏ, bèn trích ra cho mỗi người 1 sào ruộng gửi vào chùa để cúng giỗ họ hàng năm.

Ghi chú: Thác bản trùng bản số 24174.

[Vô đề]

Kí hiệu: 1478

Thác bản bia thôn Xa La xã Trung Thanh Oai tổng Thượng Thanh Oai huyện Thanh Oai phủ Ứng Hòa 應和府青威縣上青威總中青威社

車羅村, sưu tầm tại chùa xã Xa La tổng Thanh Oai huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 45 x 60 cm, gồm 12 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 200 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: không ghi.

Niên đại ước đoán: thời Nguyễn.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà Vũ Thị Giáp, người thôn Vĩnh Xương huyện Thọ Xương cúng 150 quan tiền, để thôn sửa chữa miếu thôn Xa La, lại giao 9 sào ruộng để xin gửi giỗ cho bản thân và cha mẹ. Ghi thể lệ cúng và vị trí các thửa ruộng.

Hậu thần đồng thôn giao ước bí kí

后神全村約文碑記

Kí hiệu: 1479

Thác bản bia thôn Xa La xã Trung Thanh Oai huyện Thanh Oai phủ Ứng Thiên đạo Sơn Nam 山南道應天府青威縣中青威社車羅村, sưu tầm tại xã Xa La tổng Thanh Oai huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 45 x 64 cm, gồm 14 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 600 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 7.

Niên đại ước đoán: Cảnh Thịnh thứ 7 (1799).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Ông Nguyễn Đình Nhật cùng vợ là Nguyễn Thị Đĩnh, người bản thôn cúng cho thôn 80 quan tiền, 1 mẫu ruộng nên được bầu làm Hậu thần. Ghi các quy định về cúng giỗ cho mỗi người.

Ghi chú: Niên hiệu “Cảnh Hưng” trên thạc bản là nguyên tạo.

Hậu thần bi kí

后神碑記

Kí hiệu: 1480

Thác bản bia thôn Xa La xã Trung Thanh Oai huyện Thanh Oai phủ Ứng Hòa 應和府青威縣中青威社車羅村, sưu tầm tại chùa xã Xa La huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 43 x 68 cm, gồm 12 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 350 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: không ghi.

Niên đại ước đoán: thời Nguyễn.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Hai người dân bà họ Nguyễn là Nguyễn Thị Kiện và Nguyễn Thị Bảng cúng tiền và ruộng để gửi giỗ cho cha mẹ. Bản thôn quy định thế lệ cúng giỗ hàng năm. Có bài minh 8 câu ca ngợi lòng hiếu thảo.

Ghi chú: Theo ghi chú của người sưu tầm, thạc bản nguyên gộp chung với thạc bản số 1481. Thác bản trùng bản số 24169.

Vũ tộc bi kí

武族碑記

Kí hiệu: 1481

Thác bản bia thôn Xa La 車羅村, sưu tầm tại chùa xã Xa La tổng Thanh Oai huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 43 x 68 cm, gồm 6 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 150 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Vĩnh Trị, Ất Mão.

Niên đại ước đoán: Tự Đức thứ 8 (1855).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Biểu dương phong tục tốt đẹp của dân thôn Xa La, mỗi khi có việc tu sửa đình, miếu, nhà thờ; dân thôn tham gia đóng góp công sức và tiền của, bản thôn đều lập khoán ước thờ phụng để đền đáp công đức.

Ghi chú: Theo ghi chú của người sưu tầm, thác bản nguyên gộp chung với thác bản số 1480. Niên hiệu “Vĩnh Trị” trên thác bản là nguyên tạo. Thác bản trùng bản số 24173.

Kí kị bi kí

寄忌碑記

Kí hiệu: 1482

Thác bản bia thôn Xa La xã Trung Thanh Oai huyện Thanh Oai phủ Ứng Hòa 應和府青威縣中青威社車羅村, sưu tầm tại chùa xã Xa La tổng Thanh Oai, huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 40 x 72 cm, gồm 11 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 280 chữ, có hoa văn, không có chữ huy.

Niên đại: không ghi.

Niên đại ước đoán: Đồng Khánh thứ 2 (1887).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà Vũ Thị Dận, người bản thôn, con trai mất sớm, không có người thừa tự; nhân xã có việc đón thần sắc tổ chức ăn uống, bà đã bỏ ra 30 quan tiền cho thôn chi dùng. Bà lại cúng thêm 3 sào ruộng xin gửi giỗ cho người con trai mất sớm họ Nguyễn. Cuối bia khắc bổ sung sự kiện năm Đồng Khánh thứ 1 (1886), bà Vũ Thị Hương ở bản xã cúng 40 quan tiền và 3 sào ruộng để gửi giỗ cho mẹ họ Vũ.

Ghi chú: Dòng ghi niên đại hoặc địa danh trên thác bản bị bôi xóa.

Tạo bi kí kỉ

造碑寄忌

Kí hiệu: 1483

Thác bản bia thôn Xa La xã Trung Thanh Oai tổng Thượng Thanh Oai huyện Thanh Oai phủ Ứng Hòa 應和府青威縣上青威總中青威社車羅村, sưu tầm tại chùa xã Xa La tổng Thanh Oai huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 46 x 73 cm, gồm 1 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 300 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: không ghi.

Niên đại ước đoán: Tự Đức thứ 23 (1870).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà Nguyễn Thị Dần, người bản thôn, lấy chồng phường Hà Khẩu (Hà Nội) chỉ sinh 3 con gái, bà cùng 60 quan tiền cùng 3 sào ruộng để sửa chùa Hạnh Hoa và xin gửi giỗ cho bản thân. Có quy định các nghi lễ cúng giỗ.

Ghi chú: Dòng niên đại trên thác bản bị tẩy xóa. Thác bản này ghi chú sưu tầm ghép chung với thác bản 1484.

Nguyễn tộc bi kí

阮族碑記

Kí hiệu: 1484

Thác bản bia thôn Xa La xã Trung Thanh Oai tổng Thượng Thanh oai huyện Thanh Oai phủ Ứng Hòa 應和府青威縣上青威總中青威社車羅村, sưu tầm tại chùa xã Xa La tổng Thanh Oai huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 46 x 73 cm, gồm 13 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 300 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Hoảng Định thứ 6.

Niên đại ước đoán: Thiệu Trị thứ 6 (1846).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Bà Bùi Thị Hoàng ở thôn Hương Nghĩa huyện Thọ Xương cùng gia quyến cúng 100 quan tiền cùng 1 mẫu 2 sào ruộng giao cho thôn sửa chữa chùa và canh tác ruộng. Dân bàu bà là Hậu thần. Có ghi thẻ lệ cúng giỗ và số ruộng.

Ghi chú: Niên hiệu “Hoảng Định” trên thác bản là ngụy tạo. Thác bản này ghi chú sưu tầm ghép chung với thác bản 1483. Thác bản trùng bản số 24156.

Lập bi kí

立碑記

Kí hiệu: 1485

Thác bản bia thôn Xa La xã Trung Thanh Oai tổng Thượng Thanh Oai huyện Thanh Oai phủ Ứng Hòa 應和府青威縣上青威總中青威社車羅村, sưu tầm tại chùa xã Xa La tổng Thanh Oai huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 41 x 49 cm, gồm 12 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 300 chữ, không có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 9.

Niên đại ước đoán: thời Nguyễn.

Người soạn: Vũ Hữu Đài 武有臺.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà Nguyễn Thị Nhu tưởng nhớ tới cha chỉ sinh được mình bà là phận gái, bèn xuất cho bản thôn 50 quan tiền giấy bút, 50 quan tiền thẻ điền để cho thôn sửa chữa đình; lại giao cho thôn 2 sào ruộng để gửi giỗ cho cha.

Ghi chú: Theo ghi chú của người sưu tầm, thác bản này nguyên gộp chung với thác bản số 1486. Niên hiệu “Cảnh Hưng” trên thác bản là ngụy tạo.

Hậu thần bi kí

后神碑記

Kí hiệu: 1486

Thác bản bia thôn Xa La xã Trung Thanh Oai huyện Thanh Oai phủ Ứng Hòa 應和府青威縣中青威社車羅村, sưu tầm tại chùa xã Xa La tổng Thanh Oai huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 34 x 48 cm, gồm 10 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 200 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: không ghi.

Niên đại ước đoán: thời Nguyễn.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Năm Nhâm Ngọ, bà Nguyễn Thị Huân cúng cho dân thôn 15 quan tiền và 2 sào ruộng để gửi giỗ cho bản thân.

Ghi chú: Theo ghi chú của người sưu tầm, thác bản này nguyên gộp chung với thác bản số 1485. Thác bản trùng bản số 24165.

[Vô đề]

Kí hiệu: 1487/1488

Thác bản bia sưu tầm tại chùa xã Lại Yên tổng Đắc Sở huyện Đan Phượng tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 20 x 44 cm và 22 x 43 cm, gồm 2 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 36 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: không ghi.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Hành trạng, công tích nhân vật.

Tóm lược nội dung:

Bài vị của vợ chồng ông Thập Lý hầu họ Phạm tự Hưng Nghĩa và bà họ Nguyễn hiệu Diệu Tri, người bản xã.

[Vô đề]

Kí hiệu: 1489/1490/1541

Thác bản biển đá sưu tầm tại đình Hiền Linh xã Lại Yên tổng Đắc Sở huyện Đan Phượng tỉnh Hà Đông.

Thác bản 3 mặt, khổ 17 x 63 và 20 x 89 cm, gồm 3 dòng chữ Hán, toàn văn 11 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: không ghi.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Ba tấm biển (1 bức hoành phi, 2 tấm biển) ở đình Hiền Linh xã Lại Yên.

[Vô đề]

Kí hiệu: 1491/1492

Thác bản câu đối đá sưu tầm tại đình Hiền Linh xã Lại Yên tổng Đắc Sở huyện Đan Phượng tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 22 x 105cm, gồm 2 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 18 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: không ghi.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Văn thơ.

Tóm lược nội dung:

Hai vế của câu đối ca ngợi công đức ân huệ của thần ở đền Hiền Linh xã Lại Yên.

[Vô đề]

Kí hiệu: 1493/1494

Thác bản câu đối đá suu tầm tại đình Hiền Linh xã Lại Yên tổng Đắc Sở huyện Đan Phượng tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 22 x 105 cm, gồm 2 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 18 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: không ghi.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Hai vế của câu đối ca ngợi công đức ân huệ của thần ở đền Hiền Linh xã Lại Yên.

Hậu phật bi kí

後佛碑記

Kí hiệu: 1495/1496

Thác bản bia xã Lại Yên huyện Đan Phượng phủ Quốc Oai 國威府丹鳳縣賴安社, suu tầm tại chùa xã Lại Yên tổng Đắc Sở huyện Đan Phượng tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 75 x 115 cm, gồm 42 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 2000 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 15 (1754).

Người soạn: Trương Đình Tuyên 張廷瑄; quê quán: phường Công Bộ huyện Quảng Đức; học vị: Tiến sĩ khoa Kỷ Mùi (1739); chức vị: Đông các Đại học sĩ.

Người viết chữ: tên hiệu: Thiên Lưu Huệ Hải; quê quán: xã Yên Lũng huyện Từ Liêm; chức vị: Thiên sư.

Người khắc: Lê Trọng Thông 黎仲通; quê quán: Thanh Hoa; chức vị: Bạt thạch Cục phó.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Tiêm Trung hầu họ Nguyễn tự Viết Phụ, vợ họ Nguyễn hiệu Diệu Đức sống có đức độ với dân làng nên được bầu làm Hậu phật. Ghi thể lệ cúng giỗ và những thừa ruộng do người con của ông bà cúng cho xã. Giữa bia khắc 2 dòng bài vị của 2 vị Hậu.

Truy tự thạch chí

追祀石誌

Kí hiệu: 1497/1498

Thác bản bia xã Lại Yên huyện Đan Phượng phủ Quốc Oai 國威府丹鳳縣賴安社, sưu tầm tại chùa xã Lại Yên tổng Đắc Sở huyện Đan Phượng tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 45 x 65 cm và 57 x 67 cm, gồm 17 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 500 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 11 (1750).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Bà họ Nguyễn hiệu Diệu Lộc, người bản xã, lo chuyện hương hỏa về sau, cúng 18 quan 7 mạch và 1 mẫu 2 sào ruộng cho làng để được gửi giỗ. Có ghi quy định thể thức cúng giỗ. Có bài vị của tín chủ và vị trí các thửa ruộng.

Hậu vị bi kí

後位碑記

Kí hiệu: 1499/1500

Thác bản bia xã Lại Yên huyện Đan Phượng phủ Quốc Oai 國威府丹鳳縣賴安社, sưu tầm tại chùa xã Lại Yên tổng Đắc Sở huyện Đan Phượng tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 45 x 75 cm, gồm 28 dòng chữ Hán, toàn văn ước

khoảng 1100 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 46 (1785).

Người soạn và viết chữ: Phan Hữu Dực 潘有翼; chức vị: Hương lão.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Hội hương lão địa phương bầu Hậu phạt cho ông Nguyễn Thế Gia tự Nhân Thực cùng vợ là Nguyễn Thị Nhiều. Ông bà đã cúng cho xã 10 quan tiền cổ và 9 sào ruộng để xã dùng vào việc thờ phụng. Ghi quy định về cúng giỗ và địa điểm các thửa ruộng.

Lại Yên xã Xã Thôn trưởng nghĩa tự bi

賴安社社村長義祀碑

Kí hiệu: 1501/1502/1503

Thác bản bia xã Lại Yên 賴安社, suru tằm tại chùa xã Lại Yên huyện Đan Phượng tỉnh Hà Đông.

Thác bản 3 mặt, khổ 43 x 64 và 19 x 58 cm, gồm 26 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 900 chữ, không có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Long Đức thứ 2 (1733).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Bà quả phụ họ Nguyễn, hiệu Diệu Hoan, cúng cho dân làng 50 quan tiền và 4 mẫu ruộng. Các vị sắc mục, Xã, Thôn trưởng trong xã lập giao ước phụng sự bà và chồng bà khi còn sống, cũng như cúng giỗ họ sau khi mất. Ghi địa điểm các thửa ruộng và nghi thức phẩm vật dùng vào ngày giỗ của hai người.

Hậu phật bi kí

后佛碑記

Kí hiệu: 1504/1505

Thác bản bia xã Lại Yên huyện Đan Phượng phủ Quốc Oai 國威府丹鳳縣賴安社, sưu tầm tại chùa xã Lại Yên tổng Đắc Sở huyện Đan Phượng tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 46 x 63 cm, gồm 27 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 800 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Quang Trung thứ 3 (1790).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Năm trước, Ông Nguyễn Trọng Tú và vợ là Phạm Thị Cai đã cúng 10 quan tiền để lễ thần và 10 quan cho các hương lão chia nhau ăn uống, nên được bầu làm Hậu. Năm nay là năm Canh Tuất (1790) ông bà lại cúng 2 mẫu 3 sào ruộng để làm giỗ. Các vị hương lão bèn dựng tám bia đặt trước chùa, ghi lại những đóng góp cung tiến của 2 người từ trước đến nay và quy định lễ nghi, phẩm vật trong các ngày giỗ Hậu hàng năm.

Lại Yên xã Bá công bi kí

賴安社伯公碑記

Kí hiệu: 1506/1507

Thác bản bia xã Lại Yên 賴安社, sưu tầm tại chùa xã Lại Yên tổng Đắc Sở huyện Đan Phượng tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 60 x 78 cm và 47 x 65 cm, gồm 33 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1000 chữ, không có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 42 (1781).

Người soạn: Nguyễn Huy Ngọc 阮輝玉; học vị Tiến sĩ khoa Mậu Thìn (1748).

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

- Hành trạng, công tích nhân vật.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Đồng Tri phủ, Quân binh Bồi Thọ bá Nguyễn Đình Du và vợ là Nguyễn Thị Năng, ông bà là người đức hạnh, sống có nhân nghĩa, đã cấp ruộng cho Xã trưởng, Thôn trưởng, Thứ trưởng và 40 quan tiền để thờ thần. Ông bà được dân làng bầu là Hậu công và Hậu phụ. Ghi các thửa ruộng do ông bà cấp và thể lệ cúng tế về sau. Cuối bia có dòng khắc thêm ghi rằng năm kia và năm nay ông bà đã 2 lần biếu Thôn trưởng và Thứ thôn trưởng hơn 50 quan cổ tiền để chia nhau. Có bài vị của hai người.

Hậu phật thạch chí

後佛石誌

Kí hiệu: 1508/1509/1510/1511

Thác bản bia xã Lại Yên huyện Đan Phượng phủ Quốc Oai 國威府丹鳳縣賴安社, sưu tầm tại chùa xã Lại Yên tổng Đắc Sở huyện Đan Phượng tỉnh Hà Đông.

Thác bản 4 mặt, khổ 36 x 57 cm, 34 x 50 cm và 20 x 51cm, gồm 26 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 800 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 21 (1760).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biếu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Từ năm Bính Thân (1716), xã Lại Yên đã tôn bầu quan Thừa Chánh sứ xứ Tuyên Quang, Đình Thọ hầu họ Nguyễn tự Văn Đình làm Hậu phật. Họ tộc Nguyễn lúc ấy đã cúng cho xã 60 quan và 2 mẫu 2 sào ruộng. Năm Giáp Tí (1744), con rể của ông bà là Thập Lí hầu họ Phạm tự Hưng Nghĩa và con gái họ Nguyễn hiệu Diệu Tri lại cúng cho xã 190 quan. Hai người được xã bầu làm Hậu phật. Họ tộc Nguyễn lại cúng cho xã tổng cộng 4 mẫu 6 sào ruộng tế điền. Năm

Canh Thân (1740) xã bầu bà Chính thất họ Nguyễn hiệu Diệu Hậu làm Hậu phật, bản tộc đã cúng cho xã 60 quan và 2 mẫu 3 sào ruộng. Bìa ghi vị trí các thửa ruộng và quy định lễ nghi cúng giỗ.

Bản xã tự sự bi kí/Cúng tự đẳng tiết sự lệ

本社祀事碑記/供祀等節事例

Kí hiệu: 1512/1513/1514/1515

Thác bản bia xã Lại Yên huyện Đan Phượng phủ Quốc Oai 國威府丹鳳縣賴安社, sưu tầm tại chùa xã Lại Yên tổng Đắc Sở huyện Đan Phượng tỉnh Hà Đông.

Thác bản 4 mặt, khổ 53 x 75 cm và 20 x 68 cm, gồm 38 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 1100 chữ, có hoa văn, có chữ húy: Cửu 兪.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 19 (1758).

Người soạn: Nguyễn Vinh Vượng 阮榮旺; quê quán: Lại Yên; chức vị: Huân đạo.

Người viết chữ: Nguyễn Hải Tài 阮海才; quê quán: xã Thượng Cát.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Hành trạng, công tích nhân vật.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Từ năm Mùi, năm Thân, quan Thiệu Khanh họ Nguyễn tự Phàn Phượng và vợ là Nguyễn Thị Lân đã xuất tiền 60 quan để cho xã lo việc thờ thần và đắp đê làm đường xá; đến năm Mậu Tuất lại xuất tiền 75 quan 2 mạch khởi xướng việc đặt lệ Bách tuế và cúng 1 mẫu ruộng thờ thần. Dân xã tôn bầu ông làm Hậu hướng tiên sinh (厚貺先生) và bà làm Hậu hướng nhụ nhân (厚貺孺人) để thờ phụng mãi mãi. Nhân đó, ông bà đãi dân làng 60 quan tiền và cúng thêm 5 mẫu 7 sào ruộng. Đến năm Mậu Dần (1758) lại cúng cho làng 2 mẫu ruộng để làm sinh nhật và ngày giỗ. Có ghi các thửa ruộng cúng và quy định về các nghi thức kính biếu, cúng giỗ hàng năm.

Bản giáp bi kí

本甲碑記

Kí hiệu: 1517

Thác bản bia xã Lại Yên huyện Đan Phượng phủ Quốc Oai 國威府丹鳳縣賴安社, sưu tầm tại chùa xã Lại Yên tổng Đắc Sở huyện Đan Phượng tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 48 x 65 cm, gồm 12 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 300 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: không ghi.

Niên đại ước đoán: thời Nguyễn.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Ông Nguyễn Đình Tái và vợ là Nguyễn Thị Sâm xuất 2 mẫu ruộng, 20 quan tiền để gửi giỗ cho ông bà và một người con đã mất. Ngoài số ruộng cho canh tác thu hoa lợi để cung cấp cho 3 kỳ cúng giỗ ra, bia còn quy định về số tiền cúng sẽ giao cho 10 giáp luân phiên thu giữ, hàng năm đến ngày rằm tháng giêng thu lãi cứ 1 quan lấy 3 mạch để làm lễ tại đình.

Ghi chú: Theo ghi chú của người sưu tầm, thác bản này nguyên gộp chung với 2 thác bản số 1476/1516. Tham khảo thêm thác bản số 1529/1530.

Hậu vị bi kí/Lưu truyền vạn đại

後位碑記/留傳萬代

Kí hiệu: 1518/1519

Thác bản bia xã Lại Yên huyện Đan Phượng 丹鳳縣賴安社, sưu tầm tại chùa xã Lại Yên tổng Đắc Sở huyện Đan Phượng tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 53 x 90 cm, gồm 34 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 2300 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Vĩnh Thịnh thứ 4.

Niên đại ước đoán: Gia Long 4 (1805).

Người viết chữ: Phan Tín Nghĩa 潘信義.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Ông Nguyễn Viết Sinh và vợ là Nguyễn Thị Thằng đã từng tham gia công đức vào việc tạc tượng, đúc chuông của xã, nay lại cúng 10 quan tiền cô đề thờ thần, nên được dân tôn bàu làm Hậu. Ông bà lại xuất 10 quan tiền và 2 mẫu 2 sào ruộng để gửi giỗ cho cha mẹ hai bên nội ngoại. Bia ghi vị trí các thửa ruộng và lễ nghi cúng giỗ.

Ghi chú: Hai chữ “Vĩnh Thịnh” ở dòng niên đại là ngụy tạo. Thác bản trùng bản số 40382/40383.

Hậu phật bi kí

后佛碑記

Kí hiệu: 1520/1521/1522

Thác bản bia sưu tầm tại chùa Lại Yên huyện Đan Phượng tỉnh Hà Đông.

Thác bản 3 mặt, khổ 44 x 75 cm, 23 x 80 cm và 55 x 75 cm, gồm 27 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 1200 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Long Đức thứ 2 (1733).

Niên đại ước đoán: Quang Trung thứ 2 (1789).

Người soạn: Nguyễn Thời Nguyên 阮時源; quê quán: bản xã.

Người viết chữ: Trần Quý Hạo 陳貴皎; quê quán: xã Lại Yên.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Nguyễn tương công, hiệu Diêm Tĩnh năm trước đã xuất 10 quan tiền để biện lễ rước nước tế thần hàng năm; năm sau lại trợ giúp 6 quan dùng may áo mũ cho thần, mọi người bàu ông cùng 2 bà vợ làm Hậu. Ghi thể lệ cúng giỗ cho vợ chồng ông.

Ghi chú: Hai chữ “Long Đức” ở dòng niên đại là nguyên tạo. Thác bản trùng bản số 40366/40367.

Bản giáp bì kí

本甲碑記

Kí hiệu: 1523

Thác bản bia sưu tầm tại chùa Lại Yên tổng Đắc Sở huyện Đan Phượng tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 46 x 78 cm, gồm 13 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 300 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: không ghi.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hàu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Bà Nguyễn Thị Đãi xuất tiền và ruộng để gửi giỗ cho chồng cùng bản thân. Bản giáp đem số ruộng cho mọi người luân canh thu hoa lợi và dùng tiền lãi cho vay để cúng giỗ theo những điều giao ước ghi trên bia.

Hương lão phụng tự bì kí/Hương lão hậu vị

鄉老奉祀碑記/鄉老后位

Kí hiệu: 1524/1525

Thác bản bia xã Lại Yên 賴安社, sưu tầm tại chùa xã Lại Yên tổng Đắc Sở huyện Đan Phượng tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 82 x 152 cm, gồm 30 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 1200 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Long đức thứ 2.

Niên đại ước đoán: Gia Long thứ 8 (1809).

Người soạn và viết chữ: Phạm Công Thử 范公曙; quê quán: xã Lại Yên huyện Đan Phượng.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Bà Phạm Thị Di ăn ở có đức hạnh với dân làng nên được bầu làm Hương lão Hậu. Bà xuất 2 mẫu ruộng, 5 quan tiền để xin gửi giỗ cho bản thân và cha mẹ. Ghi thể lệ cúng giỗ và vị trí các thửa ruộng.

Ghi chú: Niên hiệu “Long Đức” ở dòng niên đại là nguyệt tạo. Thác bản trùng bản số 40377/40378.

Lại Yên xã thôn trưởng giáp tự bi kí

賴安社村長甲寺碑記

Kí hiệu: 1526

Thác bản bia xã Lại Yên huyện Đan Phượng phủ Quốc Oai 國威府丹鳳縣賴安社, sưu tầm tại chùa xã Lại Yên tổng Đắc Sở huyện Đan Phượng tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 46 x 68 cm, gồm 13 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 450 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: không ghi.

Niên đại ước đoán: Minh Mệnh thứ 20 (1839).

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Hành trạng, công tích nhân vật.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Ông Hoàng Tín đại phu; tước Hoàn Trung tử họ Phạm tự Cẩn Trực, là người có đức độ, từ thời Lê đã được ban xã bàu Hậu. Hồi đó ông đã cúng ruộng để thờ, nhưng đến thời Tây Sơn, số ruộng đó bị sung công. Đến năm thứ 5 thời Nguyễn, họ tộc lại cúng 1 mẫu 2 sào cùng 10 quan tiền để thu lợi tức, làm của cúng giỗ cho ông. Ghi thể lệ cúng giỗ.

Ghi chú: Thác bản trùng bản số 40409/40410.

Thánh đản kị thìn bi kí/Tự điền lưu truyền vạn đại

聖誕忌辰碑記/寺田留傳萬代

Kí hiệu: 1527/1528

Thác bản bia xã Lại Yên 賴安社, sưu tầm tại chùa xã Lại Yên tổng Đắc Sở huyện Đan Phượng tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 37 x 65 cm, gồm 29 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1600 chữ, có hoa văn, có chữ húy: Thìn 辰.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 8.

Niên đại ước đoán: Minh Mệnh 8 (1827).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biếu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Sư trụ trì chùa Nga Phúc xã Lại Yên là Phan Tín Nghĩa xét thấy các vị Hậu đều đã có bia riêng ghi công đức và ngày giỗ dựng ở chùa. Riêng nhiều vị tín thí trong xã cũng cúng ruộng để thờ Phật và gửi giỗ cho người thân thì chưa có gì ghi lại để lưu truyền, ông bèn cùng với Sa di ni Hải An mời thợ đá về tạc bia; ghi rõ từng thí chủ, số ruộng cúng và ngày giỗ để nhà chùa theo đó biện lễ vật mời gia chủ đến hành lễ.

Ghi chú: Niên hiệu “Cảnh Hưng” trên thác bản là ngụy tạo.

Hậu kị bi kí

後忌碑記

Kí hiệu: 1529/1530

Thác bản bia xã Lại Yên 賴安社, sưu tầm tại chùa xã Lại Yên tổng Đắc Sở huyện Đan Phượng tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 37 x 52 cm, gồm 29 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 900 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Thiệu Trị thứ 3 (1483).

Người soạn: Phan Trọng Côn 潘仲琨.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Ông Nguyễn Đình Tái, người bản xã hồi trước đã cúng 10 quan tiền cho hương lão lấy lợi tức cho mọi người tổ chức lễ rằm tháng giêng, được bầu làm Hậu. Nay ông xin nhường việc đó cho cha mẹ. Ông lại cúng thêm 2 mẫu ruộng để tăng thêm phần hương hỏa. Ghi thể lệ cúng tế và vị trí các thửa ruộng.

Ghi chú: Một trong hai chữ ghi niên hiệu ở dòng niên đại trên thác bản bị xoá.

Hậu thần bi kí

后神碑記

Kí hiệu: 1531/1532

Thác bản bia thôn Xa La xã Trung Thanh Oai phủ Ứng Thiên đạo Sơn Nam nước Đại Việt 大越國山南道應天府青威中社車羅村, suru tầm tại chùa xã Xa La tổng Thanh Oai huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 45 x 71 cm và 40 x 56 cm, gồm 24 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 1100 chữ, có hoa văn, không có chữ huy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 29 (1768).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Ông Thiên Thái Giám, Sĩ Trung hầu Lê Bá Giai, tên húy là Đá, người xã Đan Sĩ xuất 50 quan tiền và 1 mẫu 2 sào 7 thước 5 tấc ruộng để giúp làng làm đình, ông được bầu làm Hậu thần. Ghi các quy định về nghi thức tế lễ thần vào các tiết trong năm.

Hậu thần bi kí

後神碑記

Kí hiệu: 1533/1534

Thác bản bia huyện Thanh Oai phủ Ứng Thiên đạo Sơn Nam 山南道
應天府青威縣, sưu tầm tại chùa xã Xa La tổng Thanh Oai huyện
Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 48 x 72 cm và 45 x 65 cm, gồm 30 dòng chữ Hán
và Nôm, toàn văn ước khoảng 1200 chữ, không có hoa văn, không
có chữ hý.

Niên đại: Vĩnh Thịnh thứ 31 (1717).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Bà Nguyễn Thị Lựt, người bản thôn, là vợ kế của ông Thập Lí hầu họ
Đỗ người bản xã, được vào hầu Thái phi trong phủ Chúa, chồng
chết mà chưa có con, bà đã cúng 100 quan tiền cùng 2 mẫu ruộng
cho xã xin được gửi giỗ. Bản xã tôn bàu bà và ông chồng quá cố
làm Hậu thần. Ghi thể lệ cúng giỗ và vị trí các thửa ruộng.

Tạo bi kí kị

造碑寄忌

Kí hiệu: 1535

Thác bản bia thôn Xa La xã Trung Thanh Oai tổng Thượng Thanh Oai
phủ Ứng Hòa 應和府上青威總中青威社車羅村, sưu tầm tại chùa
xã Xa La tổng Thanh Oai huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 42 x 62 cm, gồm 14 dòng chữ Hán và Nôm, toàn
văn ước khoảng 500 chữ, không có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Vĩnh Trị thứ 1.

Niên đại ước đoán: Thành Thái thứ 1 (1889).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Nhân khi bản thôn có việc lập sổ đình và tu sửa đình, bà Đỗ Thị Thước và Đỗ Thị Bính người bản thôn do không có anh em trai, sợ không có người lo cúng giỗ cho cha mẹ mình, nên cúng 70 quan tiền cùng 5 sào ruộng cho làng xin gửi giỗ cho song thân. Ghi tên hiệu và ngày giỗ của cha mẹ hai bà.

Ghi chú: Niên hiệu “Vĩnh Trị” trên thác bản là ngụy tạo. Thác bản trùng bản số 24172.

Tạo bì kí kị

造碑記忌

Kí hiệu: 1536

Thác bản bia thôn Xa La xã Trung Thanh Oai tổng Thượng Thanh Oai phủ Ứng Hòa 應和府上青威總中青威社車羅村, suru tâm tại chùa xã Xa La tổng Thanh Oai huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 45 x 75 cm, gồm 15 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 600 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Vĩnh Trị thứ 4.

Niên đại ước đoán: Tự Đức thứ 4 (1851).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Ba chị em họ Dương là Dương Thị Nhiên, Dương Thị Năm và Dương Thị Niệm; người bản thôn xuất 100 quan tiền cho thôn tu bổ đình và bỏ ra 6 sào ruộng cho mọi người canh tác, để xin gửi giỗ cho cha mẹ. Ghi ngày giỗ và diện tích các thửa ruộng.

Ghi chú: Niên hiệu “Vĩnh Trị” trên thác bản là ngụy tạo. Thác bản trùng bản số 24171.

Tự hậu bi kí

寺后碑記

Kí hiệu: 1537

Thác bản bia thôn Xa La xã Trung Thanh Oai tổng Thượng Thanh Oai huyện Thanh Oai phủ Ứng Hòa 應和府青威縣上青威總中青威社車羅村, sưu tầm tại chùa xã Xa La tổng Thanh Oai huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 44 x 62 cm, gồm 15 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 600 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Chính Hòa thứ 6.

Niên đại ước đoán: Thành Thái thứ 16 (1904).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Nhân khi bản thôn tu sửa tòa tam quan và nhà thờ Hậu của chùa, bà Đỗ Thị Khải người trong thôn tìm đến trình bày rằng, cha mẹ bà không có con trai, có để lại tài sản 5 sào 8 thước ruộng chưa kịp đặt hậu mà giao cho em gái canh tác. Bà đã trình quan nha môn xem xét, xử chia đôi số ruộng, 1 nửa cho người em lo hương hỏa và 1 nửa để bà gửi Hậu. Nay bà xuất tiền 50 quan mua thêm 1 sào ruộng và 50 quan tiền giấy bút đề xin gửi giỗ cho cha mẹ. Ghi rõ thụ hiệu, ngày giỗ lễ vật cúng giỗ và vị trí, diện tích các thửa ruộng.

Ghi chú: Ba chữ “Lê Chính Hòa” ở dòng niên đại trên thác bản là nguyên tạo. Thác bản trùng bản số 24160.

Tạo bi kí kị

造碑記忌

Kí hiệu: 1538

Thác bản bia thôn Xa La xã Trung Thanh Oai tổng Thượng Thanh Oai huyện Thanh Oai phủ Ứng Hòa 應和府青威縣上青威總中青威社車羅村, sưu tầm tại chùa xã Xa La tổng Thanh Oai huyện Thanh

Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 48 x 77 cm, gồm 15 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 600 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: không ghi.

Niên đại ước đoán: thời Nguyễn.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Thôn Xa La sửa chùa Hạnh Hoa, chi phí nhiều. Nay bà Nguyễn Thị Túu, người xã Đa Sĩ xuất ra 180 quan tiền cùng 9 sào ruộng, xin gửi giỗ cho cha mẹ cũng như bản thân. Ghi húy hiệu, ngày giỗ và vị trí, diện tích các thửa ruộng.

Ghi chú: Đợt tu sửa chùa Hạnh Hoa cũng như tên các vị Lý trưởng, hương lão ghi trong văn bia này trùng với bia số 1483.

Hậu thần bi kí

后神碑機

Kí hiệu: 1539

Thác bản bia thôn Xa La xã Trung Thanh Oai huyện Thanh Oai phủ Ứng Hòa 應天府青威縣中青威社車羅村, sưu tầm tại chùa xã Xa La huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 35 x 65 cm, gồm 10 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 350 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: không ghi.

Niên đại ước đoán: thời Nguyễn.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Bà Vũ Thị Thuần, người bản thôn, cúng 12 quan thanh tiền, 3 sào ruộng để thờ thần, được dân làng bầu làm Hậu thần, cúng giỗ lâu dài.

Hậu thần bi kí

后神碑機

Kí hiệu: 1540

Thác bản bia thôn Xa La xã Trung Thanh Oai tổng Thượng Thanh Oai phủ Ứng Thiên đạo Sơn Nam 山南道應天府上青威總中青威社車羅村, sưu tầm tại chùa xã Xa La tổng Thanh Oai huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 40 x 60 cm, gồm 15 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 500 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Cảnh Thịnh thứ 7 (1798).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Bà Nguyễn Thị Đĩnh, người bản thôn, vốn giàu sang, cúng cho làng 80 quan thanh tiền để may áo châu, cùng hơn 1 mẫu ruộng để thờ thần. Bà được bầu làm Hậu thần, hàng năm được cúng giỗ theo quy định.

[Vô đề]

Kí hiệu: 1542/1543

Thác bản câu đối sưu tầm tại đền Hiền Linh xã Lại Yên tổng Đắc Sở huyện Đan Phượng tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 20 x 111 cm, gồm 2 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 18 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: không ghi.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Đôi câu đối ở đền Hiến Linh.

[Vô đề]

Kí hiệu: 1544/1545/1546

Thác bản câu đối và biển ngạch suu tầm tại đền Huệ Linh xã Lại Yên tổng Đắc Sở huyện Đan Phượng tỉnh Hà Đông.

Thác bản 3 mặt, khổ 38 x 72 cm và 15 x 110 cm, gồm 3 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 25 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: không ghi.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Bức hoành phi “Huệ Linh từ” và đôi câu đối ca ngợi một vị có công trong triều được thờ tại đền.

Hậu phật bi

後佛碑

Kí hiệu: 1547/1548

Thác bản bia giáp Du Nghệ xã Hoàng Xá huyện Yên Sơn phủ Quốc Oai 國威府安山縣黃舍社游藝甲, suu tầm tại điện Linh Thông núi Cửa Hang trại Hoàng Xá phủ Quốc Oai tỉnh Sơn Tây.

Thác bản 2 mặt, khổ 50 x 82 cm, gồm 18 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 800 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Chính Hòa thứ 18 (1697).

Người soạn: Vũ Danh Bính 武名炳; học vị: Nho sinh.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Vào năm Bính Tí (1696), bà Phùng Thị Ni, hiệu Từ Công cúng cho giáp 30 quan tiền và đóng góp mua án và trồng thờ; năm Đinh Sửu (1697) bà lại góp công đức làm nhà ngói và xà ngang, đồng thời cúng sổ ruộng tương đương 15 gánh lúa giao cho giáp đền thờ thần. Vì vậy bản giáp tôn bầu bà làm Hậu phật và lập tờ giao ước ghi công đóng góp của bà và quy định những thể lệ thờ phụng.

Ghi chú: Mặt trước lòng bia để trắng, ghi chú là hình tượng Hậu phật.

Công đức điền Động tự bi kí/Hưng công trùng tu Động tự

功德田洞寺碑記/興功重修洞寺 Kí hiệu: 1549/1550

Thác bản bia sưu tầm tại đền trại Hoàng Xá tổng Hoàng Xá phủ Quốc Oai tỉnh Sơn Tây.

Thác bản 2 mặt, khổ 58 x 82 cm, gồm 41 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 2000 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Cảnh Trị thứ 2 (1664).

Người soạn: Khương Viêt Hiền 姜曰賢; quê quán: xã Bình Lăng huyện Tứ Kỳ phủ Hạ Hồng xứ Hải Dương; học vị: Thám hoa khoa Canh Dần (1650); chức vị: Hàn lâm viện Thị độc; tước Diên Sĩ tử.

Người viết chữ: Nguyễn Tuấn Đức 阮俊德, tên tự: Pháp Chiêu, tên hiệu: Huyền Thịnh; quê quán: xã Ngô Sài huyện Yên Sơn phủ Quốc Oai.

Người khắc 1: Nguyễn Tiến Tài 阮進財; quê quán: xã Từ Trầm.

Người khắc 2: Nguyễn Tất Đạt 阮必達; quê quán: xã Từ Trầm.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Thái phi Trần Thị Ngọc Đài, người xã Đồng Đội huyện Thiên Bản phủ Nghĩa Hưng, là mẹ của chúa Trịnh (Tây Vương) thấy ngôi chùa động Hình Sơn là nơi thờ Từ Đồng Đế Quân chuyên cai quản việc thi cử rất linh thiêng, bà liền cúng cho chùa 10 mẫu ruộng làm của tam bảo, nên khắc bia ghi lại công đức của bà. Có bài minh 48 câu.

Hà lộ bi

河路碑

Kí hiệu: 1551

Thác bản bia xã Hoàng Xá huyện Yên Sơn phủ Quốc Oai 國威府安山縣黃舍社, sưu tầm tại núi Cửa Hang, điện Linh Thông trại Hoàng Xá tổng Hoàng Xá phủ Quốc Oai tỉnh Sơn Tây.

Thác bản 1 mặt, khổ 52 x 68 cm, gồm 20 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 700 chữ, không có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Cảnh Thịnh, năm Quý Sửu (1793).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Dân hai trại và xã Hoàng Xá huyện Yên Sơn cùng nhau đắp một con đường ở xứ Sông Chuối, mặt rộng 1 trượng, chân rộng 3 trượng để ngăn sóng, vừa tiện qua lại, vừa có lợi cho việc đánh bắt cá và trồng hoa màu. Đường làm xong, các trại, xã họp bàn đặt lệ hàng năm vào tháng 11, mọi người tổ chức lễ hội, ca hát, gõ mõ lệnh, để mọi người cúng xuống dùng nôm bắt cá. Ai bắt được cá chuối, hoặc cá loại khác thì chọn người có con to nhất mang về đình làm gỏi cá cúng thần, cúng xong cùng nhau ăn uống. Hàng năm sẽ thu lợi cá từ những người đánh cá đem bán của 3 thôn. Số lộc thu được do bắt cá này chia cho xã, trại 8 phần để sử dụng vào việc chung, còn 2 phần chia cho những người góp công góp của làm đường. Cuối bia là danh sách những người hưng công làm đường cùng số tiền, số gạo của họ đóng góp.

Hậu thần bi kí

後神碑記

Kí hiệu: 1552/1553/1554/1555

Thác bản bia Cổ Sài 古柴, sưu tầm tại quán xã Sài Khê tổng Lật Sài phủ Quốc Oai tỉnh Sơn Tây.

Thác bản 2 mặt, khổ 27 x 48 cm và 26 x 50 cm, gồm 4 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 900 chữ, không có hoa văn, có chữ hý: Tân 巖,

Đề 題.

Niên đại: Bảo Thái thứ 11 (1720).

Người soạn: Trần Hiền 陳賢, tên hiệu: Hòe Hiền cư sĩ; quê quán: xã Vân Canh huyện Từ Liêm.

Người viết chữ: Nguyễn Viên 阮垣; học vị: Thụ toán khoa Tân Mão.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biêu dương việc thiện.
- Hành trạng, công tích nhân vật.
- Sinh hoạt làng xã.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Ông họ Vương tự Như Cơ, vinh phong Kim tử Vinh lộc đại phu, tước Đại Lộc hầu, do làm quan trong phủ Chúa, có tiền và ruộng cúng cho làng sửa chùa, nên được bầu làm Hậu thần. Bia thuật lại tiểu sử, công đức của Đại Lộc hầu và ghi vị trí, diện tích các thửa ruộng do ông cúng tiền và các nghi thức cúng giỗ. Có bài minh 14 câu.

Sự tích bi kí

事跡碑記

Kí hiệu: 1556

Thác bản bia sưu tầm tại quán xã Sài Khê tổng Lật Sài phủ Quốc Oai tỉnh Sơn Tây.

Thác bản 1 mặt, khổ 30 x 52 cm, gồm 11 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 400 chữ, không có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Chính Hòa thứ 1 (1680).

Người soạn 1: Nguyễn Liễn 阮璉; học vị: Giám sinh.

Người soạn 2: Nguyễn Bật 阮弼; học vị: Giám sinh.

Chủ đề: Sự tích, thần phả.

Tóm lược nội dung:

Sự tích vị thần Đỗ Lang đại thần quân được phụng thờ ở xã Sài Khê. Thần tên là Đỗ Cảnh Thạc, một trong 12 sứ quân, từng đóng giữ đất

Đỗ Động. Về sau bị Đinh Tiên Hoàng đánh thua, hóa tại xã này nên được lập đền thờ (sự tích của thần dẫn theo Quốc sử).

Báo đức truy tự bi/Tu tạo Hoa Phát tự bi/

Công đức hộ công tập phúc bi

報德追祀碑/修造花發寺碑/功德護功集福碑

Kí hiệu: 1557/1558/1559/1560

Thác bản bia xã Sài Khê huyện Yên Sơn phủ Quốc Oai 國威府安山縣柴溪社, suru tâm tại chùa Hoa Phát xã Sài Khê tổng Lật Sài phủ Quốc Oai tỉnh Sơn Tây.

Thác bản 4 mặt, khổ 48 x 84 cm, gồm 62 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 2600 chữ, không có hoa văn, có chữ húy: Đề 魁.

Niên đại: Chính Hòa thứ 6 (1695).

Người soạn: Lê Tuấn Mậu 黎俊茂; quê quán: phường Đông Tác huyện Thọ Xương; chức vị: Thái y viện Tự thừa.

Người viết chữ: Lê Thị Thuyền 黎時佺; quê quán: xã Dương Sơn huyện Hoàng Hóa; chức vị: Thị nội Thư tả Hộ phiên; tước Nho Lâm nam.

Người khắc: Nguyễn Duy Tiến 阮維進; quê quán: xã An Hoạch huyện Đông Sơn; chức vị: tước Hùng Tài bá.

Chủ đề: - Bào Hạo, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Hành trạng, công tích nhân vật.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Bà Phan Thị Nắm người thôn Chi Bông xã Thu Hoạch huyện Thiên Lộc phủ Đức Quang là Thị nội cung tần sống nhân hậu. Năm Giáp Tuất (1694) bà bỏ tiền tu sửa chùa Hoa Phát từ chỗ đổ nát thành nguy nga tráng lệ, được dân xã tôn bâu là Hậu phật. Có bài minh 28 câu và ghi vị trí, diện tích các thửa ruộng do bà cúng tiến.

Hậu phật bi văn

後佛碑文

Kí hiệu: 1561/1562

Thác bản bia thôn Khánh Tân xã Lật Sài huyện Yên Sơn phủ Quốc Oai 國威府安山縣栗柴社慶津村, sưu tầm tại động núi Phụng Hoàng xã Khánh Tân tổng Lật Sài phủ Quốc Oai tỉnh Sơn Tây.

Thác bản 2 mặt, khổ 63 x 90 cm và 27 x 80 cm, gồm 35 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1400 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Chính Hòa thứ 14 (1693).

Người soạn: Nguyễn Quang Biểu 阮光表, tên tự: Chân Tàng; quê quán: thôn Khánh Tân.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Bà Lê Thị Ngâm, người xã Đan Luân huyện Đường An phủ Thượng Hồng xứ Hải Dương cúng tiền cho chùa đúc một chiếc khánh, bà được bầu làm Hậu phật. Bà lại cúng 100 quan tiền sử mua một mẫu ruộng làm của hương hỏa cúng giỗ cho bà về sau. Có bài minh 20 câu.

Viết điện thánh cung bi/Tu lý công đức kí

越甸聖宮碑/修理功德碑記

Kí hiệu: 1563/1564

Thác bản bia xã Thụy Khuê huyện Yên Sơn phủ Quốc Oai 國威府安山縣瑞圭社, sưu tầm tại quán Thánh xã Khánh Tân tổng Lật Sài phủ Quốc Oai tỉnh Sơn Tây.

Thác bản 2 mặt, khổ 87 x 128 cm, gồm 32 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 2400 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 3 (1742).

Người soạn và viết chữ: tên hiệu: Đạo Ân Nguyên Lưu Nhân Nhân 道隱原留人仁.

Chủ đề: Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Chùa Thánh Mẫu vốn là nơi danh lam cổ tích, nhưng trải lâu ngày đã đổ nát. Trong đợt tu sửa này, có nhà vua và các vị đại thần cùng nhiều người ở khắp các địa phương đóng góp công đức. Ghi họ tên, quê quán, chức tước những người công đức.

Hậu phật bì kí

後佛碑記

Kí hiệu: 1565/1566

Thác bản bia xã Hương Canh huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai 國威府慈廉縣香梗社玉陌村, sưu tầm tại chùa Quỳnh Lâm thôn Ngọc Mạch xã Phương Canh tổng Phương Canh huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 40 x 67 cm, gồm 15 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 350 chữ, có hoa văn, không có chữ huy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 18 (1757).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

- Hành trạng, công tích nhân vật.

- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Bà Dương Thị Liêm xuất của nhà 10 quan tiền cùng 4 sào ruộng cúng cho thôn và 1 sào ruộng cúng vào chùa, nên được bầu làm Hậu phật. Ghi nghi thức cúng tế và khắc bài vị của bà.

Hậu phật bì kí

後佛碑記

Kí hiệu: 1567/1568/1569/1570

Thác bản bia thôn Ngọc Mạch xã Hương Canh huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai 國威府慈廉縣香梗社玉陌村, sưu tầm tại chùa Quỳnh Lâm thôn Ngọc Mạch xã Phương Canh tổng Phương Canh huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 4 mặt, khổ 43 x 75 cm và 17 x 59 cm, gồm 20 dòng chữ Hán

và Nôm, toàn văn ước khoảng 600 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 23 (1762).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Ông Cai hợp Nguyễn Đình Bản và vợ là Nguyễn Thị Đệ cúng vào chùa 20 quan tiền cùng 1 mẫu ruộng, được bầu làm Hậu phật. Ghi thể thức cúng giỗ và khắc bài vị của ông bà.

Hậu phật bi kí

後佛碑記

Kí hiệu: 1571/1572/1573/1574

Thác bản bia thôn Ngọc Mạch xã Hương Canh huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai 國威府慈廉縣香梗社玉陌村, sưu tầm tại chùa Quỳnh Lâm thôn Ngọc Mạch xã Phương Canh tổng Phương Canh huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 4 mặt, khổ 40 x 67 cm và 12 x 55 cm, gồm 15 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 550 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Cảnh Hưng, năm Tân Dậu (1741).

Người soạn: Nguyễn Bá Trân 阮伯珍; quê quán: thôn Ngọc Mạch.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Hành trạng, công tích nhân vật.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Bà Nguyễn Thị Ngũ, vợ lẽ của ông Trùm trường trong thôn cúng cho làng 5 sào ruộng và 10 quan tiền, lại cúng vào chùa 1 sào ruộng. Bà được bầu làm Hậu phật, hưởng cúng giỗ theo quy định. Có khắc bài vị của bà.

Hậu phật Quỳnh Lâm tự bi

後佛瓊林寺碑

Kí hiệu: 1575/1576/1577/1578

Thác bản bia thôn Ngọc Mạch xã Hương Canh huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai 國威府慈廉縣香梗社玉陌村, suru tằm tại chùa Quỳnh Lâm thôn Ngọc Mạch xã Phương Canh tổng Phương Canh huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 4 mặt, khổ 13 x 53 cm và 22 x 58 cm, gồm 21 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 650 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 11 (1750).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Hành trạng, công tích nhân vật.

Tóm lược nội dung:

Bà Nguyễn Thị Hiền, người xã Yên Quyết huyện Từ Liêm về ở cạnh chợ thôn ta, có đức độ, sống thuận hòa với mọi người, làm thuốc chữa bệnh cho dân, được bầu làm Hậu phật. Về sau bà lại cúng 1 mẫu ruộng để xin gửi giỗ cho bản thân. Có khắc bài vị của bà.

Hậu phật bi kí

後佛碑記

Kí hiệu: 1579/1580/1581

Thác bản bia thôn Ngọc Mạch xã Hương Canh huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai 國威府慈廉縣香梗社玉陌村, suru tằm tại chùa Quỳnh Lâm thôn Ngọc Mạch xã Phương Canh tổng Phương Canh huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 3 mặt, khổ 42 x 68 cm và 10 x 55 cm, gồm 23 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 650 chữ, có hoa văn, có chữ hủy: Cửu 巽.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 29 (1768).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Bà Nguyễn Thị Tái, hiệu Diệu Thanh, người xã Lan Khê huyện Nông Công phủ Tĩnh Gia cúng 160 thước ruộng cùng tiền 1 vạn 2 nghìn văn cho thôn nên được bầu làm Hậu phật, hưởng cúng giỗ theo giao ước.

Hậu phật bi minh kí

後佛碑銘記

Kí hiệu: 1582/1583/1584

Thác bản bia thôn Ngọc Mạch xã Hương Canh huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai 國威府慈廉縣香梗社玉陌村, sưu tầm tại chùa Quỳnh Lâm thôn Ngọc Mạch xã Phương Canh tổng Phương Canh huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 3 mặt, khổ 46 x 70 cm và 16 x 58 cm, gồm 27 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 800 chữ, có hoa văn, không có chữ huy.

Niên đại: Bào Thái thứ 4 (1723).

Người viết chữ: Nguyễn Bá Trân 阮伯珍.

Người khắc: Lê Văn Bảng 黎文榜; quê quán: xã An Hoạch huyện Đông Sơn huyện Đông Sơn phủ Thiệu Thiên.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Bà Nguyễn Thị Tư cúng cho chùa 10 quan tiền và 6 sào ruộng, được tôn bầu làm Hậu phật và lập khoán ước quy định nghi thức cúng giỗ. Bia khắc tượng Hậu phật và bài minh 8 câu ca ngợi công đức của bà.

Ghi chú: Mặt sau bia là tượng Hậu phật, nhưng thác bản không in, để giấy trắng.

Đình môn bi kí

亭門碑記

Kí hiệu: 1585/1586

Thác bản bia thôn Thị Cẩm xã Hương Canh huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai 國威府慈廉縣香梗社侍禁村, sưu tâm tại đình xã Phương Canh tổng Phương Canh huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 45 x 73 cm và 11 x 80 cm, gồm 18 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 600 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 26 (1763).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Văn khế bán quyền hát cửa đình thôn Thị Cẩm. Giáo phường giáp Thượng xã Thượng Mỗ huyện Từ Liêm bán đứt bán quyền hát cửa đình này cho thôn Thị Cẩm xã Hương Canh với giá 20 quan tiền. Ghi các quyền lợi mà hai bên được hưởng.

Giáo phường bi kí

教坊碑記

Kí hiệu: 1587

Thác bản bia huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai 國威府慈廉縣, sưu tâm tại đình thôn Hòe Thị tổng Phương Canh huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 47 x 74 cm, gồm 14 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 480 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 20 (1759).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Văn khế về việc Giáo phường giáp Trung huyện Từ Liêm, do thiếu tiền nộp quan dịch, phải bán quyền lợi hát cửa đình ở thôn Hòe Thị xã Hương Canh cho thôn ấy với giá 20 quan tiền. Ghi quy ước về

sau nên dân làng thôn Thị có sửa chùa, xây mới miếu điện thì giáo phường không được hạch sách can thiệp.

[Vô đề]

Kí hiệu: 1588

Thác bản bia thôn Hòe Thị xã Hương Canh huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai 國威府慈廉縣香梗社槐市村, sưu tầm tại chùa thôn Hòe Thị xã Phương Canh tổng Phương Canh huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 27 x 44 cm, gồm 7 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 120 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 37 (1776).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Bà Hoàng Thị Đào, người bản thôn, cúng cho thôn 30 quan tiền, 6 sào ruộng để xin gửi giỗ. Ghi quy định cúng giỗ và vị trí ruộng.

Hậu phật bi kí

後佛碑記

Kí hiệu: 1589/1590/1591

Thác bản bia thôn Hòe Thị xã Hương Canh huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai 國威府慈廉縣香梗社槐市村, sưu tầm tại chùa thôn Hòe Thị xã Phương Canh tổng Phương Canh huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 3 mặt, khổ 33 x 65 cm và 17 x 65 cm, gồm 27 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 500 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Bảo Thái thứ 4 (1723).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Bà Trần Thị Thời, người bản thôn cúng 20 quan tiền mua gỗ lạt và 5 sào ruộng giúp vào việc sửa chùa Sùng Khánh của thôn. Chồng của bà là ông họ Hoàng cũng bỏ tiền 6 quan mua rượu thịt đãi bà con. Dân thôn cảm kích, tôn bầu bà làm Hậu phật, hưởng cúng giỗ theo giao ước trên bia.

Hậu phật bi kí

后佛碑記

Kí hiệu: 1592

Thác bản bia xã Hương Canh 香梗社, sưu tầm tại chùa Linh Ứng xã Phương Canh tổng Phương Canh huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 35 x 60 cm, gồm 12 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 300 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: không ghi.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà Nguyễn Thị Ái, hiệu Diệu Thiện, người thôn Thị Cẩm cúng 10 quan tiền cùng 4 sào ruộng giao cho nhà chùa và 2 sào cho bản thôn để gửi giỗ. Ghi thể lệ cúng giỗ và diện tích ruộng.

Hậu phật bi kí

後佛碑記

Kí hiệu: 1593/1594

Thác bản bia thôn Thị Cẩm xã Hương Canh huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai 國威府慈廉縣香梗社侍禁村, sưu tầm tại chùa Linh Ứng xã Phương Canh tổng Phương Canh huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 43 x 58 cm, gồm 31 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 600 chữ, có hoa văn, có chữ hý: Cửu 巽.

Niên đại: Bảo Thái thứ 3 (1722).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Bà Nguyễn Thị Bào, người thôn Thị Cẩm cúng 40 quan tiền và 4 sào ruộng cho thôn sửa chữa chùa, đúc thêm chuông khánh. Vợ chồng bà được dân thôn bầu làm Hậu phật. Ghi thể lệ cúng giỗ và vị trí ruộng.

Hậu phật bi kí

后佛碑記

Kí hiệu: 1595/1596

Thác bản bia thôn Thị Cẩm xã Hương Canh huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai 國威府慈廉縣香梗社侍禁村, sưu tầm tại chùa Linh Ứng xã Phương Canh tổng Phương Canh huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 40 x 72 cm, gồm 21 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 400 chữ, có hoa văn, có chữ húy: Cửu 𣥂.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 13 (1752).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Bà Nguyễn Thị Khô, hiệu Diệu Bình, người thôn Thị Cẩm vào năm Kì Tị (1749) và Canh Ngọ (1750) thấy làng có việc, bà đã cúng cho làng 20 quan tiền, lại cúng 8 sào ruộng để tu bổ đền chùa, được bầu làm Hậu phật. Ghi ngày giỗ và phẩm vật cúng tế.

Hậu phật bi kí

后佛碑記

Kí hiệu: 1597/1598

Thác bản bia thôn Thị Cẩm xã Hương Canh huyện Từ Liêm phủ Quốc

Oai 國威府慈廉縣香梗社侍禁村, sưu tầm tại chùa Linh Ứng xã
Phương Canh tổng Phương Canh huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 38 x 65 cm và 40 x 55 cm, gồm 13 dòng chữ Hán,
toàn văn ước khoảng 350 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Cảnh Thịnh thứ 3 (1795).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Văn bản đơn bầu Hậu lập năm Cảnh Thịnh 2 (1794), về việc Ông Bùi
Đình Chi, người bản thôn giúp làng 12 quan tiền để trang trải cho
công việc chung của thôn, lại cúng 5 sào để gửi giỗ, được bầu làm Hậu
phật, hưởng cúng tế theo quy định. Ghi vị trí diện tích thửa ruộng.

Hậu phật bi kí

后佛碑記

Kí hiệu: 1599/1600/1601/1602

Thác bản bia thôn Thị Cẩm xã Hương Canh huyện Từ Liêm phủ Quốc
Oai 國威府慈廉縣香梗社侍禁村, sưu tầm tại chùa Linh Ứng xã
Phương Canh tổng Phương Canh huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 4 mặt, khổ 27 x 65 cm, gồm 24 dòng chữ Hán và Nôm, toàn
văn ước khoảng 200 chữ, có hoa văn, có chữ hủy: Thành 器.

Niên đại: Bảo Thái thứ 3 (1722).

Người soạn: Nguyễn Duy Điều 阮惟條; học vị: Sinh đồ.

Người viết chữ: Nguyễn Duy Thân 阮惟親; quê quán: thôn Thị Cẩm.

Người khắc: Lê Văn Bảng 黎文榜; quê quán: xã An Hoạch huyện
Đông Sơn.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Bà Nguyễn Thị Thanh, hiệu Từ Niệm, người bản thôn, góa chồng, tôn

sùng đạo Phật, đã cúng 25 quan tiền cổ cùng 4 sào ruộng gửi Hậu và 1 sào ruộng công đức. Bà được bản thôn được bầu làm Hậu phật. Ghi vị trí các thửa ruộng.

Hậu phật bi kí

厚佛碑記

Kí hiệu: 1603/1604

Thác bản bia thôn Thị Cẩm xã Hương Canh huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai 國威府慈廉縣香梗社侍禁村, sưu tầm tại chùa Linh Ứng xã Phương Canh tổng Phương Canh huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 44 x 74 cm, gồm 22 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 600 chữ, có hoa văn, không có chữ huy.

Niên đại: Cảnh Thịnh thứ 3 (1795).

Người soạn: Trần Bá Lãm 陳伯覽; quê quán: xã Vân Canh; học vị: Tiến sĩ Đồng chế khoa xuất thân khoa Đinh Mùi (1795); chức vị: Hàn lâm viện Hiệu thảo.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biếu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Vợ cả ông Tri sự họ Mai là bà họ Nguyễn, bà hiệu Từ Nghị người thôn Thị Cẩm thuộc bản xã, bà đã xuất 15 quan tiền giúp dân sửa đắp đê và gửi 5 sào ruộng vào chùa để kí kị. Toàn dân trên dưới đồng lòng bầu bà làm Hậu phật. Bia ghi vị trí, diện tích các thửa ruộng cúng và những quy định cúng giỗ hàng năm sau khi bà mất. Mặt sau bia khắc nguyên văn đơn bầu Hậu của quan viên thôn Thị Cẩm đề ngày 10 tháng 3 năm Quang Trung 2 (1789).

[Vô đề]

Kí hiệu: 1605

Thác bản bia sưu tầm tại xã Dịch Vọng tổng Dịch Vọng huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 55 x 81 cm, gồm 12 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 300 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: không ghi.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biếu dương việc thiện.
- Gia phả, lai lịch dòng họ.

Tóm lược nội dung:

Hiếu nữ tên là Thị Tùng gửi giỗ cho ông bà nội, ông bà ngoại, cha mẹ và các dì. Ghi tên húy, tên hiệu, ngày giỗ và nghi thức cúng của từng người: ông nội húy Thận, tự Phúc Đạt; bà nội húy Vĩnh, hiệu Ngộ Tâm; bố húy Nguyên, tự Thuần Trục; mẹ húy Xứng, hiệu Từ Trinh v.v...

Ghi chú: Đây chỉ là thác bản mặt thứ 2 của một tấm bia có hai mặt.

Quỳnh Lâm tự kí

瓊林寺記

Kí hiệu: 1606/1607/1608/1609

Thác bản bia sru tấm tại chùa Quỳnh Lâm thôn Ngọc Mạch xã Phương Canh tổng Phương Canh huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 4 mặt, khổ 19 x 130 cm, gồm 19 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 700 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Vĩnh Khánh thứ 2 (1730).

Người soạn: Nguyễn Công Bàn 阮公磐; chức vị: Xã chánh.

Chủ đề: Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Bia ghi họ tên, quê quán các vị hội chủ công đức đóng góp tiền của, cúng dâng vào Quỳnh Lâm. Hội chủ: Phó sở sứ Bùi Công Kiêm, vợ là Hậu phật Nguyễn Thị Nhữ, hiệu Thiện Quang cùng con trai là Bùi Công Hương v.v... Những người hưng công quê thôn Hòe Thị: Xã trưởng Nguyễn Đắc Dụng cùng vợ là Nguyễn Thị Duyên; Nguyễn Thế Vị cùng vợ là Nguyễn Thị Sự v.v...

Thập phương công đức/Di bi vạn đại

十方功德/貽碑萬代

Kí hiệu: 1610/1611

Thác bản bia thôn An Trai xã Vân Canh huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai 國威府慈廉縣雲耕社安齋村, sưu tầm tại chùa thôn An Trai xã Vân Canh tổng Phương Canh huyện Từ Liêm.

Thác bản 2 mặt, khổ 46 x 94 cm, gồm 34 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1300 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Chính Hòa thứ 24 (1723).

Người soạn và viết chữ: Phạm Đăng Xuân 范登春; học vị: Sinh đồ.

Chủ đề: - Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Những người có công đức tất được hưởng phúc lâu dài, được ghi tên vào bia để tiếng thơm truyền hậu thế. Nay toàn thôn An Trai dựng bia ghi tên những người đứng ra hưng công, đóng góp tiền của, công sức tu sửa tiền đường, tam quan, tạc tượng cho chùa Hạ Ngọc ở bản thôn. Hưng công hội chủ: Lê Đức Tiến, Đoàn Thị Đốc, Đàm Vinh, Đàm Hoa v.v... Có bài tán.

Nhất đại bi tự/Hậu phật bi kí

壹大悲寺/後佛碑記

Kí hiệu: 1612/1613

Thác bản bia xã Vân Canh huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai 國威府慈廉縣雲耕社, sưu tầm tại chùa thôn Kim Hoàng xã Vân Canh tổng Phương Canh huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 60 x 96 cm, gồm 33 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 800 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Chính Hòa thứ 25 (1724).

Người soạn: họ Trần 陳; quê quán: giáp Nhất xã Vân Canh.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biếu dương việc thiện.

- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Bà Lê Thị Thu, hiệu Diệu Trí người huyện Lôi Dương phủ Thiệu Thiên là vợ của ông Nguyễn Xuân Thung, Huyện thừa huyện Nghi Dương, tước Cơ Thọ nam, quê thôn Hoàng Bảng. Nhân chùa Đại Bi ở thôn Hoàng Bảng và Kim Bảng lâu ngày bị hư hỏng, bà xuất 18 quan tiền để tu bổ thượng điện, tiền đường, tam quan. Bà lại cúng 1 mẫu 2 sào ruộng để làm ruộng hương hỏa cho chùa. Quan viên xã bầu vợ chồng bà làm Hậu phật, hàng năm cúng giỗ theo quy định. Mặt sau ghi vị trí, diện tích các thửa ruộng và họ tên, chức sắc những người kí bầu Hậu.

Từ Vân Trần tộc bi kí

慈雲陳族碑記

Kí hiệu: 1614

Thác bản bia sưu tầm tại nhà thờ họ Trần xã Vân Canh tổng Phương Canh huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 40 x 77 cm, gồm 16 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 450 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: không ghi.

Niên đại ước đoán: đời Nguyễn.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biếu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Con cháu và 5 chi của Yên Lý Trần tiên sinh, Tri huyện huyện Lâm Thao đời Lê chia ruộng hương hỏa và những quy định chung về ruộng, vườn, ao, nhà giao cho dòng đích quản lý để hàng năm cúng giỗ. Trích ra 2 mẫu 2 sào 11 thước chia cho 3 chi thay nhau cày cấy để cúng giỗ từ hàng bà Diệu Ngọc nhụ nhân trở lên. Ruộng do học trò của Hòe Hiên tiên sinh và Yên Lý tiên sinh tiến cúng gồm 1 mẫu

7 sào 8 thước thì cả 5 chi thay nhau cày cấy để sắm sửa lễ vật cúng tế. Có ghi vị trí, diện tích các thửa ruộng.

Tự điền bì kí

祀田碑記

Kí hiệu: 1615/1616

Thác bản bia sưu tầm tại nhà thờ họ Trần xã Vân Canh tổng Phương Canh huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 38 x 66 cm, gồm 23 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 500 chữ, có hoa văn, có chữ húy: Cửu 𣎵.

Niên đại: Canh Hưng thứ 39 (1769).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Học trò của Tiến sĩ họ Trần [tức Tiến sĩ Trần Hiền], trong đó có nhiều người đã thành đạt, nghĩ đến công lao thầy dạy dỗ, góp tiền 90 quan 5 mạch mua 8 sào ruộng tại thôn An Trai làm ruộng hương hỏa cho thầy. Số ruộng này giao cho con trai, cháu trai thầy luân phiên cày cấy để lấy tiền mua lễ vật cúng giỗ hàng năm. Trong những người tham gia có Công bộ Thượng thư, trí sĩ Trạch Quận công Nguyễn Gia Dung người xã Phương Liệt huyện Thanh Trì cúng 2 sào ruộng. Bồi tụng, Binh bộ Tả Thị lang Liên Khê hậu Vũ Miên người xã Xuân Quan huyện Lang Tài góp 2 hốt bạc v.v...

Tam bảo thị/Công đức thị bi

三寶市/功德市碑

Kí hiệu: 1617/1618

Thác bản bia sưu tầm tại chợ xã Vân Canh tổng Phương Canh huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 56 x 90 cm, gồm 34 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1000 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Chính Hòa, năm Đinh Mão (1687).

Người soạn: Lê Đôn Nghiệp 黎敦業; quê quán: xã Vân Canh; chức vị: Quan viên.

Người viết chữ: Nguyễn Kim Trình 阮金埕; quê quán: xã Tử Trâm; chức vị: Xã trưởng.

Chủ đề: Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Những người buôn bán ở chợ Vân Canh thuộc bản xã thường bị bọn đánh thuế chợ sách nhiễu. Một số thiện sĩ, tín vãi và những người công đức thập phương đã góp tiền mua chợ cúng cho chùa làm của tam bảo để trừ bỏ phiền hà cho dân. Bia ghi tên họ tên, quê quán những người góp tiền mua chợ: quan viên từ Lê Đức Mộ, Đặng Liễn tự Phúc Miên hiệu Thọ Xuân; Nguyễn Hưng Nhượng tự Đạo Đức hiệu Huyền Thông v.v...

Hậu phát bi ước/Thập phương công đức

後佛碑約/十方功德

Kí hiệu: 1619/1620

Thác bản bia thôn An Trai xã Vân Canh huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai 國威府慈廉縣雲耕社安齋村, sưu tầm tại chùa Tường Quang thôn An Trai xã Vân Canh tổng Phương Canh huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 52 x 88 cm, gồm 42 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1100 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Chính Hòa thứ 20 (1699).

Người soạn: Lê Đức Dung 黎德容, tên hiệu: Hồng Lô tự hạp môn sứ; quê quán: xã Vân Canh.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Chùa Tường Quang ở bản thôn lâu ngày nên đồ nát. Bà Lê Thị Yến hiệu Diệu Tĩnh, người thôn Nhân Ái thuộc bản xã đã xuất tiền mua gỗ, ngói, gạch để sửa lại thượng điện, cột thiêu hương, tiền đường,

tam quan và tô lại tượng Phật. Dân làng bầu bà làm Hậu phật, tạc tượng bà đặt trong chùa và quy định nghi thức cúng giỗ sau khi bà mất. Mặt sau ghi họ tên những người cùng đóng góp tiền để tu sửa chùa: Đàm Văn Tín tự Đức Thiện, hiệu Phúc Duyên cùng vợ là Phạm Thị Tuất cúng 15 quan v.v...

[Vô đề]

Kí hiệu: 1621/1622/1623

Thác bản bia thôn An Trai xã Vân Canh huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai 國威府慈廉縣雲耕社安齋村, sưu tầm tại chùa thôn An Trai xã Vân Canh tổng Phương Canh huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 3 mặt, khổ 25 x 124 cm, gồm 23 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 1100 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Vĩnh Thịnh thứ 16 (1720).

Người soạn: Phạm Đăng Xuân 范登春, tên hiệu: Bình Dị; quê quán: xã Vân Canh; học vị: Sinh đồ.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Họ tên, tự hiệu, quê quán của người thập phương, người địa phương đóng góp tiền của để xây thượng điện, tiền đường, tam quan, cột thiêu hương chùa Hạ Ngọc thuộc bản thôn vào năm Đinh Dậu (1717). Bà Nguyễn Thị Thiện người bản thôn cúng 100 quan tiền, 1 mẫu 7 sào ruộng cho chùa để gửi giỗ. Có ghi vị trí các thửa ruộng và nghi thức cúng giỗ hàng năm.

Hậu phật sự lệ bi kí

后佛事例碑記

Kí hiệu: 1624

Thác bản bia thôn Đỗ xã Nhân Mỹ huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai 國威府慈廉縣仁美社杜村, sưu tầm tại chùa xã Nhân Mỹ tổng Phương

Canh huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 38 x 80 cm, gồm 13 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 350 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Cảnh Thịnh thứ 8 (1800).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Các quan viên hương lão thôn Đỗ xã Nhân Mỹ ghi nhận việc 3 ông: Nguyễn Cư, Lưu Quang Hoành và Nguyễn Vũ Ninh đã cúng 400 quan tiền, 1 mẫu 4 sào ruộng để tu sửa chùa, nên bản thôn đồng lòng bàu cha mẹ họ làm Hậu phật. Có ghi họ tên, ngày giỗ của từng người.

Ghi chú: Hai chữ “Cảnh Thịnh” ở dòng niên đại bị đục nhưng vẫn đoán được nét chữ trên thác bản.

Hậu phật bi kí

后佛碑記

Kí hiệu: 1625

Thác bản bia thôn Đỗ xã Nhân Mỹ huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai 國威府慈廉縣仁美社杜村, sưu tầm tại chùa xã Nhân Mỹ tổng Phương Canh huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 40 x 66 cm, gồm 12 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 250 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Cảnh Thịnh thứ 1 (1793).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Thôn Đỗ vì có việc công nên tổ chức quyên tiền. Bà Lưu Thị Gương, hiệu Từ Nhu người bản thôn đã cúng 80 quan tiền và 3 sào ruộng.

Dân thôn đồng lòng bầu bà làm Hậu phật. Có ghi các quy định cúng giỗ sau khi bà mất và vị trí các thừa ruộng cúng.

Ghi chú: Hai chữ niên hiệu ở dòng niên đại bia bị đục. Xét danh sách các quan viên thôn Đỗ ghi ở thác bản bia này gần hoàn toàn trùng khớp với tên người ghi trên thác bản bia số 1624, vì vậy có thể xác định dòng niên đại bia là “Cảnh Thịnh nguyên niên” (1793).

Tư văn bi kí

斯文碑記

Kí hiệu: 1626/1627

Thác bản bia thôn Đình xã Nhân Mỹ huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai 國威府慈廉縣仁美社亭村, sưu tầm tại đình xã Nhân Mỹ tổng Phương Canh huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 34 x 49 cm, gồm 18 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 300 chữ, có hoa văn, không có chữ huy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 30 (1769).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Quan viên sắc mục của Hội Tư văn thôn Đình gồm có 20 người, nhưng chỉ có 16 người đồng tâm tham gia góp tiền mua thửa ao của ông Bùi Bá Chu ở xứ Cửa Đình cho Hội làm hoa lợi lâu dài. Ghi tên từng người tham gia và có 3 điều quy định: (1) Hàng năm, giáp lễ Hậu mỗi khi xuống ao quăng lưới bắt cá phải đến trước bia này thành kính vái chào, ai không tuân theo sẽ bị khai trừ ra khỏi Hội Tư văn. (2) Con cháu đời sau của 16 người có tên trong bia, khi vào Hội sẽ không phải đóng tiền ao, còn con cháu những người không có tên trên bia muốn được ăn uống với Hội phải đóng 2 quan tiền. (3) Nếu người nào ương ngạnh bắt kính với bia này, cầu xin trời đất thần linh đánh chết.

Đình môn sự lệ bí kí

亭門事例碑記

Kí hiệu: 1628/1629

Thác bản bia thôn Đình xã Nhân Mỹ huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai
國威府慈廉縣仁美社亭村, sưu tầm tại đình xã Nhân Mỹ tổng
Phương Canh huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 53 x 85 cm, gồm 30 dòng chữ Hán, toàn văn ước
khoảng 600 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Canh Hưng thứ 31 (1770).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Năm Nhâm Ngọ (1762) do thiếu tiền lo việc quan, các quan viên sắc
mục giáo phường giáp Đông Hạ huyện Từ Liêm đã 2 lần đến vay
mượn của hai giáp Đông, Đoài của thôn Đình tổng cộng 18 quan
tiền cổ, nay không có tiền trả lại. Để đền đáp, giáo phường quyết
định từ nay trở đi sẽ miễn thu của bản thôn các khoản tiền lệ ca hát
tiết Nhập tịch, tiền xung mỗi khi xây, sửa đình miếu và lễ vật thờ
cúng, chỉ vào ngày đặt tiệc được phép thu của thôn 3 mạch tiền cổ,
2 mâm xôi và rượu thịt, ngoài ra không được đòi hỏi yêu sách nhiều
theo như lệ cũ, cũng không được lật lọng. Nay có lập thành giao
ước để làm bằng, đem khắc vào bia để lưu truyền. Giữa giáp Đông
Hạ giáo phường và bản thôn sẽ duy trì quan hệ ân nghĩa lâu dài.

Ghi chú: Dòng niên đại có dấu vết đục ở hai chữ niên hiệu Canh Hưng.

Hậu thần bí kí

後神碑記

Kí hiệu: 1630/1631

Thác bản bia thôn Đình xã Nhân Mỹ huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai
國威府慈廉縣仁美社亭村, sưu tầm tại đình xã Nhân Mỹ tổng
Phương Canh huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 41 x 71 cm, gồm 28 dòng chữ Hán và Nôm, toàn
văn ước khoảng 600 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: năm Dần, năm thứ 2.

Niên đại ước đoán: Cảnh Thịnh thứ 2 (1794).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Vào năm Đinh Mùi (1787) và Mậu Thân (1788), các ông Tiền hương lão, Lão nhiều kiêm Trùm trưởng họ Bùi, tự Phúc Kỳ và Tiền Thập Lý hầu, Trùm trưởng Nguyễn Viết Khang ở thôn Đình xã Nhân Mỹ được thôn Nhân Mỹ bầu làm Hậu phật. Gia đình hai ông đã bỏ ra 1800 tiền, 8 sào ruộng cúng cho 2 giáp Đông Đoài trong thôn luân phiên sử dụng để sắm lễ vật cúng tế. Có các quy định cúng giỗ hàng năm. Mặt sau ghi họ tên các Hậu thần và những người kí nhận bầu Hậu.

Hậu thần bi kí

后神碑記

Kí hiệu: 1632/1633

Thác bản bia thôn Đình xã Nhân Mỹ huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai 國威府慈廉縣仁美社亭村, sưu tầm tại đình xã Nhân Mỹ tổng Phương Canh huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 43 x 78 cm, gồm 24 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 600 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: năm Dần, năm thứ 31.

Niên đại ước đoán: Cảnh Hưng thứ 31 (1770).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Hành trạng, công tích nhân vật.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Các ông Thập Lý hầu Bùi Bá Nghĩa và Huyện thừa huyện Vĩnh Khang Nguyễn Công Thành người bản xã, là những người có nhân

đức, hay làm điều thiện. Năm Canh Thìn (1760) dân toàn thôn đồng lòng bầu họ làm Hậu thần. Sau đó vợ chồng con trai họ lại cúng 1.800 tiền, 12 sào ruộng làm hương hỏa cho cha mẹ. Ghi họ tên các Hậu thần, những quy định cúng giỗ hàng năm và vị trí, diện tích các thửa ruộng cúng. Cuối cùng là họ tên những người kí nhận bầu Hậu.

Đình môn sự lệ/Thạch bi truyền tạo

亭門事例/石碑鑄造

Kí hiệu: 1634/1635

Thác bản bia xã Phú Mỹ huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai 國威府慈廉縣復富美社, suu tầm tại đình xã Phú Mỹ tổng Phương Canh huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 78 x 120 cm, gồm 47 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1800 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 21 (1760).

Người soạn: Phan [Lê Phiên] 潘黎藩; học vị: Tiến sĩ khoa Đinh Mùi (1757); chức vị: Đốc đồng Cao Bằng, Hàn lâm viện Hiệu thảo.

Người viết chữ: Bùi Tiến Nhậm 裴進任; quê quán: xã Phú Mỹ huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai; chức vị: Cai hợp.

Chủ đề: Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Giáo phường giáp Đông Hạ vay xã Phú Mỹ 70 quan tiền để lo việc quan dịch, đồng thời tự nguyện xin giảm bớt quyền lợi hát ở cửa đình. Có 9 điều giao kèo giữa bản xã và giáo phường, như hàng năm vào các ngày lễ lớn, giáo phường phải cử người đến hát. Khi dân bản xã tu sửa đình, giáo phường không được can thiệp v.v... Mặt sau ghi họ tên và số tiền những người trong xã cho giáo phường vay.

Đại An tự/Thạch bi minh

大安寺/石碑銘

Kí hiệu: 1636/1637

Thác bản bia xã Phú Mỹ huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai 國威府慈廉縣富美社, sưu tầm tại chùa Đại An xã Phú Mỹ tổng Phương Canh huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 74 x 125 cm, gồm 38 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1200 chữ, có hoa văn, không có chữ huy.

Niên đại: Vĩnh Hựu thứ 1 (1735).

Người soạn: Lê Vinh 黎榮, tự Đạt Kiêm; quê quán: xã Phú Mỹ; học vị: Sinh đồ.

Chủ đề: - Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Chùa Đại An ở xã Phú Mỹ lâu ngày nên bị hư hỏng. Năm Giáp Dần (1734), các thiện nam tín nữ ở bản xã đóng góp tiền sửa chữa thượng điện, tiền đường, cột thiêu hương, đúc tượng làm cho chùa trở nên trang nghiêm đẹp đẽ. Bia ghi họ tên những người hưng công hội chủ: Sinh đồ Lê Vinh Tiêm cùng vợ là Vũ Thị Đương, Sinh đồ Lê Vinh Vĩ cùng vợ là Lê Thị Diên v.v... Có bài minh.

Cổ Nhuế kiều bi kí/Phúc lý vĩnh bản tụy

古芮橋碑記/福履永磐綏

Kí hiệu: 1638/1639/1640/1641

Thác bản bia thôn Hoàng xã Cổ Nhuế 古芮社黃村, sưu tầm tại thôn Hoàng xã Cổ Nhuế tổng Cổ Nhuế huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 4 mặt, khổ 74 x 110 cm và 29 x 107 cm, gồm 36 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 1500 chữ, có hoa văn, không có chữ huy.

Niên đại: Bảo Thái thứ 7 (1726).

Người soạn 1: Phí Bình Thuyên 費秉荃; học vị: Giám sinh.

Người soạn 2: Chu Luân 朱倫.

Người viết chữ: Nguyễn Đăng Quyền 阮登權; quê quán: xã Đông Ngạc huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai.

Người khắc: Nguyễn Hữu Nghi 阮有儀, Nguyễn Kế Lương 阮繼良, Nguyễn Đình Dự 阮廷譽; quê quán: xã Kinh Chủ huyện Giáp Sơn.

Chủ đề: - Xây dựng, trùng tu di tích.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Giữa đường thôn Hoàng xã Cổ Nhuế có một khe nước, trước nay vẫn bắc tạm bằng cây gỗ, khiến việc đi lại khó khăn. Bản xã họp các thiện nam tín nữ bốn phương cùng người bản xã bàn việc quyên góp tiền của để xây cây cầu bằng đá to rộng, khiến cho việc đi lại thuận tiện như đi trên đường bằng phẳng. Ghi họ tên những người có công đức: Sinh đồ Nguyễn Tri Vượng và vợ là Đỗ Thị Hiệp, Đỗ Bách và vợ là Nguyễn Thị Phi v.v... Hai mặt bên ghi đôi câu đối.

Hậu thần bi kí

后神碑記

Kí hiệu: 1642

Thác bản bia xã Cổ Nhuế huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai 國威府慈廉縣古芮社, suru tâm tại thôn Đông xã Cổ Nhuế tổng Cổ Nhuế huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 37 x 64 cm, gồm 10 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 200 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 34 (1773).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi gắm, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Bà họ Nguyễn, hiệu Diệu Đoan người bản giáp cúng 10 quan tiền cô, 1 mẫu ruộng cho giáp. Bản giáp đồng lòng bầu bà làm Hậu thần và

hứa sau khi bà mất, hàng năm sẽ cúng giỗ theo đúng quy định ghi trong bia. Có ghi vị trí, diện tích các thửa ruộng cúng.

Vạn đại bi kí/Sáng lập hậu sự

萬代碑記/創立後事

Kí hiệu: 1643/1644

Thác bản bia thôn Chùa xã Cổ Nhuế huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai
國威府慈廉縣古芮社廚村, sưu tầm tại điểm thôn Chùa xã Cổ
Nhuế tổng Cổ Nhuế huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 65 x 130 cm, gồm 37 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 1000 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Vĩnh Khánh, năm Canh Tuất (1730).

Người soạn: Lê Văn Bảng 黎文榜; chức vị: Phụng thị Nội điện.

Người viết chữ: Nguyễn Công Bàn 阮公磐; chức vị: Xã chánh.

Chủ đề: Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà Lê Thị Nhuận, người bản thôn, vì chồng mất sớm mà chưa có con, nên đem gia sản gồm 50 quan tiền, 5 mẫu ruộng, 1 thửa đất và 1 thửa ao cúng cho bản thôn để gửi giỗ cho chồng và bản thân. Bà lại có 1 dãy nhà từ đường và 1 nhà tế đường giao cho người cm nuôi vốn được coi như con nuôi là Đỗ Trác Dị trông nom hương hỏa quanh năm. Bản thôn ghi nhận số tiền và ruộng đất và giao ước những thể thức cúng giỗ.

Tạo lập Tiên Linh từ tự điền bi kí

造立先靈祠祀田碑記

Kí hiệu: 1645/1646

Thác bản bia thôn Chùa xã Cổ Nhuế huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai
國威府慈廉縣古芮社廚村, sưu tầm tại Điểm thôn Chùa xã Cổ
Nhuế tổng Cổ Nhuế huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 58 x 98 cm, gồm 44 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 1300 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Chính Hòa thứ 17 (1696).

Người soạn: Đỗ Kiêm Toàn 杜兼全; học vị: Sinh đồ; chức vị: Phó Câu kê; tước Liêm Phái nam.

Người viết chữ: Hoàng Sĩ Triều 黃仕朝; quê quán: thôn Chùa; chức vị: Lão nhiêu.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Toàn dân thôn Chùa ghi nhận việc ông Tiền quan viên Chu Viết Nhân cùng vợ là Hoa Thị Cơ và Đỗ Thị Năm, người bản thôn, viết bản chúc thư cúng cho thôn 5 mẫu ruộng, 1 ao, một mảnh đất, 20 quan tiền để lo việc hậu sự cho họ. Số ruộng đó, thôn chịu trách nhiệm cấy cấy lấy hoa lợi làm giỗ theo quy định ghi trong bia. Có bài mẫu văn tế đọc trong ngày kỵ. Ghi diện tích, vị trí các thửa ruộng cúng.

[Vô đề]

Kí hiệu: 1647/1648

Thác bản bia sưu tầm tại Diêm thôn Chùa xã Cổ Nhuế tổng Cổ Nhuế huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 31 x 65 cm, gồm 21 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 500 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 9 (1748).

Người soạn: Phí Đình Chất 費廷質; quê quán: xã Cổ Nhuế; học vị: Giải nguyên khoa Thư toán năm Đinh Mão.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Toàn thôn Chùa ghi nhận việc bà Đỗ Thị Cầu người bản thôn đã giúp thôn 100 quan tiền để nộp phạt. Sau đó lại cúng thêm 4 mẫu 4 sào ruộng 1 thửa ao và 80 quan tiền dựng nên 1 ngôi từ đường để gửi

giỗ cho chồng và bản thân. Nhân đó lập bia để truyền lâu dài. Có ghi họ tên vợ chồng bà, bài mẫu văn tế và các quy định cúng giỗ hàng năm của từng người.

Hậu phật Đại Bi tự/Điền tỉnh lập bi kí

後佛大悲寺/田井立碑記 Kí hiệu: 1649/1650/1651/1652

Thác bản bia xã Vân Canh huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai 國威府慈廉縣雲耕社, sưu tầm tại chùa Đại Bi xã Vân Canh tổng Phương Canh huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 4 mặt, khổ 43 x 64 cm và 11 x 65 cm, gồm 33 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 600 chữ, có hoa văn, có chữ húy: Lợi 祿.

Niên đại: Vĩnh Hựu thứ 1 (1735).

Người soạn: Trần [Đồng] 陳同, hiệu Hòe Hiên cư sĩ; học vị: Tiến sĩ khoa Quý Sửu (niên hiệu Long Đức 2-1733); chức vị: Lại khoa Cấp sự trung.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Hành trạng, công tích nhân vật.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Tín vãi Nguyễn Thị Trung người thôn Kim Bảng thuộc bản xã, xuất tiền trùng tu chùa, xây thêm gạch, cúng 1 mẫu ruộng làm huệ điền. Sau lại mua ruộng để đào giếng mới thay cho giếng cũ ở cạnh đình vốn nằm ở thế đất bất lợi nhân sinh và gây hỏa hoạn. Hương lão bản thôn vui mừng bàu bà làm Hậu phật, nhân đó khắc vào bia đá để lưu truyền. Có ghi các nghi thức cúng giỗ hàng năm, vị trí và diện tích các thửa ruộng cúng. Mặt sau ghi bản giao ước của bản thôn lập năm Bảo Thái thứ 6 (1725) ghi nhận các thửa ruộng cúng tiến và quy định nghi thức cúng giỗ.

Tu tạo lưỡng tiền/Thư khế bi kí

修造兩錢/書契碑記

Kí hiệu: 1653/1654

Thác bản bia thôn Ngoạ Long xã Cổ Nhuế huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai 國威府慈廉縣古芮社臥龍村, suru tầm tại đình xã Phù Diễn tổng Cổ Nhuế huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 45 x 80 cm, gồm 33 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 600 chữ, có hoa văn, có chữ Lúy: Cửu 攷.

Niên đại: Vĩnh Thịnh, năm Ất Mùi (1715).

Người soạn: Nguyễn Công Ánh 阮功映; chức vị: Nho học Huấn đạo phủ Quốc Oai.

Người viết chữ: Phạm Thế Huy 范世輝; quê quán: bản thôn.

Người khắc: Trâu Tất Long 鄒必隆; quê quán: xã Từ Trầm huyện Yên Sơn.

Chủ đề: Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Giáo phường giáp Hạ thuộc bản huyện hàng năm khi hát xướng được hưởng lệ “lưỡng tiền”, “khổng tiền” lệ này quy định hàng năm mỗi khi tổ chức ca hát ở thôn Ngoạ Long, giáo phường được thu 7 quan tiền sử kèm theo cỗ bàn. Nay vì thiếu tiền nộp quan dịch nên Giáo phường đã bán đứt quyền lợi đó cho thôn Ngoạ Long với giá 20 quan. Giao ước sau khi bán, Giáo phường giáp Hạ đến hát sẽ không được hưởng các quyền lợi trên và không được cản trở các Giáo phường nơi khác đến hát. Bia khắc nguyên văn văn khế mua bán được lập năm Vĩnh Thịnh 10 (1714).

[Vô đề]

Kí hiệu: 1655

Thác bản bia suru tầm tại Chùa xã Lại Yên tổng Đắc Sở huyện Đan Phượng tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 30 x 63 cm, gồm 1 dòng chữ Hán, toàn văn ước

khoảng 17 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: không ghi.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Hành trạng, công tích nhân vật.

Tóm lược nội dung:

Bài vị của Tổng Thái giám Phạm tướng công, tự Trung Hậu, được ban thụy Mẫn Trực, tặng chức Tả phủ, tước Tắc quận công.

[Vô đề]

Kí hiệu: 1656

Thác bản bia suu tầm tại Chùa xã Lại Yên tổng Đắc Sở huyện Đan Phượng tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 33 x 65 cm, gồm 1 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 23 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: không ghi.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Hành trạng, công tích nhân vật.

Tóm lược nội dung:

Bài vị của bà họ Phạm, hiệu Từ Nhan, vợ của Đô đốc Thiêm sự Viên Thọ hầu.

[Vô đề]

Kí hiệu: 1657

Thác bản bia suu tầm tại Chùa xã Lại Yên tổng Đắc Sở huyện Đan Phượng tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 30 x 65 cm, gồm 1 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 24 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: không ghi.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Hành trạng, công tích nhân vật.

Tóm lược nội dung:

Thần vị của bà họ Nguyễn, hiệu Diệu Phương, vợ cả của Tổng Thái giám, gia tặg Đê đốc, tước Kí Thọ hầu.

[Vô đề]

Kí hiệu: 1658

Thác bản bia suu tằm tại chùa xã Lại Yên tổng Đắc Sở huyện Đan Phượng tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 32 x 67 cm, gồm 1 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 23 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: không ghi.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Hành trạng, công tích nhân vật.

Tóm lược nội dung:

Bài vị của ông họ Nguyễn, tự Phúc Đức, thụy Minh Đạt, được phong tặg Đô đốc Thiêm sự, tước Viên Thọ hầu.

[Vô đề]

Kí hiệu: 1659

Thác bản bia suu tằm tại chùa xã Lại Yên tổng Đắc Sở huyện Đan Phượng tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 33 x 63 cm, gồm 1 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 23 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: không ghi.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Hành trạng, công tích nhân vật.

Tóm lược nội dung:

Thần vị của Tổng Thái giám, Tham đốc, gia tặc Đê đốc, tước Kí Thọ hầu, tự Như Lưu.

[Vô đề]

Kí hiệu: 1660

Thác bản bia sưu tầm tại chùa xã Lại Yên tổng Đắc Sở huyện Đan Phượng tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 30 x 65 cm, gồm 1 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 22 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: không ghi.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Hành trạng, công tích nhân vật.

Tóm lược nội dung:

Thần vị của bà họ Nguyễn, hiệu Diệu Đê, vợ cả ông Đồng tổng tri, tước Lại Ân bá.

[Vô đề]

Kí hiệu: 1661

Thác bản bia sưu tầm tại chùa xã Lại Yên tổng Đắc Sở huyện Đan Phượng tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 33 x 65 cm, gồm 1 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 23 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: không ghi.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Hành trạng, công tích nhân vật.

Tóm lược nội dung:

Thần vị của ông họ Nguyễn, Đồng Tổng tri, tước Lại Ân bá, tự Nhân Quảng, thụy Phúc Trung phủ quân.

Hậu thần từ vũ bi kí

後神祠宇碑記

Kí hiệu: 1662/1663

Thác bản bia xã Lại Yên huyện Đan Phượng phủ Quốc Oai 國威府丹鳳縣賴安社, suru tâm tại đền Tiên Hiến xã Lại Yên tổng Đắc Sở huyện Đan Phượng tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 60 x 100 cm, gồm 23 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 900 chữ, có hoa văn, có chữ huy: Cửu 𠂔.

Niên đại: Gia Long thứ 13 (1814).

Người đứng soạn: Cao [Huy Diệu] 高輝耀, tên tự: Cửu Chiếu, tên hiệu: Hồng Quế Hiến; chức vị: Phủ doãn phủ Quốc Oai.

Người viết chữ: Ngô Thì Vọng 吳時望.

Người khắc: Đồng Hữu Tài 同右才.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Hành trạng, công tích nhân vật.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Tháng 6 năm Giáp Tuất (1814), quan Phủ doãn phủ Quốc Oai Cao (Huy Diệu), tự Cửu Chiếu, hiệu Hồng Quế Hiến đến thăm đền Tiên Hiến xã Lại Yên, thấy tấm bia cổ từ năm Quang Bảo thứ 9 (1562) chép về việc quan Lễ bộ Thượng thư Nguyễn Vĩnh Miên tự Đạm Trai, thụy Khánh Diên, Tiến sĩ (Hội nguyên) khoa Nhâm Tuất sau khi đi sứ về đã cấp cho làng 10 mẫu ruộng, được dân tôn bàu ông và phu nhân họ Chử làm Hậu thần. Quan Phủ doãn bèn đứng sửa lại văn bia, mặt trước ghi tên huy hiệu, danh vị đỗ đạt, ngày giỗ của Hậu, mặt sau ghi số ruộng đất cúng. Các quan viên trong thôn cũng nhân đó khắc thêm các điều lệ quy định cúng giỗ.

Trùng tu Phật Linh tự bi kí

重修佛靈寺碑記

Kí hiệu: 1664

Thác bản bia suru tâm tại xã Yên Sở tổng Dương Liễu huyện Đan Phượng tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 72 x 121 cm, gồm 28 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 2000 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Chính Hòa thứ 16.

Niên đại ước đoán: thời Nguyễn.

Người soạn: họ Nguyễn 阮; chức vị: Tri phủ phủ Quốc Oai.

Chủ đề: Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Mặt sau một tấm bia, ghi họ tên những người đóng góp: Nguyễn Xuân Linh và vợ là Nguyễn Thị Hình, Nguyễn Văn Doãn và vợ là Nguyễn Thị Ân v.v...

Ghi chú: Hai chữ “Chính Hòa” ở dòng niên đại trên thác bản là ngụ tạo. Tên soạn giả cũng bị bôi xóa.

Lập văn khế kí/Mãi huyện tru đình tạo bi

立文契記/買縣籌亭造碑

Kí hiệu: 1665/1666

Thác bản bia xã Dương Hòa huyện Đan Phượng phủ Quốc Oai 國威府丹鳳縣楊和社, suru tầm tại chùa xã Quế Dương tổng Dương Liễu huyện Đan Phượng tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 60 x 100 cm, gồm 39 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1200 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Chính Hòa thứ 4 (1683).

Người soạn 1: Đỗ Văn Trường 杜文長; học vị: Quốc tử giám Giám sinh; chức vị: Tri huyện.

Người soạn 2: Nguyễn Tuyển Hiền 阮選賢; chức vị: Trùm trưởng.

Chủ đề: - Sinh hoạt làng xã.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Hai văn bản khế ước, 1 bản lập năm Vĩnh Trị thứ 1 (1676) và 1 bản lập năm Chính Hòa thứ 4 (1683) về việc giáp Hạ và giáp Thượng thuộc Giáo phường huyện Đan Phượng bán quyền lợi hát cửa đình

cho xã Quế Dương để lấy tiền chi dùng. Giá tiền và những điều quy ước mờ không đọc được. Có bài tụng.

Tiên hiền từ bi

先賢祠碑

Kí hiệu: 1667/1668

Thác bản bia sưu tầm tại chùa xã Dương Liễu huyện Đan Phượng tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 51 x 84 cm, gồm 31 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 800 chữ, có hoa văn, có chữ huy: Tân 縣.

Niên đại: Hoảng Định thứ 19 (1618).

Người viết chữ: Nguyễn Văn Uyên 阮文淵; chức vị: Đô lại bộ Hộ, Văn Ngạn tử.

Người khắc: Nguyễn Trôi 阮淩; quê quán: xã Từ Trầm huyện Yên Sơn.

Chú đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Sinh hoạt làng xã.
- Khoa bảng.

Tóm lược nội dung:

Hai xã Mậu Hòa và Dương Liễu là nơi có truyền thống Nho học, các đời đều có nhiều người đỗ đạt. Ông Nguyễn Mậu Tài là người xã Dương Liễu, hiếu học, thi Hội đỗ tam trường, nay cùng 2 mẫu 2 sào ruộng cho Hội Tư văn làm ruộng tế. Hội bèn lập bia ghi tên những người đỗ đạt thuộc 2 xã nói trên để thờ cúng, danh sách chia ra các hạng: Tiến sĩ, Giám sinh, Phủ sinh. Mặt sau bia ghi vị trí các thửa ruộng tế điền.

Tự sự bi kí/Mậu Thân niên tạo

祀事碑記/戊申年造

Kí hiệu: 1669/1670

Thác bản bia giáp Hương Nhai xã Dương Liễu huyện Đan Phượng phủ Quốc Oai 國威府丹鳳縣楊柳社香街甲, sưu tầm tại chùa xã Dương Liễu tổng Dương Liễu huyện Đan Phượng tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 67 x 110 cm, gồm 48 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 1500 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Cảnh Trị thứ 6 (1668).

Người soạn: Đào [Công Chính] 陶公正; quê quán: xã Hội Am huyện Vĩnh Lại phủ Thượng Hồng, Hải Dương; học vị: Bảng nhãn khoa Tân Sửu; chức vị: Phủ doãn phủ Phụng Thiên.

Người viết chữ: Trịnh Thiên Niên 鄭千年; chức vị: Thư tả, tước Vinh Nhuận nam.

Chủ đề: - Bàu Hâu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Hành trạng, công tích nhân vật.
- Sinh hoạt làng xã.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Tiêu sử ông Lý Vinh Tiến. Ông vốn họ Nguyễn, con Nguyễn Văn Lương người bản xã, sau làm con nuôi Lý tướng công. Thừa nhỏ thông minh, làm quan đến chức Lang trung, có nhiều công lao, được ban tước tử. Năm Đinh Mùi, ông hồ giá vua lên Cao Bằng đánh dẹp họ Mạc, bị tử trận. Vợ ông đưa linh cữu về an táng tại quê nhà. Sinh thời ông cúng cho bản giáp 2 mẫu 5 sào ruộng. Dân thờ cúng ông và bố nuôi ông là Lý Trân Nguyên. Mặt sau bia ghi bài minh, kê vị trí, diện tích các thửa ruộng cúng và những quy định cúng giỗ hàng năm.

Thư khế giao ước hậu Tiên hiền bi chú tế tự

書契交約後先賢碑註祭祀 Kí hiệu: 1671/1672/1673/1674

Thác bản bia xã Di Ái huyện Đan Phượng phủ Quốc Oai 國威府丹鳳縣遺愛社, sưu tầm tại chùa Thị Trung giáp Hạ xã Di Trạch tổng Kim Thiá huyện Đan Phượng tỉnh Hà Đông.

Thác bản 4 mặt, khổ 50 x 75 cm và 13 x 62 cm, gồm 41 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 1400 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Vĩnh Thịnh thứ 12 (1716).

Người soạn: Nguyễn Quốc Hiệu 阮國校; quê quán: xã Hương Bảng;
học vị: Nho sinh.

Người viết chữ: Nguyễn Như Lân 阮如麟; chức vị: Xã trưởng xã
Kim Thià.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biếu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Nho sinh Nguyễn Phàn Phượng cúng cho Hội 1 mẫu ruộng làm ruộng
tế, nên toàn Hội đã đồng lòng bầu ông và vợ là Lý Thị Tùng làm
Hậu hiền. Cha mẹ cũng được phối hưởng. Có quy định cúng giỗ
hàng năm và các điều quy ước sử dụng ruộng tế. Ai làm trái giao
ước sẽ bị phạt.

Thì Trung cổ tự Hậu phật bi kí

時中古寺后佛碑記

Kí hiệu: 1675

Thác bản bia giáp Thì Trung xã Di Ai huyện Đan Phượng phủ Quốc
Oai 國威府丹鳳縣遺愛社時中甲, sưu tầm tại chùa Thì Trung xã
Di Trạch tổng Kim Thià huyện Đan Phượng tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 53 x 97 cm, gồm 17 dòng chữ Hán và Nôm, toàn
văn ước khoảng 600 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 47 (1786).

Người soạn: Nguyễn Công Thạc 阮公碩; quê quán: xã Đông Ngạc
huyện Từ Liêm; học vị: Tiến sĩ khoa Kỷ Hợi (1779); chức vị: Đốc
đồng xứ Tuyên Quang, Hàn lâm viện Hiệu lý.

Người viết chữ: Cao Đăng Châu 高登洲; học vị: Thụ toán khoa Quý
Dậu; chức vị: Thị nội Thư tả, Hình phiên.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biếu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Ông Đô chỉ huy Gia Vũ bá họ Lê quê ở xã Đồng Đội huyện Ngọc Sơn
đã cúng 1 mẫu 5 sào ruộng vào chùa quê ông ở xã Di Ai, lại

trồng cây hoa quả cho sư chùa thờ Phật. Dân bản giáp nhiều lần bầu ông làm Hậu phật, nhưng ông từ chối. Dân bản giáp bèn bầu vợ ông là bà Nguyễn Thị Thành và cha mẹ vợ làm Hậu phật. Ông lại cúng thêm 2 mẫu ruộng làm tự điền. Số ruộng đó giao cho dân luân phiên cày cấy lấy hoa lợi cúng giỗ hàng năm.

[Vô đề]

Kí hiệu: 1676

Thác bản bia giáp Thị Trung xã Di Ái huyện Đan Phượng phủ Quốc Oai 國威府丹鳳縣遺愛社時中甲, sưu tầm tại chùa Thị Trung xã Di Trạch tổng Kim Thià huyện Đan Phượng tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 32 x 80 cm, gồm 29 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 450 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: năm Bính Ngọ.

Niên đại ước đoán: Cảnh Hưng thứ 47 (1786).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Ông họ Lê (không rõ tên) cúng cho bản xã 1 mẫu 5 sào ruộng làm ruộng Hậu. Quan viên hương lão toàn giáp lập giao ước giao ruộng cho con cháu các nhà lương thiện cày cấy, hàng năm nộp thuế để lo việc cúng giỗ. Có ghi các quy ước cúng giỗ hàng năm và vị trí, diện tích các thửa ruộng cúng.

Ghi chú: Thác bản bia này có liên quan với thác bản số 1675, ông họ Lê ở đây chính là ông Gia Vũ bá người Thanh Hóa. Qua đó có thể xác định niên đại năm Bính Ngọ của bia chính là năm Cảnh Hưng thứ 47 (1786).

Hậu phật bi kí

后佛碑記

Kí hiệu: 1677

Thác bản bia giáp Thị Trung xã Di Ai huyện Đan Phượng phủ Quốc Oai 國威府丹鳳縣遺愛社時中甲, sưu tầm tại chùa Thị Trung xã Di Trạch tổng Kim Thiệp huyện Đan Phượng tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 50 x 86 cm, gồm 16 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 400 chữ, có hoa văn, có chữ húy: Cửu 𡗗.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 21 (1760).

Người soạn: Lý Nguyễn Duệ 李阮睿; chức vị: Giảng dụ.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Ông Sinh đồ Nguyễn Danh Sĩ đã già mà không có con, nay ông cúng cho bản giáp 3 mẫu ruộng để gửi giỗ cho bản thân ông và vợ là bà Nguyễn Thị Chính. Toàn xã đồng lòng bầu ông làm Trùm thượng Hậu phật, hàng năm cúng giỗ ông bà theo đúng nghi lễ ghi trong bia.

Ghi chú: Thác bản nguyên ghi chú là cùng 1 bia với thác bản số 1678.

Hậu phật bi kí

后佛碑記

Kí hiệu: 1678

Thác bản bia giáp Thị Trung xã Di Ai huyện Đan Phượng phủ Quốc Oai 國威府丹鳳縣遺愛社時中甲, sưu tầm tại chùa Thị Trung xã Di Trạch tổng Kim Thiệp huyện Đan Phượng tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 50 x 86 cm, gồm 18 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 400 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 21 (1760).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Ông Nguyễn Cự người bản giáp là người trung hậu, rất tích cực tham

gia công việc chung của bản giáp, đã cúng cho giáp 3 mẫu ruộng để làm ruộng tế điền. Bản giáp tôn bầu ông làm Trùm thượng Hậu phật.

Ghi chú: Thác bản nguyên ghi chú là cùng 1 bia với thác bản số 1677.

Hậu phật bi kí

后佛碑記

Kí hiệu: 1679

Thác bản bia giáp Thị Trung xã Di Ái huyện Đan Phượng phủ Quốc Oai 國威府丹鳳縣遺愛社時中甲, sưu tầm tại chùa Đông Vực xã Di Trạch tổng Kim Thiá huyện Đan Phượng tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 35 x 57 cm, gồm 16 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 400 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: không ghi.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Phần đầu bia hoàn toàn sao lại nội dung việc bầu Trùm thượng Hậu Phật cho ông Nguyễn Cự của bia thác bản số 1678. Phần thứ hai ghi việc giáp Thị Trung bầu Hậu Phật cho cha mẹ bên ngoại ông Nguyễn Thế Sáng để vợ chồng ông cúng cho giáp 6 quan tiền và 1 mẫu 8 sào ruộng.

Ghi chú: Thác bản nguyên ghi chú là cùng 1 bia với thác bản số 1680.

Hậu phật bi kí

后佛碑記

Kí hiệu: 1680

Thác bản bia giáp Đông Vực xã Di Ái huyện Đan Phượng phủ Quốc Oai 國威府丹鳳縣遺愛社東域甲, sưu tầm tại chùa Đông Vực xã Di Trạch tổng Kim Thiá huyện Đan Phượng tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 35 x 57 cm, gồm 12 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 300 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 43 (1782).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Bà họ Nguyễn hiệu Diệu Chung nhân dịp giáp Đông Vực tiến hành bàu Hậu phật ở chùa, bèn xuất 10 quan tiền giúp bản giáp tu sửa tam quan và 4 sào ruộng làm ruộng kị điền. Giáp nhận số tiền và ruộng, lập bia ghi quy định việc cúng giỗ.

Ghi chú: Thác bản nguyên ghi chú là cùng 1 bia với thác bản số 1679.

[Vô đề]

Kí hiệu: 1681

Thác bản bia giáp Đông Triều xã Di Ái huyện Đan Phượng phủ Quốc Oai 國威府丹鳳縣遺愛社東塵甲, suru tâm tại chùa giáp Đông Triều xã Di Trạch tổng Kim Thìa huyện Đan Phượng tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 55 x 75 cm, gồm 15 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 400 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Cảnh Thịnh thứ 3 (1795).

Người soạn: Lý Trọng Cơ 李仲璣; chức vị: Thiếu đoan.

Người viết chữ: Bùi Thị Đạt 裴時達; chức vị: Tăng lục.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Vào năm Giáp Dần, bản xã lợp lại ngôi, xây tường chùa v.v... Các ông Nguyễn Đình Thanh, Nguyễn Thế Chí, Bùi Chí Đình, v.v... gồm 8 người, mỗi người cúng 30 quan tiền để mua vật liệu. Mỗi người

lại cúng 1 mẫu ruộng tốt làm ruộng tế. Dân bản xã đồng lòng tôn bâu các ông là Hậu phật, dựng bia khắc họ tên để lưu truyền mãi mãi.

Trùng tu Đại Bi tự/Đàn na tín thí kí

重修大悲寺/檀那信施記

Kí hiệu: 1682/1683

Thác bản bia sưu tầm tại chùa Đại Bi thôn Giáp Lục tổng Thịnh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 115 x 138 cm, gồm 70 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 3000 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Đức Long thứ 6 (1634).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Chùa Đại Bi là danh thắng ở xã Thịnh Liệt huyện Thanh Trì. Bà cung tần trong Vương phủ là Lê Thị Ngọc Trân, người bản xã đã xuất của kho, đồng thời bán ruộng và đồ trang sức của mình lấy tiền mua ngói để sửa sang chùa cho đẹp đẽ. Theo gương bà, một số người trong xã cũng góp tiền để sửa sang chùa. Có bài minh.

Ghi chú: Một số dòng liên quan đến họ Trịnh bị đục.

Tu tạo quán xá các tòa/Hội thiện trùng tu bi kí

修造館舍各座/會善重修碑記

Kí hiệu: 1684/1685

Thác bản bia thôn Diệm Xá xã Đắc Sở huyện Đan Phượng phủ Quốc Oai 國威府丹鳳縣得所社艷舍村, sưu tầm tại chùa Diệm Xá xã Đắc Sở tổng Đắc Sở huyện Đan Phượng tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 72 x 104 cm, gồm 37 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1200 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 22, năm Canh Tí.

Niên đại ước đoán: Minh Mệnh thứ 21 (1840).

Người soạn: Lê Văn Vũ 黎文武; nhà sư.

Người viết chữ: Nguyễn Văn Giai 阮文佳; quê quán: xã Đắc Sở.

Chủ đề: - Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Năm Kì Hội, Hội Thiện xã Đắc Sở cùng dân 4 giáp tu sửa thượng điện, tiền đường, cổng, hai tòa giải vũ chùa Diệm Xá. Bia ghi họ tên và số tiền đóng góp của các vị hội chủ, tín thí trong xã và thập phương đã đóng góp vào công việc.

Ghi chú: Niên hiệu “Cảnh Hưng” trên thác bản là ngụy tạo.

Tu tạo Diệm Xá tự/Bản thôn hưng công đức/

Tín thí công đức/Tịnh điền kí bi

修造艷舍寺/本村興功德/信施功德/並田記碑

Kí hiệu: 1686/1687/1688/1689

Thác bản bia thôn Diệm Xá xã Đắc Sở huyện Đan Phượng phủ Quốc Oai 國威府丹鳳縣得所社艷舍村, sưu tầm tại chùa Diệm Xá xã Đắc Sở tổng Đắc Sở huyện Đan Phượng tỉnh Hà Đông.

Thác bản 4 mặt, khổ 50 x 100 cm và 41 x 88 cm, gồm 54 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1500 chữ, có hoa văn, có chữ huy: Tân 驪.

Niên đại: Đức Long thứ 6 (1634).

Người soạn: Nguyễn Tuấn Tài 阮俊材; chức vị: Vương phủ công từ, Tả Kiên cơ Giảng dụ; tước Văn Mai tử.

Người viết chữ: Nguyễn Viêt Kỳ 阮曰耆; chức vị: Văn thuộc.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Hành trạng, công tích nhân vật.
- Sinh hoạt làng xã.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Vào năm Đinh Mão (1627) và Giáp Tuất (1634), bản xã sửa sang chùa Diệm Xá, bà cung tần phủ chúa là Trần Thị Ngọc Hợp (nay đổi họ thành Tăng Thị Ngọc Hợp) người huyện Thạch Hà phủ Hà Hoa đạo Nghệ An đã cúng đồ trang sức và ruộng cho xã. Theo gương bà, một số người khác cũng đóng góp tiền bạc vào việc sửa chùa. Bia ghi ngày giỗ của bà cung tần cùng họ tên những người đóng góp. Có bài minh.

Tạo lâu các Diệm Xá quán/Tu tạo tiền đường bi kí

造樓閣艷舍館/修造前堂碑記

Kí hiệu: 1690/1691

Thác bản bia thôn Diệm Xá xã Đắc Sở huyện Đan Phượng 丹鳳縣得所社艷舍村, sưu tầm tại chùa Diệm Xá xã Đắc Sở tổng Đắc Sở huyện Đan Phượng tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 51 x 95 cm, gồm 21 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 500 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Cảnh Thịnh thứ 2 (1794).

Người viết chữ: tên hiệu: Mậu Trang; quê quán: xã Hạ Hội huyện Từ Liêm; chức vị: Tăng thống.

Chủ đề: - Lịch sử di tích.
- Xây dựng, trùng tu di tích.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Quán Diệm Xá nguyên là ngôi chùa cổ gọi theo tên làng, là nơi thắng cảnh từ lâu đời, trải qua mưa gió loạn lạc bị đổ nát. Năm Quý Sửu, ông Tổng trưởng họ Nguyễn đứng ra khởi xướng cùng một số người đã bỏ tiền của, công sức ra đúc chuông, tu sửa lại tiền đường, lầu gác của quán. Bia ghi họ tên những người đóng góp. Có bài minh.

Diệm Xá quán bi kí

艷舍館碑記

Kí hiệu: 1692/1693

Thác bản bia thôn Diệm Xá xã Đắc Sở huyện Đan Phượng 丹鳳縣得所社艷舍村, suru tầm tại chùa Diệm Xá xã Đắc Sở huyện Đan Phượng tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 50 x 80 cm, gồm 39 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 1300 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Chính Hòa thứ 7.

Niên đại ước đoán: Minh Mệnh thứ 7 (1826).

Người soạn: tên hiệu: Hòa Phủ, Vĩnh Hiên; chức vị: Huyện thừa huyện Tam Dương.

Chủ đề: - Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Chùa Diệm Xá lâu ngày bị đổ nát. Năm Ất Dậu một số người trong thôn đã bỏ tiền của ra tu sửa lại, làm cho chùa rộng rãi khang trang, sửa sang lại điện thờ Phật, làm cột thiêu hương v.v... Bia ghi danh sách và số tiền của những người đóng góp như: Nguyễn Quang Tự 50 quan, vợ chồng Nguyễn Quang Hòa 15 quan v.v... Có bài minh.

Ghi chú: Niên hiệu “Chính Hòa” trên thác bản là ngụy tạo.

Thạch đẩu bi kí

石竇碑記

Kí hiệu: 1694

Thác bản bia suru tầm tại xã Đắc Sở huyện Đan Phượng tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 62 x 108 cm, gồm 18 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 800 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Cảnh Thịnh, năm Giáp Dần.

Niên đại ước đoán: Tự Đức thứ 7 (1854).

Người soạn: Phạm Phương Đại 范方大.

Chủ đề: Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Việc thủy lợi có quan hệ lớn đến nông nghiệp. Một số quan viên, hương lão đã bỏ tiền của ra xây dựng chiếc cống đá thuộc bản xã để khai thông nước thuận lợi cho việc cấy cấy. Bia ghi danh sách những người hưng công hội chủ, như: Phó tổng Nguyễn Văn Uyên, Phó lý Nguyễn Kim Nguyên v.v...

Ghi chú: Niên hiệu “Cảnh Thịnh” trên thác bản là ngụy tạo.

[Vô đề]

Kí hiệu: 1695

Thác bản bia sưu tầm tại chùa xã Đắc Sở tổng Đắc Sở huyện Đan Phượng tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 9 x 58 cm, gồm 1 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 11 chữ, có hoa văn, không có chữ huy.

Niên đại: Hưng Trị thứ 2 (1590).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Lịch sử di tích.

Tóm lược nội dung:

Bia chỉ có một dòng chữ ghi niên đại “Hưng Trị nhị niên tuế thứ Canh Dần, Đoan nguyệt, cốc nhật” (ngày lành, tháng giêng năm Canh Dần niên hiệu Hưng Trị 2).

Phúc Lâm tự bi kí/Hội thiện tập ninh tu

福林寺碑記/會善集宁修

Kí hiệu: 1696/1697

Thác bản bia thôn Đại Đồng xã Đắc Sở huyện Đan Phượng phủ Quốc Oai tỉnh Sơn Tây 山西省國威府丹鳳縣得所社大同村, sưu tầm tại chùa Phúc Lâm xã Đắc Sở huyện Đan Phượng tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 67 x 121 cm, gồm 41 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1300 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 20, năm Kỉ Hợi.

Niên đại ước đoán: Minh Mệnh thứ 20 (1839).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Lịch sử di tích.
- Xây dựng, trùng tu di tích.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Chùa Phúc Lâm là nơi thắng cảnh đã có từ rất lâu. Thời Trần bị lụt, phải đắp đê sát chùa nên đổi hướng chùa. Nhưng từ đó dân thôn làm ăn bất lợi. Đến năm [Minh Mệnh 16 (1835)] nhân chùa đổ nát, bản xã đứng ra quyên góp tiền của khôi phục lại chùa theo hướng cũ. Bìa ghi họ tên và số tiền đóng góp của từng người. Có bài minh.

Ghi chú: Niên hiệu “Cảnh Hưng” trên thác bản là ngụy tạo.

Kí hiệu: 1698

Ghi chú: Không tìm thấy thác bản.

[Vô đề]

Kí hiệu: 1699

Thác bản bìa sru tầm tại chùa Đại Bi thôn Giáp Lục tổng Thịnh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 105 x 124 cm, gồm 34 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 800 chữ, không có hoa văn, có chữ hủy: Cừ 𠂔.

Niên đại: năm thứ 7, Ất Hợi.

Niên đại ước đoán: Đức Long thứ 7, năm Ất Hợi, tương đương năm Dương Hòa thứ 1 (1635).

Người soạn: Nguyễn Thực 阮實; quê quán: xã Vân Diêm huyện Đông

Ngàn phủ Từ Sơn; học vị: Tiến sĩ khoa Ất Mùi; chức vị: Hộ bộ Thượng thư, Hàn lâm viện Thị độc, Thái phó; tước Lan Quận công.

Người viết chữ: Trần Kim Thành 陳金城, tên tự: Minh Diễn; quê quán: xã Đồng Viên huyện Tiên Du phủ Từ Sơn; chức vị: Thị nội phủ Tể lục tu Tể thống; tước Thụy Khê tử.

Chủ đề: - Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Danh sách các vị Hội chủ và công đức đã đóng góp công của để tu sửa lại chùa Đại Bi, trong đó chủ yếu là quan lại cao cấp và các cung tần ở Vương phủ, như: quan Thự vệ Vị Lộc hầu Lê Công Lễ, Triều Lộc hầu Lê Công Điện, Vương phủ đệ nhất cung tần Ngô Thị Ngọc Thuần, Chương giám Phái Quận công Nguyễn Thế Mĩ v.v... Phần cuối bia là đoạn khắc bổ sung thêm đời sau vào năm Bính Dần, ghi việc mới mua các thửa ruộng cúng làm của tam bảo chùa Đại bi, nhân đó soạn kí khắc thêm vào tấm bia cũ.

Ghi chú: Có lẽ còn thiếu thác bản một mặt trước của bia.

Trùng tu Đại Bi tự/Quý quan công đức

重修大悲寺碑/貴官功德

Kí hiệu: 1700/1701

Thác bản bia sưu tầm tại chùa Đại Bi thôn Giáp Lục tổng Thịnh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 89 x 113 cm, gồm 41 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1000 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Đức Long thứ 7, năm Ất Hợi (1635).

Người viết chữ: Trần Kim Thành 陳金城, tên tự: Minh Diễn; quê quán: xã Đồng Viên huyện Tiên Du phủ Từ Sơn; chức vị: Thị nội phủ Tể lục tu Tể thống; tước Thụy Khê tử.

Chủ đề: - Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Danh sách các quan chức, sãi vãi cùng các thiện nam tín nữ đã đóng góp công của để tu sửa lại chùa Đại Bi, như: phu nhân Nguyễn Thị Ngọc Hiếu, vãi Lê Thị Sùng v.v...

Báo đức chi bi

報德之碑

Kí hiệu: 1702/1703/1704/1705

Thác bản bia xã Thịnh Liệt huyện Thanh Trì phủ Thường Tín 常信府 青池縣盛烈社, suru tâm tại chùa Đại Bi thôn Giáp Lục tổng Thịnh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 4 mặt, khổ 74 x 122 cm, gồm 45 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1200 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Chính Hòa thứ 12 (1691).

Người nhuận sắc: Nguyễn [Tông] 阮侗; quê quán: xã Nguyệt Viên huyện Hằng Hóa; học vị: Tiến sĩ khoa Canh Thân (1680); chức vị: Hiến sát sứ.

Người viết chữ: Nguyễn Đăng Xuân 阮登春; quê quán: xã Đông Ngạc huyện Từ Liêm; học vị: Thụ toán khoa Ất Mão; chức vị: Thị nội Thư tả, Tri bạ.

Người khắc 1: Lê Xứng 黎稱; quê quán: xã An Hoạch huyện Đông Sơn.

Người khắc 2: Lê Ngang 黎昂; quê quán: xã An Hoạch huyện Đông Sơn.

Chữ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biếu dương việc thiện.
- Hành trạng, công tích nhân vật.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Quận phu nhân Lê Minh là ân nhân của xã Thịnh Liệt. Khoảng năm Canh Ngọ, Tân Mùi bà về quê ban cấp ruộng, tiền thóc lúa và chiêu đồng cho dân rất hậu. Đền đáp công đức ấy, dân xã xin được phụng thờ bà cùng cha mẹ, ông bà của bà. Bia ghi số tiền, số ruộng được ban cấp và quy định thể lệ các ngày cúng giỗ.

Đức bi hậu tự

德碑厚祀

Kí hiệu: 1706/1707/1708/1709

Thác bản bia xã Thịnh Liệt huyện Thanh Trì phủ Thường Tín 常信府
青池縣盛烈社, sưu tầm tại chùa Đại Bi thôn Giáp Lục tổng Thịnh
Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 4 mặt, khổ 70 x 130 cm, gồm 61 dòng chữ Hán và Nôm,
toàn văn ước khoảng 1400 chữ, có hoa văn, có chữ húy: Cửu 𣥂.

Niên đại: không ghi.

Người soạn: Đỗ [Công Toán] 杜公纘; quê quán: xã Thượng Yên
Quyết huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai xứ Sơn Tây; học vị: Tiến sĩ
khoa Quý Hợi (1683); chức vị: Giám sát Ngự sử đạo Sơn Nam.

Người viết chữ: Phùng Tuấn Tài 馮俊才; chức vị: Thị nội Thư tả,
Hộ phiên.

Người khắc: Lê Văn Long 黎文龍; chức vị: tước Yên Vũ bá.

Chủ đề: - Bồi Hậu, gửi giỗ, biếu dương việc thiện.
- Hành trạng, công tích nhân vật.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Bà Thị nội cung tần trong phủ Chúa là Lê Thị Ngọc Côn nhớ công
nuôi dưỡng của cha mẹ, đã cúng 30 mẫu ruộng để gửi giỗ cho cha
mẹ. Bia khắc nguyên văn đơn của chức sắc trong xã trình bày hoàn
cảnh khó khăn thiếu tiền lo việc quan, để xin bà cấp cho 200 quan
tiền cô, đồng thời cam kết sẽ cúng giỗ bà theo đúng nghi thức ghi
trong đơn.

Báo Ân bi kí/Tín ước văn kí/Huệ điền trực phần kí/ Tôn đức tính tự kí

報恩碑記/信約文記/惠田逐分記/尊德姓字記

Kí hiệu: 1710/1711/1712/1713

Thác bản bia xã Thịnh Liệt huyện Thanh Trì phủ Thường Tín 常信府

青池縣盛烈社, sưu tầm tại chùa Đại Bi thôn Giáp Lục tổng Thịnh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông.

Thác bản 4 mặt, khổ 77 x 122 cm, gồm 72 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 1600 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Chính Hòa thứ 10 (1689).

Người soạn: Đặng [Đình Tường] 鄧廷相; quê quán: xã Lương Xá huyện Chương Đức phủ Ứng Thiên; học vị: Tiến sĩ khoa Canh Tuất (1670); chức vị: Lại khoa Đô Cấp sự trung.

Người viết chữ: Trần Minh Cương 陳明剛; quê quán: xã Tử Đồi huyện Tiên Minh; học vị: Thụ toán năm Ất Mão; chức vị: Thị nội Thư tả, Hộ phiên; tước Tề Cơ nam.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Hành trạng, công tích nhân vật.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Thị nội cung tần trong vương phủ là Bùi Thị Ngọc Đệ (nay đổi tên là Từ Thị Hiếu quê xã Định Công, ngụ cư ở xã Thịnh Liệt) có ơn lớn với dân 2 xã Thịnh Liệt và Định Công. Nhờ bà, dân xã được miễn nhiều phu phen tạp dịch. Dân xã đồng lòng lập từ đường thờ ông bà cha mẹ và bản thân bà. Bà bèn cúng cho 2 xã 18 mẫu ruộng và 230 quan tiền để chi vào việc xây từ đường và cúng tế. Bia khắc bản giao ước phân chia ruộng và tiền giữa 2 xã. Quy định về việc trông coi từ đường và cúng tế hàng năm. Kê họ tên ông bà, cha mẹ, bản thân bà và các con thừa tự hương hỏa.

Cù Sơn xã thạch trụ kí

虬山社石柱記

Kí hiệu: 1714/1715/1716/1717/1718/1719

Thác bản cột hương đá sưu tầm tại đình xã Phượng Cách tổng Hoàng Xá phủ Quốc Oai.

Thác bản 6 mặt, khổ 20 x 270 cm, gồm 15 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 550 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Cảnh Hưng, năm Ất Sửu (1745).

Người soạn 1: Trần Hy 陳暉; học vị: Giám sinh.

Người soạn 2: Nguyễn Diễm 阮琰; chức vị: Huấn đạo.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.

- Sinh hoạt làng xã.

- Thơ văn.

- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Hai vị hội chủ là Hương lão Nguyễn Thế Hội và Cựu Xã trưởng, Lão nhiều Nguyễn Quang đã đứng ra làm cột thiêu hương cho chùa. Dân xã ghi họ tên 2 ông cùng vợ và các con họ để lưu truyền mãi mãi. Đồng thời ghi họ tên những người cùng hưng công làm cột hương. Có đôi câu đối.

Bảo Sơn tháp kí

寶山塔記

Kí hiệu: 1720

Thác bản bia xã Quảng Động huyện Yên Sơn phủ Quốc Oai đạo Sơn Tây 山西道國威府安山縣廣洞社, sưu tầm tại chùa Nga Hoàng xã Quảng Yên tổng Hoàng Xá phủ Quốc Oai.

Thác bản 1 mặt, khổ 97 x 126 cm, gồm 25 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 450 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: năm Đinh Mão.

Người soạn: tên hiệu: Đạo Hữu Thân Thân; nhà sư.

Người viết chữ: tên hiệu: Tịch Diệp; nhà sư.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.

- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Hành trạng của vị tổ sư họ Phạm, đạo hiệu Hải Uyển Thích Sâm Sâm, người xã Quảng Động. Việc tín vãi họ Nguyễn, hiệu Diệu Chính bỏ tiền của ra xây chùa Sùng Ân, năm Mậu Ngọ bản xã đón tổ sư về

trụ trì tại chùa này. Sau khi sư viên tịch, các đệ tử cất hài cốt nhà sư ở tháp Bảo Sơn, ghi lại công đức của sư để lưu truyền. Có bài tụng.

Sự tích bi kí

事跡碑記

Kí hiệu: 1721/1722

Thác bản bia sru tằm tại đình xã Phượng Cách tổng Hoàng Xá phủ Quốc Oai.

Thác bản 2 mặt, khổ 41 x 61 cm và 45 x 64 cm, gồm 29 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 60 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Bảo Thái, năm Mậu Thân (1728).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Sự tích, thần phả.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Sự tích vị thần Gia Thông Đại vương, thần người xã Cổ Sở, từ nhỏ đã thông minh, tài giỏi hơn người, được Lý Nam đế cho đi theo, dẹp loạn lập nhiều chiến công. Ông được vua sai trấn giữ vùng Đỗ Động, Đường Lâm cho đổi thành họ Lý, ban tên là Phục Man, cho làm Phò mã, được tham dự bàn việc triều chính. Sau khi mất, thường hiển linh giúp trừ thiên tai địch họa. Ông hiện lên báo mộng cho Lý Thái Tổ, vua cho tạc tượng lập đền thờ ông tại bản xã và bao phong mi tự. Có đôi câu đối.

Phượng lĩnh trường tồn/Hậu thần bi kí

鳳嶺長存/后神碑記

Kí hiệu: 1723/1724/1725/1726

Thác bản bia thôn Ô Cách xã Cù Sơn huyện Yên Sơn phủ Quốc Oai 國威府安山縣虬山社烏格村, sru tằm tại đình xã Phượng Cách tổng Hoàng Xá phủ Quốc Oai tỉnh Sơn Tây.

Thác bản 4 mặt, khổ 45 x 63 cm và 57 x 75 cm, gồm 44 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 600 chữ, không có hoa văn, không có

chữ húy.

Niên đại: Chiêu Thống 1, năm Đinh Mùi (1787).

Người soạn: họ Doãn 尹, tên hiệu: Nột Trai 訥齋; chức vị: Tri huyện.

Người viết chữ: họ Nguyễn 阮, tên hiệu: Bích Khê 碧溪; chức vị: Nho sinh.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Hành trạng, công tích nhân vật.

Tóm lược nội dung:

Ông họ Nguyễn, tự Lý Chính, làm quan Huấn đạo phủ Thượng Hồng, là người đức độ. Sau khi ông mất, bà thủ tiết thờ chồng, nên toàn thôn đồng lòng bầu vợ chồng ông làm Hậu thần. Con ông là Tri bạ Nguyễn Đạo Nho, Thiên hộ Nguyễn Đạo Khải, cháu đích tôn Nguyễn Đạo Giai cảm kích tấm lòng dân làng bèn cúng tiền và ruộng để lo việc thờ phụng. Bia ghi diện tích, vị trí các thửa ruộng cúng và các quy định cúng giỗ hàng năm.

Nhị giáp phụng sự/Hậu kỳ bi kí

貳甲奉事/后忌碑記

Kí hiệu: 1727/1728

Thác bản bia thôn Ô Cách xã Cù Sơn tổng Hoàng Xá huyện Yên Sơn phủ Quốc Oai 國威府安山縣虬山社烏格村, sưu tầm tại đình xã Phụng Cách tổng Hoàng Xá phủ Quốc Oai tỉnh Sơn Tây.

Thác bản 2 mặt, khổ 35 x 70 cm, gồm 35 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 900 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 30 (1769).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Quan viên hương lão và toàn dân 2 giáp Vĩnh Phúc Thượng và Vĩnh Phúc Hạ đồng lòng bầu ông họ Nguyễn, tự Pháp Đạt hiệu Huyền

Thông tiên sinh, làm Phủ sinh kiêm Tổng chính cùng vợ ông, cha mẹ vợ ông làm Hậu thần. Ông đã dùng nghề thuốc cứu giúp nhiều người. Ông lại cúng cho xã hơn 2 mẫu ruộng và 36 quan tiền. Có ghi vị trí, diện tích các thửa ruộng cúng và quy định cúng giỗ hàng năm.

Phụng sự bi

奉事碑

Kí hiệu: 1729/1730/1731/1732

Thác bản bia thôn Ô Cách xã Cù Sơn huyện Yên Sơn phủ Quốc Oai 國威府安山縣虬山社烏格村, sưu tầm tại đình thôn Ô Cách xã Cù Sơn huyện Yên Sơn phủ Quốc Oai.

Thác bản 4 mặt, khổ 30 x 65 cm và 27 x 55 cm, gồm 44 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 1200 chữ, không có hoa văn, có chữ húy: Cửu 𣥂.

Niên đại: Vĩnh Thịnh thứ 5 (1709).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Hành trạng, công tích nhân vật.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Ba văn bản giao ước tôn bàu và phụng sự Hậu thần của các vị chức sắc thôn Ô Cách kí với bà Nguyễn Thị Tạo. Bản thứ nhất đề năm Chính Hòa thứ 19 (1698), bản thôn tôn bàu bà Nguyễn Thị Tạo cùng thân mẫu làm Hậu phật. Bản thứ hai đề năm Vĩnh Thịnh thứ 5 (1709), ghi nhận các thửa ruộng do bà Nguyễn Thị Tạo tiến cúng bản thôn để làm lễ cúng giỗ mẹ và bản thân. Bản thứ ba cùng năm, tôn bàu cha của bà Nguyễn Thị Tạo là Triều Dương hầu tước Phúc Tài làm Hậu phật.

[Vô đề]

Kí hiệu: 1733/1734

Thác bản bia thôn Phượng Cách xã Cù Sơn huyện Yên Sơn phủ Quốc

Oai 國威府安山縣虬山社鳳格村, sưu tầm tại đình xã Phượng Cách tổng Hoàng Xá phủ Quốc Oai tỉnh Sơn Tây.

Thác bản 2 mặt, khổ 30 x 47 cm và 27 x 45 cm, gồm 20 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 700 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Quang Trung thứ 2 (1789).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Đề tỏ lòng coi trọng và đền đáp lại sự đóng góp của gia tộc họ Nguyễn, Quan viên hương lão và toàn dân bản giáp dựng bia ghi nhận và viết thành thần vị để cúng giỗ cho vợ chồng Lão nhiều Nguyễn Hữu Lý, vợ chồng ông Nguyễn Hữu Hoàn và vợ chồng ông Nguyễn Hữu Tinh. Bia ghi vị trí, diện tích các thửa ruộng và những quy định cúng giỗ hàng năm.

Hậu bi kí

后碑記

Kí hiệu: 1735/1736

Thác bản bia thôn Ô Cách xã Cù Sơn huyện Yên Sơn phủ Quốc Oai 國威府安山縣虬山社烏格村, sưu tầm tại đình xã Phượng Cách tổng Hoàng Xá huyện Yên Sơn phủ Quốc Oai tỉnh Sơn Tây.

Thác bản 2 mặt, khổ 29 x 55 cm, gồm 18 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 500 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Quang Trung thứ 3 (1790).

Người soạn: họ Vũ 武, tên hiệu: Nhược Thủy.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Giám sinh trường Quốc tử giám Trần Liễu và vợ là Phạm Thị Hoàn là người đức hạnh. Con gái và con rể của ông bà cúng cho bản thôn 4 sào 5 thước ruộng, một mảnh đất làm ngôi nhà thờ và 10 quan tiền để dân sử dụng. Dân toàn thôn đồng lòng bầu vợ chồng ông làm Hậu kị. Hàng năm cúng giỗ theo quy định ghi trong bia. Có 4 câu thơ.

Cù Sơn độ kí

虬山渡記

Kí hiệu: 1737

Thác bản bia sưu tầm tại đình xã Phụng Cách tổng Hoàng Xá phủ Quốc Oai tỉnh Sơn Tây.

Thác bản 1 mặt, khổ 38 x 52 cm, gồm 18 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 300 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Thống Nguyên thứ 4 (1525).

Người soạn: Hoàng Nam Kim 黃南金; học vị: Giải nguyên khoa Quý Mão; chức vị: Viên ngoại lang.

Người khắc: Đỗ Văn Đình 杜文廷; chức vị: Hoảng tín đại phu, Công bộ Khí giới doanh tạo sở, Ngọc tượng Tượng chánh.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Sinh hoạt làng xã.
- Thơ văn.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Viên Chánh tổng hiệu Phát Tâm cư sĩ, dốc lòng làm việc thiện, như trồng cây, lập bến đò, dựng đền thờ thần, tô tượng Phật v.v... tạo nên phong cảnh tươi đẹp hữu tình ở bến đò Cù Sơn. Dân xã nhớ công, lập bia để lưu truyền mãi mãi. Có bài thơ 4 câu.

Cù Sơn từ đường bi kí

虬山祠堂碑記

Kí hiệu: 1738/1739/1740/1741

Thác bản bia suu tầm tại nhà thờ họ Phùng thôn Trung xã Cù Sơn tổng Hoàng Xá phủ Quốc Oai tỉnh Sơn Tây.

Thác bản 4 mặt, khổ 42 x 88 cm và 30 x 38 cm, gồm 44 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 1700 chữ, không có hoa văn, có chữ húy: Đề 題.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 10, năm Kỷ Tị (1749).

Người soạn: Đoàn Bá Khoan 段伯寬; chức vị: Tri phủ phủ Trường Khánh.

Người hiệu chỉnh: họ Phạm 范; chức vị: Lễ khoa cấp sự trung.

Người viết chữ: Nguyễn Đắc Trọng 阮得重; chức vị: Đề lại.

Chủ đề: Gia phả, lai lịch dòng họ.

Tóm lược nội dung:

Gia phả 3 đời của ông Hoàng tín đại phu, Thiêm sự họ Phùng ở làng Cù Sơn, từ đời cha là Phùng Đức Quế, đến đời ông thi đỗ Tam trường, được ban tước bá và đời con ông được phong tước tử. Bia ghi vị trí, diện tích các thửa ruộng tế điền và các lễ tiết trong năm của từ đường họ Phùng.

Lập bi văn khế

立碑文契

Kí hiệu: 1742/1743

Thác bản bia thôn Ô Cách xã Quảng Động huyện Yên Sơn phủ Quốc Oai 國威府安山縣廣洞烏格村, suu tầm tại quán xã Quảng An tổng Hoàng Xá phủ Quốc Oai tỉnh Sơn Tây.

Thác bản 2 mặt, khổ 27 x 45 cm và 22 x 40 cm, gồm 27 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 600 chữ, không có hoa văn, có chữ húy: Cửu 幾.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 21 (1760).

Người soạn: Nguyễn Du Nghi 阮攸宜; chức vị: Ty phó ty Giáp phường; tước Tương Nghĩa nam.

Chủ đề: Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Giáo phường thôn Ô Cách xã Cù Sơn vì thiếu tiền lo quan dịch đã bán quyền “lễ xông đình” ở cửa đình cho xã Quảng Động huyện Yên Sơn cho quan viên xã ấy với sự chứng kiến của bản huyện Yên Sơn. Hai bên giao kèo sau khi bán, giáo phường không còn quyền lợi “xông đình” nữa, nếu xã Quảng Động sửa sang cửa đình, giáo phường không được can thiệp. Cuối bia là bản văn khế mua của đình của sắc mục xã Quảng Động thuộc bản tổng.

Lập Hậu thần bi/Bản giáp cộng kí

立後神碑/本甲共記

Kí hiệu: 1744/1745/1746/1747

Thác bản bia xã Quảng Động huyện Yên Sơn phủ Quốc Oai 國威府安山縣廣洞社, sưu tầm tại đình xã Quảng An tổng Hoàng Xá phủ Quốc Oai tỉnh Sơn Tây.

Thác bản 4 mặt, khổ 26 x 82 cm, gồm 33 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1100 chữ, không có hoa văn, có chữ húy: Tân 麟.

Niên đại: Chính Hòa thứ 24, năm Quý Mùi (1703).

Người soạn: họ Đỗ 杜; quê quán: huyện Yên Sơn; học vị: Nho sinh.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biếu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Bản xã sửa sang miếu đình, cần tiền để mua gỗ lim và trả công thợ. Ông Nguyễn Duy Nhất và vợ là Phạm Thị Được tự nguyện xuất tiền 3 quan làm đình và 8 quan trả công thợ, lại cúng cho đình 1 mẫu ruộng. Dân xã đồng lòng bầu vợ chồng ông làm Hậu thần. Ghi họ tên những người kí bầu Hậu và nghi thức cúng giỗ hàng năm. Có bài minh.

Linh Quang thần từ bi/Canh Thìn niên tạo

靈光神祠碑/庚辰年造

Kí hiệu: 1748/1749

Thác bản bia xã Quảng Động huyện Yên Sơn phủ Quốc Oai 國威府安山縣廣洞社, sưu tầm tại quán xã Quảng An tổng Hoàng Xá phủ Quốc Oai tỉnh Sơn Tây.

Thác bản 2 mặt, khổ 56 x 85 cm, gồm 42 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 900 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Diên Thành thứ 3 (1580).

Người soạn: Nguyễn Hữu Dực 阮有譽; quê quán: huyện Yên Sơn; chức vị: Tán trị Thừa chính Tuyên sứ ty Tham chính đạo Lạng Sơn.

Người viết chữ: Lê Ngoạn 黎玩; quê quán: huyện Yên Sơn; chức vị: Đề lại.

Chủ đề: Sự tích, thần phả.

Tóm lược nội dung:

Đền thờ thần Linh Quang có từ lâu đời, rất linh thiêng, dân cầu xin điều gì đều ứng nghiệm. Hồi ấy có con hồ về địa phương này tác quái rất dữ tợn, ai cũng phải sợ. Quan phủ huyện tới đền cầu xin thần phù hộ, quả nhiên sau đó bắt được hồ, trừ hại cho dân. Sự việc đó tâu lên Bộ Lễ, ban sắc phong cho thần là “Trung đẳng thần”. Từ đó dân hễ có việc cầu mưa cầu tạnh, học trò đi thi, dân chúng cầu tự đều được thần ngầm trợ giúp. Nay quan viên xã trưởng, thôn trưởng đứng ra lập bia ghi lại sự tích trên. Có ghi họ tên những người lập bia.

Khế văn giám tạo bi/Phúc vĩnh thùy tử tôn

契文鑒造碑/福永垂子孫

Kí hiệu: 1750/1751

Thác bản bia xã Lạp Thượng huyện Yên Sơn phủ Quốc Oai 國威府安山縣臘上社, sưu tầm tại quán xã Quảng Yên tổng Hoàng Xá phủ Quốc Oai tỉnh Sơn Tây.

Thác bản 2 mặt, khổ 64 x 11 cm, gồm 42 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1500 chữ, có hoa văn, có chữ hý: Cừ 𪚩.

Niên đại: Cảnh Trị thứ 7 (1669).

Người soạn: Phạm Hữu Liên 范有連; quê quán: xã Lạp Thượng; học vị: Sinh đồ.

Người viết chữ: Nguyễn Tuấn Mao 阮俊髦; quê quán: xã Lạp Thượng; học vị: Sinh đồ.

Chủ đề: Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Giáo phường 2 xã Lạp Thượng và Nghĩa Hương được ông cha để lại cho quyền hưởng lệ cửa đình xã Quảng Động gồm “ca xướng thập trừ”, nay vì thiếu tiền quan dịch nên phải bán 1/3 quyền lợi cửa đình đó cho xã Quảng Động với giá 20 quan tiền cổ, giao ước sau khi bán, giáo phường 2 xã vào hát không được đòi hỏi quyền lợi như trước đây. Mặt sau khắc nguyên văn văn khế mua quyền hưởng lệ cửa đình của xã Quảng Động.

Hậu thân bi kí

后神碑記

Kí hiệu: 1752/1753

Thác bản bia xã Yên Nội huyện Yên Sơn phủ Quốc Oai 國威府安山縣安內社, sưu tầm tại đình xã Yên Nội tổng Hoàng Xá phủ Quốc Oai tỉnh Sơn Tây.

Thác bản 2 mặt, khổ 32 x 53 cm, gồm 19 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 500 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 37 (1776).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gùi giỗ, biếu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Vợ chồng Sinh đồ Nguyễn Quốc Khuê cúng cho bản xã 120 quan tiền và 2 mẫu ruộng. Quan viên hương lão và dân toàn xã đồng lòng bầu vợ chồng ông làm Hậu thân, hàng năm cúng giỗ theo quy định ghi trong bia. Có khắc nguyên văn văn bản bàu Hậu.

Hậu thần bi kí

後神碑記

Kí hiệu: 1754/1755

Thác bản bia thôn Vượng xã Yên Nội huyện Yên Sơn phủ Quốc Oai
國威府安山縣安內社旺村, suru tầm tại quán xã Yên Nội tổng
Hoàng Xá phủ Quốc Oai tỉnh Sơn Tây.

Thác bản 2 mặt, khổ 30 x 63 cm, gồm 23 dòng chữ Hán và Nôm, toàn
văn ước khoảng 550 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Cảnh Thịnh thứ 1 (1792).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Bà Vũ Thị Sáng, người bản thôn, đã 87 tuổi mà không có con thừa tự, cúng 60 quan tiền và 9 sào ruộng cho thôn tu sửa đền miếu nên được dân thôn đồng lòng bầu vợ chồng bà làm Hậu thần, hàng năm cúng giỗ theo quy định. Bia ghi vị trí, diện tích các thửa ruộng cúng. Có bài thơ 4 câu.

Hậu thần bi kí

後神碑記

Kí hiệu: 1756/1757

Thác bản bia thôn Phương Đỗ xã Yên Nội huyện Yên Sơn phủ Quốc
Oai 國威府安山縣安內社芳杜村, suru tầm tại quán Sáo xã Yên
Nội tổng Hoàng Xá phủ Quốc Oai tỉnh Sơn Tây.

Thác bản 2 mặt, khổ 37 x 60 cm và 35 x 53 cm, gồm 23 dòng chữ Hán
và Nôm, toàn văn ước khoảng 550 chữ, không có hoa văn, có chữ
húy: Cừ 𣎵.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 47 (1786).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Năm Ất Tị (1785), nhân khi thôn Yên Nội làm tấm biển ở cung trong đình, vợ chồng ông Phí Nguyễn Huệ và bà Nguyễn Thị Đoạt tình nguyện cúng cho thôn 36 nghìn thanh tiền và 1 mẫu 1 sào ruộng. Đến năm sau (1786), thôn tu sửa miếu, thiếu tiền chi tiêu, ông bà lại cúng 60 quan tiền và 1 mẫu ruộng. Bản thôn đồng lòng bầu vợ chồng ông bà làm Hậu thần. Bia ghi các quy định đối với Hậu thần, khi còn sống cũng như sau khi chết. Có ghi vị trí, diện tích các thửa ruộng cúng.

Hậu thần bi kí

後神碑記

Kí hiệu: 1758/1759

Thác bản bia xã Yên Nội huyện Yên Sơn phủ Quốc Oai 國威府安山縣安內社, sưu tầm tại đình xã Yên Nội tổng Hoàng Xá phủ Quốc Oai.

Thác bản 2 mặt, khổ 36 x 65 cm, gồm 21 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 600 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Cảnh Hưng (1770).

Người soạn: Nguyễn Tiến 阮璉; quê quán: xã Thạch Thán; học vị: Sinh đồ.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Hai mặt bia khắc hai nội dung độc lập nhau: 1) Bà Phí Thị Thực tình nguyện cúng cho làng 130 quan tiền để chi tiêu việc công, dân làng tôn bầu vợ chồng bà làm Hậu thần. Bà nhân đó cúng 2 mẫu ruộng và 1 thửa ruộng mạ làm ruộng tế điền. Mặt này được khắc lại vào năm Nhâm Ngọ. 2) Ông Cự Xã Chánh họ Nguyễn được tái bầu làm Xã quan, vợ ông là bà họ Phí lại cúng cho xã 130 quan tiền cỏ và 2 mẫu ruộng để chi dùng việc công, được bản xã tôn bầu làm Hậu thần. Có quy định lệ biểu và cúng giỗ.

Hậu thần bi kí

後神碑記

Kí hiệu: 1760

Thác bản bia xã Yên Nội huyện Yên Sơn phủ Quốc Oai 國威府安山縣安內社, sưu tầm tại quán xã Yên Nội tổng Hoàng Xá phủ Quốc Oai tỉnh Sơn Tây.

Thác bản 1 mặt, khổ 35 x 61 cm, gồm 12 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 250 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 33 (1772).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Dân xã Yên Nội thuận tình bầu vợ chồng Nho sinh Nguyễn Đình Tiêm làm Hậu thần, vì họ đã cúng cho bản xã 60 quan tiền và 1 mẫu ruộng ở địa phận xã Lạp Cốc. Nay dân xã lập bia để lưu truyền mãi mãi.

Hậu thần bi kí

後神碑記

Kí hiệu: 1761

Thác bản bia sưu tầm tại đình xã Yên Nội tổng Hoàng Xá phủ Quốc Oai.

Thác bản 1 mặt, khổ 42 x 67 cm, gồm 16 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 550 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 26 (1765).

Người soạn: Nguyễn Hoàn 阮侁; học vị: Tiến sĩ khoa Quý Hợi (1743); chức vị: Thiêm sai Hữu Tư giảng, Phụng Thiên phủ Phủ doãn.

Người nhuận sắc: Nhữ [Đình Toản] 汝廷鑽; quê quán: xã Hoạch Trạch huyện Đường An; học vị: Tiến sĩ khoa Bính Thìn (1736); chức vị: Binh bộ Thượng thư, tước Trung Phái hầu.

Người viết chữ: Nguyễn Đăng Trọng 阮登仲; quê quán: xã Thổ Khối huyện Gia Lâm phủ Thuận An; chức vị: Lại bộ đường Thiêm sự.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Hành trạng, công tích nhân vật.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Quận công Đặng Nguyễn Hiền, người xã Cẩm Sơn huyện Cẩm Giang trấn Hải Dương làm quan Tổng thái giám, Mậu Quận công trong vương phủ, đã về hưu, có công với dân, được dân quý trọng. Nay ông lại cúng tiền và ruộng nên được dân xã Yên Nội bầu làm Hậu thần, đồng thời lập bia công đức lưu truyền mãi mãi.

Ghi chú: Bia thiếu mặt sau.

Hậu thần bi kí

後神碑記

Kí hiệu: 1762/1763

Thác bản bia thôn Phương Độ xã Yên Nội huyện Yên Sơn phủ Quốc Oai 國威府安山縣安內社芳度村, sưu tầm tại quán Sáo xã Yên Nội tổng Hoàng Xá phủ Quốc Oai.

Thác bản 2 mặt, khổ 42 x 68 cm, gồm 27 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 650 chữ, không có hoa văn, có chữ huy: Cừu 𪚩.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 36, Ất Mùi (1775).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Hành trạng, công tích nhân vật.
- Sinh hoạt làng xã.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Ông Phí Hữu Ninh là người biết lễ nghi, giỏi từ phú, thi đỗ Tú trường. Khi bản xã tu sửa đền miếu, vợ chồng ông đã cúng 60 quan tiền, 1 mẫu ruộng và 1 thửa ruộng mạ nên được bầu làm Hậu thần, hàng năm được cúng giỗ theo nghi thức ghi trong bia. Có bài minh.

Lưu truyền tự sự kí/Hậu phật bi

留傳祀事記/後佛碑

Kí hiệu: 1764/1765

Thác bản bia thôn Phương Độ xã Yên Nội huyện Yên Sơn phủ Quốc Oai 國威府安山縣安內社芳度村, sưu tầm tại quán Sáo xã Yên Nội tổng Hoàng Xá phủ Quốc Oai tỉnh Sơn Tây.

Thác bản 2 mặt, khổ 41 x 90 cm, gồm 36 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 600 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Chính Hòa thứ 17 (1696).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Bản xã tu sửa chùa núi Câu Lậu, nhưng thiếu tiền trả công thợ mộc. Tín vãi Bùi Thị Loan cúng 20 quan tiền để trả tiền công mộc. Sau bà lại cúng thêm 1 thửa ruộng tương đương 30 gánh lúa để dân làng luân phiên cày cấy, lấy hoa lợi đèn hương. Dân xã thuận tình tôn bàu bà là Hậu phật, hàng năm cúng giỗ bà theo quy định. Bia ghi họ tên những người kí bàu hậu và vị trí, diện tích thửa ruộng cúng.

Trùng san Hậu phật bi

重刊後佛碑

Kí hiệu: 1766

Thác bản bia sưu tầm tại quán Sáo xã Yên Nội tổng Hoàng Xá phủ Quốc Oai tỉnh Sơn Tây.

Thác bản 1 mặt, khổ 63 x 110 cm, gồm 21 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 600 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Chính Hòa 20, Kỷ Mão (1699).

Người soạn: họ Đặng 鄧; quê quán: châu Đại Lan huyện Thanh Trì phủ Thường Tín xứ Sơn Nam; học vị: Giám sinh.

Chủ đề: Hành trạng, công tích nhân vật.

Tóm lược nội dung:

Hành trạng Quận phu nhân Hoàng Thị Quế, hiệu Diệu Quang, vợ của Quế Quận công. Bà là người thông minh đức độ, được dân xã kính trọng và bầu Hậu phật. Cuối đời, bà xuất gia tu hành tại bản chùa, dốc lòng theo đạo. Dân xã lập bia ghi lại để truyền gương sáng cho đời sau.

Tu tạo tam bảo thị bi kí

修造三寶市碑記

Kí hiệu: 1767/1768

Thác bản bia xã Yên Nội huyện Yên Sơn phủ Quốc Oai 國威府安山縣安內社, sưu tầm tại xã Yên Nội tổng Hoàng Xá phủ Quốc Oai.

Thác bản 2 mặt, khổ 54 x 90 cm, gồm 34 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 600 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Vĩnh Thịnh thứ 12 (1716).

Người soạn: họ Nguyễn 阮; quê quán: xã Yên Nội; học vị: Nho sinh trúng thức.

Người viết chữ: họ Nguyễn 阮; học vị: Sinh đồ.

Chủ đề: Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Việc sửa sang chợ tam bảo và họ tên những người có đóng góp công đức.

Ghi chú: Thác bản rất mờ, phần lớn chữ không đọc được.

Lập Hậu thần bi/Tự sự bi kí

立后神碑/祀事碑記

Kí hiệu: 1769/1770

Thác bản bia xã Yên Nội huyện Yên Sơn phủ Quốc Oai 國威府安山縣安內社, sưu tầm tại đình xã Yên Nội tổng Hoàng Xá phủ Quốc Oai tỉnh Sơn Tây.

Thác bản 2 mặt, khổ 67 x 110 cm, gồm 38 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1000 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Chính Hòa thứ 22 (1701).

Người soạn: họ Nguyễn 阮; học vị: Tiến sĩ khoa Đinh Sửu; chức vị:
Hàn lâm viện Hiệu thư.

Người viết chữ: họ Nguyễn 阮; học vị: Nho sinh.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Vợ chồng Sinh đồ Vương Viết Giáo là những người gia giáo đức hạnh. Năm Chính Hòa thứ 2 (1699), ông bà đã cúng cho bản xã 100 quan tiền và một số ruộng tương đương 60 gánh lúa. Dân xã bàu vợ chồng ông làm Hậu thần, hàng năm cúng giỗ theo đúng quy định ghi trong bia.

Ghi chú: Soạn giả văn bia có thể là Nguyễn Vũ, đỗ Tiến sĩ năm 1697, quê xã Thạch Thán huyện Yên Sơn.

Đại Bi tự bi minh

大悲寺碑銘

Kí hiệu: 1771/1772/1773

Thác bản bia thôn Mậu Lương Hạ xã Trung Thanh Oai huyện Thanh Oai 青威縣中青威社茂良下村, suru tằm tại chùa xã Mậu Lương huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 3 mặt, khổ 58 x 82 cm và 13 x 66 cm, gồm 35 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 700 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Dương Hòa thứ 7 (1641).

Người soạn: Nguyễn Phú 阮富; quê quán: xã Vân Diêm huyện Đông Ngàn; chức vị: Hộ tào Viên ngoại.

Người viết chữ: Nguyễn Trúc 阮竹; quê quán: thôn Mậu Lương Hạ.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Hành trạng, công tích nhân vật.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Bà Đỗ Thị Sự người xã La Nội huyện Từ Liêm, làm vú nuôi trong phủ Chúa. Con trai bà có tài võ nghệ, làm chức Chánh Đội trưởng, được phong tước Quảng Lương hầu. Bà cúng cho chùa Đại Bi 6 mẫu 6 sào ruộng ở thôn Mậu Lương Hạ làm ruộng Tam bảo. Dân xã lập bia ghi công đức bà để lưu truyền mãi mãi, đồng thời hứa sẽ cúng giỗ cha mẹ bà, bà và các con. Bia ghi họ tên những người kí bầu Hậu và vị trí, diện tích các thửa ruộng.

Ghi chú: Trên văn bia có khắc bổ sung dòng chữ (khắc nét): “Lại cúng thêm 3 mẫu 8 sào ruộng”.

Hậu phát bi kí

後佛碑記

Kí hiệu: 1774

Thác bản bia thôn Mậu Lương xã Trung Thanh Oai tổng Thượng Thanh Oai phủ Ứng Hòa 應和府上青威總中青威社茂良村, sưu tầm tại đình xã Mậu Lương huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 50 x 75 cm, gồm 16 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 250 chữ, có hoa văn, không có chữ huy.

Niên đại: không ghi.

Niên đại ước đoán: Thành Thái thứ 6 (1894).

Người soạn: không ghi.

Chữ đề: - Bà Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Thôn Mậu Lương tiến hành tu sửa chùa Đại Giác, chi phí rất nhiều. Ông Nguyễn Quý Ngoạn người bản thôn tình nguyện cúng 300 quan tiền kềm để làng chi tiêu, 6 sào ruộng để được gửi giỗ cho bản thân và 2 người vợ tại chùa. Có ghi vị trí các thửa ruộng cúng.

Ghi chú: Thác bản theo ghi chú sưu tầm nguyên gộp chung với 3 thác bản số (1775, 1776, 1777). Trên thác bản này có dấu vết tẩy xóa mất dòng niên đại. Thác bản trùng bản số 24059.

Hậu phật bi kí

後佛碑記

Kí hiệu: 1775

Thác bản bia thôn Mậu Lương xã Trung Thanh Oai tổng Thượng Thanh Oai 上青威總中青威社茂良村, sưu tầm tại đình xã Mậu Lương huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 50 x 75 cm, gồm 14 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 200 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: không ghi.

Niên đại ước đoán: Thành Thái thứ 6 (1894).

Người soạn: không ghi.

Chú đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biêu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Thôn Mậu Lương tiến hành tu sửa chùa Đại Giác, chi phí rất nhiều. Bà Lê Thị Hợp người bản thôn tình nguyện cúng 300 quan tiền kềm để làng chi tiêu và 6 sào 7 thước ruộng để được gửi giỗ cho bản thân và cha mẹ tại chùa. Có ghi vị trí các thửa ruộng cúng.

Ghi chú: Thác bản theo ghi chú sưu tầm nguyên gộp chung với 3 thác bản số (1774, 1776, 1777). Trên thác bản này có dấu vết tẩy xóa mất dòng niên đại. Thác bản trùng bản số 24057.

Hậu phật bi kí

後佛碑記

Kí hiệu: 1776

Thác bản bia thôn Mậu Lương xã Trung Thanh Oai tổng Thượng Thanh Oai phủ Ứng Hòa 應和府上青威總中青威社茂良村, sưu tầm tại đình xã Mậu Lương huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 50 x 75 cm, gồm 14 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 200 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Chính Hòa thứ 6.

Niên đại ước đoán: Thành Thái thứ 6 (1894).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậ, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Thôn Mậu Lương tiến hành tu sửa chùa Đại Giác, chi phí rất nhiều. Ông Bùi Công Tồn cùng gia đình tình nguyện cúng 320 quan tiền (kê) để làng chi tiêu và 6 sào 11 thước ruộng để được gửi giỗ cho 4 vị trong gia đình tại chùa. Có ghi vị trí các thửa ruộng cúng.

Ghi chú: Thác bản theo ghi chú của người sưu tầm nguyên gộp chung với 3 thác bản số 1774, 1775, 1777). Dòng niên đại với niên hiệu “Chính Hòa” trên thác bản là ngụy tạo. thác bản trùng bản số 24060.

Nguyễn Thị bi kí

阮氏碑記

Kí hiệu: 1777

Thác bản bia thôn Mậu Lương 茂良村, sưu tầm tại đình xã Mậu Lương huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 50 x 75 cm, gồm 7 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 200 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: không ghi.

Niên đại ước đoán: Tự Đức thứ 25 (1872).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậ, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Vào năm thứ 3, thôn Mậu Lương tô lại tượng Phật ở chùa Đại Khánh. Bà Nguyễn Thị Nghiên cúng 55 quan tiền và 2 sào ruộng cho thôn, xin lập bia ở chùa để hàng năm cúng giỗ.

Ghi chú: Thác bản theo ghi chú của người sưu tầm nguyên gộp chung với 3 thác bản số (1774, 1775, 1776). Trên thác bản này có dấu vết xé mất dòng niên đại. Thác bản trùng bản số 24086.

Hậu phật bi kí

后佛碑記

Kí hiệu: 1778

Thác bản bia thôn Mậu Lương tổng Thượng Thanh Oai huyện Thanh Oai phủ Ứng Thiên 應天府上青威總茂良村, sưu tầm tại đình xã Mậu Lương huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 44 x 68 cm, gồm 12 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 250 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 1.

Niên đại ước đoán: Thành Thái thứ 15 (1903).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Bà ngoại của ông Nguyễn Văn Luật không có con trai nối dõi. Ông và anh em họ của ông cùng với vị trưởng tộc Bùi Văn An, đã cúng tất cả 120 quan tiền để gửi giỗ cho ông bà ngoại tại chùa Đại Giác. Số ruộng 4 sào của bà ngoại để lại, ông cũng cúng cho chùa. Dân thôn đồng lòng chấp thuận nhận tiền để tu sửa đình, giao ruộng cho người cày cấy dùng vào cúng giỗ hàng năm.

Ghi chú: Dòng niên đại trên thác bản là ngụy tạo. Thác bản trùng bản số 24061.

Hậu phật bi kí

後佛碑記

Kí hiệu: 1779

Thác bản bia thôn Mậu Lương xã Trung Thanh Oai tổng Thượng Thanh Oai huyện Thanh Oai phủ Ứng Hòa 應和府上青威縣上青威總

中青威社茂良村, suru tâm tại đình xã Mậu Lương huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 44 x 72 cm, gồm 13 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 350 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: không ghi.

Niên đại ước đoán: Thành Thái thứ 18 (1906).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hượu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Hoạt động sinh hoạt làng.
- Xây dựng, trùng tu di tích.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Dân thôn sửa đình, chi phí nhiều, bà quả phụ Nguyễn Thị Chiêu cùng con gái, con rể cúng 220 quan tiền cho thôn sử dụng. Sau lại cúng cho chùa Đại Giác 4 sào ruộng để gửi giỗ cho ông bà, cha mẹ nhà chồng. Dân bản thôn hứa hàng năm sẽ cúng giỗ họ và cho cha mẹ bà được phối hưởng. Bà lại cùng con gái cúng 1 sào ruộng để gửi giỗ cho chồng bà là Bùi Văn Phẩm. Có bài minh.

Ghi chú: Đoạn ghi niên đại sửa đình trong nội dung thác bản bia bị xé rách và bôi đen. Thác bản trùng bản số 24063.

Minh bi kí

銘碑記

Kí hiệu: 1780

Thác bản bia thôn Mậu Lương xã Trung Thanh Oai tổng Thượng Thanh Oai huyện Thanh Oai phủ Ứng Hòa 應和府青威縣上青威總中青威社茂良村, suru tâm tại đình xã Mậu Lương huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 42 x 67 cm, gồm 10 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 200 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Không ghi.

Niên đại ước đoán: Duy Tân thứ 2 (1908).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biếu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Nguyễn Thị Bích và Nguyễn Văn Đình là cháu ngoại của bà Bùi Thị Liễu. Vì lo nghĩ đến tình cảnh gia đình, ông ngoại cùng thân phụ đều không có con trai, nên đã cùng với bà ngoại cúng cho thôn Mậu Lương 140 quan tiền, lại cúng hơn 4 sào ruộng cho chùa Đại Khánh. Dân thôn đồng lòng bầu ông ngoại và phụ thân của họ làm Hậu phật tại chùa, bà ngoại cũng được phối hưởng. Bia ghi họ tên, ngày giỗ các Hậu phật.

Ghi chú: Thác bản bị xóa dòng niên đại. Thác bản trùng bản số 24085.

Hậu phật bi kí

后佛碑記

Kí hiệu: 1781

Thác bản bia thôn Mậu Lương xã Trung Thanh Oai tổng Thượng Thanh Oai huyện Thanh Oai phủ Ứng Hòa 應和府青威縣上青威總中青威社茂良村, sưu tầm tại đình xã Mậu Lương huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 41 x 68 cm, gồm 12 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 350 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: không ghi.

Niên đại ước đoán: Thành Thái thứ 17 (1905).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biếu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Bản thôn sửa sang đình miếu, chi phí tốn kém, ông Nguyễn Đăng Đa cúng 320 quan tiền cho dân chi dùng. Sau ông lại cúng 8 sào ruộng cho chùa Đại Khánh để xin cho 4 người được làm Hậu và 4 người

được phối hưởng. Dân xã thuận tình và dựng bia để lưu truyền. Bia ghi họ tên, ngày giỗ từng người và vị trí, diện tích các thửa ruộng cúng.

Ghi chú: Thác bản bị xóa dòng niên đại. Thác bản trùng bản số 24081.

[Vô đề]

Kí hiệu: 1782

Thác bản bia thôn Mậu Lương xã Trung Thanh Oai tổng Thượng Thanh Oai huyện Thanh Oai phủ Ứng Hòa 應和府青威縣上青威總中青威社茂良村, suru tầm tại đình xã Mậu Lương huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 38 x 56 cm, gồm 12 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 350 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 1.

Niên đại ước đoán: Thành Thái thứ 18 (1906).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Bản xã tu sửa đình, chỉ phí tốn kém, bà Nguyễn Thị Nhĩ, người bản thôn cùng các con gái là Lê Thị Đắc, Lê Thị Lý, Lê Thị Bút và cháu là Lê Văn Đăng, cúng 160 quan tiền và 4 sào ruộng. Dân xã bàu vợ chồng bà làm Hậu phật tại chùa Đại Giác, các con bà đều được phối hưởng. Có bài minh.

Ghi chú: Dòng niên đại trên thác bản là ngụy tạo. Thác bản trùng bản số 24047.

Hậu phật bi kí

后佛碑記

Kí hiệu: 1783

Thác bản bia thôn Mậu Lương xã Trung Thanh Oai tổng Thượng Thanh Oai huyện Thanh Oai phủ Ứng Hòa 應和府青威縣上青威總中青威社茂良村, sưu tầm tại đình xã Mậu Lương huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 34 x 55 cm, gồm 12 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 250 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: không ghi.

Niên đại ước đoán: Thành Thái thứ 18 (1906).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Năm trước dân thôn tu sửa đình chi phí rất nhiều. Bà Nguyễn Thị Vạn và con trai đã cúng tiền cho thôn sử dụng, lại gửi số ruộng vào chùa Đại Khánh; nên cha mẹ bà, bản thân bà cũng được phối hưởng tại chùa. Bia ghi ngày giỗ và vị trí, diện tích các thửa ruộng.

Ghi chú: Dòng niên đại trên thác bản bị xóa. Thác bản trùng bản số 24082.

Hậu phật bi kí

後佛碑記

Kí hiệu: 1784

Thác bản bia thôn Mậu Lương xã Trung Thanh Oai tổng Thượng Thanh Oai huyện Thanh Oai phủ Ứng Hòa 應和府青威縣上青威總中青威社茂良村, sưu tầm tại đình.

Thác bản 1 mặt, khổ 41 x 63 cm, gồm 12 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 150 chữ, không có hoa văn, có chữ hý: Cửu 災.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 40.

Niên đại ước đoán: Thành Thái thứ 6 (1894).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Dân bản thôn trùng tu chùa Đại Giác, chi phí tốn kém, bà Nguyễn Thị Miện cúng cho chùa 100 quan tiền và 2 sào ruộng ruộng. Dân xã đồng lòng, hàng năm cúng giỗ bà theo quy định. Có ghi vị trí, diện tích ruộng.

Ghi chú: Dòng niên đại (có chữ húy “Cửu”) trên thác bản là ngụy tạo.
Thác bản trùng bản số 24058.

Hậu phật bi kí

後佛碑記

Kí hiệu: 1785

Thác bản bia thôn Mậu Lương xã Trung Thanh Oai tổng Thượng Thanh Oai huyện Thanh Oai phủ Ứng Hòa 應和府青威縣上青威總中青威社茂良村, sưu tầm tại đình xã Mậu Lương huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 41 x 64 cm, gồm 11 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 150 chữ, không có hoa văn, có chữ húy: 𣎵.

Niên đại: không ghi.

Niên đại ước đoán: thời Nguyễn.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Dân bản thôn tu sửa chùa Đại Giác, chi phí tốn kém. Bà Nguyễn Thị Đăng cúng 120 quan tiền kềm và 2 sào 2 thước ruộng để gửi giỗ

cho cha mẹ. Dân toàn thôn chấp thuận hàng năm cúng giỗ theo quy định. Bia ghi họ tên, ngày giỗ của các Hậu phật.

Hậu phật bi kí

後佛碑記

Kí hiệu: 1786

Thác bản bia thôn Mậu Lương xã Trung Thanh Oai tổng Thượng Thanh Oai huyện Thanh Oai phủ Ứng Hòa 應和府青威縣上青威總中青威社茂良村, sưu tầm tại đình xã Mậu Lương huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 41 x 63 cm, gồm 11 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 300 chữ, không có hoa văn, không có chữ huy.

Niên đại: không ghi.

Niên đại ước đoán: Thành Thái thứ 18 (1906).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Bản thôn tu sửa đình, các bà Nguyễn Thị Bất, Nguyễn Thị Hằng, Nguyễn Thị Lượng cúng cho xã 160 quan tiền, 4 sào ruộng để xin gửi giỗ cho cha mẹ và 2 người được phối hưởng. Dân xã chấp thuận và lập bia lưu truyền. Ghi vị trí, diện tích các thửa ruộng. Có bài minh.

Ghi chú: Dòng niên đại và đoạn ghi năm sửa đình trên thác bản bị tẩy xóa. Thác bản trùng bản số 24062.

Hậu phật bi kí

后佛碑記

Kí hiệu: 1787

Thác bản bia thôn Mậu Lương huyện Thanh Oai 青威縣茂良社, sưu tầm tại đình xã Mậu Lương huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 41 x 64 cm, gồm 14 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 250 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: không ghi.

Niên đại ước đoán: Thành Thái thứ 18 (1906).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

- Xây dựng, trùng tu di tích.

- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Năm Thành Thái 15 (1903) dân thôn sửa lại đình, chi phí tốn kém. Vợ chồng ông Bùi Văn Huyền và con thừa tự Nguyễn Văn Sáng xuất 80 quan tiền để dân chi dụng và cúng 2 sào ruộng giao cho chùa Đại Khánh để gửi giỗ cho cha mẹ vợ ông, có quy định lễ cúng giỗ hàng năm. Có bài minh 4 câu.

Ghi chú: Dòng niên đại trên thác bản bị tẩy xóa. Thác bản trùng bản số 24083.

Tu tạo Đại Bi tự bi minh

修造大悲寺碑銘

Kí hiệu: 1788

Thác bản bia thôn Mậu Lương xã Trung Thanh Oai huyện Thanh Oai 青威縣中青威社茂良村, sưu tầm tại chùa xã Mậu Lương huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 63 x 152 cm, gồm 21 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 350 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Dương Hòa thứ 6 (1640).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.

- Sinh hoạt làng xã.

- Thơ văn.

- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Chùa Đại Bi là một danh lam đã có từ lâu đời, nhưng trải qua mưa gió bị hư hỏng. Nay Chánh đại hòa thượng Nguyễn Pháp Tín đứng ra khởi xướng trùng tu, lại có Mỹ quận công phu nhân Ngô Thị Ngọc Đình bỏ tiền của để sửa chữa chùa, làm tượng Phật, mua ruộng để làm ruộng hương hỏa cho chùa. Dân nhớ ơn, tô tượng bà để thờ, đồng thời lập bia lưu truyền công đức. Có bài minh.

Hậu phật tượng

後佛象

Kí hiệu: 1789/1790/1791/1792

Thác bản bia thôn Mậu Lương Hạ xã Trung Thanh Oai huyện Thanh Oai phủ Ứng Thiên 應天府青威縣中青威社茂良下村, suru tầm tại chùa xã Mậu Lương huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 4 mặt, khổ 60 x 85 cm và 20 x 82 cm, gồm 17 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 500 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Bảo Thái thứ 10 (1729).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Năm Kỷ Dậu (1729), bà Dương Thị Sô cúng cho bản xã 25 quan tiền và 2 mẫu ruộng. Quan viên hương lão và dân toàn xã đồng lòng bầu bà làm Hậu phật, hàng năm cúng giỗ theo quy định. Có ghi bản giao ước, họ tên những người kí bầu Hậu và vị trí, diện tích các thửa ruộng. Mặt sau tạc tượng Hậu phật. Đến năm Cảnh Hưng thứ 7 (1746), bà Sô lại biện cỗ xôi thịt thết đãi toàn thôn và cúng thêm một thửa ao để thôn cam kết làm lễ cúng bà trước bia vào ngày 2 tháng chạp hàng năm.

Hậu phật bi kí

後佛碑記

Kí hiệu: 1793/1794

Thác bản bia thôn Mậu Lương xã Trung Thanh Oai huyện Thanh Oai phủ Ứng Thiên 應天府青威縣中青威社茂良村, sưu tầm tại chùa xã Mậu Lương huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 38 x 64 cm, gồm 27 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 500 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 38 (1777).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Vợ chồng ông Nguyễn Thế Kính là người nhân hậu, được dân xã bầu làm Hậu phật. Ông cùng cho bán xã 10 quan tiền và 1 mẫu ruộng làm ruộng tam bảo. Sau lại giao cho tiểu tăng ở chùa Đại Bi 1 sào ruộng để lo hương hỏa, ghi vị trí, diện tích các thửa ruộng cúng. Có bài minh.

Hậu phật bi

後佛碑

Kí hiệu: 1795/1796

Thác bản bia thôn Mậu Lương xã Trung Thanh Oai huyện Thanh Oai 青威縣中青威社茂良村, sưu tầm tại chùa xã Mậu Lương huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 44 x 62 cm, gồm 21 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 300 chữ, có hoa văn, có chữ hủy: Cửu 𡗗.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 40 (1779).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Các bà Lê Thị Đột, Lê Thị Nắm cùng toàn gia tộc đã cúng 5 sào ruộng cho chùa Đại Bi và 5 quan tiền cho làng, nên được bầu làm Hậu phật tại chùa, hàng năm cúng giỗ theo quy định. Có ghi vị trí, diện tích các thửa ruộng.

Hậu phật bi kí

後佛碑記

Kí hiệu: 1797/1798

Thác bản bia thôn Mậu Lương xã Trung Thanh Oai huyện Thanh Oai phủ Ứng Thiên 應天府青威縣中青威社茂良村, sưu tầm tại đình xã Mậu Lương huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 44 x 61 cm, gồm 26 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 400 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 39 (1778).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Bà Giản Thị Vãn cúng cho bản xã 1 mẫu ruộng để làm ruộng tam bảo và 15 quan tiền, nên vợ chồng bà được bầu làm Hậu phật tại chùa, hàng năm cúng giỗ theo quy định. Ghi vị trí, diện tích các thửa ruộng cúng.

Hậu phật bi kí

後佛碑記

Kí hiệu: 1799/1800

Thác bản bia thôn Mậu Lương xã Trung Thanh Oai huyện Thanh Oai 青威縣中青威社茂良村, sưu tầm tại chùa Đại Khánh xã Mậu Lương huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 45 x 62 cm, gồm 25 dòng chữ Hán và Nôm, toàn

văn ước khoảng 350 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Hoàng triều năm thứ 40.

Niên đại ước đoán: Cảnh Hưng 40 (1779).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bâu Hậu, gửi giỗ, biếu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Quan viên hương lão và bản thôn tôn bâu ông Nguyễn Tuấn Tú và mẹ ông làm Hậu phật, vì ông đã cúng 1 mẫu ruộng làm ruộng tam bảo chùa Đại Khánh và 15 quan tiền cho thôn sử dụng. Hàng năm cúng giỗ theo quy định. Có ghi vị trí, diện tích ruộng cúng.

Ghi chú: Trong lịch sử các triều đại phong kiến nước ta chỉ có 2 niên hiệu có năm thứ 40 là niên hiệu Thuận Đức 40 (1677) đời Mạc Kính Vũ và Cảnh Hưng 40 (1799) đời Lê Hiển Tông. Xét địa danh thôn Mậu Lương, từ năm Dương Hòa thứ 7 (1641) đến năm Cảnh Hưng thứ 7 (1746) thôn này còn mang tên Mậu Lương Hạ (xem bia số 1773 và 1792). Bia này ghi “thôn Mậu Lương” chứng tỏ niên đại không nằm trong khoảng từ 1641 đến 1777, tức không thể mang niên đại Thuận Đức thứ 40 (1677). Vậy có thể xác định niên đại của bia này là Cảnh Hưng thứ 40 (1779).

Hậu phật bi

后佛碑

Kí hiệu: 1801/1802

Thác bản bia thôn Mậu Lương xã Trung Thanh Oai huyện Thanh Oai phủ Ứng Thiên 應天府青威縣中青威社茂良村, sưu tầm tại chùa xã Mậu Lương huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 46 x 54 cm, gồm 24 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 300 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Hoàng triều năm thứ 39.

Niên đại ước đoán: Cảnh Hưng thứ 39 (1778).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Vợ chồng bà Lê Thị Khải cúng 1 mẫu ruộng làm ruộng tam bảo và 15 quan tiền để gửi giỗ cho cha mẹ. Dân xã đồng lòng bầu cha mẹ bà làm Hậu phật, hàng năm cúng giỗ theo quy định. Sau đó ông bà lại cúng thêm 10 thước ruộng để sư chùa lo hương đăng thờ phụng.

[Vô đề]

Kí hiệu: 1803/1804

Thác bản bia thôn Mậu Lương huyện Thanh Oai phủ Ứng Thiên trấn Sơn Nam 山南鎮應天府青威縣茂良村, sưu tầm tại chùa xã Mậu Lương huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 45 x 66 cm, gồm 30 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 700 chữ, không có hoa văn, có chữ húy: Trừ 崇.

Niên đại: Vĩnh Thịnh thứ 13 (1717).

Người soạn: họ Ngô 吳, tên hiệu: Thanh Trai 清齋; quê quán: xã Vĩnh Hưng huyện Nam Chân phủ Thiên Trường.

Người viết chữ: Trịnh Vạn Niên 鄭萬年, tên tự: Như Phái.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Bà Nguyễn Thị Đoạt là người nấu bếp trong phủ chúa. Bà đã cúng cho bản xã 100 quan tiền để nộp quan dịch và 4 mẫu ruộng làm ruộng tam bảo. Dân xã đồng lòng bầu cha mẹ bà và bản thân bà làm Hậu phật. Có bản giao ước và thể lệ cúng giỗ hàng năm. Họ tên những người kí nhận bầu Hậu.

Công đức Đại Bi tự bi minh/Công đức tam bảo điền

功德大悲寺碑銘/功德三寶田

Kí hiệu: 1805/1806

Thác bản bia thôn Mậu Lương Hạ xã Trung Thanh Oai huyện Thanh Oai phủ Ứng Thiên đạo Sơn Nam 山南道應天府青威縣中威社茂良下村, sưu tầm tại chùa xã Mậu Lương huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 51 x 84 cm, gồm 35 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 600 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Vĩnh Thịnh thứ 5 (1709).

Người soạn: Nguyễn Danh Nho 阮名儒; chức vị: Huân đạo.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà Dương Thị Cao cúng cho bản xã 23 quan tiền, để chi dùng việc công và cúng 5 sào ruộng cho chùa vào năm Tân Tị. Dân toàn xã chấp thuận bầu bà làm Hậu phật, hàng năm cúng giỗ theo quy định. Có ghi họ tên những người kí nhận bầu Hậu.

[Vô đề]

Kí hiệu: 1807

Thác bản bia thôn An Xá xã Trung Thanh Oai huyện Thanh Oai phủ Ứng Hòa 應和府青威縣中青威社安舍村, sưu tầm tại đình xã An Xá huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 26 x 53 cm, gồm 9 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 250 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 17, năm Mậu Dần.

Niên đại ước đoán: Gia Long thứ 17 (1818).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Hành trạng, công tích nhân vật.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Ông họ Trương Công dẫn đình phu ra đồng đuổi đánh cướp rồi bị thương mà chết. Vì ông không có con trai nên bản thôn lấy 5 sào ruộng để gửi giỗ cho ông vào chùa chia cho các giáp cày cấy để chi phí việc đèn hương hàng năm cúng giỗ ông.

Ghi chú: Hai chữ niên hiệu “Cảnh Hưng” trên thác bản là ngụy tạo.

Đan Sĩ xã bi

丹溪社碑

Kí hiệu: 1808/1811

Thác bản bia xã Đan sĩ huyện Thanh Oai phủ Ứng Thiên đạo Sơn Nam 山南道應天府青威縣丹溪社, sưu tầm tại miếu xã Đan Sĩ huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 37 x 52 cm, gồm 33 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 500 chữ, có hoa văn, không cổ chữ hủy.

Niên đại: Phúc Thái, năm Mậu Tý (1648).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Xã Đan Sĩ huyện Thanh Oai bị xã La Khê huyện Từ Liêm vu là ăn cướp, bị phạt tiền nhưng không có để nộp. Gia đình bà Hoàng Thị Lộc là mẹ nuôi của Phó tướng Thiếu phó Bình Quận công, và là mẹ đẻ của Vinh Lương hầu Lại Nhân Quý, đã giúp xã 7 nén bạc để nộp phạt. Dân xã nhớ ơn bà, đồng lòng bầu bà làm Hậu thần, hàng năm thờ cúng theo quy định. Ghi họ tên những người kí bầu Hậu.

Hậu phật bi

后佛碑

Kí hiệu: 1809

Thác bản bia thôn Mậu Lương xã Trung Thanh Oai huyện Thanh Oai phủ Ứng Thiên 應天府青威縣中青威社茂良社, sưu tầm tại chùa

xã Mậu Lương huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 49 x 60 cm, gồm 14 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 200 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Hoàng triều năm thứ 39.

Niên đại ước đoán: Cảnh Hưng thứ 39 (1778).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Bà Lê Thị Thanh người bản xã, chồng chết không có con, dân xã chấp thuận cho bà làm Hậu phật, hàng năm cúng giỗ. Sau đó bà đã cúng 5 sào ruộng để dân xã luân phiên cày cấy, lấy hoa lợi chi dùng vào việc đèn hương.

Đại Bi tự Hậu phật bi kí

大悲寺后佛碑記

Kí hiệu: 1810

Thác bản bia thôn Mậu Lương Hạ xã Trung Thanh Oai huyện Thanh Oai phủ Ứng Thiên 應天府青威縣中青威社茂良下村, sưu tầm tại chùa xã Mậu Lương huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 40 x 57 cm, gồm 15 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 350 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Vĩnh Hựu thứ 5 (1739).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Từ năm Ất Dậu (1705), nhân thấy dân thôn Mậu lương Hạ tổ chức bàu Hậu phật, ông Tổng binh Thiêm sự Bùi Thế Trụ, tước Khâm Vũ hầu, người thôn Thạch Thán xã Thạch Thán huyện Yên Sơn phủ Quốc Oai và Nguyễn Đình Sách người thôn Mậu Lương Hạ, cùng

cho thôn Mậu Lương Hạ 1 mẫu 5 sào ruộng để gửi giỗ cho em là Nguyễn Đình Diệu. Dân toàn thôn chấp thuận cho người em làm Hậu phật ở chùa Đại Bi. Nay dựng bia cam kết các điều khoản quy định cúng giỗ và vị trí các thửa ruộng cúng.

Tạo Hậu phật bi/Tạo Hậu phật tượng

造後佛碑/造後佛象

Kí hiệu: 1812/1813/1814/1819

Thác bản bia thôn An Xá xã Trung Thanh Oai huyện Thanh Oai phủ Ứng Thiên 應天府青威縣中青威社安舍社, suru tầm tại chùa xã An Xá huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 4 mặt, khổ 56 x 120 cm và 23 x 83 cm, gồm 23 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 700 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Long Đức thứ 2 (1733).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Năm Quý Sửu, bà Vũ Thị Ba cúng 30 quan tiền và 1 mẫu 1 sào ruộng cho chùa An Thanh. Dân xã đồng lòng bầu bà làm Hậu phật và lập bia, tạc tượng Hậu phật để lưu truyền, hàng năm cúng giỗ vào ngày sinh và ngày kị. Bia ghi vị trí, diện tích ruộng cúng.

An Thanh tự kí

安清寺記

Kí hiệu: 1815/1817/1818/1820

Thác bản bia thôn An Xá xã Trung Thanh Oai huyện Thanh Oai phủ Ứng Thiên 應天府青威縣中青威社安舍社, suru tầm tại chùa xã An Xá huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 4 mặt, khổ 55 x 112 cm và 25 x 85cm, gồm 22 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 600 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Long Đức thứ 1 (1732).

Người viết chữ: Đỗ Đình Quế 杜廷桂; quê quán: xã Trung Thanh Oai;
chức vị: Thủ khoán.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà Nguyễn Thị Tựu cúng cho xã 30 quan tiền và 1 mẫu 1 sào ruộng, nên được toàn xã bàu làm Hậu phật, hàng năm cúng giỗ vào ngày sinh và mất. Bìa ghi việc phân chia ruộng cho 5 giáp cây cấy lấy hoa lợi đèn hương. Có tượng Hậu phật.

An Thanh tự kí

安清寺記

Kí hiệu: 1816

Thác bản bìa thôn An Xá xã Trung Thanh Oai huyện Thanh Oai phủ
Ứng Thiên 應天府青威縣中青威社安舍社, sưu tầm tại chùa xã An
Xá huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 59 x 84 cm, gồm 17 dòng chữ Hán và Nôm, toàn
văn ước khoảng 350 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Không ghi.

Niên đại ước đoán: thời Lê Trung Hưng.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Ông trùm trường Trần Đăng Triều cúng cho bản xã 40 quan tiền và 1
mẫu ruộng để xin được làm Hậu phật, đồng thời xin xã lập bia và
tạc tượng để lưu truyền. Dân xã chấp thuận, lấy 5 sào ruộng chia
cho 5 giáp luân phiên cây cấy, 1 sào cúng cho chùa An Thanh làm
ruộng đèn hương.

Hậu phật bi kí/An Thanh thiền tự

後佛碑記/安清禪寺

Kí hiệu: 1821/1822/1823/1824

Thác bản bia thôn An Xá xã Trung Thanh Oai huyện Thanh Oai phủ
Ứng Thiên đạo Sơn Nam 山南道應天府青威縣中青威社安舍社,
sưu tầm tại chùa xã An Xá huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 4 mặt, khổ 40 x 81 cm và 14 x 61 cm, gồm 38 dòng chữ Hán và
Nôm, toàn văn ước khoảng 1200 chữ, có hoa văn, có chữ húy: Đề 題.

Niên đại: Vĩnh Hựu thứ 3 (1737).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Bà Hoàng Thị Ngao không có con trai. Bà cúng cho xã 20 quan tiền
và 6 sào ruộng để dùng vào việc thờ cúng ở chùa An Thanh. Dân xã
bầu bà làm Hậu phật tại chùa. Sau đó bà lại cúng thêm 1 mẫu 2 sào
ruộng để gửi giỗ Hậu cho ông bà, cha mẹ đẻ, cha mẹ chồng và các
con gái, gồm 10 người. Ghi vị trí và diện tích các thửa ruộng. Có
bài minh.

Hậu phật bi kí

后佛碑記

Kí hiệu: 1825/1826

Thác bản bia thôn An Xá xã Trung Thanh Oai huyện Thanh Oai phủ
Ứng Thiên đạo Sơn Nam 山南道應天府青威縣中青威社安舍村,
sưu tầm tại chùa xã An Xá huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 41 x 63 cm, gồm 32 dòng chữ Hán và Nôm, toàn
văn ước khoảng 600 chữ, không có hoa văn, có chữ húy: Cửu 兪.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 33 (1772).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

- Sinh hoạt làng xã.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Ông họ Nguyễn tự Phúc Đạt nguyên đã được tôn bầu Hậu thần. Vào năm Nhâm Thìn (1772), nhân dịp bản thôn tiến hành bầu Hậu để lấy tiền làm việc nhà Phật, gia đình ông bèn cúng 20 quan tiền và 1 mẫu ruộng để dân thôn tôn bầu vợ ông là Bùi Thị Ấu làm Hậu phật, được dựng bia ở chùa và thờ phụng cúng giỗ quanh năm. Bia ghi vị trí các thửa ruộng, quy định nghi thức cúng giỗ và bài minh 18 câu ca tụng công đức.

Hậu phật bi kí

后佛碑記

Kí hiệu: 1827/1888

Thác bản bia thôn An Xá xã Trung Thanh Oai huyện Thanh Oai phủ Ứng Hòa đạo Sơn Nam 山南道應和府青威縣中青威社安舍村, sưu tầm tại chùa xã An Xá huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 43 x 68 cm, gồm 26 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 550 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Cảnh Hưng, năm Mậu Tí.

Niên đại ước đoán: thời Nguyễn.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
 - Sinh hoạt làng xã.
 - Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Năm Ất Hợi, tín vãi họ Đặng, hiệu Từ Thái là người chăm làm việc thiện, đã bỏ ra 20 quan tiền cổ, 1 mẫu ruộng cho bản thôn lo việc nhà chùa. Dân thôn bầu bà làm Hậu phật, hàng năm cúng giỗ theo quy định. Ghi vị trí và diện tích ruộng cúng. Có bài minh.

Ghi chú: Trên thác bản, dòng niên đại ghi ở trán bia đề “Lê triều Cảnh Hưng chi Mậu Tí niên...” là ngụy tạo.

Hậu phật bi kí

后佛碑記

Kí hiệu: 1828/1829

Thác bản bia thôn An Xá xã Trung Thanh Oai huyện Thanh Oai phủ Ứng Thiên 山南道應天府青威縣中青威社安舍村, sưu tầm tại chùa xã An Xá huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 40 x 40 cm, gồm 20 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 500 chữ, có hoa văn, có chữ huy: Cửu 巽.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 22 (1761).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gởi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Quan viên chức sắc ở bản thôn ghi nhận vào năm Tân Tị, bà Nguyễn Thị Thuần đã cúng 20 quan tiền và 1 mẫu 1 sào ruộng để bản thôn dùng vào việc thờ Phật. Dân xã chấp thuận cho cha mẹ bà và bà làm Hậu phật tại chùa, hàng năm cúng giỗ theo quy định, ghi vị trí các thửa ruộng cúng. Có bài minh.

An Thanh tự kí kị bi

安清寺寄忌碑

Kí hiệu: 1830

Thác bản bia xã An Xá tổng Thượng Thanh Oai 上青威總安舍社, sưu tầm tại đình xã An Xá huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 32 x 50 cm, gồm 5 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 70 chữ, có hoa văn, không có chữ huy.

Niên đại: không ghi.

Niên đại ước đoán: thời Nguyễn.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gởi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà Trương Thị Cẩn và 2 con gái ở thôn An Xá, cúng vào chùa 3 sào ruộng để gửi giỗ cho bản thân bà.

Ghi chú: Thác bản bia bị dán ghép, cắt mất dòng niên đại.

An Thanh tự kí kị bi

安清寺寄忌碑

Kí hiệu: 1831

Thác bản bia thôn An Xá tổng Thượng Thanh Oai huyện Thanh Oai phủ Ứng Hòa 應和府青威縣中青威社安舍村, sưu tầm tại đình xã An Xá huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 32 x 50 cm, gồm 13 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 250 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 9.

Niên đại ước đoán: thời Nguyễn.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biêu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà Nguyễn Thị Đa tự nguyên cúng vào chùa 1 sào 5 thước ruộng và 30 quan tiền để gửi các giỗ. Bia ghi tên và ngày giỗ của từng vị, có quy định lễ vật cho mỗi lễ giỗ.

Ghi chú: Niên đại “Cảnh Hưng” trên thác bản là nguyên tạo.

[Hưng] công/Tân tạo/An Thanh tự/Thạch bi

興功/新造/安清寺/石碑

Kí hiệu: 1832/1833/1834/1835

Thác bản bia thôn An Xá xã Trung Thanh Oai huyện Thanh Oai phủ Ứng Thiên 應天府清威縣中清威社安舍村, sưu tầm tại chùa xã An Xá huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 4 mặt, khổ 18 x 50 cm, gồm 21 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 300 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Vĩnh Trị thứ 1.

Niên đại ước đoán: thời Lê Trung hưng.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Họ và tên những người đứng ra góp công góp của sửa sang chùa An Thanh, tô tượng Phật, như: Hưng công hội chủ có Nguyễn Quang Khắc, Trần Nguyên Tá; người công đức có Nguyễn Quang Tá người xã Quang Liệt v.v...

Ghi chú: Dòng niên đại trên thạc bản là ngụy tạo.

Hậu phật bi kí

后佛碑記

Kí hiệu: 1836/1837/1838/1839

Thạc bản bia thôn An Xá xã Trung Thanh Oai huyện Thanh Oai phủ Ứng Thiên đạo Sơn Nam 山南道應天府青威縣中青威社安舍村, sưu tầm tại chùa xã An Xá huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thạc bản 4 mặt, khổ 45 x 59 cm, gồm 30 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 700 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 20 (1759).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Năm Kỉ Mão (1759), nhân dịp quan viên của thôn tổ chức bàu Hậu để lấy tiền làm việc nhà Phật, tín vãi Lê Thị Kiên cúng cho bản xã 20 quan tiền và 1 mẫu ruộng để xin bàu cha mẹ, bà nội và bản thân bà được làm Hậu phật, hàng năm cúng giỗ theo quy định. Có bài minh và đôi câu đối.

An Thanh thiền tự/Hậu phật thạch bi

安清禪寺/後佛石碑

Kí hiệu: 1840/1841/1842/1843

Thác bản bia thôn An Xá xã Trung Thanh Oai huyện Thanh Oai phủ Ứng Thiên 應天府青威縣中青威社安舍村, sưu tầm tại chùa xã An Xá huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 4 mặt, khổ 48 x 100 cm và 22 x 70 cm, gồm 29 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 1000 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 20 (1759).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Bản thôn sửa sang chùa An Thanh, ông Nguyễn Hữu Tích và em dâu cúng 40 quan tiền, 1 mẫu 8 sào ruộng để gửi giỗ cho bản thân và người em trai là Nguyễn Pháp Tài. Dân xã đồng lòng tôn bàu 2 vị làm Hậu phật, lập giao ước và dựng bia để lưu truyền. Bia ghi họ tên những người kí bàu Hậu và vị trí, diện tích các thửa ruộng cúng. Có khắc bài vị 2 vị Hậu phật.

Tự sự kí

祀事記

Kí hiệu: 1844

Thác bản bia thôn Cầu Trì xã Thượng Thanh Oai huyện Thanh Oai phủ Ứng Thiên 應天府青威縣上青威社株池村, sưu tầm tại chùa xã Hà Trì huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 46 x 66 cm, gồm 16 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 250 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Vĩnh Trị thứ 3 (1678).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Quan viên hương lão thôn Cầu Trì đồng lòng bầu bà Lương Thị Thành làm Hậu phật, vì bà đã cúng cho thôn 10 quan tiền và một mẫu ruộng. Có ghi vị trí, diện tích các thửa ruộng.

Hậu phật bi kí

后佛碑記

Kí hiệu: 1845/1846

Thác bản bia thôn Cầu Trì xã Thượng Thanh Oai huyện Thanh Oai phủ Ứng Thiên 應天府青威縣上青威社棣池村, suru tầm tại chùa xã Hà Trì huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 40 x 70 cm, gồm 16 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 300 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 12 (1752).

Người viết chữ: Trần Nhân Đạo 陳仁道, tên tự: Pháp Độ; nhà sư.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Quan viên hương lão và dân toàn xã đồng lòng bầu bà Nguyễn Thị Luận làm Hậu phật, vì bà đã cúng cho chùa 20 quan tiền và 1 sào rưỡi ruộng. Hàng năm cúng giỗ theo quy định. Bia ghi họ tên những người kí bầu hậu.

Cầu Trì thôn Hậu phật Hậu thần bi/Quan viên thượng hạ lập đoan

棣池村後佛後神碑/官員上下立端

Kí hiệu: 1847/1818

Thác bản bia thôn Cầu Trì xã Thượng Thanh Oai huyện Thanh Oai phủ Ứng Thiên 應天府青威縣上青威社棣池村, suru tầm tại chùa xã Hà Trì, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 59 x 90 cm, gồm 46 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 1000 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Dương Đức thứ 1 (1672).

Người soạn: Nguyễn Tân Phú 阮新富; chức vị: Tri huyện Thiên Thi.

Người viết chữ: Nguyễn Đình Hương 阮廷香; quê quán: thôn Cầu Trì; học vị: Giám sinh.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Tôn sư Nguyễn Nhân Phúc cúng tiền cho dân làng 35 quan tiền, sau lại cúng cho chùa 3 mẫu ruộng. Vì vậy dân làng đồng lòng bầu tôn sư làm Hậu thần, Hậu phật, hàng năm cúng giỗ theo quy định. Bia ghi tên huy, tên tự của ông bà, cha mẹ ông. Ghi vị trí, diện tích các thửa ruộng cúng và bài minh.

Đức Mục tự bi/Hậu phật bi kí

德睦寺碑/後佛碑

Kí hiệu: 1848/1850

Thác bản bia thôn Cầu Trì xã Thượng Thanh Oai huyện Thanh Oai phủ Ứng Thiên 應天府青威縣上青威社棣池村, sưu tầm tại chùa xã Hà Trì huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 48 x 93 cm, gồm 20 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 550 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 13 (1752).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Quan viên hương lão và dân thôn đồng lòng tôn bầu bà Ngô Thị Sang làm Hậu phật, vì bà là người đức hạnh, tuổi cao không có con. Bà

Sang cúng cho xã 50 quan tiền và 4 sào ruộng để gửi giỗ. Có ghi vị trí, diện tích các thửa ruộng cúng.

Đức Mục tự bi/Hậu phật bi kí

德睦寺碑/後佛碑

Kí hiệu: 1851/1852

Thác bản bia thôn Cầu Trì xã Thượng Thanh Oai huyện Thanh Oai phủ Ứng Thiên 應天府青威縣上青威社棣池村, suru tằm tại chùa xã Hà Trì huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 52 x 100 cm, gồm 33 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 750 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Vĩnh Thịnh thứ 12 (1716).

Người viết chữ: Nguyễn Công Đỉnh 阮公鋌.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Bà Hoàng Thị Tích cúng cho bản thôn 20 quan tiền và 4 sào ruộng nên được dân thôn bầu làm Hậu phật, hàng năm cúng giỗ theo quy định. Bia ghi họ tên những người kí bầu Hậu và diện tích, vị trí các thửa ruộng cúng.

Kiều Trì thôn Đức Mục tự bi

橋池村德睦寺碑

Kí hiệu: 1853/1854

Thác bản bia thôn Kiêu Trì huyện Thanh Oai 青威縣橋池村, suru tằm tại chùa xã Hà Trì huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 55 x 100 cm và 15 x 100 cm, gồm 26 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1000 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Quảng Hòa thứ 4 (1544).

Người soạn: Nguyễn Thiến 阮倩; học vị: Tiến sĩ cập đệ khoa Nhâm Thìn; chức vị: Phó Đô ngự sử; tước Trung Dục bá.

Chú đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biếu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Kiều Trì là thôn văn vật ở đất Thanh Oai, có đền chùa, có phong tục tốt đẹp; nhưng trải qua binh hỏa đền chùa bị hồng nát, ruộng đất mất mát. Nay ông họ Nguyễn đứng ra mua lại đất cho dân, toàn dân lập bia ghi công đức ông và cam kết sẽ giữ đất lâu dài. Ghi họ tên người kí nhận và vị trí, diện tích các thửa ruộng đất và ao.

Lập Quốc lão phu nhân bi

立國老夫人碑

Kí hiệu: 1855/1856

Thác bản bia thôn Cầu Trì xã Thượng Thanh Oai huyện Thanh Oai phủ Ứng Thiên 應天府青威縣上青威社棣池村, sưu tầm tại miếu xã Hà Trì huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 60 x 80 cm, gồm 43 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1100 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Vĩnh Thọ thứ 2 (1659).

Người soạn: Nguyễn [Minh Triết] 阮明哲; quê quán: xã Lạc Sơn huyện Chí Linh; học vị: Tiến sĩ cấp đệ khoa Tân Mùi (1631); chức vị: Công bộ Thượng thư; tước Nhan Xuyên hầu.

Người viết chữ: Lê Đăng Dụng 黎登用; tước hiệu: Văn Phúc tử.

Chú đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biếu dương việc thiện.
- Hành trạng, công tích nhân vật.
- Gia phả, lai lịch dòng họ.

Tóm lược nội dung:

Quốc lão phu nhân họ Nguyễn, vợ của Thái tử Quốc lão họ Trịnh cúng cho thôn bạc rông và ruộng tế nên được dân thôn bầu làm Hậu thần. Nay lập bia để truyền lâu dài. Bia ghi tiểu sử 3 đời của bà.

Tạo tác kí bi kí/Tạo tác kỉ bi

造作忌碑記/造作忌碑

Kí hiệu: 1857/1858/1859/1860

Thác bản bia xã Đan Sĩ huyện Thanh Oai phủ Ứng Thiên 應天府青威縣丹俟社, sưu tầm tại từ đường họ Trịnh xã Đa Sĩ huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 4 mặt, khổ 55 x 70 cm và 25 x 70 cm, gồm 37 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 1000 chữ, không có hoa văn, có chữ húy: Cửu 𣎵.

Niên đại: Long Đức thứ 4 (1735).

Người viết chữ: Trịnh Thản 鄭坦, người bản tộc.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Huyện thừa Trịnh Hữu Nhuận cúng cho gia tộc họ Hoàng 30 quan tiền và 2 mẫu 1 sào ruộng, để người trong họ luân phiên canh tác. Sau ông lại cúng cho hai giáp Triều Bắc và Triều Quan thuộc xã Đan Sĩ 20 quan tiền và 1 mẫu 5 sào ruộng để gửi giỗ cho cha mẹ vợ. Dân 2 giáp đồng lòng tôn bầu ông làm Hậu phạt hàng năm cúng giỗ theo quy định.

Hậu tự bản xã bi kí/Hậu thần Xa La bi kí/Hoàng tộc bi kí

后祀本社碑記/后神車羅碑記/黃族碑記

Kí hiệu: 1861/1862/1863/1864

Thác bản bia xã Đan Sĩ huyện Thanh Oai phủ Ứng Thiên đạo Sơn Nam 山南道應天府青威縣丹俟社, sưu tầm tại xã Đa Sĩ huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 4 mặt, khổ 41 x 60 và 27 x 60 cm, gồm 52 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 1200 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Cảnh Hưng, năm Mậu Tý (1768).

Người soạn: không ghi.

- Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biếu dương việc thiện.
- Hành trạng, công tích nhân vật.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Bia ghi lại ba sự việc khác nhau đều liên quan đến ông Tiên xa đội Trị cân, Thị nội giám Tư lễ giám, Hữu Thiếu giám Sĩ Trung hầu Lê Đá tự Bá Giai. 1. Dân xã Đa Sĩ làm đình nhưng bị thiếu tiền. Ông Lê Đá, Hữu Thiếu giám, tước Sĩ Trung hầu là người bản xã đã bỏ ra 100 quan tiền và 2 mẫu 6 sào ruộng cúng giúp nên được bầu làm Phúc thần. 2. Ông Lê Đá đã xuất 15 quan tiền và một số ruộng trợ giúp họ tộc Hoàng nguyên ở xã Lương Xá huyện Chương Đức, ngụ cư tại xã Đa Sĩ để họ tộc này chi dùng vào việc xin viết sửa tờ lệnh chỉ. 3. Ông Lê Đá cũng cho thôn Xa La xã Trung Thanh Oai 10 quan tiền và ruộng, được dân thôn Xa La tôn bầu Hậu thần.

Tiên hiền bi kí

先賢碑記

Kí hiệu: 1865/1866

Thác bản bia xã Đa Sĩ huyện Thanh Oai phủ Ứng Thiên 應天府青威縣多仕社, sưu tầm tại văn chỉ xã Đa Sĩ huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 50 x 76 cm, gồm 29 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 900 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 44 (1783).

Người soạn: Nghiêm Nguyễn Cự 嚴阮巨; học trò lớp Nho y.

- Chủ đề: - Xây dựng, trùng tu di tích.
- Hoạt động sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Nghề y là 1 trong 3 nghề cao quý. Các môn sinh thuộc bản xã đã dựng đàn để làm lễ tế tưởng nhớ công đức các vị tổ sư nghề y của vùng này và dựng bia khắc ghi tên, hiệu, quan chức của các vị Tiên hiền đó để đời sau phụng thờ. Bia liệt kê 13 vị Tiên hiền, kèm theo số tiền, số ruộng dùng để thờ phụng mỗi vị.

Tạo nguyên bi kí

造願碑記

Kí hiệu: 1867/1868

Thác bản bia xã Đan Sĩ huyện Thanh Oai phủ Ứng Thiên 應天府青威縣丹侯社, sưu tầm tại nhà thờ họ Trịnh xã Đa Sĩ huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 40 x 60 cm, gồm 16 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 400 chữ, có hoa văn, có chữ húy: Cửu 𡗗.

Niên đại: Long Đức thứ 3 (1735).

Người soạn: Trịnh Hữu Nhuận 鄭有潤; chức vị: Huyện thừa.

Chủ đề: - Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Vợ chồng Huyện thừa Trịnh Hữu Nhuận nhớ đến công lao tổ tiên, đã bỏ ra 6 sào ruộng và ao cùng đất vườn để dựng ngôi từ đường, lại đặt 1 mẫu 1 sào 8 thước ruộng để cho con cháu trong dòng họ luân phiên cày cấy, lấy hoa lợi cúng giỗ tổ tiên. Ông dựng bia đặt tại từ đường khắc lời nguyện căn dặn con cháu trong họ tộc gìn giữ từ đường và ruộng đất để lưu truyền hương hỏa, và khuyên các con ông (kể cả con nuôi) sau khi được chia đều sản nghiệp của ông không được đem bán hoặc tranh giành lẫn nhau.

Hưng tạo Lâm Dương quán bi

興造林楊觀碑

Kí hiệu: 1869/1870/1871

Thác bản bia sưu tầm tại chùa xã Đa Sĩ huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 3 mặt, khổ 80 x 134 cm và 19 x 113 cm, gồm 59 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 1800 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Vĩnh Tộ thứ 10 (1628).

Người viết chữ: Nguyễn Văn Hội 阮文會, hiệu: Pháp Đô; quê quán: xã Nhân Mục Môn.

Người khắc: Nguyễn Tăng Kiện 阮增健; quê quán: xã Tây An huyện Vĩnh Lại phủ Hạ Hồng; thợ đá.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Cao tăng Hòa thượng Lê Tài, hiệu Đại Đức thiền sư đứng ra hưng công tạo dựng quán Lâm Dương. Nhiều vị quan lại, quý tộc và dân địa phương cùng đứng ra đóng góp tiền của, công sức để xây dựng. Bia ghi họ tên và số tiền của từng người đóng góp.

Tạo Hậu phật bi

造后佛碑

Kí hiệu: 1872/1873

Thác bản bia xã Đan Sĩ huyện Thanh Oai phủ Ứng Thiên 應天府青威縣丹侯社, sưu tầm tại chùa xã Đa Sĩ huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 55 x 80 cm, gồm 35 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 900 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Vĩnh Khánh thứ 2 (1730).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Huyện thừa huyện Tống Sơn là Trịnh Đức Nhuận cúng cho chùa 200 quan tiền sử và 2 mẫu ruộng, nên được bầu làm Hậu phật, hàng năm cúng giỗ theo đoan ước. Bia ghi họ tên những người kí nhận bầu Hậu và vị trí, diện tích các thửa ruộng cúng.

Lâm Dương quán/Hậu phật bi kí

林楊觀/后佛碑記

Kí hiệu: 1874/1875

Thác bản bia xã Đan Sĩ huyện Thanh Oai phủ Ứng Thiên 應天府青威縣丹侯社, sưu tầm tại chùa xã Đa Sĩ huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 52 x 85 cm, gồm 36 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 700 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Vĩnh Thịnh thứ 15 (1719).

Người soạn: Hoàng Công Lý 黃公理; học vị: Nho sinh.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biếu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Chùa Dương Lâm ở bản thôn lâu ngày bị hư hỏng. Bà Hoàng Thị Diên là người bản thôn, lấy chồng nơi khác, đã cúng 20 quan tiền cổ và 6 sào ruộng để dân xã sửa chữa chùa, nên được bầu Hậu. Bia ghi họ tên những người tham gia tôn bầu và vị trí, diện tích các thửa ruộng cúng.

Lâm Dương quán tự/Hậu phật bi kí

林楊觀寺/后佛碑記

Kí hiệu: 1876/1877

Thác bản bia xã Đan Sĩ huyện Thanh Oai phủ Ứng Thiên 應天府青威縣丹侯社, sưu tầm tại chùa xã Đa Sĩ huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 65 x 72 cm, gồm 25 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 600 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Bảo Thái thứ 5 (1724).

Người soạn: Lê Đăng Doanh 黎登瀛; chức vị: Xã trưởng.

Người viết chữ: tên tự: Chân Tước; chức vị: Cai đội.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biếu dương việc thiện.
- Hành trạng, công tích nhân vật.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Quan viên chức sắc, hương lão xã Đan Sĩ cùng đại diện họ Hoàng dựng bia thờ bà họ Đặng. Bà tên là Đặng Thị Đạo, là người đức hạnh, chồng chết sớm. Bà đã xuất 20 quan tiền sử cấp cho xã và họ Hoàng sử dụng để làm chùa, lại mua 1 sào ruộng cúng vào chùa.

Sau lại mua thêm 2 sào ruộng cho dân làng chia nhau cấy cấy. Bà được dân làng bầu làm Hậu phật và cúng giỗ hàng năm sau khi bà mất.

Lâm Dương quán/Thạch hương đài

林楊觀/石香臺

Kí hiệu: 1878/1879/1880/1881

Thác bản cột hương đá xã Đan Sĩ huyện Thanh Oai phủ Ứng Thiên 應天府青威縣丹侯社, sưu tầm tại chùa xã Đa Sĩ huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 4 mặt, khổ 22 x 122 cm, gồm 19 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 700 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 1 (1740).

Người viết chữ: Trịnh Thản 鄭坦.

Chủ đề: - Xây dựng, trùng tu di tích.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Chùa Quán Lâm Dương của bản thôn trang nghiêm đẹp đẽ nhưng chưa có gác chuông. Nay vợ chồng ông Lê Khắc Tự và một số người trong xã cúng tiền, ruộng để làm gác chuông và làm cột hương. Ghi họ tên những người đóng góp. Có bài tán.

Tạo Hậu phật bi

造後佛碑

Kí hiệu: 1882/1883

Thác bản bia xã Đan Sĩ huyện Thanh Oai phủ Ứng Thiên 應天府青威縣丹侯社, sưu tầm tại chùa xã Đa Sĩ huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 50 x 50 cm, gồm 34 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 600 chữ, không có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Chính Hòa thứ 11 (1690).

Người soạn: họ Nguyễn 阮; quê quán: xã Trung Thanh Oai; chức vị: Điền bạ.

Người viết chữ: họ Trịnh 鄭; chức vị: Thư tả Tướng thần lại.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

- Sinh hoạt làng xã.

- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Bà Lê Thị Hay bỏ ra 100 quan tiền mua ruộng công cho thôn. Sau bà lại cúng thêm 1 mẫu ruộng nên được bầu làm Hậu phật, hàng năm cúng giỗ theo quy định. Ghi vị trí diện tích các thửa ruộng cúng. Có bài minh.

Tạo Hậu phật bi

造後佛碑

Kí hiệu: 1884/1885

Thác bản bia xã Đan Sĩ huyện Thanh Oai phủ Ứng Thiên 應天府青威縣丹俟社, sưu tầm tại chùa xã Đa Sĩ huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 45 x 70 cm, gồm 31 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 750 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Chính Hòa thứ 11 (1690).

Người soạn: họ Nguyễn; quê quán: xã Trung Thanh Oai; chức vị: Điền bạ.

Người viết chữ: họ Trịnh; chức vị: Thư tả Tướng thần lại.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Bà Nguyễn Thị Đạo cúng 50 quan tiền để xã trả nợ và 1 sào ruộng vào việc thờ Phật. Bà lại bỏ ra 5 sào ruộng cho dân xã luân phiên cấy cấy, nên được bầu làm Hậu phật, hàng năm cúng giỗ theo quy định. Ghi họ tên các quan viên hương lão và những người kí bầu Hậu.

Trùng tu Lâm Dương quán Phật tượng bi

重修林楊觀佛像碑

Kí hiệu: 1886/1887

Thác bản bia xã Đan Sĩ huyện Thanh Oai phủ Ứng Thiên 應天府青威縣丹侯社, sưu tầm tại chùa xã Đa Sĩ huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 2 mặt, khổ 56 x 98 cm, gồm 61 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1200 chữ, có hoa văn, không có chữ huy.

Niên đại: Vĩnh Trị thứ 5 (1680).

Người soạn: Lương Nghi 梁宜, tên tự: Lễ Hiên; học vị: Tiến sĩ khoa Quý Mùi (1643); chức vị: Đông các hiệu thư; tước Nghĩa Sơn tử.

Người viết chữ: Nguyễn Thế Vinh 阮世榮; chức vị: Thị nội Thư tả; tước Nho Tài nam.

Chủ đề: - Xây dựng, trùng tu di tích.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Năm Canh Thìn, ông Đỗ Công Bật, tước An Lộc tử, chức Bình bộ Quân vụ người phường Thịnh Quang huyện Quảng Đức khởi xướng cùng dân bản thôn tu tạo quán Dương Lâm, một số người đã đóng góp tiền của công sức vào việc này. Có bài minh.

Tiến sĩ bi kí

進士碑記

Kí hiệu: 1889

Thác bản bia sưu tầm tại văn chỉ xã Mậu Lương huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông.

Thác bản 1 mặt, khổ 40 x 60 cm, gồm 2 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 40 chữ, có hoa văn, không có chữ huy.

Niên đại: không ghi.

Niên đại ước đoán: thời Nguyễn.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Hành trạng, công tích nhân vật.

Tóm lược nội dung:

Bia chỉ có 2 dòng chữ, ghi tên Tướng công họ Nguyễn tự Di Quyết, đỗ Tiến sĩ Đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân khoa Mậu Thìn niên hiệu Thái Hòa triều vua Lê Nhân Tông, chức Đặc tiến Kim tử Vinh lộc đại phu, Thị lang.

Hậu thần bi kí

後神碑記

Kí hiệu: 1890/1891/1892/1893

Thác bản bia thôn Thị xã Lô Hiền huyện Lô Dương phủ Thiệu Thiên 紹天府雷陽縣魯賢社市村, sưu tầm tại thôn Hương Nguyên tổng Xuân Lai phủ Thọ Xuân tỉnh Thanh Hóa.

Thác bản 4 mặt, khổ 49 x 64 cm và 30 x 64 cm, gồm 41 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 900 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 13 (1752).

Người soạn: Nguyễn Bá Khuê 阮伯奎; quê quán: xã Vạn Qui huyện Đông Sơn; chức vị: Tri huyện huyện Đường An, Cần sự Tá lang.

Chủ đề: - Bồi Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Hành trạng, công tích nhân vật.
- Sinh hoạt làng xã.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Ông Nguyễn Thuần Sĩ, chức Thông Chính sứ, tước Thiệu Trung tử là người bản thôn, làm quan Tứ phẩm thứ cùng trong triều. Khi tuổi đã gần 70, ông cúng 40 lạng bạc và 6 mẫu ruộng cho bản thôn. Dân thôn giao ước các thế thức cúng giỗ theo quy định. Ghi vị trí, diện tích các thửa ruộng cúng. Có bài thơ.

Đại Vương tảo miếu kí

大王廟記

Kí hiệu: 1894

Thác bản bia sưu tầm tại xã An Lạc tổng Quảng Yên phủ Thọ Xuân

tỉnh Thanh Hóa.

Thác bản 1 mặt, khổ 108 x 187 cm, gồm 29 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1100 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Hoàng Định thứ 17 (1616).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Tiểu sử bà họ Lê, thụy Từ Huệ, được ban tên là Chiêu Dung, cung tần của chúa Trịnh Minh Khang Đại vương do một người con của bà soạn khắc. Bà quê ở xã An Lạc, xuất thân dòng dõi của một vị công thần được ban quốc tính họ Lê. Cha bà là Lê Công Từ, chức Đô chỉ huy sứ, tước An Xuyên hầu, tằng Tán Quận công. Sau khi được làm cung tần, bà đã có tận tụy theo hầu chúa từ những ngày gian nan ở Ai Lao, không chỉ gánh vác công việc nội trợ mà còn phụ giúp chúa trong khi ra trận mạc, góp công to lớn vào sự nghiệp của nhà chúa. Có bài minh ca tụng công đức của bà.

Thiếu bảo Quận phu nhân Trịnh bi kí

少保郡夫人鄭碑記

Kí hiệu: 1895

Thác bản bia sưu tầm tại đình xã Chi Tín tổng Phú Hà huyện Lôi Dương phủ Thọ Xuân tỉnh Thanh Hóa.

Thác bản 1 mặt, khổ 88 x 135 cm, gồm 35 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 1300 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Cảnh Trị thứ 5 (1667).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bồi Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Bà Trịnh Thị Ngọc Lữ, vợ Thiếu bảo Khiêm Quận công, người hương

Biện Thượng xã Sóc Sơn huyện Vĩnh Phúc, đã cúng cho xã An Trung 510 quan tiền, 2 thỏi bạc, 17 mẫu 9 sào ruộng để gửi giỗ cho cha mẹ bà. Hàng năm dân xã cúng giỗ theo quy định ghi trong bia.

Hậu Đức cung bi/Huệ điền trực phân/Nghi văn sự lệ

厚德宮碑/惠田逐分/儀文事例

Kí hiệu: 1896/1897/1898/1899

Thác bản bia sưu tầm tại cung Hậu Đức xã Hải Trạch tổng Duyên Hào phủ Thọ Xuân tỉnh Thanh Hóa.

Thác bản 4 mặt, khổ 65 x 130 cm, gồm 86 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 2300 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Chính Hòa thứ 7, năm Bính Dần (1686).

Người soạn: Nguyễn Viêt Thứ 阮曰庶; quê quán: xã Sơn Đồng huyện Đan Phượng phủ Quốc Oai; học vị: Tiến sĩ khoa Bính Thìn (1664); chức vị: Lại bộ Tả Thị lang; tước Mai Sơn nam.

Người nhuận sắc 1: Đồng Tồn Trạch 同存澤; quê quán: xã Triều Dương huyện Chí Linh phủ Nam Sách; học vị: Tiến sĩ khoa Bính Tuất (1646); chức vị: Hộ bộ Thượng thư; tước Nghĩa Lĩnh tử.

Người nhuận sắc 2: Nguyễn Danh Thực 阮名實; học vị: Thám hoa khoa Kỷ Hợi (1659); chức vị: Bồi tụng, Đô ngự sử; tước Hải Sơn tử.

Người viết chữ: Đặng Trình 鄧楨; quê quán: huyện Hoảng Hóa; học vị: đỗ Thụ toán khoa Nhâm Thìn; chức vị: Thị nội Thư tả, Tự thừa.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Xây dựng, trùng tu di tích.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Tiểu sử bà Chính phi của Hoàng tử Dương vương (Trịnh Tạc) là Trịnh Thị Ngọc Lung người hương Sóc Sơn, con gái của Quảng Quận công, người có công nuôi dưỡng vua Lê Gia Tông. Hai xã Thịnh Mỹ và Hải Mao xin lập sinh từ thờ bà, đặt tên là cung Hậu Đức, được bà ban cho 20 mẫu ruộng và tiền để lập sinh từ. Bia ghi rõ quy

cách cúng giỗ và bài văn khấn. Có ghi vị trí, diện tích các thửa ruộng cúng.

[Vô đề]

Kí hiệu: 1900/1901

Thác bản bia sưu tầm tại xã Hải Trạch tổng Duyên Hào phủ Thọ Xuân tỉnh Thanh Hóa.

Thác bản 2 mặt, khổ 90 x 120 cm và 90 x 150 cm, gồm 37 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 800 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: không ghi.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Công văn triều đình (sắc, lệnh, chỉ dụ).
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Dân trong 3 tổng (gồm 15 xã) nhớ ơn bà Vương phi của chúa Trịnh, xin lập đền thờ bà. Triều đình ban cấp tiền bạc, ruộng để xây đền gọi là cung Hậu Nguyên và lo việc cúng tế. Các chúa nối ngôi đều ban cấp thêm tiền bạc, ruộng. Bia có ghi vị trí, diện tích ruộng được cấp và số ruộng từng xã được sử dụng. Có thể lệ cúng tế.

Trùng tu Cảm Ân tự bi kí/Chư nhân phù công đức tính danh

重修感恩寺碑記/諸人扶功德姓名 Kí hiệu: 1902/1903

Thác bản bia sưu tầm tại chùa Cảm Ân thôn Hạ xã Ngô Xá tổng Xuân Lai phủ Thọ Xuân tỉnh Thanh Hóa.

Thác bản 2 mặt, khổ 100 x 150 cm, gồm 40 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 1000 chữ, có hoa văn, có chữ hý: Tùng 森.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 6 (1745).

Người soạn: Nguyễn Huy Tự 阮輝敘; quê quán: xã Phú Thị huyện Gia Lâm phủ Thuận An; chức vị: Đốc đồng xứ Thanh Hoa.

Người viết chữ: Phạm Đăng Trù 范登壽; quê quán: xã Đại Khánh huyện Đông Sơn phủ Thiệu Thiên.

Người khắc: Lê Viết Giai 黎曰佳; quê quán: xã An Hoạch huyện Đông Sơn.

Chủ đề: - Lịch sử di tích.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Chùa Cầm Ân là danh lam của vùng. Năm Mậu Ngọ, sư chùa đứng ra tu sửa, các thiện nam tín nữ quyên góp tiền bạc để sửa chùa cho khang trang đẹp đẽ. Nay công việc hoàn thành, lập bia ghi họ tên những người có công đức để lưu truyền.

Long Hồ tự phả/Tam bảo bi

潯湖寺陂/三寶碑

Kí hiệu: 1904/1905

Thác bản bia xã Bàn Thạch huyện Lôi Dương 雷陽縣礮石社, sru tâm tại chùa Long Hồ xã Bàn Thạch tổng Kiên Thạch phủ Thọ Xuân tỉnh Thanh Hóa.

Thác bản 2 mặt, khổ 68 x 125 cm, gồm 50 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 1200 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Đức Long thứ 3 (1634).

Người soạn: Lê Hữu Độ 黎有度, tên tự: Nhã Lượng; chức vị: Tri huyện huyện Đông Sơn.

Chủ đề: - Sinh hoạt làng xã.
- Lịch sử di tích.
- Xây dựng, trùng tu di tích.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Chùa Long Hồ nằm bên đầm nước rộng là một danh lam của vùng, lâu ngày bị đổ nát. Nay các quan viên hương lão xây dựng lại chùa mới trên nền cũ, được các thiện nam tính nữ đóng góp tiền của và công

sức. Việc hoàn thành dựng bia ghi công đức những người đóng góp để truyền lâu dài. Có bài minh.

Hậu thần bi kí

後神碑記

Kí hiệu: 1906/1907

Thác bản bia xã Lỗ Hiền huyện Lô Dương phủ Thiệu Thiên 紹天府雷陽縣魯賢社, sưu tầm tại từ đường thôn Hương Nguyễn tổng Xuân La phủ Thọ Xuân tỉnh Thanh Hóa.

Thác bản 2 mặt, khổ 55 x 97 cm, gồm 40 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 1000 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 43 (1782).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Bia khắc hai văn bản tôn bàu Hậu thần. 1. Văn bản đề năm Ất Dậu, Cảnh Hưng thứ 26 (1765) chép việc dân thôn Thị xã Lỗ Hiền tôn bàu bà Nguyễn Thị Mẫn người bản thôn và chồng bà là Hoài Viễn tướng quân Thoan Trung hầu làm Hậu thần. Bà đã cúng cho thôn 140 quan tiền và 6 mẫu ruộng, đất vườn 1 sào rưỡi để lo thờ phụng, cúng cho Hội Tư văn 1 mẫu ruộng Hậu hiền. 2. Văn bản đề năm Tân Sửu, Cảnh Hưng thứ 43 (1782) của Trại Quả xã Nhật Quang huyện Đông Sơn ghi nhận bà Nguyễn Thị Mẫn cúng cho trại 20 quan tiền và 8 sào rưỡi ruộng, 1 sào rưỡi vườn, 1 sào ao, được dân tôn bàu bà và chồng bà làm Hậu thần. Hai văn bản đều chép nghi lễ cúng tế và các thửa ruộng đất cúng.

Hậu thần bi kí

後神碑記

Kí hiệu: 1908/1909

Thác bản bia xã Nhật Quang huyện Đông Sơn phủ Thiệu Thiên 紹天府東山縣日光社, sưu tầm tại thôn Hương Nguyên tổng Xuân Lai

phủ Thọ Xuân tỉnh Thanh Hóa.

Thác bản 2 mặt, khổ 55 x 100 cm, gồm 28 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 700 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Cảnh Hưng, năm Tân Sửu (1781).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Dân xã Nhật Quang bàu bà Nguyễn Thị Mẫn, người thôn Thị xã Lỗ Hiền, vợ Thoan Trung hầu họ Trịnh làm Hậu thần, vì bà đã cúng cho xã 100 quan tiền, 6 mẫu ruộng. Sau bà lại cúng thêm 1 mẫu ruộng cho dân luân phiên cấy cấy. Bia ghi thể lệ cúng giỗ và vị trí, diện tích các thửa ruộng cúng.

Pháp Phật Tăng

法佛僧

Kí hiệu: 1910

Thác bản bia sưu tầm tại chùa Vân Am thôn Thượng Gia xã Yên Lãng tổng Phú Hà huyện Lôi Dương tỉnh Thanh Hóa.

Thác bản 1 mặt, khổ 90 x 130 cm, gồm 27 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 600 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Khánh Đức thứ 3 (1651).

Người soạn: Đỗ Thế Hiển 杜世顯; chức vị: Binh bộ Viên ngoại lang; tước Lương Phụ nam.

Người viết chữ: Trịnh Văn Năng 鄭文能; tước Văn Diễn nam.

Người khắc: Lê Hữu Phan 黎有潘.

Chủ đề: - Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Bà Trịnh Thị Ngọc Nguyệt, con gái Vân Quận công là người mộ đạo

Phật, bà đã nhiều lần bỏ tiền ra tu sửa chùa, tạo tượng Phật. Sau lại cúng ruộng cho chùa làm ruộng hương hỏa. Dân nhớ ơn dựng bia ghi công đức. Có bài minh.

Hậu thần bi kí

後神碑記

Kí hiệu: 1911/1912

Thác bản bia xã Lỗ Hiền huyện Lôi Dương phủ Thiệu Thiên 紹天府雷陽縣魯賢社, sưu tầm tại thôn Nguyên Hiền tổng Xuân Lai phủ Thọ Xuân tỉnh Thanh Hóa.

Thác bản 2 mặt, khổ 65 x 120 cm, gồm 38 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 900 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 34 (1773).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Hành trạng, công tích nhân vật.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Thái phu nhân họ Nguyễn là con gái quan Đề đốc Chiêm Quận công, phu nhân của quan Tả Đô đốc Đại Tư đồ Kiều Trung công, bà đã cúng cho dân hai xã 10 hốt bạc, 200 quan tiền và 40 mẫu ruộng làm ruộng hương hỏa. Dân hai xã đồng lòng bàu bà làm Hậu thần và hàng năm cúng giỗ theo quy định. Có ghi vị trí, diện tích các thửa ruộng cúng.

Ghi chú: Thác bản mờ, nhiều chữ không đọc được.

Phật Tích Linh Sơn tự tu tạo bi kí

佛跡靈山寺修造碑記

Kí hiệu: 1913/1914

Thác bản bia sưu tầm tại thôn Hậu Hiền tổng Xuân Lai phủ Thọ Xuân tỉnh Thanh Hóa.

Thác bản 2 mặt, khổ 70 x 117 cm, gồm 38 dòng chữ Hán và Nôm, toàn

văn ước khoảng 700 chữ, có hoa văn, có chữ huy: Đề 題, Trần 陳.

Niên đại: Hoàng Định thứ 7 (1606).

Người viết chữ: Hoàng Duy Lữ 黃維縷.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Ông Nguyễn Tôn Khang cùng các môn đệ kể nổi thiên tông mà bồi đắp nền đức, dốc chí làm việc nhân, đã tạo tượng, trang hoàng chùa Ngọc Hoàng. Nay dựng bia để công đức truyền lâu dài. Bia ghi họ tên các hưng công, hội chủ.

Cảo Thịnh lăng bi kí

杲盛陵碑記

Kí hiệu: 1915

Thác bản bia sưu tầm tại lăng Cảo Thịnh xã Cảo Nhuệ Thượng tổng Thượng Cốc phủ Thọ Xuân tỉnh Thanh Hóa.

Thác bản 1 mặt, khổ 77 x 120 cm, gồm 20 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 450 chữ, có hoa văn, không có chữ huy.

Niên đại: Chính Hòa thứ 7 (1686).

Người soạn 1: Quách Giai 郭佳; học vị: Thám hoa khoa Quý Hợi (1683); chức vị: Hàn lâm viện Thị chế.

Người soạn 2: Nguyễn Phú Hồ 阮富湖; học vị: Hoàng giáp khoa Quý Hợi (1683); chức vị: Hàn lâm viện Hiệu lý.

Người soạn 3: Nguyễn Đình Xuân 阮廷椿; học vị: Tiến sĩ khoa Quý Hợi (1683); chức vị: Hàn lâm viện Hiệu thảo.

Người nhuận sắc 1: Nguyễn Danh Thực 阮名實; học vị: Tiến sĩ cập đệ khoa Kỷ Hợi; chức vị: Bồi tụng; tước Hải Sơn tử.

Người nhuận sắc 2: Nguyễn Công Vọng 阮公望; học vị: Tiến sĩ khoa Quý Sửu (1673); chức vị: Lễ bộ Tả thị lang; tước Vĩnh Ngạn nam.

Người khắc: Nguyễn Công Thiêm 阮公簪; chức vị: Hòa thượng; tước Điện Cương nam.

Chủ đề: Hành trạng, công tích nhân vật.

Tóm lược nội dung:

Bia lăng vua Huyền Tông Mục Hoàng đế triều Lê, ghi tiểu sử của nhà vua. Ngài là con vua Thần Tông và bà Hoàng Thái hậu họ Phạm, em Chân Tông. Vua húy Duy Vũ, sinh giờ Mùi ngày 20 tháng 10 năm Giáp Ngọ. Khi Thần Tông băng hà, được Hoàng tử Dương vương phò tá lên ngôi vào năm Nhâm Dần. Năm Quý Mão (1663) đổi thành niên hiệu Cảnh Trị. Vua mất giờ Ngọ ngày 15 tháng 10 năm Tân Hợi (1671) được tôn là Huyền Tông Mục Hoàng đế. Lăng xây tại quê ngoại là xã Cảo Nhuệ Thượng. Lăng gọi là lăng Cảo Thịnh.

Ghi chú: Tên các vị Tiền sĩ soạn và nhuận sắc văn bia này có những chi tiết ghi khác so với các tài liệu *Đăng khoa lục*.

Lập Phật tự hương hỏa lưu truyền bi

立佛寺香火留傳碑

Kí hiệu: 1916

Thác bản bia xã Hải Đàm huyện Lôi Dương phủ Thiệu Thiên 紹天府雷陽縣海潭社, sưu tầm tại chùa Vĩnh Phúc thôn Mậu Công xã Hải Khoát tổng Diên Hào phủ Thọ Xuân tỉnh Thanh Hóa.

Thác bản 1 mặt, khổ 82 x 12 cm, gồm 16 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 350 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Cảnh Trị thứ 7 (1669).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Hành trạng, công tích nhân vật.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Toàn Quận công vốn là người thuộc dòng dõi họ Trịnh, phò chúa có

nhieu công tích, là bậc vĩ nhân của đất Ái Châu. Ông lại là người sùng đạo Phật, thấy chùa Vĩnh Phúc lâu ngày bị hư hỏng đã cúng tiền và 1 mẫu ruộng để tu sửa chùa. Dân xã bầu ông Hậu phật và khắc vào đá để truyền lâu dài.

Phúc Hạ tự bi

福賀寺碑

Kí hiệu: 1917

Thác bản bia xã Hà Xá huyện Lôi Dương phủ Thiệu Thiên 紹天府雷陽縣河舍社, suru tầm tại chùa Phúc Hạ xã Hà Thanh tổng Xuân Lai phủ Thọ Xuân tỉnh Thanh Hóa.

Thác bản 1 mặt, khổ 68 x 100 cm, gồm 19 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng chữ, có hoa văn, không có chữ huy.

Niên đại: Quang Hưng thứ 10 (1587).

Người soạn: Cao Trường 高琰, tên hiệu: Pháp Hoa 法華; chức vị: Tăng chánh.

Người viết chữ: Lê Chước 黎酌; chức vị: Đề lại.

Chủ đề: - Lịch sử di tích.
- Xây dựng, trùng tu di tích.
- Thơ văn

Tóm lược nội dung:

Chùa Phúc Hạ được dựng từ triều Trần, là nơi danh lam của vùng này, dân cầu đảo đều được linh ứng, trải qua binh hỏa bị đổ nát nhưng hương khói vẫn không dứt. Nay các ông Lê Liêm, Lê Tĩnh phát tâm bỏ dè quyen góp tiền bạc của các nhà giàu trong xã xây dựng lại chùa. Việc xong dựng bia lưu truyền. Có bài minh.

Trùng tu Cầm Ân tự bi

重修感恩寺碑

Kí hiệu: 1918

Thác bản bia xã Ngô Xá huyện Lôi Dương phủ Thiệu Thiên 紹天府雷陽縣吳舍社, suru tầm tại chùa Cầm Ân thôn Hạ xã Ngô Xá tổng

Xuân Lai phủ Thọ Xuân tỉnh Thanh Hóa.

Thác bản 1 mặt, khổ 75 x 110 cm, gồm 24 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 800 chữ, có hoa văn, có chữ húy: Đề 魁.

Niên đại: Vĩnh Trị thứ 1 (1676).

Người soạn: Lê Hữu Đức 黎有德; quê quán: phủ Thiệu Thiên; học vị: Hiệu sinh.

Người viết chữ: Lê Đình Vinh 黎廷榮; quê quán: xã Lam Vĩ huyện Thụy Nguyên; chức vị: Đề lại.

Người khắc: Lê Nhật Khôi 黎日魁; quê quán: xã An Hoạch.

Chủ đề: - Lịch sử di tích.

- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Chùa Cảm Ân là một danh lam cổ tích. Năm Giáp Dần (1674) dân thôn tu sửa lại tiền đường, năm Bính Thìn (1676) tu tạo tượng Phật. Nay việc xong dựng bia ghi tên các hưng công hội chủ, thiện nam tín nữ thập phương có công trùng tu chùa.

Khôn nguyên chí đức chi bi

坤元至德之碑

Kí hiệu: 1919

Thác bản bia sưu tầm tại thôn Phúc Lâm tổng Quảng An phủ Thọ Xuân tỉnh Thanh Hóa.

Thác bản 1 mặt, khổ 185 x 270 cm, gồm 69 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 2600 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Cảnh Thống thứ 1 (1498).

Người soạn 1: Nguyễn Bảo 阮保; Lễ bộ Hữu Thị lang, Đạt tín đại phu, Hàn lâm viện Thị độc, chương Hàn lâm viện sự.

Người soạn 2: Nguyễn Xung Xác 阮冲慤; chức vị: Hàn lâm viện Thị độc, tham thụ Hàn lâm viện sự.

Người viết chữ: Bùi Sĩ Nho 裴士儒; chức vị: Cẩn sự lang, Trung thư giám Chính tự.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Tiểu sử của bà Quang Thục Trinh Huệ Hoàng Thái hậu. Bà họ Ngô, húy Ngọc Dao, người huyện Yên Định phủ Thiệu Thiên, Thanh Hoa. Bà là mẹ đẻ của vua Lê Thánh Tông. Khi các đại thần Nguyễn Xí, Đinh Liệt v.v... dẹp loạn Nghi Dân, rước Thánh Tông lên ngôi, bà được tôn làm Hoàng thái hậu. Tháng 3 năm Bính Thìn bà bị bệnh. Đến giờ Hợi ngày 26 tháng nhuận, bà mất ở điện Thừa Hoa, thọ 76 tuổi. Có bài minh.

Bảo Xuân quận lệ chi bi

寶春郡麗之碑

Kí hiệu: 1920

Thác bản bia sưu tầm tại lăng xã Quảng Thi tổng Quảng An phủ Thọ Xuân tỉnh Thanh Hóa.

Thác bản 1 mặt, khổ 132 x 180 cm, gồm 30 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1000 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Hồng Đức thứ 25 (1492).

Người soạn: Nguyễn Xung Xác 阮冲懃; chức vị: Hiến lượng đại phu, Hàn lâm viện Thị thư, Lễ bộ Hữu thị lang.

Người viết chữ: Nguyễn Tùng 阮竦; chức vị: Mậu lâm tá lang, Trung thư giám Điện thư.

Người viết chữ triện: Nguyễn Nhân Huệ 阮仁惠; chức vị: Kim quang môn Đãi chiếu.

Người khắc: Phạm Bảo 范寶; chức vị: Ngự dụng giám san thư cục Cục chánh.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Tiểu sử của công chúa Thụy Hoa, con thứ 3 của vua Lê Thánh Tông, mẹ là Kinh phi họ Nguyễn. Công chúa sinh vào năm Quý Mùi

(Quang Thuận 4 - 1463). Công chúa lấy chồng là con Quận công Nguyễn Lỗi. Chồng chết, lấy con Đô đốc Trịnh Trọng Phong. Chồng lại chết, bà lại lấy con Quốc công Lê Thọ Vực. Không lâu sau, bà bị bệnh, mất ngày 15 tháng 7 năm Giáp Dần (1484). Có bài minh.

Ghi chú: Nhan đề bia là “Đại Việt Thụy Hoa Công chúa thần đạo bi minh tịnh tự 大越瑞華公主神道碑銘並敘”.

Quế □ lưu phương chi bi

桂 □ 流芳之碑

Kí hiệu: 1921

Thác bản bia sưu tầm tại xã Lư Khánh tổng Nam Dương phủ Thọ Xuân tỉnh Thanh Hóa.

Thác bản 1 mặt, khổ 137 x 190 cm, gồm 37 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1400 chữ, có hoa văn, không có chữ huy.

Niên đại: Hồng Đức thứ 16 (1458).

Người soạn: Lương Thế Vinh 梁世榮; [học vị: Tiến sĩ (đỗ năm 1463)]; chức vị: Hàn lâm viện Thị thư, kiêm Sùng Văn quán Tú Lâm cục Tư huấn.

Người viết chữ: Thái Thúc Liêm 蔡叔廉; chức vị: Cẩn sự lang, Trung thư giám Chính tự.

Người viết chữ triện: Ngô Đình Nghi 阮廷儀; chức vị: Mậu lâm lang, Kim Quang môn Đãi chiếu.

Người khắc: họ Thái 蔡; chức vị: Tiến công Thứ lang, Ngọc thạch cục Cục phó.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.

- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Tiểu sử Kính phi họ Nguyễn, cung phi của vua Lê Thánh Tông. Bà người xã Bất Căng huyện Lôi Dương, cha là Đô đốc Thiêm sự, Đề đốc, mồ côi sớm nên ở với Thái bảo Giản Cung hầu Lê Hiều, nhập tịch ở hương Lam Sơn huyện Lương Giang. Bà sinh ngày 6 tháng 2 năm Ất Sửu (1445) năm Quang Thuận 1 (1460) được tuyển làm

cung phi, lần lượt sinh ra Thụy Hoa công chúa và các hoàng tử, công chúa khác. Năm Đinh Dậu bà được lên ngôi Kính phi. Bà bị bệnh mất ngày 12 tháng 3 năm Ất Tị (1485), thọ 41 tuổi, ngày Sóc tháng 7 năm Ất Tị niên hiệu Hồng Đức thứ 16 phụng đưa linh cữu bà về táng tại Tam Lư huyện Lôi Dương. Bia ghi bài văn tế và bài minh.

Ghi chú: Nhan đề bia là “Thọ An cung Kính phi Nguyễn Thị thần đạo bi 壽安宮敬妃阮氏神道碑”.

[Vô đề]

Kí hiệu: 1922

Thác bản bia sưu tầm tại động núi Long Châu thôn Miếu xã Long Châu tổng Bất Lam phủ Quốc Oai tỉnh Sơn Tây.

Thác bản 1 mặt, khổ 18 x 70 cm, gồm 3 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 50 chữ, không có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Chính Hòa, năm Bính Tý (1696).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Có 4 câu thơ Hán lẫn Nôm, ca ngợi việc dựng cây hương ở động núi Long Châu.

Diễn khánh lưu hậu bi

衍慶留後碑

Kí hiệu: 1923/1924

Thác bản bia thôn Miếu xã Tử Trầm huyện Yên Sơn phủ Quốc Oai 國威府安山縣紫沉社廟村, sưu tầm tại đình thôn Miếu xã Long Châu tổng Bất Lam phủ Quốc Oai tỉnh Sơn Tây.

Thác bản 2 mặt, khổ 37 x 77 cm, gồm 16 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 450 chữ, có hoa văn, có chữ hý: Cửu 巽.

Niên đại: Vĩnh Thịnh thứ 5 (1709).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Vợ chồng ông Nguyễn Viết Tạo người xã Lương Xá huyện Chương Đức cúng 70 quan tiền và 5 sào ruộng cho để đóng thuế thay cho thôn. Dân thôn cảm kích lòng tốt của ông bà, bèn lập bia ghi công đức. Sau khi ông bà qua đời sẽ cúng giỗ theo nghi thức trong bia.

Quan Âm viện hiển đức bi kí

觀音院顯德碑記

Kí hiệu: 1925/1926/1927/1928

Thác bản bia xã Hoa Bản 花板社, sưu tầm tại thôn Miếu xã Long Châu tổng Bất Lạm phủ Quốc Oai tỉnh Sơn Tây.

Thác bản 4 mặt, khổ 35 x 85 cm, gồm 46 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1600 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 18 (1757).

Người soạn: Trương Hộ 張扈 chức vị: Hộ bộ Lang trung, Vĩ Trung tử.

Người nhuận sắc: Nguyễn Huy Oánh 阮輝儻, tên hiệu: Thạc Đình cư sĩ; học vị: Tiến sĩ khoa Mậu Thìn (1748); chức vị: Hoảng tín đại phu, Thượng bào tỵ khanh.

Người hiệu đính: Trương Khuông 張滙; chức vị: Tả Huệ diêm; tước Côn Quận công.

Chủ đề: - Gia phả, lai lịch dòng họ.
- Hành trạng, công tích nhân vật.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Hộ bộ Lang trung Trương Hộ soạn văn bia thuật về thân mẫu của mình. Bà xuất thân từ dòng họ có danh vọng, tiên tổ là Đôn thuần Dụ phúc Đại vương. Khi trưởng thành kết duyên với Thuần Chính Đại vương, là con trai của Lạc thiện Tuy phúc Diên Khánh công vốn thuộc dòng Quốc thích. Hôn lễ của ông bà được Vương mẫu

Thái tôn Thái phi tán đồng và Hy tổ Nhân vương ban cho tiền bạc. Bà sinh được nhiều con trai, con gái đều hiền đạt, như Cồn Quận công Trương Khuông, kết duyên cùng Quỳnh Anh Thái trưởng Công chúa, Diệu Nghĩa tử Trương Diễn, Dực Vũ hầu Trương Tăng, Thị nội cung tần Tài nhân Trương Thị Côn v.v... Khi về già, bà ngộ đạo, xây dựng nên viện Quan Âm để thờ Phật và tổ tiên nội ngoại. Bia ghi những người đóng góp tiền của việc xây dựng viện, những thửa ruộng dùng để thờ phụng.

Hậu tự sự bi

后祀事碑

Kí hiệu: 1929/1930

Thác bản bia xã Hoa Bản huyện Yên Sơn phủ Quốc Oai 國威府安山縣花板社, sưu tầm tại đình xã Phương Bản tổng Bất Lạm phủ Quốc Oai tỉnh Sơn Tây.

Thác bản 2 mặt, khổ 37 x 50 cm, gồm 29 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 600 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 46 (1785).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Bà Lê Thị Đám là người Hải Dương, lấy chồng là Sinh đồ Vũ Nguyễn Dao người bản xã. Khi chồng mất, bà đã cúng 1 mẫu ruộng, 1 thửa ao và 1 khoảnh vườn để gửi giỗ cho chồng và cha mẹ mình. Bia ghi thể lệ cúng giỗ và vị trí, diện tích ruộng cúng.

Nam giáp hậu tự sự bi

南甲后事碑

Kí hiệu: 1931/1932

Thác bản bia xã Hoa Bản huyện Yên Sơn phủ Quốc Oai 國威府安山縣花板社, sưu tầm tại đình xã Phương Bản tổng Bất Lạm phủ Quốc Oai tỉnh Sơn Tây.

Thác bản 2 mặt, khổ 28 x 51 cm, gồm 23 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 600 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 46 (1785).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Năm Ất Mùi, bản giáp tu sửa đình làng, chi phí tốn kém. Bà Lê Thị Đàm là vợ Sinh đồ Vũ Nguyễn Dao đã cúng 25 quan tiền, 1 mẫu ruộng cho giáp nên được bầu làm Hậu thân. Bà lại cúng cho giáp 1 sào đất để dựng đền và 2 sào ruộng để làm Từ đường. Có ghi thể lệ cúng giỗ và vị trí các thửa ruộng cúng.

Tân tạo mãi đình văn khế bi kí

新造買亭文契碑記

Kí hiệu: 1933

Thác bản bia xã Hoa Bản huyện Yên Sơn phủ Quốc Oai 國威府安山縣花板社, sưu tầm tại đình xã Phương Bản tổng Bất Lạm phủ Quốc Oai tỉnh Sơn Tây.

Thác bản 1 mặt, khổ 59 x 88 cm, gồm 24 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 550 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Cảnh Trị thứ 1 (1663).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Vì thiếu tiền nộp quan dịch nên giáo phường huyện Yên Sơn phải bán quyền thu tiền trừ cửa đình cho xã Hoa Bản với giá 60 quan tiền. Có giao ước từ nay về sau giáo phường không còn quyền lợi ở cửa đình như trước nữa.

Ghi chú: Thác bản nguyên gộp chung 1 bia với thác bản số 1934.

Tân tạo trùm trưởng tự sự bi kí

新造全長敘事碑記

Kí hiệu: 1934

Thác bản bia xã Hoa Bản huyện Yên Sơn phủ Quốc Oai 國威府安山縣花板社, sưu tầm tại đình xã Phương Bản tổng Bất Lạm phủ Quốc Oai tỉnh Sơn Tây.

Thác bản 1 mặt, khổ 37 x 50 cm, gồm 24 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 600 chữ, có hoa văn, không có chữ huy.

Niên đại: năm Ất Tị.

Niên đại ước đoán: Cảnh Trị thứ 3 (1665) đời Lê Huyền Tông.

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biêu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Lão nhiều Nguyễn Doãn Lăng cúng 65 quan tiền giúp xã mua cửa đình. Nay việc xong, xã bầu ông làm Trùm trưởng. Sau ông lại cúng thêm 2 mẫu ruộng, dân xã hứa sẽ cúng giỗ vợ chồng ông. Có ghi vị trí, diện tích các thửa ruộng cúng.

Ghi chú: Thác bản nguyên gộp chung 1 bia với thác bản số 1933.

Hoa Nghiêm tự

華嚴寺

Kí hiệu: 1935

Thác bản bia xã Hoa Bản 花板社, sưu tầm tại chùa Hoa Nghiêm chùa Hoa Nghiêm.

Thác bản 1 mặt, khổ 65 x 92 cm, gồm 21 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 700 chữ, có hoa văn, không có chữ huy.

Niên đại: Diên Thành thứ 1 (1578).

Người soạn: Nguyễn Quang Tiến 阮光進; quê quán: xã Vĩnh Thế huyện Siêu Loại.

Người khắc: Ngô Phúc 吳福.

Chủ đề: Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Xã Hoa Bản có địa thế rất đẹp, có núi Phật Tích nổi tiếng, có chùa Hoa Nghiêm tráng lệ. Trải qua mưa gió chùa đã bị đổ nát. Năm Đinh Sửu (1577) bản giáp đứng ra quyên góp sửa chữa chùa. Nay việc xong, dựng bia ghi họ tên những người công đức.

Dịch thể lưu hương/Hậu thần bi kí

奕世留香/后神碑記

Kí hiệu: 1936/1937

Thác bản bia xã Thổ Ngôã huyện Yên Sơn phủ Quốc Oai 國威府安山縣土瓦社, sưu tầm tại đình xã Thổ Ngôã tổng Tiên Lữ phủ Quốc Oai tỉnh Sơn Tây.

Thác bản 2 mặt, khổ 45 x 95 cm, gồm 31 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 1100 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Canh Hưng thứ 41, Canh Tí (1780).

Người soạn: họ Lê 黎; học vị: Giải nguyên.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Vợ chồng ông Thiêm sự Hoàng Nguyễn Tuyển, tước Tuyển Trung hầu đã xuất 500 bát gạo, 100 quan tiền giúp dân áp lúc đói kém. Sau ông lại cấp cho xã 3 mẫu 5 sào ruộng để tu sửa đình và 100 quan dùng lo phụng sự. Vì vậy dân toàn ấp bầu vợ chồng ông làm Hậu thần, hàng năm cúng giỗ theo quy định ghi trong bia. Có bài minh.

Tân tạo bi kí các bức đẳng từ

新造碑記各幅等詞

Kí hiệu: 1938/1939

Thác bản bia thôn Thổ Ngôã xã Tiên Lữ huyện Yên Sơn phủ Quốc

Oai 國威府安山縣先仙侶社土瓦村, suru tâm tại đình xã Thổ Ngõa
tổng Tiên Lữ phủ Quốc Oai tỉnh Sơn Tây.

Thác bản 2 mặt, khổ 78 x 135 cm, gồm 63 dòng chữ Hán và Nôm,
toàn văn ước khoảng 2700 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Thịnh Đức thứ 5 (1657).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Ba văn bản liên quan đến việc tranh chấp địa giới giữa xã Sơn Lộ và
xã Tiên Lữ. Xã Sơn Lộ vu khống thôn Thổ Ngõa (xã Tiên Lữ) tranh
chấp xứ Đê Đốt và chân núi Mai. Xã Sơn Lộ đã dứt lốt quan, nên
thắng kiện. Nhưng khi điều tra văn tự ruộng đất thì xã Sơn Lộ
không có quyền sở hữu đất này và bị phạt. Nay dựng bia ghi lại để
tránh sự tranh chấp về sau.

Hậu hiền bi kí/Lưu truyền vạn đại

後賢碑記/留傳萬代

Kí hiệu: 1940/1941

Thác bản bia thôn Sơn xã Long Châu huyện Yên Sơn phủ Quốc Oai
國威府安山縣龍珠社山村, suru tâm tại văn chỉ thôn Sơn xã Long
Châu tổng Bát Lạm phủ Quốc Oai tỉnh Sơn Tây.

Thác bản 2 mặt, khổ 33 x 60 cm, gồm 21 dòng chữ Hán và Nôm, toàn
văn ước khoảng 400 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 39 (1778).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Vợ chồng Phủ sinh Nguyễn Phúc Đĩnh cúng 5 sào ruộng, 11 quan tiền
cho thôn, và Phủ sinh Nguyễn Phúc Tiến cúng 3 sào ruộng và 6
quan tiền. Quan viên hương lão, sắc mục thuận tình tôn bàu 2 ông

làm Hậu hiền và dựng bia ở văn chỉ đề ghi công đức 2 ông, hàng năm thờ cúng theo quy định.

Vô Vi tự bi

無爲寺碑

Kí hiệu: 1942

Thác bản bia thôn Sơn xã Từ Trầm huyện Ninh Sơn phủ Quốc Oai
國威府寧山縣紫沉社山村, sưu tầm tại chùa Vô Vi thôn Sơn xã
Long Châu tổng Bát Lạm phủ Quốc Oai tỉnh Sơn Tây.

Thác bản 1 mặt, khổ 60 x 75 cm, gồm 25 dòng chữ Hán, toàn văn ước
khoảng 450 chữ, có hoa văn, không có chữ hý.

Niên đại: Hồng Thuận thứ 7 (1515).

Người soạn: Đỗ Toàn Nhân 杜全仁.

Người viết chữ: Trương Văn Hải 張文諧; học vị: Sinh đồ.

Người khắc: Ngô Tông Thuần 吳宗淳 và Trần Nhân Lý 陳仁理.

Chủ đề: - Lịch sử di tích.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Bia ghi sự tích chùa Vô Vi. Ngày xưa, Vô Vi đại sĩ cùng vợ bỏ tiền
xây chùa trên núi để tu hành và mất ở đây, nhân đó gọi là chùa Vô
Vi. Trải qua chiến tranh ở các triều Trần, Hồ, chùa dần dần trở nên
hoang vu điêu tàn. Đến nay ơn nhờ Thánh Thiên tử trung hưng đất
nước, chùa được khôi phục trở lại quy mô to lớn hơn, trên tầng núi
thứ nhất dựng 10 cái am nhỏ, tầng núi thứ hai cất ngôi điện lớn. Bia
ca ngợi cảnh đẹp của chùa và ghi tên những thiện tín đã góp công
của để tu sửa chùa.

Hậu hiền bi kí/Lưu truyền vạn đại

後賢碑記/流傳萬代

Kí hiệu: 1943/1944

Thác bản bia sưu tầm tại văn chỉ thôn Sơn xã Long Châu tổng Bát
Lạm phủ Quốc Oai tỉnh Sơn Tây.

Thác bản 2 mặt, khổ 56 x 96 cm, gồm 47 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 1200 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Cảnh Thịnh thứ 9 (1748).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Ghi việc các kỳ lão, sắc mục và người trong các họ, mỗi người đóng góp 5 quan tiền để sửa văn chỉ và 1 sào ruộng làm ruộng hương hỏa. Bìa ghi danh sách những người được tôn bầu làm Hậu hiền được thờ cúng ở văn chỉ và các khoản đóng góp tiền, ruộng.

Tân tạo mãi đình bi kí

新造買亭碑記

Kí hiệu: 1945

Thác bản bia huyện Yên Sơn phủ Quốc Oai 國威府安山縣, suru tầm tại đình thôn Sơn xã Long Châu tổng Bất Lạm phủ Quốc Oai tỉnh Sơn Tây.

Thác bản 1 mặt, khổ 42 x 90 cm, gồm 14 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 400 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Cảnh Trị thứ 1 (1663).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Bản văn khắc ghi việc hai giáp Thượng và Hạ của các xã Lạp Thượng, Cù Sơn, Tiên Lữ thuộc Ty giáo phường huyện Yên Sơn, vì lo việc quan, nên phải bán quyền lợi sở hữu của đình cho xã Từ Trầm. Sau khi bán, giáo phường không được hưởng quyền lợi cũ. Họ tên những người kí nhận của cả hai bên.

Sơn thôn minh điền/Giới bạ lưu truyền/Vạn đại vi cứ

山村銘田/界簿留傳/萬代爲據 Kí hiệu: 1946/1947/1948

Thác bản bia thôn Sơn xã Từ Trầm huyện Yên Sơn phủ Quốc Oai 國威府安山縣紫沉社山村, suru tâm tại thôn Sơn xã Long Châu tổng Bát Lạm phủ Quốc Oai tỉnh Sơn Tây.

Thác bản 3 mặt, khô 42 x 90 cm, gồm 55 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 1800 chữ, không có hoa văn, có chữ húy: Đề 題.

Niên đại: Vĩnh Thịnh thứ 2 (1706).

Người soạn: Nguyễn Thiện Sĩ 阮善士; quê quán: Hoan Châu xứ Nghệ An; học vị: Giám sinh.

Chủ đề: - Công văn triều đình (sắc, lệnh, chỉ dụ).
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Năm Vĩnh Thịnh 2, dân thôn Sơn xã Từ Trầm nhân thắng kiện trong vụ xã Hoa Bản đầu đơn kiện thôn này tranh cướp đất đai khu thung lũng núi Từ Trầm vào năm Đức Nguyên, bèn dựng bia khắc lại các văn bản xét xử của nha môn để ghi lại sự việc và khẳng định ranh giới địa phận đất đai của thôn lưu truyền lại lâu dài. Có 4 văn bản xét xử của nha môn các cấp: 1) Văn bản xét xử của nha môn huyện Yên Sơn đề năm Đức Nguyên thứ 2 (1675), cho biết dân xã Hoa Bản đệ đơn kiện thôn Sơn xã Từ Trầm cây đồng kéo đến ầu đả, phá hoại hoa màu để tranh giành khu đất thung lũng nguyên của xã mình trồng trọt từ triều trước; phía bị cáo là thôn Sơn cũng trình đơn nói đó là phần đất của thôn bị xã Hoa Bản tranh chiếm. Huyện quan đến thực địa tra khám, lại tra trong sổ Tu tri có ghi xã Hoa Bản có 1 khu đất thung lũng, từ đó xét xử giữ nguyên tình trạng hiện tại, xã Hoa Bản và thôn Sơn đều có 1 phần đất ở khu thung lũng; 2) Văn bản xét xử của nha môn phủ Quốc Oai đề năm Vĩnh Trị 1 (1676) cho rằng phán xử của huyện Yên Sơn là có phần chưa đúng lý. Xét thấy trong sổ Tu tri tuy có ghi xã Hoa Bản có đất thung lũng nhưng trên bia chùa Vô Vi ở thung lũng này lại không ghi tên xã, từ đó phán xét xã Hoa Bản phải trả lại cho thôn Sơn những thửa ruộng xung quanh thung lũng, chỉ được sở hữu một khoảng đất xứ Thông

Buổi ở cửa thung lũng mà thôi; 3) Văn bản xét xử của nha môn Thừa chính sứ ty xứ Sơn Tây phán rằng chứng lí trong sổ Tu tri sự thực là dân thôn Sơn trái các đời thuộc tiền triều đã lập nghiệp sinh sống ở chân núi và đã hình thành tên gọi của thôn là “Sơn thôn”, từ đó phán xử toàn bộ khu đất thung lũng là thuộc địa phận thôn Sơn. Tuy vậy xã Hoa Bản chưa phục, còn cố xin cho dân thôn Sơn phải đến đền Tam Linh cắt máu thề nguyên, trong vòng 100 ngày nếu trong thôn này không có ai bị chết thì họ mới chịu trả đất. Thôn Sơn bằng lòng đến đền thề nguyên, quá hạn không ai bị chết. Vì vậy nha môn xứ Sơn Tây quyết định phía thôn Sơn thắng kiện, phía xã Hoa Bản phải trả lại số đất lấn chiếm và không được tranh giành kiện tụng nữa; 4) Văn bản của xứ Sơn Tây (văn bản này trên thác bản còn dở dang, không rõ niên đại và chưa rõ xét xử thế nào).

Ghi chú: Trong nội dung có ghi rõ bia có 4 mặt, nhưng trên thác bản chỉ có 3 mặt, chứng tỏ thác bản còn thiếu 1 mặt chưa in dập.

Mãi đình môn lệ/Chiếu lai bi kí

買亭門例/照來碑記

Kí hiệu: 1949/1952

Thác bản bia thôn Sơn xã Long Châu huyện Yên Sơn phủ Quốc Oai
國威府安山縣龍珠社山村, sưu tầm tại đình thôn Sơn xã Long
Châu tổng Bất Lạm phủ Quốc Oai.

Thác bản 2 mặt, khổ 35 x 90 cm, gồm 22 dòng chữ Hán và Nôm, toàn
văn ước khoảng 700 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 44 (1783).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Bia khắc các văn bản liên quan của thôn Sơn thuộc các thời kỳ khác
nhau, gồm 3 văn khế của 3 lần bán quyền thu tiền trò ở cửa đình
thôn Lãm Sơn của giáo phường xã Thổ Ngõa cho thôn Sơn xã Long
Châu vào các năm Cảnh Hưng 21, Cảnh Hưng 39 và Cảnh Hưng 44.

Ghi chú: Theo ghi chú sưu tầm, hai thác bản này nguyên cùng gộp chung với thác bản số 1950 và 1951.

Sơn thôn sự tích/Vạn đại lưu truyền

山村事跡/萬代流傳

Kí hiệu: 1950/1951

Thác bản bìa xã Thổ Ngõa huyện Yên Sơn phủ Quốc Oai 國威府安山縣土瓦社, sưu tầm tại thôn Sơn xã Long Châu tổng Bất Lạm phủ Quốc Oai tỉnh Sơn Tây.

Thác bản 2 mặt, khổ 35 x 90 cm, gồm 30 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 1100 chữ, không có hoa văn, không có chữ hùy.

Niên đại: không ghi.

Niên đại ước đoán: Cảnh Hưng thứ 44 (1783).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Công văn triều đình.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Ba văn bản xét xử của nha môn các cấp về vụ tranh giành địa phận đầm nước giữa thôn Sơn và xã Hoa Bản. Phán quyết của Ty thừa chính sứ xử Sơn Tây đề tháng 4 năm Cảnh Hưng thứ 26 cho biết, ở ranh giới giữa 2 xã Long Châu và xã Hoa Bản có một dòng suối chung. Năm Mậu Thân, quan trên cho đắp con đê đi qua địa phận Long Châu, khi đó có đê 1 khoảnh đất lưu không để thông dòng chảy con suối này. Đến năm Kỉ Dậu đê bị vỡ, nước lũ khoét sâu chỗ đất này thành đầm nước. Quan trên đã khám đạc xác định đó là đầu đất cũ của xã Long Châu. Nhưng khi dân thôn Sơn tới đánh cá trên đầm lại bị dân xã Hoa Bản đến tranh giành, tịch thu chài lưới, nhận bừa đầm nước là của xã mình. Thừa chính ty xem xét phán quyết xã Hoa Bản trái lý, không được phép tranh giành đầm nước của thôn Sơn xã Long Châu. Văn bản của Ngự sử đài đề tháng 9 cùng năm Cảnh Hưng thứ 26 khẳng định lại đầm nước là đất ruộng cũ của thôn Sơn do bị lụt mà hình thành nên huyện quan khi xử lý vụ kiện đã không đi xem xét cụ thể nên đã xử sai, phải phạt 10 quan tiền

nộp kho, bên thua kiện phải hoàn trả lại tiền chi phí theo kiện cho bên thắng kiện. Văn bản của các quan Ngũ phủ đề tháng 7 năm Cảnh Hưng thứ 27 quyết định vụ tranh chấp đầm nước giữa xã Hoa Bản và thôn Sơn phải thực hiện tuân theo phán quyết của Ngự sử đài, bên thua kiện là xã Hoa Bản phải nộp phạt 5 quan tiền cổ.

Ghi chú: Theo ghi chú sưu tầm, hai thác bản này nguyên cùng gộp chung với thác bản số 1949 và 1952.

Thượng Không phật Vô Vi tự bi kí

上空佛無爲寺碑記

Kí hiệu: 1953

Thác bản bia xã Tử Trầm huyện Yên Sơn phủ Quốc Oai 國威府安山縣紫沉社, sưu tầm tại thôn Sơn xã Long Châu tổng Bất Lạm phủ Quốc Oai tỉnh Sơn Tây.

Thác bản 1 mặt, khổ 107 x 117 cm, gồm 17 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 500 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Vĩnh Thịnh thứ 7 (1711).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Ngày xưa Vô Vi đại sĩ đến xây dựng chùa này, tiếp sau có Hiệu úy Tướng quân mở mang quy mô. Nay ông Vũ Nghị, người xã Tê Quả huyện Thanh Oai xuất gia tu hành, trụ trì tại chùa, cho sửa chữa thượng điện, đúc chuông, nhân đó khắc bia lưu truyền.

Cổ tích linh từ bi kí

古跡靈祠碑記

Kí hiệu: 1954

Thác bản bia sưu tầm tại đền xã Long Châu tổng Bất Lạm phủ Quốc Oai tỉnh Sơn Tây.

Thác bản 1 mặt, khổ 80 x 114 cm, gồm 32 dòng chữ Hán, toàn văn

ước khoảng 1100 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Hồng Thuận thứ 2 (1510).

Người soạn: Lê Tung 黎嵩; chức vị: Lễ bộ Thượng thư.

Người viết chữ: Đỗ Như Chi 杜如芝; chức vị: Trung thư xá nhân.

Người khắc: Bùi Nhữ Dịch 裴汝驛.

Chủ đề: - Lịch sử di tích.
- Sự tích, thần phả.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Chép sự tích linh ứng của đền thờ Cao Sơn Đại vương. Hồi ấy, nước có biến, vua Lê Tương Dực phải chạy vào Tây Đô. Bọn Nguyễn Bá Lân đem quân đi đánh giặc, vào miếu thờ Cao Sơn Đại vương cầu đảo, quả nhiên được thần giúp thắng trận. Sau khi về triều đem việc tâu lên, vua sắc cho làm đền thờ to rộng và sắc phong làm Đại vương. Có bài minh.

Lý đoán bi kí

理斷碑記

Kí hiệu: 1955/1956/1958

Thác bản bia suru tâm tại xã Sơn Lộ tổng Tiên Lữ phủ Quốc Oai tỉnh Sơn Tây.

Thác bản 3 mặt, khổ 50 x 90 cm, gồm 38 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 1000 chữ, có hoa văn, có chữ húy: Đề 題.

Niên đại: Chính Hòa thứ 8 (1687).

Người soạn: Nguyễn Phương Xuân 阮芳春; chức vị: Đề đốc.

Chủ đề: - Công văn triều đình (sắc, lệnh, chỉ dụ).
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Văn bản xét xử của nha môn phủ Quốc Oai về vụ tranh giành bãi đất bồi giữa sông, đề tháng 8 năm Chính Hòa thứ 8. Dân xã Sơn Lộ vẫn canh tác 4 mẫu đất bồi ở giữa sông, sau bị xã Yên Nội tranh giành.

Dân xã bèn kiện lên quan, quan xử cho xã Sơn Lộ được kiện, xã Yên Nội phải bồi thường. Nay dân xã lập bia ghi lại sự việc và lời xử của quan để lưu truyền.

Ghi chú: Ba thác bản này theo ghi chú sưu tầm nguyên gộp chung thành 1 bia với thác bản số 1957.

Trùm trưởng bi kí

全長碑記

Kí hiệu: 1957

Thác bản bia xã Sơn Lộ 山路社, sưu tầm tại đình xã Sơn Lộ tổng Tiên Lữ phủ Quốc Oai tỉnh Sơn Tây.

Thác bản 1 mặt, khổ 50 x 90 cm, gồm 25 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 800 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Chính Hòa thứ 9 (1688).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Hành trạng, công tích nhân vật.
- Sinh hoạt làng xã.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Năm Đinh Mão (1687), bốn ông Nguyễn Ngọc Bệ, Nguyễn Công Triều, Nguyễn Viết Thọ và Nguyễn Ứng Tài vì có tài đức được dân xã bầu làm Trùm trưởng và hứa sẽ cúng giỗ sau này. Sau mỗi ông cúng cho xã 100 quan tiền. Nay dựng bia để lưu truyền. Phần cuối bia ghi về sự kiện tranh giành bãi sông với xã Yên Nội. Có bài minh.

Ghi chú: Thác bản này theo ghi chú sưu tầm nguyên gộp chung với 3 thác bản có liên quan số 1955/1956/1958.

Ngự đề Nhạc Lâm tự thi

御題樂林寺詩

Kí hiệu: 1959

Thác bản bia sưu tầm tại chùa xã Sơn Lộ tổng Tiên Lữ phủ Quốc Oai

tỉnh Sơn Tây.

Thác bản 1 mặt, khổ 45 x 55 cm, gồm 7 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 72 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Vĩnh Thịnh thứ 13 (1717).

Người soạn: vua Lê Dụ Tông.

Chủ đề: Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Bài thơ Nôm thất ngôn bát cú của vua Lê (Dụ Tông) vịnh cảnh chùa Nhạc Lâm.

Sùng kiến tam quan xế biển kí

崇建三關砌扁記

Kí hiệu: 1960

Thác bản bia xã Sơn Lộ huyện Yên Sơn phủ Quốc Oai 國威府安山縣山路社, sưu tầm tại chùa Nhạc Lâm xã Sơn Lộ tổng Tiên Lữ phủ Quốc Oai tỉnh Sơn Tây.

Thác bản 1 mặt, khổ 55 x 90 cm, gồm 35 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 650 chữ, không có hoa văn, có chữ hủy: Cửu 𡗗.

Niên đại: Chính Hòa thứ 19 (1698).

Người soạn và viết chữ: họ Đinh; quê quán: Thượng Phúc, Thường Tín, Sơn Nam; chức vị: nhà sư chùa Nhạc Lâm.

Chủ đề: - Lịch sử di tích.
- Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Biên xây ghi sự việc năm Đinh Sửu (1697) nhà sư Đinh Chân khởi xướng xây dựng cổng tam quan chùa Nhạc Lâm. Ghi tên những người tham gia đóng góp tiền của công đức.

Tu sáng hoa đình bi kí

修創花亭碑記

Kí hiệu: 1961

Văn bản bia xã Sơn Lộ tổng Tiên Lữ huyện Yên Sơn phủ Quốc Oai 國威府安山縣仙侶總山路社, sưu tầm tại đình xã Sơn Lộ tổng Tiên Lữ phủ Quốc Oai tỉnh Sơn Tây.

Văn bản 1 mặt, khổ 67 x 97 cm, gồm 22 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 650 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Dương Đức thứ 3 (1674).

Người soạn: Trần Tứ Vinh 陳賜榮; học vị: Giám sinh.

Người viết chữ: Nguyễn Tiến Hiền 阮進賢; chức vị: Chánh tổng tổng Sơn Lộ.

Chủ đề: - Sinh hoạt làng xã.
- Xây dựng, trùng tu di tích.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Ca ngợi cảnh đất nước thái bình thịnh trị, quê hương đẹp đẽ. Dân làng chọn ngày tốt sửa chữa lại đình cho khang trang rộng rãi, sau đó lập ban ca xướng để hát xướng trong những ngày cúng tế thần. Có bài minh.

Ghi chú: Đây là văn bản chép tay, không phải thạc bản.

Lập khoán xướng nhi kí

立券唱兒記

Kí hiệu: 1962

Thác bản bia xã Tiên Lữ huyện Yên Sơn phủ Quốc Oai 國威府安山縣仙侶社, sưu tầm tại đình xã Sơn Lộ tổng Tiên Lữ phủ Quốc Oai tỉnh Sơn Tây.

Thác bản 1 mặt, khổ 80 x 122 cm, gồm 18 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 800 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Dương Đức thứ 1 (1672).

Người soạn: Nguyễn Sĩ Đình 阮仕廷.

Người soạn: Nguyễn Thế Tượng 阮世象.

Chủ đề: Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Văn tự bán quyền lợi hát cửa đình của giáo phường huyện Yên Sơn cho xã Sơn Lộ. Giáo phường huyện Yên Sơn vì thiếu tiền quan dịch nên phải bán quyền lợi hát cửa đình với giá 174 quan. Giao ước sau khi bán, giáo phường không được đòi hỏi quyền lợi. Có họ tên bên mua và bên bán.

Vực quán tích lưu bi kí

域館跡留碑記

Kí hiệu: 1963

Thác bản bia xã Sơn Lộ huyện Yên Sơn phủ Quốc Oai 國威府安山縣山路社, sưu tầm tại chùa Nhặt Lâm xã Sơn Lộ tổng Tiên Lữ phủ Quốc Oai tỉnh Sơn Tây.

Thác bản 1 mặt, khổ 65 x 106 cm, gồm 39 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 1400 chữ, có hoa văn, có chữ húy: Cửu 兪.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 29 (1768).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Dân các xã địa phương như Hoa Bản, Long Châu, An Quán xây ngôi quán Vực trên đường để khách bộ hành nghỉ chân. Nay việc xong, lập bia đá ghi họ tên những người công đức để lưu truyền mãi mãi.

**Tiên Lữ phong Quảng Nghiêm tự ni hiến cúng khối lỗi lệ
diễn kí**

僊侶峰廣嚴寺尼獻供傀儡例田記

Kí hiệu: 1964/1965

Thác bản bia sưu tầm tại chùa Quảng Nghiêm xã Tiên Lữ tổng Tiên Lữ phủ Quốc Oai tỉnh Sơn Tây.

Thác bản 2 mặt, khổ 42 x 62 cm, gồm 16 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 300 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Chiêu Thống thứ 1 (1787).

Người soạn: tên tự Tính Côn, tên hiệu: Hòa Nam; quê quán: xã Đông Bình huyện Gia Định; nhà sư.

Chủ đề: Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Chùa Quảng Nghiêm từ xưa có lệ tổ chức trò múa rối ở hồ sen trước sân chùa. Nhà sư hiệu Tính Côn hiện đang trụ trì ở chùa này, nguyên là Cung tần quê xã Đông Bình huyện Gia Định xuất gia đầu Phật đã 49 năm. Nay bà bỏ tiền ra mua 1 mẫu ruộng cúng cho chùa chi dùng cho hội múa rối để duy trì lâu dài. Có ghi vị trí và diện tích các thửa ruộng cúng.

Viên Dung tháp tự văn

圓融塔序文

Kí hiệu: 1966

Thác bản bia sưu tầm tại chùa Quảng Nghiêm xã Tiên Lữ phủ Quốc Oai tỉnh Sơn Tây.

Thác bản 1 mặt, khổ 42 x 52 cm, gồm 14 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 300 chữ, không có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 33 (1772).

Người soạn: học vị: Tường sinh; quê quán: xã Tiên Lữ.

Chủ đề: Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Ni sư Tính Côn người Gia Định, trụ trì tại chùa núi Tiên Lữ là người dốc lòng tu hành, được bậc Nghiêm sư truyền dạy. Nay Nghiêm sư viên tịch, ni sư dựng tháp để ghi công đức thầy.

[Vô đề]

Kí hiệu: 1967

Thác bản bia sưu tầm tại chùa Quảng Nghiêm xã Tiên Lữ phủ Quốc Oai tỉnh Sơn Tây.

Thác bản 1 mặt, khổ 45 x 57 cm, gồm 16 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 500 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 16 (1755).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Hành trạng, công tích nhân vật.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Tiểu sử của Chân Tĩnh thiền sư hiệu Như Cơ. Bà là con gái vị Bảng nhãn Thượng thư, Quận công họ Phạm [tức Phạm Quang Trạch, Bảng nhãn năm 1683], người xã Đông Ngạc huyện Từ Liêm, từ nhỏ đã dốc lòng mộ đạo. Thiền sư về trụ trì ở chùa Tiên Lữ, viên tịch ngày mùng 8 tháng 2 năm Giáp Tuất (1754). Có 4 câu kệ.

Hậu thần bi kí

后神碑記

Kí hiệu: 1968

Thác bản bia thôn Nội xã Tiên Lữ huyện Yên Sơn phủ Quốc Oai 國威府安山縣仙侶社內村, sưu tầm tại đình xã Tiên Lữ tổng Tiên Lữ phủ Quốc Oai tỉnh Sơn Tây.

Thác bản 1 mặt, khổ 47 x 81 cm, gồm 21 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 800 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Cảnh Thịnh thứ 8 (1800).

Người soạn: Nguyễn Duy Thuần 阮惟醇; quê quán: thôn Nội; chức vị: Hàn lâm Thự Điển hàn; tước Thuần Hậu tử.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Vợ chồng ông Nguyễn Liêm Thắng, là Kiệt trung tướng quân đời Lê, đã nhiều lần cúng tiền và ruộng cho thôn vào các năm Kỷ Hợi, Bính Ngọ, Đinh Mùi. Đến năm Tân Hợi, ông bà lại bỏ ra 60 quan tiền trợ giúp dân làng trong lúc khó khăn, vì thế được dân tôn bầu làm Hậu thần. Năm Kỷ Mùi, ông mất, họ tộc xuất tiền 100 quan và 4 mẫu ruộng, 1 thửa ao cúng cho dân làng để thờ phụng. Có ghi vị trí các thửa ruộng và nghi lễ cúng giỗ.

Quảng Nghiêm tự Hậu phật bi kí

廣嚴寺后佛碑記

Kí hiệu: 1969/1970

Thác bản bia xã Tiên Lữ huyện Yên Sơn phủ Quốc Oai 國威府安山縣仙侶社, sưu tầm tại chùa Quảng Nghiêm xã Tiên Lữ phủ Quốc Oai tỉnh Sơn Tây.

Thác bản 2 mặt, khổ 36 x 60 cm, gồm 39 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 1200 chữ, không có hoa văn, có chữ húy: Cửu 兪.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 29 (1768).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bầu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Hành trạng, công tích nhân vật.

Tóm lược nội dung:

Ni si hiệu Như Cơ vốn là con gái thứ 3 của quan Bảng Nhãn họ Phạm ở làng Đông Ngạc huyện Từ Liêm, từ lúc trẻ tuổi đã có nhan sắc, nhưng không chịu xuất giá. Năm 23 tuổi bà quy y làm ni cô chùa Hạ Lôi, chăm chỉ tu hành đạo pháp, trải trụ trì các chùa Khả Viên, Nguyệt Thắng, Phật Tích rồi về trụ trì chùa Quảng Nghiêm. Tại đây bà đã có công đúc chuông, tạc tượng, tu sửa chùa. Năm 57 tuổi bà đăng côi niết bàn ở chùa. Đồ đệ của bà là ni sư Tính Côn người xã Đông Bình huyện Gia Định kế tục thay trụ trì chùa. Bà quyên góp cho xã 400 quan tiền và 11 mẫu ruộng để dân xã tôn bầu phụng thờ Tì khuru ni hiệu Như Cơ làm Hậu phật. Bia chép nguyên văn đơn bầu hậu, thể lệ cúng giỗ và vị trí các thửa ruộng cúng.

Bản thôn tân tạo thạch bi/Lập khoán ước sự

本村新造石碑/立券約事

Kí hiệu: 1971/1972

Thác bản bia thôn Nội xã Tiên Lữ huyện Yên Sơn phủ Quốc Oai 國威府安山縣仙侶社內村, sưu tầm tại đình xã Tiên Lữ tổng Tiên Lữ phủ Quốc Oai tỉnh Sơn Tây.

Thác bản 2 mặt, khổ 42 x 61 cm, gồm 31 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 450 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Thịnh Đức thứ 4 (1656).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Chức dịch, hương lão thôn Nội họp bàn, giao ước các điều khoản về lệ biếu cỗ bàn, rượu thịt cho các chức sắc trong làng vào các dịp lễ tiết trong năm.

Thạch bi khoán ước

石碑券約

Kí hiệu: 1973/1974

Thác bản bia xã Tiên Lữ huyện Yên Sơn phủ Quốc Oai đạo Sơn Tây 山西道國威府安山縣仙侶社, sưu tầm tại đình xã Tiên Lữ tổng Tiên Lữ huyện Quốc Oai tỉnh Sơn Tây.

Thác bản 2 mặt, khổ 60 x 80 cm, gồm 28 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 700 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Thịnh Đức thứ 6 (1658).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Sinh hoạt làng xã.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Quan viên, hương lão xã Tiên Lữ họp bàn qui ước các điều khoản về lệ hương âm. Có bài ca Nôm biền ngẫu được khắc thêm vào năm Mậu Tuất ở mặt sau.

Quảng Nghiêm tự bi kí/Tập phúc thắng hội kinh điển

廣嚴寺碑記/集福勝會經典

Kí hiệu: 1975/1976

Thác bản bia xã Tiên Lữ huyện Yên Sơn phủ Quốc Oai đạo Sơn Tây
山西道國威府安山縣仙侶社, sưu tầm tại chùa Quảng Nghiêm xã
Tiên Lữ tổng Tiên Lữ huyện Quốc Oai tỉnh Sơn Tây.

Thác bản 2 mặt, khổ 74 x 127 cm, gồm 59 dòng chữ Hán, toàn văn
ước khoảng 2300 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Hoảng Định thứ 4 (1603).

Người soạn: Đỗ Lạc Nghĩa 杜樂義, chức vị: Giảng dụ.

Người viết chữ: Đỗ Quang Đăng 杜光登.

Chủ đề: - Xây dựng, trùng tu di tích.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Chùa Quảng Nghiêm là danh lam thắng cảnh của đất Sơn Tây. Năm
Đinh Sửu (1601) thiện tín ở các xã trong huyện bỏ tiền ra tu tạo như
mới. Ghi họ tên những người có công đóng góp. Có bài minh.

Thạch bi mại đình/Lưu truyền vạn đại

石碑賣亭/留傳萬代

Kí hiệu: 1977/1978

Thác bản bia xã Tiên Lữ huyện Yên Sơn phủ Quốc Oai 國威府安山
縣仙侶社, sưu tầm tại đình xã Tiên Lữ phủ Quốc Oai tỉnh Sơn Tây.

Thác bản 2 mặt, khổ 80 x 100 cm, gồm 50 dòng chữ Hán và Nôm,
toàn văn ước khoảng 1200 chữ, có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Cảnh Trị thứ 1 (1663).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Giáo phường huyện Yên Sơn vì thiếu tiền lo việc quan nên phải bán
quyền lợi hát cửa đình cho sắc mục thôn Ngoại xã Tiên Lữ với giá

80 quan tiền. Có ghi rõ giao ước, sau khi bán cửa đình, giáo phường không được ngăn cản giáo phường khác đến hát. Ghi họ tên những người làm văn khế.

Tân tạo bi tạc văn khế/Bản thôn vĩnh thủy vạn đại

新造碑鑿文契/本村永垂萬代 Kí hiệu: 1979/1980

Thác bản bia xã Tiên Lữ huyện Yên Sơn phủ Quốc Oai 國威府安山縣仙侶社, sưu tầm tại đình xã Tiên Lữ phủ Quốc Oai tỉnh Sơn Tây.

Thác bản 2 mặt, khổ 73 x 110 cm, gồm 35 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 800 chữ, có hoa văn, không có chữ húy.

Niên đại: Thịnh Đức thứ 5 (1657).

Người soạn: Nguyễn Văn Hầu 阮文侯; quê quán: huyện Yên Sơn.

Người viết chữ: Nguyễn Như Minh 阮如明; quê quán: thôn Nội xã Tiên Lữ.

Chủ đề: Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Giáo phường huyện Yên Sơn có quyền lợi ca hát ở cửa đình thôn Nội xã Tiên Lữ. Nay vì thiếu tiền lo việc quan nên phải bán cửa đình cho quan viên và Hương trưởng thôn Nội xã Tiên Lữ với giá 30 quan. Có giao ước, từ nay bên mua có quyền thuê giáo phường khác đến hát, giáo phường cũ không được ngăn cản. Họ tên những người kí giao ước.

Chu tộc từ đường bi kí

朱族祠堂碑記 Kí hiệu: 1981

Thác bản bia thôn Thị xã Phù Lưu huyện Đông Ngàn phủ Từ Sơn 慈山府東岸縣芙蓀社市村, sưu tầm tại đình thôn Thị xã Phù Lưu huyện Đông Ngàn phủ Từ Sơn tỉnh Bắc Ninh.

Thác bản 1 mặt, khổ 50 x 95 cm, gồm 19 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 600 chữ, không có hoa văn, có chữ húy: Cửu 𠂔.

Niên đại: Chiêu Thống thứ 1 (1787).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

Tóm lược nội dung:

Năm Đinh Mùi bản thôn thiếu tiền nộp thuế, bà Chu Thị Huyền bỏ ra 120 quan tiền đóng thuế giúp dân, dân làng bầu vợ chồng bà làm hậu. Bà lại bỏ ra 2 mẫu ruộng làm ruộng hương hỏa để dân làng cúng giỗ vợ chồng bà sau khi mất. Bia ghi giao ước bầu hậu, họ tên những người kí bầu và vị trí, diện tích các thửa ruộng cúng.

Nguyễn lệnh công bi kí/Vi lập khoán ước văn/

Tế điền định thức lệ

阮令公碑記/爲立券約文/祭田定式例

Kí hiệu: 1982/1983/1984/1985

Thác bản bia sưu tầm tại từ đường họ Nguyễn thôn Thị xã Phù Lưu huyện Đông Ngàn phủ Từ Sơn tỉnh Bắc Ninh.

Thác bản 4 mặt, khổ 40 x 100 cm, gồm 43 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 1200 chữ, không có hoa văn, có chữ húy: Cửu 𡗗, Đề 𡗗.

Niên đại: Chính Hòa thứ 9 (1688).

Người soạn: Nguyễn Kiên Điều 阮堅調; chức vị: Đô đốc Thiêm sự; tước Diêu Quận công.

Người viết chữ: Trần Minh Cương 陳明剛; quê quán: xã Từ Đô huyện Tiên Minh; học vị: đồ Thư toán khoa Ất Mão; chức vị: Thị nội Thư tả; tước Duệ Cơ nam.

Người viết chữ: Nguyễn Duy Tiên và Nguyễn Duy Nhân; quê quán: xã An Hoạch huyện Đông Sơn.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.

- Hành trạng, công tích nhân vật.

Tóm lược nội dung:

Tác giả là Diên Quân công Nguyễn Kiên Điều tự thuật lại cuộc đời mình. Từ nhỏ ông được vào hầu chúa, sau làm quan đến Phụ quốc Thượng tướng quân, tước công. Nghĩ mình được hưởng phúc lớn của tổ tiên, ông mua ruộng, vườn, ao làm ruộng hương hỏa để lại cho con cháu cùng giỗ tổ tiên cả bên nội, bên ngoại lâu dài. Bìa ghi vị trí, diện tích các thửa ruộng tể.

Nguyễn gia từ chỉ bi kí/Vì cộng lập khoán ước tể văn/

Tể vật nghi tiết sự lệ/Tể điền sở định thức lệ

阮家祠址碑記/爲共立券約文/祭物儀節事例/

祭田所定式例

Kí hiệu: 1986/1987/1988/1989

Thác bản bìa thôn Thị xã Phù Lưu huyện Đông Ngàn phủ Từ Sơn 慈山府東岸縣芙蓉社市村, sưu tầm tại từ đường họ Nguyễn thôn Thị xã Phù Lưu huyện Đông Ngàn phủ Từ Sơn, Bắc Ninh.

Thác bản 4 mặt, khổ 40 x 100 cm, gồm 53 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 1200 chữ, không có hoa văn, có chữ húy: Cửu 𣥂.

Niên đại: Chính Hòa thứ 2 (1681).

Người soạn: Thân Toàn 申全; quê quán: xã Phương Đỗ huyện Yên Dũng phủ Lạng Giang; học vị: Tiến sĩ khoa Nhâm Thìn [1652]; chức vị: Lại bộ Tà Thị lang; tước An Giang nam.

Chủ đề: Hành trạng, công tích nhân vật.

Tóm lược nội dung:

Quan Tổng Thái giám Diêu Đường hầu Nguyễn Kiên Điều là người đức vọng, khoan hậu. Ông đã tham gia gánh vác nhiều công việc lớn của làng, xin miễn giám thuế khóa phụ dịch cho dân. Dân xã nhớ ơn ông, lập bia ở sân chùa ghi công đức và nguyện thờ phụng ông lâu dài. Có bản khoán ước và thẻ lệ cúng giỗ hàng năm.

**Chu gia từ chỉ bi kí/Tế vật nghi tiết sự lệ/Định tế điền lệ/
Lập khoán ước văn**

朱家祠址碑記/祭物儀節事例/定祭田例/立券約文

Kí hiệu: 1990/1991/1992/1993

Thác bản bia thôn Thị xã Phù Lưu huyện Đông Ngàn 東岸縣芙蓉社市村, sưu tầm tại đình thôn Thị xã Phù Lưu huyện Đông Ngàn phủ Từ Sơn tỉnh Bắc Ninh.

Thác bản 4 mặt, khô 56 x 94 cm và 27 x 94 cm, gồm 45 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 1500 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 3 (1742).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Hồi năm Canh Thân, Tân Dậu gặp cơn loạn lạc đói kém, vợ chồng viên Tướng sĩ lang Chu Thành Danh bỏ ra 500 quan tiền trợ giúp dân xã, được toàn dân đồng lòng bầu họ làm Hậu thần. Sau đó vợ chồng ông lại bỏ ra 3 mẫu ruộng làm ruộng hương hỏa. Bia ghi khoán ước bàu Hậu, bài văn tế, nghi thức cúng giỗ và vị trí, diện tích các thửa ruộng.

**Pháp Quang quán/Hưng công thủy/Tạo thạch trụ/
Kính thiên đài**

法光觀/興功始/造石柱/敬天臺

Kí hiệu: 1994/1995/1996/1997

Thác bản bia thôn Thị xã Phù Lưu huyện Đông Ngàn phủ Từ Sơn 慈山府東岸縣芙蓉社市村, sưu tầm tại chùa Pháp Quang thôn Thị xã Phù Lưu huyện Đông Ngàn phủ Từ Sơn tỉnh Bắc Ninh.

Thác bản 4 mặt, khổ 25 x 160 cm, gồm 35 dòng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1400 chữ, không có hoa văn, không có chữ hủy.

Niên đại: Chính Hòa thứ 18 (1697).

Người soạn: không ghi.

Người viết chữ: tên tự: Pháp Lưu; nhà sư.

Người khắc: Lê Công Thành 黎公成; quê quán: xã Kinh Chủ huyện Giáp Sơn phủ Kinh Môn; thợ đá.

Chủ đề: Xây dựng, trùng tu di tích.

Tóm lược nội dung:

Vợ chồng ông Hồ Thế Ninh và bà Nguyễn Thị Hốt người thôn Thị xuất tiền cùng các thiện tín dựng cột đá để thắp hương cúng thiên địa ở chùa Pháp Quang. Bia ghi danh sách những người tham gia đóng góp.

[Vô đề]

Kí hiệu: 1998

Thác bản bia xã Đình Bảng huyện Đông Ngàn phủ Từ Sơn 慈山府東岸縣亭榜社, sưu tầm tại chùa Kim Đài xã Đình Bảng tổng Phù Lưu huyện Đông Ngàn phủ Từ Sơn tỉnh Bắc Ninh.

Thác bản 1 mặt, khổ 28 x 45 cm, gồm 8 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 300 chữ, có hoa văn, có chữ hủy: Cửu 巽.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 39 (1778).

Người soạn: không ghi.

Chủ đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.

Tóm lược nội dung:

Bà Đỗ Thị Sô, vợ quan Huy Thọ bá được bản xã bàu làm Hậu phạt năm Quý Hợi, vì bà đã cúng cho bản xã 30 quan tiền và 5 sào ruộng để chi dùng. Năm Mậu Tuất dựng bia lưu truyền. Có ghi vị trí, diện tích thửa ruộng cúng.

Lê điền bi kí

黎田碑記

Kí hiệu: 1999/2000/2001/2002

Thác bản bia thôn Thị xã Phù Lưu tổng Phù Lưu huyện Đông Ngàn phủ Từ Sơn 慈山府東岸縣芙蓉社市村, sưu tầm tại thôn Thị xã Phù Lưu huyện Đông Ngàn phủ Từ Sơn tỉnh Bắc Ninh.

Thác bản 4 mặt, khổ 34 x 73 cm, gồm 40 dòng chữ Hán và Nôm, toàn văn ước khoảng 1300 chữ, không có hoa văn, có chữ húy: Tân 麟.

Niên đại: Cảnh Hưng thứ 25 (1764).

Người soạn: không ghi.

Chú đề: - Bàu Hậu, gửi giỗ, biểu dương việc thiện.
- Sinh hoạt làng xã.
- Thơ văn.

Tóm lược nội dung:

Đình thôn Thị của bản xã lâu ngày bị hư hỏng, vợ chồng ông Lê Xuân Dục bỏ ra 200 quan tiền sử, 2 mẫu ruộng để tu sửa lại. Dân thôn bàu vợ chồng ông làm Hậu thần và lập bia để lưu truyền mãi mãi. Có bài khoán văn lập năm Cảnh Hưng 24, bài văn tế và họ tên các quan viên chức sắc kí vào khoán văn. Có vị trí, diện tích các thửa ruộng cúng.

THƯ MỤC THÁC BẢN VĂN KHẮC HÁN NÔM VIỆT NAM

In 500 cuốn, khổ 16x24 cm, tại Xưởng in Công ty Mỹ Thuật TW. Số 1 Giang Văn Minh - HN
Điện thoại: 04.8462431. Giấy phép xuất bản số 754-2007/CXB/09-119/VHTT, do Nhà xuất
bản Văn hóa Thông tin cấp ngày 17/9/2007. In xong và nộp lưu chiểu quý IV-2007.

Ban chỉ đạo công trình: Trịnh Khắc Mạnh,
Nguyễn Văn Nguyên, Philippe Papin.

Chủ biên: Trịnh Khắc Mạnh.

Ban hiệu duyệt: Trịnh Khắc Mạnh, Nguyễn Văn
Nguyên.

Ban thư ký: Phạm Thị Vinh, Nguyễn Hữu Mùi,
Vũ Thị Mai Anh.

Ban biên soạn: Vũ Lan Anh, Trịnh Khắc Mạnh,
Nguyễn Hữu Mùi, Nguyễn Thủy Nga, Nguyễn
Thị Ngân, Nguyễn Văn Nguyên, Đinh Khắc
Thuân, Đào Thái Tôn, Phạm Thị Vinh.

thư mục thác bản văn khắc hán



3008080000024

150,000